

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



1996



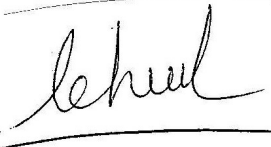




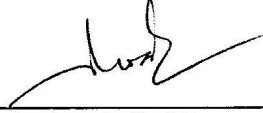


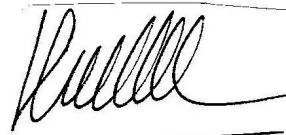


BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại
học của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2018-2022)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2022

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số: 543/QĐ-ĐHL, ngày 21 tháng 5 năm 2021 và 560/QĐ-ĐHL, ngày 01/6/2021 của Quyền Hiệu trưởng trường Đại học Luật TP.HCM)

Stt	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	Trần Hoàng Hải	Q. Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2.	Bùi Xuân Hải	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3.	Vũ Văn Nhiêm	Bí thư Đảng ủy CT Hội đồng trường	Thành viên	
4.	Lê Trường Sơn	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
5.	Vũ Duy Cương	Giám đốc Trung tâm ĐBCL&PPGD	Thư ký	
6.	Lê Văn Hiến	Phó trưởng phòng phụ trách phòng Đào tạo	Thành viên	
7.	Lê Huỳnh Tấn Duy	Thư ký Hội đồng KHĐT	Thành viên	
8.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên	
9.	Phan Lê Hoàng Toàn	Trưởng Phòng Hành chính – Tổng hợp	Thành viên	
10.	Hà Thị Thanh Bình	Trưởng Khoa Luật thương mại	Thành viên	
11.	Đỗ Văn Đại	Trưởng Khoa Luật Dân sự	Thành viên	
12.	Nguyễn Thị Phương Hoa	Trưởng Khoa Luật Hình sự	Thành viên	
13.	Nguyễn Văn Trí	Phó Trưởng Khoa phụ trách Khoa Luật Hành chính – Nhà nước	Thành viên	
14.	Nguyễn Thị Thủy	Phó Trưởng Khoa phụ trách Khoa Quản trị	Thành viên	

Stt	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
15.	Trần Việt Dũng	Trưởng Khoa Luật Quốc tế	Thành viên	
16.	Phan Hoài Nam	Phó Trưởng Khoa Luật Quốc tế	Thành viên	
17.	Lê Thị Thúy Hương	Trưởng phòng Quản lý NCKH&HTQT – Chủ tịch Công đoàn	Thành viên	
18.	Phạm Hoàng Minh	Trưởng phòng QT - TB	Thành viên	
19.	Nguyễn Thành An	PGĐ. Trung tâm QHDN&HTSV	Thành viên	
20.	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên	
21.	Trần Hoàng Nga	GD Trung tâm TTTV	Thành viên	
22.	Lê Thị Hoài An	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng KT-TC	Thành viên	
23.	Vũ Đình Lê	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm tư vấn tuyển sinh	Thành viên	
24.	Đào Quốc Hùng	GD Trung tâm Khảo thí	Thành viên	
25.	Nguyễn Thành Bá Đại	Bí thư Đoàn trường	Thành viên	
26.	Đặng Tất Dũng	GV Khoa Luật Hành chính Nhà nước - Đại diện giảng viên	Thành viên	
27.	Trần Hoàng Gia Nguyên	HS44A – Đại diện sinh viên	Thành viên	

(Danh sách gồm có 27 người).

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	8
TỪ VIẾT TẮT	10
Phần I. HỒ SƠ VỀ TRƯỜNG ĐH LUẬT TP. HCM.....	12
1. Khái quát về Trường.....	12
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường.....	23
3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng Trường	27
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC.....	28
TIÊU CHUẨN 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	28
Tiêu chí 1.1.	28
Tiêu chí 1.2.	31
Tiêu chí 1.3.	35
Tiêu chí 1.4.	36
Tiêu chí 1.5.	37
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1	40
TIÊU CHUẨN 2. Quản trị.....	46
Tiêu chí 2.1.	46
Tiêu chí 2.2.	49
Tiêu chí 2.3.	51
Tiêu chí 2.4.	52
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2	53
TIÊU CHUẨN 3. Lãnh đạo và quản lý.....	58
Tiêu chí 3.1.	58
Tiêu chí 3.2.	59
Tiêu chí 3.3.	60
Tiêu chí 3.4.	62

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3	63
TIÊU CHUẨN 4. Quản trị chiến lược	68
Tiêu chí 4.1.	68
Tiêu chí 4.2.	70
Tiêu chí 4.3.	72
Tiêu chí 4.4.	76
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 4	77
TIÊU CHUẨN 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.....	81
Tiêu chí 5.1.	81
Tiêu chí 5.2.	83
Tiêu chí 5.3.	85
Tiêu chí 5.4.	86
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5	86
TIÊU CHUẨN 6. Quản lý nguồn nhân lực	91
Tiêu chí 6.1.	91
Tiêu chí 6.2.	93
Tiêu chí 6.3.	95
Tiêu chí 6.4.	97
Tiêu chí 6.5.	100
Tiêu chí 6.6.	102
Tiêu chí 6.7.	104
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 6	106
TIÊU CHUẨN 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	113
Tiêu chí 7.1.	113
Tiêu chí 7.2.	121

Tiêu chí 7.3.....	123
Tiêu chí 7.4.....	126
Tiêu chí 7.5.....	128
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 7.....	129
TIÊU CHUẨN 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại.....	133
Tiêu chí 8.1.....	133
Tiêu chí 8.2.....	137
Tiêu chí 8.3.....	140
Tiêu chí 8.4.....	142
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 8.....	145
TIÊU CHUẨN 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.....	154
Tiêu chí 9.1.....	154
Tiêu chí 9.2.....	155
Tiêu chí 9.3.....	158
Tiêu chí 9.4.....	160
Tiêu chí 9.5.....	163
Tiêu chí 9.6.....	164
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 9.....	166
TIÊU CHUẨN 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài.....	168
Tiêu chí 10.1.....	168
Tiêu chí 10.2.....	170
Tiêu chí 10.3.....	172
Tiêu chí 10.4.....	174
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 10.....	176
TIÊU CHUẨN 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.....	178

Tiêu chí 11.1.....	178
Tiêu chí 11.2.....	180
Tiêu chí 11.3.....	182
Tiêu chí 11.4.....	182
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 11	183
TIÊU CHUẨN 12. Nâng cao chất lượng	185
Tiêu chí 12.1.....	185
Tiêu chí 12.2.....	187
Tiêu chí 12.3.....	189
Tiêu chí 12.4.....	190
Tiêu chí 12.5.....	192
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 12	194
TIÊU CHUẨN 13. Tuyển sinh và nhập học	196
Tiêu chí 13.1.....	196
Tiêu chí 13.2.....	200
Tiêu chí 13.3.....	203
Tiêu chí 13.4.....	207
Tiêu chí 13.5.....	209
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 13	214
TIÊU CHUẨN 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	219
Tiêu chí 14.1.....	219
Tiêu chí 14.2.....	221
Tiêu chí 14.3.....	224
Tiêu chí 14.4.....	225
Tiêu chí 14.5.....	228

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 14	231
TIÊU CHUẨN 15. Giảng dạy và học tập	236
Tiêu chí 15.1.	236
Tiêu chí 15.2.	239
Tiêu chí 15.3.	242
Tiêu chí 15.4.	247
Tiêu chí 15.5.	252
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 15	254
TIÊU CHUẨN 16. Đánh giá người học	261
Tiêu chí 16.1.	261
Tiêu Chí 16.2.	269
Tiêu Chí 16.3.	273
Tiêu Chí 16.4.	276
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 16	279
TIÊU CHUẨN 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.....	285
Tiêu chí 17.1.	285
Tiêu chí 17.2.	288
Tiêu chí 17.3.	291
Tiêu chí 17.4.	293
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 17	294
TIÊU CHUẨN 18. Quản lý nghiên cứu khoa học.....	298
Tiêu chí 18.1.	298
Tiêu chí 18.2.	301
Tiêu chí 18.3.	302
Tiêu chí 18.4.	304

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 18	305
TIÊU CHUẨN 19. Quản lý tài sản trí tuệ	312
Tiêu chí 19.1.	312
Tiêu chí 19.2.	315
Tiêu chí 19.3.	318
Tiêu chí 19.4.	321
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 19	323
TIÊU CHUẨN 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	328
Tiêu chí 20.1.	328
Tiêu chí 20.2.	332
Tiêu chí 20.3.	337
Tiêu chí 20.4.	339
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 20	341
TIÊU CHUẨN 21. Kết nối phục vụ cộng đồng	351
Tiêu chí 21.1.	351
Tiêu chí 21.2.	352
Tiêu chí 21.3.	355
Tiêu chí 21.4.	356
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 21	357
TIÊU CHUẨN 22. Kết quả đào tạo	361
Tiêu chí 22.1.	361
Tiêu chí 22.2.	363
Tiêu chí 22.3.	367
Tiêu chí 22.4.	371
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 22	374

TIÊU CHUẨN 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	377
Tiêu chí 23.1.....	377
Tiêu chí 23.2.....	380
Tiêu chí 23.3.....	381
Tiêu chí 23.4.....	382
Tiêu chí 23.5.....	383
Tiêu chí 23.6.....	386
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 23.....	388
TIÊU CHUẨN 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	403
Tiêu chí 24.1.....	403
Tiêu chí 24.2.....	405
Tiêu chí 24.3.....	406
Tiêu chí 24.4.....	408
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 24.....	409
TIÊU CHUẨN 25. Kết quả tài chính và thị trường	412
Tiêu chí 25.1.....	412
Tiêu chí 25.2.....	416
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 25.....	423
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	426
PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG	432
PHỤ LỤC 2. Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá	468
PHỤ LỤC 2A. Quyết định bổ sung thành viên hội đồng tự đánh giá	474
PHỤ LỤC 3. Kế hoạch tự đánh giá	475

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.5.1. Bảng so sánh chiến lược phát triển trường giai đoạn 2014-2020 tầm nhìn đến năm 2025 và giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045	37
Bảng 7.1.1 Cấu trúc nguồn thu của nhà trường từ năm 2017-2021 sau rà soát, đánh giá thực hiện kế hoạch hằng năm	114
Bảng 7.1.2 Cấu trúc chi của nhà trường từ năm 2017-2021 sau rà soát, đánh giá thực hiện kế hoạch hằng năm	118
Bảng 7.1.3 Cấu trúc nguồn thu của nhà trường từ năm 2017-2021 sau rà soát, đánh giá thực hiện kế hoạch hằng năm (Đơn vị tính: triệu đồng).....	120
Bảng 7.2.1 Thống kê nhu cầu đầu tư cho CSVC và cơ sở hạ tầng, phương tiện dạy và học, trang thiết bị phục vụ NCKH và các hoạt động khác của CSGD cho 5 năm chu kỳ đánh giá (dựa trên dự toán hàng năm).....	122
Bảng 7.3.1. Hệ thống CNTT hiện nay của Trường ĐH Luật Tp.HCM.	124
Bảng 8.4.1 Thống kê số lượng đoàn ra nước ngoài từ năm 2017-2020	143
Bảng 8.4.2 Thống kê số lượng đoàn ra nước ngoài từ năm 2017-2020	144
Bảng 10.2.1. Thống kê các đợt tập huấn tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ về công tác ĐBCL (từ năm 2017 – 2022).....	171
Bảng 13.5.1 Tỷ lệ % của mỗi tiêu chí trong điểm trúng tuyển	210
Bảng 13.5.2 Tỷ lệ % cho các thí sinh thuộc diện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng	211
Bảng 20.2.1 Thống kê số lượng đoàn ra, đoàn vào trong chu kỳ đánh giá	333
Bảng 22.1.1. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của Trường ĐH Luật Tp.HCM.....	361
Bảng 22.2.1. Thời gian đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Luật Tp.HCM	363
Bảng 22.2.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV.....	364
Bảng 22.2.2a. Đối với chương trình đào tạo 5 năm.....	364
Bảng 22.2.2b. Đối với chương trình đào tạo 4 năm	365

Bảng 22.2.2c. Đối với chương trình đào tạo 2,5 năm.....	365
Bảng 22.2.3. Đối sánh thời gian tốt nghiệp của Trường ĐH Luật Tp.HCM....	366
Bảng 22.3.1 Bảng khảo sát số lượng người học sau 01 năm tốt nghiệp.....	368
Bảng 22.3.2. Thống kê tỷ lệ có việc làm của SV sau 1 (một) năm tốt nghiệp năm 2017, 2018, 2019 và 2020	368
Bảng 22.3.3. Đối sánh tỷ lệ việc làm của SV tốt nghiệp năm 2018, 2019 và 2020 của một số ngành đào tạo	370
Bảng 25.1.1 Tổng hợp nguồn thu từ hoạt động đào tạo hàng năm của nhà trường từ năm 2017-2021	413
Bảng 25.1.2. Tổng hợp kinh phí chi cho hoạt động NCKH hàng năm của nhà trường từ năm 2017-2021.....	414
Bảng 25.1.3. Bảng tổng hợp kinh phí chi cho hoạt động phục vụ cộng đồng hàng năm của nhà trường từ năm 2017-2021.....	414
Bảng 25.2.1. Tình trạng tốt nghiệp của SV đại học hệ chính quy.....	418
Bảng 25.2.2. Các bài báo khoa học của GV đăng trên tạp chí trong nước và quốc tế (TC 6.7)	419

TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Diễn giải
1.	BGH	Ban giám hiệu
2.	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3.	CDR	Chuẩn đầu ra
4.	CLC	Chất lượng cao
5.	CSVC	Cơ sở vật chất
6.	CTDH	Chương trình dạy học
7.	CTĐT	Chương trình đào tạo
8.	CVHT	Cổ vấn học tập
9.	ĐGCL	Đánh giá chất lượng
10.	ĐV SDLĐ	Đơn vị sử dụng lao động
11.	GV	Giảng viên
12.	HĐ KH&ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường
13.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
14.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
15.	Phòng CTSV	Phòng Công tác SV
16.	Phòng TC-HC	Phòng Tổ chức Hành chính
17.	Phòng QL NCKH&HTQT	Phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế
18.	Phòng QTTB	Phòng Quản trị - Thiết bị

STT	Chữ viết tắt	Diễn giải
19.	Phòng QL HVLVH	Phòng Quản lý hệ vừa làm vừa học
20.	SV	Sinh viên
21.	TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
22.	Trung tâm CNTT	Trung tâm Công nghệ thông tin
23.	Trung tâm Đào tạo CLC&ĐTQT	Trung tâm Đào tạo chất lượng cao và Đào tạo quốc tế
24.	Trung tâm ĐBCL&PPGD	Trung tâm Đảm bảo chất lượng và phương pháp giảng dạy
25.	Trung tâm QHDN&HTSV	Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ SV
26.	Trung tâm TTTTV	Trung tâm Thông tin – Thư viện
27.	Trung tâm TVPL	Trung tâm tư vấn pháp luật
28.	Trung tâm TVTS	Trung tâm tư vấn tuyển sinh
29.	Trường ĐH Luật TP.HCM, Trường, Nhà Trường	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Phần I. HỒ SƠ VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Khái quát về Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

a) Khái quát về lịch sử phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Khái quát về lịch sử phát triển

Trường ĐH Luật Tp.HCM được hình thành từ năm 1976 với tên gọi ban đầu là trường Cán bộ Tư pháp miền Nam. Đến năm 1977, Trường được đổi tên thành Trường Cán bộ Tòa án thuộc Tòa án nhân dân tối cao. Năm 1982, Trường được đổi tên thành Trường Trung học Pháp lý Tp.HCM theo Quyết định số 199-QĐ/ĐT ngày 16 tháng 10 năm 1982 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Năm 1987, Trường mang tên Phân hiệu Đại học Pháp lý Tp.HCM theo Quyết định số 357/CT ngày 25 tháng 12 năm 1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Năm 1993, Trường mang tên Phân hiệu Đại học Luật Tp.HCM theo Quyết định số 368/QĐ-TC ngày 06 tháng 7 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Năm 1996, Trường chính thức mang tên là Trường ĐH Luật Tp.HCM trực thuộc ĐHQG TP.HCM trên cơ sở hợp nhất Phân hiệu Đại học Luật Tp.HCM và Khoa Luật Trường Đại học Tổng hợp Tp.HCM theo Quyết định số 1234/GD&ĐT ngày 30 tháng 3 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Năm 2000, Trường ĐH Luật Tp.HCM tách ra khỏi ĐHQG TP.HCM trở thành một trường độc lập trực thuộc Bộ GD&ĐT theo Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5 Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐTĐHL ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Trường ĐH Luật Tp.HCM đã xác định tầm nhìn (mục tiêu), sứ mạng của Trường như sau:

Tầm nhìn: Trường ĐH Luật Tp.HCM là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học đa ngành, hiện đại, góp phần giải quyết những vấn đề quan trọng trong khoa học, nhất là khoa học pháp lý; có quan hệ quốc tế rộng rãi; giữ vai trò nòng cốt, là chỗ dựa đáng tin cậy trong quan hệ với các cơ sở đào tạo khác, đặc biệt là các cơ sở đào tạo Luật ở các tỉnh phía Nam.

Sứ mạng: Trường ĐH Luật Tp.HCM là trường đại học công lập hàng đầu về đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học, sau đại học; là trung tâm nghiên cứu khoa học, trọng tâm là khoa học pháp lý, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Các giá trị cốt lõi của cơ sở giáo dục: Chất lượng – Sáng tạo – Hội nhập – Trách nhiệm

(1) Chất lượng: đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ chất lượng cao, đáp ứng thị trường lao động trong nước, khu vực và trên thế giới; (2) Sáng tạo: xây dựng lợi thế cạnh tranh thông qua việc không ngừng đổi mới và sáng tạo tri thức trong đào tạo và nghiên cứu khoa học; (3) Hội nhập: quốc tế hóa và hội nhập vào cộng đồng đại học trong khu vực và trên thế giới; (4) Trách nhiệm: trách nhiệm thực hiện nghiêm túc những cam kết về chất lượng đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

Triết lý giáo dục: Sáng tri thức-Vững công minh

Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường theo các giai đoạn phát triển:

Giai đoạn từ năm 1995 trở về trước: Nhà trường đã đào tạo những khóa cử nhân Luật chính quy đại học đầu tiên ở phía Nam nhằm cung cấp cho các địa phương khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật tại các cơ quan tư pháp, cơ quan hành chính nhà nước, các cơ quan của Đảng, đoàn thể. Bên cạnh đó, Nhà trường đã đào tạo nhiều lớp luân huấn và tại chức cho đội ngũ cán bộ đương chức làm việc tại các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Ủy ban nhân dân các cấp... trong đó có nhiều học viên giữ chức vụ cao ở các cơ quan Trung ương và địa phương.

Giai đoạn 1996 – 2006: Thành tích nổi bật của Trường trong giai đoạn này là các loại hình đào tạo và quy mô đào tạo được mở rộng. Nhà trường có nhiều loại hình đào tạo từ chính quy, chuyên tu, mở rộng đến tại chức với nhiều hệ đào tạo như trung cấp, đại học và sau đại học. Từ năm 1996 đến năm 2006 Nhà trường đã đào tạo 4.028 học viên trình độ trung cấp chuyên nghiệp cung cấp nguồn cán bộ cho ngành kiểm sát, đã cấp bằng cử nhân luật cho 11.105 học viên hệ tại chức chủ yếu làm việc trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước, các cơ quan tư pháp, các doanh nghiệp trên địa bàn Tp.HCM đến các tỉnh miền Đông Nam bộ, miền Tây Nam bộ, Tây Nguyên và một số

tỉnh miền Trung từ Đà Nẵng trở vào. Từ năm 2001 đến 2005 Nhà trường đã cấp bằng cho 839 học viên hệ chuyên tu dành cho ngành kiểm sát, từ năm 1996 đến 2006 Nhà trường đã cấp bằng cho 11.105 SV, học viên hệ đại học; quy mô đào tạo của Nhà trường ngày càng mở rộng từ 5.445 SV năm 2000 đến 8.541 SV năm 2006. Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo trong giai đoạn này, Nhà trường đã thành lập 5 khoa đào tạo (khoa Luật Dân sự, khoa Luật Hành chính – Nhà nước, khoa Luật Hình sự, khoa Luật Quốc tế, khoa Luật Thương mại) và một số phòng, trung tâm chức năng trong đó có Tạp chí Khoa học pháp lý. Đội ngũ giảng viên, chuyên viên của Nhà trường không ngừng được gia tăng về số lượng và chất lượng. Nếu năm 1996 Nhà trường chỉ có 62 Giảng viên và 53 chuyên viên, người lao động thì đến năm 2005 đã có 120 giảng viên, 198 chuyên viên, người lao động. Trong quan hệ hợp tác quốc tế, Nhà trường cũng đạt được nhiều bước tiến rõ rệt. Nhà trường đã có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học lớn ở khu vực châu Á, châu Âu, châu Úc và đã cử nhiều thế hệ giảng viên đi học thạc sỹ, tiến sỹ tại các trường đại học ở Hàn Quốc, Nhật Bản, Thụy Điển, Hà Lan, Úc. Hoạt động của Đoàn Thanh niên và Hội SV của Trường cũng đạt được nhiều thành tích nổi bật trong giai đoạn này. Kết quả là Đoàn trường và Hội SV đã lần lượt đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì có nhiều đóng góp trong hoạt động phong trào SV (năm 2001), đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng (năm 2003), đón nhận Lá cờ đầu trong các trường đại học phía Nam (năm 2004). Năm 2000, Nhà trường đã vinh dự được nhận Huân chương lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước.

Giai đoạn 2007 – đến nay: đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của Nhà trường trên nhiều mặt trong đó nổi bật nhất là những thành tích về đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, tổ chức bộ máy– nhân sự, CSVC và hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên và Hội SV. Nếu trong giai đoạn trước, Nhà trường chỉ tập trung đào tạo chuyên ngành Luật thì sang giai đoạn này, Nhà trường đã mạnh dạn phát triển theo hướng đa ngành với việc mở rộng đào tạo các ngành mới ở bậc đại học hệ chính quy như ngành Quản trị - Luật (năm 2009), ngành Quản trị kinh doanh (năm 2011), ngành Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Anh văn pháp lý (năm 2013) và ngành Luật Thương mại quốc tế (năm 2018). Các loại hình đào tạo và quy mô đào tạo của Nhà trường tiếp tục được mở rộng. Bên cạnh hệ cử nhân Luật chính quy văn bằng 1, Nhà trường còn đào tạo hệ cử nhân Luật chính quy văn bằng 2 (từ năm 2008) với số lượng SV tốt nghiệp là 2.728 (tính đến năm 2021); số lượng tuyển sinh hệ chính quy văn bằng 1 bậc đại học

tăng hằng năm (nếu năm 2007 là 1.141 SV thì đến năm 2021 là 2.272 SV). Nhà trường đã đẩy mạnh đào tạo các CTĐT đặc biệt đối với hệ chính quy đại học như Chương trình cử nhân chất lượng cao Ngành Luật, Ngành Quản trị - Luật và Ngành Quản trị kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, đặc biệt là nhu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế. Ở hệ đào tạo sau đại học, Nhà trường đã mở rộng nhiều ngành đào tạo cho trình độ thạc sỹ Luật và tiến sỹ Luật. Nếu như ở giai đoạn trước, Nhà trường chỉ có 3 chuyên ngành đào tạo thạc sỹ và 2 chuyên ngành đào tạo tiến sỹ thì đến giai đoạn này, Nhà trường đã đào tạo 5 chuyên ngành thạc sỹ và 4 chuyên ngành tiến sỹ. Quy mô đào tạo của Nhà trường nhìn chung có xu hướng tăng. Nếu năm 2007, quy mô đào tạo của Trường là 9.787 SV, học viên thì đến năm 2021, quy mô đào tạo của Trường là 11.904 SV, học viên. Về bộ máy tổ chức – nhân sự, Nhà trường đã đạt được nhiều tiến bộ nổi bật. Nhà trường đã có 8 khoa đào tạo (thêm 3 khoa so với giai đoạn trước) và thành lập mới nhiều phòng, trung tâm chức năng trong đó đáng ghi nhận là việc thành lập Trung tâm Đảm bảo chất lượng và phương pháp giảng dạy (năm 2007), Trung tâm Nghiên cứu pháp luật về quyền con người và quyền công dân (năm 2008), Trung tâm Đào tạo ngắn hạn (năm 2007), Trung tâm Học liệu (năm 2008), trung tâm Sở hữu trí tuệ (năm 2015), Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ SV (năm 2016), Trung tâm Tư vấn tuyển sinh (năm 2020), Trung tâm Đào tạo trực tuyến (năm 2020) nâng tổng số phòng, trung tâm của Nhà trường lên con số 23. Đội ngũ giảng viên, chuyên viên của Nhà trường đã tăng lên rất nhiều so với giai đoạn trước. Đến nay đã có gần 395 viên chức, người lao động, trong đó giảng viên là 278, chuyên viên, người lao động là 117. Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống thư viện hiện đại với hạ tầng theo chuẩn các thư viện đại học trên thế giới ở hai cơ sở Nguyễn Tất Thành và Bình Triệu với nguồn học liệu phong phú cùng hệ thống thư viện số không ngừng được cập nhật theo thời gian. Nếu như giai đoạn trước, Nhà trường chưa có bộ giáo trình riêng thì đến giai đoạn này, Nhà trường đã tập trung nguồn lực biên soạn, phát hành bộ giáo trình, tài liệu học tập, sách chuyên khảo và tham khảo đầy đủ, phong phú phục vụ cho nhu cầu giảng dạy, học tập trong Trường và các trường đại học khác có đào tạo luật. Nhà trường đã đầu tư phát triển tạp chí Khoa học pháp lý thành tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam với ấn bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh (từ năm 2020) trên bản giấy và bản điện tử để phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật của Nhà trường và của bạn đọc gần xa. Trong giai đoạn này, Nhà trường đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong quan hệ quốc tế mà điển hình

là việc tổ chức các hội thảo quốc tế hằng năm với quy mô lớn, chất lượng cao, thu hút nhiều chuyên gia nước ngoài có uy tín, có sức ảnh hưởng lớn đến giới học thuật trong nước và quốc tế như các hội thảo quốc tế về biển Đông. Bên cạnh đó Nhà trường còn tổ chức nhiều hội thảo khoa học về góp ý sửa đổi Hiến pháp 1992 và các dự án pháp luật quan trọng khác. Về CSVC, Nhà trường đã đạt được nhiều thành tích nổi bật với việc đưa vào sử dụng khối nhà điều hành làm việc của các đơn vị tại cơ sở Nguyễn Tất Thành (năm 2008) và không ngừng nâng cấp, cải tạo ngày một hiện đại, khang trang hơn; đầu tư xây mới và đưa vào sử dụng khối phòng học – giảng đường, hội trường đa năng, trung tâm Thông tin Thư viện hiện đại tại cơ sở Bình Triệu (năm 2014); tiến hành đền bù, giải phóng mặt bằng, xây mới các khu giảng đường tại cơ sở 3 ở phường Long Phước, Thành phố Thủ Đức. Kế thừa truyền thống tích cực, dấn thân ở giai đoạn trước, trong giai đoạn này, các hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên và Hội SV tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều hoạt động phong phú, năng động của SV trường Luật. Các hoạt động tình nguyện “Mùa hè xanh”, “Xuân yêu thương” tiếp tục được nhiều thế hệ SV đăng ký tham gia với tinh thần nhiệt tình, tích cực, cống hiến, dấn thân và mang lại hiệu quả cao. Chương trình tình nguyện mang đặc trưng riêng của Hội SV Trường là “Tiếp sức Ulaw” từ năm 2016 đến năm 2019 đã hỗ trợ cho hàng ngàn học sinh và phụ huynh tìm chỗ trọ để yên tâm tham dự kỳ thi kiểm tra năng lực của Trường. Với những thành tích nổi bật như đã kể trên, Trường vinh dự đón nhận nhiều Huân chương lao động (hạng Ba năm 2013, hạng Nhất năm 2016), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2011), của Bộ GD&ĐT (năm 2010, năm 2011, năm 2012, năm 2013) và của Ủy ban nhân dân Tp.HCM (năm 2011) trao tặng.

Tổng số khoa/viện, chương trình đào tạo, quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng...

Trường ĐH Luật Tp.HCM có 8 Khoa, gồm: Khoa Khoa học cơ bản: chuyên giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho SV các hệ đào tạo trong Trường; 5 Khoa chuyên ngành Luật chủ yếu giảng dạy SV, học viên ngành luật ở các bậc đào tạo từ cử nhân, thạc sỹ đến tiến sỹ (Khoa Luật Dân sự, Khoa Luật Hành chính – Nhà nước, Khoa Luật Hình sự, Khoa Luật Quốc tế, Khoa Luật Thương mại); Khoa Quản trị chủ yếu giảng dạy SV ngành Quản trị - Luật và Quản trị kinh doanh; Khoa Ngoại ngữ pháp lý chủ yếu giảng dạy SV ngành Ngôn ngữ Anh.

Trường ĐH Luật Tp.HCM có 10 CTĐT trình độ đại học, 05 CTĐT trình độ thạc sĩ và 04 CTĐT trình độ tiến sĩ, trong đó ngành Luật chiếm tỷ trọng nhiều nhất với 04 CTĐT trình độ đại học, 05 CTĐT trình độ thạc sĩ và 04 CTĐT trình độ tiến sĩ.

Đối với trình độ đại học, Nhà trường có các CTĐT sau đây: CTĐT ngành Luật hệ chính quy bằng 1 đại trà, CTĐT ngành Luật hệ chính quy bằng 1 CLC (với 04 chuyên ngành: tăng cường tiếng Pháp, tăng cường tiếng Nhật, Luật thương mại – dân sự - quốc tế, Luật hành chính – tư pháp), CTĐT ngành Luật hệ chính quy bằng 2, CTĐT ngành Luật hệ vừa làm vừa học bằng 1, CTĐT ngành Quản trị - Luật hệ chính quy bằng 1 đại trà, CTĐT ngành Quản trị - Luật hệ chính quy bằng 1 CLC, CTĐT ngành Quản trị kinh doanh hệ chính quy bằng 1 đại trà, CTĐT ngành Quản trị kinh doanh hệ chính quy bằng 1 CLC, CTĐT ngành Luật Thương mại quốc tế hệ chính quy bằng 1 đại trà và CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh pháp lý) hệ chính quy bằng 1 đại trà. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có các CTĐT liên thông từ ngành Luật sang ngành Ngôn ngữ Anh, từ ngành Luật sang ngành Quản trị kinh doanh, từ ngành ngôn ngữ Anh sang ngành Luật CLC và luật đại trà, từ ngành Quản trị kinh doanh sang ngành Luật, từ ngành Quản trị kinh doanh sang ngành Ngôn ngữ Anh.

Đối với trình độ thạc sĩ, Nhà trường có 05 CTĐT gồm: CTĐT Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, CTĐT Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự, CTĐT Luật Dân sự và Luật Tố tụng dân sự, CTĐT Luật Kinh tế, CTĐT Luật Quốc tế.

Đối với trình độ tiến sĩ, Nhà trường có 04 CTĐT gồm: CTĐT Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, CTĐT Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự, CTĐT Luật Dân sự và Luật Tố tụng dân sự, CTĐT Luật Kinh tế.

Trong hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài, Trường có Chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ Luật bằng tiếng Pháp chuyên ngành “Luật Kinh doanh quốc tế và so sánh”, Chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ Luật bằng tiếng Anh với 02 chuyên ngành “Luật Thương mại và kinh tế quốc tế” và “Luật tài chính và ngân hàng quốc tế”.

Trong quan hệ hợp tác, Trường ĐH Luật Tp.HCM có quan hệ đối ngoại với nhiều đối tác trong và ngoài nước, cụ thể như sau:

Trường có quan hệ hợp tác với hai trường đại học của Nhật Bản, với năm trường đại học của Pháp, với hai trường đại học của Singapore, với hai trường đại học của Thái

lan, với một trường đại học của Thụy Sĩ, với một trường đại học của Trung Quốc, với sáu trường đại học của Úc, với ba trường đại học của Anh, với hai trường đại học của Bỉ, với hai trường đại học của Estonia, với hai trường đại học của Hungary, với một trường đại học của New Zealand, với bốn trường đại học của Nga.

Trường có quan hệ hợp tác với tám công ty luật: Asiattoneys; Audier & Partners; DS Avocats; Indochina Legal; PLF; Rosemont Business Asia; VILAF; YKVN.

Ngoài ra, Trường còn có quan hệ với nhiều cơ sở giáo dục đại học trong nước như các trường đại học trong mạng lưới các trường đào tạo luật trong cả nước và có quan hệ với nhiều cơ quan, tổ chức ở nhiều địa phương từ miền Trung đến miền Nam trong hoạt động liên kết đào tạo.

Thành tích nổi bật trong hoạt động đào tạo của Trường:

Trường có bề dày kinh nghiệm trong công tác đào tạo cán bộ pháp luật với lịch sử phát triển 45 năm, đã góp phần đào tạo phần lớn đội ngũ cán bộ pháp luật cho các tỉnh miền Trung và miền Nam. Tính từ năm 1996 đến năm 2022, Trường đã đào tạo và cấp bằng cho 61.471 SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh, (trong đó có 28.476 SV hệ chính quy, 29.576 học viên hệ vừa làm vừa học, 3.418 học viên trình độ thạc sỹ, 51 nghiên cứu sinh).

Trường ĐH Luật Tp.HCM đào tạo đủ các chuyên ngành luật từ bậc đại học đến cao học và tiến sỹ luật với quy mô đào tạo lớn thứ hai của cả nước. Ở trình độ thạc sỹ luật, trường có 5 chuyên ngành (Luật Hiến pháp và Luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự; Luật Kinh tế; Luật Quốc tế). Ở trình độ Tiến sỹ Luật, Trường có 4 chuyên ngành đào tạo (Luật Kinh tế; Luật Hiến pháp và Luật hành chính; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự; Luật Dân sự và Tố tụng dân sự).

Đến năm 2022, Trường có quy mô đào tạo 11.904 SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh, tương đương với Trường ĐH Luật Hà Nội và lớn thứ hai của cả nước.

Trường ĐH Luật Tp.HCM là cơ sở đào tạo cử nhân luật dẫn đầu cả nước về các CTĐT CLC, có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo cán bộ pháp luật. Chương trình cử nhân luật CLC chuyên ngành hành chính – tư pháp cung cấp nguồn nhân lực cử nhân luật CLC cho các cơ quan hành chính nhà nước và các cơ quan tư pháp. Chương trình cử nhân luật CLC chuyên ngành thương mại – dân sự - quốc tế cung cấp nguồn cử nhân

luật CLC cho công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó, Trường còn có chương trình cử nhân luật CLC tăng cường tiếng Pháp, tăng cường tiếng Nhật đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế hoặc du học.

Trường ĐH Luật Tp.HCM là cơ sở đào tạo cử nhân luật duy nhất ở phía Nam có bộ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập của trường và được nhiều cơ sở đào tạo luật khác sử dụng làm tài liệu chính thức để giảng dạy (đến tháng 10 năm 2022, đã có 35 giáo trình, 11 tập bài giảng, 15 sách chuyên khảo, 05 sách tình huống).

Thành tích nổi bật trong hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường: thể hiện qua các mảng: thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học; thực hiện việc công bố khoa học trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế.

Việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp ngày càng gia tăng theo sự phát triển và theo quy mô đào tạo của Nhà trường. Nếu trong giai đoạn 1996 – 2010, số lượng đề tài cấp trường là trên 40 đề tài và cấp bộ là trên 20 đề tài thì sang giai đoạn 2011 – 2022 số lượng đề tài các cấp có sự tăng vọt trong đó cấp trường là trên 110 đề tài, cấp bộ là trên 15 đề tài, cấp nhà nước là 2 đề tài. Nổi bật nhất là đề tài cấp nhà nước “Nghiên cứu luận cứ khoa học sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục” do PSG. TS. Bùi Xuân Hải làm chủ nhiệm đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc.

Năng lực tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế của Nhà trường không ngừng gia tăng về số lượng và chất lượng tham luận. Giai đoạn 2006 – 2010, Nhà trường đã tiến hành 38 hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế; giai đoạn 2011 – 2015, Nhà trường đã tiến hành 70 hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế; giai đoạn 2016 - 2020, số lượng các hội thảo/tọa đàm do Nhà trường và các Khoa tổ chức đã tăng vượt bậc với hơn 20 hội thảo quốc tế, 4 hội thảo cấp quốc gia, 21 hội thảo cấp trường và 77 hội thảo cấp khoa. Từ năm 2016 đến nay, mỗi năm Nhà trường tổ chức từ 1 đến 2 hội thảo quốc tế, 10 đến 20 hội thảo/tọa đàm khoa học trong nước, mỗi hội thảo/tọa đàm có ít nhất từ 5 tham luận trở lên. Chủ đề của các hội thảo chủ yếu đề cập các vấn đề mang tính thời sự hoặc những vấn đề pháp lý còn nhiều vướng mắc trong thực thi.

Hoạt động công bố khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế ngày càng được giảng viên của Trường quan tâm và ngày càng phát triển. Đối với các tạp chí chuyên

ngành trong nước, các giảng viên của Trường đã chứng tỏ được thế mạnh và uy tín của mình thông qua các bài báo có CLC về mặt khoa học. Đối với các tạp chí quốc tế, trong những năm gần đây, các giảng viên của Trường đã có các công bố đăng trên các tạp chí quốc tế được xếp hạng như ISI, Scopus. Đến nay, Trường có hơn 31 bài báo đăng trên các tạp chí/chuyên san về pháp luật/kinh tế của nước ngoài, trong đó có 1 bài thuộc danh mục ISI và 11 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus.

Thành tích nổi bật trong hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường:

Tham gia các hoạt động tình nguyện là điểm nổi bật nhất trong hoạt động phục vụ cộng đồng của SV Trường ĐH Luật Tp.HCM. Hằng năm, Hội SV Trường ĐH Luật Tp.HCM đã tổ chức cho SV của Trường tham gia các hoạt động tình nguyện “Mùa hè xanh” và “Xuân yêu thương” theo kế hoạch của Hội SV Việt Nam TP.HCM. Các hoạt động này đã được SV tham gia tích cực, đầy đủ, nhiệt tình và có hiệu quả. Đi đến đâu, SV Trường cũng để lại dấu ấn tốt đẹp trong lòng nhân dân địa phương nơi đó. Kết quả là cuối mỗi chiến dịch tình nguyện, có rất nhiều SV của Trường được trao tặng các danh hiệu như “Chiến sỹ giỏi tình nguyện”, “Chỉ huy giỏi tình nguyện”; Hội SV Trường ĐH Luật Tp.HCM được tặng nhiều bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào tình nguyện.

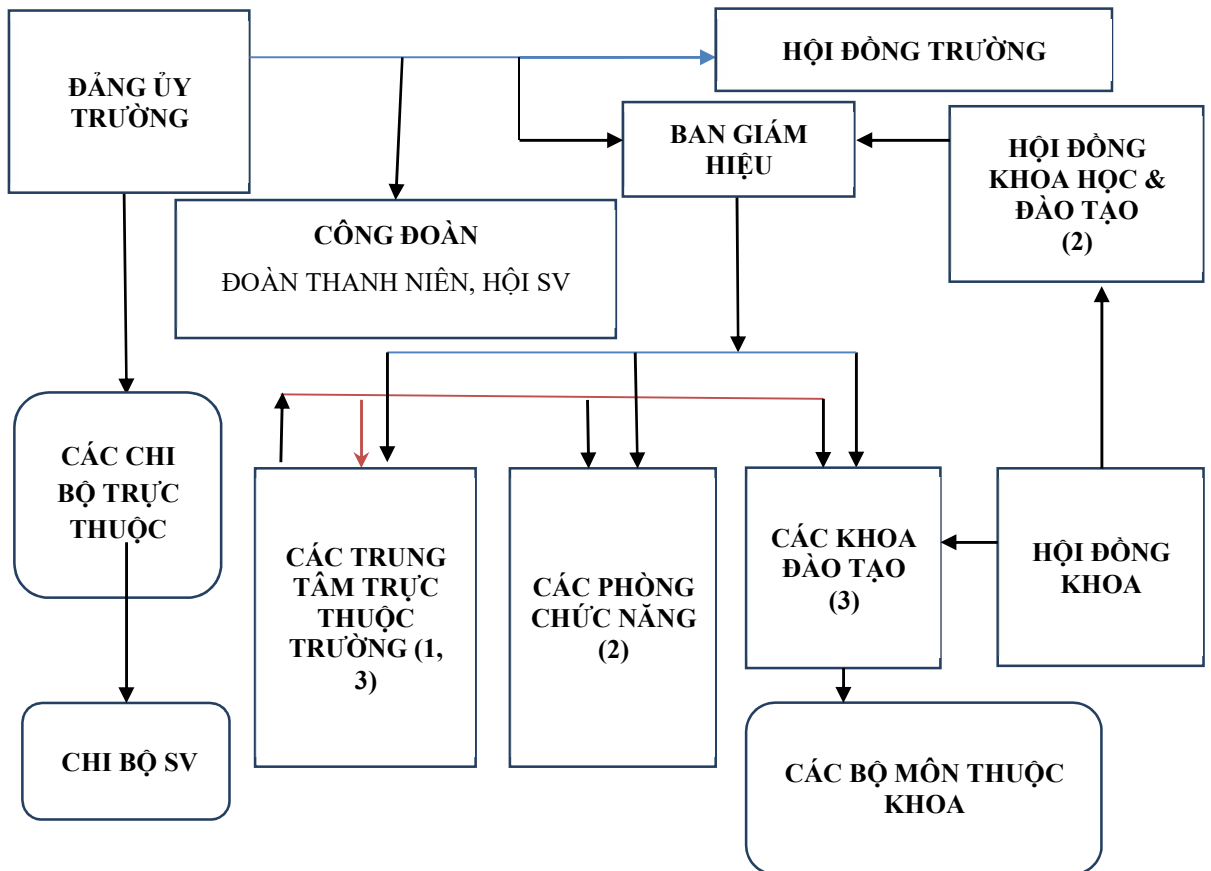
Bên cạnh đó, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật và trợ giúp pháp lý cho cộng đồng của Trung tâm Tư vấn pháp luật cũng là hoạt động có nhiều đóng góp đáng ghi nhận cho nội dung phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Trung tâm đã tích cực duy trì và phát triển hoạt động trợ giúp pháp lý miễn phí mà đặc biệt là tư vấn pháp luật cho cộng đồng trong đó chủ yếu là những đối tượng yếu thế như người vừa mãn hạn chấp hành hình phạt tù muốn tái hòa nhập cộng đồng. Ngoài ra, Trung tâm cũng triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến và tư vấn pháp luật cho nhiều đối tượng rộng rãi khác như học sinh phổ thông trung học, người nghèo, người đang chấp hành hình phạt tù.....

Tư vấn tuyển sinh là một hoạt động phục vụ cộng đồng rất thiết thực của Nhà trường. Hoạt động này được Trung tâm Tư vấn tuyển sinh của Trường triển khai dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến. Trung tâm đã tích cực tham gia nhiều chương trình tư vấn tuyển sinh do các báo tại TP. HCM tổ chức cũng như tư vấn theo nhu cầu của các trường trung học phổ thông tại Tp.HCM, tham gia “Ngày hội tuyển sinh”, đón học sinh

các trường trung học phổ thông đến Trường tìm hiểu, tham quan. Bên cạnh đó, Trung tâm còn triển khai nhiều hoạt động tư vấn trực tuyến trên các nền tảng số như Fanpage, Uhchat, Gmail, qua tổng đài nhằm đáp ứng nhanh nhất, tốt nhất, thuận tiện nhất nhu cầu tìm hiểu về công tác tuyển sinh của Nhà trường. Kết quả của những hoạt động này là Trường đã tuyển đủ chỉ tiêu cho các hệ đào tạo, giúp xã hội có cái nhìn toàn diện về những ngành, nghề mà Trường đào tạo.

Đào tạo theo nhu cầu của xã hội thông qua các khóa học ngắn hạn về nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau, về kỹ năng nghề nghiệp, tiếng Anh pháp lý, quản trị hành chính văn phòng, kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, quản trị rủi ro, đàm phán thương lượng..... và về sở hữu trí tuệ đã được Trung tâm Đào tạo ngắn hạn và trung tâm Sở hữu trí tuệ của Nhà trường triển khai khá thành công. Trên cơ sở đơn đặt hàng của các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hai Trung tâm này đã mở nhiều khóa đào tạo ngắn hạn từ 1 tháng đến 6 tháng để phục vụ cho nhu cầu “học, học nữa, học mãi” của xã hội.

b) Cơ cấu tổ chức của Trường ĐH Luật Tp.HCM



Trường ĐH Luật Tp.HCM có Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, 8 khoa, 11 phòng chức năng và 11 trung tâm thể hiện qua sơ đồ dưới đây:

(1) Các Trung tâm trực thuộc Trường: 1. Trung tâm Học liệu; 2. Trung tâm Thông tin – Thư viện; 3. Trung tâm Đảm bảo chất lượng & PPGD; 4. Trung tâm Đào tạo ngắn hạn; 5. Trung tâm Sở hữu trí tuệ; 6. Trung tâm Tư vấn pháp luật; 7. Trung tâm Công nghệ thông tin; 8. Trung tâm Khảo thí; 9. Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ SV; 10. Trung tâm Đào tạo trực tuyến; 11. Trung tâm Tư vấn tuyển sinh;

(2) Các phòng chức năng: 1. Phòng Hành chính – Tổng hợp; 2. Phòng Đào tạo; 3. Phòng Quản lý hệ vừa làm vừa học; 4. Phòng Đào tạo sau đại học; 5. Phòng Công tác SV; 6. Phòng Quản lý nghiên cứu khoa học & htqt; 7. Phòng Thanh tra; 8. Phòng tài chính – kế toán; 9. Phòng Quản trị thiết bị; 10. Phòng Tạp chí khoa học pháp lý; 11. Ban Quản lý dự án;

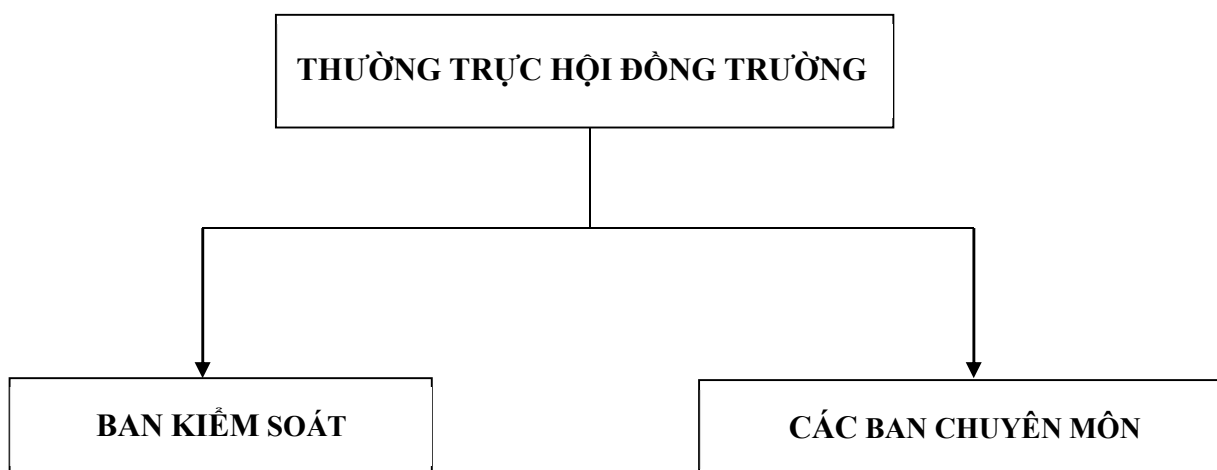
(3) Các khoa đào tạo: 1. Khoa Luật Dân sự; 2. Khoa Luật Hành chính – Nhà nước; 3. Khoa Luật Hình sự; 4. Khoa Luật quốc tế; 5. Khoa Luật Thương mại; 6. Khoa Khoa học cơ bản; 7. Khoa Quản trị - Luật; 8. Khoa Ngoại ngữ pháp lý

Trường có các tổ chức đoàn thể như: Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội SV, Hội Luật gia, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức, Hội Cựu SV.

Trường có ba cơ sở: cơ sở 1 có địa chỉ tại số 02 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp.HCM; cơ sở 2 có địa chỉ tại số 123 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, Tp.HCM; cơ sở 3 có địa chỉ tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức, Tp.HCM.

c) Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường của Trường ĐH Luật Tp.HCM

Hội đồng Trường Trường ĐH Luật Tp.HCM nhiệm kỳ 2020 – 2025 có 19 thành viên, trong đó có 13 thành viên là cán bộ, giảng viên, chuyên viên của Trường và 6 thành viên ngoài Trường. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường Trường ĐH Luật Tp.HCM gồm: Thường trực Hội đồng Trường, Ban Kiểm soát và 5 Ban chuyên môn được thể hiện qua sơ đồ sau đây:



Trong đó, Thường trực Hội đồng trường (gồm: Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Thư ký Hội đồng trường, Trưởng các Ban của Hội đồng trường, Chủ tịch Công đoàn, đại diện Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là người học) được toàn quyền quyết định những công việc được Hội đồng Trường ủy quyền và có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng Trường tại phiên họp gần nhất; Ban Kiểm soát (do Chủ tịch Hội đồng Trường làm Trưởng ban) giúp Hội đồng Trường giám sát hoạt động của BGH và các đơn vị của Nhà trường trong việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Trường; 5 Ban chuyên môn (gồm: Ban Chiến lược và Kế hoạch, Ban Tổ chức và Nhân sự, Ban Đào tạo và đảm bảo chất lượng, Ban Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, Ban Tài chính và CSVC) có trách nhiệm thẩm định các đề án, tờ trình của Hiệu trưởng trước khi đưa ra lấy ý kiến Hội đồng Trường, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Trường theo lĩnh vực chuyên môn, giám sát hoạt động của Trường theo quyết nghị của Hội đồng Trường theo lĩnh vực chuyên môn.

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

a) Quy định pháp lý và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM.

Hiện nay, Trường ĐH Luật Tp.HCM đang hoạt động trên cơ sở các quy định pháp lý sau đây:

Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc tách Trường Đại học Luật trực thuộc ĐHQG TP.HCM thành Trường ĐH Luật Tp.HCM. Với quy định này, Trường ĐH Luật Tp.HCM không còn là trường thành viên của ĐHQG TP.HCM mà chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ GD&ĐT. Do đó các hoạt

động của Nhà trường được triển khai nhanh chóng và thuận lợi hơn vì chỉ có một cấp quản lý.

Quyết định 549/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể “Xây dựng Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật Tp.HCM thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”. Sau khi Đề án này có hiệu lực, Nhà trường được Nhà nước đầu tư xây dựng thành trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật từ năm 2013. Từ đó Nhà trường đã tập trung nguồn lực đầu tư phát triển về đội ngũ cán bộ, GV, chuyên viên; về phát triển các CTĐT, đặc biệt là các CTĐT CLC; về hệ thống học liệu và thư viện phục vụ nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu và học tập; về CSVC; về nghiên cứu khoa học; về phục vụ cộng đồng; về quan hệ hợp tác; về phát triển các hoạt động đoàn thể; về chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho viên chức, người lao động.

Quyết định 521/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM. Theo Đề án này, Nhà trường được tự chủ về 6 nội dung: (1) về thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; (2) về tổ chức bộ máy, nhân sự; (3) về tài chính; (4) chính sách học bổng, miễn giảm học phí; (5) về đầu tư, mua sắm; (6) về cơ chế giám sát. Từ khi triển khai thực hiện Đề án thí điểm đổi mới đến nay, Nhà trường đã được chủ động nhiều hơn trong các hoạt động, đặc biệt là trong hoạt động đào tạo, tổ chức nhân sự, tài chính, đầu tư mua sắm. Điều này đã tạo đà tự lực phát triển cho Nhà trường. Với cơ chế tự thu tự chi, Nhà trường đã biết cách quản trị để bảo đảm cho các mặt hoạt động của Nhà trường đi lên: mở rộng quy mô đào tạo; chủ động trong việc cấp – phát – quản lý văn bằng; thu nhập của viên chức, người lao động được cải thiện; cơ cấu tổ chức được mở rộng; người học được hưởng nhiều quyền lợi ưu đãi hơn về học bổng và miễn giảm học phí; được đầu tư, hỗ trợ vốn để thực hiện các dự án phát triển, mở rộng cơ sở đào tạo của Nhà trường.

Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học. Trên cơ sở các quy định này, Nhà trường đã triển khai bầu các thành viên của Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2020 – 2025 và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật

Tp.HCM ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐT-ĐHL ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Trường ĐH Luật Tp.HCM. Từ đó, Nhà trường đã kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự từ cấp BGH đến các đơn vị cấp khoa, phòng, trung tâm, bộ môn và điều hành các hoạt động của Nhà trường theo quy chế và phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung.

b) Những thách thức chính và kế hoạch khắc phục của Trường ĐH Luật Tp.HCM

Chính sách tự chủ của Nhà nước đối với các trường đại học công lập vẫn đang trong giai đoạn tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện. Vì vậy, một số qui định về chế độ tài chính, đầu tư công, mua sắm trang thiết bị và nhân sự còn chưa thật sự hợp lý. Đây là nguyên nhân lớn ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phát triển toàn diện và việc nâng cao chất lượng đào tạo cũng như nâng cao thu nhập của viên chức, người lao động trong Trường. Để khắc phục điều này, Nhà trường đang xây dựng đề án “Thực hiện quyền tự chủ của Trường ĐH Luật Tp.HCM” thay thế cho Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM ban hành kèm theo Quyết định 521/QĐ-TTG ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ để hướng đến tự chủ toàn diện về mọi mặt, là tiền đề để Nhà trường chủ động hơn trong tất cả các hoạt động nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng như đã đề ra.

Việc có nhiều cơ sở đào tạo cùng cạnh tranh với mức học phí thấp hơn học phí của Trường cùng một số điều kiện tuyển sinh đầu vào dễ dãi hơn đã làm ảnh hưởng nhất định đến công tác thu hút người học vào Trường đối với các hệ sau đại học, hệ đại học vừa làm vừa học. Để khắc phục điều này, một mặt Nhà trường kiên trì duy trì chất lượng đào tạo, mặt khác, Nhà trường tập trung mở rộng quy mô đào tạo những hệ có thể mạnh và thương hiệu như hệ CLC chính quy đại học, hệ đào tạo sau đại học; chú trọng hơn đến các hoạt động hỗ trợ phát triển học thuật cho người học như tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu khoa học, tư vấn pháp luật, tham dự các cuộc thi học thuật trong nước và quốc tế, tham quan các trường đại học tiên tiến trong khu vực.....

Việc xây dựng các hạng mục công trình tại cơ sở 3 của Trường ở phường Long Phước, thành phố Thủ Đức gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về các thủ tục phê duyệt, đền bù, giải phóng mặt bằng, cấp vốn..... làm cho tiến độ triển khai bị chậm so với kế hoạch, ảnh hưởng đến việc tăng số lượng giảng đường và tăng chỉ tiêu tuyển sinh. Để khắc phục vướng mắc này, Nhà trường đã tích cực đề nghị các cơ quan hữu quan ở địa

phương và ở bộ tạo điều kiện, hỗ trợ tối đa để các thủ tục sớm được triển khai. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tích cực kêu gọi các đối tác đầu tư vào việc xây dựng các *hạng mục công trình để sớm đưa vào sử dụng*.

c) Các điểm mạnh, cơ hội và cách phát huy những lợi thế này của Nhà trường

Nhà trường có đội ngũ GV, đặc biệt là GV chuyên ngành luật mạnh về số lượng và chất lượng. Số lượng GV có học vị thạc sỹ là 222 chiếm tỷ lệ 79,8 % tổng số GV, GV có học vị tiến sỹ là 55 chiếm tỷ lệ 19,8 %, số GV có học hàm phó giáo sư là 18, chiếm tỷ lệ 0,6 %. Nhiều GV của Trường được đào tạo tại các nước có nền giáo dục tiên tiến. Đội ngũ GV năng động, nhiệt tình, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, có trình độ chuyên môn cao, có năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Với lợi thế này, Nhà trường đã chủ động mở nhiều trình độ đào tạo chuyên ngành luật để bố trí họ giảng dạy ở mọi trình độ đào tạo; đã đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong GV và SV; phát triển bộ giáo trình, đề cương hướng dẫn học tập, sách giảng dạy tình huống, sách tham khảo của Nhà trường phục vụ cho nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu trong và ngoài trường.

Nhà trường có hệ thống học liệu phong phú, hiện đại và không ngừng cập nhật thường xuyên, đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu, giảng dạy, trao đổi. Với lợi thế này, GV và người học của Trường được chủ động tiếp cận nhanh nhất và thuận lợi nhất với nguồn học liệu dồi dào.

Nhà trường có nhiều CTĐT ở các cấp độ khác nhau, nhiều ngành học có thể liên thông với nhau, nhiều hệ đào tạo. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có hai trung tâm đào tạo ngắn hạn và sở hữu trí tuệ để đào tạo theo nhu cầu xã hội. Đây là cơ hội để Nhà trường hướng đến nhiều đối tượng người học khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho họ có nhiều lựa chọn cơ hội học tập ở nhiều ngành học, nhiều bậc học, nhiều nội dung học tập.

Nhà trường có tiềm lực mạnh về nghiên cứu khoa học và có quan hệ hợp tác rộng với các đối tác trong và ngoài nước. Đây là cơ hội để Nhà trường tích cực tổ chức các hội thảo khoa học trong đó có các hội thảo theo đơn đặt hàng và các hội thảo quốc tế mang tính thời sự. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có tạp chí riêng mang tên Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam xuất bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh được đánh giá là tạp chí có uy tín trong lĩnh vực luật học. Điều này đã tạo môi trường thuận lợi cho GV, học viên trong trường gửi bài viết, trao đổi về học thuật.

Nhà trường có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học trong và ngoài nước, với nhiều đơn vị sử dụng lao động, nhiều cơ quan, hội nghề nghiệp, nhiều đơn vị đào tạo ở các địa phương. Nhà trường đã tận dụng lợi thế này để đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, liên kết đào tạo, hỗ trợ người học được thực tập trải nghiệm nghề nghiệp tương lai...

Hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội SV và của Công đoàn mạnh hỗ trợ đặc lực cho mảng phục vụ cộng đồng của Trường và chăm lo tốt cho đời sống tinh thần của viên chức, người lao động và người học.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (xem Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu Kiểm định chất lượng Trường ĐH Luật Tp.HCM)

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

TIÊU CHUẨN 1. TẦM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ VĂN HÓA

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn, sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐH Luật Tp.HCM được xây dựng và công bố công khai dựa trên cơ sở gắn liền với nhu cầu nguồn nhân lực của ngành Luật nói riêng và của xã hội nói chung hiện nay và trong tương lai; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường nhằm phát huy tối đa vị thế của Nhà trường để đáp ứng tốt nhất nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội

Để xây dựng tầm nhìn, sứ mạng, Nhà trường đã thành lập Tổ công tác soạn thảo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM **[H01.01.01.01]**, trong đó có nêu rõ nội dung tầm nhìn, mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường, thực hiện quy trình như sau:

Bước 1: Viết dự thảo **[H01.01.01.02]**.

Bước 2: Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan: gửi dự thảo tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển Trường cho viên chức, người lao động; đăng tải lên website Nhà trường để lấy ý kiến từ các bên liên quan. Sau đó, Ban soạn thảo tổng hợp ý kiến và sửa lại dự thảo **[H01.01.01.03]**.

Bước 3: Ban soạn thảo họp và thống nhất nội dung và xin phê duyệt của Hội đồng trường và báo cáo Bộ GD&ĐT.

Bước 4: Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM **[H01.01.01.04]**.

Trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng, Trường đã dựa vào chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, định hướng phát triển của Trường, tham khảo các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan đến giáo dục đại học như Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Luật Giáo dục đại học năm 2018.

Năm 2015, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường được khẳng định trong quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐH Luật Tp.HCM (ban hành kèm theo Quyết định 849/QĐ – ĐHL ngày 27/05/2015 của Hiệu trưởng) **[H01.01.01.05]**, cụ thể như sau:

Sứ mạng: Xây dựng Trường ĐH Luật Tp.HCM trở thành một trong những trung tâm đào tạo và NCKH pháp lý có uy tín trong cả nước và trong khu vực, nhằm cung cấp nguồn lực có trình độ từ trung cấp đến đại học và sau đại học trong lĩnh vực pháp lý cho các địa phương và các bộ ngành; góp phần giải quyết các vấn đề quan trọng trong khoa học pháp lý của cả nước nói chung và của các tỉnh phía Nam nói riêng.

Vai trò: Trường ĐH Luật Tp.HCM là trung tâm đào tạo và NCKH pháp lý. Trường có vai trò quan trọng rất quan trọng trong công tác đào tạo cán bộ pháp luật ở Việt Nam và lớn nhất khu vực phía Nam và là Trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật (theo Quyết định số 549/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/04/2013).

Đến năm 2020, dựa vào tình hình thực tế, Trường đã thay đổi sứ mạng, tầm nhìn phù hợp với nhiệm vụ được Nhà nước giao phó và sự phát triển của kinh tế, xã hội trong khu vực nói riêng và cả nước nói chung. Tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐH Luật Tp.HCM một lần nữa được nêu trong văn bản chính thức: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường năm 2020 [H01.01.01.04], cụ thể như sau:

Sứ mạng của Trường: là trường đại học công lập hàng đầu về đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước, cung cấp nguồn nhân lực CLC trình độ đại học, sau đại học; là trung tâm NCKH, trọng tâm là khoa học pháp lý, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn: Trường ĐH Luật Tp.HCM phấn đấu đến năm 2025 là cơ sở đào tạo và NCKH đa ngành, hiện đại; góp phần giải quyết những vấn đề quan trọng trong khoa học, nhất là khoa học pháp lý; có quan hệ quốc tế rộng rãi; giữ vai trò nòng cốt, là chỗ dựa đáng tin cậy trong quan hệ với các cơ sở đào tạo khác, đặc biệt là các cơ sở đào tạo Luật ở các tỉnh phía Nam.

Ngoài ra, tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐH Luật Tp.HCM được đăng trên Website: <https://hcmulaw.edu.vn/> [H01.01.01.06] và trong một số ấn phẩm khác: sổ tay SV, tờ rơi tuyển sinh... [H01.01.01.07].

Trong quá trình xây dựng sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, đã có sự tham gia của các bên liên quan: viên chức, người lao động, các tổ chức xã hội và đơn vị liên kết. Tầm nhìn, mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường được xây dựng cùng với Quy chế tổ chức và hoạt động Trường. Bước 2 của quy trình xây dựng quy chế, Ban soạn thảo đã gửi email

dự thảo Quy chế trên cho toàn thể viên chức, người lao động toàn Trường **[H01.01.01.03]**. Đồng thời, đăng dự thảo quy chế lên web Trường để xin ý kiến góp ý từ các ĐV SĐLĐ, các tổ chức xã hội trong và ngoài Trường và các đơn vị có liên quan... **[H01.01.01.08]**. Sau khi nhận được các góp ý, Ban soạn thảo chọn lọc ý kiến và chỉnh sửa cho phù hợp với khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội và định hướng phát triển của Nhà trường.

Nội dung tầm nhìn, sứ mạng của Trường được xác định rõ ràng và phù hợp với chức năng cũng như nguồn lực của Trường là phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật:

Thứ nhất, Trường là cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ GD&ĐT, có bề dày kinh nghiệm trong công tác đào tạo cán bộ pháp luật với lịch sử phát triển 40 năm, đã góp phần đào tạo phần lớn đội ngũ cán bộ pháp luật cho các tỉnh phía Nam.

Thứ hai, Trường có thế mạnh trong lĩnh vực đào tạo chuyên sâu về luật. Trường ĐH Luật Tp.HCM – là một trong hai trường đại học trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước theo Quyết định số 549/QĐ-TTg ngày 04/04/2013 (phê duyệt Đề án xây dựng Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật Tp.HCM thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật) và Quyết định số 1156/QĐ-TTg ngày 30/9/2022 (phê duyệt Đề án tổng thể “Tiếp tục xây dựng Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật Tp.HCM thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”) **[H01.01.01.09]**. Trường ĐH Luật Tp.HCM đang đào tạo đủ các chuyên ngành luật, từ bậc đại học đến cao học và tiến sĩ luật, với qui mô đào tạo lớn thứ 2 của cả nước. Nhà trường là một trong số ít cơ sở đào tạo Luật có đào tạo đủ 3 cấp độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ. Đồng thời cũng là trường có nhiều chuyên ngành đào tạo thạc sĩ (Luật Kinh tế, Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự, Luật Hiến pháp và Hành chính, Luật Quốc tế, Luật Hình sự và Tố tụng hình sự, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm) và 4 chuyên ngành tiến sĩ (Luật Kinh tế, Luật Hình sự và Tố tụng hình sự, và Luật Hành chính - Nhà nước, Luật Dân sự và Tố tụng dân sự).

Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ xây dựng thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật theo Đề án tổng thể ban hành kèm theo Quyết định 549/QĐ-ĐHL ngày 04/04/2013 và Quyết định số 1156/QĐ-TTg ngày 30/9/2022 **[H01.01.01.09]**. Do vậy, tầm nhìn, sứ mạng của Trường phù hợp với yêu cầu của Nhà nước.

Ngoài ra, Trường đáp ứng yêu cầu các đơn đặt hàng của nhiều cơ quan, tổ chức, địa phương trong cả nước và dần khẳng định được uy tín về đào tạo, NCKH của mình [H01.01.01.10].

Lãnh đạo Nhà trường đã xây dựng và ban hành hàng loạt các kế hoạch, quy định để cụ thể hoá tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định. Để triển khai thực hiện sứ mạng là trường đại học công lập hàng đầu về đào tạo cán bộ pháp luật cả nước, cung cấp nguồn nhân lực CLC trình độ đại học, sau đại học, Nhà trường đã ban hành và đưa vào đào tạo CTĐT cử nhân Luật CLC 100% tiếng Anh [H01.01.01.11]; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ [H01.01.01.12], [H01.01.01.13], [H01.01.01.14]... Nhằm thúc đẩy GV tập trung NCKH, đưa Nhà trường hoàn thành sứ mạng trở thành trung tâm NCKH, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế, Hiệu trưởng đã ban hành các quy định về NCKH của GV [H01.01.01.15], quy định về khen thưởng công bố quốc tế...Nhà trường cũng tăng cường tìm kiếm và ký kết các biên bản ghi nhớ với các trường đại học nước ngoài có chung ngành đào tạo nhằm mở rộng mối quan hệ quốc tế, ngày càng khẳng định vai trò nòng cốt, là chỗ dựa đáng tin cậy trong quan hệ với các cơ sở đào tạo khác, đặc biệt là các cơ sở đào tạo luật ở các tỉnh phía Nam [H01.01.01.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn của cơ sở giáo dục

Trường ĐH Luật Tp.HCM đã xác định giá trị cốt lõi của mình, được xem là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Nhà trường. Giá trị cốt lõi của Trường hướng tới là: “Chất lượng – Sáng tạo – Hội nhập – Trách nhiệm”.

Giá trị cốt lõi này gắn với tầm nhìn của Nhà trường là một cơ sở đào tạo cung ứng chủ yếu nguồn nhân lực CLC trong lĩnh vực pháp luật cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của các tỉnh phía Nam nói riêng và cả nước nói chung.

Giá trị cốt lõi “Chất lượng – Sáng tạo – Hội nhập – Trách nhiệm” được công bố chính thức trong Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Tp.HCM đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 [H01.01.02.01]. Điều này đã được phổ biến tới các đơn vị, tổ chức, viên chức, người lao động của Trường hiểu về giá trị cốt lõi. Lãnh đạo Nhà trường phát

triển, gìn giữ, làm sâu sắc hơn và lan tỏa giá trị này thông qua xây dựng các đề án liên quan đến chiến lược phát triển Trường, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm.

Giá trị cốt lõi của Trường là kết quả của trí tuệ tập thể Đảng ủy, các đơn vị, các đoàn thể và tập thể GV, chuyên viên và người lao động cũng như hoạt động thực tiễn của Nhà trường. Giá trị cốt lõi được hun đúc trong 25 năm hình thành và phát triển, xác định từ các giá trị, văn hoá truyền thống nhằm thúc đẩy Nhà trường đạt được mục tiêu chiến lược và phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của mình. Cụ thể:

Thứ nhất, giá trị “Chất lượng” của Nhà trường được thể hiện qua ba lĩnh vực: đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đối với đào tạo, “chất lượng” là đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ CLC, đáp ứng kịp thời thị trường lao động trong nước. Đến nay, Nhà trường đã thực hiện tốt sứ mạng cung cấp nguồn nhân lực pháp luật cho đất nước với hơn 80 ngàn cử nhân luật, hàng ngàn thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ.

Đối với NCKH, “chất lượng” được thể hiện thông qua các đề tài NCKH của GV, SV. Từ năm 2017 đến năm 2021, Nhà trường đã có 51 Đề tài NCKH được nghiệm thu, trong đó có 43 đề tài cấp Trường, 06 đề tài cấp Bộ và 02 đề tài cấp Nhà nước [H01.01.02.02]. Hàng năm, 100% GV công bố ít nhất 01 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus hoặc có ít nhất 01 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín trong hoặc ngoài nước và có ít nhất 01 báo cáo tại các tọa đàm, hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước. Ngoài ra, Trường cũng đã xây dựng và thường xuyên cập nhật, bổ sung, hoàn thiện giáo trình, sách tình huống phục vụ đào tạo. Số lượng sách giáo trình và sách sách chuyên khảo ngày một gia tăng. Hơn nữa, để nâng cao chất lượng NCKH, Nhà trường cũng tạo môi trường để GV của có cơ hội giao lưu, trao đổi, học tập kinh nghiệm về hoạt động NCKH thông qua các Hội thảo khoa học ở cấp quốc gia và quốc tế.

Đối với phục vụ cộng đồng, “chất lượng” được thể hiện thông qua các hoạt động liên kết với các đơn vị bên ngoài Nhà trường như hoạt động tư vấn pháp luật miễn phí cho các trại giam [H01.01.02.03], mở các khoá đào tạo luật ngắn hạn cho các doanh nghiệp [H01.01.02.04], thực hiện dự án khoa học công nghệ cấp Bộ là giảng dạy luật sở hữu trí tuệ trong khu vực Đông Nam á... Các hoạt động này được cộng đồng đánh giá cao.

Thứ hai, giá trị “Sáng tạo” là xây dựng lợi thế cạnh tranh thông qua việc không ngừng đổi mới và sáng tạo tri thức trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Trong đào tạo, giá trị “Sáng tạo” được thể hiện qua việc từ năm 2017 đến nay, Trường ĐH Luật Tp.HCM liên tục đổi mới CTĐT ngành Luật của mình nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội [H01.01.02.05]. Đặc biệt, trong năm 2021, Nhà trường phê duyệt và đưa vào đào tạo CTĐT cử nhân ngành Luật 100% tiếng Anh [H01.01.02.06]. Ngoài ra, Trường cũng đẩy mạnh việc đổi mới phương thức giảng dạy và học tập thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các nền tảng mạng xã hội; cải tiến công tác thi, kiểm tra thích ứng với thời đại công nghệ số phù hợp với trình độ đào tạo và hình thức đào tạo [H01.01.02.07]. Hơn thế nữa, từ năm 2017, Trường ĐH Luật Tp.HCM luôn có phương thức tuyển sinh riêng khác biệt với phương thức của Bộ GD&ĐT. Phương thức tuyển sinh riêng của Trường được thay đổi hàng năm phù hợp với sự thay đổi của xã hội [H01.01.02.08]. Trường ĐH Luật Tp.HCM còn sử dụng một hệ thống giáo trình và sách chuyên khảo riêng trong giảng dạy do chính GV của Nhà trường biên soạn. Hệ thống giáo trình này thường xuyên được bổ sung, tái bản để cập nhật kịp thời những kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi của xã hội. CTĐT và nội dung đào tạo luôn được thay đổi cho phù hợp với yêu cầu của xã hội và người học.

Trong NCKH, “sáng tạo” được thể hiện qua các hội thảo nhằm giải quyết những vấn đề pháp lý lớn của Nhà nước được đặt ra như các hội thảo về góp ý sửa đổi các luật, chẳng hạn: “Hội thảo góp ý, sửa đổi luật Giáo dục đại học năm 2018”, “Góp ý dự thảo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư”... [H01.01.02.09]. Trong thời gian xảy ra đại dịch COVID – 19, để thích nghi với tình hình của xã hội, Trường ĐH Luật Tp.HCM cũng không ngừng sáng tạo cách thức tổ chức hội thảo khoa học như đổi từ phương thức tổ chức trực tiếp sang trực tuyến... Nhà trường đã ban hành văn bản số 532/ĐHL – NCKH ngày 22/07/2021 về việc hướng dẫn tổ chức hội thảo trực tuyến (online) qua phần mềm zoom [H01.01.02.10].

Trong phục vụ cộng đồng, “sáng tạo” được thể hiện qua các mô hình mới nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

Thứ ba, giá trị “Hội nhập” là quốc tế hóa và khu vực hóa thông qua các hoạt động hội nhập vào cộng đồng đại học trong khu vực và trên thế giới. Tính đến năm 2022, Nhà trường đã ký kết 31 Bản ghi nhớ với các đối tác nước ngoài, bao gồm các trường đại học

và các tổ chức giáo dục quốc tế như University de Lille 2 Droit et sante, ĐH Chính Pháp Tây Nam Trung Quốc, Đại học Bangor, Đại học Handong, University of Wollongong, University of Nottingham, University of UBRU, Đại học Tallinn, Đại học Vladivostok, Đại học Lomonoxop, Đại học Luật Mát – xco – va mang tên Kutafin (MSAL), Nagoya University of Economics, Đại học Deakin, Đại học Waikato, Université Toulouse 1 Capitole, Đại học Rouen, Đại học Tự Do Brussels (ULB) [H01.01.02.11]... Hoạt động trao đổi GV, SV với các cơ sở đào tạo luật, nhất là các cơ sở đào tạo nước ngoài được triển khai và đạt kết quả rất tốt. Nhận thấy “Hội nhập” là truyền thống được duy trì và ngày càng phát triển mạnh mẽ, giúp cho Nhà trường hoàn thành một sứ mạng quan trọng là “hội nhập quốc tế”.

Thứ tư, giá trị “Trách nhiệm” là trách nhiệm thực hiện nghiêm túc những cam kết về chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trách nhiệm đối với người học và xã hội, Nhà trường luôn đảm bảo chất lượng như cam kết và trách nhiệm sử dụng hiệu quả và minh bạch kinh phí đóng góp của người học và của xã hội. Nhà trường chủ động xây dựng chiến lược và mục tiêu phù hợp, xây dựng đội ngũ và CSVC thích đáng để cạnh tranh thu hút sự đầu tư từ Nhà nước cũng như từ các nguồn khác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học và nguồn nhân lực của xã hội. Nhà trường tích cực tìm các biện pháp thu hút học sinh giỏi thông qua các chương trình học bổng, hỗ trợ tài chính, tư vấn hỗ trợ việc làm [H01.01.02.12]. Thông qua cơ chế công khai, người học cũng như ĐV SDLĐ có điều kiện giám sát việc thực hiện các cam kết của Trường về mục tiêu đào tạo, CDR, CTĐT và các nguồn lực đảm bảo chất lượng đào tạo [H01.01.02.13]. Đối với Nhà nước, là trách nhiệm đảm bảo mọi hoạt động của Nhà trường theo sứ mạng đã công bố và trong khuôn khổ của pháp luật, trách nhiệm sử dụng kinh phí đầu tư của Nhà nước một cách hiệu quả và minh bạch. Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo tài chính và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước [H01.01.02.14]. Nhà trường cũng luôn đóng góp ý kiến, xây dựng và phổ biến pháp luật khi có yêu cầu. Đối với chính Nhà trường, là trách nhiệm phát triển Nhà trường một cách bền vững, giữ vững và nâng cao uy tín của Trường vì quyền lợi của tập thể đội ngũ cán bộ giáo viên cũng như SV.

Lãnh đạo Nhà trường đã đề cao giá trị cốt lõi thông qua việc trực tiếp tuyên truyền, giải thích, tổ chức các hoạt động phổ biến, chỉ đạo thực hiện, không ngừng được làm

sâu sắc hơn và hoàn thiện. Giá trị cốt lõi của Trường đã được xác định theo chức năng và nhiệm vụ được phân công và để làm căn cứ xây dựng chiến lược, kế hoạch, nội quy, quy chế, chương trình công tác... Giá trị cốt lõi cũng được phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong trong các đơn vị, tổ chức, viên chức, người lao động và SV, học viên thông qua công tác tuyên truyền, sinh hoạt công dân đầu khóa, hội nghị viên chức, người lao động và các tài liệu giới thiệu về Trường.

Triển khai các Nghị quyết của Đảng, chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, tập thể lãnh đạo và các tổ chức đoàn thể cùng các đơn vị thuộc Trường đều có các kế hoạch, chương trình hành động, các phong trào thi đua thực hiện nhằm duy trì và phát huy các giá trị cốt lõi của Nhà trường [H01.01.02.15]. Qua 25 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã được Nhà nước tặng thưởng Huân Chương lao động hạng Nhất, hạng Ba, và được nhiều phần thưởng cao quý khác [H01.01.02.16]. Nhà trường cũng được nhiều cấp lãnh đạo của Nhà nước, các trường bạn trong và ngoài nước đã về thăm và biểu dương giá trị cốt lõi của Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường ĐH Luật Tp.HCM đã được cụ thể hoá bằng các nghị quyết, quyết định, văn bản hướng dẫn để các đơn vị thuộc Trường và toàn thể viên chức, người lao động thực hiện [H01.01.03.01]. Lãnh đạo cũng quán triệt, giải thích rõ ràng, tuyên truyền thông qua các nội dung sinh hoạt của Nhà Trường, trong các cuộc họp giao ban, các ngày lễ họp mặt viên chức, người lao động (tổ chức khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, kỷ niệm ngày Truyền thống 30/3...), thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho tân SV.

Đối với SV, học viên: Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà Trường cũng được quán triệt và giải thích rõ ràng thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, nội dung buổi gặp mặt tân SV của các khoa, phổ biến rộng rãi trên Website Trường, Sổ tay SV...

Đối với các tổ chức, nhà tuyển dụng, liên kết đào tạo với Nhà Trường: Tầm nhìn, sứ mạng được truyền tải thông qua tờ rơi tuyển sinh giới thiệu về Trường.

Ngoài ra, các mục tiêu phát triển Trường được thể hiện cụ thể tại Đề án Tiếp tục xây dựng Trường ĐH Luật Tp.HCM thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật đang được thực hiện [H01.01.03.02]. Nhà Trường cũng đã tổ chức các hội thảo xin ý kiến chuyên gia về định hướng phát triển Nhà Trường theo hướng ứng dụng, đa ngành nghề, đa lĩnh vực.

Đối với viên chức, người lao động: Tầm nhìn, sứ mạng thể hiện qua văn hóa công sở, thực hiện nội quy, quy chế, quy định của Nhà Trường trong hoạt động dạy học.

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa với cốt lõi đã được giải thích, lan tỏa rộng rãi tới cán bộ, GV và SV trong Trường để thực hiện. Đối với người học, Nhà trường đã giải thích và quán triệt thông qua chương trình sinh hoạt chính trị đầu năm học [H01.01.03.03]. Đối với viên chức và người lao động, Nhà Trường đã giải thích thông qua quá trình soạn thảo, ban hành và tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Tp.HCM đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Đối với các đơn vị liên kết và cộng đồng, tại tọa đàm “Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Tp.HCM đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045”, Nhà trường đã mời đại diện của ban liên lạc cựu SV, các ĐV SDLĐ...đến tham dự. Trong đó, Nhà trường đã giải thích và quán triệt cho các bên liên quan nắm rõ để thực hiện [H01.01.03.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Nhà trường được định kỳ rà soát 5 năm/1 lần. Lãnh đạo Nhà trường đã giao cho Phòng TC-HC chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Trường để rà soát tầm nhìn, sứ mạng theo từng quá trình phát triển. Hiệu trưởng cũng thành lập tổ công tác bao gồm đại diện các đơn vị thuộc Trường để đánh giá mức độ hoàn thành, rà soát, xây dựng tầm nhìn, sứ mạng mới [H01.01.04.01].

Trong quá trình rà soát tầm nhìn, sứ mạng, quy chế tổ chức và hoạt động, chiến lược phát triển, Bước 2 của quy trình, Ban soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến bằng cách gửi email dự thảo Quy chế trên cho toàn thể viên chức, người lao động toàn Trường [H01.01.04.02]. Đồng thời, đăng dự thảo quy chế lên web Trường để xin ý kiến góp ý từ các ĐV SDLĐ, các tổ chức xã hội trong và ngoài Trường và các đơn vị có liên

quan...[H01.01.04.03]. Sau khi nhận được các góp ý, Ban soạn thảo tiến hành phân tích, tổng hợp ý kiến để trình Hội đồng Trường, BGH. Ngày 07/12/2020, Hội đồng Trường đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ – HĐĐH về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H01.01.04.04]. Quy chế này đã quy định cụ thể tầm nhìn, mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường.

Tầm nhìn, mục tiêu, sứ mạng mới của Nhà trường đã có điều chỉnh, thay đổi để phù hợp hơn với các điều kiện chủ quan và khách quan mới phát sinh.

Sau mỗi giai đoạn 5 năm, Nhà trường đều tiến hành rà soát và có báo cáo kết quả rà soát về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi. Qua báo cáo trên, Nhà trường nhận ra được những việc làm tốt, những hạn chế, rút ra được bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, cùng với việc phân tích kỹ bối cảnh hiện tại và dự báo những kịch bản biến động trong tương lai để xây dựng kế hoạch chiến lược cho giai đoạn kế tiếp.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Nhà trường đã tiến hành xây dựng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và kế hoạch chiến lược. Hiệu trưởng cũng thành lập tổ công tác bao gồm đại diện các đơn vị thuộc Trường để giám sát, rà soát, triển khai cải tiến chất lượng việc xây dựng tầm nhìn, sứ mạng mới [H01.01.05.01].

Sự điều chỉnh, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi là một tất yếu do sự phát triển nội lực cũng như để đáp ứng yêu cầu của xã hội và các bên liên quan trong thời kỳ hội nhập, thời kỳ nền công nghiệp 4.0.

Bảng 1.5.1. Bảng so sánh chiến lược phát triển trường giai đoạn 2014-2020 tầm nhìn đến năm 2025 và giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045

*(*Quy định tại Quyết định số 849/QĐ-ĐHL ngày 27/05/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Tp.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường*

***Quy định tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 07/12/2020 của Hội đồng Trường Trường ĐH Luật Tp.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường)*

Nội dung	Giai đoạn 2014 đến 2020*	Giai đoạn 2021 đến 2030**	Ghi chú
Tâm nhìn	<p>Trường ĐH Luật Tp.HCM là trung tâm đào tạo và NCKH pháp lý;</p> <p>Trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật (theo Quyết định số 549/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/04/2013)</p>	<p>Trường ĐH Luật Tp.HCM là cơ sở đào tạo và NCKH đa ngành, hiện đại; góp phần giải quyết những vấn đề quan trọng trong khoa học, nhất là khoa học pháp lý; có quan hệ quốc tế rộng rãi; giữ vai trò nòng cốt, là chỗ dựa đáng tin cậy trong quan hệ với các cơ sở đào tạo khác, đặc biệt là các cơ sở đào tạo Luật ở các tỉnh phía Nam</p>	<p>Lấy tâm nhìn giai đoạn trước làm nền tảng, đã thay đổi theo hướng phát triển hơn</p>
Sứ mạng	<p>Xây dựng Trường ĐH Luật Tp.HCM trở thành một trong những trung tâm đào tạo và NCKH pháp lý có uy tín trong cả nước và trong khu vực, nhằm cung cấp nguồn lực có trình độ từ trung cấp đến đại học và sau đại học trong lĩnh vực pháp lý cho các địa phương và các bộ ngành; góp phần giải quyết các vấn đề quan trọng trong khoa học pháp lý của cả nước nói</p>	<p>Trường ĐH Luật Tp.HCM là trường đại học công lập hàng đầu về đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước, cung cấp nguồn nhân lực CLC trình độ đại học, sau đại học; là trung tâm NCKH, trọng tâm là khoa học pháp lý, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.</p>	<p>Đã thay đổi theo hướng phát triển hơn</p>

Nội dung	Giai đoạn 2014 đến 2020*	Giai đoạn 2021 đến 2030**	Ghi chú
	chung và của các tỉnh phía Nam nói riêng.		
Giá trị cốt lõi	Chưa có một công bố cụ thể bằng văn bản	Chất lượng – Sáng tạo – Hội nhập – Trách nhiệm	Đã cụ thể hoá bằng văn bản

Để xây dựng tầm nhìn, sứ mạng Nhà trường đã thành lập Tổ công tác soạn thảo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H01.01.05.02] trong đó có nêu rõ nội dung tầm nhìn, mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường, thực hiện quy trình như sau:

Bước 1: Viết dự thảo [H01.01.05.03]

Bước 2: Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan: gửi dự thảo tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển Trường cho viên chức, người lao động; đăng tải lên website Nhà trường để lấy ý kiến từ các bên liên quan. Sau đó, Ban soạn thảo tổng hợp ý kiến và sửa lại dự thảo [H01.01.05.04]

Bước 3: Ban soạn thảo họp và thống nhất nội dung và xin phê duyệt của Hội đồng trường và báo cáo Bộ GD&ĐT

Bước 4: Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H01.01.05.05]

Sứ mạng, tầm nhìn và văn hóa được cải tiến 5 năm/ 1 lần, được thể hiện qua việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM ban hành năm 2020 thay thế cho Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ban hành năm 2015 [H01.01.05.06].

Quy trình xây dựng sứ mạng, tầm nhìn cũng được cải tiến theo thời gian. Khi xây dựng tầm nhìn, sứ mạng giai đoạn 2014 đến 2020, ban soạn thảo chỉ thực hiện với các bước:

Bước 1: Viết dự thảo.

Bước 2: Lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt Nhà trường qua cuộc họp giao ban.

Bước 3: Ban soạn thảo tổng hợp ý kiến góp ý, họp và thống nhất nội dung và xin phê duyệt của BGH và báo cáo Bộ GD&ĐT.

Bước 4: Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM

Với quy trình hiện tại, đã có sự góp ý từ viên chức, người lao động của Nhà trường và các bên liên quan (tại bước 2) – đây là điểm tiến bộ so với quy trình cũ. Khi tâm nhin, sức mạng được lấy ý kiến rộng rãi, Nhà trường sẽ lắng nghe được ý kiến và có được góc nhìn toàn diện từ nhiều đối tượng khác nhau để nghiên cứu, tiếp thu nhằm đưa ra sức mạng, tầm nhìn và văn hoá nhằm phù hợp và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Một là, sức mạng được xây dựng cụ thể, phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Trường gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tp.HCM, Đông Nam bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước.

Hai là, Nhà trường có hệ thống văn bản chặt chẽ, đầy đủ để triển khai tầm nhìn, sức mạng đã được xác định và tuyên bố.

Ba là, các thế hệ lãnh đạo đã có những giải pháp và kế hoạch triển khai cụ thể để phát huy giá trị văn hoá truyền thống của trường trên nền tảng giá trị cốt lõi đã góp phần tạo nên thương hiệu Trường ĐH Luật Tp.HCM ngày nay.

Bốn là, giá trị văn hoá truyền thống với 4 giá trị cốt lõi “Chất lượng – Sáng tạo – Hội nhập – Trách nhiệm” đã được hầu hết viên chức, người lao động và các thế hệ người học đồng lòng xây dựng và giữ gìn.

Năm là, sức mạng, tầm nhìn và giá trị văn hoá của Nhà trường đã được phổ biến, truyền thông tương đối hiệu quả qua nhiều kênh, nhiều hình thức khác nhau đến viên chức, người lao động, các thế hệ người học cũng như các bên liên quan.

Sáu là, sức mạng, tầm nhìn và 4 giá trị cốt lõi được giải thích rõ ràng và có những chính sách, đề án và chương trình hành động cụ thể để thực hiện.

Bảy là, tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Nhà trường đã được đánh giá, rà soát nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, của cả nước và của cả khu vực.

Tám là, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường được điều chỉnh theo chu kỳ 5 năm/1 lần nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Chín là, quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng được cải tiến 5 năm/1 lần theo chu kỳ điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Một là, Nhà trường chưa quan tâm đúng mức đến việc giới thiệu sứ mạng, tầm nhìn của mình đến các bên liên quan.

Hai là, vẫn còn một số ít viên chức, người lao động và bộ phận SV chưa thực sự trân trọng và gìn giữ giá trị cốt lõi. Một vài viên chức, người lao động chưa toàn tâm toàn ý với công việc, chưa hết trách nhiệm trong mọi việc làm.

Ba là, Trường ĐH Luật Tp.HCM còn chậm trong việc công bố và ban hành quy định cụ thể về giá trị cốt lõi. Tuy giá trị cốt lõi đã được xác định từ khi thành lập nhưng đến năm 2022 mới đưa vào chính thức trong văn bản quy định của Nhà trường.

Bốn là, việc rà soát, đánh giá tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi chủ yếu được thực hiện nội bộ trong Nhà trường. Việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan đã có nhưng còn hạn chế. Phản hồi từ các đối tượng tham vấn, các bên liên quan còn chưa nhiều.

Năm là, Nhà trường chưa đẩy mạnh việc lấy ý kiến của các doanh nghiệp, ĐV SDLĐ và các bên liên quan bên ngoài Trường

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường quảng bá tầm nhìn sứ mạng trên các phương tiện thông tin	Trung tâm QHDN&HTSV và các đơn vị liên quan	Hàng năm, từ 2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tiếp tục xây dựng và ban hành các văn bản quy định nội bộ của Nhà trường để điều chỉnh mọi hoạt động trong Trường trên tinh thần văn hoá truyền thống và củng cố giá trị cốt lõi.	Phòng TC-HC và các đơn vị liên quan	Từ năm 2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Hàng năm, khi xây dựng kế hoạch năm học, Nhà trường cần chú trọng chuyển hoá tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi thành chương trình hành động để phổ biến và triển khai thực hiện	BGH, Phòng TC-HC	Hàng năm, từ năm 2022	
4	Khắc phục tồn tại 4	Có biện pháp mở rộng sự tham gia của các bên liên quan vào việc rà soát, đánh giá tầm nhìn và sứ mạng của Trường 5thông qua việc phát triển và áp dụng các	BGH, Phòng TC-HC, Trung tâm QHDN&HTSV	Năm 2022 trở đi	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		phương thức và công cụ hữu hiệu dựa trên nền tảng Internet.			
5	Khắc phục tồn tại 5	Khi rà soát, điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng sẽ chú ý hơn đến việc lấy ý kiến rộng rãi từ các bên liên quan, đặc biệt là các ĐV SDLĐ	Trung tâm QHDN&HTSV	Từ năm 2022 trở đi	
6	Phát huy điểm mạnh 1	Bám sát chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tp.HCM, Đông Nam bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước để xây dựng, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường cho phù hợp nếu có sự thay đổi.	Hội Đồng trường, BGH, Phòng TC-HC và các đơn vị liên quan	Hàng năm, từ năm 2022	
7	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục rà soát, xây dựng và ban hành hệ thống văn bản triển khai sứ mạng, tầm nhìn	Hội Đồng trường, BGH, Phòng TC-HC và các đơn vị liên quan	Hàng năm, từ năm 2022	
8	Phát huy điểm mạnh 3	Tuyên truyền truyền thống lịch sử để thực sự thấm đậm đến mỗi viên chức, người lao động và SV, học viên trong toàn Trường	BGH, Trung tâm QHDN&HTSV và các đơn vị trong Trường	Hàng năm, từ năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
9	Phát huy điểm mạnh 4	Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông có hiệu quả để lan toả các giá trị văn hoá và giá trị cốt lõi nhằm thực thi sứ mạng, đạt được tầm nhìn đã đề ra. Nêu những hoạt động, những tấm gương tốt góp phần củng cố và phát triển các giá trị cốt lõi của Trường	Trung tâm QHDN&HTSV (bộ phận truyền thông) thực hiện	Hàng năm, từ năm 2022	
10	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi đến các bên liên quan	BGH, Phòng TC-HC	Hàng năm, từ 2022	
11	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục cụ thể hoá những chính sách, đề án và chương trình hành động để thực hiện, làm sâu sắc hơn tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi	BGH, Phòng TC-HC	Hàng năm, từ năm 2022	
12	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục rà soát, đánh giá mức độ hoàn thành sứ mạng, mục độ và triển vọng đạt được tầm nhìn và giá trị cốt lõi xác định. Trên cơ sở đó, đưa ra những điều chỉnh phù	Phòng TC-HC chủ trì thực hiện	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		hợp với thực trạng phát triển của Nhà trường			
13	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục duy trì việc cải tiến, điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi cho phù hợp với từng giai đoạn của Nhà trường và của xã hội	BGH, Hội đồng trường, Phòng TC-HC	Từ năm 2022 trở đi	
14	Phát huy điểm mạnh 9	Tiếp tục duy trì việc cải tiến quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt	BGH, Hội đồng trường, Phòng TC-HC	Từ năm 2022 trở đi	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>4,4</i>
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	4
Tiêu chí 1.4	4
Tiêu chí 1.5	4

TIÊU CHUẨN 2. QUẢN TRỊ

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục

Hệ thống quản trị của Trường ĐH Luật Tp.HCM (ULAW) bao gồm Đảng ủy (ĐU), Hội đồng trường (HĐT), BGH, Công đoàn, Đoàn Thanh niên

Hệ thống quản trị của Trường ĐH Luật Tp.HCM được thiết lập theo đúng quy định của Luật Giáo dục đại học và các quy định của pháp luật liên quan [H02.02.01.01], bao gồm: Hội đồng trường, Đảng ủy, Công đoàn và các hội đồng tư vấn như HĐ KH&ĐT; Hội đồng tuyển dụng; Hội đồng xét nâng bậc lương; Hội đồng thi đua, khen thưởng, các Hội đồng được thành lập theo các nhiệm vụ cụ thể.

Hội đồng trường được thành lập gồm 19 thành viên theo quy định của Luật giáo dục đại học [H02.02.01.02]. Hội đồng trường là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của Trường ĐH Luật Tp.HCM. Hội đồng trường có nhiệm vụ quyết nghị chủ trương, chiến lược, kế hoạch phát triển của Trường; quyết nghị phương hướng về các lĩnh vực công tác của Trường. Hội đồng trường hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường (ban hành kèm theo Nghị quyết 25/NQ – HĐTĐHL ngày 05/03/2021) [H02.02.01.03] và theo phương thức thảo luận, thông qua quyết nghị tập thể [MC]. Hội đồng trường Trường ĐH Luật Tp.HCM có Thường trực Hội đồng trường và các Ban trực thuộc phụ trách từng lĩnh vực cụ thể [H02.02.01.04].

Đảng bộ Trường ĐH Luật Tp.HCM là tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng ủy Khối Đại học, Cao đẳng Tp.HCM. Đảng bộ Trường phát triển vững mạnh, trong sạch, luôn tiên phong trong chỉ đạo, đề xuất, định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động của Trường từ Đảng bộ đến Chi bộ. Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 11 thành viên [H02.02.01.05]. Ban chấp hành Đảng bộ chịu trách nhiệm trước Đảng bộ trong việc tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Đảng ủy Khối Đại học, Cao đẳng Tp.HCM, của Thành ủy Tp.HCM và Trung ương; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác của Nhà Trường; hoàn thành nghĩa vụ đối với

Nhà nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Đảng viên, viên chức và người lao động.

Đảng uỷ đã ban hành Quy chế làm việc, các nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các chỉ thị, nghị quyết của cấp uỷ Đảng cấp trên, xây dựng tầm nhìn, sứ mạng và các định hướng lớn của Nhà Trường [H02.02.01.06]. Đảng uỷ chỉ đạo thông qua Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, ban hành Chương trình làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ, bầu ra Ban chấp hành Đảng bộ gồm 11 thành viên và phân công nhiệm vụ cho các Đảng uỷ viên [H02.02.01.07]. Hàng năm, Đảng uỷ đều xây dựng và triển khai kế hoạch công tác năm [H02.02.01.08]. Đảng uỷ đã ban hành nghị quyết kiện toàn công tác tổ chức bộ máy, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, sắp xếp hợp lý và sử dụng có hiệu quả nhân sự, phát huy năng lực NCKH của GV để phát triển Nhà Trường.

BGH gồm Quyền Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng. Quyền Hiệu trưởng là người đại diện cho Trường trước pháp luật, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của Trường trước Hội đồng trường, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Trường. Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng quản lý, điều hành các hoạt động của Trường; được Hiệu trưởng phân công trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lĩnh vực công tác được phân công. BGH của Trường gồm 1 Quyền Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng. Quyền Hiệu trưởng quản lý chung và trực tiếp phụ trách quy hoạch, kế hoạch phát triển Trường, công tác tổ chức cán bộ, tài chính, đào tạo sau đại học, hợp tác quốc tế; 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách NCKH, đào tạo chính quy, các trung tâm đào tạo ngắn hạn; 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách CSVC, quản trị thiết bị, công tác khảo thí, thư viện, học liệu [H02.02.01.09].

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của Nhà Trường đều được thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Công đoàn giáo dục, Đoàn thanh niên Tp.HCM [H02.02.01.10], [H02.02.01.11]. Các tổ chức này đều có chương trình công tác và kế hoạch công tác hàng năm [H02.02.01.12]. Công đoàn thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt văn hóa, tinh thần; phát triển ngày càng vững chắc tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái trong tập thể cán bộ, viên chức và người lao động. Đoàn thanh niên hoạt động tích cực và hiệu quả, xây dựng các cuộc thi, chương trình cho SV tham gia phát huy truyền thống dân tộc,

trách nhiệm xã hội, nhiệt huyết tuổi trẻ, đạt được nhiều thành tích và khen thưởng cấp trên.

Các hội đồng tư vấn gồm:

HĐ KH&ĐT có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về công tác đào tạo, hoạt động KHCN, phát triển đội ngũ [H02.02.01.13]. Hội đồng tuyển dụng tư vấn cho Hiệu trưởng tuyển chọn người có phẩm chất, có năng lực và chuyên môn vào làm việc [H02.02.01.14]. Hội đồng xét nâng bậc lương căn cứ vào các văn bản quy định đề xuất nâng lương cho người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn [H02.02.01.15]. Hội đồng thi đua, khen thưởng căn cứ vào các quy định, thảo luận và bỏ phiếu lựa chọn người xứng đáng đề nghị khen thưởng các cấp [H02.02.01.16]...

Các Hội đồng này được thành lập theo quy định của Luật giáo dục đại học, Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường và yêu cầu từ thực tiễn công việc. Ngoài các Hội đồng trên, Hiệu trưởng có thể thành lập các hội đồng tư vấn khác căn cứ vào tình hình thực tế và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ [H02.02.01.17].

Vai trò và trách nhiệm của hệ thống quản trị được thể hiện rõ trong các quy định kèm theo Nghị Quyết của Hội đồng trường như Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H01.02.01.18]. Trong Quy chế này đã phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị; thể hiện rõ mối quan hệ giữa Hội đồng trường, Đảng ủy, BGH với các đơn vị chức năng trong hệ thống quản trị của toàn trường đảm bảo trách nhiệm thông tin, báo cáo, minh bạch và trách nhiệm giải trình, tính bền vững và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Nhà trường với các cơ quan quản lý Bộ GD&ĐT và địa phương nơi Trường đặt trụ sở theo quy định của pháp luật.

Trường đã xây dựng được một hệ thống các văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường. Hệ thống văn bản này giúp Trường tổ chức, quản lý một cách hiệu quả các hoạt động trong toàn trường. Các Nghị quyết của Đảng bộ, Hội đồng trường đã định hướng chiến lược phù hợp với điều kiện, cơ chế quản lý của Nhà trường đã đảm bảo cho việc thực hiện trách nhiệm giải trình, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị. Các quy chế, quy định và hướng dẫn đã hình thành hệ thống văn bản, giúp các đơn vị, bộ phận triển khai hoạt động có chất lượng. Hệ thống

văn bản của Trường hiện nay được quản lý theo đúng quy định và cập nhật bởi bộ phận Văn thư và trên Website [H02.02.01.19].

Tính minh bạch và giải trình được thể hiện ở chỗ Nhà trường làm việc theo Nghị quyết, kế hoạch. Về phía Đảng ủy, Đảng ủy bầu ra Ủy ban kiểm tra Đảng ủy để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quý đối với các chi bộ trực thuộc cũng như đối với Đảng bộ. Hoạt động này được Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy thực hiện dựa trên kế hoạch hoạt động hàng năm đã được Đảng ủy Trường thông qua và Đảng ủy cấp trên đồng ý. Ngoài ra, hàng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị viên chức và người lao động để tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được và xem xét những hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết của Hội nghị viên chức và người lao động năm học trước, từ đó xây dựng, hoàn chỉnh phương hướng, kế hoạch hoạt động của năm học tiếp theo. Từ Nghị quyết của Hội nghị viên chức và người lao động, vào đầu mỗi năm học, Trường ban hành kế hoạch cụ thể cho từng đơn vị và công khai toàn Trường để từng đơn vị căn cứ vào đó triển khai thực hiện. Cuối mỗi năm học Trường đều có tổng kết, đánh giá, góp ý cuối năm [H02.02.01.20]. Tính bền vững và giảm thiểu rủi ro được thể hiện ở chỗ Nhà trường làm việc theo kế hoạch, có các quy hoạch về đội ngũ viên chức quản lý, kế cận trong từng giai đoạn [H02.02.01.21].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện

Hệ thống quản trị Nhà trường luôn kịp thời đưa ra các Nghị quyết, quyết định và được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, các văn bản thể chế và các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện, cụ thể:

Hội đồng trường họp tối thiểu 03 tháng 01 lần và họp đột xuất khi phát sinh công việc nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng trường trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng trường, Hội đồng trường quyết định chiến lược, chính sách phát triển và các nhiệm vụ khác trong thẩm quyền bằng hình thức ban hành nghị quyết chung và nghị quyết cụ thể. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng trường thì Hiệu trưởng và các đơn vị chức năng có trách nhiệm thực thi và báo cáo Hội đồng trường về kết quả thực hiện nghị quyết khi có yêu cầu [H02.02.02.01].

Đảng uỷ họp thường kỳ 1 tháng một lần và họp đột xuất khi có yêu cầu, ban hành nghị quyết để thực hiện chức năng lãnh đạo. Các nghị quyết này được BGH triển khai thông qua các quyết định quản lý theo các mảng công tác như đào tạo, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng... Ngoài ra, Đảng uỷ còn ban hành chương trình hành động cho cả nhiệm kỳ và cho từng năm. Đảng uỷ ban hành các văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác quy hoạch đội ngũ **[H02.02.02.02]**.

Để thực thi chỉ đạo của Đảng uỷ, Hội đồng trường, BGH xây dựng kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển, kế hoạch công tác hằng năm. BGH đã ban hành các văn bản quản lý, điều hành như: Quy định về NCKH đối với GV, Quy chế tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu thuộc Trường, Quy định về khen thưởng công bố quốc tế. Về công tác tài chính có Quy chế chi tiêu nội bộ. Về công tác tổ chức cán bộ có Quy định về tuyển dụng; Quy định thông qua bài giảng đối với GV; Quy định về đào tạo, bồi dưỡng; Quy định về đánh giá phân loại viên chức, người lao động; Quy định về nâng bậc lương, nâng thâm niên vượt khung; Quy định chế độ làm việc của chế độ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và nghỉ việc riêng... **[H02.02.02.03]**

Các chi bộ và lãnh đạo các đơn vị trong Trường có trách nhiệm triển khai các nghị quyết của Đảng uỷ, các quyết định quản lý của BGH, Hội đồng trường. Trong quá trình điều hành, các nghị quyết và quyết định có thể kèm theo các hướng dẫn triển khai khi cần thiết **[H02.02.02.04]**

Các hội đồng tư vấn: HĐ KH&ĐT, Hội đồng xét nâng bậc lương, Hội đồng thi đua khen thưởng... họp định kỳ và họp thường xuyên khi có nhu cầu. Các cuộc họp đều được ghi biên bản, ra các kết luận và các kết luận được kiến nghị lên Hiệu trưởng xem xét chỉ đạo triển khai **[H02.02.02.05]**

Công đoàn, Đoàn Thanh niên ban hành nhiều văn bản truyền tải về các tổ công đoàn phòng, khoa, các chi đoàn để triển khai thực hiện **[H02.02.02.06]**.

Tóm lại, các quyết định của các hệ thống quản trị đã được truyền tải vào kế hoạch hành động, chính sách và văn bản hướng dẫn để đảm bảo hiệu quả quản trị về mặt tổ chức cũng như các hoạt động giáo dục trong Trường; duy trì hệ thống quản trị vận hành hợp pháp, thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Hệ thống quản trị của Trường ĐH Luật Tp.HCM được tiến hành rà soát thường xuyên theo kế hoạch của Nhà trường và theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

Căn cứ Quy chế làm việc của Đảng ủy Trường [H02.02.03.01], Đảng ủy xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát theo nhiệm kỳ và theo từng năm [H2.02.03.02]. Đây cũng là dịp để Đảng ủy rà soát lại các công tác mà mỗi Đảng ủy viên và toàn Đảng ủy đã chỉ đạo triển khai. Đảng ủy cũng ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Trường ĐH Luật Tp.HCM [H02.02.03.03].

Định kỳ hàng năm, Đảng ủy Trường đều có báo cáo tổng kết, kiểm điểm, đánh giá đối với tập thể và đánh giá đối với các Đảng ủy viên [H02.02.03.04], từ đó có những điều chỉnh, phân công lại nhiệm vụ các Đảng ủy viên. Tiêu chí để kiểm điểm, đánh giá Ban thường vụ Đảng ủy, Ban chấp hành Đảng bộ, các Đảng ủy viên được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Đảng ủy Khối Đại học, Cao đẳng Tp.HCM [H02.02.03.05].

Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy đã xây dựng Đề án rà soát, bổ sung quy hoạch nhân sự BCH Đảng bộ [H02.02.03.06]. Nhân sự Đảng ủy viên được rà soát, cập nhật để phù hợp với yêu cầu công tác thực tế và biến động về nhân sự Đảng ủy viên và thay thế Đảng ủy viên khi Đảng ủy viên chuyển công tác hoặc khi nghỉ hưu [H02.02.03.07].

BGH Nhà Trường đều tiến hành tổng kết cuối mỗi năm nhằm đánh giá việc thực hiện kế hoạch, các kết quả đã đạt được theo các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch năm học. Hoạt động tổng kết được triển khai tại hội nghị viên chức, người lao động tổ chức thường niên [H02.02.03.08]. Việc rà soát được thực hiện trên tất cả các mảng công tác của Nhà Trường: đào tạo, quản lý người học, NCKH, tổ chức, nhân sự, hành chính, hợp tác quốc tế... Đối với những nhiệm vụ chưa hoàn thành được phân tích nguyên nhân, làm rõ trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, từ đó BGH có chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện [H02.02.03.08]. Cuối mỗi năm học, BGH báo cáo, tự đánh giá các lĩnh vực được giao phụ trách [H02.02.03.08].

Hội đồng trường thành lập mới vào tháng 06/2020 đã tiến các hoạt động rà soát, đánh giá xây dựng hệ thống văn bản chỉ đạo điều hành theo đúng quy định và thẩm quyền. Hệ thống văn bản quản lý được rà soát khi có văn bản của cấp trên mới ban hành hoặc có các ý kiến phản hồi từ các bộ phận chức năng trong quá trình thực hiện. Nội

dung rà soát đó là Nghị quyết quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường; các quy chế, quy định về các lĩnh vực như: Quy chế dân chủ; Quy chế tài chính; Quy định bổ nhiệm; công tác đánh giá, phân loại; chế độ làm việc của chế độ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và nghỉ việc riêng; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định về thi đua, khen thưởng [H02.02.03.09].

HĐ KH&ĐT họp định kỳ 2 lần/năm và đột xuất khi có yêu cầu tư vấn cho Hiệu trưởng về các lĩnh vực đào tạo, mở ngành, hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển GV [H02.02.03.10]. Các hội đồng tư vấn khác như Hội đồng xét nâng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng... thường xuyên được rà soát, kiện toàn nhằm đáp ứng đúng quy định của pháp luật, thực hiện tốt nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng trong các mảng công tác của Trường. Thường xuyên rà soát lại chức năng, nhiệm vụ của các hội đồng và các nhân sự của từng hội đồng khi có nhân sự chuyển công tác hay nghỉ hưu.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn.

Hệ thống quản trị của Trường ĐH Luật Tp.HCM sau khi rà soát thì được xem xét tiến hành cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động.

Về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trường được rà soát nên đã có điều chỉnh, cải tiến. Cụ thể là năm 2015, Trường thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động Trường ban hành kèm Quyết định số 849/QĐ - ĐHL ngày 27/05/2015 của Hiệu trưởng nhưng đến năm 2020, Hội đồng trường ban hành quy định mới theo Nghị quyết số 06/NQ – HĐTĐHL ngày 07/12/2020 [H02.02.04.01].

Từ năm 2017 đến 2022, cơ cấu tổ chức được thay đổi như sau: Thành lập 2 đơn vị mới và giải thể 01 đơn vị [H02.02.04.02]. Tính đến nay, Trường có 31 đơn vị thuộc trường bao gồm 08 khoa chuyên ngành, 12 trung tâm, 11 phòng ban chức năng [H02.02.04.03].

Cùng với việc hệ thống quản trị được điều chỉnh, từ đó nhân sự tham gia các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị cũng thay đổi như: điều động và bổ nhiệm 02 viên chức quản lý đơn vị mới thành lập; điều động 01 viên chức quản lý từ đơn vị bị giải thể đến quản lý, giảng dạy tại khoa chuyên môn.

Hệ thống văn bản quản lý do được rà soát nên đã có những điều chỉnh, cải tiến. Kết quả là Quy chế tổ chức và hoạt động được ban hành năm 2015 và được điều chỉnh, thay thế vào năm 2020; Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở ban hành năm 2015, được thay thế năm 2021; Quy định về nâng bậc lương, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung được ban hành năm 2013 và thay thế vào năm 2018; Quy định về chế độ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và nghỉ việc riêng ban hành năm 2013, được thay thế năm 2018; Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành năm 2012 được điều chỉnh, bổ sung và thay thế năm 2018, 2019, 2020; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức quản lý ban hành năm 2013, được thay thế năm 2021; Quy định về thông qua bài giảng đối với GV ban hành năm 2010, được thay thế năm 2019; Quy định về NCKH đối với GV ban hành năm 2018, được thay thế năm 2021. Ngoài ra, Nhà trường còn ban hành thêm các quy chế, quy định mới phù hợp với pháp luật hiện hành, cụ thể như: Quy chế tài chính, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường, **[H02.02.04.04]**.

Các hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng như HĐ KH&ĐT, Hội đồng xét nâng bậc lương, Hội đồng thi đua khen thưởng cũng được rà soát, bổ sung, thay thế về chức năng, nhiệm vụ khi có các văn bản mới quy định của Nhà nước và thay thế khi có nhân sự chuyển công tác hoặc nghỉ hưu nhằm đáp ứng tốt yêu cầu tư vấn cho Hiệu trưởng trong các mảng công tác của Trường **[H02.02.04.05]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Một là, Với thế mạnh là một trong hai cơ sở đào tạo Luật hàng đầu của cả nước, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã xây dựng được hệ thống quản trị đại học đáp ứng yêu cầu của Giáo dục Đại học Việt Nam đúng quy định, đảm bảo ngày càng hội nhập quốc tế. (2.1)

Hai là, Hệ thống quản trị của Trường ĐH Luật Tp.HCM được xây dựng đầy đủ và bài bản, có mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH và các đơn vị chức năng đã phát huy vai trò, trách nhiệm của toàn Trường, đảm bảo hoạt động nhà trường được vận hành một cách nghiêm túc và hiệu quả nhất. (2.1)

Ba là, Đảng ủy, Hội đồng trường ban hành nghị quyết, quyết định, chương trình hành động kịp thời, chính xác để lãnh đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho BGH triển khai thành kế hoạch và các văn bản hướng dẫn triển khai tới các đơn vị trong toàn Trường. (2.2)

Bốn là, Hệ thống văn bản của Nhà trường thường xuyên được rà soát, cải tiến; nội dung các văn bản chỉ đạo được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, các văn bản hướng dẫn đã giúp Trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, thực hiện có hiệu quả chất lượng phát triển của Trường trong từng giai đoạn. (2.2)

Năm là, Hàng năm hệ thống quản trị của Nhà trường đều được rà soát thường xuyên. (2.3)

Sáu là, Hệ thống quản trị của Trường thường xuyên được rà soát kịp thời, sửa đổi, bổ sung, cải tiến nên đã hạn chế được các rủi ro xảy ra. (2.4)

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Một là, Việc phân định trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ giữa các thiết chế Đảng ủy – Hội đồng trường – BGH vẫn chưa thật sự rõ nét. Chưa có quy chế phối hợp làm việc cụ thể giữa 3 thiết chế quản trị lãnh đạo trên. Nguyên nhân là do các quy định về quản trị đại học và các quy định của tổ chức Đảng vẫn còn có những phân định khác biệt. (2.1)

Hai là, Nhà trường chậm trong việc ban hành chiến lược tổng thể phát triển Nhà trường đến năm 2030. Một số nội dung triển khai thực hiện Đề án tổng thể xây dựng Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật TP.HCM thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật được phê duyệt theo Quyết định số 549/QĐ-TTg, ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ chưa đạt được như mục tiêu đề ra. (2.2)

Ba là, Nhà trường chưa ban hành các kế hoạch chung cho hoạt động phục vụ cộng đồng gắn với việc triển khai thực hiện các mục tiêu, sứ mệnh của Nhà trường. (2.2)

Bốn là, Công tác quy hoạch nhân sự lãnh đạo BGH chưa được thực hiện kịp thời theo đúng các quy định. (2.3)

Năm là, Công tác quy hoạch và bồi dưỡng nhân sự chưa liền mạch, dẫn đến nhân sự lãnh đạo ở một số Bộ môn của một số khoa chưa đảm bảo nguồn nhân sự khi kiện toàn. (2.3)

Sáu là, Chưa có kế hoạch tổng thể để rà soát, sắp xếp các đơn vị để tinh giản bộ máy và đầu tư phát triển các đơn vị chiến lược. (2.4)

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Nhà trường sớm ban hành quy chế phối hợp làm việc giữa Đảng ủy – Hội đồng trường – BGH	Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH	Quý 2/2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Ban hành Đề án "Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Tp.HCM đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045"	Hội đồng Trường	Quý 2/2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Ban hành quy định và kế hoạch chung cho hoạt động phục vụ cộng đồng	BGH và các đơn vị có liên quan	Năm 2022 và các năm tiếp theo	
4	Khắc phục tồn tại 4	Thực hiện và ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch nhân sự lãnh đạo Nhà trường theo Kế hoạch đã xây dựng	Tập thể lãnh đạo Trường	Quý 2/2022	
5	Khắc phục tồn tại 5	Đầu tư bồi dưỡng, xây dựng nguồn nhân sự trong quy hoạch đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy	BGH và các đơn vị có liên quan	Từ năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		định để đáp ứng nhu cầu, vị trí việc làm khi cần			
6	Khắc phục tồn tại 6	Xây dựng kế hoạch, đề án sắp xếp lại vị trí việc làm cho phù hợp với nhiệm vụ phát triển nhà trường trong tình hình mới	Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH và các đơn vị liên quan	Quý 2/2022	
7	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường sẽ tiếp tục xây dựng hệ thống quản trị hoàn thiện, theo đúng quy định mới của Luật.	Hội Đồng Trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022	
8	Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường sẽ tạo mối liên hệ bền chặt giữa các đơn vị, phòng ban để phát huy sức mạnh toàn Trường, nâng cao trách nhiệm và hiệu suất công việc.	Hội Đồng Trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022	
9	Phát huy điểm mạnh 3	Đảng ủy, Hội đồng trường tiếp tục ban hành nghị quyết, chương trình hành động, BGH triển khai thành kế hoạch và các văn bản hướng dẫn thực hiện	Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH Nhà Trường	Từ năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
10	Phát huy điểm mạnh 4	Liên tục rà soát hệ thống văn bản của Trường để hoàn thiện, cải tiến hơn, triển khai kịp thời văn bản của cấp trên để đảm bảo cập nhật kịp thời, chính xác và triển khai hoạt động hiệu quả	Đảng ủy, Hội đồng Trường, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	
11	Phát huy điểm mạnh 5	Đảng ủy, Hội đồng trường tiếp tục ban hành nghị quyết, chương trình hành động, BGH triển khai thành kế hoạch và các văn bản hướng dẫn thực hiện việc nâng cao chất lượng đội ngũ, công tác quy hoạch và kiện toàn nhân sự tại một số đơn vị	Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH Nhà Trường	Từ năm 2022	
12	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các đơn vị cho phù hợp	Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH và các đơn vị liên quan	Quý 2/2022	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	4,25

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	4
Tiêu chí 2.3	4
Tiêu chí 2.4	4

TIÊU CHUẨN 3. LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trường ĐH Luật Tp.HCM có cơ cấu quản lý rõ ràng, phù hợp với tình hình thực tế của Trường. Về cơ cấu tổ chức, Nhà trường hiện nay gồm có Hội đồng trường, BGH, 08 Khoa chuyên ngành, 12 trung tâm, 11 phòng ban chức năng và các tổ chức đoàn thể khác được thành lập, quy định trên cơ sở Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường **[H03.03.01.01]**.

Hội đồng trường gồm 19 thành viên, bao gồm 12 thành viên trong trường, 01 thành viên đại diện Bộ GD&ĐT, 01 thành viên đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Tp.HCM là người học, 05 thành viên ngoài trường. Vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng trường được quy định chi tiết tại Điều 3, Nghị quyết 25/NQ-HĐTĐHL ngày 05/03/2021 của Hội đồng trường Trường ĐH Luật Tp.HCM **[H03.03.01.02]**.

BGH gồm 03 người (01 Quyền Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng) quản lý các mặt hoạt động của Nhà trường. Vai trò, trách nhiệm và quan hệ công tác giữa Quyền Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được quy định rõ trong Quy định về việc phân công công tác BGH ban hành kèm theo Quyết định 1326/QĐ-ĐHL ngày 21/12/2020 **[H03.03.01.03]**. Trong phân công nhiệm vụ BGH, Quyền Hiệu trưởng phân công công tác các Phó Hiệu trưởng theo dõi, chỉ đạo, xử lý các công việc thường xuyên thuộc thẩm

quyền của Quyền Hiệu trưởng trong từng lĩnh vực công tác của Trường. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của BGH được quy định tại Mục 3, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H03.03.01.04].

Căn cứ theo thẩm quyền được quy định theo pháp luật hiện hành, Hiệu trưởng đã ký ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường [H03.03.01.05], [H03.03.01.06].

Việc bổ nhiệm các vị trí quản lý của Trường được cụ thể hoá bằng quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức giữ chức vụ quản lý ban hành kèm theo Quyết định 517/QĐ-ĐHL ngày 29/4/2021 của Hiệu trưởng [H03.03.01.07].

Mỗi vị trí quản lý của Trường đều được mô tả công việc, xác định khung năng lực tối thiểu, được quy định trong Đề án vị trí việc làm của Trường [H03.03.01.08], Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường. Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định công nhận đối với Chủ tịch Hội đồng Trường, Hiệu trưởng. Hội đồng trường quyết định bổ nhiệm các Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm đối với các chức vụ lãnh đạo còn lại gồm: Trưởng, Phó Trưởng đơn vị thuộc Trường; Trưởng, Phó Trưởng bộ môn, tổ thuộc khoa, trung tâm [H03.03.01.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH đã kết nối, tuyên truyền, định hướng trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược. BGH đã ban hành văn bản đến các đơn vị thuộc và trực thuộc để tuyên truyền đến toàn thể đội ngũ viên chức, người lao động và học viên, SV trong toàn Trường [H03.03.02.01]. Đối với viên chức, người lao động được Trưởng các đơn vị phổ biến tại cuộc họp của đơn vị; đối với học viên, SV được phổ biến tại buổi sinh hoạt công dân đầu khóa [H03.03.02.02]. Ngoài ra, tầm nhìn sứ mạng còn được phổ biến thông qua đăng trên website của Trường [H03.03.02.03].

Ngoài ra, tại các hội nghị lớn, hội thảo của Trường, trong báo cáo, BGH cũng lồng ghép phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đến các thành phần tham dự [H03.03.02.04]. Sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược còn được BGH thông tin đến các cựu SV, các cơ quan, đơn vị liên kết tại các lễ kỷ niệm ngày truyền thống của Trường [H03.03.02.05]. Qua đó, sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược phát triển Trường được lan tỏa không chỉ đối với viên chức, người lao động, học viên, SV trong Trường mà còn đối với các cựu SV, người thân và các đối tác, cơ quan, đơn vị có công tác với Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Trường đã tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng đơn vị thuộc và trực thuộc Trường. Trường xây dựng Kế hoạch và triển khai đến các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường [H03.03.03.01]. Quy trình được thực hiện như sau: các đơn vị tự rà soát tại đơn vị, đề nghị các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung và gửi văn bản về Phòng TC-HC. Phòng TC-HC tổng hợp, xem xét đưa ra cuộc họp cán bộ chủ chốt lấy ý kiến. Tại cuộc họp, Hiệu trưởng kết luận các vấn đề và giao Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị hoàn thiện và trình Hiệu trưởng ký ban hành. Dựa trên các quy định pháp luật đối với viên chức quản lý, sau khi có kết quả rà soát, tập thể lãnh đạo Trường quyết định thực hiện các biện pháp trên cơ sở các quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động... phù hợp với tình hình thực tế [H03.03.03.02].

Nhân sự tham gia vào cơ cấu lãnh đạo, quản lý của Trường ĐH Luật Tp.HCM được tiến hành đánh giá vào tháng 8 hàng năm và theo nhiệm kỳ. Căn cứ pháp lý để đánh giá gồm: Nghị định 90/2020/NĐ-CP về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của Bộ GD&ĐT; Quyết định số 858/QĐ-ĐHL ngày 22/5/2014 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Tp.HCM về việc ban hành ban hành Quy định đánh giá, phân loại GV, chuyên viên và người lao động của Trường [H03.03.03.03].

Ngoài các tiêu chí đánh giá như đối với các viên chức khác, viên chức quản lý của Trường còn phải đánh giá các nội dung như: kết quả hoạt động của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý; năng lực lãnh đạo, quản lý; năng lực tập hợp, đoàn kết viên chức, người lao động trong đơn vị [H03.03.03.04]. Đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đánh giá; đối với Phó Hiệu trưởng do Hội đồng trường đánh giá; đối với viên chức quản lý Trường, Phó Trường đơn vị trở xuống do Hiệu trưởng đánh giá. Quy trình đánh giá đối với viên chức quản lý được thực hiện như sau: viên chức quản lý tự viết báo cáo, đánh giá kết quả công tác theo chức trách nhiệm vụ được giao và trình bày trước cuộc họp của đơn vị. Kết quả đánh giá tại đơn vị gửi về Phòng TC-HC tổng hợp và báo cáo lại đơn vị, cá nhân có thẩm quyền đánh giá. Đơn vị, cá nhân có thẩm quyền căn cứ vào năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý, phụ trách xem xét và đưa ra kết quả đánh giá. Kết quả đánh giá được thông báo công khai đến các đơn vị, cá nhân [H03.03.03.05].

Từ kết quả đánh giá này, Phòng TC-HC tham mưu cho BGH xem xét việc sắp xếp, bố trí lại đội ngũ viên chức quản lý. Việc đánh giá viên chức quản lý không chỉ được thực hiện thường xuyên hàng năm mà còn được thực hiện đánh giá trước khi bổ nhiệm, khi hết nhiệm kỳ bổ nhiệm lại [H03.03.03.06].

Căn cứ kết quả đánh giá, Nhà trường tiến hành quy hoạch đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý. Việc thực hiện quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của Trường được thực hiện hằng năm và theo quy định của pháp luật hiện hành [H03.03.03.07].

Sau khi có kết quả rà soát đội ngũ lãnh đạo và quản lý, Nhà trường đánh giá lại những việc đã làm được và những việc chưa làm được để rút kinh nghiệm, tiến hành quy hoạch đội ngũ lãnh đạo quản lý và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực thực tiễn đối với một số vị trí lãnh đạo, quản lý.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Trường ĐH Luật Tp.HCM là những người điều hành, giữ vị trí quan trọng trong tổ chức bộ máy của Nhà trường. Đội ngũ này đóng vai trò quyết định trong việc đảm bảo thực hiện thành công chính sách giáo dục và nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo của Nhà trường. Vì vậy, cải tiến đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là hoạt động không thể thiếu được của Trường ĐH Luật Tp.HCM.

Sau khi tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường, Hội đồng trường đã có những quyết định cải tiến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường [H03.03.04.01].

Cơ cấu sau khi được rà soát thì được cải tiến gồm: Trường đã thành lập mới 02 trung tâm (Trung tâm TVTS và Trung tâm Đào tạo trực tuyến), giải thể Trung tâm Nghiên cứu pháp luật về Quyền con người, Quyền công dân [H03.03.04.02].

BGH đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trường, Phó Trường các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường [H03.03.04.03]. Việc triển khai công tác quy hoạch được thực hiện từ đơn vị sau đó Phòng TC-HC báo cáo BGH, báo cáo Đảng ủy xem xét, phê duyệt [H03.03.04.04].

Trong giai đoạn từ năm 2017 - 2022, tổ chức bộ máy của Trường có một số thay đổi quan trọng, từ đó cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng có sự sắp xếp, bố trí và cải tiến theo hướng thay đổi về cơ cấu tổ chức, cụ thể: đối với những đơn vị giải thể thì Nhà trường tiến hành điều chuyển sang đơn vị khác làm công tác giảng dạy hoặc giữ vị trí quản lý ở một đơn vị khác đảm bảo phù hợp với chuyên môn [H03.03.04.05]. Đối với đơn vị mới thành lập, Nhà trường điều động đội ngũ viên chức quản lý từ các đơn vị khác đảm bảo chuẩn về trình độ, chuyên môn, năng lực cho mỗi vị trí công tác [H03.03.04.06].

Việc cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý Nhà trường đã làm tăng hiệu quả quản lý, đáp ứng các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và yêu cầu của xã hội.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý của Nhà trường được thực hiện theo Quy định nội bộ của Nhà trường và pháp luật hiện hành

[H03.03.04.07]. Một số trường hợp viên chức quản lý do sức khỏe yếu hoặc không phù hợp với công tác quản lý đã được Nhà trường cho thôi quản lý, thay thế bởi viên chức khác phù hợp, phát huy được năng lực và hiệu quả quản lý đơn vị [H03.03.04.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Một là, các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường đã được quy định rõ vai trò trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị gắn liền với tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường. (3.1)

Hai là, cơ cấu quản lý của Nhà trường mang tính linh hoạt, có thể thay đổi phù hợp với tình hình, yêu cầu của xã hội (3.1)

Ba là, thông qua các hình thức tuyên truyền, phổ biến như vậy, sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược phát triển Trường được lan tỏa không chỉ đối với viên chức, người lao động, học viên, SV trong Trường mà còn đối với các cựu SV, người thân và các đối tác, cơ quan, đơn vị có công tác với Trường, để từ đó phấn đấu làm việc và học tập theo đúng định hướng của Trường. (3.2)

Bốn là, cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên, quy trình chặt chẽ, đảm bảo được trình tự, thủ tục theo quy định. (3.3)

Năm là, kịp thời quy hoạch đội ngũ lãnh đạo quản lý và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực thực tiễn đối với một số vị trí lãnh đạo, quản lý. (3.3)

Sáu là, việc cải tiến cơ cấu lãnh đạo, quản lý được tiến hành thường xuyên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành. (3.4)

Bảy là, việc luân chuyển viên chức được thực hiện thường xuyên theo đúng quy định pháp luật, phát huy được năng lực và hiệu quả trong quản lý và hoạt động của đơn vị. (3.4)

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Một là, chế độ thông tin, báo cáo đôi lúc còn hạn chế do khối lượng công việc lớn. (3.1)

Hai là, chưa kịp thiết lập một số bộ phận mới đáp ứng theo yêu cầu của tình hình thực tế. (3.1)

Ba là, chưa chú trọng các hình thức tuyên truyền, phổ biến ở quy mô quốc tế, chưa phù hợp với sự thay đổi của tình hình mới và vị thế của Trường. (3.2)

Bốn là, Một số vị trí chức danh quản lý chưa tìm kiếm được nguồn nhân lực đủ tiêu chuẩn để quy hoạch, bổ nhiệm. (3.3)

Năm là, công tác quy hoạch để tìm nguồn viên chức quản lý còn hạn chế. (3.4)

Sáu là, yêu cầu về việc điều động, luân chuyển viên chức quản lý thường xuyên đặt ra thách thức về việc ổn định cơ cấu và hoạt động của đơn vị. (3.4)

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Nhà trường cần cải thiện chế độ thông tin, báo cáo phù hợp với khối lượng công việc	Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Nhà trường cần đẩy nhanh thiết lập một số bộ phận mới đáp ứng theo yêu cầu của tình hình thực tế.	Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Nhà trường cần chú trọng các hình thức tuyên truyền, phổ biến ở quy mô quốc tế	Hội đồng trường, BGH, Trung tâm QHDN&HTSV	Từ năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4	Khắc phục tồn tại 4	Hoàn chỉnh các cơ chế, chính sách, đặc biệt về phân bổ công việc và chế độ đãi ngộ cho nhân lực lãnh đạo hoặc các nhân sự được quy hoạch; gắn chặt các giải pháp rõ ràng sau khi thực hiện rà soát nhằm tăng hiệu quả của công tác, đảm bảo chất lượng nhân sự lãnh đạo	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	
5	Khắc phục tồn tại 5	Tích cực xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực đối với một số vị trí lãnh đạo, quản lý theo từng năm và theo từng giai đoạn	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	
6	Khắc phục tồn tại 6	Sớm lập kế hoạch luân chuyển viên chức để bồi dưỡng năng lực thực tiễn trong nội bộ của Trường và ổn định cơ cấu và hoạt động của đơn vị	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	
7	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường cần tiếp tục quy định rõ vai trò trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị; phân định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo của nhân sự tham gia cơ cấu quản lý	Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
8	Phát huy điểm mạnh 2	Luôn bám sát yêu cầu của thực tiễn để xây dựng và điều chỉnh cơ cấu tổ chức hợp lý	Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	
9	Phát huy điểm mạnh 3	Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến đối với viên chức, người lao động, học viên, SV trong Trường; các cựu SV, người thân và các đối tác, cơ quan, đơn vị có công tác với Trường	Hội đồng trường, BGH, Trung tâm QHDN&HTSV	Từ năm 2022	
10	Phát huy điểm mạnh 4	Thường xuyên rà soát, đảm bảo quy trình chặt chẽ, trình tự, thủ tục theo quy định đối với cơ cấu lãnh đạo, quản lý	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	
11	Phát huy điểm mạnh 5	Khẩn trương xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực thực tiễn đối với một số vị trí lãnh đạo, quản lý	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	
12	Phát huy điểm mạnh 6	Thường xuyên cải tiến cơ cấu lãnh đạo, quản lý trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành; bồi dưỡng năng lực cán bộ; đưa ra khỏi	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		quy hoạch những người không còn đủ điều kiện			
13	Phát huy điểm mạnh 7	Chú trọng công tác luân chuyển viên chức đảm bảo phù hợp với chuyên môn, trình độ, năng lực công tác; phát huy được năng lực và hiệu quả trong quản lý và hoạt động của đơn vị	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	5
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	5

TIÊU CHUẨN 4. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Trường ĐH Luật Tp.HCM có bề dày lịch sử vẻ vang với những thành quả đáng ghi nhận trong quá trình hình thành và phát triển. Nhận thức được vị thế và sứ mạng của mình, Nhà trường luôn nỗ lực để hoàn thiện bộ máy, củng cố chuyên môn để luôn là một trong hai cơ sở giáo dục đại học trọng điểm đào tạo cán bộ pháp luật trên cả nước. Để có được tầm nhìn phát triển bền vững, Nhà trường nhận thấy việc lập một kế hoạch chiến lược dài hạn sẽ giúp cho việc thực hiện các mục tiêu của Nhà trường đạt hiệu quả cao.

Bước đầu khi lập kế hoạch chiến lược, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Phòng TC-HC là đơn vị chủ trì việc xây dựng, là thư ký và có trách nhiệm đốc thúc, theo dõi việc triển khai kế hoạch chiến lược dài hạn của Nhà trường [H04.04.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 76/QĐ-ĐHL ngày 15/03/2007 để thành lập Tổ công tác xây dựng kế hoạch chiến lược chung dài hạn [H04.04.01.02] bao gồm nhiều GV, chuyên viên giàu kinh nghiệm để cùng với đơn vị chủ trì xây dựng nên một chiến lược phát triển trọng tâm, thể hiện được định hướng của Nhà trường.

Với sự nghiên túc đó, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã ban hành kế hoạch chiến lược dài hạn trong “Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐH Luật Tp.HCM đến năm 2020” và được Bộ GD&ĐT phê duyệt tại Quyết định số 6002/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2007 [H04.04.01.03]. Để dễ dàng triển khai và xây dựng được Đề án nêu trên, Nhà trường đã đề ra quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược nhằm khái quát hóa các công việc cần phải thực hiện và là các mốc thời gian cụ thể hoàn thành dự thảo [H04.04.01.04]. Quy trình bắt đầu từ việc thành lập Tổ công tác để xây dựng dự thảo theo từng lĩnh vực cho đến khi Nhà trường triển khai rộng rãi đến toàn thể viên chức, người lao động. Trong giai đoạn lấy ý kiến, Nhà trường đã gửi Dự thảo cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội và các cá nhân trong Trường để thu thập góp ý. Kết quả của bước này là việc Nhà trường đã điều chỉnh các nội dung trong dự thảo dựa trên trí tuệ tập thể thu thập được [H04.04.01.05].

Nhận thấy Đề án quy hoạch chiến lược tổng thể nêu trên vẫn bị hạn chế bởi thời gian có hiệu lực (năm 2020) và chưa điều chỉnh được chi tiết các mục tiêu trọng yếu, Nhà trường đã nỗ lực xây dựng, triển khai và lồng ghép các nội dung quan trọng vào một số Đề án, kế hoạch thành phần như Đề án vị trí việc làm của Trường giai đoạn 2018-2023 về nguồn nhân lực **[H04.04.01.06]**, Đề án thí điểm đổi mới cơ chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường từ năm 2017-2021 (Đề án 521) và Đề án tổng thể xây dựng Trường ĐH Luật Tp.HCM thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật từ năm 2013-2020 (Đề án 549) về tài chính, CSVC, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H04.04.01.07]**... Kinh nghiệm từ việc xây dựng Đề án chiến lược tổng thể, các Đề án sau này đều thực hiện theo quy trình một cách khoa học, có sự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Từ việc xác định các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể trong kế hoạch chiến lược, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã triển khai thực hiện bằng việc xây dựng Văn kiện Hội nghị viên chức, người lao động các năm từ 2017 đến 2022 **[H04.04.01.08]**; kế hoạch triển khai nhiệm vụ NCKH hằng năm **[H04.04.01.09]**; kế hoạch tuyển dụng viên chức hằng năm **[H04.04.01.10]**; kế hoạch làm việc của các đơn vị, cá nhân; Đề án tuyển sinh các hệ đào tạo hằng năm **[H04.04.01.11]**... Mỗi kế hoạch ngắn hạn đều là những kế hoạch hành động cụ thể để Nhà trường từng bước đạt được mục tiêu như kỳ vọng. Hằng năm, sau khi tổng kết hoạt động của các đơn vị trong Báo cáo tại Văn kiện Hội nghị viên chức, người lao động, Nhà trường luôn cân nhắc, điều chỉnh các mục tiêu cụ thể cho từng đơn vị trước khi đưa vào phương hướng hành động cho năm tiếp theo. Công tác quản trị rủi ro này được thực hiện hằng năm và thể hiện rõ nhất trong biên bản các cuộc họp của Ban soạn thảo Văn kiện **[H04.04.01.12]**.

Trong giai đoạn 2017-2022, các kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường còn hiệu lực và liên tục tiếp nối, bổ sung cho nhau để luôn đảm bảo Nhà trường có một chiến lược phát triển bền vững, phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu Nhà trường mong muốn hướng đến.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Các kế hoạch chiến lược của Nhà trường luôn bổ trợ cho nhau để chi tiết hóa chiến lược phát triển mà Nhà trường định hướng. Trên cơ sở đó, các kế hoạch được quán triệt đến từng cá nhân, đơn vị và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn, trung hạn nhằm từng bước đạt được mục tiêu đã đề ra.

Đối với các kế hoạch dài hạn, việc xác định các lĩnh vực cụ thể dựa vào 03 văn bản chính đó là Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐH Luật Tp.HCM đến năm 2020; Đề án thí điểm đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà trường (Đề án 521) và Đề án tổng thể xây dựng Trường ĐH Luật Tp.HCM thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật từ năm 2013-2020 (Đề án 549), cụ thể như sau:

- **Về nguồn nhân lực:** Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực được thể hiện qua nhiều văn bản khác nhau của Nhà trường như Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2018-2023 [H04.04.02.01], Đề án 549, Đề án 521. Theo đó, kế hoạch phát triển đội ngũ được xác định cụ thể theo từng năm học, từng trình độ, từng chức danh và Nhà trường có kế hoạch cụ thể để tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực của mình [H04.04.02.02]. Tính đến 31/12/2021, đội ngũ nhân sự của Nhà trường tuy chưa đạt được mục tiêu như mong muốn tại Đề án 549, Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2018-2023 nhưng đã tăng lên đáng kể so với đầu kỳ đánh giá, gồm 18 Phó Giáo sư, 55 Tiến sĩ, 225 Thạc sĩ, 74 Cử nhân, 277 GV và 116 nhân viên hành chính, phục vụ [H04.04.02.03]. Kết quả của việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nguồn nhân lực là Nhà trường sẽ xây dựng được đội ngũ nhân sự có quy mô lớn về số lượng và mạnh về chất lượng, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu của Nhà trường và xu thế phát triển của xã hội.

- Về tài chính: Các Đề án chiến lược đã đề ra lộ trình thực hiện các chiến lược của Nhà trường trong từng giai đoạn nhất định. Từ đó, Nhà trường hoạch định nguồn tài chính phù hợp với nội dung của từng giai đoạn, từng lĩnh vực, từng mục tiêu. Kết quả của việc thực hiện phân bổ tài chính trong từng năm được thể hiện trong Báo cáo tài chính [H04.04.02.04] của năm đó và được sự giám sát, kiểm tra của cơ quan tài chính cấp trên cũng như Kiểm toán Nhà nước.

- Về cơ sở vật chất: Đây là mục tiêu mà Nhà trường nỗ lực thực hiện để ngày càng mở rộng quy mô phát triển, điều này được thể hiện rõ nét trong Đề án 521. Cụ thể, một

trong những nội dung đổi mới cơ chế hoạt động về CSVC là chủ trì việc mua sắm trang thiết bị phục vụ các hoạt động của Nhà trường (như việc sửa chữa, trùng tu, mua sắm mới các thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin, CSVC được phân chia thẩm quyền quyết định cho Hiệu trưởng và Hội đồng trường [H04.04.02.05]), đồng thời tiếp tục bố trí vốn để hoàn thành các dự án đang triển khai tại Phường Long Phước, TP. Thủ Đức [H04.04.02.06]. Việc triển khai thực hiện các mục tiêu của chiến lược chung thành các kế hoạch hành động cụ thể trên thực tế đạt được hiệu quả cao, giúp cho Nhà trường xác định được các mục tiêu trong tương lai gần.

- **Về đào tạo:** Có thể đánh giá rằng, kế hoạch chiến lược có ảnh hưởng rất lớn đến công tác đào tạo của Nhà trường. Với định hướng rõ ràng trong Đề án quy hoạch phát triển tổng thể đến năm 2020, Nhà trường sẽ đào tạo đa ngành, trong đó ngành Luật là trọng tâm và trở thành một cơ sở NCKH pháp lý ở phía Nam [H04.04.02.07]. Kết quả, Nhà trường đã mở thêm các ngành, CTĐT mới như ngành Luật Thương mại quốc tế, chương trình CLC ngành Quản trị kinh doanh, chương trình Cử nhân Luật CLC được đào tạo bằng Tiếng Anh [H04.04.02.08] và đang trong quá trình mở ngành đào tạo Tiến sĩ Luật Quốc tế để đáp ứng được nhu cầu của xã hội và tận dụng các nguồn nhân lực sẵn có. Bên cạnh đó, quy mô đào tạo của Nhà trường tính đến 31/12/2021 là 10.094 người học, tiệm cận với mục tiêu mà Đề án chiến lược tổng thể đã đặt ra, tuy nhiên vẫn chưa đạt được con số ấn tượng như Đề án 549 mong đợi.

- **Về NCKH:** Nhận thức được đây là lĩnh vực trọng tâm bên cạnh công tác đào tạo, Nhà trường chú trọng phát triển NCKH trong đội ngũ GV, chuyên viên và SV đang theo học tại Trường. Các quy định về NCKH, nhóm nghiên cứu được ban hành như Quy định về NCKH (được rà soát, sửa đổi hằng năm), Quy định về tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu, Quy chế về khen thưởng và công bố quốc tế [H04.04.02.09]; các hội thảo về NCKH SV, GV được tổ chức định kỳ và tập trung vào những đối tượng riêng biệt [H04.04.02.10], các hình thức khen thưởng được áp dụng nhằm khuyến khích tinh thần nghiên cứu của SV, GV [H04.04.02.11]. Đồng thời, hoạt động nghiên cứu được thể hiện qua kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ hằng năm [H04.04.02.12]. Việc phát triển NCKH được thực hiện đúng theo định hướng của Nhà trường.

- **Về lĩnh vực phục vụ cộng đồng:** Chủ yếu được thể hiện bằng những hoạt động cụ thể trong từng năm học ở hai khía cạnh là kết nối cộng đồng và phục vụ cộng đồng. Với mục tiêu mà Nhà trường đang hướng đến, hoạt động phục vụ cộng đồng là một khía

canh để giải quyết các vấn đề pháp lý đang tồn tại trong xã hội. Đối với hoạt động kết nối cộng đồng, một số đơn vị đã thực hiện khá tốt việc cung cấp các dịch vụ ra xã hội như Trung tâm TVPL (các hoạt động tư vấn pháp luật có thu phí), Trung tâm Đào tạo ngắn hạn, Trung tâm Sở hữu trí tuệ (các khóa học đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp...), Trung tâm Học liệu cung cấp các nguồn sách cho SV trong và ngoài Trường, Nhà trường thực hiện các công trình nghiên cứu, tư vấn có thu phí cho các tổ chức, cá nhân bên ngoài...; kết quả triển khai được thể hiện trong Văn kiện Hội nghị viên chức, người lao động hằng năm cũng như các Báo cáo năm học [H04.04.02.13]. Đối với hoạt động phục vụ cộng đồng, đây là hoạt động được đồng đảo các thành phần trong Trường tham gia, thể hiện qua các hoạt động tư vấn pháp luật cho những đối tượng đặc biệt (Trung tâm TVPL), tư vấn tuyển sinh (Trung tâm TVTS) cũng như các hoạt động tình nguyện của Đoàn trường – Hội SV Trường. Các hoạt động trên đều được thể hiện thông qua Văn kiện Hội nghị viên chức, người lao động hằng năm, các Báo cáo năm học cũng như các báo cáo tổng kết các hoạt động tình nguyện của Đoàn trường – Hội SV trường [H04.04.02.14].

Vào đầu mỗi năm học, dựa trên chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, Nhà trường đều xây dựng nhiệm vụ trọng tâm cho các đơn vị thuộc và trực thuộc thông qua các Chỉ thị năm học [H04.04.02.15] và phương hướng cụ thể trong Văn kiện Hội nghị viên chức, người lao động [H04.04.02.16] hằng năm. Thông qua việc giao nhiệm vụ hàng năm, các đơn vị thuộc Trường đã triển khai các hoạt động có liên quan một cách hiệu quả. Không chỉ Nhà trường công khai các thông tin minh bạch bằng nhiều hình thức như triển khai trong Hội nghị viên chức, người lao động; giao ban hàng quý đối với cán bộ chủ chốt cấp Trường [H04.04.02.17] mà các đơn vị thuộc Trường còn chủ động cụ thể hóa và triển khai thực hiện đến từng cá nhân thông qua các cuộc họp chuyên môn, niêm yết tại nơi làm việc [H04.04.02.18]...

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Chuyển tải các mục tiêu trong Kế hoạch chiến lược tổng thể đã đề ra, Nhà trường thực hiện việc xây dựng các chỉ số thực hiện cụ thể, từ đó thiết lập hệ thống đo lường các chỉ số đã thực hiện được, xây dựng các chỉ tiêu phân đầu để đạt được các chỉ số đề

ra bằng việc giao nhiệm vụ kế hoạch công tác hằng năm cho từng đơn vị trong toàn Trường.

Ngoài việc triển khai các chiến lược dài hạn, Nhà trường còn lập kế hoạch ngắn hạn bằng các Chỉ thị năm học [H04.04.03.01] theo từng năm học dựa trên các Chỉ thị của Bộ GD&ĐT để phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị. Trong đó, một số nhiệm vụ trọng tâm được thực hiện thường xuyên để triển khai chiến lược phát triển Nhà trường có thể kể đến như:

- **Chỉ tiêu phấn đấu chính về đào tạo:** Tập trung vào chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm thông qua Đề án tuyển sinh [H04.04.03.02]. Với sự gia tăng về chất lượng và số lượng GV theo từng năm, chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà trường tăng từ 2415 người học (năm 2017) đến 2598 (năm 2021) [H04.04.03.03]. Đồng nghĩa với điều đó, quy mô đào tạo của Nhà trường cũng tăng lên từ 834 (năm 2017) đến 1094 (năm 2021) [H04.04.03.04]. Dù cho sự tăng lên này là một sự nỗ lực của Nhà trường trong bối cảnh quy định pháp luật hạn chế chỉ tiêu tuyển sinh của các trường đại học, cao đẳng, chỉ tiêu về quy mô đào tạo vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu mà Đề án 549 đặt ra (tính đến năm 2020, Trường ĐH Luật Tp.HCM có khoảng 16.000 người học) [H04.04.03.05]. Trong khi đó, những mục tiêu về việc mở ngành đào tạo đã được Nhà trường phấn đấu đạt được. Cụ thể, Đề án chiến lược tổng thể xác định chỉ tiêu về việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, ngành Luật Thương mại quốc tế (đến năm 2010), ngành anh văn pháp lý (đến năm 2011) [H04.04.03.06] và Nhà trường đã hoàn thành các mục tiêu nêu trên vượt chỉ tiêu. Hiện nay, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã có đủ 05 ngành đào tạo thạc sĩ Luật, 04 ngành đào tạo Tiến sĩ Luật; ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng anh pháp lý), ngành Quản trị Luật, ngành Luật Thương mại quốc tế đã được đưa vào hoạt động một cách ổn định, tạo được uy tín cao; đồng thời mở mới 01 CTĐT cử nhân Luật được giảng dạy bằng tiếng Anh đầu tiên tại Việt Nam [H04.04.03.07].

- **Chỉ tiêu phấn đấu chính nguồn nhân lực:** Kế hoạch về tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, GV, chuyên viên được xác định trên cơ sở định hướng phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường thể hiện qua Đề án chiến lược phát triển tổng thể; Kế hoạch phát triển trình độ chuyên môn của GV từ năm 2017 đến năm 2021 và Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2018 – 2021. Với mục tiêu số lượng vị trí việc làm theo chức danh nghề nghiệp năm 2021 tại

Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2018-2023 là 117 chuyên viên và 281 GV [H04.04.03.08], Nhà trường đã thực hiện các đợt tuyển dụng hằng năm [H04.04.03.09] để tiến gần hơn với mục tiêu đặt ra, kết quả, đến 31/12/2021, Nhà trường có 277 GV cơ hữu và 117 chuyên viên. Giai đoạn 2018-2022, Nhà trường khuyến khích và đẩy mạnh công tác xét công nhận chức danh giáo sư, phó giáo sư cũng như đẩy nhanh tiến độ hoàn thành chương trình NCS, thạc sĩ; kết quả, có 06 Phó giáo sư được bổ nhiệm và 62 GV hoàn thành chương trình thạc sĩ, tiến sĩ [H04.04.03.10]. Bên cạnh đó, việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, GV được thực hiện mỗi 2 năm dựa vào nhu cầu của các đơn vị và tình hình mở lớp của các đơn vị phối hợp. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV từ năm 2017 đến năm 2022 dựa vào loại hình đào tạo, bồi dưỡng [H04.04.03.11].

- **Chỉ tiêu về NCKH:** Được thể hiện bằng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ hằng năm [H04.04.03.12]. Trong đó, Nhà trường đặt mục tiêu cụ thể trong phương hướng của Văn kiện Hội nghị viên chức, người lao động [H04.04.03.13] mỗi GV phải có ít nhất 01 bài viết hoặc tham gia 01 công trình NCKH mỗi năm. Năm 2022, toàn bộ GV Nhà trường vượt chỉ tiêu đặt ra [H04.04.03.14]. Nhà trường liên tục đẩy mạnh các hoạt động Hội thảo, hội nghị, đặt chỉ tiêu mỗi năm có ít nhất 01 Hội thảo quốc tế, 04 hội nghị, hội thảo cấp trường và mỗi khoa chủ trì thực hiện ít nhất 01 hội thảo cấp khoa [H04.04.03.15]. Nhận thấy việc công bố các đề tài, bài báo quốc tế vẫn còn hạn chế trong đội ngũ GV, Nhà trường đã ban hành Quy định khen thưởng các công bố quốc tế (ban hành kèm theo Quyết định số 679/QĐ-ĐHL ngày 20/08/2021) và đã có 03 GV của Nhà trường đáp ứng đủ điều kiện nhận khen thưởng [H04.04.03.16].

- **Chỉ tiêu về hoạt động về hợp tác quốc tế:** Việc lập kế hoạch cho những đoàn ra, đoàn vào hằng năm được thực hiện ngay từ đầu năm học. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn duy trì và gia hạn thực hiện những bản MOU [H04.04.03.17] với các đối tác đào tạo Luật trên thế giới để cùng xây dựng nên những CTĐT, những sự tương trợ nhất định về đào tạo và NCKH. Hoạt động này được thực hiện thường xuyên trong năm;

- **Chỉ tiêu về lĩnh vực cơ sở vật chất:** Mục tiêu này được triển khai trên thực tế bằng việc đầu tư xây dựng cơ sở 3 tại Phường Long Phước, TP. Thủ Đức. Đây là mục tiêu mà Đề án 521 đặt ra về CSVC [H04.04.03.18]. Đến 31/12/2021, Nhà trường đã hoàn thiện giai đoạn 1 của dự án và tiếp tục thực hiện giai đoạn 2. Từ khi Hội đồng trường được thành lập, các kế hoạch sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng CSVC, hạ tầng công

nghệ thông tin của Nhà trường được xác định từ đầu năm học và xin ý kiến thông qua [H04.04.03.19].

- **Chỉ tiêu về tài chính:** Nhà trường đã được đổi mới cơ chế hoạt động bằng Đề án 521 nên chế độ tài chính của Nhà trường đã được chuyển sang chế độ tự chủ từ năm 2017. Định kỳ Quý 1 hằng năm, Phòng Tài chính – Kế toán cân đối nguồn thu – nguồn chi để đề ra dự toán cho năm đó và thực hiện báo cáo tài chính cho năm trước đó. Nhờ vào cơ chế tự chủ, Nhà trường thực hiện tự chủ và chịu trách nhiệm trong việc lập kế hoạch và quyết định sử dụng kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp của Trường để tiếp tục đầu tư mở rộng CSVN, đào tạo nhân lực, bảo đảm chất lượng đào tạo NCKH [H04.04.03.20].

- **Chỉ tiêu về phục vụ cộng đồng:** Các chỉ tiêu này chủ yếu được triển khai thành các kế hoạch hành động trong Văn kiện Hội nghị viên chức, người lao động hằng năm của Nhà trường hoặc Kế hoạch hoạt động hằng năm của Đoàn trường – Hội SV Trường. Đơn cử như việc Trung tâm Đào tạo ngắn hạn xác định mục tiêu năm 2021 là duy trì ổn định số lượng các khóa đào tạo và duy trì doanh thu bằng hoặc tăng 10% so với năm 2020. Tương tự, Trung tâm TVPL đề ra phương hướng cho năm học 2022 là tổ chức ít nhất 20 vụ việc tư vấn pháp luật miễn phí, ít nhất 05 chương trình tại địa phương và cộng đồng [H04.04.03.21]. Ngoài ra, hoạt động tình nguyện của SV Nhà trường cũng rất sôi nổi khi thực hiện mỗi năm 02 chương trình tình nguyện lớn theo kế hoạch chung của Đoàn thanh niên – Hội SV thành phố là Xuân Tình nguyện và Mùa Hè Xanh, các đơn vị cấp dưới đăng ký ít nhất 01 chương trình tình nguyện cấp Khoa và mỗi chi đoàn thực hiện ít nhất 01 chương trình tình nguyện mỗi năm. Với mục tiêu đã đề ra, Đoàn trường – Hội SV trường luôn hoàn thành KPIs đã đề ra [H04.04.03.22].

Trong kế hoạch nêu rõ các chỉ số này được rà soát theo chu kỳ, theo năm, theo tháng nhằm kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện, điều chỉnh kịp thời những tồn tại và đảm bảo mục tiêu của chiến lược không đi sai hướng. Điều này thể hiện qua báo cáo tổng kết công tác tháng, công tác năm học của các đơn vị, của Nhà trường và các đoàn thể [H04.04.03.23], xét thi đua cá nhân để đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch công tác tại đơn vị [H04.04.03.24].

Phòng TC-HC là đơn vị đầu mối giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu đã đề ra và tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Nhà trường. Bên cạnh đó, Hội nghị viên

chức, người lao động là diễn đàn để lãnh đạo Nhà trường lắng nghe ý kiến của viên chức, người lao động về các kế hoạch, dự định của Nhà trường, đánh giá hoạt động của các đơn vị trong năm học so với mục tiêu mà đơn vị đề ra [H04.04.03.25].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Giáo dục hiện nay đang có sự chuyển mình một cách nhanh chóng nên chiến lược của Nhà trường vì thế cũng cần có sự cải tiến cho phù hợp với tình hình thực tế này. Dưới góc độ quản trị Nhà trường, Tập thể lãnh đạo và các đội ngũ tham mưu đã không ngừng cải tiến, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chiến lược mới để định hướng phát triển phù hợp (thể hiện qua việc xây dựng Đề án xây dựng Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật Tp.HCM thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ pháp luật (Đề án 549), Đề án đổi mới cơ chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM (Đề án 521), Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2018-2021). Có thể thấy được sự hạn chế của kế hoạch chiến lược cũ là việc quy hoạch trong khoảng thời gian quá dài (mười lăm năm) khiến kế hoạch trở nên lỗi thời, không còn phù hợp với nhu cầu của xã hội. Vì thế, một số cải tiến có thể nhận thấy trong các kế hoạch chiến lược sau này đó là việc thay đổi cách tiếp cận và cách xác định hệ thống các chỉ tiêu, tăng quyền tự chủ hơn cho Nhà trường về mọi mặt và đưa cơ chế giám sát của Hội đồng trường, của các tổ chức, cá nhân trong Trường vào chiến lược, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ.

Nếu như Đề án chiến lược phát triển tổng thể xác định các chỉ số cố định, cụ thể các mục tiêu nhưng lại khá cao và chưa đề cao cơ chế rà soát, công khai minh bạch và cơ chế giám sát của các đơn vị, tổ chức trong và ngoài Trường thì đến Đề án 549, Đề án 521 đã có sự cải tiến đáng kể. Đề án 549 đã được chú trọng hơn về cơ chế rà soát và xác định những chỉ tiêu cân đối hơn trong giai đoạn 2013-2020 [H04.04.04.01]. Đến Đề án 521, khi mà chế định Hội đồng trường xuất hiện và thể hiện vai trò quan trọng trong bộ máy của trường đại học cũng như mở ra quy định tự chủ toàn phần cho Nhà trường, tất yếu chiến lược của Nhà trường rẽ sang một định hướng mới, tiến bộ hơn, phù hợp với xu thế phát triển của các cơ sở giáo dục đại học hiện nay [H04.04.04.02].

Không chỉ cải tiến các đề án chiến lược phát triển của Nhà trường, các kế hoạch hằng năm của các đơn vị cũng có sự điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế của đơn vị, của nhu cầu xã hội và sự rà soát theo từng năm. Đơn cử như phương hướng hoạt động của các đơn vị trong Văn kiện Hội nghị viên chức, người lao động năm học 2020-2021 đề ra chỉ tiêu khá cao cho năm học tiếp theo [H04.04.04.03]. Tuy nhiên, vì lý do khách quan mà Nhà trường không đạt được mục tiêu đó, các đơn vị trong Trường đã có sự cải tiến phương thức thực hiện cũng như điều chỉnh các chỉ tiêu để phù hợp hơn với tình hình thực tế của đơn vị trong năm tiếp theo.

Đến cuối năm 2021, Đề án 521 đã hết hiệu lực và Nhà trường đã thực hiện Đề án tự chủ của Trường ĐH Luật Tp.HCM, đã được Hội đồng trường thông qua bằng Nghị quyết số 30/NQ-HĐT ngày 20/9/2021 [H04.04.04.04]. Bên cạnh đó, Đề án 549 cũng hết hiệu lực từ năm 2020 và Nhà trường đang trong giai đoạn thảo luận với Trường ĐH Luật Hà Nội cũng như xin ý kiến Bộ Tư pháp để tiếp tục thực hiện giai đoạn 2 của Đề án [H04.04.04.05]. Quan trọng nhất, để thay thế cho Đề án chiến lược phát triển tổng thể Nhà trường đến năm 2020, Nhà trường đã xây dựng “Đề án chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Tp.HCM đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045”. Các đề án nêu trên được xây dựng trong giai đoạn mới, có sự sửa đổi, bổ sung cho nhau và đã được lấy ý kiến từ nhiều nguồn khác nhau, từ SV, học viên, ĐV SDLĐ, các cơ quan, tổ chức nhà nước đến việc tổ chức các hội thảo [H04.04.04.06] để thảo luận về các nội dung quan trọng, góp phần xác định chiến lược của Nhà trường một cách đúng đắn, hiện đại và dân chủ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 4

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Một là, với việc phân công một đơn vị chuyên môn phụ trách công tác xây dựng chiến lược, theo dõi chiến lược, Nhà trường đã có được một kế hoạch chiến lược dài hạn và có tầm nhìn, có hiệu quả, bám sát theo các lĩnh vực mà Nhà trường đặt trọng tâm, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi mà Nhà trường hướng đến.

Hai là, những kế hoạch ngắn hạn trong việc cụ thể hóa các nội dung của chiến lược phát triển được ban hành cụ thể, vẫn đang có hiệu lực thi hành và đã phát huy được hiệu quả nhất định. Điều đó là kết quả của việc công khai thông tin một cách minh bạch, cụ thể và sát sao của Nhà trường đến các cá nhân, đơn vị.

Ba là, Nhà trường đã triển khai rất tốt các kế hoạch hành động để cụ thể hóa các kế hoạch chiến lược đã đề ra. Từ đó, các hoạt động được thực hiện đúng tiến độ, đúng chỉ tiêu đã đề ra.

Bốn là, Nhà trường đã nỗ lực để cải tiến kế hoạch chiến lược theo hướng hiện đại, dân chủ, phù hợp để đáp ứng được nhu cầu xã hội và tiềm năng của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Một là, việc xây dựng kế hoạch chiến lược tổng thể của Nhà trường chưa được xây dựng đảm bảo sự tiếp nối giữa các giai đoạn. Nhà trường vẫn có một khoảng thời gian gián đoạn các kế hoạch chiến lược để đề ra kế hoạch mới.

Hai là, một số mục tiêu về nguồn nhân lực và quy mô đào tạo trong các kế hoạch chiến lược chưa phù hợp với tình hình phát triển của Nhà trường.

Ba là, một số mục tiêu chiến lược chính được đề ra chưa phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường vì vậy không thể đạt được KPIs đề ra.

Bốn là, vẫn chưa có kế hoạch chiến lược tổng thể để định hướng Nhà trường phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Cần theo dõi liên tục để đảm bảo sự tiếp nối giữa các kế hoạch chiến lược trong các giai đoạn khác nhau.	Hội đồng trường, BGH, lãnh đạo các khoa, phòng, trung tâm	Từ năm 2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Rà soát lại hệ thống các chỉ tiêu trong các kế hoạch chiến lược để định lượng phù hợp với tình hình thực tế.	Hội đồng trường, BGH, lãnh đạo các	Từ năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
			khoa, phòng, trung tâm		
3	Khắc phục tồn tại 3	Cần điều chỉnh hệ thống các chỉ tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế và hài hòa giữa các Đề án chiến lược phát triển.	Hội đồng trường, BGH, lãnh đạo các khoa, phòng, trung tâm	Từ năm 2022	
4	Khắc phục tồn tại 4	Nhanh chóng ban hành kế hoạch chiến lược tổng thể cho giai đoạn tiếp theo để điều chỉnh những điểm chưa phù hợp trong giai đoạn trước.	Hội đồng trường, BGH, lãnh đạo các khoa, phòng, trung tâm	Từ năm 2022	
5	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phát huy hiệu quả và bám sát những trọng tâm của Kế hoạch chiến lược chung trong một số lĩnh vực thế mạnh, từ đó xây dựng kế hoạch chiến lược cho giai đoạn mới.	Hội đồng trường, BGH, lãnh đạo các khoa, phòng, trung tâm	Từ năm 2022	KHCL phát triển Trường đã hết hạn, Nhà trường đang xây dựng kế hoạch mới.
6	Phát huy	Tiếp tục phát huy những hiệu quả nhất định từ việc triển khai các kế	Hội đồng trường,	Từ năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	điểm mạnh 2	hoạch ngắn hạn để cụ thể hóa kế hoạch chiến lược chung.	BGH, lãnh đạo các khoa, phòng, trung tâm		
7	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục phát huy các chỉ tiêu phấn đấu chính, triển khai các hành động cụ thể, đánh giá và điều chỉnh liên tục để đạt được hiệu quả tối ưu.	Hội đồng trường, BGH, lãnh đạo các khoa, phòng, trung tâm	Từ năm 2022	
8	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục phát huy đội ngũ cố vấn bên ngoài Trường để có sự điều chỉnh chiến lược phù hợp với nhu cầu của xã hội.	Hội đồng trường, BGH, lãnh đạo các khoa, phòng, trung tâm	Từ năm 2022	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	4
Tiêu chí 4.1	4
Tiêu chí 4.2	4

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 4.3	4
Tiêu chí 4.4	4

TIÊU CHUẨN 5. CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Trường ĐH Luật Tp.HCM xác định các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng là những nhiệm vụ trọng tâm của Trường. Do vậy, quy trình triển khai xây dựng chính sách về các hoạt động này luôn được Trường quan tâm. Trên cơ sở thực hiện tuân thủ theo hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ GD&ĐT cùng như tham chiếu, bám sát sứ mạng và tầm nhìn của Trường. Trường ĐH Luật Tp.HCM đã thiết lập hệ thống để xây dựng hệ thống văn bản quy chế, quy định nội bộ phục vụ cho các hoạt động này, để từng bước chuẩn hóa hoạt động quản lý của Trường như sau:

Sự phân công các đơn vị được thể hiện trong quyết định thành lập các đơn vị thuộc và trực thuộc trường và quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể như: Trường đã phân công Phòng đào tạo phụ trách đề xuất xây dựng các chính sách về đào tạo thuộc các trình độ và hình thức đào tạo khác nhau **[H05.05.01.01]**. Giao Phòng QL NCKH&HTQT đề xuất xây dựng các chính sách về NCKH theo định hướng phát triển của Trường, tạo sự thuận tiện cho các cán bộ GV, SV tham gia thực hiện NCKH như các chính sách về đăng ký, thực hiện và thanh toán đề tài NCKH các cấp để thu hút các GV tham gia; các chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phong trào NCKH SV trong toàn trường **[H05.05.01.02]**.

Về các chính sách phục vụ cộng đồng, các đơn vị trực thuộc Trường có hoạt động liên kết với các đơn vị bên ngoài, hỗ trợ cộng đồng được giao đề xuất xây dựng các chính sách gắn liền với chức năng hoạt động của từng đơn vị. Cụ thể, Trung tâm Đào tạo ngắn hạn, Trung tâm Sở hữu trí tuệ được giao nhiệm vụ đề xuất xây dựng các chính sách kết nối cộng đồng trong việc tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn theo nhu cầu của doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức **[H05.05.01.03]**, **[H05.05.01.04]**; Trung tâm Học liệu phụ trách đề xuất chính sách gắn với hoạt động phát hành sách của trường với các đơn

vị liên kết [H05.05.01.05]; Đoàn trường – Hội SV trường, Trung tâm TVPL được giao xây dựng các chính sách tuyên truyền, phổ biến pháp luật và trợ giúp pháp lý cộng đồng [H05.05.01.06], [H05.05.01.07]; Trung tâm TVTS xây dựng các chính sách về tư vấn tuyển sinh [H05.05.01.08]; Công đoàn trường được giao xây dựng các chính sách về hoạt động thiện nguyện cho các CDV [H05.05.01.09].

Ngoài ra, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có nêu rõ trách nhiệm của các đơn vị trong việc tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H05.05.01.10].

Trường thông báo văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách đến các đơn vị để thực hiện [H05.05.01.11]. Bên cạnh đó, chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ cũng được các đơn vị chuyên môn đề xuất thông qua việc xây dựng các kế hoạch của lĩnh vực liên quan [H05.05.01.12].

Trong quá trình xây dựng, đề xuất các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ, các đơn vị được giao nhiệm vụ luôn tuân thủ hướng dẫn về xây dựng chính sách của Trường [H05.05.01.13]. Bên cạnh đó, nội dung các chính sách luôn tuân thủ các văn bản quy định về chủ trương của Đảng, các yêu cầu quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Khoa học và Công nghệ các thông tư và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H05.05.01.14], [H05.05.01.15], [H05.05.01.16], [H05.05.01.17]. Ngoài ra, các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được xây dựng, đề xuất, ban hành dựa trên sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược Trường [H05.05.01.18].

Đối với các chính sách thuộc các lĩnh vực trên, các đơn vị được giao thẩm quyền xây dựng có triển khai lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan như: các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, SV, các nhà tuyển dụng, các đoàn thể. Cụ thể như, đơn vị xây dựng quy chế, chính sách về đào tạo đại học, sau đại học; quy trình xây dựng và ban hành quy chế, quy định về quản lý hoạt động đào tạo đại học, đào tạo trình độ thạc sỹ, đào tạo trình độ tiến sỹ được triển khai khoa học và bài bản: Các phòng đào tạo và Trung tâm Khảo thí dự thảo quy chế đào tạo, quy chế tổ chức thi và đánh giá quá trình học tập của người học: được gửi đến lấy ý kiến các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, HĐ KH&ĐT và tổ chức họp lấy ý kiến các đơn vị chủ chốt trước khi trình Hiệu trưởng ký duyệt và phát hành. Các quy định, quy trình này thường xuyên được lấy ý kiến phản hồi từ các đơn vị trong trường, GV và SV để hiệu chỉnh và cập nhật, bổ sung.

Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cụ thể hóa bằng văn bản và được ban hành để triển khai thực hiện. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, chính sách về đào tạo: hệ thống các văn bản quản lý về đào tạo; chính sách tăng cường thu hút học sinh giỏi vào học ở trình độ đào tạo đại học của Trường; chính sách bồi dưỡng nâng cao chất lượng giảng dạy; chính sách đào tạo song bằng và đào tạo CLC, văn bằng 2 [H05.05.01.19], [H05.05.01.20], [H05.05.01.21], [H05.05.01.22].

Thứ hai, chính sách về NCKH: các quy chế về triển khai biên soạn Giáo trình, tập bài giảng, công nhận sáng kiến; thành lập các nhóm nghiên cứu và tổ tư vấn về phương pháp NCKH và công bố quốc tế cho GV [H05.05.01.23]; xây dựng quy định về khen thưởng công bố quốc tế [H05.05.01.24]; ban hành quy định mới về hoạt động NCKH của GV thuộc trường [H05.05.01.25], theo đó việc tham gia viết bài cho tạp chí khoa học được xem là một trong các tiêu chí để xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm học.

Thứ ba, chính sách về phục vụ cộng đồng: chính sách tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp cho học sinh THPT; chính sách phục vụ đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu địa phương; hỗ trợ tài chính và các điều kiện để các tổ chức đoàn thể như Công Đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV thực hiện các hoạt động công ích phục vụ cộng đồng; kế hoạch hàng năm về hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo của Đoàn Thanh niên và Hội SV Trường [H05.05.01.26], [H05.05.01.27], [H05.05.01.28], [H05.05.01.29].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện

Cùng với việc thực hiện và triển khai các chính sách, việc phân công theo dõi và giám sát việc thực hiện về chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được giao cho các bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm theo dõi việc thực hiện chính sách ban hành của mỗi đơn vị. Để thực hiện việc giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ, Hiệu trưởng đã phân công các phòng đào tạo theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách về đào tạo [H05.05.02.01]; phân công Phòng QL NCKH&HTQT theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách về NCKH, [H05.05.02.02]; phân công các đơn vị có chức năng kết nối, hỗ trợ cộng đồng theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách về phục vụ

cộng đồng gắn với chức năng riêng của từng đơn vị [H05.05.02.03], [H05.05.02.04]. Bên cạnh đó, Phòng TC-HC là đơn vị tổng hợp kết quả theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ của toàn Trường [H05.05.02.05].

Trong văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Trường ban hành có nội dung hướng dẫn thực hiện giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H05.05.02.06]. Theo đó, các đơn vị được phân công có trách nhiệm theo dõi, giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ trong năm học và báo cáo kết quả thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị [H05.05.02.07], [H05.05.02.08], [H05.05.02.9]. Tại các cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Trường yêu cầu các đơn vị giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H05.05.02.10]. Các đơn vị báo cáo việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị [H05.05.02.11]. Tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV quy định về việc giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường đồng thời lắng nghe các ý kiến phản hồi của CB, GV, NV về các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H05.05.02.12].

Hằng năm, việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ và giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị [H05.05.02.13], [H05.05.02.14], [H05.05.02.15]. Bên cạnh đó, kết quả giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được thể hiện trong Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm [H05.05.02.16].

Ngoài ra, các ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại hàng năm giữa lãnh đạo Trường với SV cũng như thông qua các buổi họp lớp thể hiện sự giám sát của SV đối với việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ mà Trường đã ban hành [H05.05.02.17], [H05.05.02.18].

Đặc biệt, Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc họp “Đối thoại SV” lắng nghe những phản hồi từ phía người học về toàn bộ các chương trình học, cơ chế chính sách dành cho người học phản hồi để kịp thời điều chỉnh và bổ sung; Phòng CTSV là đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch và có sự tham gia của các đơn vị phối hợp như phòng Đào tạo, Đoàn Thanh niên, Hội SV và các đơn vị liên quan [H05.05.02.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên

Hệ thống xây dựng chính sách được Nhà trường phân công và triển khai xây dựng đảm bảo đúng quy trình, bên cạnh đó Nhà trường có quy định về rà soát chính sách định kỳ hàng năm, trên cơ sở đó các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức rà soát, cập nhật các văn bản, quy chế, quy định do các quy định của Nhà nước thay đổi và nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, cụ thể như sau:

Trong văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Trường ban hành có nội dung quy định hàng năm các đơn vị tiến hành rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ do Trường ban hành [H05.05.03.01]. Theo đó, các phòng đào tạo rà soát chính sách về ĐT; Phòng QL NCKH&HTQT rà soát chính sách về NCKH, Trung tâm Đào tạo ngắn hạn, Trung tâm Sở hữu trí tuệ, Trung tâm học liệu, Đoàn trường – Hội SV trường, Công đoàn, Trung tâm TVTS, Trung tâm TVPL rà soát các chính sách về PVCĐ. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban giữa Hiệu trưởng với lãnh đạo các đơn vị, Trường thường xuyên tiến hành rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H05.05.03.02]. Ngoài ra, việc rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được thực hiện thông qua việc tiếp thu các ý kiến của CB, GV, NV tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị, tại Hội nghị Viên chức và Người lao động hàng năm cũng như ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại hàng năm giữa lãnh đạo Trường với SV, tại các cuộc họp lớp [H05.05.03.03]. Hàng năm, Trường và các đơn vị rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị [H05.05.03.04]. Trên cơ sở đó, Trường dự kiến sẽ ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Tp.HCM đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 trong đó có các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H05.05.03.05]. Ngoài ra, các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được cập nhật trong Nghị quyết của Đảng bộ và Hội đồng trường [H05.05.03.06].

Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV về các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H05.05.03.07], [H05.05.03.08], [H05.05.03.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, rà soát, đánh giá của các bên liên quan về chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ, Trường phân công các đơn vị đề xuất cải tiến, điều chỉnh các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H05.05.04.01], [H05.05.04.02], [H05.05.04.03]. Hiệu trưởng Trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để thông qua các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ được điều chỉnh, cải tiến [H05.05.04.04]. Trong giai đoạn vừa qua, Trường ban hành nhiều chính sách cải tiến về hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H05.05.04.05], [H05.05.04.06], [H05.05.04.07]. Trường thông báo các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ được điều chỉnh, cải tiến đến các đơn vị để thực hiện [H05.05.04.08].

Trường phân công Trung tâm ĐBCL&PPGD là đơn vị chủ trì việc lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV về các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H05.05.04.09], [H05.05.04.10], [H05.05.04.11]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H05.05.04.12]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại hàng năm giữa lãnh đạo Trường với SV thể hiện mức độ hài lòng về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H05.05.04.13], [H05.05.04.14], [H05.05.04.15]. Với việc điều chỉnh, cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, Trường đã đạt nhiều thành tích và nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H05.05.04.16], [H05.05.04.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Một là, có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng tương đối hoàn chỉnh.

Hai là, Nhà trường có đơn vị chuyên trách tổ chức theo dõi và giám sát việc tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH (Phòng Thanh Tra, Phòng QL NCKH&HTQT, Trung tâm Khảo thí, Trung tâm ĐBCL&PPGD) thông qua các đợt đánh giá nội bộ.

Ba là, Trường xây dựng quy trình giám sát sự tuân thủ bằng văn bản và hoạt động giám sát được thực hiện bởi các cán bộ có kinh nghiệm.

Bốn là, các đơn vị phụ trách theo dõi, giám sát có báo cáo công việc định kỳ hằng tháng, hằng năm theo quy định của Trường.

Năm là, Trường có quy định và thực hiện việc rà soát định kỳ hằng năm các chính sách đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Các chính sách về đào tạo, NCKH cũng thường xuyên được rà soát, cập nhật cho phù hợp với các quy định mới hoặc theo sự thay đổi thực tế của Nhà trường.

Sáu là, các chính sách về đào tạo, NCKH của Trường đã nhiều lần được cập nhật, sửa đổi cho phù hợp với các quy định mới và có nhiều cải tiến đáng kể nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trường.

Bảy là, Nhà trường thường xuyên tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan thông qua khảo sát SV vào mỗi học kỳ; cựu SV vừa tốt nghiệp và các ĐV SDLĐ trên thị trường. Kết quả cho thấy các bên liên quan hài lòng về các chính sách đào tạo, NCKH của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Một là, Trường chưa xây dựng các chính sách riêng dành cho hoạt động phục vụ cộng đồng.

Hai là, chưa phân công đơn vị chịu trách nhiệm chính liên quan phục vụ cộng đồng để xây dựng, tổ chức triển khai, đánh giá và cải tiến các hoạt động này.

Ba là, sứ mạng và mục tiêu hoạt động hiện nay của Trường chưa thể hiện nhiệm vụ liên quan tới phục vụ cộng đồng.

Bốn là, việc thực hiện giám sát sự tuân thủ các chính sách về NCKH và phục vụ cộng đồng của Trường còn ít so với giám sát tuân thủ các chính sách về đào tạo. Trường chưa thực hiện giám sát về hoạt động phục vụ cộng đồng.

Năm là, Trường chưa có kế hoạch tổng thể về việc rà soát các chính sách mà chỉ thực hiện điều chỉnh theo yêu cầu thực tế hoặc có phát sinh.

Sáu là, đối tượng và quy mô của các cuộc khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với các chính sách về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng chưa được đa dạng và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

3. Kế hoạch cải tiến

St t	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng chính sách riêng cho hoạt động phục vụ cộng đồng, đồng thời hướng dẫn cho cán bộ thực hiện	BGH; Thành viên của các đơn vị: Phòng TC-HC, Trung tâm QHDN&HTSV, Trung tâm TVPL, Trung tâm ĐTNH, Đoàn trường – Hội SV trường.	Quý II/2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tổ chức bộ máy Nhà trường có một đơn vị chịu trách nhiệm chính liên quan phục vụ cộng đồng	BGH; Phòng TC-HC	Trong năm 2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Cập nhật nội dung sứ mạng, mục tiêu của Trường có bao gồm hoạt động phục vụ cộng đồng	BGH; Phòng TC-HC	Trong năm 2022	
4	Khắc phục tồn tại 4	Tăng cường theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng theo các chính sách đã đặt ra	Phòng Thanh Tra, Phòng QL NCKH&HTQT, Trung tâm ĐBCL&PPGD phối	Đầu năm 2022 trở đi	

St t	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
			hợp với các đơn vị liên quan		
5	Khắc phục tồn tại 5	Lập kế hoạch rà soát tổng thể các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng từ đầu năm	Phòng Thanh Tra, các phòng Đào tạo, Phòng QL NCKH&HTQT, Trung tâm ĐBCL&PPGD phối hợp với các đơn vị liên quan	Đầu năm 2022 trở đi	
6	Khắc phục tồn tại 6	Tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo với sự tham gia của các ĐV SDLĐ, các cơ quan nhà nước, các khóa SV đã tốt nghiệp để lấy ý kiến khảo sát về các chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Trung tâm QHĐN&HTSV, Trung tâm ĐBCL&PPGD phối hợp với các đơn vị liên quan	Đầu năm 2022 trở đi	
7	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục duy trì và hoàn thiện hệ thống hiện nay để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH	BGH; Các đơn vị có chức năng liên quan.	Trong năm 2022	
8	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục tăng cường công tác theo dõi và giám sát việc tuân thủ các chính sách tại các đơn vị chuyên trách	Phòng Thanh Tra, Phòng QL NCKH&HTQT, Trung tâm ĐBCL&PPGD phối hợp với các đơn vị liên quan	Đầu năm 2022 trở đi	

St t	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
9	Phát huy điểm mạnh 3	Rà soát, hoàn thiện các văn bản quy định về quy trình giám sát và tăng cường việc phổ biến, thực hiện các quy trình	Phòng Thanh Tra, Phòng QL NCKH&HTQT, Trung tâm ĐBCL&PPGD phối hợp với các đơn vị liên quan	Đầu năm 2022 trở đi	
10	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục duy trì việc báo cáo định kỳ về công tác theo dõi, giám sát việc tuân thủ chính sách	Phòng Thanh Tra, Phòng QL NCKH&HTQT, Trung tâm ĐBCL&PPGD phối hợp với các đơn vị liên quan	Đầu năm 2022 trở đi	
11	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá nội bộ, đánh giá ngoài theo tiêu chuẩn ISO 9001 để rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Trung tâm ĐBCL&PPGD phối hợp với các đơn vị liên quan	Đầu năm 2022 trở đi	
12	Phát huy điểm mạnh 6	Thường xuyên rà soát, cập nhật quy định để cải tiến các chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động	Phòng TC-HC, các đơn vị liên quan	Đầu năm 2022 trở đi	
13	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục duy trì việc lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách đào tạo, NCKH của Trường	Trung tâm ĐBCL&PPGD phối hợp với các đơn vị liên quan	Đầu năm 2022 trở đi	

4. *Mức đánh giá*

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	5
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	5
Tiêu chí 5.4	5

TIÊU CHUẨN 6. QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Nhà trường luôn xác định rõ nguồn nhân lực là một trong những yếu tố tiên quyết nhất khi xây dựng trường đại học và việc quy hoạch nguồn nhân lực là cơ sở cho việc nâng cao chất lượng của các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Trường được xác định trong “*Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2006 – 2020*” được Bộ GD&ĐT phê duyệt tại Quyết định số 6002/QĐ-BGD ngày 21 tháng 9 năm 2007 về việc phê duyệt “*Đề án quy hoạch tổng thể phát triển Trường ĐH Luật TP.HCM đến năm 2020*”. Theo Kế hoạch, đến năm 2020, tổng số GV, cán bộ NCKH của Trường có khoảng 610 người, trong đó phân đầu 50% số GV có học vị tiến sĩ; 40% có trình độ thạc sỹ; 5% GV và cán bộ có học hàm giáo sư, phó giáo sư; 3% GV cao cấp, 30% GV chính; 100% GV thành thạo ít nhất một ngoại ngữ, trong đó 70% GV thành thạo tiếng Anh và có 145 cán bộ quản lý và nhân viên phục vụ [H06.06.01.01].

Sau một thời gian thực hiện, để đảm bảo định hướng phát triển của Nhà trường phù hợp với chủ trương chung của Nhà nước là cho phép các cơ sở giáo dục đại học được thí điểm tự chủ, Trường đã điều chỉnh quy hoạch về nguồn nhân lực thể hiện trong *Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức đến năm 2020 – Phụ lục 7 của Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Luật TP.HCM”* ban hành kèm theo Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt

Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Luật TP.HCM. Theo đó, kế hoạch phát triển đội ngũ được xác định cụ thể đến từng năm học, từng trình độ, chức danh; trong đó, xác định đến năm học 2019 – 2020, số lượng GV cơ hữu của Trường là 443 người, gồm: 6 Giáo sư, 22 Phó Giáo sư, 60 Tiến sĩ, 251 Thạc sĩ, 104 Cử nhân và số lượng đội ngũ cán bộ hành chính, phục vụ của Nhà trường là 150 người **[H06.06.01.02]**.

Để thực hiện chiến lược phát triển nêu trên và phù hợp với tình hình cụ thể, Trường đã xây dựng Kế hoạch đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực để đáp ứng nhiệm vụ đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu nhân sự của các đơn vị trong toàn trường. Kế hoạch về nhu cầu nguồn nhân lực được lồng ghép trong Đề án vị trí việc làm của Trường giai đoạn 2018 – 2021. Kế hoạch chỉ rõ nhu cầu về số lượng và tiêu chuẩn nhân lực cần có ứng với từng vị trí chức danh của từng bộ phận. Trong Đề án vị trí việc làm xác định rõ số lượng người ở từng vị trí việc làm giai đoạn 2018 -2021 làm cơ sở để Nhà trường tuyển dụng, đưa vào quy hoạch nhân sự, bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo cho phù hợp với kế hoạch. Cụ thể, Đề án vị trí việc làm đã phân thành 3 nhóm với số lượng vị trí việc làm và số lượng người làm việc giai đoạn 2018 -2021 cụ thể như sau: (1) Số lượng vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành là 49 vị trí việc làm với số lượng người làm việc là 68 người; (2) Số lượng vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp là 366 vị trí việc làm với số lượng người làm việc là 434 người; (3) Số lượng vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ là 23 vị trí việc làm với số lượng người làm việc là 32 người **[H0 6.06.01.03]**.

Công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường ĐH Luật TP.HCM được thực hiện đồng bộ ở tất cả các nhóm đối tượng nhưng nhìn chung có thể khái quát thành hai nhóm chính là quy hoạch đối với viên chức quản lý và quy hoạch đối với GV, chuyên viên, người lao động. Công tác quy hoạch viên chức quản lý đối với các vị trí lãnh đạo từ cấp Bộ môn trở lên được thực hiện theo đúng quy định của Nhà Trường **[H06.06.01.04]**. Trong giai đoạn 2017-2022, Trường ban hành Quyết định số 434/QĐ-ĐHL ngày 25/3/2019 về việc công bố nhân sự quy hoạch của Trường ĐH Luật TP.HCM, Quyết định số 550/QĐ-ĐHL ngày 07/7/2020 về việc sửa đổi bổ sung quy hoạch nhân sự giai đoạn 2018-2023 và Quyết định số 554/QĐ-ĐHL ngày 26/5/2021 về việc công bố kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý giai đoạn 2021-2023 **[H06.06.01.05]**.

Kết quả của việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nguồn nhân lực trên là Nhà trường đã xây dựng được nguồn nhân lực có quy mô lớn về số lượng và mạnh về chất lượng. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, số lượng GV cơ hữu tham gia CTĐT ngành Luật chưa quy đổi của Trường là 202 GV, trong đó có 12 phó giáo sư, 39 tiến sỹ, 148 thạc sỹ và 03 cử nhân [H06.06.01.06]; số lượng nhân viên tham gia hỗ trợ CTĐT ngành Luật là 111 người, trong đó có 23 thạc sỹ, 70 cử nhân, 08 cao đẳng, 01 trung cấp và 08 trung học phổ thông [H06.06.01.07]. Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, Trường còn xây dựng được đội ngũ GV thỉnh giảng là những chuyên gia, GV, những người làm thực tiễn có học hàm, học vị cao, có nhiều kinh nghiệm thực tế từ các trường đại học, các cơ quan, đơn vị tham gia giảng dạy cho Trường [H06.06.01.08].

Ngoài ra, từ năm 2017 đến năm 2022, Nhà trường đã có nhiều đợt triển khai công tác quy hoạch viên chức quản lý. Công tác quy hoạch được thực hiện theo trình tự, thủ tục chặt chẽ, có thành lập Tổ công tác quy hoạch nhân sự để triển khai công tác quy hoạch. Kết quả của công tác quy hoạch nhân sự được thể hiện qua việc Nhà trường ban hành các quyết định công bố quy hoạch nhân sự giai đoạn 2014 – 2018, 2018 – 2020, 2018 - 2023 và các quyết định sửa đổi, bổ sung quy hoạch nhân sự vào các năm 2016, 2018 [H06.06.01.09]. Cụ thể, trong giai đoạn từ năm 2017 – 2022, Nhà trường đã tiến hành bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 47 GV vào các vị trí lãnh đạo cấp Bộ môn, cấp Khoa, cấp Phòng – Trung tâm và 36 CB, GV giữ các chức vụ từ Tổ trưởng đến Trưởng, Phó các đơn vị [H06.06.01.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến

Trong các văn bản liên quan đến phát triển nguồn nhân lực của Trường đều xác định cụ thể tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên làm việc tại Trường trong từng năm học [H06.06.02.01]. Trên cơ sở đó, hàng năm, Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và đề bạt, bổ nhiệm viên chức quản lý nhằm đáp ứng chỉ tiêu đã đề ra.

Trong Nghị quyết số 06/NQ-HĐTĐHL về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM ngày 07/12/2020 của Hội đồng Trường đã quy định

cụ thể về tiêu chuẩn, tiêu chí, quy trình công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế đối với cán bộ, GV và nhân viên của Nhà trường từ Chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký Hội đồng trường, Thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Chủ tịch và các thành viên của HĐ KH&ĐT cho đến Trưởng khoa, Phó trưởng khoa, Trưởng Bộ môn; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng **[H06.06.02.02]**.

Tiêu chí và quy trình tuyển dụng đối với GV, nhân viên được Nhà trường thực hiện theo Quy định về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của Trường ĐH Luật TP.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 1452/QĐ-ĐHL ngày 12/8/2015 đối với các trường hợp được tuyển dụng từ ngày 21/01/2019 trở về trước và Quy định Tuyển dụng viên chức của trường ĐH Luật TP. HCM ban hành kèm theo quyết định số 133/QĐ-ĐHL ngày 22/01/2019 của Hiệu trưởng trường ĐH Luật TP. HCM đối với các trường hợp được tuyển dụng từ ngày 22/01/2019 trở về sau **[H06.06.02.03]**.

Công tác bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho GV, nhân viên được Nhà trường tiến hành thường xuyên, công khai, theo đúng quy định, quy trình **[H06.06.02.04]**. Việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp dành cho ba đối tượng: (1) Người hết tập sự GV đạt yêu cầu tập sự; (2) Người chuyển đổi từ chức danh nghề nghiệp khác sang chức danh nghề nghiệp GV; (3) Người chuyển đổi chức danh nghề nghiệp lên hạng cao hơn sau khi đã thi thăng hạng hoặc được xét thăng hạng.

Đối với các vị trí lãnh đạo, quản lý từ cấp Bộ môn trở lên, việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức quản lý được thực hiện theo Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường ĐH Luật TP.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 995/QĐ-ĐHL ngày 19/6/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật TP.HCM đối với các trường hợp được quy hoạch viên chức quản lý trước ngày 29/4/2021 và được thực hiện theo Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm từ chức, miễn nhiệm đối với viên chức quản lý của Trường ĐH Luật TP.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 517/QĐ-ĐHL ngày 29/4/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật TP.HCM đối với các trường hợp được quy hoạch viên chức quản lý từ ngày 29/4/2021 trở về sau **[H06.06.02.05]**. Tiêu chuẩn, tiêu chí để được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo cũng như quy trình bổ nhiệm, bổ

nhệm lại vị trí lãnh đạo đều được quy định rõ trong các văn bản này của Nhà trường. Nhìn chung, công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý được thực hiện công khai; theo đúng quy hoạch; quy trình; phù hợp với trình độ, năng lực, kinh nghiệm của người được bổ nhiệm; đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm và nhu cầu của Nhà trường. Trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2022, Nhà trường đã tiến hành bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 47 GV vào các vị trí lãnh đạo cấp Bộ môn, cấp Khoa, cấp Phòng – Trung tâm và 36 trường hợp giữ các chức vụ từ Tổ trưởng đến Trưởng, Phó các đơn vị [H06.06.02.06]. Hiện nay, phần lớn lãnh đạo các Khoa, đơn vị khối phòng, Trung tâm của Trường đều có học vị tiến sĩ, thạc sĩ phù hợp với vị trí công việc đảm nhận, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng và đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc [H06.06.02.07].

Các văn bản quy định về các tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau như thông báo công khai rộng rãi trên website của Nhà trường; gửi văn bản giấy và file mềm đến các Khoa, đơn vị thuộc Trường qua đường văn thư và qua email; gửi các văn bản, thông báo, quyết định qua email đến tất cả các đơn vị, cá nhân trong Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau

Việc xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực, bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau luôn được Nhà trường quan tâm. Năng lực của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được thể hiện thông qua trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; mức độ hoàn thành công việc được giao; sự hài lòng của các bên liên quan và là một trong những yếu tố quyết định góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động của cơ sở giáo dục.

Trong Nghị quyết số 06/NQ-HĐTĐHL về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật TP.HCM ngày 07/12/2020 của Hội đồng Trường đã quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực của cán bộ, GV và nhân viên của Nhà trường từ Chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký Hội đồng trường, Thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Chủ tịch và thành viên của HĐ KH&ĐT cho đến Trưởng khoa, Phó trưởng khoa, Trưởng Bộ môn; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng [H06.06.03.01]. Đây

là văn bản quan trọng có tính toàn diện, lâu dài về tiêu chuẩn năng lực, kỹ năng của đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên của Trường.

Bên cạnh Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Trường, Nhà trường cũng cụ thể hóa các tiêu chuẩn năng lực, bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên trong Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2018 – 2021 thông qua mô tả về việc xác định vị trí việc làm. Bản mô tả vị trí việc làm trong Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2018 – 2021 của Trường không chỉ yêu cầu đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên phải đáp ứng được các tiêu chuẩn, tiêu chí cho từng công việc mà còn nêu rõ những công việc cụ thể phải thực hiện của từng vị trí việc làm - thể hiện được tiêu chuẩn năng lực làm việc của mỗi người, mỗi chức danh ở các vị trí khác nhau và các yêu cầu cần có cho các vị trí việc làm này - thể hiện được kỹ năng cần có để đảm đương được công việc. Đề án vị trí việc làm của Trường đã xác định và phân thành 3 nhóm vị trí việc làm, gồm: (1) Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành; (2) Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp; (3) Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ. Mỗi vị trí việc làm từ lãnh đạo quản lý các cấp đến đội ngũ GV, nhân viên, người lao động đều có bản mô tả về khung tiêu chuẩn của từng vị trí, đặc biệt là Đề án vị trí việc làm của Trường đã mô tả chi tiết các công việc của Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GV và chuyên viên **[H06.06.03.02]**.

Các tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng đối với đội ngũ GV và nhân viên được quy định trong Quy định về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của Trường ĐH Luật TP.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 1452/QĐ-ĐHL ngày 12/8/2015 đối với các trường hợp được tuyển dụng từ ngày 21/01/2019 trở về trước và Quy định Tuyển dụng viên chức của Trường ĐH Luật Tp.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 133/QĐ-ĐHL ngày 22/01/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Tp.HCM đối với các trường hợp được tuyển từ ngày 22/01/2019 trở về sau **[H06.06.03.03]**.

Để đảm bảo năng lực giảng dạy của đội ngũ GV, Trường đã ban hành Quy định về việc thông qua bài giảng đối với GV. Trong Quy định thông qua bài giảng đối với GV này, Trường đã quy định rõ tiêu chuẩn của GV hướng dẫn tập sự cũng như tiêu chuẩn đánh giá bài giảng của GV **[H06.06.03.04]**.

Tiêu chuẩn năng lực của cán bộ, GV, nhân viên nhà trường, đặc biệt là chế độ làm việc còn được mô tả trong Quyết định số 900/QĐ-ĐHL ngày 12/7/2018 về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và nghỉ việc riêng của công chức, viên chức và người lao động Trường ĐH Luật TP.HCM. Riêng đối với công chức, viên chức có chức danh nghề nghiệp là GV, Nhà trường quy định rõ định mức giờ chuẩn của GV trong một năm học là 270 giờ và định mức chung về số giờ NCKH của GV trong một năm học được quy định theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp: (1) GV (hạng III): 587 tiết; (2) GV chính (hạng II): 687 tiết; (3) GV cao cấp (hạng I): 787 tiết [H06.06.03.05].

Đối với các vị trí lãnh đạo, quản lý từ cấp Bộ môn trở lên, tiêu chuẩn để được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo cũng như quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo đều được quy định trong Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường ĐH Luật TP.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 995/QĐ-ĐHL ngày 19/6/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật TP.HCM đối với các trường hợp được quy hoạch viên chức quản lý trước ngày 29/4/2021 và được thực hiện theo Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm từ chức, miễn nhiệm đối với viên chức quản lý của Trường ĐH Luật TP.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 517/QĐ-ĐHL ngày 29/4/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật TP.HCM đối với các trường hợp được quy hoạch viên chức quản lý từ ngày 29/4/2021 trở về sau [H06.06.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó

Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định trên cơ sở định hướng phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2006 – 2020; Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức đến năm 2020 và Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2018 – 2021. Cụ thể: (1) Theo Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2006 – 2020 thì đến năm 2020, tổng số GV, cán bộ NCKH của Trường có khoảng 610 người, trong đó phần đầu 50% số GV có học vị tiến sĩ; 40% có trình độ thạc sĩ; 5% GV và cán bộ có học hàm giáo sư, phó giáo sư; 3% GV cao cấp, 30% GV chính; 100% GV thành thạo ít nhất một ngoại ngữ, trong đó 70% GV thành thạo tiếng Anh và có 145

cán bộ quản lý và nhân viên phục vụ; (2) Theo Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức đến năm 2020 thì kế hoạch phát triển đội ngũ được xác định cụ thể đến từng năm học, từng trình độ, chức danh; trong đó, xác định đến năm học 2019 – 2020, số lượng GV cơ hữu của Trường là 443 người, gồm: 6 Giáo sư, 22 Phó Giáo sư, 60 Tiến sĩ, 251 Thạc sĩ, 104 Cử nhân và số lượng đội ngũ cán bộ hành chính, phục vụ của Nhà trường là 150 người; (3) Theo Đề án vị trí việc làm của Trường giai đoạn 2018 – 2021 đã xác định số lượng vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành là 49 vị trí với số lượng người làm việc là 68 người, số lượng vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp là 366 vị trí với số lượng người làm việc là 434 người và số lượng vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ là 23 vị trí với số lượng người làm việc là 32 người **[H06.06.04.01]**.

Trên cơ sở kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Trường, nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định thông qua hai kênh: (1) Kênh thứ nhất xuất phát từ nguyện vọng đăng ký được đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân. Khi có nhu cầu nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, các cán bộ, GV, nhân viên làm đơn hoặc tờ trình xin đi học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ gửi lãnh đạo Nhà trường xét duyệt. Trên cơ sở ý kiến xác nhận của lãnh đạo đơn vị nơi cán bộ, GV, nhân viên làm việc, lãnh đạo Nhà trường xét thấy việc đi học/bồi dưỡng là cần thiết và chính đáng thì duyệt đồng ý và chuyển sang Phòng TC-HC ra quyết định cử đi học/bồi dưỡng. Riêng đối với nhu cầu về đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ GV còn được xác định thông qua Bản đăng ký kế hoạch của GV và được đưa vào Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV hàng năm của Khoa, Bộ môn thuộc trường **[H06.06.04.02]**; (2) Kênh thứ hai xuất phát từ phía Nhà trường căn cứ cán bộ, GV, nhân viên đi học tập/tập huấn/bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc. Khi có các khóa/lớp tập huấn/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, GV, nhân viên, Nhà trường cử đích danh cán bộ, GV, nhân viên đi học thể hiện qua quyết định cử đi học/bồi dưỡng/tập huấn **[H06.06.04.03]**.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình lưu đồ các bước công việc, gồm: (1) Yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên

chức; (2) Trình Hiệu trưởng duyệt; (3) Cử đi học; (4) Thực hiện đào tạo; (5) Báo cáo kết quả; và (6) Lưu hồ sơ **[H06.06.04.04]**.

Để quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên, Nhà trường đã ban hành hai văn bản là Quyết định số 1668/QĐ-ĐHL ngày 25/9/2015 về việc ban hành Quy định Đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ, viên chức của Trường ĐH Luật TP.HCM và Quyết định số 897/QĐ-ĐHL ngày 12/7/2018 về Ban hành Quy định đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Trường ĐH Luật TP.HCM **[H06.06.04.05]**. Trên cơ sở các quy định này, Nhà trường luôn tạo điều kiện về mọi mặt (thời gian, nhân lực, kinh phí) để cán bộ, GV, nhân viên yên tâm đi học/bồi dưỡng/tập huấn. Đối với các khóa học/bồi dưỡng/tập huấn/thi nâng ngạch ngắn hạn, kinh phí được hỗ trợ ngay khi đi học/bồi dưỡng/tập huấn. Đối với các trường hợp xin đi học dài hạn nâng cao trình độ (cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ), Nhà trường hỗ trợ kinh phí đào tạo theo mức quy định tại Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường sau khi có bản sao bằng tốt nghiệp nộp về Trường **[H06.06.04.06]**. Đồng thời, để tạo điều kiện cho GV có thể học tập, nâng cao trình độ, nhà Trường có quy định về việc miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với một số đối tượng GV nhất định **[H06.06.04.07]**. Từ năm 2017 đến năm 2022, đã có 150 lượt GV và 267 lượt nhân viên đi học tập/đào tạo/bồi dưỡng từ ngắn hạn đến dài hạn **[H06.06.04.08]**.

Đối với cán bộ lãnh đạo quản lý và đối tượng thuộc diện được quy hoạch vào chức danh lãnh đạo, quản lý, Nhà trường tập trung bồi dưỡng để đảm bảo đủ chuẩn theo chức danh được bổ nhiệm như cử cán bộ, GV, nhân viên theo học các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị; bồi dưỡng các năng lực quản lý, lãnh đạo; bồi dưỡng, học tập, quán triệt các Nghị quyết, chuyên đề, chương trình công tác của Đảng, Thành ủy, Đảng ủy khối **[H06.06.04.09]**.

Đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên, Nhà trường tập trung bồi dưỡng, nâng cao các kiến thức phục vụ công tác chuyên môn tương ứng với công việc đang đảm nhiệm, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, văn minh; mở các lớp Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính **[H06.06.04.10]**.

Đối với đội ngũ GV, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ GV theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, Nhà trường đã phối hợp để mở các lớp Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV chính, GV cao cấp **[H06.06.04.11]**; đào tạo, bồi

dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ [H06.06.04.12]; tổ chức các buổi tập huấn về “Phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá”, tổ chức cuộc thi “Phương pháp giảng dạy tích cực” [H06.06.04.13]; tổ chức Hội thảo khoa học cấp trường “Phương pháp NCKH và công bố bài báo quốc tế trong lĩnh vực pháp lý” [H06.06.04.14]; thành lập Trung tâm Đào tạo trực tuyến trực thuộc Trường nhằm nghiên cứu, hỗ trợ phương pháp giảng dạy, các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin thông qua hình thức đào tạo trực tuyến cho GV [H06.06.04.15]; thông báo công khai các chương trình học bổng nước ngoài để cán bộ, GV, nhân viên tham gia dự tuyển [H06.06.04.16]; cử GV đi học thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài [H06.06.04.17].

Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên được triển khai thực hiện nghiêm túc ở tất cả các Khoa, các đơn vị. Phòng TC-HC đã tập hợp các báo cáo của các Khoa, đơn vị và hình thành báo cáo chung của Trường về kết quả đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên. Hàng năm, Nhà trường đều có tổng kết đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và coi đây là một trong các tiêu chí để đánh giá, phân loại đối với cán bộ, GV và nhân viên [H06.06.04.18].

Hàng năm, Nhà trường cũng tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có phản hồi của đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ để kịp thời rút kinh nghiệm và có giải pháp, định hướng khắc phục [H06.06.04.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Thứ nhất, Nhà trường có xây dựng quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, chuyên viên, đồng thời cũng là cơ sở để Nhà trường đánh giá, xếp loại thi đua, công nhận và khen thưởng. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc được thể hiện trong các văn bản: Quy định về chế độ làm việc, nghỉ ngơi, nghỉ việc riêng của công chức, viên chức và người lao động Trường ĐH Luật TP.HCM [H06.06.05.01], Quy định NCKH đối với GV của Trường ĐH Luật TP.HCM [H06.06.05.02], Quy định đánh giá, phân loại GV, chuyên viên và người lao động của Trường ĐH Luật TP.HCM

[H06.06.05.03]. Bên cạnh việc đánh giá được thực hiện ở đơn vị và Trường, hoạt động đánh giá hiệu quả công việc còn được thực hiện qua kênh đánh giá bởi người học thuộc các hệ đào tạo. Kết thúc mỗi học phần, Trung tâm ĐBCL&PPGD của nhà trường đều thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV thông qua phiếu đánh giá. Trong những năm qua, kết quả đánh giá của SV cho thấy phần lớn các hoạt động giảng dạy của GV đã đáp ứng được nhu cầu của người học **[H06.06.05.04]**.

Thứ hai, việc đánh giá kết quả công việc của cán bộ, GV, chuyên viên được thực hiện công khai, minh bạch. Công tác đánh giá kết quả công việc được thực hiện tuần tự từ cấp Khoa, Phòng lên cấp Trường, trong đó kết quả đánh giá được công khai thông qua hình thức gửi email đến tất cả các cá nhân, đơn vị thuộc Trường. Hàng năm, Trường đã tiến hành đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV như sau:

(i) *Tự đánh giá của GV*: Trường có quy định rõ về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV **[H06.06.05.05]**. Trên cơ sở đó, vào cuối mỗi năm học (tháng 6 hàng năm), các GV thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới và tự xếp loại danh hiệu thi đua **[H06.06.05.06]**.

(ii) *Đánh giá thông qua cuộc họp cấp Khoa*

Trên cơ sở bản tự đánh giá của mỗi GV về mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và tham gia các hoạt động khác, các Khoa sẽ tổ chức cuộc họp toàn thể để đánh giá và bình bầu danh hiệu thi đua theo các tiêu chuẩn quy định **[H06.06.05.07]**.

(iii) *Đánh giá thông qua Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường*

Trên cơ sở kết quả bình chọn danh hiệu thi đua của các Khoa, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường họp, đánh giá và bình xét, xếp loại thi đua của CBVC toàn trường **[H06.06.05.08]**.

Thứ ba, có dữ liệu và báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, chuyên viên. Hàng năm, căn cứ vào báo cáo của các đơn vị thống kê về công tác thi đua, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể cá nhân theo quy chế quy định, Hội đồng thi đua – Khen thưởng của Trường xem xét quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín. Phòng TC-HC lưu giữ hồ sơ gồm Bản tự nhận xét của cán bộ, GV, chuyên viên, Bản kê khai thành tích của tập thể, cá nhân hàng năm theo quy định **[H06.06.05.09]**.

Thứ tư, từ kết quả đánh giá trên, Nhà trường thực hiện chế độ khen thưởng tương ứng [H06.06.05.10]. Nhà trường đã thực hiện tốt chế độ khen thưởng cho GV hàng năm trên cơ sở của Hội đồng thi đua khen thưởng đề xuất: Hiệu trưởng ra quyết định đối với các hình thức thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền [H06.06.05.11] và đề xuất các hình thức thi đua khen thưởng cấp cao hơn [H06.06.05.12].

Thứ năm, kết quả đánh giá công việc được sử dụng làm căn cứ để xác định đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH. Để hoạt động NCKH được thực hiện một cách chuyên sâu và tập trung, Trường ĐH Luật Tp.HCM ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu thuộc Trường ĐH Luật Tp.HCM ngày 20/8/2021 [H06.06.05.13]. Ngày 20/8/2021, Trường ban hành Quy chế về khen thưởng và công bố quốc tế nhằm kịp thời khen thưởng cho viên chức, người lao động làm việc tại Trường cũng như người học thuộc các trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H06.06.05.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên

Trường ĐH Luật Tp.HCM có kế hoạch rà soát thường xuyên và nghiêm túc các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực. Cụ thể, các quy định về phân loại viên chức, khen thưởng, quy chế về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, các chính sách đào tạo, bồi dưỡng được rà soát và đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu của người lao động.

Quy định về chế độ làm việc, nghỉ ngơi, nghỉ việc riêng của công chức, viên chức và người lao động (áp dụng từ ngày 24/5/2013 đến ngày 11/7/2018) ban hành theo Quyết định số 844/QĐ-ĐHL ngày 24/5/2013 bị thay thế bởi Quy định về chế độ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và nghỉ việc riêng của công chức, viên chức và người lao động (áp dụng từ ngày 12/7/2018) theo Quyết định 900/QĐ-ĐHL ngày 12/7/2018 [H06.06.06.01]. Trong đó, các nội dung được điều chỉnh như cách tính giờ chuẩn, định mức NCKH, tỷ lệ miễn giảm giờ chuẩn khi đảm nhiệm các công việc của Trường cũng như bổ sung thêm nhiều đầu công việc được quy đổi giờ nghiên cứu. Từ đó, công việc của người lao động được ghi nhận đầy đủ và thoả đáng hơn.

Quy chế Chi tiêu nội bộ của Nhà trường được rà soát, điều chỉnh liên tục và kịp thời để cân đối các khoản chi tiêu, nâng cao mức thù lao, lương, thưởng mà người lao động được nhận. Một số công việc phục vụ cho hoạt động của Nhà trường được ghi nhận bổ sung thành khoản chi thường xuyên, tránh trường hợp bỏ sót. Cụ thể, Quyết định số 1098/QĐ-ĐHL ngày 16/6/2011 ban hành Quy chế thu – chi nội bộ Trường ĐH Luật TP.HCM bị sửa đổi bởi Quyết định số 1577/QĐ-ĐHL ngày 01/12/2018 ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ Trường ĐH Luật TP.HCM, sau đó tiếp tục sửa đổi bằng Quyết định số 1212/QĐ-ĐHL ngày 01/12/2020 **[H06.06.06.02]**.

Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, trong 05 năm học vừa qua, Nhà trường đã ban hành hai văn bản là Quyết định số 1668/QĐ-ĐHL ngày 25/9/2015 về việc ban hành Quy định Đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ, viên chức của Trường ĐH Luật TP.HCM và Quyết định số 897/QĐ-ĐHL ngày 12/7/2018 về Ban hành Quy định đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Trường ĐH Luật TP.HCM **[H06.06.06.03]**. Quy định mới giúp tạo điều kiện thuận lợi để GV được bồi dưỡng và có chế độ hỗ trợ học phí để GV nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng phục vụ công việc chuyên môn.

Để đảm bảo định hướng phát triển phù hợp với chủ trương chung của Nhà nước là cho phép các cơ sở giáo dục đại học được thí điểm tự chủ, Nhà trường đã điều chỉnh quy hoạch về đội ngũ nhân sự nói chung và đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói riêng thể hiện trong *Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức đến năm 2020* – Phụ lục 7 của Đề án “*Đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Luật TP.HCM*” ban hành kèm theo Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Luật TP.HCM. Đội ngũ GV, người lao động của Trường được gia tăng về chất lượng và số lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội. Đối với GV, Nhà trường tuyển dụng thường xuyên với chuẩn về trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, đặc biệt là chú trọng các tiêu chuẩn để giảng dạy chương trình cử nhân Luật 100% bằng tiếng Anh. Theo Kế hoạch này, đến năm học 2019 – 2020, số lượng đội ngũ cán bộ hành chính, phục vụ của Nhà trường là 150 **[H06.06.06.04]**.

Đối với vấn đề quy hoạch nguồn nhân lực, Nhà trường có sự rà soát hàng năm trên cơ sở đánh giá nhu cầu về đội ngũ, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng chuyên môn. Trong

quá trình hoạt động, một số phòng, ban, trung tâm mới được thành lập cũng đặt ra yêu cầu về việc hoàn thiện nhân sự [H06.06.06.05].

Trên cơ sở các ý kiến đánh giá của cán bộ, GV, nhân viên, Nhà trường tiến hành rà soát về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực. Các quyết định, quy chế liên quan do Nhà trường ban hành đều được lấy ý kiến công khai thông qua cổng thông tin website và gửi thư điện tử đến từng cán bộ, GV, nhân viên Nhà trường. Trước khi ban hành, các văn bản này được xây dựng Dự thảo để góp ý ít nhất từ một đến hai lần trước khi có văn bản chính thức về các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực. Từ đó, cán bộ, GV, nhân viên có thể nêu lên quan điểm, ý kiến của mình và ban soạn thảo sẽ xem xét các ý kiến này nhằm bảo vệ tốt nhất quyền lợi của cán bộ, GV, nhân viên [H06.06.06.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hoạt động đào tạo và NCKH là sứ mệnh chính của Trường ĐH Luật Tp.HCM. Do đó, các chế độ, chính sách, quy hoạch đối với nguồn nhân lực luôn được xây dựng và cải tiến để phục vụ nhiệm vụ này. Dưới góc độ quản trị Nhà trường, BGH đã không ngừng cải tiến, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định liên quan đến khối lượng công việc cũng như chế độ chính sách, lương, thưởng đối với GV nói riêng và đối với viên chức nói chung nhằm đem lại những tác động tích cực cho GV và cho công tác quản trị của Nhà trường (thể hiện qua sự cải tiến đối với Quy chế thu chi nội bộ [H06.06.07.01]). Một số đầu công việc mới được bổ sung trong quy chế để đảm bảo quyền lợi của GV như chi thưởng nhóm nghiên cứu, bài báo quốc tế, các giải thưởng khác trong và ngoài nước. Các quy định liên quan đến định mức giờ giảng chuẩn, định mức NCKH; các mức tiền giảng, tiền lương, tiền thưởng... được Nhà trường nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế (cải tiến Quy định về chế độ làm việc, nghỉ ngơi, nghỉ việc riêng của công chức, viên chức và người lao động [H06.06.07.02]).

Các chính sách, chế độ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của GV được cải tiến, trong đó nội bật là chính sách khuyến khích đối với các công bố quốc tế và bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ. Việc công bố bài báo quốc tế được xem là một trong những

giá trị của quá trình NCKH để phổ biến kết quả nghiên cứu đến cho xã hội [H06.06.07.03]. Với mục tiêu mở ra nhiều cơ hội lựa chọn chương trình học tập và nghiên cứu sau đại học cho GV, Trường ĐH Luật TP.HCM đã có buổi làm việc với đại diện của Trường Đại học Deakin (Úc). Đây là dịp để hai bên trao đổi cụ thể hơn các thông tin tổng quan về hoạt động giảng dạy, CTĐT cũng như các chính sách ưu đãi học bổng dành cho GV tất cả các chuyên ngành của Trường ĐH Luật TP.HCM tham gia học tập, trao đổi nghiên cứu [H06.06.07.04].

Nhà trường cũng chú trọng thực hiện việc cải tiến quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực làm căn cứ đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực [H06.06.07.05]. Việc tuyển dụng nhân viên được tiến hành theo quy trình xét tuyển (kể từ ngày 22/01/2019 đến nay) là bước cải tiến so với trước đây - theo quy trình thi tuyển (kể từ ngày 21/01/2019 trở về trước). Ứng dụng công nghệ thông tin cũng là một trong những định hướng để cải tiến chế độ, chính sách về quản trị và quy hoạch nguồn nhân lực. Trường ĐH Luật Tp.HCM sử dụng ứng dụng VNPT iOffice để triển khai các hoạt động chung và thực hiện việc quản lý công việc.

Kế hoạch phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2006 – 2020 quy định trong “*Đề án quy hoạch tổng thể phát triển Trường ĐH Luật TP.HCM đến năm 2020*” đã được thay thế bằng *Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức đến năm 2020 – Phụ lục 7 của Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Luật TP.HCM”* ban hành kèm theo Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Luật TP.HCM. Đánh giá được hạn chế của Kế hoạch cũ là việc quy hoạch trong khoảng thời gian quá dài (Mười lăm năm) khiến kế hoạch trở nên lỗi thời, không còn phù hợp với nhu cầu của xã hội. Theo đó, kế hoạch phát triển đội ngũ được giới hạn ngắn hơn và xác định cụ thể đến từng năm học [H06.06.07.06]. Trên cơ sở CTĐT mới được thiết lập, tiêu chuẩn chuyên môn của đội ngũ GV được nâng cao hơn, quy trình và quy hoạch nhân sự cũng được chỉnh sửa đảm bảo với yêu cầu này. Trong Đề án vị trí việc làm của Trường cũng xác định số lượng người ở từng vị trí việc làm giai đoạn 2018 -2021 làm cơ sở để Nhà trường tuyển dụng, đưa vào quy hoạch nhân sự, bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo cho phù hợp với chỉ tiêu [H06.06.07.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 6

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Một là, Nhà trường đã xây dựng và ban hành được kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, Đề án vị trí việc làm mang tính tổng thể và đồng bộ ở các nhóm, các khâu của công tác cán bộ với các bộ tiêu chí rõ ràng.

Hai là, quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực được triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế cho nên Nhà trường luôn có đội ngũ nguồn nhân lực đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Ba là, Nhà trường có đủ các văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm nhân sự được quy định rõ ràng, cụ thể; khi xây dựng văn bản về tuyển dụng, bổ nhiệm có phổ biến và đề nghị toàn Trường góp ý trước khi ban hành.

Bốn là, việc tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được thực hiện theo đúng quy hoạch, đúng tiêu chuẩn, quy trình, công khai, minh bạch.

Năm là, Nhà trường có đủ các văn bản quy định về các tiêu chuẩn, tiêu chí năng lực đối với đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên làm cơ sở pháp lý cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động.

Sáu là, Nhà trường có đủ các văn bản quy định, có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và đã triển khai nhiều hoạt động để thực hiện trên thực tế.

Bảy là, Nhà trường đã đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo/bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên thể hiện qua các khóa/lớp đào tạo, việc đồng ý cử đi học và hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện về thời gian để cán bộ, GV, nhân viên yên tâm đi học/bồi dưỡng/tập huấn.

Tám là, Nhà trường đã xây dựng được hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ một cách minh bạch và công khai. Hoạt động đào tạo và NCKH được khen thưởng đúng mức trên cơ sở đánh giá hiệu quả công việc trở thành nguồn động lực quan trọng để GV và người lao động có động lực sáng tạo ra nhiều sản phẩm trí tuệ cao.

Chín là, Lãnh đạo Nhà trường có sự quan tâm thoả đáng đến nguyện vọng của cán bộ, GV, nhân viên, kịp thời thực hiện rà soát các chế độ, chính sách khi quy định cũ không còn phù hợp với điều kiện thực tế.

Mười là, cải tiến các chế độ, chính sách và quy trình, quy hoạch nguồn nhân lực là một trong những mục tiêu quan trọng mà Trường ĐH Luật Tp.HCM luôn luôn ưu tiên. Từ đó, vấn đề nhân sự mà đặc biệt là đội ngũ GV luôn đảm bảo yêu cầu về trình độ chuyên môn, năng lực để tham gia vào các hoạt động mới, các CTĐT mới của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Một là, trong các văn bản quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, Đề án vị trí việc làm, Nhà trường chưa đưa ra được các biện pháp cụ thể để đạt được chỉ tiêu đề ra.

Hai là, số lượng GV tuyển dụng được hàng năm chưa đủ so với chỉ tiêu đề ra trong Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên của Trường.

Ba là, tiêu chuẩn, tiêu chí được quy định và đánh giá đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn mang tính chung chung nên việc đánh giá phần nào chưa phản ánh đúng năng lực thật sự của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Bốn là, chính sách hỗ trợ học phí cho các GV, nhân viên của Trường tham gia các khóa bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ ở nước ngoài; kinh phí hỗ trợ cho nghiên cứu sinh, cho hoạt động NCKH còn quá thấp, chưa phù hợp.

Năm là, Nhà trường chưa thật sự chú ý đến công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, điều hành quản lý cho đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên trong diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo; chưa có sự hoạch định tập trung vào đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Sáu là, nguồn kinh phí nội tại có phần hạn chế, phải cân đối cùng các khoản chi khác nên Quỹ chi cho khen thưởng trên cơ sở đánh giá kết quả công việc của người lao động còn hạn chế.

Bảy là, hoạt động rà soát chế độ, chính sách chưa được thực hiện thường xuyên theo năm mà thường phát sinh trên cơ sở quyết định của người quản lý.

Tám là, chế độ chính sách đối với một số vị trí quản lý theo hướng kiêm nhiệm chưa được cải tiến hiệu quả. Mặc dù luôn có những chính sách để cân đối về thời gian làm việc và các nhiệm vụ đào tạo, NCKH dành cho nhóm đối tượng này nhưng đôi khi vẫn gặp phải các bất cập trên thực tế về thời giờ làm việc.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Nhà Trường sẽ triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, Đề án vị trí việc trong giai đoạn mới cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và cần đưa ra giải pháp cụ thể để đạt được chỉ tiêu đề ra.	Hội Đồng Trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022 trở đi.	
2	Khắc phục tồn tại 2	Nhà trường quan tâm hơn đến công tác tuyển dụng GV bằng việc đưa ra các giải pháp khả thi trong công tác tuyển dụng để bảo đảm tuyển đủ số lượng GV như chỉ tiêu đề ra, ví dụ như tăng các khoản phụ cấp cho GV để cải thiện tiền lương; quy định nhiều chế độ đãi ngộ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, giảng dạy, NCKH và thi đua khen thưởng cho GV.	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022 trở đi.	
3	Khắc phục tồn tại 3	Nhà trường quan tâm rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí đánh	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC,	Từ năm 2022 trở đi.	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		giá đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ để các quy định này ngày càng hoàn thiện, phù hợp với tình hình thực tế, tạo động lực làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.	các đơn vị liên quan.		
4	Khắc phục tồn tại 4	Nhà trường tiếp tục sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng tăng mức hỗ trợ học phí/kinh phí đào tạo đối với cán bộ, GV, nhân viên của Trường được cử đi học chương trình nghiên cứu sinh; đi học ngoại ngữ ở nước ngoài; kinh phí hỗ trợ hoạt động NCKH.	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC, Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng QL NCKH&HTQT.	Từ năm 2022 trở đi.	
5	Khắc phục tồn tại 5	Nhà trường quan tâm triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, điều hành cho đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên trong diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo; đặc biệt chú trọng đến công tác định hướng đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên hỗ trợ.	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022 trở đi.	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
6	Khắc phục tồn tại 6	Nhà trường rà soát, cân đối các khoản thu chi, xây dựng quỹ riêng phục vụ công tác khen thưởng và đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC, Phòng Tài chính – Kế toán	Từ năm 2022	
7	Khắc phục tồn tại 7	Tiến hành thường xuyên và liên tục hoạt động rà soát chế độ, chính sách hàng năm, cập nhật kịp thời những nội dung cần chỉnh sửa	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	
8	Khắc phục tồn tại 8	Cải tiến quy hoạch theo hướng chuyên môn hoá, giảm đến mức tối thiểu các trường hợp kiêm nhiệm, đảm nhận nhiều công tác	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC	Từ năm 2022	
9	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường sẽ tiếp tục triển khai xây dựng, ban hành kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, Đề án vị trí việc làm trong giai đoạn mới cho phù hợp với tình hình thực tế.	Hội Đồng Trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022 trở đi.	
10	Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường sẽ tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, Đề án vị trí việc làm trong giai đoạn mới cho phù hợp với tình hình thực tế.	Hội Đồng Trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022 trở đi.	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
11	Phát huy điểm mạnh 3	Nhà trường tiếp tục kiện toàn hơn nữa các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm.	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022 trở đi.	
12	Phát huy điểm mạnh 4	Việc tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên của Nhà trường tiếp tục được thực hiện theo đúng quy hoạch, đúng tiêu chuẩn, quy trình, công khai, minh bạch.	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022 trở đi.	
13	Phát huy điểm mạnh 5	Nhà trường tiếp tục kiện toàn hơn nữa các văn bản quy định về các tiêu chuẩn, tiêu chí năng lực đối với đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên của trường.	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC, Các đơn vị liên quan.	Từ năm 2022 trở đi.	
14	Phát huy điểm mạnh 6	Nhà trường tiếp tục kiện toàn hơn nữa các văn bản quy định về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, GV, nhân viên; ban hành các kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên;	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022 trở đi.	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		triển khai nhiều hoạt động để thực hiện trên thực tế.			
15	Phát huy điểm mạnh 7	Nhà trường tiếp tục đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên.	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022 trở đi.	
16	Phát huy điểm mạnh 8	Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch đội ngũ GV, chuyên viên tiếp tục được xây dựng và rà soát thường xuyên theo từng học kỳ, từng năm học cho phù hợp với định hướng phát triển của Trường.	Hội Đồng Trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022	
17	Phát huy điểm mạnh 9	Các chế độ, chính sách quy trình và quy hoạch đội ngũ GV, chuyên viên tiếp tục được xây dựng và rà soát thường xuyên phù hợp với định hướng phát triển của Trường. Hệ thống rà soát được đổi mới theo hướng tăng cường sự tham gia của các phương tiện kĩ thuật công nghệ hiện đại nhằm hỗ trợ cán bộ, GV.	Hội Đồng Trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
18	Phát huy điểm mạnh 10	Tiếp tục cải tiến các chế độ, chính sách đặc biệt là bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ cho GV, người lao động	Hội Đồng Trường, BGH, Phòng TC-HC.	Từ năm 2022	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	5,14
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	5
Tiêu chí 6.5	6
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

TIÊU CHUẨN 7. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Trường ĐH Luật Tp.HCM là đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự theo quy định của pháp luật tại quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18 tháng 04 năm 2017 của Thủ Tướng Chính Phủ Về

việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H7.07.01.01].

Phòng Tài chính Kế toán là đơn vị chức năng thuộc Trường ĐH Luật Tp.HCM có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn về tài chính, tổ chức thực hiện và đề xuất quy chế, quy định quản lý các nguồn tài chính; thực hiện công tác kế toán thống kê theo quy định của Nhà nước; phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện theo dõi, giám sát đánh giá việc phát triển của các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Phòng Tài chính Kế toán có đủ nhân lực và công cụ để hỗ trợ cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao. Công tác lập kế hoạch và theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được triển khai, Nhà trường có các phần mềm chuyên dụng như: phần mềm kế toán, phần mềm quản lý học phí.

Bảng 7.1.1 Cấu trúc nguồn thu của nhà trường từ năm 2017-2021 sau rà soát, đánh giá thực hiện kế hoạch hằng năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Cấu trúc nguồn thu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng Thu	262.719	100	240.392	100	256.255	100	265.488	100	151.769	100
Trong đó:										
- Học phí và các loại phí khác	236.499	92,3	217.637	91,8	219.458	89,6	239.768	90,9	145.650	95,0
- Nguồn thu khác	18.398	7,2	19.003	8,0	25.014	9,8	23.182	8,8	6.120	4,0

Tình hình nguồn thu của Nhà trường có sự biến động qua các năm: năm 2018 giảm khoảng 8% so với năm 2017 do có sự thay đổi trong quy định về công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, chỉ tiêu tuyển sinh đối với hệ vừa làm vừa học chỉ bằng 30% hệ chính quy được áp dụng từ năm 2016 vì vậy nguồn thu học phí bị giảm; từ năm 2019 nguồn thu có sự tăng trưởng ở mức khoảng 7% so với năm 2018 và ở mức 4% của năm 2020 so với năm 2019, nguồn thu từ học phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn thu của nhà trường. Mặc dù số lượng tuyển sinh hệ vừa làm vừa học giảm theo quy định, nhưng nguồn thu từ học phí vẫn chiếm tỷ trọng trên 90% là do mức thu học phí tăng theo Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18 tháng 04 năm 2017 của Thủ Tướng Chính Phủ và nhà trường thực hiện việc mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo các lớp CLC. Năm 2021, do bị ảnh hưởng của đại dịch Covy-19, nên nguồn thu của Nhà trường bị ảnh lớn chưa đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên đây chỉ là số liệu nguồn thu năm 2021 là số liệu của từ tháng 01 đến tháng 10.

Như vậy, nguồn thu mức tăng nguồn thu các kế hoạch tăng cường nguồn lực tài chính được xây dựng sát với thực tiễn và có tính khả thi.

Nhà trường đã ban hành các văn bản chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Cụ thể là:

Nhà trường đã xây dựng và được phê duyệt đề án Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐH Luật Tp.HCM đến năm 2020 tại quyết định số 6002/QĐ-TTg ngày 21/09/2007 [H7.07.01.01]. Mục tiêu của đề án xây dựng Trường ĐH Luật Tp.HCM trở thành một trung tâm đào tạo và NCKH pháp lý có uy tín trong cả nước và trong khu vực, cung cấp nguồn nhân lực pháp lý cho các bộ, ngành và địa phương, trường đại học đào tạo đa ngành trong đó ngành luật là trọng tâm với hệ thống CSVC kỹ thuật và trang thiết bị hiện đại, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo phục vụ cộng đồng, mở rộng quan hệ quốc tế rộng rãi, đáp ứng yêu cầu của phát triển và hội nhập.

Nhà trường đã xây dựng và được phê duyệt đề án Xây dựng Trường ĐH Luật Tp.HCM thành trường trọng điểm đào tạo về pháp luật” tại quyết định số 549/QĐ-TTg ngày 04/04/2013 [H7.07.01.02]. Đề án đã xây dựng những chiến lược, sách lược, kế hoạch tập trung mọi nguồn lực để trở thành trường đại học trọng điểm đào tạo về cán bộ pháp luật ở phía Nam Trường ĐH Luật Tp.HCM cho giai đoạn từ năm 2013 đến 2020.

Mục tiêu của đề án:

- Về quy mô và chất lượng đào tạo: mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Về tổ chức bộ máy và nhân sự: mô hình quản trị đại học hiện đại trong nhà trường tương đối hoàn chỉnh và phủ rộng ở khắp các lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu của một trường trọng điểm đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực

- Về cơ sở vật chất: Xây dựng Trường ĐH Luật Tp.HCM thành một trung tâm đào tạo cán bộ pháp luật và NCKH lớn nhất và hiện đại nhất ở phía Nam, với hệ thống CSVC kỹ thuật và trang thiết bị tiên tiến, khai thác có hiệu quả cơ sở của Trường.

- Về NCKH và hợp tác quốc tế: Nâng cao năng lực NCKH của cán bộ, GV và SV nhà trường. Đẩy mạnh hoạt động NCKH, hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế, gắn đào tạo với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh ở phía Nam và cả đất nước,

- Về giáo trình và tài liệu học tập: Toàn bộ giáo trình trong CTĐT cử nhân đại học chính quy và các học phần trong CTĐT thạc sỹ đều được rà soát và chỉnh lý phù hợp với tình hình mới.

Trường đã xây dựng đề án tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm tại Trường ĐH Luật Tp.HCM [H7.07.01.03]. Trong đó, Trường đã xây dựng kế hoạch phát triển các nguồn lực tài chính giai đoạn 2017-2020 nhằm hướng tới mục tiêu thực hiện tự chủ hoàn toàn từ năm 2017. Trường chủ động khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã xây dựng quy chế Chi tiêu nội bộ quy định các nguồn tài chính của trường [H7.07.01.04]. Các nguồn tài chính của Trường đều hợp pháp hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng căn cứ theo các văn bản quy định về quản lý tài chính, quản lý tài sản hiện hành của Nhà nước. Quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành đã tạo quyền chủ động trong việc quản lý, chi tiêu tài chính cho thủ trưởng đơn vị, công chức, viên chức nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao; đảm bảo việc chi tiêu đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và thống nhất trong toàn Trường; từng bước tăng thu nhập cho công chức, viên chức; khuyến khích những người làm việc nhiều và đem lại hiệu quả kinh tế, đồng thời tăng tích lũy nguồn tài chính tái đầu tư phát triển Trường. Nguồn

thu của Trường được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ gồm có các khoản thu:

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp: Hàng năm, Trường được Bộ GD&ĐT giao thông qua quyết định giao dự toán. Nguồn thu từ Ngân sách nhà nước cấp chủ yếu chi cho đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Nguồn thu từ học phí, lệ phí: các khoản thu học phí được thực hiện theo Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18 tháng 04 năm 2017 của Thủ Tướng Chính Phủ và Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm 2015-2016 đến năm 2020-2021 **[H7.7.01.05]**.

- Nguồn thu khác gắn với các hoạt động của đơn vị như: thu liên kết đào tạo, thu dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác.

Các khoản thu trên đều được thực hiện theo đúng quy định tài chính và Trường thực hiện nghiêm túc việc nộp tiền học phí về tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định.

Các Kế hoạch tài chính và quản lý tài chính của Nhà trường đều được xây dựng căn cứ theo các quy định của Nhà nước cụ thể là:

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18 tháng 04 năm 2017 của Thủ Tướng Chính Phủ

- Luật Ngân sách nhà nước; Luật Kế toán

- Các văn bản hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;

- Các văn bản quy định về tài chính của Nhà nước có liên quan.

Hàng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch thu và phân bổ chi các nguồn kinh phí thông qua dự toán năm gửi Bộ GD&ĐT phê duyệt **[H7.07.01.06]**. Việc phân bổ nguồn thu và kiểm soát chi được thể hiện rõ trong quy chế thu chi nội bộ của Trường. Việc phân bổ hợp lý và sử dụng hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Bảng 7.1.2 Cấu trúc chi của nhà trường từ năm 2017-2021 sau rà soát, đánh giá thực hiện kế hoạch hằng năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Cấu trúc chi	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
<i>Chi cho hoạt động đào tạo</i>	163.101	47,6	146.091	56,1	120.344	81,8	112.046	74,5%	73.887	86,0%
<i>Chi cho hoạt động NCKH</i>	3.940	1,1	3.459	1,3	4.424	3,0	4.232	2,8%	1.677	2,0%
<i>Chi cho xây dựng CSVC</i>	173.678	50,7	108.824	41,8	20.223	13,8	31.801	21,1%	9.227	10,7%
<i>Chi phục vụ cộng đồng</i>	1.965	0,6	2.210	0,8	2.042	1,4	2.333	1,6%	1.084	1,3%
Tổng chi	342.684	100,0	260.584	100,0	147.033	100,0	150.412	100,0%	85.875	100,0%

Trong cấu trúc chi hàng năm, Nhà trường dành phần lớn nguồn lực lớn chi cho hoạt động đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo như chi lương, tiền giảng. Đồng thời, Nhà trường cũng đã dành nhiều nguồn lực cho xây dựng CSVC để xây dựng, duy tu,

nâng cấp cơ sở Nguyễn Tất Thành, cơ sở Bình Triệu và xây dựng mới cơ sở tại thành phố Thủ Đức (Quận 9) nhằm đảm bảo CSVC khang trang hiện đại. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng dành một phần kinh phí chi cho hoạt động NCKH và chi cho hoạt động đaog tạo phục vụ cộng đồng.

Công tác kiểm tra, kiểm toán về công tác tài chính được thực hiện bởi cơ quan quản lý cấp trên như Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước. Trường có trách nhiệm báo cáo hoạt động tài chính hàng năm cho Bộ GD&ĐT. Hằng năm, Bộ GD&ĐT thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán tài chính của Trường và ban hành thông báo xét duyệt quyết toán năm đối với Trường [H7.07.01.07]. Ngoài ra, Trường còn đáp ứng công tác kiểm tra xét duyệt quyết toán năm đối với Kiểm toán Nhà nước khi có văn bản quy định. Các biểu mẫu báo cáo về tài chính đều được lập theo mẫu quy định của nhà nước, thực hiện đăng ký mã số thuế, lập báo cáo thuế hàng tháng và quyết toán thuế đúng quy định.

Hằng năm, việc thực hiện các kế hoạch tài chính được phản ánh trong báo cáo tài chính hằng năm của Trường [H7.07.01.08]. Công tác tài chính liên tục được rà soát, đánh giá, cập nhật hàng năm qua các kênh phản hồi từ toàn thể công chức, viên chức, người lao động của Trường tại Hội nghị cán bộ viên chức năm [H7.07.01.09], báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân [H7.07.01.10], báo cáo tổng kết công tác năm [H7.07.01.11]. Qua đó, Nhà trường triển khai sửa đổi các quy định quản lý tài chính trong quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế, thực tiễn phát triển của Nhà trường và các quy định quản lý tài chính của Nhà nước. Cụ thể: Điều chỉnh đơn giá thu nhập tăng thêm và đơn giá phụ cấp trách nhiệm lãnh đạo theo quý, điều chỉnh đơn giá tính giờ giảng cho GV theo năm học, bổ sung các căn cứ xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với các qui định quản lý tài chính của Nhà nước.

Như vậy, công tác rà soát kế hoạch tài chính luôn được chú trọng nhằm đánh giá sát đúng tình hình thực hiện kế hoạch của Nhà trường, kịp thời có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, nhà trường chưa có dữ liệu lưu trữ quá trình rà soát, đánh giá và cập nhật các kế hoạch tài chính.

Bảng 7.1.3 Cấu trúc nguồn thu của nhà trường từ năm 2017-2021 sau rà soát, đánh giá thực hiện kế hoạch hằng năm (Đơn vị tính: triệu đồng)

Cấu trúc nguồn thu	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021		
	Thực hiện	Dự Toán	Tỉ lệ (%)	Thực hiện	Dự toán	Tỉ lệ (%)	Thực hiện	Dự toán	Tỉ lệ (%)	Thực hiện	Dự toán	Tỉ lệ (%)	Thực hiện	Dự toán	Tỉ lệ (%)
Tổng nguồn thu	262.719	206.373	127	240.392	215.894	111	256.255	222.949	115	265.488	264.870	100	151.770	290.165	52
Trong đó															
Học phí và các loại phí khác	236.499	184.330	128	217.637	196.894	111	229.458	210.686	109	239.768	247.950	97	145.650	276.061	53
Từ các nguồn thu khác	18.398	22.043	83	19.003	19.000	100	25.014	12.263	204	23.183	16.920	137	6.120	14.104	43

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Phòng QTTB là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Phòng có nhiệm vụ lập và thực hiện kế hoạch xây dựng, sửa chữa các công trình và CSVC phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy, NCKH, học tập và sinh hoạt của Trường; Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy trình trong công tác lập dự án đầu tư xây dựng cơ bản; dự án mua sắm trang thiết bị theo quy định của pháp luật, tổ chức mua sắm trang thiết bị chuyên dùng theo nhu cầu các đơn vị; Chủ trì trong công tác quản lý và sử dụng CSVC, trang thiết bị, phương tiện làm việc, giảng dạy, nghiên cứu, học tập của Trường [H7.07.02.01].

Về chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về đầu tư hệ thống CSVC, cơ sở hạ tầng. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu sử dụng và cân đối nguồn tài chính Nhà trường, Phòng QTTB phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán phân bổ kinh phí, xây dựng dự toán thu – chi ngân sách nhà nước đối với các hoạt động mua sắm, thuê, sửa chữa, bảo trì tài sản phục vụ hoạt động thường xuyên; Hoạt động cải tạo, sửa chữa và đầu tư xây dựng cơ bản. Các khoản kinh phí đầu tư cho nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị luôn được thực hiện dựa trên dự toán đã được phê duyệt [H7.07.02.02].

Việc mua sắm dài hạn và ngắn hạn được Phòng QTTB tiến hành, đảm bảo tuân thủ theo pháp luật về đầu tư công và đấu thầu, pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định nội bộ về đầu tư, mua sắm của trường. Các hợp đồng mua sắm đều được thanh lý đầy đủ với biên bản kèm theo sau khi đã được nghiệm thu, lắp đặt sẵn sàng sử dụng.

Nhằm đảm bảo công tác mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản của nhà trường được thực hiện tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công, Trường đã Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công Trường ĐH Luật Tp.HCM. Quy chế quy định chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại Trường, quy định nguyên tắc, cách thức thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tài sản [H7.07.02.03].

Nhằm đảm bảo hệ thống CSVC, trang thiết bị luôn duy trì trạng thái hoạt động tốt

nhất, phục vụ hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập của Nhà trường, Phòng QTTB xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống CSVC, trang thiết bị của nhà trường, như bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thang máy; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống điều hòa không khí... Đồng thời, thường xuyên tiến hành kiểm tra việc thực hiện dịch vụ vệ sinh, dịch vụ bảo vệ tại 2 cơ sở [H7.07.02.04].

Cơ sở dữ liệu về CSVC, cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị được thiết lập và lưu trữ đầy đủ. Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý CSVC của Nhà trường. Thông qua hệ thống erp.hcmulaw.edu.vn kiểm soát việc cung cấp các trang thiết bị theo nhu cầu của các đơn vị. Các tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc trong trường đều được mã hóa và được dán barcode, các thông tin của tài sản đều được thể hiện đầy đủ trên hệ thống giúp công tác quản lý được thuận tiện và chính xác [H7.07.02.05]. Đồng thời, thông qua công tác kiểm kê tài sản, Trường thực hiện rà soát lại việc trang bị và sử dụng các trang thiết bị, xem xét tính hiệu quả của việc mua sắm và sử dụng [H7.07.02.06].

Bảng 7.2.1 Thống kê nhu cầu đầu tư cho CSVC và cơ sở hạ tầng, phương tiện dạy và học, trang thiết bị phục vụ NCKH và các hoạt động khác của CSGD cho 5 năm chu kỳ đánh giá (dựa trên dự toán hàng năm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Năm	Dự toán
1	2017	45.106
2	2018	61.430
3	2019	37.740
4	2020	47.897
5	2021	77.455

Việc rà soát và đánh giá hiệu quả đầu tư CSVC và cơ sở hạ tầng được thực hiện thông qua: Báo cáo tổng kết công tác năm của Nhà trường trong đó có nhiệm vụ về đầu tư CSVC và CSHT phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng [H7.07.02.07]. Tổ Cơ sở - Vật chất thuộc Phòng QTTB có trách nhiệm ghi nhận phản ánh thông tin về

CSVC và CSHT của CBNV và SV thông qua các phản ánh trực tiếp hoặc thông qua Hội nghị cán bộ viên chức, NLĐ năm học [H7.07.02.08] và Hội nghị đối thoại giữa Nhà trường với SV [H7.07.02.9].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trung tâm CNTT là trung tâm trực thuộc Trường, chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức và thực hiện kế hoạch phát triển công nghệ thông tin (CNTT) của Trường. Trung tâm có nhiệm vụ quản lý trực tiếp các thiết bị, máy móc, hệ thống đường dây thuộc mạng trường; quản lý những vấn đề về kỹ thuật mạng, xây dựng các giải pháp ứng dụng CNTT; tham mưu các công tác triển khai, thực hiện các dự án CNTT; xây dựng, triển khai các dịch vụ dùng chung trong toàn trường cùng với các phần mềm tương ứng, cập nhật các thông tin, duy trì [H7.07.03.01].

Hàng năm, Trung tâm CNTT chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động quản trị hệ thống thông tin, đảm bảo an toàn thông tin, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị công nghệ của hệ thống máy chủ, đảm bảo vận hành tốt phục vụ công tác quản lý điều hành của trường. Phòng QTTB phối hợp với Trung tâm CNTT trong công tác quản lý, sửa chữa bảo trì lập kế hoạch bảo trì, nâng cấp thường xuyên và liên tục hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT với các đơn vị cung ứng [H7.07.03.02].

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tế, Phòng Kế hoạch - Tài chính phối hợp với Phòng QTTB, Trung tâm CNTT xây dựng kế hoạch đầu tư về thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập [H7.07.03.03]. Trên cơ sở kế hoạch hàng năm, nhà Trường thường xuyên bố trí nguồn kinh phí đầu tư cung cấp cơ sở hạ tầng bao gồm hệ thống mạng LAN, máy chủ, các phòng thực hành máy tính, các phần mềm phục vụ quản lý và được lên kế hoạch bảo trì, sửa chữa kịp thời. Nhờ vậy, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được thường xuyên đầu tư cung cấp đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu của CBGV và SV Nhà trường.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động đào tạo trực tuyến của Trường ĐH Luật Tp.HCM, Nhà trường đang xây dựng Quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng tại Trường ĐH Luật Tp.HCM [H7.07.03.04]. Qua đó, quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng tại Trường ĐH Luật Tp.HCM bao gồm: những quy định chung; tổ chức, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo qua mạng; quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin trong đào tạo qua mạng; nhiệm vụ và quyền hạn của các bên liên quan; xử lý vi phạm và tổ chức thực hiện.

Việc rà soát và đánh giá hiệu quả đầu tư hệ thống CNTT được thực hiện thông qua Báo cáo tổng kết công tác năm học của Nhà trường trong đó có nhiệm vụ về đầu tư hạ tầng CNTT phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng [H7.07.03.05]. Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng hệ thống CNTT được thực hiện thông qua việc ghi nhận phản ánh trực tiếp từ CBNV hoặc thông qua Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động năm học [H7.07.03.06] và Hội nghị đối thoại giữa Nhà trường với SV [H7.07.02.07].

Nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, các bộ phận phụ trách thường xuyên tiến hành rà soát, nâng cấp, cải tiến thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Về cơ bản, hệ thống công nghệ thông tin hiện nay của Trường ĐH Luật Tp.HCM hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

Bảng 7.3.1. Hệ thống CNTT hiện nay của Trường ĐH Luật Tp.HCM.

ST T	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung
1	Hệ thống máy chủ	+ Hệ thống máy chủ quản lý chung: 03 bộ máy chủ VxRail S570, được thiết lập dựa trên công nghệ của VMware chứa đựng nhiều máy chủ ảo, công nghệ backup an toàn; + Hệ thống máy chủ sử dụng cho elearning: 03 bộ máy chủ Dell Poweredge R740, đây là hệ thống dự phòng.

ST T	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung
2	Hệ thống mạng và đường truyền	<p>+ Hệ thống cân bằng tải (Loadbalance): Sử dụng thiết bị APV 2800 AppVelocity-E ADC, công nghệ phân tải thông minh;</p> <p>+ Hệ thống kết nối nút mạng (Switch): Sử dụng thiết bị Cisco C9200-24T-A Catalyst 9200, công nghệ Cisco;</p> <p>+ Hệ đường truyền: 03 đường truyền tốc độ cao leased line của nhà cung cấp NetName và Viettel, 01 đường truyền MetroNet để nối 02 cơ sở.</p>
3	Hệ thống bảo mật	<p>+ Hệ thống tường lửa (Firewall)</p> <p>+ Phần mềm diệt virus Kaspersky dùng cho máy tính (KES – Select)</p>
4	Quyền truy cập	Tài khoản riêng với phần mềm Quản lý đào tạo cho các SV, CBGV, cán bộ quản lý.
5	Các phần mềm quản lý	<p>- Website Trường ĐH Luật Tp.HCM: https://www.hcmulaw.edu.vn</p> <p>- Website Tạp chí Khoa học Pháp lý: https://tapchikhplvn.hcmulaw.edu.vn/</p> <p>- Website Trung tâm TTTV: http://library.hcmulaw.edu.vn</p> <p>- Thư viện số: http://thuvienso.hcmulaw.edu.vn/</p> <p>- Website Đào tạo trực tuyến: https://elearning.ulhcmc.edu.vn</p> <p>- Phần mềm Quản lý đào tạo UIS</p> <p>- Phần mềm quản lý tổ chức thi Examinations</p>

ST T	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung
		<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm Quản lý nhân sự PSC HRM - Phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp IMAS - Phần mềm quản lý và cấp văn bằng - chứng chỉ (Chuẩn bị trang bị)

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Hiện nay, Trường ĐH Luật TP.HCM có 02 cơ sở đang được đưa vào sử dụng (Nguyễn Tất Thành – Quận 4 và Bình Triệu – Thành phố Thủ Đức), song song đó, nhà trường bố trí khu vực dành riêng cho Trung tâm TTTV (sau đây gọi tắt là TV) [H07.07.04.01].

Hàng năm, nhà trường dành một khoản chi phí rất lớn để mua sắm, bổ sung nguồn tài nguyên truyền thống (tài liệu in) và nguồn tài nguyên điện tử (E-book), các cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước. Tính đến ngày 24/11/2021, nguồn tài nguyên thông tin truyền thống của Trung tâm TTTV có: 22.441 nhan đề/92.234 bản ấn phẩm, trong đó: sách 14.754 nhan đề/77.859 bản gồm tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung; Tài liệu nội sinh 6.204 nhan đề/11.427 gồm luận văn, luận án, khóa luận tốt nghiệp, đề tài NCKH, tài liệu hội thảo, kỷ yếu hội thảo; 22 loại và 51 tạp chí các loại chuyên ngành luật và chuyên ngành quản trị; tổng tập tạp chí 1.410 nhan đề/2.948 cuốn; 58.954 bài trích tạp chí đã được biên mục [H07.07.04.02].

Ngoài ra, Trung tâm TTTV hiện tại có 6 cơ sở dữ liệu gồm: CSDL Heinonline; CSDL Westlaw; CSDL sách điện tử; CSDL toàn văn (thư viện số); CSDL luatvietnam và CSDL thư mục (Libol6.0) và mục lục trực tuyến công cộng (OPAC) được nhà trường đầu tư nhằm phục vụ cán bộ, GV và người học của trường để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng người sử dụng [H07.07.04.03].

Thực tế, ngoài các phòng chức năng phục vụ chung cho tất cả người sử dụng là cán bộ, GV, nghiên cứu sinh, học viên cao học, SV các hệ đào tạo của trường, Trung tâm TTTV có một phòng đọc sách nhân quyền và sách ngoài văn dành cho nhà nghiên cứu và SV các lớp chương trình đặc biệt, SV lớp 100% tiếng Anh được đặc quyền sử dụng riêng phòng đọc này. Ở đây, nguồn tài nguyên chủ yếu là sách ngoài văn; tài liệu nội sinh bằng tiếng Anh, tiếng Pháp là kết quả nghiên cứu học tập của SV các lớp CLC rất có giá trị và chất lượng **[H07.07.04.04]**.

TV thường xuyên cập nhật bổ sung sách giáo trình do nhà trường biên soạn, xuất bản và phát hành. Ngoài ra, TV cũng liên kết với các cơ sở đào tạo luật trong nước trao đổi sách giáo trình nhằm tăng số lượng sách TV cũng như tránh bổ sung trùng lặp và tiết kiệm chi phí bổ sung. Sách tham khảo, sách chuyên khảo, báo – tạp chí các loại cũng được bổ sung từ các nhà sách, nhà xuất bản nhằm đảm bảo đầy đủ nguồn tài liệu để người học dễ dàng tiếp cận nguồn học liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu **[H07.07.04.05]**.

Công tác bảo hành, bảo trì phần mềm cũng như các CSVC, trang thiết bị của Trung tâm TTTV, hàng năm đều được làm thủ tục thống kê, kiểm kê và hợp đồng bảo trì. Như vậy, có thể nói Trung tâm TTTV luôn được quan tâm và đầu tư nhằm phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và người học của nhà trường **[H07.07.04.06]**. Bên cạnh đó, hàng năm Trung tâm TTTV tổ chức khảo sát nhu cầu người sử dụng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động để phục vụ người sử dụng ngày một tốt hơn **[H07.07.04.07]**.

Trung tâm TTTV Trường ĐH Luật Tp.HCM đã nâng cấp và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý nguồn tài nguyên thông tin số nhằm hỗ trợ người sử dụng truy cập mọi lúc mọi nơi. Tính đến ngày 25/11/2021 lượt đăng ký tài khoản lên đến 5.207 tài khoản. Trung tâm TTTV đã cố gắng cung cấp đầy đủ nguồn tài liệu cho GV và người học để phục vụ tối đa nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng. Nguồn tài nguyên thông tin số được cập nhật và bổ sung liên tục, số liệu chủ yếu là nguồn tài liệu nội sinh bao gồm luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, các công trình NCKH, tài liệu hội thảo. Bên cạnh đó, TV cũng đã liên kết với các website truy cập mở, cập nhật các bài viết tạp chí mở hỗ trợ người học đọc toàn văn tất cả nguồn tài nguyên có trên website thư viện số. Đến nay, số lượng tài nguyên thông tin số là 12.857 tài liệu **[H07.07.04.08]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành

Hiện nay, Trường ĐH Luật TP.HCM có 02 cơ sở đang được đưa vào sử dụng (Nguyễn Tất Thành – Quận 4 và Bình Triệu – Thành phố Thủ Đức) với tổng diện tích đất là 7.196 m² và tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo là 12.921 m². Nhà trường có tổng cộng 74 phòng học (trong đó có 07 giảng đường lớn trên 200 chỗ) và 05 phòng thực hành tin học đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo của nhà trường. Tổng diện tích phòng học khoảng 8.431 m²

Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho người học [H07.07.05.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường ký hợp đồng với công ty phụ trách về việc thu gom rác thải, đảm bảo vệ sinh khuôn viên toàn trường; ký hợp đồng với công ty Hoàng Gia để đảm bảo các phòng học và phòng làm việc luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học [H07.07.05.02]. Mỗi tầng học được bố trí 02 khu nhà vệ sinh (1 nam - 1 nữ), về cơ bản đảm bảo nhu cầu sử dụng của GV, người lao động và SV.

Hàng năm, Nhà trường lên kế hoạch tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, GV, người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động trong thực hiện công tác và nhiệm vụ [H07.07.05.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thực hiện tốt việc cho đăng ký, phát thẻ Bảo hiểm y tế cho cán bộ, GV, người lao động và SV.

Để đảm bảo an ninh trường học, Nhà trường đã xây dựng các quy định, nội quy giảng đường, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ cho cán bộ và GV, SV được áp dụng thống nhất trong toàn trường. Đội ngũ tổ bảo vệ thực hiện việc trực 24/24 nhằm đảm bảo trật tự, an ninh trong Nhà trường [H07.07.05.04]. Ngoài ra, nhà trường còn kết hợp với công an địa phương của 02 cơ sở theo dõi, giám sát và hỗ trợ khi có sự cố xảy ra.

Công tác phòng cháy – chữa cháy của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường [H07.07.05.05]. Hàng năm, nhà trường phối hợp với Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy tổ chức diễn tập xử lý tình huống phòng khi có hỏa hoạn xảy ra.

Hệ thống đường dành riêng cho người có nhu cầu đặc biệt đã được xây dựng và lưu ý trong thiết kế của các cơ sở trước đây. Tuy nhiên, do thực tế nhiều năm nay nhà trường không có SV là người có nhu cầu đặc biệt vận động; do đó hiện nay tại cả 2 cơ sở đều có bố trí hệ thống thang máy giúp việc di chuyển của SV được dễ dàng.

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến về các nội dung có liên quan đến môi trường, sức khỏe, an toàn, cụ thể:

+ Đối với SV: thông qua các khảo sát SV, đối thoại giữa SV với Lãnh đạo nhà trường hàng năm.

+ Đối với viên chức, người lao động: thông qua các buổi họp giao ban định kỳ; họp cán bộ chủ chốt và đặc biệt là trong hội nghị viên chức, người lao động được tổ chức hàng năm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 7

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà Trường đã thực hiện tốt chức năng xây dựng kế hoạch, theo dõi và giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Các kế hoạch tăng cường nguồn lực tài chính được xây dựng sát với thực tiễn và có tính khả thi, thường xuyên được rà soát nhằm đánh giá sát đúng tình hình thực hiện kế hoạch của Nhà trường để kịp thời có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

- Các văn bản quản lý tài chính của Nhà trường đều được xây dựng căn cứ theo các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước đồng thời gắn với hoạt động thực tiễn của Nhà trường.

- Việc đầu tư CSVC phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được quan tâm thực hiện hàng năm trên cơ sở dự toán được giao, kế hoạch triển khai cụ thể và được đánh giá, rà soát hàng năm

- Thường xuyên lấy ý kiến tiếp nhận từ cán bộ viên chức và SV để kịp thời điều chỉnh, khắc phục các tồn tại nhằm hoàn thiện hơn trong công tác quản lý tài chính và CSVC của Nhà trường.

- Nhà trường đầu tư các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị

hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Nhà trường luôn quan tâm đến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa chú trọng xây dựng kế hoạch trung hạn về phát triển các nguồn lực tài chính hợp pháp và kế hoạch trung hạn về đầu tư xây dựng CSVC, trang thiết bị nhằm hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Chưa tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ, viên chức và SV về CSVC và thiết bị phục vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng

- Nguồn tài nguyên thông tin số hiện nay chủ yếu là tài liệu nội sinh nên chưa đa dạng và phong phú các loại hình tài liệu.

- Diện tích cây xanh, mảng xanh của Trường còn khiêm tốn

- Chưa xây dựng quy định dành cho những người có nhu cầu đặc biệt.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phát huy vai trò của Phòng Tài chính Kế toán, Phòng QTTB, Trung tâm TTTV trong việc thực hiện chức năng xây dựng kế hoạch, theo dõi và giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng	Tài chính Kế toán, Phòng QTTB, Trung tâm TTTV	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		đồng			
2	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục tăng cường đầu tư CSVC, cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng trên cơ sở nguồn lực tài chính được phân bổ hằng năm, thực hiện theo kế hoạch và có giám sát, đánh giá kết quả thực hiện	Tài chính Kế toán, Phòng QTTB.	Hằng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 3	Thực hiện đánh giá hằng năm hiệu quả sử dụng CSVC, cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Phòng QTTB, Trung tâm TTTV	Hằng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục phát huy thế mạnh về nguồn học liệu, thường xuyên bổ sung nguồn tài liệu đa dạng, phong phú nhằm đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu của người sử dụng phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Trung tâm TTTV, Phòng NCKH và HTQT, các Khoa	Hằng năm	
5	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành xây dựng kế hoạch trung hạn phát triển	Phòng Tài chính Kế	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	1	các nguồn lực tài chính, CSVC của Nhà trường	toán, Phòng QTTB và các đơn vị liên quan		
6	Khắc phục điểm tồn tại 2	Xây dựng cơ chế khảo sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của CSVC, trang thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng.	Phòng QTTB, Trung tâm CNTT	Hàng năm	
7	Khắc phục điểm tồn tại 3	Đa dạng nguồn tài nguyên thông tin số đáp ứng nhu cầu của người sử dụng. Tăng cường nguồn tài liệu bên ngoài thư viện hoặc tìm kiếm trên Internet. Hợp tác liên thông chia sẻ học liệu, xây dựng các phương thức và các cam kết hợp tác giữa các thư viện là cơ sở để các thư viện hợp tác phát triển nguồn học liệu, xây dựng các sản phẩm dịch vụ dùng chung, hỗ trợ nhau phục vụ người dùng.	Trung tâm TTTV, Phòng NCKH và HTQT, các Khoa	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
8	Khắc phục điểm tồn tại 4	Tăng cường mảng xanh trong khuôn viên trường, tạo không gian thoáng đãng, trong thiết kế xây dựng có chú trọng hỗ trợ, phục vụ nhu cầu của người khuyết tật.	Phòng CTSV, Phòng QTTB.	Hàng năm	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7	5
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	5

TIÊU CHUẨN 8. CÁC MẠNG LƯỚI VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Hiện nay thế giới đang trong bối cảnh toàn cầu hóa và xu thế hội nhập quốc tế diễn ra trên nhiều mặt của đời sống chính trị, kinh tế - xã hội với nhiều tính chất, phạm vi và hình thức sâu rộng. Riêng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Việt Nam đã ký kết và thiết lập quan hệ hợp tác giáo dục với hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Là một cơ sở đào tạo luật hàng đầu ở khu vực phía Nam, Trường ĐH Luật TP.HCM luôn coi trọng việc thiết lập các mạng lưới và quan hệ đối ngoại với các đối tác trong nước, khu vực và quốc tế. Năm 1996, Trường ĐH Luật TP.HCM đã thành lập Phòng QL NCKH&HTQT (QL NCKH&HTQT) sau khi Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký Quyết định thành lập Trường Đại học Luật trực thuộc ĐHQG Tp.HCM trên cơ sở sáp nhập Phân hiệu Đại học Luật Tp.HCM và Khoa Luật Trường Đại học Tổng hợp Tp.HCM (Quyết định số 1234/GD&ĐT ngày 30/3/1996). Chức năng nhiệm vụ của phòng QL NCKH&HTQT đã được bổ sung và cụ thể hóa trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật TP.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 849/QĐ-ĐHL ngày 27/05/2015 [H08.08.01.01]. Theo đó, bộ phận Hợp tác quốc tế của Nhà trường có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình hợp tác quốc tế; quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các dự án hợp tác quốc tế trong NCKH và đào tạo; phối hợp với các đơn vị quản lý SV nước ngoài; tổ chức các buổi làm việc giữa Hiệu trưởng với các cá nhân, tổ chức nước ngoài; tiếp nhận, soạn thảo các văn bản trong giao dịch với các cá nhân, tổ chức nước ngoài; dịch các bảng điểm, văn bằng, chứng chỉ của Trường cấp sang tiếng nước ngoài; hướng dẫn các cá nhân trong Trường làm thủ tục ra nước ngoài tham quan, dự hội thảo, NCKH và học tập; thực hiện chế độ báo cáo, thống kê theo quy định của pháp luật và khi Hiệu trưởng yêu cầu; quản lý thông tin, tài liệu, hồ sơ về các hoạt động hợp tác quốc tế và thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về các hoạt động trên theo quy định của pháp luật và của Trường; tổ chức và quản lý các CTĐT liên kết với nước ngoài.

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phòng QL NCKH&HTQT là đơn vị thực hiện công tác quản lý, phát triển và tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường, mở rộng các quan hệ, hình thức hợp tác, khai thác hiệu quả quan hệ hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế trong đào tạo, NCKH, trao đổi GV, SV; phối hợp với các cá nhân, tổ chức trong đào tạo, NCKH có yếu tố nước ngoài. Hàng năm, phòng QL NCKH&HTQT triển khai các hoạt động, sự kiện hợp tác trên cơ sở kế hoạch trình BGH và báo cáo Bộ GD&ĐT phê duyệt, phối hợp chặt chẽ với đối tác nước ngoài.

Quyết định số 549/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án tổng thể về xây dựng Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật TP.HCM thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật giai đoạn 2013-2020 [H08.08.01.02] cũng đã

nêu rõ, theo đó cần phải: “Xây dựng từng trường thành trung tâm nghiên cứu, trung tâm học thuật và trao đổi các ý tưởng khoa học pháp lý có uy tín tại Việt Nam. Ưu tiên công tác nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng gắn với nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện thể chế nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế”.

Để triển khai dự án trường trọng điểm nói trên, Trường ĐH Luật TP.HCM đã ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động NCKH và Hợp tác quốc tế ngày 26/6/2013 [H08.08.01.03] trong đó xây dựng Mục tiêu giai đoạn 1 (2013 - 2016), giai đoạn 2 (2017 - 2020) và giai đoạn sau khi triển khai đề án (tầm nhìn giai đoạn 2020 - 2030). Đây cũng là căn cứ định hướng cho các hoạt động quan hệ đối ngoại của Nhà trường, giúp duy trì và phát triển các quan hệ hợp tác của Nhà trường đạt kế hoạch, mục tiêu hàng năm và hướng tới thực hiện tầm nhìn, sứ mệnh của Trường.

Với định hướng đó, Nhà trường luôn chú trọng củng cố các mối quan hệ hợp tác quốc tế sẵn có, kết hợp mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo, NCKH và các tổ chức quốc tế khác, ưu tiên hợp tác với các cơ sở đào tạo luật có danh tiếng của các nền giáo dục phát triển trên thế giới như Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Nhật Bản, Singapore... nhằm tranh thủ cơ hội để tiếp cận và nhận chuyển giao công nghệ giáo dục tiên tiến, hiện đại. Đồng thời, Nhà trường cũng đổi mới cơ chế hợp tác quốc tế theo hướng tích cực, chủ động, tự chủ và bình đẳng với mục đích đưa các hoạt động hợp tác đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả trên cơ sở khai thác tiềm năng và thế mạnh của mỗi bên, đa dạng hóa các hình thức hợp tác: tổ chức - tổ chức, tổ chức - cá nhân và cá nhân - cá nhân.

Nhằm đẩy mạnh và chuyên nghiệp hóa công tác quản lý, một trong những hoạt động hợp tác quốc tế quan trọng là hợp tác với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo (còn gọi là liên kết đào tạo với nước ngoài), Hiệu trưởng đã ký Quyết định số 3040/QĐ-ĐHL ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc thành lập Trung tâm Quản lý Đào tạo CLC và Đào tạo quốc tế trực thuộc Trường ĐH Luật TP.HCM [H08.08.01.04]. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm được quy định rõ trong Quyết định số 273/QĐ-ĐHL ngày 05/3/2019 [H08.08.01.05]. Theo đó, Trung tâm có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác quản lý các lớp CLC thuộc các hệ đào tạo của trường; công tác quản lý và tổ chức các dự án liên kết đào tạo, dự án hợp tác quốc tế về đào tạo ở bậc đại học và sau đại học. Hiện Trung tâm này đang quản lý tất cả các lớp CLC bậc cử nhân thuộc các hệ

đào tạo, một chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ luật bằng tiếng Anh với trường Đại học Tây Anh Quốc (UWE) [H08.08.01.06], [H08.08.01.07], một chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ luật bằng tiếng Pháp với các trường Đại học Pháp (Jean Moulin Lyon III, Montesquieu Bordeaux IV và Toulouse I Capitole) [H08.08.01.08], [H08.08.01.09].

Trường ĐH Luật TP.HCM là cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ GD&ĐT nên ngoài việc tuân thủ quy định tại Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 2012 và Điều lệ trường đại học tại Quyết định 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường hiện nay đều thực hiện thống nhất theo các quy định của Bộ GD&ĐT bao gồm: Quy chế quản lý việc ra nước ngoài của cán bộ, công chức và viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014; Thông tư số 23/2019/TT-BGDĐT ngày 25/12/2019 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý việc ra nước ngoài của cán bộ, công chức và viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014; Quy chế Quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng có các kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Các nội dung này được cụ thể hóa tại Điều 54 - Điều 57 của Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Luật TP.HCM ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐTĐHL của Hội đồng trường ngày 07/12/2020 [H08.08.01.10].

Trong giai đoạn 2017 - 2020, Nhà trường đã tiến hành ký kết Bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác quốc tế như: Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Nhật, Trung Quốc, New Zewland,... Qua quá trình hợp tác sau ký kết, trường đã tiến hành triển khai nhiều hoạt động hợp tác cụ thể theo lộ trình đã thống nhất với phía đối tác. Các hoạt động hợp tác của Nhà trường đều được thông tin, quảng bá đầy đủ trên Website và Fanpage của Trường, đặc biệt đối với một số chương trình liên quan đến SV, thông tin luôn được cập nhật tăng cường trên kênh thông tin của các Khoa, Đoàn trường, Trung tâm Quản lý Đào tạo CLC, Đào tạo quốc tế và Trung tâm QHDN&HTSV (Facebook của các đơn vị)... [H08.08.01.11]. Hàng năm, công tác hợp tác quốc tế đều được triển khai theo kế hoạch hoạt động và được tổng hợp, báo cáo, dự thảo lập kế hoạch, phương hướng cụ thể cho năm tài chính tiếp theo [H08.08.01.12], [H08.08.01.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện

Chiến lược phát triển hoạt động Hợp tác quốc tế giai đoạn 2017 - 2020 được nêu chi tiết trong “Kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động NCKH và Hợp tác quốc tế để triển khai đề án trường trọng điểm” ngày 13/6/2013 của Trường ĐH Luật TP.HCM, trong đó Nhà trường có kế hoạch chi tiết cho từng năm trong giai đoạn 2017 - 2020. Các hoạt động cụ thể tập trung xoay quanh công tác: tăng cường năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, GV; tăng cường hoạt động trao đổi GV và SV với các trường đối tác; đưa GV sang thỉnh giảng và tham dự hội thảo quốc tế tại các trường đại học trên thế giới; tổ chức hội thảo quốc tế tại trường; đẩy mạnh tuyên truyền cộng đồng, phổ biến kiến thức pháp luật cho SV và hỗ trợ pháp luật miễn phí cho các đối tượng yếu thế; duy trì và phát triển các hoạt động là sân chơi cho SV trong khuôn khổ quốc gia và quốc tế...
[H08.08.02.01].

Trong giai đoạn 2017 - 2020, Nhà trường đã tiến hành ký kết 11 Bản ghi nhớ hợp tác/ghi nhớ thỏa thuận hợp tác (MOU/MOA) với các đối tác quốc tế với nội dung hợp tác tập trung vào thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động hợp tác quốc tế của dự án trường trọng điểm. Tiêu biểu như hoạt động trao đổi SV và GV và cán bộ quản lý; thực hiện và công bố các công trình nghiên cứu chung; đồng tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế; đàm phán và xây dựng các chương trình liên kết đào tạo bậc đại học và sau đại học; xây dựng các CTĐT ngắn hạn và chuyển giao, công nhận tín chỉ và cấp bằng cho các CTĐT; xây dựng CTĐT tiên tiến; hoạt động trao đổi tài liệu nghiên cứu, xuất bản các ấn phẩm sau hội thảo quốc tế, các đề tài NCKH chung; tiếp tục thực hiện các chương trình liên kết đào tạo đã được triển khai và được đánh giá hiệu quả
[H08.08.02.02].

Ngoài ra, trường còn là thành viên chính thức của một Tổ chức quốc tế là Cơ quan Đại học Pháp ngữ (AUF) từ năm 1996. Trong khuôn khổ chương trình hợp tác này, Nhà trường đã thực hiện và duy trì công tác tuyển sinh và đào tạo các lớp Cử nhân luật CLC tăng cường tiếng Pháp với sĩ số trung bình tuyển mới hàng năm là 40-50 SV. Cơ quan Đại học Pháp ngữ đóng vai trò là đối tác hỗ trợ về sư phạm và một phần về tài chính
[H08.08.02.03].

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thực hiện các dự án/chương trình hợp tác với các Tổ chức quốc tế khác như:

- Quỹ Thúc đẩy Sáng kiến Tư pháp (Quỹ JIFF) là một trong hai hợp phần của Chương trình “Tăng cường Pháp luật và Tư pháp tại Việt Nam”, gọi tắt là “Chương trình EU JULE” được thực hiện trên cơ sở Hiệp định Tài chính số DCI-ASIE/2014/037-404 đã được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Liên minh Châu Âu ngày 02/12/2015 và cụ thể hóa tại Quyết định số 2218/QĐ-BTP ngày 18/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Quỹ JIFF được quản lý, vận hành bởi Tổ chức Oxfam tại Việt Nam, tập trung hỗ trợ các tổ chức thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, có kinh nghiệm và hoạt động thích hợp được công nhận trong lĩnh vực pháp luật để thực hiện các hoạt động hỗ trợ tiếp cận tư pháp cho công dân Việt Nam **[H08.08.02.04]**.

- Dự án “Phát triển tri thức giữa các viện nghiên cứu: Liên quan tới kinh tế và pháp luật của các nền kinh tế chuyển đổi tại Đông Nam Á” (dự án “RISE”) được xây dựng nhằm củng cố mối quan hệ giữa các trường Đại học thuộc khối EU (Tallinn Technology University – TUT/TalTech, Lausanne University - UNIL) và các trường đại học khác ở khu vực Đông Nam Á (Đại học Luật TP.HCM, Đại học Hoàng gia Kinh tế và Luật Cambodia - RULE, Đại học Quốc gia Lào – NUOL) nhằm hỗ trợ cho các GV của các trường hợp tác nghiên cứu trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và luật. Đơn vị chủ trì và quản lý dự án là TUT **[H08.08.02.05]**.

Các bản ghi nhớ được ký kết giữa Trường ĐH Luật TP.HCM với các đối tác nước ngoài đã triển khai được nhiều hoạt động thực tế, đem lại hiệu quả và lợi ích cho Nhà trường với nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực như trao đổi SV, GV và cán bộ quản lý, trao đổi học thuật, tham quan khảo sát, tổ chức hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên gia, nói chuyện chuyên đề, cấp học bổng cho GV, SV.

Về hợp tác đào tạo: Hiện nay Nhà trường đang thực hiện hai chương trình liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ. Thứ nhất là chương trình liên kết bằng tiếng Anh chuyên ngành Luật Kinh tế và Thương mại quốc tế, và chuyên ngành Luật Tài chính và Ngân hàng quốc tế với trường Đại học Tây Anh Quốc **[H08.08.02.06]**. Thứ hai là chương trình liên kết bằng tiếng Pháp chuyên ngành Luật Kinh doanh quốc tế và so sánh **[H08.08.02.07]**. Ngoài ra Nhà trường đang tích cực làm việc với một số cơ sở giáo dục đại học nước ngoài để xúc tiến triển khai chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học và sau đại học **[H08.08.02.08]**, **[H08.08.02.09]**.

Về trao đổi GV, SV và các chương trình tham quan khảo sát: Thông qua các Bản ghi nhớ triển khai hoạt động hợp tác giữa Trường ĐH Luật TP.HCM và các trường đại học nước ngoài, đã có 22 đoàn cán bộ, GV được cử đi tham quan, học tập ngắn hạn, trao đổi chuyên môn và tham gia các cuộc thi quốc tế tại các trường đại học, các viện nghiên cứu đối tác nhằm nâng cao năng lực và trao đổi, tiếp thu kiến thức và kỹ năng tiên tiến để áp dụng tại Trường [H08.08.02.10].

Trong giai đoạn 2017 - 2020, Nhà trường cũng đã tiếp đón hàng trăm đoàn GV, chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy, tham gia các Hội thảo khoa học, Tọa đàm chuyên gia hay các buổi nói chuyện chuyên đề với GV, SV trong trường [H08.08.02.11].

Hoạt động trao đổi SV cũng được triển khai mạnh mẽ. Nhà trường đã tiến hành kết nối và tổ chức các chuyến học tập ngắn hạn và tham quan học tập tại một số trường đại học đối tác nước ngoài cho SV Nhà trường nhằm tạo cơ hội cho các em SV có cơ hội giao lưu, học hỏi, bổ sung kiến thức. Đồng thời Nhà trường cũng tích cực hỗ trợ SV tham gia vào các hoạt động học thuật quốc tế như các cuộc thi Phiên tòa giả định (Moot Court) quốc tế như Asia Cup, IHL Moot Court, AsiaLaw Moot Court, Vis Moot, WTO Moot Court, FDI Moot Court,... và hiện Trường ĐH Luật TP.HCM là một trong những cơ sở phát triển mạnh nhất Việt Nam về hoạt động ngoại khóa này.

Ở chiều ngược lại, rất nhiều SV quốc tế đã đến tham gia học tập, tham quan và tham gia các chương trình trao đổi SV với SV Nhà trường

Về tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm, trao đổi học thuật: là một hoạt động thường xuyên và quan trọng trong quan hệ đối ngoại, Trường ĐH Luật TP.HCM đã tổ chức nhiều buổi tập huấn, trao đổi học thuật, hội nghị, hội thảo tập trung vào các chủ đề pháp lý đa dạng với sự tham gia của các chuyên gia trong nước cũng như quốc tế. Từ năm 2017 đến năm 2020, Nhà trường đã phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức tổng cộng 13 hội thảo quốc tế tại Trường. Nổi bật là các hội thảo quốc tế của mạng lưới Nodipex, hội thảo về các dự thảo luật quan trọng của Việt Nam;... có 27 lượt GV Nhà trường tham dự và trình bày tham luận tại 23 hội thảo, hội nghị tại nước ngoài; đặc biệt có 05 lượt GV của Nhà trường tham gia thỉnh giảng tại các trường đại học đối tác nước ngoài [H08.08.02.12], [H08.08.02.13], [H08.08.02.14].

Bên cạnh các hoạt động hợp tác có yếu tố nước ngoài, Nhà trường cũng đồng thời chú trọng phát triển các mạng lưới, mối quan hệ, đối tác trong nước. Cụ thể, năm 2016 Nhà trường đã ký kết bản ghi nhớ hợp tác trong công tác giáo dục, đào tạo và NCKH

với Học viện Cảnh sát nhân dân [H08.08.02.15]; năm 2019 Trường tham gia Mạng lưới các cơ sở đào tạo Luật tại Việt Nam và ký ghi nhớ hợp tác với Trường ĐH Luật Hà Nội về phối hợp đào tạo nguồn nhân lực CLC cho xã hội, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, tăng cường năng lực của hai Trường trong các lĩnh vực về đào tạo và NCKH [H08.08.02.16]; vào tháng 7/2019 Nhà trường đã ký thỏa thuận hợp tác với Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ (SISS) về việc phối hợp tổ chức hội thảo quốc tế trong lĩnh vực lao động “*Thách thức toàn cầu và ứng phó của địa phương: chuyển đổi quan hệ lao động và khung pháp lý tại Việt Nam và các nền kinh tế mới nổi*” [H08.08.02.17]. Ngoài ra, các mạng lưới, mối quan hệ, đối tác trong nước cũng được xây dựng, triển khai, thúc đẩy thông qua hoạt động của một số Trung tâm của nhà trường (Trung tâm QHDN&HTSV, trung tâm đào tạo ngắn hạn, Trung tâm TVPL, trung tâm sở hữu trí tuệ...). Các trung tâm này thường xuyên tổ chức các dự án, khóa học, hội thảo, tọa đàm, chương trình kết nối... để nhằm xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài, tạo điều kiện cho SV của trường có cơ hội kiến tập, làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước ngay khi còn đi học; nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu cho các GV của trường; cung cấp dịch vụ thông qua các khóa học ngắn hạn cho các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu, từ đó nâng tầm thương hiệu của trường... [H08.08.02.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát

Định kỳ hàng tháng, 06 tháng và hàng năm, phòng QL NCKH&HTQT báo cáo với BGH Nhà trường và các đơn vị chủ quản về các hoạt động đã thực hiện triển khai trong tháng, 06 tháng và năm đó [H08.08.03.01]. Các nội dung cần trao đổi hoặc phối hợp giữa phòng QL NCKH&HTQT và các đơn vị thuộc Trường đều được văn phòng tổng hợp và thảo luận tại các cuộc họp giao ban thường kỳ. Các báo cáo và kế hoạch phát triển công tác đối ngoại cũng được trình bày tại Hội nghị Công chức, viên chức và người lao động hàng năm và được các đại biểu bỏ phiếu biểu quyết cùng với các quyết sách khác của lãnh đạo Nhà trường [H08.08.03.02]. Bên cạnh đó, các đối tác và hoạt động hợp tác đối ngoại của Trường ĐH Luật TP.HCM cũng được rà soát và thống kê định kỳ [H08.08.03.03], [H08.08.03.04], [H08.08.03.05]. Đặc biệt, đối với các Dự án hợp tác với các tổ chức quốc tế, đơn vị thực hiện dự án luôn có báo cáo định kỳ, đánh giá hiệu

quả thực hiện dự án và đề xuất hướng phát triển phù hợp cho giai đoạn tiếp theo **[H08.08.03.06]**.

Hệ thống văn bản quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế đều được phòng QL NCKH&HTQT chủ động nghiên cứu, cập nhật văn bản có hiệu lực hiện hành để đảm bảo mọi hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo đúng quy định. Cụ thể như: Quy chế quản lý việc ra nước ngoài của cán bộ, công chức và viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014; Thông tư số 23/2019/TT-BGDĐT ngày 25/12/2019 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý việc ra nước ngoài của cán bộ, công chức và viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014; Quy chế Quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018; Thông tư 24/2018/TT-BTC về việc Hướng dẫn quản lý kinh phí đào tạo cho Lưu học sinh Lào và Campuchia (diện Hiệp định) học tập tại Việt Nam ngày 12/3/2018...

Về việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ trong nước. Nhà trường vẫn tiếp tục thực hiện việc hợp tác trong công tác giáo dục, đào tạo và NCKH với Học viện Cảnh sát nhân dân, Trường ĐH Luật Hà Nội và một số cơ sở giáo dục khác. Định kỳ hàng năm, Trường ĐH Luật Tp.HCM vẫn thường xuyên tổ chức các buổi làm việc với các trường đối tác nhằm rà soát và tiếp tục xây dựng các hoạt động phối hợp trong thời gian tới **[H08.08.03.07]**. Bên cạnh đó, như đã đề cập, nhà trường còn thực hiện việc phát triển mạng lưới, quan hệ đối ngoại trong nước thông qua một số trung tâm của nhà trường như: Trung tâm TVPL, Trung tâm QHDN&HTSV, Trung tâm đào tạo ngắn hạn, Trung tâm sở hữu trí tuệ... Hàng năm, những trung tâm này đều tiến hành tổng kết những hoạt động được tiến hành trong năm và báo cáo trong văn kiện Kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị viên chức và người lao động **[H08.08.03.08]**. Thông qua các dự án, các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình kết nối với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng... hàng năm mà các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của nhà trường ngày càng được mở rộng và thu được nhiều thành quả, mang lại nhiều lợi ích cho SV, GV, từ đó góp phần nâng tầm chất lượng của nhà trường. Ngoài ra, việc đánh giá hiệu quả của việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ trong nước còn được thực hiện qua các buổi Hội thảo như Hội thảo gắn kết Nhà trường và ĐV SDLĐ trong quá trình đào tạo, tuyển dụng nhân sự hàng năm **[H08.08.03.09]**. Kết quả của Hội nghị này sẽ giúp nhà

trường cải tiến, hoạch định các chính sách mới để mở rộng các mối quan hệ hợp tác lâu dài.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trong những năm vừa qua, các hoạt động hợp tác quốc tế đều được BGH Nhà trường quan tâm và hỗ trợ. Qua thống kê kết quả từng năm, có thể nhận thấy hoạt động hợp tác quốc tế đều phát triển ở cả bề rộng lẫn bề sâu, tập trung vào xu hướng phát triển chung của xã hội đồng thời đáp ứng được mục tiêu phát triển của Trường. Nhà trường đã tiến hành ký kết 11 Bản ghi nhớ hợp tác/ghi nhớ thỏa thuận hợp tác (MOU/MOA) với các trường đại học lớn thuộc các quốc gia tại châu Âu, Hoa Kỳ, Úc, New Zealand, ASEAN và Đông Á, trong đó có nội dung chủ yếu là triển khai thực hiện việc trao đổi học thuật dành cho SV và GV. Tiêu biểu như: Bản ghi nhớ hợp tác với trường Đại học Công nghệ Tallinn (Estonia) về hoạt động trao đổi SV và GV, nghiên cứu chung và công bố các công trình nghiên cứu chung, tổ chức hội nghị, hội thảo, xây dựng CTĐT tiến sĩ và đồng hướng dẫn; Bản ghi nhớ hợp tác với các trường Đại học khổi tiếng Pháp như Đại học Rouen và Đại học Toulouse I Capitole (CH Pháp), Đại học Tự Do Bruxelles (Vương Quốc Bỉ) về hoạt động trao đổi SV, GV và cán bộ quản lý, thực hiện các công trình nghiên cứu chung, tổ chức hoạt động hội nghị, hội thảo khoa học chung; Bản ghi nhớ hợp tác với trường Đại học Waikato (New Zealand) về trao đổi SV, GV, cán bộ quản lý, thực hiện các công trình nghiên cứu chung đặc biệt là về lĩnh vực Sở hữu trí tuệ; Biên bản ghi nhớ với trường Đại học Chính Pháp Tây Nam (Trung Quốc) về các hoạt động trao đổi và nghiên cứu chung, đặc biệt là xây dựng các CTĐT ngắn hạn và chuyển giao, công nhận tín chỉ và cấp bằng cho các CTĐT; Biên bản ghi nhớ với trường Đại học Tài chính và Luật Matxcova - MFUA (Liên Bang Nga) về trao đổi SV, GV, chương trình liên kết đào tạo và CTĐT tiên tiến; Biên bản ghi nhớ với trường Đại học Tổng hợp Nagoya về thực hiện các hoạt động trao đổi tài liệu nghiên cứu, xuất bản các ấn phẩm sau hội thảo quốc tế, các đề tài NCKH chung, trao đổi SV và GV đặc biệt là đẩy mạnh tổ chức các hội thảo quốc tế trực tuyến với trường Đại học tổng hợp Nagoya và các trường Đại học trong khu vực. Bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác ký với trường Đại học Tây Anh Quốc về tiếp tục thực hiện chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ luật chuyên

ngành Luật Kinh tế và Thương mại quốc tế, và chuyên ngành Luật Tài chính và Ngân hàng quốc tế; Bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác ký với nhóm các trường Đại học Pháp (Jean Moulin Lyon III, Montesquieu Bordeaux IV, Toulouse I Capitole) về tiếp tục thực hiện chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ luật chuyên ngành Luật Kinh doanh quốc tế và so sánh [H08.08.04.01].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức, triển khai các đoàn công tác tại các quốc gia có đối tác chiến lược để thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế. Đặc biệt từ năm 2016 đến nay, bên cạnh các đoàn công tác của GV và cán bộ quản lý, Nhà trường đã tổ chức cho SV đi nước ngoài tham quan học tập tại các trường đại học trong khu vực Đông Nam Á như: Singapore, Thái Lan... Số lượng đoàn ra nước ngoài luôn duy trì ở mức cao trong những năm gần đây [H08.08.04.02].

Bảng 8.4.1 Thống kê số lượng đoàn ra nước ngoài từ năm 2017-2020

Năm	2017	2018	2019	2020
Số lượng đoàn ra	32	27	15	01
Số lượt người	71	37	38	01
Ghi chú				<i>Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 các hoạt động trao đổi được chuyển sang hình thức trực tuyến</i>

Từ năm 2017 đến nay, Nhà trường cũng đã đón tiếp rất nhiều lượt khách đối tác nước ngoài đến thăm, tìm kiếm cơ hội hợp tác, tham dự hội thảo, hội nghị quốc tế, trao đổi học thuật, tham gia giảng dạy và học tập tại Trường. Trong đó, thành phần các đoàn đến làm việc tại trường được cân nhắc, lựa chọn sao cho kết quả hợp tác được triển khai thành các hoạt động cụ thể, có chất lượng, hiệu quả và tập trung vào mục tiêu phát triển của Nhà trường. Điều này cũng thể hiện rõ nét sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của BGH, sự nỗ lực của đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý và xúc tiến các hoạt động hợp tác quốc tế [H08.08.04.03]

Bảng 8.4.2 Thống kê số lượng đoàn ra nước ngoài từ năm 2017-2020

Năm	2017	2018	2019	2020
Số lượng đoàn vào	38	22	40	06
Số lượt người	133	77	138	06
Ghi chú				<i>Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 các hoạt động trao đổi được chuyển sang hình thức trực tuyến</i>

Thông tin về các hoạt động đối ngoại được đăng tải rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Nhà trường nhằm giúp cán bộ, GV và SV của Trường nắm thông tin kịp thời, nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động hợp tác quốc tế và góp phần thúc đẩy các hoạt động này nhằm đáp ứng mục tiêu, chiến lược phát triển của Nhà trường [H08.08.04.04].

Trong quá trình mở rộng và phát triển hợp tác với các đối tác nước ngoài, hàng năm Nhà trường đều thống kê, rà soát các hoạt động để làm cơ sở cho việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động cho năm tiếp theo. Thông qua báo cáo hàng năm, phòng QL NCKH&HTQT sẽ tham mưu, tư vấn với BGH về kế hoạch hợp tác và chương trình hoạt động nhằm cải thiện quan hệ hợp tác, tiến tới đạt được tầm nhìn, sứ mạng của Trường trong việc tiếp tục triển khai đầy mạnh thực hiện Đề án tổng thể “Xây dựng Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật TP.HCM thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 549/QĐ-TTg, ngày 04/04/2013 cũng như tiếp tục triển khai thực hiện Đề án thí điểm “Đổi mới cơ chế hoạt động” được Thủ tướng phê duyệt (QĐ 521/QĐ-TTg) tạo tiền đề quan trọng để Nhà trường thực hiện tự chủ trong nhiều lĩnh vực của công tác đào tạo [H08.08.04.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 8

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Thứ nhất, hoạt động Hợp tác quốc tế của Nhà trường luôn được BGH quan tâm và tạo điều kiện tập trung phát triển, đặc biệt trong giai đoạn từ năm 2017 đến nay. Các hoạt động này đều đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động Hợp tác quốc tế của Bộ GD&ĐT, các cơ quan quản lý Nhà nước. Kế hoạch hoạt động Hợp tác quốc tế được xây dựng và phê duyệt định kỳ và có kết quả rõ rệt.

- Thứ hai, nhà trường luôn chú trọng xúc tiến, thúc đẩy, mở rộng, phát triển mạng lưới với các đối tác trong và ngoài nước. Nhiều bản ghi nhớ hợp tác được ký kết trong giai đoạn bốn năm trở lại đây và hầu hết đều được triển khai hiệu quả. Bước đầu, Trường ĐH Luật TP.HCM đã khẳng định được vị thế của mình với nhiều đối tác trong và ngoài nước; tạo dựng uy tín với Bộ GD&ĐT và các cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương trong việc tổ chức, triển khai các chương trình hợp tác. Việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ GV của Trường rất được chú trọng và thực hiện tốt trong thời gian qua.

- Thứ ba, nhà trường có đội ngũ GV hùng hậu và kinh nghiệm đào tạo, Trường ĐH Luật TP.HCM hoàn toàn có thể đáp ứng nhu cầu học các chương trình sau đại học ngành luật của trường đại học nước ngoài.

- Thứ tư, hiện tại, các hoạt động hợp tác đã được chú trọng về chất lượng và hợp tác sâu về chuyên môn như hợp tác NCKH, phối hợp tổ chức hội thảo, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, hỗ trợ đăng bài tạp chí, kỷ yếu các kết quả NCKH, trao đổi SV, trao đổi GV, giao lưu văn hóa...

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Thứ nhất, các chương trình hợp tác quốc tế gặp một số vướng mắc khi đồng thời phải tuân thủ quy định của Bộ GD&ĐT, cơ quan quản lý Nhà nước cũng như quy định của các trường đại học, các tổ chức đào tạo đối tác nước ngoài. Việc nâng cao chất lượng hoạt động hợp tác quốc tế một mặt đòi hỏi đội ngũ GV, cán bộ quản lý, cán bộ phụ trách mảng hợp tác quốc tế có trình độ ngoại ngữ và chuyên môn cao hơn, mặt khác đòi hỏi Nhà trường phải có đầu tư cả về CSVC và con người nhằm thể hiện năng lực đối ứng trong hoạt động hợp tác.

- Thứ hai, hiện nay tuy thư viện của trường đã có những đầu tư cơ bản để kết nối trực tuyến với một số cơ sở dữ liệu lớn trên thế giới như J-Gate, World Dissertations Library – WDL, Westlaw... Tuy nhiên, mạng lưới này vẫn còn hạn chế, chưa có sự kết nối đầy đủ với hệ thống thư viện của các cơ sở giáo dục về đào tạo Luật trên thế giới, đặc biệt là các cơ sở có sự hợp tác với nhà trường, do vậy chưa đáp ứng được đầy đủ được nhu cầu nghiên cứu, học tập đa dạng của GV và SV.

- Thứ ba, hạn chế về trình độ ngoại ngữ của đội ngũ GV nhà trường đang là trở ngại lớn ngăn cản GV tiếp cận nguồn kiến thức phong phú và kinh nghiệm thực tiễn từ nước ngoài

- Thứ tư, hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo và NCKH vẫn chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của nhà trường. Số lượng CTĐT liên kết với nước ngoài còn khiêm tốn, các dự án quốc tế hỗ trợ, nâng cấp CSVC, trang thiết bị vẫn còn hạn chế.

- Thứ năm, việc ký kết thỏa thuận hợp tác quốc tế song phương về NCKH cũng như các công trình khoa học công bố chung với đối tác nước ngoài vẫn còn mang tính cá nhân, chưa nâng lên tầm chiến lược, việc đăng bài trên tạp chí nước ngoài, đặc biệt là tạp chí thuộc danh mục ISI và Scopus còn khiêm tốn, chỉ tập trung vào một số ít GV

- Thứ sáu, khi thực hiện các chương trình với các đối tác nước ngoài, đòi hỏi phía Trường phải đồng bộ tiêu chí và cách thức tuyển sinh, chương trình học, thời lượng và ngôn ngữ giảng dạy,... Điều này tạo ra thách thức rất lớn đối với Trường và các Khoa trong việc thực hiện các chương trình hợp tác đào tạo liên kết quốc tế dạng 2+2, 3+1 và/hoặc franchise nhập khẩu nguyên gói trong việc điều chỉnh chương trình và thích ứng với đối tác, cần nhiều thời gian và công sức, trí tuệ để đưa những thỏa thuận này đi vào hoạt động

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục	- Phân bổ một khoản ngân sách hàng năm để phát triển đội ngũ	- BGH Trường	- Thời gian thực hiện và	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	tồn tại 1	<p>Hợp tác quốc tế có kỹ năng và kinh nghiệm trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, quan hệ đối ngoại: nâng cao năng lực ngoại ngữ của cán bộ phụ trách công tác Hợp tác quốc tế, tổ chức nhiều đợt tập huấn về phương pháp, kỹ năng đàm phán, thương lượng trong hoạt động Hợp tác quốc tế để có thể vừa đẩy mạnh được chất lượng hợp tác vừa đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT, cơ quan quản lý nhà nước và quy định của các trường đại học, các tổ chức đào tạo đối tác nước ngoài;</p> <p>- Phân bổ một khoản ngân sách hàng năm cho việc xúc tiến công tác Hợp tác quốc tế với các Trường Đại học, các cơ sở giáo dục trên thế giới.</p>	ĐH Luật Tp.HCM, Trường phòng NCKH và hợp tác quốc tế	hoàn thành theo kế hoạch hàng năm của nhà trường	
2	Khắc phục tồn tại 2	Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng internet, kết nối thư viện và các phòng lab của trường với các mạng lưới, hệ thống dữ liệu trực tuyến của các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các cơ sở giáo dục mà nhà trường	- BGH Trường ĐH Luật Tp.HCM, Trung tâm	- Thời gian thực hiện và hoàn thành theo kế hoạch hàng năm của nhà	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		đang hợp tác	TTTTV	trường	
3	Khắc phục tồn tại 3	<p>- Nhà trường cần xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; trình độ và khả năng sử dụng ngoại ngữ... cho đội ngũ GV phù hợp với yêu cầu và quy mô phát triển của Nhà trường giai đoạn 2021 - 2030. Cụ thể, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh các hình thức khuyến khích cán bộ, GV nhanh chóng nâng cao trình độ chuyên môn; tiến tới xây dựng quy định bắt buộc tham gia đào tạo nghiên cứu sinh đối với GV nữ dưới 45 tuổi và GV nam dưới 50 tuổi và có những biện pháp cụ thể để GV tự hoàn thiện khả năng sử dụng ngoại ngữ phục vụ tốt cho mục đích nghiên cứu, đào tạo, học tập, trao đổi kinh nghiệm cũng như tham gia các hội thảo khoa học, tọa đàm, CTĐT ngắn hạn ở nước ngoài.</p> <p>- Nhà trường nên có những chính sách hỗ trợ về kinh phí, tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ GV có thể</p>	<p>- BGH Trường ĐH Luật Tp.HCM, Trưởng phòng NCKH và hợp tác quốc tế</p>	<p>- Thời gian thực hiện và hoàn thành theo kế hoạch hàng năm của nhà trường</p>	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		<p> nghiên cứu, học tập trong và ngoài nước theo hướng “Nhà nước và nhân dân cùng làm” cùng với việc hỗ trợ, nâng cao đời sống của đội ngũ GV.</p> <p>- Nhà trường cần tiếp tục phát huy những mối quan hệ với các Trường Đại học, các cơ sở giáo dục, các tổ chức quốc tế để có thêm các nguồn hỗ trợ, tài trợ kinh phí, học bổng để tạo điều kiện cho GV nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và nhu cầu đào tạo của Nhà trường. Việc trao đổi GV tham gia công tác giảng dạy, gửi đào tạo, liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục có uy tín, các trường đại học CLC cũng sẽ là một định hướng sẽ được Nhà trường chú trọng và thực hiện.</p>			
4	Khắc phục tồn tại 4	<p>- Tiếp tục mở rộng liên kết đào tạo với các trường đại học uy tín trong khu vực và trên thế giới để đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy; tiếp thu có chọn lọc các CTĐT tiên tiến. Trong những năm tới, Trường cần tiếp tục đẩy mạnh</p>			

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		<p>các chương trình trao đổi SV sẵn có với đại học Nagoya, trường Tallinn (Estonia), Deakin (Úc), các trường đại học sử dụng tiếng Pháp và các nước khác trong khu vực; tăng cường trao đổi học thuật, trao đổi SV của Trường với các cơ sở đào tạo có uy tín của nước ngoài mà Trường đã có hoạt động hợp tác; tiếp tục trao đổi với trường Đại học Arizona (Hoa Kỳ) để xây dựng chương trình liên kết đào tạo cử nhân Luật trình độ đại học (chương trình liên kết theo hướng 2+2 hoặc 3+1).</p>			
5	Khắc phục tồn tại 5	<p>- Cần xây dựng quy chế, chương trình, kế hoạch cụ thể để thúc đẩy hoạt động công bố quốc tế; đặt chỉ tiêu công bố quốc tế đối với các GV nhận hỗ trợ của nhà trường về NCKH. Nhà trường cần nghiên cứu, thiết lập cơ chế công bố liên trường, liên tạp chí trong nước cũng như quốc tế nhằm tăng cường sự hợp tác nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu quốc tế, qua đó mở rộng khả năng nghiên cứu và cơ</p>	<p>- BGH Trường ĐH Luật Tp.HCM, Trưởng phòng NCKH và hợp tác quốc tế</p>	<p>- Thời gian thực hiện và hoàn thành theo kế hoạch hàng năm của nhà trường</p>	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		<p>hội công bố quốc tế, đặc biệt là hợp tác với những nhà khoa học, học giả quốc tế có uy tín. Có thể thấy rằng, trong thời gian qua, công tác định hướng, khuyến khích đẩy mạnh phát triển NCKH, đặc biệt là hoạt động công bố quốc tế không ngừng được quan tâm và đẩy mạnh. Để khuyến khích hoạt động công bố bài báo quốc tế, Nhà trường cũng đã đưa ra được rất nhiều giải pháp thiết thực để hỗ trợ cả về mặt vật chất lẫn tinh thần nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, GV tích cực tham gia NCKH và công bố bài báo quốc tế. Đáng chú ý nhất, thời gian gần đây Nhà trường đã cho xây dựng và lấy ý kiến đóng góp dự thảo quy định về khen thưởng công bố quốc tế của Trường ĐH Luật TP.HCM. Theo đánh giá, dự thảo này về cơ bản là một tín hiệu tốt bởi điều này không chỉ đáp ứng được nguyện vọng mong mỏi mà còn tạo động lực trong việc thu hút cán bộ, GV tích cực tham gia vào</p>			

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		hoạt động công bố quốc tế trong thời gian tới.			
6	Khắc phục tồn tại 6	Trong thời gian tới, Nhà trường cần tiếp tục đẩy mạnh hoạt động liên kết đào tạo với các trường đại học danh tiếng trên thế giới, các tổ chức giáo dục quốc tế để chuẩn hóa CTĐT theo tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng một số chương trình tiên tiến; phối hợp với các tổ chức quốc tế để xây dựng các chương trình hợp tác đào tạo ở các cấp đào tạo khác nhau, từ cử nhân, cao học và tiến sĩ theo các mô hình 2+2, 3+1 và/hoặc franchise với các chương trình đặc biệt; hợp tác đa ngành, đa lĩnh vực với các trường Đại học danh tiếng trên thế giới tại Mỹ, Châu Âu và Đông Nam Á về đào tạo và NCKH; tham gia tích cực vào các mạng lưới trường đại học trong khu vực và trên thế giới.	- BGH Trường ĐH Luật Tp.HCM, Trưởng phòng NCKH và hợp tác quốc tế	- Thời gian thực hiện và hoàn thành theo kế hoạch hàng năm của nhà trường	
7	Phát huy điểm mạnh 1	- Tiếp tục thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động Hợp tác quốc tế của Nhà trường để đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động Hợp tác quốc tế của	- BGH Trường ĐH Luật Tp.HCM	- Thời gian thực hiện và hoàn thành theo kế hoạch hàng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		Bộ GD&ĐT, các cơ quan quản lý Nhà nước. - Xây dựng, theo dõi và đánh giá thường xuyên kế hoạch hoạt động Hợp tác quốc tế của nhà trường		năm của nhà trường	
8	Phát huy điểm mạnh 2, 3	- Tiếp tục chú trọng xúc tiến, thúc đẩy, mở rộng, phát triển mạng lưới với các đối tác trong và ngoài nước thông qua các bản ghi nhớ hợp tác - Tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ GV của Trường	- BGH Trường ĐH Luật Tp.HCM	- Thời gian thực hiện và hoàn thành theo kế hoạch hàng năm của nhà trường	
9	Phát huy điểm mạnh 4	Phía Trường phải tiếp tục đồng bộ tiêu chí và cách thức tuyển sinh, chương trình học, thời lượng và ngôn ngữ giảng dạy... trong việc thực hiện các chương trình hợp tác đào tạo liên kết quốc tế dạng 2+2, 3+1 và/hoặc franchise nhập khẩu nguyên gói.	- BGH Trường ĐH Luật Tp.HCM, Phòng NCKH và hợp tác quốc tế	- Thời gian thực hiện và hoàn thành theo kế hoạch hàng năm của nhà trường	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	5
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	5
Tiêu chí 8.4	5

TIÊU CHUẨN 9. HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

a. Cơ cấu của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường:

Trường ĐH Luật Tp.HCM có hệ thống ĐBCL bên trong được thiết kế, xây dựng, và phát triển nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính của Nhà trường về đào tạo, NCKH, HTQT và PVCĐ nhằm đáp ứng tốt sứ mệnh, tầm nhìn, đạt các mục tiêu chiến lược của nhà trường và đáp ứng tốt yêu cầu của các bên liên quan. Hệ thống ĐBCL bao gồm hạt nhân là Trung tâm ĐBCL&PPGD chuyên trách về ĐBCL [H09.09.01.01] và lan tỏa đến các đơn vị thông qua các nhân sự phụ trách ISO của từng đơn vị. Mạng lưới ĐBCL này được thiết lập chặt chẽ, có giao nhiệm vụ rõ ràng cho các cá nhân và các đơn vị thuộc Trường, được cấu trúc chặt chẽ, đảm bảo sự vận hành, giám sát và cải tiến thống nhất trong toàn bộ hệ thống [H09.09.01.03].

Trường có hệ thống văn bản quy định về các hoạt động ĐBCL và các hướng dẫn thực hiện để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý bao gồm quy định về hướng dẫn ĐBCL tại Trường ĐH Luật TP.HCM [H09.09.01.02], và kế hoạch ĐBCL hàng năm [H09.09.01.06].

b. Vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD:

Trường có quy định về chức năng nhiệm vụ của Trung tâm ĐBCL&PPGD chuyên trách về ĐBCL và quy định về sự phối hợp ĐBCL nội bộ bên trong trường [H09.09.01.01]. Đồng thời, nhà trường đã huy động 100% các đơn vị, tổ chức, hội, câu lạc bộ thuộc và trực thuộc Trường tham gia trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL, cụ thể đã có văn bản giao nhiệm vụ cho bên liên quan trong quá trình triển khai tại các bộ phận/đơn vị/phòng/khoa/trung tâm/phân hiệu thuộc và trực thuộc Trường thành hệ thống ĐBCL của Trường ĐH Luật Tp.HCM có cấu trúc chặt chẽ, đảm bảo sự vận hành thống nhất, đồng bộ của các bộ phận/đơn vị có liên quan từ cấp chỉ đạo là Hội đồng trường, BGH tới đơn vị, Phòng, Khoa, Viện, Trung Tâm, Phân hiệu, tổ bộ môn, cá nhân, tổ chức, hội thuộc và trực thuộc Trường. Các bên liên quan này có trách nhiệm triển khai các hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Nhà trường, cấu trúc tổ chức về hoạt động ĐBCL được giao nhiệm vụ cụ thể tại các Quyết định của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Tp.HCM thành lập Ban thư ký, Tiểu ban, Nhóm chuyên gia tư vấn, nhóm công tác chuyên trách giúp việc Hội đồng tự đánh giá. Đây là các bộ phận nằm trong các đơn vị chuyên trách thực hiện, có nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất và phối hợp cùng các đơn vị triển khai các biện pháp để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn KĐCL trường và chương trình, góp phần vào việc hoàn thành sứ mệnh và các mục tiêu đã đề ra trong CLPT trường [H09.09.01.03], [H09.09.01.04].

Những thành viên của Trung tâm ĐBCL&PPGD được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về đảm bảo và KĐCLGD, Trường thường xuyên cử nhân sự tham gia các buổi tập huấn, hội thảo về ĐBCL để thực hiện việc giao lưu, học hỏi từ các đơn vị bên ngoài [H09.09.01.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5 / 7

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó

có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của nhà trường.

Để đảm bảo chất lượng toàn diện, đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL, nhà trường đã định kỳ xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển cho mỗi giai đoạn 5 năm, tầm nhìn 10 năm [H09.09.02.01].

Nhà trường xác định các mục tiêu chiến lược cơ bản cần thực hiện: (i) Chiến lược về phát triển đào tạo; (ii) Chiến lược phát triển KHCN; (iii) Chiến lược phát triển đội ngũ và tổ chức bộ máy; (iv) Chiến lược về công tác hệ thống ĐBCL; (v) Chiến lược phát triển CSVC; (vi) Chiến lược phát triển tài chính. Để đáp ứng các mục tiêu chiến lược trên và ĐBCL Nhà trường, Trường ĐH Luật Tp.HCM xây dựng KHCL về công tác ĐBCL và xây dựng chính sách chất lượng với tôn chỉ “Không ngừng nâng cao chất lượng dạy, học, NCKH nhằm cung cấp cho người học những điều kiện tốt nhất để phát triển toàn diện các năng lực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, tự tin hội nhập với cộng đồng và quốc tế”. Chính sách này được cụ thể trong các chính sách về đào tạo, chính sách nghiên cứu và chính sách PVCD [H09.09.02.04]. Nhà trường ban hành các quyết định quy định hoạt động, Sổ tay chất lượng - là tài liệu mô tả hệ thống quản lý chất lượng của Trường và cách thức mà Nhà trường đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn để được chứng nhận là phù hợp với các tiêu chuẩn kiểm định [H09.09.02.02].

Kế hoạch chất lượng và chính sách chất lượng của Trường được Hiệu trưởng phê duyệt và công bố rộng rãi đến toàn thể CB-GV-NV trong trường qua Website, báo cáo tình hình hoạt động nhà trường hàng tháng và Hội nghị tổng kết công tác hàng năm [H09.09.02.03], có khen thưởng các thành tích kịp thời như thành tích về NCKH, nâng cao trình độ. Tất cả các trường đơn vị có trách nhiệm truyền đạt nhằm đảm bảo tất cả cán bộ viên chức đều thấu hiểu và triển khai thực hiện. Kế hoạch chất lượng và chính sách chất lượng được Trường xem xét định kỳ, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Nhà trường cam kết luôn lắng nghe và giải quyết các yêu cầu của người học, của các bên liên quan một cách chu đáo và tin cậy, đồng thời cam kết cải tiến

liên tục hệ thống quản lý chất lượng và chính sách chất lượng. Mọi hoạt động của trường đều nhằm đáp ứng và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của các bên liên quan vì chất lượng cần được thiết kế, phản chiếu, kiểm soát từ nhiều góc nhìn khác nhau. Hệ thống ĐBCL của trường là một hệ thống mở, sẵn sàng lắng nghe và khuyến khích sự tham dự của tất cả các bên có liên quan như SV, CSV, NTD, GV, nhân viên, các khoa, các phòng ban, các đối tác trong và ngoài nước. Hệ thống này cũng có đầu vào là các hướng dẫn, qui định, yêu cầu của pháp luật, Bộ GD&ĐT và các tổ chức kiểm định uy tín mà Nhà trường lựa chọn. Hàng năm, Trung tâm ĐBCL&PPGD tổ chức các loại khảo sát ý kiến các bên liên quan: (i) khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; (ii) khảo sát ý kiến SV năm cuối về khóa học về CTĐT; (iii, vi) khảo sát ý kiến GV và SV về chất lượng đội ngũ NV phục vụ; (v) khảo sát ý kiến GV, (vi) ý kiến NTD và (vii) khảo sát ý kiến cựu SV về CTĐT và CĐR. Sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng hoạt động Nhà trường [H09.09.02.06].

Trường ĐH Luật Tp.HCM tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí tối đa từ nguồn ngân sách nhà trường cho đội ngũ viên chức tham gia tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ ĐBCL, đồng thời xây dựng chế độ chính sách của nhà trường với các cá nhân, đơn vị liên quan, tổ chức tham gia đóng góp cho công tác ĐBCL. Thông qua việc hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn về ĐBCL cho cả các CB-GV-NV, sắp xếp nhân sự, hỗ trợ các cá nhân tham gia tập huấn để hoàn thành nhiệm vụ với nhà trường, chiết giảm định mức NCKH và giảng dạy hoặc có mức bồi dưỡng cụ thể, nhà Trường mong muốn xây dựng được đội ngũ có nghiệp vụ vững vàng về ĐBCL [H09.09.02.05].

Nhằm đánh giá mức độ đáp ứng mục tiêu chiến lược đảm bảo năng lực các cán bộ làm triển khai công tác ĐBCL và đẩy mạnh hơn nữa văn hóa chất lượng trong Trường, hàng năm các CB-GV-NV phụ trách công tác ĐBCL của các đơn vị được Nhà trường tạo điều kiện cho tham gia các hội nghị/hội thảo, các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, Các khóa học có nội dung liên quan tới nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý, học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn; xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong; tham gia viết báo cáo tự đánh giá phục vụ cho công tác kiểm định trường. Đặc biệt, Trường đã cử 5 người ở bộ phận ĐBCL và đào tạo tham dự lớp đào tạo kiểm định viên. Sau mỗi đợt tập huấn, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của những người tham dự về chất lượng buổi tập huấn và nhu cầu của họ cho những lần tập huấn khác [H09.09.02.05].

Kết quả của các đợt tập huấn, hội thảo về công tác ĐBCL là năng lực đội ngũ CB-GV-NV làm công tác KĐCL và BĐCL được nâng lên. Ngoài ra Nhà trường còn có 05 viên chức tham dự đào tạo kiểm định viên, một số các CB-GV- NV còn lại được tham gia viết báo cáo tự đánh giá là các CB-GV-NV đơn vị thuộc và trực thuộc Trường. Một số CB-GV-NV phụ trách nhóm công tác tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục và CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT [H09.09.02.05].

Các chính sách ưu tiên và hỗ trợ 100% kinh phí, tổng kinh phí chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng các CB-GV-NV và các hoạt động ĐBCLGD khoảng 600 triệu và theo kế hoạch chiến lược và đào tạo bồi dưỡng CB-GV-NV phụ trách, chuyên trách các hoạt động về KĐCL và BĐCL của Nhà trường. Trường cũng thường xuyên mở các hội thảo, tham luận nội bộ đào tạo về các vấn đề liên quan đến đảm bảo chất lượng cho các chuyên viên thuộc phòng, ban, trung tâm và phương pháp giảng dạy cho các GV [H09.09.02.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5 / 7

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

a. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt.

Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được nhà trường thể hiện trong báo cáo trong tổng kết công tác cuối năm và phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo, báo cáo này cùng với báo cáo của các đơn vị chức năng của Trường sẽ được thông báo công khai đến tất cả các đơn vị, cá nhân trong toàn Trường tại Hội nghị tổng kết năm và Hội nghị CBVC hàng năm được tổ chức bởi Văn phòng, BCH Công đoàn [H09.09.02.03]. Kế hoạch thực hiện hàng năm được cụ thể hoá thành các công việc, nhiệm vụ triển khai hàng tháng. Định kỳ hàng tháng, Trung tâm ĐBCL&PPGD báo cáo kết quả công tác của tháng và kế hoạch tháng tiếp theo với BGH và thảo luận công khai tại buổi họp giao ban thường xuyên, định kỳ của Nhà trường [H09.09.03.02].

Nhà trường phổ biến, triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược ĐBCL theo kế hoạch trong các buổi họp giao ban định kỳ, thường xuyên hằng tháng, quý, 6 tháng và năm; cũng đã tổ chức 01 Hội thảo và 04 lớp tập huấn và triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược ĐBCL theo kế hoạch [H09.09.03.05]; yêu cầu tất cả các trường đơn vị có trách nhiệm phổ biến, truyền đạt nhằm đảm bảo tất cả cán bộ viên chức đều thấu hiểu

và triển khai thực hiện. Với văn hóa “chất lượng là trách nhiệm của mọi người”, Trường ĐH Luật Tp.HCM khẳng định bốn thành phần chính trong hệ thống ĐBCL là: (i) Tất cả mọi người đều có trách nhiệm duy trì chất lượng sản phẩm/dịch vụ; (ii) Tất cả mọi người đều có trách nhiệm củng cố chất lượng của sản phẩm/dịch vụ; (iii) Tất cả mọi người hiểu, sử dụng, thấy mình là chủ hệ thống; (iv) Người hưởng lợi (nhà quản lý/người học/các bên liên quan khác) thường xuyên kiểm tra hệ thống và chất lượng sản phẩm/dịch vụ của Nhà trường.

Trường cũng đã thực hiện các hoạt động tập huấn cụ thể về ĐBCL như đã nêu trong tiêu chí 9.3 **[H09.09.02.05]**; thực hiện tập huấn và Hướng dẫn viết báo cáo tự đánh giá CSGD theo bộ tiêu chuẩn Bộ GD&ĐT có 25 Tiêu chuẩn/111 tiêu chí **[H09.09.03.05]**.

b. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn hằng năm, qua từng giai đoạn và được Hiệu trưởng phê duyệt, giao nhiệm vụ và công bố rộng rãi đến toàn thể CB-GV-NV trong trường qua Website, qua Quyết định giao kế hoạch công tác năm đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường. Trung tâm ĐBCL&PPGD là đơn vị thường trực và tham mưu cho ĐU, HĐT, BGH xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch chi tiết thường xuyên theo từng năm **[H09.09.03.01]**.

Nhà trường còn cụ thể hóa hơn việc triển khai, quán triệt thực hiện các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch hằng năm trong các buổi họp giao ban định kỳ, thường xuyên hằng tháng, quý, sáu tháng và năm **[H09.09.03.02]**.

Với nhiệm vụ của mình, Trung tâm ĐBCL&PPGD cũng đã xây dựng và ban hành các bộ tài liệu, hướng dẫn thực hiện, bao gồm **[H09.09.03.04]** : Bộ Hướng dẫn viết và công bố CDR CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT; CDR về ngoại ngữ, tin học đối SV các trình độ thuộc các ngành học khác nhau của trường; Tổ chức Hội thảo, mở lớp tập huấn và Hướng dẫn viết báo cáo tự đánh giá CSGD theo bộ tiêu chuẩn Bộ GD&ĐT **[H09.09.03.05]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5 / 7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai

Trường ĐH Luật Tp.HCM đã xây dựng một hệ thống lưu trữ, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống và các quy trình KĐCL và ĐBCL chung với hệ thống lưu trữ văn bản của Nhà trường theo tiêu chuẩn ISO9000. Về mặt văn bản quản lý, Nhà trường có hệ thống lưu trữ văn bản để tổ chức, quản lý, quy định tất cả các hoạt động của Nhà trường và được thể hiện rõ trong các nội dung, quy trình, thủ tục. Trường ĐH Luật Tp.HCM cũng đã xây dựng một quy trình nghiệp vụ để quản lý toàn bộ hệ thống văn bản trong Trường: Quy trình quản lý văn bản đi – đến, quy trình trình ký văn bản, nộp lưu kho định kỳ 5 năm/lần. vì vậy tất cả các văn bản ban hành đều được kiểm soát chặt chẽ về nội dung, hình thức và tính pháp lý đồng thời được Văn phòng trường và các đơn vị lưu trữ nhằm tránh sự xung đột hoặc chồng chéo về nội dung giữa các văn bản.

Thay vì lưu trữ tập trung các văn bản này, các đơn vị, phòng ban, trung tâm, khoa trực thuộc trường cũng có lưu trữ những văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL liên quan đến bộ phận của mình. Các văn bản này lưu trữ một cách có hệ thống tại đơn vị và được gửi email cho các thành viên có liên quan của nhà trường được dễ dàng tiếp cận và tham khảo từ tất cả các thành viên của nhà trường, đồng thời các đơn vị có thể đóng góp ý kiến sửa đổi và cập nhật văn bản nếu không còn phù hợp.

Về các chính sách, định hướng phát triển chung của Nhà trường có các văn bản về KHCL, chương trình hàng động của HĐT, BGH từng nhiệm kỳ, các nghị quyết của Đảng ủy, BGH... được lưu trữ tại Phòng thư ký BGH, Văn phòng Đảng ủy trường. Văn bản Quy định, Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường là cơ sở pháp lý trong công tác tổ chức và quản lý các hoạt động của trường. Các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị của Trường được ban hành và tạo thuận lợi trong công tác điều hành hoạt động của Trường. Về tài chính, trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình cụ thể của nhà trường và công khai thực hiện tốt quy chế này trong các đơn vị. Về tổ chức, quản lý các hoạt động đào tạo, nhà trường ban hành các văn bản về thực hiện quy chế đào tạo, Quy trình xây dựng thẩm định và ban hành CTĐT và CĐR, Quy trình lập kế hoạch và xếp TKB, Quy trình mời giảng và quản lý hoạt động GD của GV, Quy trình xếp lịch thi học kỳ, Quy trình tổ chức thi học kỳ, Quy trình hướng dẫn và chấm đồ án tốt nghiệp; Quy trình xét tốt nghiệp, Quy trình quản

lý văn bằng chứng chỉ Nhà trường, Quy trình giám sát hoạt động đào tạo. Các quy trình văn bản trên giúp các đơn vị chuyên môn thuận lợi hơn trong công tác điều hành. Về hoạt động NCKH, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã ban hành Quy trình quản lý đề tài KHCN của CB-GV-NV, Quy trình quản lý đề tài NCKH của SV. Ngoài ra, trường còn các hệ thống văn bản về quản lý người học, hệ thống văn bản về hoạt động ĐBCL, hệ thống văn bản về hoạt động hợp tác quốc tế. Bên cạnh đó, tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thuộc trường cũng có hệ thống các văn bản để tổ chức và quản lý hoạt động của tổ chức [H09.09.04.04].

Nhà trường cũng đã hướng dẫn và giao nhiệm vụ rõ theo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị mà định kỳ rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL ít nhất 02 năm/lần và thường xuyên khi có biến động, thay đổi hệ thống văn bản quy phạm của Bộ GD&ĐT và Nhà nước [H09.09.04.03];

Như vậy, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cụ thể về lưu trữ và định kỳ rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL cho một số các đơn vị cụ thể như sau:

* **Phòng TC-HC** phụ trách rà soát toàn bộ chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL về văn bản quản trị, quản lý, quy chế, quy định về đội ngũ GV, chuyên viên: được lưu trữ và quản lý bằng phần mềm quản lý nhân sự, tử, file hồ sơ CB – GV – NV; văn bản quản lý hành chính, lịch công tác, quyết định, quy chế, quy định, quy trình giải quyết công việc, hoạt động hành chính, phục vụ cho hoạt động bộ máy của Nhà trường; được lưu trữ và quản lý bởi phần mềm quản lý hành chính;

* **Phòng Đào tạo, Phòng sau đại học, Phòng QL HVLVH** phụ trách rà soát toàn bộ thông tin về CTĐT, kế hoạch đào tạo, lịch học, CVHT... của tất cả các hệ, bậc đào tạo được lưu trữ và quản lý bởi phần mềm đào tạo;

* **Trung tâm khảo thí** phụ trách rà soát toàn bộ chính sách, hệ thống, quy trình văn bản quản lý tất cả thông tin về lịch thi, kết quả thi, bài thi, chấm bài thi kết thúc học phần của SV được lưu trữ và quản lý tại kho và trên phần mềm QLĐT;

* **Phòng CTSV** phụ trách rà soát toàn bộ chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL toàn bộ thông tin, hồ sơ về SV (trong đó có cả kỷ luật, khen thưởng), CSV, các chính sách hỗ trợ SV (học bổng, vay vốn, ưu đãi...); được lưu trữ và quản lý trên kho và phần mềm quản lý SV;

* **Phòng Kế hoạch – Tài chính** phụ trách rà soát toàn bộ chính sách, chế độ, hệ thống chi tiêu nội bộ, quy trình và thủ tục hoạt động tài chính của Nhà trường; Toàn bộ thông tin, hồ sơ về tài chính, công tác thu chi, quyết toán về các khoản kinh phí, tài chính...được lưu trữ tại kho và quản lý trên phần mềm MISA

* **Trung tâm TTTV** phụ trách rà soát toàn bộ chính sách, mua bán, in ấn, phát hành toàn bộ thông tin liên quan đến sách, giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo của nhà trường được tra cứu, quản lý dựa trên phần mềm thư viện.

* Với nhiệm vụ là đơn vị thường trực công tác ĐBCL của nhà trường, toàn bộ hệ thống các tài liệu liên quan đến công tác ĐBCL được Trung tâm ĐBCL&PPGD lưu trữ bao gồm: CLPT và Kế hoạch ĐBCL của nhà trường; Các báo cáo hoạt động hàng năm, hàng tháng của Phòng KTBĐCL; Các sổ tay hướng dẫn KĐCL của CTĐT và kiểm định trường; Nghị định, thông tư, chính sách của nhà nước về KĐCL và ĐBCL; Báo cáo tự đánh giá; Các form mẫu thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan; Khảo sát, phiếu đánh giá, lấy thông tin liên quan.

Ngoài ra chất lượng đào tạo của nhà trường cho từng năm học đều được công bố công khai trên Website của nhà trường tại, bao gồm: Công khai cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; Công khai tài chính.

Nhà trường đã phổ biến cho các bên liên quan về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL bằng các văn bản pháp quy và các văn bản quản trị, quản lý được Nhà trường phổ biến rộng rãi trong toàn Trường qua các kênh thông tin: Hệ thống văn bản đi đến của Văn phòng trường, Website nội bộ, Website Nhà trường, lịch công tác tuần, Hệ thống Email cá nhân... [H09.09.04.01], [H09.09.04.06]. Tất cả các chủ trương, chính sách, định hướng của Nhà trường đều được triển khai, đăng tải đến tất cả các CB-GV-NV trong Trường thực hiện, thảo luận đóng góp ý kiến thông qua các cuộc họp định kỳ và không định kỳ: Họp Đảng bộ, Họp HĐT, Họp BGH, Họp giao ban Lãnh đạo (hàng tháng), giao ban hàng tháng, giao ban công tác SV (3 tháng một lần) [H09.09.04.02], [H09.09.04.05], [H09.09.04.07].

Toàn bộ hệ thống lưu trữ văn bản, thông tin, văn bản, quy chế, quy định về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục được Trường Đại học Nội vụ Hà Nội tổ chức lưu trữ và quản lý một cách có hệ thống, dễ dàng trích xuất khi cần. Đã thường xuyên

phổ biến cho các bên liên quan trong CSGD và có giao nhiệm vụ cụ thể các đơn vị quản lý và chịu trách nhiệm theo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5 / 7

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Để đảm bảo các chỉ số trong đảm bảo chất lượng của mọi hoạt động giáo dục, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã thiết lập một hệ thống các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu như sau:

Căn cứ vào chiến lược phát triển của Nhà trường, Nhà trường lên thông báo cho tất cả các cá nhân và đơn vị trong Trường chuẩn bị cho công tác ĐBCL năm mới, trong đó có việc báo cáo công tác năm cũ và xây dựng phương hướng các nhiệm vụ năm mới của từng đơn vị, tổ chức thuộc và trực thuộc Trường. Từ đó nhà trường tổng hợp thành báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động ĐBCL [H09.09.05.02], sau đó tổ chức họp các bên liên quan phân tích đưa hiệu chỉnh chỉ tiêu hàng năm cho các đơn vị để phấn đấu thực hiện, đó là Quyết định giao thực hiện nhiệm vụ kế hoạch hàng năm cho các đơn vị. Căn cứ các kế hoạch năm học, các đơn vị xây dựng Kế hoạch thực hiện năm gồm các nội dung của các mảng công tác theo chức năng nhiệm vụ như: GD chính trị tư tưởng và công tác SV; Tổ chức cán bộ; Công tác Khảo thí và ĐBCL; Quản lý Đào tạo; NCKH và Quan hệ quốc tế; Tài chính và CSVC... [H09.09.05.01].

Với mỗi mảng công tác, các đơn vị phải xây dựng kế hoạch thực hiện để đạt mục tiêu đề ra, có bộ chỉ số rõ ràng (KPIs); cá nhân/đơn vị nào chịu trách nhiệm chính/phối hợp để thực hiện; Thời gian nào thì hoàn thành. Khi xây dựng các chỉ số KPIs cần đạt được, các đơn vị phải đảm bảo nguyên tắc SMART: phải khả thi, phải đo lường được, sát với thực tế để tất cả các thành viên trong đơn vị có thể thực hiện được và phải có thời hạn hoàn thành. Ngoài các chỉ số KPIs, nếu có mục tiêu nào chưa đạt thì đơn vị phải giải trình và bị trừ điểm đánh giá thi đua cuối năm.

Đối với các cá nhân, Nhà trường ban hành Quy định về chế độ làm việc của GV, VC Quy chế trả lương cho CB-GV-NV, Quy định thù lao giảng dạy năm học... với các chỉ số rõ ràng mà mỗi CB-GV-NV phải thực hiện để hoàn thành khối lượng công việc theo các kế hoạch đề ra. Trên căn cứ đó, Nhà trường đánh giá xếp loại thi đua cá nhân

với những mức khen thưởng hoặc kỷ luật hợp lý. Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm tổ chức theo dõi ngày giờ công, khối lượng và chất lượng công việc của CB-GV-NV thuộc đơn vị và gửi về Phòng TCCB làm cơ sở chấm công, ghi điểm để gửi về Phòng KHTC thanh toán tiền lương hàng tháng; cuối năm học tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CB-GV-NV thuộc đơn vị, gửi về Văn phòng làm cơ sở để Hội đồng đánh giá cấp Trường xác định Hệ số hoàn thành nhiệm vụ để thanh toán tiền lương bổ sung cuối năm học cũng như để xem xét kết quả thi đua khen thưởng hàng năm [H09.09.05.01].

Cuối mỗi năm học, từng cá nhân, đơn vị đều làm báo cáo tổng kết công tác năm học, dựa trên các chỉ số được thiết lập (mức độ hoàn thành công tác, kế hoạch năm học) các cá nhân/tập thể đối sánh với các kết quả đạt được của năm học để xếp loại thi đua. Ngoài ra, nhằm duy trì hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, một năm Trường tổ chức đánh giá nội bộ 1 đợt và họp xét đánh giá thực hiện công việc, nhiệm vụ tại các đơn vị 1 tháng/lần, các Quy định đánh giá CB- GV-NV đã được lượng hóa bằng phiếu đánh giá trên các thang điểm, đối tượng cụ thể. Như vậy, chấm điểm giúp Nhà trường và các đơn vị rà soát lại các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính mà các cá nhân, đơn vị đã thiết lập để đo lường các kết quả công tác ĐBCL của Nhà trường [H09.09.05.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5 / 7

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Để công tác lập kế hoạch và thực thi các chỉ tiêu ngày một được cải tiến và đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của trường, Trường ĐH Luật Tp.HCM định kỳ tổ chức các cuộc họp để rà soát, phân tích và kết luận về tình hình hoạt động của hệ thống quản trị, quản lý chất lượng, xem xét tính phù hợp, tính đầy đủ, tính hiệu lực đồng thời thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch, KPIs các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá [H09.09.06.01].

Thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ, các đơn vị phải báo cáo và rà soát trên phạm vi toàn trường, các chỉ số thực hiện chính, chỉ tiêu phấn đấu trong các đơn vị thuộc

và trực thuộc Trường ĐH Luật Tp.HCM và không ngừng được cải tiến để không những đảm bảo được chất lượng giáo dục đào tạo của mình, mà còn làm hài lòng các bên liên quan, đáp ứng yêu cầu của giáo dục đại học trong thời kỳ hội nhập. Tất cả những phiên bản cải tiến này được lưu trữ và đối chiếu trong cuộc họp để thấy được sự đổi mới tốt hơn giữa các phiên bản khác nhau [H09.09.06.02]. Những cải tiến mới nhất này được cập nhật và ban hành trong sổ tay ĐBCL [H09.09.06.03].

Các nội dung trong cuộc họp cải tiến được BGH đưa ra xem xét gồm một số vấn đề sau: Việc thực hiện và kết quả của các đợt đánh giá; Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan (CBQL, GV, SV, Cựu SV, NTD) [H09.09.06.04]; Tình hình thực hiện công tác quản lý, thực hiện dạy học và NCKH, PVCD đáp ứng yêu cầu người học; Tình trạng thực hiện các biện pháp khắc phục phòng tránh rủi ro; Kết quả thực hiện các quyết định của cuộc họp xem xét trước; Mức độ đạt được các giờ NCKH; Những thay đổi có liên quan đến hệ thống chất lượng; Các đề nghị cải tiến chất lượng;... Cụ thể với 3 mảng công việc chính như sau:

(i) Thực hiện kiểm soát, cập nhật các quy trình, biểu mẫu đã được phê duyệt; Định kỳ báo cáo kết quả đánh giá nội bộ và các điểm không phù hợp đã xảy ra trong năm học và đề xuất cải tiến. Thông qua Sổ theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ trong năm học, một năm 1 lần, các chỉ số đề ra được rà soát, chỉ số nào chưa đạt được, các đơn vị phải giải trình kèm minh chứng. Kết quả thực hiện các chỉ số (đạt hay không đạt) là cơ sở để các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm năm tiếp theo, đồng thời các Quy trình nghiệp vụ cũng được cập nhật theo hướng cải tiến cho phù hợp; Thực hiện đầy đủ các báo cáo sơ kết/tổng kết năm học và các báo cáo khác về hoạt động của đơn vị.

(ii) Công tác khảo sát, ĐGCL giáo dục trong nội bộ trường: Thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng giảng dạy và phục vụ của Nhà trường; xử lý, phân tích dữ liệu thu được và đưa ra các đề xuất cải tiến; Tiến hành thường xuyên và định kỳ các hoạt động ĐBCL theo hướng dẫn và quy định của Bộ GD&ĐT, báo cáo hiện trạng công tác ĐBCL định kỳ hàng năm.

(iii) Công tác đánh giá, KĐCL giáo dục CTĐT, cơ sở đào tạo theo các tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5 / 7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 9

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã sớm có đơn vị chuyên trách và hệ thống ĐBCL tới các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc;

- Có kế hoạch chiến lược, chính sách ưu tiên cho đảm bảo chất lượng chi tiết cho đầy đủ bao gồm phát triển hệ thống, xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển nhân sự...

- Có hệ thống văn bản hướng dẫn chi tiết cho từng nhiệm vụ công tác, được công khai tới toàn thể các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Số lượng cán bộ, viên chức được đào tạo chuyên sâu về KĐCL, ĐBCL, kiểm định viên còn hạn chế.

- Một số nội dung, cải tiến, thay đổi trong kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng chưa triển khai kịp thời, như chưa kịp KĐCL CTĐT.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Cần tăng cường số lượng cán bộ, viên chức được đào tạo chuyên sâu về KĐCL, ĐBCL, kiểm định viên.	- Trung tâm ĐBCL&PPGD; - Các đơn vị liên quan.	Năm 2022
2	Khắc phục tồn tại 2	Rà soát số nội dung, cải tiến, thay đổi trong kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng để triển khai kịp thời, sớm tổ chức KĐCL CTĐT	- P.KTBĐCL; - P.QLĐTĐH; - Các đơn vị thuộc trường.	Năm 2023
	Phát huy điểm mạnh	Cần phát huy năng lực đối với đơn	- Các đơn vị liên quan.	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
3	1	vị chuyên trách và hệ thống ĐBCL tới các đơn vị thuộc và trực thuộc		Thường xuyên
4	Phát huy điểm mạnh 2	Cụ thể hóa kế hoạch chiến lược, chính sách ưu tiên cho các hoạt động đảm bảo chất lượng về phát triển hệ thống, xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển nhân sự...	- P.KTBĐCL; - Các đơn vị thuộc và trực thuộc trường.	Năm 2022
5	Phát huy điểm mạnh 3	Duy trì hệ thống văn bản hướng dẫn chi tiết cho từng nhiệm vụ công tác, được công khai tới toàn thể các bên liên quan.	- P.KTBĐCL; - Văn phòng; - Các đơn vị liên quan.	Năm 2022

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)
Tiêu chuẩn 9	5
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)
Tiêu chí 9.5	5
Tiêu chí 9.6	5

TIÊU CHUẨN 10. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập

Trung tâm ĐBCL&PPGD được thành lập năm 2006, đây cũng là năm Trường ĐH Luật TP.HCM bắt đầu có sự quan tâm về hoạt động ĐBCL trong đó có hoạt động về Kiểm định CLGD. Mặc dù đây là một hoạt động còn khá mới và chưa có nhiều tài liệu cũng như quy định cụ thể về hoạt động này nhưng Trung tâm ĐBCL&PPGD luôn tìm tòi nghiên cứu để mỗi năm đều xây dựng kế hoạch về hoạt động ĐBCL để triển khai các nhiệm vụ liên quan đến ĐBCL tại Trường ĐH Luật TP.HCM [H10.10.01.01].

Thực hiện yêu cầu của Bộ GD&ĐT, từ năm 2007 đến nay Trường ĐH Luật TP.HCM đã thực hiện 3 đợt KĐCL CSGD, vào các năm 2007, 2014 và 2022. Năm 2007 Trường ĐH Luật TP.HCM là một trong những trường ĐH đầu tiên tiên phong trong hoạt động này trong cả nước, với nguồn nhân lực còn ít và trình độ nghiệp vụ trong hoạt động này còn nhiều hạn chế song Trường ĐH Luật TP.HCM cũng đã hoàn thành bản Báo cáo Tự đánh giá dựa trên Bộ tiêu chuẩn (10 tiêu chuẩn/53 tiêu chí) theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn ĐGCL giáo dục trường đại học. Đến tháng 5/2009 Trường ĐH Luật TP.HCM cùng với 40 trường Đại học trong cả nước đã được Bộ GD&ĐT tiến hành đánh giá ngoài. Tuy nhiên, đợt đánh giá này Bộ GD&ĐT không tiến hành cấp giấy chứng nhận [H10.10.01.02].

Giai đoạn 2014-2022, Trường ĐH Luật TP.HCM đã tiến hành 2 đợt TĐG CSGD theo đúng quy trình và chu kỳ yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Các đợt TĐG này Trường ĐH Luật TP.HCM thực hiện TĐG CSGD căn cứ Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường ĐH, CĐ và TCCN theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012

và Thông tư 12/2017/TT- BGDĐT, ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT. Trường ĐH Luật TP.HCM đã thực hiện hoạt động tự đánh giá CSGD theo đúng Kế hoạch tự đánh giá cơ sở giáo dục đã được xây dựng, trong đó: có nội dung, thời gian, phân công nhiệm vụ, lộ trình rõ ràng đối với các bên liên quan, thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, chuyên gia tư vấn và các Nhóm công tác chuyên trách chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn, viết báo cáo tự đánh giá, khảo sát thực tế; Xác định nguồn lực (nhân lực, vật lực, kinh phí), thành lập Ban biên tập giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá; Lập thời gian biểu, ứng với mỗi công việc phải có đơn vị chịu trách nhiệm chính, trách nhiệm phối hợp, thời gian thực hiện [H10.10.01.03]. Sản phẩm chính của công tác chuẩn bị là báo cáo tự đánh giá và hệ thống minh chứng kèm theo [H10.10.01.04].

Bên cạnh đó, hoạt động TĐG CTĐT cũng được Trường ĐH Luật TP.HCM song song triển khai vào năm 2019, điều chỉnh bổ sung vào năm 2020 đối với CTĐT trình độ ĐH hệ CQ ngành Luật. Hoạt động TĐG CTĐT của Trường ĐH Luật TP.HCM cũng thực hiện theo đúng quy trình, quy định của Bộ tiêu chuẩn về CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 [H1.10.01.04].

Nhằm phục vụ tốt công tác KĐCLGD Trường ĐH Luật TP.HCM có các văn bản hướng dẫn công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục được phổ biến đến các bên liên quan. Năm 2016 khi tiến hành tự đánh giá cơ sở giáo dục lần 1 theo kế hoạch đề ra, Nhà trường đã gửi các tài liệu văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT như Công văn số 1237/KTKĐCLGD-KĐĐH về việc Sử dụng tài liệu hướng dẫn ĐGCL trường đại học ban hành ngày 03/08/2016 [H10.10.01.05], Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH về việc Hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành ngày 09/05/2013 [H10.10.01.06] và các mẫu hướng dẫn của Trung tâm ĐBCL&PPGD cho Hội đồng tự đánh giá, các nhóm chuyên trách [H10.10.01.07]. Các văn bản hướng dẫn này còn được đăng tải công khai lên trang thông tin điện tử của Nhà trường và trong các nhóm làm việc chuyên trách để dễ nghiên cứu và thực hiện. Trong giai đoạn Tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT [H10.10.01.08] các văn bản hướng dẫn như Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học [H10.10.01.05], [H10.10.01.06] Hướng dẫn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học [H10.10.01.09], Hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn ĐGCL cơ sở giáo dục đại học đều được Nhà trường gửi trực tiếp qua email và tại các

lần họp Hội đồng tự đánh giá [H10.10.01.10]. Các nhóm chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá; được phổ biến, hướng dẫn thông qua các buổi tập huấn theo kế hoạch có ban hành kèm cùng lịch công tác tuần và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường [H10.10.01.11].

Đề thực hiện tốt và nhất quán trong công tác TĐG và Đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, Nhà trường đã phân công trách nhiệm cho Trung tâm ĐBCL&PPGD làm đầu mối triển khai hoạt động này. Đồng thời phân công cụ thể cho các bộ phận và các cá nhân liên quan thông qua: Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá CSGD, thành lập ban thư ký, thành lập các nhóm công tác chuyên trách năm 2014 [H10.10.01.12], Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá CTĐT, thành lập ban thư ký, thành lập các nhóm công tác chuyên trách năm 2019 điều chỉnh bổ sung năm 2020 [H10.10.01.13], Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá CSGD, thành lập ban thư ký, thành lập các nhóm công tác chuyên trách năm 2021 [H10.10.01.14]. Từ đó phân công rõ ràng nhiệm vụ cho từng đơn vị, cá nhân để hoàn thành tốt công tác TĐG, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và CTĐT.

Các bước chuẩn bị cho tự đánh giá và đánh giá ngoài được triển khai theo kế hoạch tự đánh giá cơ sở giáo dục [H10.10.01.03], kế hoạch chuẩn bị cho đánh giá ngoài CSGD đã được xây dựng [H10.10.01.15]. Đối với tự đánh giá cơ sở giáo dục, các nhóm chuyên trách nghiên cứu các tài liệu văn bản hướng dẫn, tiến hành viết báo cáo tiêu chuẩn, xây dựng minh chứng dưới sự hỗ trợ của các chuyên gia bên ngoài Trường theo lịch làm việc cụ thể của từng nhóm chuyên trách dưới sự điều hành của lãnh đạo Nhà trường thông qua lịch công tác tuần [H10.10.01.11]. Công khai báo cáo tự đánh giá CSGD năm 2016 và báo cáo tự đánh giá CTĐT năm 2020 trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H10.10.01.16], cử nhân sự đi quan sát viên để chuẩn bị cho đánh giá ngoài [H10.10.01.17], gửi báo cáo Cục Quản lý chất lượng về báo cáo tự đánh giá năm 2016 và báo cáo tự đánh giá CTĐT năm 2020 [H10.10.01.18], đã đăng ký đánh giá ngoài gửi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục –ĐHQG TP.HCM [H10.10.01.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo

Trong chu kỳ đánh giá, Trường ĐH Luật TP.HCM đã hoàn thành báo cáo TĐG năm 2016 theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và

trung cấp chuyên nghiệp theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT [H10.10.02.01], đã được đánh giá ngoài bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQG TP.HCM và được công nhận vào năm 2017 [H10.10.02.02]. Đến năm 2021, đúng chu kỳ 5 năm Trường ĐH Luật TP.HCM cũng đã triển khai hoạt động TĐG CSGD theo Thông tư 12/2017/TT- BGDĐT, ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.03], đến nay hoạt động này vẫn đang được triển khai và chuẩn bị cho giai đoạn ĐGN

Hiện tại, Trường ĐH Luật TP.HCM có 8 cán bộ đã tham gia khóa đào tạo "Đào tạo kiểm định viên Kiểm định chất lượng giáo dục và Trung cấp chuyên nghiệp" do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục –ĐHQG TP.HCM tổ chức [H10.10.02.04] và đã nhận được chứng chỉ/chứng nhận đào tạo KĐV [H10.10.02.05], trong đó có Giám đốc Trung tâm ĐBCL&PPGD đã có thẻ kiểm định viên [H10.10.02.06]. Trường ĐH Luật TP.HCM đã phối hợp với Trung tâm Khảo thí và ĐGCL–ĐHQG TP.HCM tổ chức các đợt tập huấn tại Trường dành cho toàn bộ nhân sự của hệ thống ĐBCL bên trong, toàn bộ thành viên của Hội đồng TĐG vào năm 2014, 2016, 2018 [H10.10.02.07]. Ngoài ra, để nâng cao chất lượng đội ngũ thực hiện hoạt động ĐBCL Nhà trường đã cử cán bộ tham dự hội thảo triển khai công tác đánh giá CTĐT, CSGD cũng như tham dự các hội thảo, tập huấn về ĐBCL từ 2017 – 2022 theo bảng sau:

Bảng 10.2.1. Thống kê các đợt tập huấn tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ về công tác ĐBCL (từ năm 2017 – 2022)

Tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ	Số đợt	Số lượt người tham dự	Nội dung bồi dưỡng
Trường tổ chức tập huấn về KĐCL và ĐBCL	5	280	Tập huấn xây dựng CTĐT theo CĐR, Tập huấn về KĐCL CSGD và CTĐT
Tập huấn về ĐBCL và KĐ do các tổ chức KĐCL trong nước tổ chức	4	14	Bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác KĐCL và ĐBCL Theo Bộ tiêu chuẩn CSGD, CTĐT. Khóa Đào tạo Kiểm định viên

Tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ	Số đợt	Số lượt người tham dự	Nội dung bồi dưỡng
Trường tổ chức Hội nghị/ Hội thảo/Tọa đàm trong nước về KĐCL và ĐBCL	9	655	Thảo luận và trao đổi kinh nghiệm về KĐCL và ĐBCL trong nước
Dự Hội nghị/ Hội thảo/Tọa đàm trong nước về KĐCL và ĐBCL	7	21	Thảo luận và trao đổi kinh nghiệm về KĐCL và ĐBCL trong nước
Tổng cộng:	25	970	

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát

Trên cơ sở kết quả các đợt TĐG và ĐGNC đã giúp Trường ĐH Luật TP.HCM rà soát lại một cách toàn diện tất cả các mặt hoạt động của mình, từ công tác quản trị, quản lý và các hoạt động chuyên môn luôn luôn được định hướng hướng tới các tiêu chuẩn, tiêu chí nhằm đảm bảo, duy trì các hoạt động ĐBCL tại trường, đi kèm vào các hoạt động ĐBCL là các điều kiện về CSVC, nguồn lực, tài lực cũng đã được thường xuyên cải tiến và cụ thể hóa mọi hoạt động nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục. Sau đợt ĐGN CSGD năm 2016, trên cơ sở kiến nghị đề xuất của Đoàn ĐGN, Trường ĐH Luật TP.HCM cũng đã có sự rà soát và khắc phục những tồn tại của Trường được phát hiện qua quá trình TĐG như: công tác nhân sự, hoạt động thư viện... **[H10.10.03.01]**.

Đặc biệt là năm 2019, đợt TĐG giữa chu kỳ Trung tâm ĐBCL&PPGD cùng phối hợp với các đơn vị trong toàn trường đã có đợt rà soát và khắc phục các tồn tại theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN sau đánh giá năm 2016 và có báo cáo gửi cho CEA và Cục QLCL, đồng thời các kết quả hoạt động để cải tiến và khắc phục những tồn tại đã được Nhà trường tổng kết và báo cáo tại hội nghị cán bộ công chức hàng năm **[H10.10.03.02]**. Đây là một cải tiến quan trọng hỗ trợ cho việc ra quyết định của lãnh đạo trường; và hỗ

trợ tích cực cho việc lập kế hoạch cũng như triển khai các chính sách hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường ĐH Luật TP.HCM.

Bên cạnh việc rà soát khắc phục theo khuyến nghị sau mỗi đợt TĐG và ĐGN, hàng năm Trường ĐH Luật TP.HCM còn có báo cáo thường xuyên trong các đợt đánh về các quá trình kiểm soát sự không phù hợp hệ thống ĐBCL bên trong (ISO) nhằm mục đích: (i) Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn và phương pháp kiểm soát, xử lý sự không phù hợp được phát hiện trong quá trình vận hành hệ thống ĐBCL bên trong và các hoạt động đào tạo tại trường. (ii) Theo dõi, thống kê các sự không phù hợp trong quá trình đào tạo nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, phòng ngừa. Phân loại sự không phù hợp nặng (loại 1), sự không phù hợp nhẹ (loại 2) và các điểm lưu ý để yêu cầu các đơn vị tiến hành khắc phục, cải tiến **[H10.10.03.03]**. Quy trình tiến hành hành động khắc phục/phòng ngừa qui định cách tiến hành các biện pháp khắc phục/phòng ngừa và không ngừng cải tiến chất lượng các mặt công tác nhằm phát hiện, loại trừ, ngăn chặn và hạn chế tối đa các nguyên nhân có thể gây nên những vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng mọi hoạt động của Nhà trường **[H10.10.03.04]**.

Ngay sau các đợt đánh giá nội bộ (ISO), Ban ISO thông báo ngay tới các đơn vị những điểm không phù hợp (loại 1, loại 2 cần lưu ý) được phát hiện trong quá trình đánh giá nội bộ và đề ra kế hoạch khắc phục những tồn tại trong quá trình tự đánh giá gửi về các đơn vị **[H10.10.03.05]**. Theo chức năng nhiệm vụ đã được Hiệu trưởng phê duyệt, các sự không phù hợp liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của bộ phận, đơn vị nào thì bộ phận đó có trách nhiệm đề ra phương án, biện pháp xử lý ghi vào biểu mẫu liên quan **[H10.10.03.06]**. Cuối mỗi đợt đánh giá nội bộ và đánh giá của đơn vị cấp chứng nhận, Trung tâm ĐBCL&PPGD làm báo cáo tổng hợp trình HĐT và BGH **[H10.10.03.07]**. Trên cơ sở đó, hàng năm, BGH tổ chức một cuộc họp xem xét lãnh đạo để xem xét hệ thống quản trị, quản lý chất lượng của Nhà trường, để đảm bảo hệ thống luôn thích hợp, thỏa đáng, có hiệu lực và thống nhất với định hướng mục tiêu, chiến lược của Nhà trường **[H10.10.03.08]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Đối với quy trình đánh giá nội bộ theo các tiêu chuẩn về ISO, sau mỗi đợt ĐGNB và ĐGN Ban ISO đều rà soát lại tất cả các quy trình nghiệp vụ trong đó có tổ chức đánh giá nội bộ toàn bộ hệ thống hoạt động BDCL bên trong của Nhà trường để đảm bảo các quy trình vận hành các hoạt động phục vụ đào tạo có hiệu quả và phù hợp với thực tế và mục tiêu của của Nhà trường [H10.10.04.01].

Về mặt hệ thống BDCL, sau mỗi cuộc họp xem xét lãnh đạo, đối sánh với các cuộc xem xét trước, với các chỉ số xây dựng trong kế hoạch của các mặt hoạt động, Nhà trường nhìn nhận được các thay đổi bên trong và bên ngoài của hệ thống quản lý chất lượng, nhìn nhận cơ hội và thách thức đề ra các biện pháp cải tiến phù hợp và kịp thời. Cụ thể Nhà trường sớm chuyển đổi phiên bản KĐCL của hệ thống quản lý chất lượng từ Bộ 10 tiêu chuẩn/61 tiêu chí sang Bộ 25 tiêu chuẩn/111 tiêu chí. Điểm mới nổi bật của phiên bản này là: (i) Xác định được bối cảnh bên trong và bên ngoài của Nhà trường; (ii) Xác định các bên liên quan chủ chốt và nhu cầu của họ; (iii) Phương pháp tiếp cận theo quá trình: Việc quản lý các quá trình và hệ thống một cách tổng thể có thể đạt được thông qua việc sử dụng chu trình PDCA; (iv) Nhận biết rủi ro và cơ hội; (v) Cải tiến các quá trình dựa trên đánh giá dữ liệu và thông tin, dựa trên những rủi ro, tận dụng lợi thế của các cơ hội và ngăn ngừa các kết quả không mong muốn.

Đối với quy trình TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN theo tiêu chuẩn KDDCLGD: sau mỗi đợt kiểm định 2009, 2016, Trường ĐH Luật TP.HCM đã tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thực hiện tự ĐGCL giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp của BGDĐT dưới sự chỉ đạo của BGH và sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá [H10.10.01.02]. Từ đó chỉ ra các vấn đề về kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cho hội đồng tự đánh giá, các bước thực hiện, cách thức thu thập minh chứng, việc phân tích xử lý thông tin minh chứng để viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn [H10.10.04.03]. Các biên bản rà soát này được làm cơ sở để nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá năm 2021 và chuẩn bị cho đánh giá ngoài vào năm 2022. Kết quả của việc rà soát báo cáo tự đánh giá, kế hoạch và triển khai thực hiện tự đánh giá năm 2016 đã cho thấy một số vấn đề cần phải cải tiến cho kỳ tự ĐGCL giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại

học theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT [H10.10.04.04] và Trường ĐH Luật TP.HCM đã có một số cải tiến như sau:

Về Quy trình: Quy trình TĐG đã được Nhà trường ban hành năm 2017 theo Bộ quy trình về ISO giai đoạn 2017- 2021 [H10.10.04.05].

Trên cơ sở rút kinh nghiệm thực hiện TĐG 2016, Trung tâm ĐBCL&PPGD với tư cách là đơn vị phụ trách đã đưa bổ sung 2 bước vào quy trình TĐG là: Bổ sung bước truyền thông đến các bên liên quan về việc nhà trường thực hiện TĐG; bổ sung bước các nhóm công tác chuyên trách rà soát chéo các nội dung mô tả của nhóm khác trước khi ban thư ký tổng hợp báo cáo TĐG. Hai nội dung bổ sung đã được Nhà trường đưa vào Quy trình TĐG cấp cơ sở giáo dục năm 2021 [H10.10.04.05].

Về Phương thức triển khai: Nhằm hỗ trợ các nhóm chuyên trách viết báo cáo TĐG, Nhà trường đã chỉ ra một số nội dung cần quan tâm dựa trên rút kinh nghiệm quá trình viết báo cáo TĐG năm 2016: Phân công cụ thể thành viên viết báo cáo và thành viên thu thập minh chứng; Các nhóm chuyên trách trong quá trình viết báo cáo được đề xuất thay thành viên và/hoặc điều động thêm thành viên hỗ trợ nhóm chuyên trách. Ứng dụng CNTT vào quá trình viết báo cáo TĐG và thu thập MC [H10.10.04.06].

Bên cạnh việc rà soát, đánh giá quy trình của quá trình tự đánh giá, Trường ĐH Luật TP.HCM đồng thời tiến hành rà soát, đánh giá quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài CSGD năm 2016 và CTĐT năm 2021 bao gồm kế hoạch chuẩn bị đánh giá ngoài, phân công trách nhiệm, các bước thực hiện, cách thức chuẩn bị và lập kế hoạch cải tiến. Các biên bản rà soát, đánh giá quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài CSGD năm 2016, CTĐT 2021 [H10.10.04.07] là cơ sở để nhà trường cải tiến quy trình chuẩn bị đánh giá ngoài CSGD và CTĐT năm 2022 tốt hơn.

Tuy nhiên, quy trình TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN còn nằm rải rác ở một số văn bản mang tính thông báo mà cần phải tập hợp thành một quy định bằng văn bản cấp Trường, như vậy giá trị thi hành sẽ cao hơn. Bên cạnh đó việc cải tiến các quy trình này vẫn còn chưa kịp thời chủ yếu được cải phát hiện và cải tiến ngay trong quá trình TĐG.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 10

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trường ĐH Luật TP.HCM có kế hoạch tự đánh giá và kế hoạch chuẩn bị đánh giá ngoài được thiết lập cho từng giai đoạn, nhiệm vụ các bên liên quan được quy định rõ ràng trong chiến lược phát triển Nhà trường. Vai trò, chức năng, phân công nhiệm vụ các Nhóm chuyên trách và được giao nhiệm vụ và thiết lập cụ thể các nội dung và có sự giám sát thường xuyên. Tất cả các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và các cán bộ, GV thuộc các Nhóm chuyên trách thực hiện triển khai BĐCL đều được tập huấn, đào tạo 100%.

- Công tác TĐG đã có sự tham gia của các đối tượng CB – GV – NH – Cựu SV – Nhà tuyển dụng, được triển khai đến từng bộ phận, đơn vị trong toàn trường.

- Công tác rà soát, đánh giá quy trình nghiệp vụ cho công tác tự đánh giá được thực hiện nghiêm túc, đúng chu kỳ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Công tác tổ chức tập huấn đội cho ngũ CB-GV-NV thực hiện chuyên trách còn ít thời gian, vì thế cho nên công tác thu thập minh chứng, xây dựng, viết báo cáo tự đánh giá còn khó khăn, chậm tiến độ, nội dung viết chưa sâu, chưa bao quát nội hàm của các tiêu chí, tiêu chuẩn.

- Quy trình TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN còn nằm rải rác ở một số văn bản mang tính thông báo mà cần phải tập hợp thành một quy định bằng văn bản cấp Trường, như vậy giá trị thi hành sẽ cao hơn.

3. Kế hoạch cải tiến

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Mở rộng đối tượng và tăng cường bồi dưỡng về hoạt động KĐCL cũng như hoạt động ĐBCL bên trong cho đội ngũ CB-GV thực hiện chuyên trách BĐCL ở các đơn vị trong toàn trường.	- Trung tâm ĐBCL&PPG D; - Các đơn vị thuộc và trực	Năm 2022	

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
			thuộc trường.		
2	Khắc phục tồn tại 2	Chuẩn hóa quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị cho ĐGN. Ban hành quy định riêng của Trường về hoạt động này	- BGH - Trung tâm ĐBCL&PPG D; - Phòng HCTH - Các đơn vị thuộc trường.	Năm 2022	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Kế hoạch TĐG được thiết lập cụ thể hơn và quy định rõ trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân và đơn vị liên quan	- Trung tâm ĐBCL&PPG D - Các đơn vị thuộc và trực thuộc trường.	Năm 2022	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường các hoạt động đào tạo, giao lưu tại Trường có sự tham gia của các đối tượng ngoài trường (Cựu SV, nhà tuyển dụng)	- TT QHDN; - Các đơn vị thuộc trường.	Năm 2022 và các năm tiếp theo	

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5	Phát huy điểm mạnh 3	Tăng cường rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình nghiệp vụ cho công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên đúng chu kỳ	- Trung tâm ĐBCL&PPG D; - Các đơn vị có liên quan thuộc trường.	Năm 2022 và các năm tiếp theo	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	5
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	5

TIÊU CHUẨN 11. HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập

Trường ĐH Luật Tp.HCM đã sớm nhận thức được tầm quan trọng của công tác ĐBCL bên trong, do đó đã sớm đầu tư cho công tác này. Bắt đầu từ việc thành lập Trung tâm ĐBCL&PPGD [H11.11.01.01]. Theo Quyết định trên, chức năng nhiệm vụ của Trung tâm được quy định rõ ràng về nội dung khảo sát, điều tra, ĐGCL đào tạo và nghiên cứu của Trường ĐH Luật Tp.HCM. Sau đó, Trung tâm khảo thí cùng mảng hoạt

động khảo thí được tách ra khỏi Trung tâm ĐBCL&PPGD [H11.11.01.02]. Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm ĐBCL&PPGD được kiện toàn đến ngày nay với việc tập trung vào hai mảng hoạt động chính là ĐBCL và phát triển phương pháp giảng dạy [H11.11.21.03]

Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập. Nhà trường đã xây dựng, duy trì hệ thống thông tin liên lạc bên trong thông suốt giữa các đơn vị có liên quan đến các quá trình của hệ thống ĐBCL. Việc phân công cho các bộ phận đầu mối, các bộ phận hỗ trợ của Trường đều có Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức cụ thể [H11.11.1.04], trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của từng đơn vị với những con người cụ thể, Trường các đơn vị đã cụ thể hoá các chức năng, nhiệm vụ và phân công công việc cụ thể cho từng viên chức, người lao động trong đơn vị bằng các bản phân công công việc của đơn vị, hợp giao ban [H11.11.1.05]; Các công văn, chỉ thị, báo cáo dạng văn bản (tồn tại dưới 2 dạng là văn bản dạng giấy và văn bản dạng điện tử); Các quy trình điều hành trong hệ thống; Thông qua điện thoại; Gặp gỡ trao đổi trực tiếp; Hệ thống mạng nội bộ; Email cá nhân... Các thông tin dạng văn bản: Việc tổ chức quản lý các hoạt động của Nhà trường đều dựa trên những văn bản pháp lý của Nhà nước, của ngành giáo dục để xây dựng hệ thống văn bản phù hợp với mô hình tổ chức hoạt động và điều kiện thực tế của mình nhằm đảm bảo cho quá trình hoạt động của Nhà trường ngày càng hiệu quả. Các văn bản về tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường được giao cho các đơn vị chức năng soạn thảo, Hiệu trưởng ký duyệt ban hành, phổ biến và lưu trữ [H11.11.1.06].

Về quản lý đào tạo, quản lý SV, đã xây dựng được các quy trình, quy định rõ ràng nhằm hướng dẫn và quản lý người học, thông tin các chủ trương chính sách đến người học, hướng dẫn người học thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong thời gian học tập tại trường [H11.11.1.07]

Về công tác giảng dạy, Nhà trường có quy định về chế độ làm việc của GV; quy chế chi tiêu nội bộ; khảo sát ý kiến người học [H11.11.1.08]

Về NCKH và PVCD, Nhà trường đã xây dựng các quy trình, quy định rõ ràng nhằm phát huy kết quả NCKH, phân bổ nguồn kinh phí dành cho NCKH hợp lý, quy định rõ

ràng về các quyền lợi và nghĩa vụ của GV và SV khi tham gia NCKH nhằm giúp thúc đẩy hoạt động NCKH của trường [H11.11.1.09]

Các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan, được Phòng CTSV và các đơn vị đào tạo triển khai thu thập dữ liệu, xử lý, viết báo cáo và chuyển đến các bên liên quan trong Trường [H11.11.1.10]

Các thông tin thu được qua các kênh góp ý bằng các buổi đối thoại, bằng điện thoại, đường dây nóng,... Nhà trường giao trách nhiệm cho từng đơn vị chủ trì xử lý, báo cáo và lưu trữ [H11.11.1.11]

Để thuận lợi cho việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường, Nhà trường đã có hệ thống các văn bản phân công trách nhiệm cho các bộ phận đầu mối, các bộ phận hỗ trợ giúp cho BGH xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL chung của Trường [H11.11.1.12]

Đối với lĩnh vực quản lý văn bản chung, Trường đã xây dựng phương án lưu trữ điện tử, áp dụng CNTT trong quản lý văn bản đi – đến của Trường [H11.11.1.13]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5 / 7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn

Nhà Trường đã xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong trên nền tảng ứng dụng CNTT đối với các mặt hoạt động của Trường như: các hoạt động liên quan đến nhân sự, công tác tài chính, quản lý công tác đào tạo, Trung tâm TTTV, NCKH... từ đó cung cấp những dữ liệu quan trọng giúp cho các phòng chức năng, các khoa chuyên môn kịp thời tham mưu cho BGH ra quyết định trong các hoạt động của nhà trường.

Đối với hoạt động đào tạo: các thông tin ĐBCL bao gồm CTĐT [H11.11.02.01], chuẩn đầu ra của CTĐT [H11.11.02.02], ngành đào tạo [H11.11.02.03], chất lượng đội ngũ GV [H11.11.02.04], tình hình CSVN, trang thiết bị bảo đảm dạy và học [H11.11.02.05], SV các khoá [H11.11.02.06],... được Nhà trường giao cho từng đơn vị quản lý theo chức năng, nhiệm vụ và sẵn sàng cung cấp thông tin để hỗ trợ BGH ra các quyết định điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Đối với hoạt động NCKH: công tác quản lý thông tin phục vụ công tác NCKH của Trường bảo đảm thuận lợi cho việc cung cấp các thông tin về chính sách nghiên cứu, chương trình nghiên cứu, số lượng các công bố, nguồn nhân lực NCKH, CSVC, số lượng sách, báo, tạp chí phục vụ công tác NCKH [H11.11.02.07]

Đối với các thông tin nhân sự: Phòng TC-HC là đơn vị có chức năng quản lý tham mưu cho BGH ban hành các quyết định liên quan đến công tác nhân sự của Trường. Để quản lý thông tin đội ngũ nhân sự, Phòng TC-HC có phần mềm quản lý Hồ sơ CBCCVC [H11.11.02.08], quản lý toàn bộ những thông tin, biến động của đội ngũ nhân sự.

Đối với các thông tin khảo sát, đánh giá hằng năm: Trường tổ chức các đợt khảo sát về mức độ hài lòng SV, hoạt động giảng dạy GV, khảo sát về CTĐT... Các phiếu khảo sát được tổng hợp, phân tích và lưu trữ, kết quả khảo sát là cơ sở để tham mưu cho BGH ra các quyết định về đào tạo và NCKH [H11.11.02.09].

Đối với mỗi lĩnh vực đều có các phần mềm chuyên biệt để quản lý, sử dụng và khai thác thông tin liên quan đến lĩnh vực quản lý của đơn vị mình như: hệ thống thông tin về đào tạo [H11.11.02.10], tổ chức bộ máy, nhân sự [H11.11.02.11], NCKH và tài chính [H11.11.02.12],.... Các dữ liệu được phần mềm xử lý và cung cấp theo từng yêu cầu cụ thể.

Ngoài ra, Nhà trường còn có các đợt khảo sát và cơ sở dữ liệu của các đợt khảo sát được thu thập thông qua các cuộc điều tra xã hội học, sử dụng phần mềm SPSS, hoặc tổng hợp trên bảng tính Microsoft Excel [H11.11.02.13], từ đó đưa ra các số liệu thống kê, các phân tích chính xác giúp BGH có cơ sở để ban hành các quyết sách cho từng lĩnh vực cụ thể nhằm nâng cao chất lượng.

Cơ sở dữ liệu được lưu trữ và sẵn sàng trích xuất báo cáo theo các tiêu chí, yêu cầu của các đơn vị [H11.11.02.14].

Mỗi tài khoản sử dụng sẽ có một tên truy cập, một mật khẩu khác nhau và quản lý một lĩnh vực khác nhau. Giải pháp mã hoá thông tin, được áp dụng đối với phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ được lập trình trên nền tảng Oracle 9.2DS với mức bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin rất cao [H11.11.02.15].

Viên chức, người lao động được phân quyền truy cập, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu hợp lý theo đúng chức năng nhiệm vụ [H11.11.02.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5 / 7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin

Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được rà soát hằng năm, từ đó các bộ phận sẽ tham mưu cho BGH kiện toàn đội ngũ nhân sự làm công tác quản lý thông tin ĐBCL bên trong, kế hoạch ngân sách cung cấp cho các hoạt động đào tạo, NCKH và hoạt động khác cũng được điều chỉnh hằng năm cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Trường [H11.11.03.01].

Nhà trường theo định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh và thống nhất các thông tin về ĐBCL để báo cáo Bộ GD&ĐT và làm căn cứ để tính toán, điều chỉnh các hoạt động đào tạo, hoạt động tuyển sinh của Trường và những công bố về ĐBCL của Trường với xã hội [H11.11.03.02]. Đối với các phần mềm quản lý chuyên ngành do các đơn vị trực tiếp vận hành và quản lý, các đơn vị này cũng thường xuyên được cập nhật, bổ sung và nâng cấp cả về tính năng, hiệu quả quản lý và mức độ bảo mật, an toàn thông tin.

Trung tâm CNTT của Trường được giao nhiệm vụ quản lý, các phần mềm quản lý, trong quá trình khai thác, sử dụng, trung tâm thường xuyên có những rà soát, thử nghiệm, nâng cấp và cập nhật những tính năng mới theo sự phản hồi của các bên liên quan [H11.11.03.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5 / 7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Đối với hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, Nhà trường đã có những cải tiến điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển cũng như có kế hoạch phân bổ nguồn lực thích hợp. Tất cả các thay đổi, cải tiến đều nhằm mục đích giúp cho công tác quản lý được tốt hơn, phù hợp với sự phát triển của Nhà trường từ đó quay lại phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Hệ thống thông tin cũng

đã có nhiều cải tiến, các phần mềm quản lý được nâng cấp từng bước nhằm đáp ứng các yêu cầu về công tác quản lý [H11.11.04.01].

Nhà trường đã ban hành “Chính sách quản lý thông tin ĐBCL bên trong” [H11.11.04.02]. Sau thời gian thực hiện, chính sách này đã được cải tiến [H11.11.04.03]. Việc cải thiện được đánh giá là có hiệu quả trong việc thu thập, xử lý, bảo mật và chuyển giao cho bên sử dụng.

Các thông tin ĐBCL bên trong được nhà trường sử dụng để hỗ trợ cho việc cải tiến chính sách đào tạo, như xây dựng lại CDR, rà soát CTĐT [H11.11.04.03], cải tiến việc đánh giá người học, hỗ trợ người học tốt hơn, GV tiếp thu ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy nhờ vậy có những đổi mới và nâng cao chất lượng giảng dạy [H11.11.04.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5 / 7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 11

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Việc thăm dò ý kiến SV về chất lượng giảng dạy được nhà trường thực hiện định kỳ và đã áp dụng CNTT vào việc khảo sát.

Nhà trường đã đầu tư nhiều kinh phí để mua sắm máy móc thiết bị và phần mềm nhằm phục vụ quản lý thông tin ĐBCL

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Sự phối hợp giữa các phòng ban trong hệ thống quản lý thông tin còn một số chỗ chưa chặt chẽ

Việc ứng dụng CNTT trong thu thập và xử lý thông tin ĐBCL còn nhiều chỗ chưa được đồng bộ.

3. Kế hoạch cải tiến

Các đề xuất để phát huy điểm mạnh, khắc phục các tồn tại đã xác định trong tự đánh giá và kế hoạch hành động để thực hiện. Tùy theo kế hoạch phát triển và chiến lược ưu tiên của CSGD mà xác định trọng tâm cải tiến chất lượng cho từng giai đoạn. Về tổng thể, CSGD phải có kế hoạch khắc phục tất cả những tồn tại, thiếu sót.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng quy chế phối hợp trong hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong	Trung tâm ĐBCL&PPGD phối hợp với các đơn vị liên quan	Từ năm 2021-2022
2	Khắc phục tồn tại 2	Ứng dụng CNTT nhằm hoàn chỉnh hệ thống quản lý thông tin	Trung tâm CNTT	Từ năm 2022-2023	

4. Mức đánh giá

Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	5
TC 11.1.	5
TC 11.2.	5
TC 11.3.	5
TC 11.4.	5

TIÊU CHUẨN 12. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Ngày 04 tháng 4 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 549/QĐ-TTg phê duyệt Đề án xây dựng Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật TP.HCM thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật; sau đó, Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Bình Minh đã ký Quyết định số 1156/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tổng thể “Tiếp tục xây dựng Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật TP.HCM thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật” [H12.12.01.01]. Đến thời điểm hiện tại, Nhà trường đã thực hiện tốt sứ mạng cung cấp nguồn nhân lực pháp luật cho đất nước với hơn 80 ngàn cử nhân luật, hàng ngàn thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Công tác nâng cao chất lượng toàn diện luôn được Nhà trường quan tâm, đặt ra ưu tiên hàng đầu trong tất cả các mảng hoạt động. Có thể nói, việc quản lý theo tiêu chuẩn chất lượng vừa là nhu cầu tự thân của Nhà trường vừa chính là thực hiện chủ trương đổi mới quản lý giáo dục của Bộ GD&ĐT. Quá trình xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của Trường ĐH Luật TP.HCM được lồng ghép trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn của tổ chức ISO - bắt đầu từ cuối năm 2008 (năm 2011 chính thức được Tổ chức NQA Việt Nam cấp giấy chứng nhận ISO 9001:2008) [H12.12.01.02]. Sau khi hoàn thành vòng đời đầu tiên của chứng nhận ISO (2011 – 2014), với quyết tâm của lãnh đạo nhà trường cùng với tinh thần làm việc đầy cố gắng của tất cả các lãnh đạo các phòng, trung tâm, các quy trình công việc của các đơn vị đã được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2008 [H12.12.01.03] và được tổ chức NQA Việt Nam cấp chứng nhận cho giai đoạn 2 (2014 – 2017) và giai đoạn 3 (2017 - 2020).

Trong suốt giai đoạn này, kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của Trường đã bao gồm hệ thống các chính sách, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng với các nội dung cụ thể như sau:

- Các kế hoạch này luôn thể hiện cam kết của lãnh đạo Nhà trường về việc xây dựng, áp dụng và liên tục cải tiến một cách có hiệu quả nhất hệ thống quản lý chất lượng bằng các hình thức sau: (i) Thông báo trong toàn trường về tầm quan trọng của việc đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu của khách hàng và của luật định. (ii) Đào tạo nhận thức chung

về hệ thống quản lý chất lượng cho toàn thể cán bộ giáo viên; (iii) Đào tạo lại khi cần thiết hoặc có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức; (iv) Phổ biến Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng qua các cuộc họp và trong các tài liệu của nhà trường. (v) Tổ chức ĐGCL nội bộ nhằm phát hiện những điểm chưa phù hợp của hệ thống chất lượng để cải tiến. (vi) Xem xét tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống để liên tục cải tiến theo quy trình xem xét của lãnh đạo **[H12.12.01.04]**.

- Nhà trường đề ra đường lối phát triển chiến lược của trường đó là chính sách chất lượng. Chính sách chất lượng của trường thể hiện sự cam kết của ban lãnh đạo Trường và toàn thể cán bộ giáo viên thực hiện theo đúng các quy định đã được trường đề ra, áp dụng và liên tục cải tiến phương pháp quản lý, giáo dục, đào tạo để ngày càng nâng cao chất lượng SV. Chính sách chất lượng được nhà trường phổ biến tới từng giáo viên, cán bộ SV, mọi người đều phải có trách nhiệm thực hiện tốt. Chính sách chất lượng của Trường ĐH Luật Tp.HCM hàng năm được Hiệu trưởng nhà trường xem xét và sửa đổi khi thấy cần thiết **[H12.12.01.05]**.

- Ban lãnh đạo Nhà trường có trách nhiệm hoạch định, cung cấp đủ nguồn lực cho các hoạt động quản lý, đào tạo giảng dạy theo yêu cầu của hệ thống chất lượng để thực hiện Chính sách chất lượng và các mục tiêu chất lượng cũng như khi có sự thay đổi quan trọng ảnh hưởng tới chất lượng của công tác giảng dạy, chất lượng học tập hoặc hệ thống chất lượng như thay đổi về cơ cấu tổ chức, thay đổi cán bộ, chương trình giảng dạy, thay đổi chuyên ngành để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng.

Chính sách chất lượng của Nhà trường đã được cụ thể hóa thành hệ thống các văn bản như Mục tiêu chất lượng, kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của từng đơn vị cụ thể trong từng năm. Mục tiêu chất lượng của các đơn vị do trưởng các đơn vị căn cứ vào mục tiêu chung của trường đặt ra. Toàn thể cán bộ, nhân viên của trường phải có trách nhiệm thực hiện đúng các yêu cầu theo nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Hiệu trưởng sẽ đánh giá hiệu quả công tác của các đơn vị qua việc thực hiện mục tiêu chất lượng. Các mục tiêu chất lượng của các đơn vị đều đảm bảo bao quát theo công thức thiết kế mục tiêu SMART (Specific: cụ thể; Measurable: Đo đếm được; Relevant: có liên quan; Realistic: mang tính thực tế và Time bound: Ràng buộc về thời gian) **[H12.12.01.06]** do vậy đảm bảo được tính chất định kỳ và hệ thống các chỉ tiêu. Ngoài ra, Nhà trường

đã xây dựng được một hệ thống các bao gồm... quy trình bao quát hầu hết các mảng hoạt động liên quan đến hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập

Tính đến thời điểm cuối năm 2021, đã có hơn 90 cơ sở đào tạo công lập và tư thực tham gia vào hoạt động giảng dạy và cấp bằng cử nhân luật tại Việt Nam, Trong Đề án “Chiến lược phát triển Trường ĐH Luật Tp.HCM đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045” ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐT ngày 29 tháng 04 năm 2022 của Hội đồng trường Trường ĐH Luật Tp.HCM) [H12.12.02.01] đã có nhận định chia các CSGD này thành 3 loại:

- Nhóm các trường đào tạo luật truyền thống, mạnh về nghiên cứu, có uy tín, đào tạo đầy đủ các lĩnh vực luật học: xếp vào nhóm này chỉ có thể kể đến Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật Tp.HCM. Đây là những trường được thành lập từ sau khi đất nước giành được độc lập, có kinh nghiệm giảng dạy luật học với các bậc đào tạo từ cử nhân đến thạc sỹ và tiến sỹ. Các Trường này mạnh về NCKH, đặc biệt là nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực luật học, đóng góp đáng kể vào hoạt động lập pháp của đất nước. Các Trường này cũng là địa chỉ uy tín đào tạo cán bộ pháp luật giữ trọng trách trong nhiều hệ thống cơ quan của đất nước trong suốt các thập kỷ qua. Trường ĐH Luật Tp.HCM và Trường ĐH Luật Hà Nội cũng được biết đến với đội ngũ GV là chuyên gia chuyên sâu tất cả các lĩnh vực luật học; có mối quan hệ giao lưu về học thuật và đào tạo với nhiều trường đại học có nền khoa học pháp lý tiến bộ trên thế giới.

- Nhóm các trường đào tạo luật phục vụ ngành: trong nhóm này, có thể kể đến các Trường đã được thành lập khá truyền thống như: Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân, Đại học An ninh nhân dân, Đại học Cảnh sát nhân dân, Học viện tư pháp và những trường được thành lập gần đây như: Học viện Tòa án; Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. Các cơ sở đào tạo này có nhiệm vụ đào tạo trọng tâm là đào tạo nhân sự phục vụ cho ngành; nhiều môn học mang tính nghiệp vụ, trang bị kỹ năng trong giải quyết công việc cụ thể của ngành.

- Nhóm các trường đa ngành có đào tạo luật: Các cơ sở giáo dục này đào tạo cử nhân luật để tham gia làm việc trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, mục tiêu chính của các cơ sở này là đáp ứng nhu cầu xã hội; vì vậy các lĩnh vực luật học mà các cơ sở này tập trung vào thường là lĩnh vực luật tư, không đầu tư sâu vào lĩnh vực luật công.

Trên cơ sở phân tích này, Trường đã xây dựng các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động dựa trên các nội dung cụ thể như sau:

- Thứ nhất, pháp luật cần được thống nhất trong nhận thức và thi hành; như vậy mới tạo ra được công bằng và chân lý. Nếu việc giải thích và đào tạo pháp luật có quá nhiều sự khác nhau, hoặc gói gọn trong cách hiểu riêng của mỗi ngành thì không thể đạt đến công lý và Nhà nước pháp quyền. Vì vậy, trong lĩnh vực đào tạo luật học rất cần phải có định hướng, có sự thống nhất nhất định. Điều này đòi hỏi phải có những Trường đầu ngành, trọng điểm để gánh vác trách nhiệm dẫn dắt khoa học pháp lý ở Việt Nam, đóng góp vào hoạt động lập pháp, đưa nền pháp lý của đất nước lên ngang tầm với khu vực và thế giới.

- Thứ hai, việc đào tạo luật không chỉ đáp ứng nhu cầu xã hội và các vấn đề dân sự trong đời sống xã hội; việc đào tạo luật còn phải hướng đến việc bảo đảm an ninh quốc gia; trật tự và an toàn xã hội; bảo đảm quyền con người; chủ quyền, độc lập của Nhà nước. Nghị quyết 29/TW về đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục và đào tạo đã khẳng định: “Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc” [H12.12.02.02]. Điều này có nghĩa là việc đào tạo luật cũng cần phải phục vụ hoạt động của bộ máy Nhà nước với đa dạng các cơ quan quản lý hành chính, cơ quan tư pháp và đội ngũ hỗ trợ tư pháp. Đối với vấn đề này cũng cần phải có những cơ sở đào tạo đảm nhận. Nếu không có sự đầu tư vào đào tạo luật ở các lĩnh vực này thì việc đào tạo luật chỉ phát triển mạnh ở những ngành luật tư phục vụ đời sống xã hội, kém phát triển ở những ngành luật phục vụ Nhà nước pháp quyền và bảo vệ Tổ quốc.

Nhà trường cũng tiến hành thiết lập cơ chế nhằm theo dõi và đo lường quá trình và chất lượng công tác với các nội dung: (I) Mọi hoạt động hay quá trình trong toàn bộ hệ thống chất lượng của nhà trường đều được kiểm soát, phương pháp theo dõi, kiểm soát

của từng quá trình cụ thể được quy định trong các quy trình tương ứng trong hệ thống chất lượng (ii) Phương pháp theo dõi, đo lường chung của các quá trình là sự xem xét mức độ hoàn thành kế hoạch hay mục tiêu đã đề ra. Trường các phòng, khoa phải theo dõi, ĐGCL giảng dạy của cán bộ, giáo viên thuộc bộ phận mình quản lý. (iii) Nếu không đạt được các kết quả đã hoạch định, Hiệu trưởng phải đưa ra các biện pháp khắc phục và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nhằm đảm bảo tính hiệu quả cao của hệ thống chất lượng. (iv) Chất lượng hoạt động giảng dạy, quản lý và hỗ trợ hoạt động của các đơn vị thành viên được các phòng và trung tâm: Đào tạo, Hành chính - tổng hợp, Trung tâm ĐBCL&PPGD và các khoa theo dõi, kiểm tra và đánh giá căn cứ theo các mục tiêu chất của nhà trường và của các khoa hàng năm qua đó Hiệu trưởng và trưởng các phòng, trưởng các khoa sẽ đưa ra các đề xuất nhằm không ngừng cải tiến nhằm đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo và giảng dạy. Việc kiểm tra theo dõi chất lượng công tác giảng dạy và quản lý học sinh được thực hiện theo các qui định liên quan [H12.12.02.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.3. Thông tin so chuẩn và đối sánh nhằm nâng cao các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích sáng tạo được thực hiện

Dựa trên các bộ tiêu chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục và CTĐT [H12.12.03.01], Nhà trường đã thiết lập các chỉ tiêu về đối sánh hàng năm đối với các chỉ số liên quan đến 03 hoạt động cốt lõi của cơ sở giáo dục, bao gồm: đào tạo, NCKH, và phục vụ cộng đồng. Đối với hoạt động đào tạo, các chỉ số là: (i) tỷ lệ thối học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, (ii) tỷ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp, (iii) hoạt động NCKH của người học; đối với hoạt động NCKH, các chỉ số bao gồm: (i) số lượng bài báo đăng tạp chí, (ii) Số lượng sách và xuất bản phẩm, (iii) ngân quỹ dung cho NCKH, (iv) Số lượng hội thảo/tọa đàm các cấp; các chỉ số đối sánh về hoạt động phục vụ cộng đồng bao gồm: (i) số lượng hoạt động PVCĐ; (ii) số lượng người tham gia hoạt động; (iii) số lượng người thụ hưởng từ hoạt động; (iv) sự hài lòng các bên liên quan về hoạt động PVCĐ [H12.12.03.02].

Ngoài báo cáo này, hằng năm các chỉ số về đào tạo, NCKH, và phục vụ cộng đồng cũng được báo cáo thường niên và có sự so sánh giữa các năm với nhau tại Văn kiện đại hội CBCC bởi từng đơn vị trong Trường phụ trách hoạt động liên quan [H12.12.03.03],

để đưa ra các kế hoạch cải tiến chất lượng của đơn vị mình cũng như kế hoạch cải tiến chất lượng toàn trường. Ngoài các báo cáo của các đơn vị liên quan, để phục vụ cho công tác tự đánh giá và kiểm định CTĐT hàng năm, TT ĐBCL&PPGD đã phối hợp với các đơn vị khác trong nhà trường xây dựng báo cáo đối sánh các chỉ số liên quan đến hoạt động đào tạo của các CTĐT tại trường [H12.12.03.04]. Việc đối sánh với các CTĐT trong nước và nước ngoài là điều kiện bắt buộc của việc xây dựng các đề án mở CTĐT CLC tại Nhà trường; từ đó, các CTĐT này mới mở ra đã thu hút được một số lượng lớn người học theo học [H12.12.03.05].

Nhà trường cũng thực hiện việc công tác học hỏi các trường đại học khác làm cơ sở cho việc so sánh hoạt động giữa các trường đại học với nhau và từ đó có những cải tiến chất lượng hoạt động của nhà trường [H12.12.03.06], trên cơ sở đó, Nhà trường đã triển khai việc cải tiến chất lượng các mảng công việc liên quan như: điều chỉnh quy chế tổ chức hoạt động, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị [H12.12.03.07], hoàn thiện đề án vị trí việc làm [H12.12.03.08]....

Trong giai đoạn 5 năm trở lại đây, dựa trên các bộ tiêu chuẩn cũng như hướng dẫn ĐGCL cơ sở giáo dục và CTĐT của Bộ GD&ĐT cũng như bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT của AUN-QA, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá 4 CTĐT [H12.12.03.09]. Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển ngành, chuyên ngành tập trung vào những thế mạnh truyền thống, những ngành mới, xuyên ngành, liên ngành... [H12.12.03.10]. Định kỳ, nhà trường đã tiến hành rà soát điều chỉnh tất cả các CTĐT ở mọi trình độ cấp độ, hình thức đào tạo [H12.12.03.11]. Đối với các phương pháp giảng dạy, nhà trường thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn về PPGD cho GV [H12.12.03.12], xây dựng cẩm nang PPGD để thông tin cho GV những phương pháp giảng dạy mới, PPGD tích cực [H12.12.03.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn và sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát

Theo quy định về hệ thống ĐBCL bên trong Trường ĐH Luật Tp.HCM, đối sánh là hoạt động đối chiếu và so sánh một cơ sở giáo dục hoặc một CTĐT với bộ tiêu chuẩn ĐGCL giáo dục hoặc với cơ sở giáo dục được lựa chọn [H12.12.04.01]

Với nội hàm như trên, quy định cũng đã xác định rõ việc giám sát, đối sánh kết quả hoạt động cốt lõi của trường, bao gồm: (i) giám sát, đối sánh kết quả hoạt động đào tạo; (ii) giám sát, đối sánh kết quả hoạt động NCKH; và (iii) giám sát, đối sánh kết quả hoạt động phục vụ cộng đồng. Các cơ chế giám sát, đối sánh kết quả hoạt động được thực hiện dựa trên 3 công việc chính, bao gồm: (i) Xác lập các kết quả hoạt động; (i) tiến hành đối sánh định kỳ hàng năm; và (iii) cải tiến chất lượng. Hằng năm, căn cứ vào kết quả các hoạt động và đối sánh với các chỉ tiêu của các năm trước đó **[H12.12.04.02]**, Nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh các chỉ tiêu đồng thời điều chỉnh các quy định, quy chế phù hợp với tình hình thực tế để hướng tới việc đạt được sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường như: điều chỉnh một số điều của quy chế đào tạo trình độ đại học **[H12.12.04.03]**, điều chỉnh một số điều của quy chế đào tạo ThS **[H12.12.04.04]**, điều chỉnh quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại trường **[H12.12.04.05]**... Nhà trường đã xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến FOS-Feedback Online System-tại địa chỉ: khaosatonline.hcmulaw.edu.vn để thực hiện khảo sát SV ĐGCL giảng dạy giảng dạy của GV, SV đăng nhập bằng ID trường để thực hiện KS mỗi cuối học kỳ và GV dùng ID trường để đăng nhập, xem kết quả mình được đánh giá **[H12.12.04.06]**. Sau khi tổng hợp dữ liệu, Trung tâm ĐBCL&PPGD đều thực hiện viết báo cáo gửi BGH và báo cáo riêng cho từng Khoa, có thể hiện đối sánh chất lượng giảng dạy của khoa với toàn Trường để các khoa họp, ĐGCL giảng dạy của đơn vị mình và đưa ra các và đưa ra các cải tiến phù hợp

Ngoài đối sánh giữa các cơ sở giáo dục CTĐT trong và ngoài nước, Trường còn đối sánh với các bộ tiêu chuẩn ĐGCL CSGD, CTĐT của Bộ **[H12.12.04.07]**. Nhà trường đã tiến hành hoạt động kiểm định Trường vào năm 2017, kiểm định chương trình ĐT cử nhân Luật vào 2022, và đang tổ chức tự đánh giá các CTĐT còn lại **[H12.12.04.08]**. Căn cứ vào các kết quả tự ĐGCL các CTĐT, Nhà trường đã có sự đối sánh giữa các chỉ tiêu của các hoạt động phục vụ CTĐT của Nhà trường so với mốc chuẩn; từ đó, Nhà trường đánh giá được những điểm mạnh cũng như điểm tồn tại của các hoạt động này và Nhà trường sẽ có các kế hoạch cải tiến chất lượng một cách liên tục.

Để công tác đối sánh, so chuẩn có tính hệ thống và thống nhất trong các hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM, Nhà trường đã ban hành quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng

đồng tại trường [H12.12.04.09], trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ của các đơn vị trong toàn trường thực hiện quy định này. Để xây dựng quy trình về đối sánh này, Nhà trường đã nghiên cứu các văn bản của Bộ về đánh giá CTĐT, CSGD [H12.12.04.10] để làm cơ sở cho việc xây dựng quy trình đối sánh phù hợp với các yêu cầu của Bộ cũng như của Bộ tiêu chí ĐGCL của AUN-QA.

Tự đánh giá Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn và sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả thực hiện tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Trong những năm trước đây, việc so chuẩn và đối sánh ở Trường ĐH Luật Tp.HCM chỉ dừng lại ở mức so sánh kết quả thực hiện các công tác giữa năm này với năm khác sau đó đưa ra chỉ tiêu thực hiện cho năm học tới và cuối năm tổng kết lại [H12.12.05.01]. Đúng về góc độ cải tiến và xây dựng mới CTĐT, việc đối sánh về mục tiêu đào tạo, CDR CTĐT của các CTĐT của Nhà trường với các CTĐT tương đương học gần của các trường đại học trong và ngoài nước chỉ dừng lại ở mức độ đánh giá một cách chủ quan sự tương đồng, khác biệt giữa CTĐT của trường với CTĐT của trường khác [H12.12.05.02]. Việc thực hiện công tác đối sánh bước đầu theo cách tiếp cận như trên là khá phù hợp với những điều kiện của Nhà trường trước đây. Tuy nhiên, bước vào giai đoạn mới với một tầm nhìn cũng như mục tiêu đã thay đổi theo hướng trở thành đại học đổi mới sáng tạo, nằm trong nhóm các trường đại học hàng đầu châu Á [H12.12.05.03], việc đối sánh theo cách tiếp cận như trên đã không còn phù hợp để xác định và đánh giá chính xác các công tác cải tiến chất lượng của Nhà trường. Nhận thức ra vấn đề này, Nhà trường giao trách nhiệm cho Trung tâm ĐBCL&PPGD có nhiệm vụ xây dựng quy trình so chuẩn và đối sánh các công tác về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng tại trường để công tác này được thực hiện có hệ thống, và đánh giá được thực chất chất lượng của Nhà trường; từ đó, căn cứ vào kết quả đối sánh, Nhà trường sẽ đưa ra các kế hoạch cải tiến chất lượng hiệu lực và hiệu quả để đạt được sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường [H12.12.05.04].

Với chức năng là đơn vị điều phối việc xây dựng quy trình đối sánh, so chuẩn, Trung tâm ĐBCL&PPGD đã thực hiện công việc này trong như sau [H12.12.05.05]:

- Bước 1: Nghiên cứu các quy định liên quan và tình hình hiện tại của Trường để

xây dựng quy trình đối sánh, so chuẩn

- Bước 2: Lấy ý kiến của các đơn vị trong toàn trường

- Bước 3: Căn cứ vào ý kiến của các đơn vị trong toàn trường, TT ĐBCL&PPGD tổng hợp, thảo luận nhóm, điều chỉnh quy trình và trình Hiệu trưởng ban hành quy trình

Với việc duy trì hệ thống ISO nội bộ, các hoạt động của từng đơn vị, của từng lĩnh vực luôn được triển khai, rà soát và kiểm tra nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, cải tiến không ngừng. Trong bộ quy trình của hệ thống ISO, đã sẵn có quy trình về rà soát, chỉnh sửa các quy trình với những quy định cụ thể và hợp lý. Theo đó, Quy trình Kiểm soát tài liệu có phạm vi tác động rộng rãi đến toàn bộ quy trình, tài liệu thuộc bộ quy trình ISO, tạo ra cơ chế kiểm soát, chỉnh sửa tài liệu khi không phù hợp. Việc xử lý các quy trình/tài liệu sẽ khác nhau đối với các quy trình/tài liệu do trường ban hành (tài liệu nội bộ), tài liệu có nguồn gốc từ bên ngoài và tài liệu dạng điện tử. Các bước thực hiện quy trình luôn tuân thủ chu trình PDCA của hoạt động đảm bảo chất lượng **[H12.12.05.06]**.

Nhà trường đã tiến hành hoạt động kiểm định Trường vào năm 2017, kiểm định chương trình ĐT cử nhân Luật vào 2022, và đang tổ chức tự đánh giá các CTĐT còn lại **[H12.12.05.07]**. Căn cứ vào các kết quả tự ĐGCL các CTĐT, Nhà trường đã có sự đối sánh giữa các chỉ tiêu của các hoạt động phục vụ CTĐT của Nhà trường so với mốc chuẩn; từ đó, Nhà trường đánh giá được những điểm mạnh cũng như điểm tồn tại của các hoạt động này và Nhà trường sẽ có các kế hoạch cải tiến chất lượng một cách liên tục.

Trong lĩnh vực bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, Trường cũng là một trong những trường ĐH đầu tiên tham gia tích cực vào công tác kiểm định CLGD. Giai đoạn đầu của công tác kiểm định những năm 2009, Trường nằm trong nhóm những trường đầu tiên tham gia vào công tác này, đã thực hiện việc tự đánh giá. Năm 2017, Trường đã thực hiện việc kiểm định Trường **[H12.12.05.08]**, năm 2022 đã thực hiện xong việc kiểm định ngành Luật, là ngành đào tạo lớn nhất của Trường, kết quả rất tốt với mức đạt kiểm định là **[H12.12.05.09]**. Song song với đó, từ 2020, Trường xây dựng kế hoạch kiểm định cho các ngành đào tạo còn lại và đã bắt đầu triển khai từ năm 2021 **[H12.12.05.10]**: Trường hiện đang triển khai soạn báo cáo tự đánh giá cho các ngành quản trị kinh doanh, quản trị luật, ngành Luật Thương mại quốc tế, và sắp tới, sẽ xúc tiến tự đánh giá những ngành, hệ đào tạo khác của Trường để thực hiện việc kiểm

định toàn diện tất cả các ngành, CTĐT, hệ đào tạo của Trường.

Thông qua quá trình tự đánh giá, và quá trình đánh giá ngoài CTĐT, CSGD, Trường đã tự nhận ra và tiếp thu những ý kiến đóng góp hết sức hữu ích từ các chuyên gia kiểm định, chuyên gia trong giáo dục để có thể so chuẩn, đối sánh với mặt bằng chung của các trường ĐH khác. Nhà trường đã có những điều chỉnh, tổ chức có hệ thống hơn, học hỏi và áp dụng các cách quản lý, điều hành phù hợp. Cụ thể, Trường đã tiến hành rà soát để sửa đổi quy chế NCKH, sửa đổi và ban hành quy chế đào tạo, bắt đầu triển khai nghiên cứu quy định về PVCD trong trường ĐH với những sản phẩm hết sức hữu ích có thể triển khai ngay sau khi nghiên cứu [H12.12.05.11] .

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 12

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trường chủ động xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục... để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.
- Các kế hoạch cấp trường được cụ thể hóa thành kế hoạch, mục tiêu, quy trình cấp đơn vị
- Trường có sự phân tích tập trung vào các CSGD có đào tạo ngành Luật học, từ đó có sự phân tích nhằm chọn ra các đối tác phù hợp nhằm hợp tác, đối sánh trong các mảng hoạt động.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa tiến hành định kỳ tiêu chí lựa chọn đối tác để nâng cao chất lượng hoạt động.
- Các thông tin so chuẩn và đối sánh chưa được thiết lập phù hợp.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tiến hành định kỳ xây dựng tiêu chí lựa chọn đối tác để nâng cao chất lượng hoạt động	Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL&PPGD	HK1 năm học 2023 - 2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Thiết lập các thông tin so chuẩn và đối sánh phù hợp.	Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL&PPGD		
3	Phát huy điểm mạnh 1	Xây dựng quy định, quy trình cụ thể nhằm ban hành các Kế hoạch nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục... để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	Ban lãnh đạo (Hội đồng trường/ BGH)	HK1 năm học 2023 - 2024
4		Rà soát, tổng kết Các kế hoạch cấp trường được cụ thể hóa thành kế hoạch, mục tiêu, quy trình cấp đơn vị	Ban ISO/ các đơn vị	HK1 năm học 2023 - 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5		Trường có sự phân tích tập trung vào các CSGD có đào tạo ngành Luật học, từ đó có sự phân tích nhằm chọn ra các đối tác phù hợp nhằm hợp tác, đối sánh trong các mảng hoạt động.	Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL&PPGD	HK1 năm học 2023 - 2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	4,6
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	5
Tiêu chí 12.4	5
Tiêu chí 12.5	4

TIÊU CHUẨN 13. TUYỂN SINH VÀ NHẬP HỌC

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục

Hàng năm, tuyển sinh là công tác được trường đặc biệt chú trọng, công tác này được Trường xây dựng kế hoạch, chính sách cũng như tổ chức hoạt động truyền thông.

Về kế hoạch tuyển sinh, căn cứ Quyết định cho phép đào tạo trình độ đại học; sau đại học của Bộ GD&ĐT, quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT. Hiện nay, Trường ĐH Luật Tp.HCM đang tuyển sinh các trình độ đại học, sau đại học với nhiều loại hình đào tạo khác nhau: Gồm đào tạo chính quy văn bằng 1, chính quy văn bằng 2, vừa làm vừa học văn bằng 1, vừa làm vừa học văn bằng 2, đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.

Đối với tuyển sinh văn bằng 1 đại học chính quy:

Trong 05 năm, từ năm 2017 đến năm 2022, hoạt động tuyển sinh của trường được chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn 2017 – 2019, trường vẫn thực hiện tuyển sinh theo đề án riêng như giai đoạn trước đó, xét tuyển sơ bộ và tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực, theo đó, thí sinh phải đăng ký vào cơ sở dữ liệu của trường để thực hiện các công đoạn của xét tuyển sơ bộ (trên cơ sở lấy tỉ lệ 10% điểm học bạ và tỉ lệ 50% của điểm thi tốt nghiệp THPT đối với năm 2017 và lấy tỉ lệ 10% điểm học bạ và tỉ lệ 60% của điểm thi tốt nghiệp THPT đối với năm 2018, 2019 của tổ hợp dùng xét tuyển), sau đó nếu đạt sẽ thực hiện bài kiểm tra đánh giá năng lực, kết quả trúng tuyển sẽ là tỉ lệ 10% điểm học bạ, tỉ lệ 50% của điểm thi tốt nghiệp THPT và tỉ lệ 40% đối với năm 2017 và tỉ lệ 10% điểm học bạ, tỉ lệ 60% của điểm thi tốt nghiệp THPT và tỉ lệ 30% đối với năm 2018, 2019 của điểm bài KTĐG năng lực; Giai đoạn 2020 đến 2021, trường thực hiện tuyển sinh theo kỳ xét tuyển chung của Bộ GD&ĐT – sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia (sau này là kết quả thi tốt nghiệp THPT) để xét tuyển, theo đó, thí sinh sẽ đăng ký trên cổng thông tin tuyển sinh quốc gia và thực hiện các công đoạn tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT. Phạm vi tuyển sinh trong cả nước.

Ở mỗi năm tuyển sinh, Trường ĐH Luật Tp.HCM đều xây dựng đề án tuyển sinh [H13.13.01.01], đồng thời chủ động bám sát kế hoạch, thời gian tuyển sinh của Bộ GD&ĐT để xây dựng kế hoạch tuyển sinh riêng của trường [H13.13.01.02] để công tác tuyển sinh được thực hiện thuận lợi và phù hợp với kế hoạch chung toàn quốc. Trong các Kế hoạch tuyển sinh, Trường xác định thời gian cụ thể và phân công nhiệm vụ cho từng đơn vị trong hoạt động tuyển sinh, đồng thời, thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc của Hội đồng tuyển sinh để thực hiện nhiệm vụ [H13.13.01.03].

Đối với tuyển sinh trình độ đại học vừa làm vừa học, văn bằng 2 chính quy, sau đại học: ới mỗi loại hình đào tạo trình độ đại học và đào tạo trình độ sau đại học, hằng năm, Trường ĐH Luật Tp.HCM cũng đều xây dựng đề án tuyển sinh [H13.13.01.01]. Căn cứ

vào chỉ tiêu hàng năm được xây dựng trên các tiêu chí do Bộ GD&ĐT ban hành, các đơn vị quản lý đào tạo sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch tuyển sinh riêng cho từng loại hình đào tạo, phát hành thông báo tuyển sinh theo đợt (tùy thuộc vào chỉ tiêu và đối tượng đăng ký dự thi) và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy chế đào tạo hiện hành của từng loại hình và trình độ đào tạo. Trong kế hoạch tuyển sinh, trường cũng xác định thời gian cụ thể và phân công nhiệm vụ cho từng đơn vị/cá nhân đối với công tác tuyển sinh **[H13.13.01.02]**, đồng thời, nhà trường cũng thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh **[H13.13.01.02]**.

Về chính sách tuyển sinh:

Đối với tuyển sinh văn bằng 1 đại học chính quy:

Để thực hiện công tác tuyển sinh, lựa chọn được người học có chất lượng, ngoài các chính sách về chế độ ưu tiên, chính sách học bổng, học phí... theo quy định của quy chế tuyển sinh và của trường, nhà trường đã cụ thể hóa chính sách tuyển sinh của mình qua việc quy định các điều kiện cụ thể:

Thứ nhất, nhà trường phân bổ chỉ tiêu cho từng phương thức tuyển sinh; phân bổ chỉ tiêu cụ thể cho từng ngành và tỷ lệ % chỉ tiêu dự kiến cho từng tổ hợp môn thi; chính sách này đảm bảo sự công khai, minh bạch và công bằng trong xét tuyển. Dựa trên kết quả của thí sinh, căn cứ theo tỷ lệ % chỉ tiêu đã phân bổ, hội đồng tuyển sinh của trường lấy điểm thí sinh từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu như dự kiến ban đầu đã công bố trong đề án tuyển sinh.

Thứ hai, nhà trường lựa chọn các tổ hợp môn thi dùng để xét tuyển theo từng năm và có cập nhật theo từng thời điểm; các tổ hợp môn thi này đảm bảo về mục tiêu của nhà trường về tăng cường ngoại ngữ nhưng vẫn chú trọng đến các tổ hợp môn xét tuyển truyền thống, đảm bảo quyền lợi của thí sinh và trách nhiệm cộng đồng của nhà trường đối với xã hội;

Đối với tuyển sinh trình độ đại học vừa làm vừa học, văn bằng 2 chính quy, sau đại học: Để thực hiện công tác tuyển sinh, ngoài các chính sách về chế độ ưu tiên theo quy định của quy chế tuyển sinh, nhà trường đã thực hiện công bố công khai chính sách tuyển sinh như môn thi, chỉ tiêu, thời gian học tập, địa điểm học tập, điều kiện – cách

thức xét tuyển, điều kiện xét miễn môn ngoại ngữ, cách thức phỏng vấn...theo các điều kiện quy định của quy chế tuyển sinh từng loại hình cụ thể [H13.13.01.04].

Về truyền thông tuyển sinh:

Đối với tuyển sinh văn bằng 1 đại học chính quy: Để đưa thông tin tuyển sinh của nhà trường đến với thí sinh và gia đình thí sinh một cách đầy đủ nhất, nhà trường đã tiến hành truyền thông về hoạt động tuyển sinh của trường, về vị thế, về các điều kiện học tập và bảo đảm học tập, về chính sách học bổng, học phí, về việc làm sau tốt nghiệp... Từ trước năm 2017 các thông tin về tuyển sinh được nhà trường công khai trong “Những điều cần biết”, từ năm 2017 đến năm 2019, các thông tin về tuyển sinh được nhà trường công khai trong “Đề án tuyển sinh” theo từng năm của nhà trường. Từ năm tuyển sinh 2020, bên cạnh việc công khai “Đề án tuyển sinh”, hoạt động truyền thông về tuyển sinh của trường còn được đẩy mạnh ở việc (1) thành lập Trung tâm TVTS - đơn vị chuyên trách về truyền thông tư vấn tuyển sinh; (2) thực hiện truyền thông trên website chính; trên cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường, thực hiện truyền thông bằng chương trình cho SV các khóa về lại trường THPT; thực hiện truyền thông tại các ngày hội tư vấn tuyển sinh do các báo tổ chức; thực hiện truyền thông tại các chương trình tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT trên địa bàn Tp.HCM và tại các tỉnh; thực hiện truyền thông tại các ngày hội việc làm và tư vấn tuyển sinh tại trường; thực hiện truyền thông thông qua việc các trường THPT mời Trường ĐH Luật Tp.HCM về tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp; thực hiện truyền thông bằng việc đăng các bài viết quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng; các đoạn video clip ngắn; thực hiện truyền thông trên các trang fanpage của trường, trên các Group Facebook, Group Zalo, UH Chat, qua tổng đài tư vấn tuyển sinh, trực tuyến qua phần mềm Zoom, Live stream; các clip về tư vấn và phát trên nền tảng theo xu hướng như youtube, Tiktok; qua các sản phẩm truyền thông khác như Flyer, Brochure, Profile, Standee, Poster, Banner, Background, sổ tay, quà tặng... [H13.13.01.01], [H13.13.01.05], [H13.13.01.06].

Đối với tuyển sinh trình độ đại học vừa làm vừa học, văn bằng 2 chính quy, sau đại học: Cùng với việc truyền thông và tư vấn tuyển sinh trình độ đại học chính quy văn bằng 1, Trường ĐH Luật Tp.HCM cũng rất chú trọng truyền thông và tư vấn tuyển sinh đối với các loại hình đào tạo khác. Hằng năm, Trường công khai các thông tin tuyển sinh vừa làm vừa học, văn bằng 2 chính quy, sau đại học trong Đề án tuyển sinh của

trường. Song song đó, các thông tin tuyển sinh của hệ vừa làm vừa học, văn bằng 2 chính quy và sau đại học được nhà trường xây dựng kế hoạch truyền thông cụ thể, chi tiết và tổ chức truyền thông liên tục qua hoạt động tư vấn tổng đài điện thoại và các hình thức trực tuyến khác [H13.13.01.01], [H13.13.01.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo

Trường ĐH Luật Tp.HCM đặc biệt chú trọng về việc lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT bởi thực tiễn đào tạo cho thấy chất lượng đầu ra của mỗi trình độ đào tạo, ngành đào tạo, CTĐT có mối quan hệ tỉ lệ thuận với chất lượng tuyển sinh đầu vào, bao gồm các tiêu chí tuyển chọn và quá trình tuyển chọn đầu vào. Vì vậy, tùy theo mỗi trình độ đào tạo, loại hình và phương thức đào tạo, CTĐT mà hằng năm, Trường tổ chức các cuộc họp để xây dựng các tiêu chí thi tuyển, xét tuyển dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT và Đào tạo và theo nhu cầu của xã hội đối với các ngành học, các bậc học, các CTĐT trong trường nhằm thu hút và tuyển chọn được những thí sinh chất lượng. Các tiêu chí tuyển sinh được công khai rõ ràng; hình thức thi tuyển/ xét tuyển phù hợp, theo quy định [H13.13.01.01], [H13.13.01.04]. Đối với tuyển sinh các trình độ đại học, sau đại học nhà trường thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT đối với từng hình thức đào tạo, từng trình độ đào tạo. Nhà trường đã đưa ra những quy định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, tổ hợp tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và cách thức tuyển sinh.

Đối với tuyển sinh văn bằng 1 đại học chính quy: Từ năm 2016 cho đến năm tuyển sinh 2019, trường thực hiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển sơ bộ kết hợp với bài KTĐG năng lực. Thí sinh muốn thực hiện xét tuyển vào trường ĐH Luật Tp.HCM, ngoài việc đăng ký trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, thí sinh còn phải đăng ký trên cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường, kê khai các thông tin về điểm học bạ, điểm thi tốt nghiệp THPTQG. Căn cứ vào đề án tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của trường, sự phân bổ chỉ tiêu cho các ngành, tỷ lệ % chỉ tiêu của từng tổ hợp xét tuyển trong từng ngành mà hội đồng tuyển sinh trường sẽ cân nhắc để lựa chọn số thí sinh tham gia thực hiện KTĐG năng lực (không quá 300%). Tỷ lệ % điểm của các thành phần được Hội đồng tuyển sinh quyết định theo năm tùy theo tình hình thực tiễn của công tác

tổ chức thi tốt nghiệp THPTQG, công tác ra đề thi và nhu cầu xã hội đối với ngành nghề đào tạo. Điểm trúng tuyển của thí sinh sẽ = 10% điểm học bạ + 50% điểm thi TNTHPTQG + 40% điểm bài KTĐG năng lực + điểm ưu tiên (nếu có) đối với năm tuyển sinh 2017 và điểm trúng tuyển của thí sinh sẽ = 10% điểm học bạ + 60% điểm thi TNTHPTQG + 30% điểm bài KTĐG năng lực + điểm ưu tiên (nếu có) đối với năm tuyển sinh 2018, 2019. Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định mức điểm chuẩn của từng ngành, từng tổ hợp trên cơ sở các tiêu chí đã xác định cho đến hết chỉ tiêu dự kiến phân bổ cho từng ngành .

Từ năm 2020 đến nay, Trường áp dụng 02 phương thức xét tuyển để tuyển sinh trình độ đại học chính quy văn bằng 1, gồm:

Phương thức 1: xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng. Trong phương thức này, thí sinh được chia làm 03 đối tượng. Đối tượng 1: xét tuyển thẳng là các thí sinh có các điều kiện tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT Đối tượng 2: nhà trường thực hiện ưu tiên xét tuyển thẳng cho các thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật) hoặc SAT đạt chuẩn điểm theo quy định của trường + Điểm trung bình cộng 05 học kỳ THPT của tổ hợp xét tuyển vào ngành (trừ học kỳ 2 năm lớp 12) đạt tổng điểm từ 21 trở lên. Đối tượng 3: thí sinh là học sinh giỏi 03 năm THPT của các trường thuộc danh sách các trường được ưu tiên xét tuyển thẳng vào ĐHQG TP.HCM + Điểm trung bình cộng 05 học kỳ THPT của tổ hợp xét tuyển vào ngành (trừ học kỳ 2 năm lớp 12) đạt tổng điểm từ 21 trở lên. Thí sinh trúng tuyển khi đạt đủ các điều kiện quy định; trường hợp số thí sinh nhiều hơn số chỉ tiêu cần tuyển Hội đồng tuyển sinh sẽ lấy theo các tiêu chí phụ kèm theo tùy theo đối tượng cho đến hết chỉ tiêu dành cho phương thức này. Trường hợp không sử dụng hết sẽ chuyển chỉ tiêu sang cho phương thức 2.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT. Ở phương thức này, trường thực hiện xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT thông qua hệ thống phần mềm tuyển sinh của Bộ. Thí sinh phải đăng ký thi tốt nghiệp, đăng ký xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng (ngành sư phạm), tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT và sử dụng kết quả ấy để xét tuyển đại học. Các thí sinh được sắp xếp tự động trong phần mềm theo thứ tự điểm cao xuống điểm thấp, nguyện vọng xét tuyển vào ngành, vào trường để xét tuyển.

Điểm trúng tuyển được Hội đồng tuyển sinh xác định với tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào, đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh **[H13.13.01.01]**, **[H13.13.01.07]**.

Đối với loại hình đào tạo vừa làm vừa học, nhà trường thực hiện việc tuyển chọn người học thông qua hình thức thi tuyển 03 môn văn hoá (Văn học, Lịch sử, Địa lý). Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh phân bổ cho khoá học, hội đồng tuyển sinh trường sẽ cân nhắc điểm chuẩn phù hợp để lấy các thí sinh có kết quả đảm bảo yêu cầu chất lượng đào tạo của nhà trường. Để đổi mới công tác tuyển sinh, kể từ năm tuyển sinh 2016 nhà trường thay đổi hình thức tuyển sinh đối với loại hình đào tạo này từ thi tuyển sang xét tuyển và đưa ra những tiêu chí cụ thể cho người tham gia xét tuyển. Với tiêu chí chương trình đào tạo, đội ngũ GV, công tác giảng dạy, thi cử được thực hiện như hệ chính quy thì việc lựa chọn người học theo quy chế xét tuyển phù hợp với xu hướng chung của giáo dục hiện đại;

Đối với loại hình đào tạo văn bằng 2 chính quy, nhà trường vẫn thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của loại hình này cho đến trước năm tuyển sinh 2020; Tổ chức thi 02 môn, gồm Đại cương văn hoá Việt Nam và Luật Hiến pháp. Hội đồng tuyển sinh căn cứ trên số thí sinh dự thi, số điểm thí sinh đạt được và chỉ tiêu tuyển sinh để quyết định điểm chuẩn của từng khoá thi; Năm tuyển sinh 2021, tuyển sinh đợt 1, nhà trường thực hiện việc tuyển sinh qua xét hồ sơ (do điều kiện dịch bệnh bùng phát căng thẳng); ở tuyển sinh đợt 2, căn cứ vào số lượng thí sinh nộp hồ sơ và chỉ tiêu còn lại, nhà trường sẽ thực hiện việc thi tuyển hoặc xét tuyển **[H13.13.01.04]**.

Đối với loại hình đào tạo sau đại học, nhà trường cũng thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của loại hình này cho đến trước năm tuyển sinh 2020; Tổ chức thi 03 môn đối với trình độ thạc sĩ, gồm môn cơ bản, môn cơ sở ngành và môn ngoại ngữ. Người dự thi có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Trường được miễn thi môn ngoại ngữ trong một số trường hợp **[H13.13.01.04]**. Điểm trúng tuyển trình độ thạc sĩ được xác định là: Điểm trúng tuyển = Điểm thi môn Cơ bản + Điểm thi môn Cơ sở ngành và điểm thi môn Ngoại ngữ phải đạt từ 50/100 điểm trở lên. Điểm trúng tuyển được Hội đồng tuyển sinh xác định với tiêu chí đảm bảo chất lượng, đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh và được lấy từ điểm cao xuống điểm thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu tuyển sinh. Đối với năm tuyển sinh 2021, do tình hình đặc biệt của dịch bệnh, nhà trường đã chuyển đổi hình thức thi sang xét duyệt hồ sơ + kiểm tra trình độ ngoại

ngữ và phỏng vấn trực tiếp người dự thi. Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, các ban giúp việc và các hội đồng phỏng vấn theo từng ngành học để phỏng vấn người dự tuyển. Trên cơ sở các tiêu chí, hội đồng tuyển sinh sẽ cân nhắc lựa chọn các ứng viên đủ điều kiện để tham dự khoá học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học

Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường về công tác tuyển sinh, nhập học; Nhằm đảm bảo khách quan, minh bạch các khâu trong công tác tuyển sinh (như thi tuyển, chấm thi, xét tuyển...) cũng như kiểm soát tiến độ và chất lượng công tác tuyển sinh và nhập học. Trường đã xây dựng các quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học như sau:

Đối với tuyển sinh văn bằng 1 đại học chính quy:

Từ năm tuyển sinh 2017 đến năm tuyển sinh 2019, nhà trường thực hiện phương thức tuyển sinh xét tuyển sơ bộ kết hợp bài KTĐG năng lực đặc thù của trường. Phòng đào tạo đã xây dựng và ban hành các văn bản phục vụ từng giai đoạn của kỳ thi, trong đó có hoạt động giám sát các khâu, các giai đoạn trong quá trình thực hiện công tác tuyển sinh. Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Trường đều thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc của Hội đồng trong đó có Ban Thanh tra. Ban Thanh tra có nhiệm vụ kiểm tra và giám sát các hoạt động trong kỳ tuyển sinh, bao gồm công tác tiếp nhận, xử lý hồ sơ, học bạ; công tác xét đủ điều kiện tham gia kỳ KTĐG năng lực; công tác coi thi, chấm thi, lên điểm và phúc khảo KTĐG năng lực; cùng Hội đồng tuyển sinh giám sát công tác xét tuyển duyệt điểm chuẩn của kỳ thi;

Từ năm tuyển sinh 2020 đến nay, Trường thay đổi phương thức tuyển sinh, không tiếp tục sử dụng phương thức tuyển sinh xét tuyển sơ bộ kết hợp bài kiểm tra đánh giá năng lực mà chuyển sang sử dụng 02 phương thức song song, đó là Phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng và Phương thức dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển. Căn cứ theo tình hình mới, công tác tuyển sinh đã được tin học hóa, do vậy, trường lựa chọn đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về tin học để thực hiện các thao tác trong công tác tuyển sinh và theo dõi hoạt động xét tuyển của kỳ thi.

Quy trình giám sát tuyển sinh: từ năm tuyển sinh 2017 đến năm tuyển sinh 2019, do trường tổ chức theo phương thức tuyển sinh riêng nên quá trình tuyển sinh được thực hiện và giám sát như sau:

Hội đồng tuyển sinh thực hiện việc xét tuyển thẳng một số trường hợp theo các tiêu chí Bộ GD&ĐT đã quy định (đạt giải quốc tế, quốc gia...). Nhìn hoạt động giám sát từ phía nội bộ nhà trường, Hội đồng tuyển sinh đã tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực với quy trình tổ chức rất nghiêm ngặt để đảm bảo tính chính xác, công bằng và đảm bảo kết quả tin cậy. Công tác sắp xếp phòng thi, in sao đề thi, tổ chức coi thi và tổ chức chấm thi được lên kế hoạch chi tiết, thực hiện nghiêm ngặt và giám sát chặt chẽ, phân công cho từng cá nhân phụ trách và chịu trách nhiệm trước Hội đồng tuyển sinh và nhà trường. Kỳ thi đánh giá năng lực được giám sát chặt chẽ bởi Hội đồng tuyển sinh, Ban thanh tra tuyển sinh của kỳ thi. Các Trưởng, phó điểm thi, thư ký điểm thi và các cán bộ coi thi đều được tập huấn kỹ càng về công tác tổ chức kỳ thi và quy chế thi, có hướng dẫn cụ thể của Hội đồng về thực hiện các công việc trong buổi thi GD&ĐT.

Đối với giám sát của cơ quan bên ngoài, công tác in sao đề thi, áp tải đề thi đến điểm thi, công tác hỗ trợ trật tự của buổi thi, công tác chấm thi, lên kết quả thi, lưu trữ dữ liệu điểm của kỳ thi..., ngoài sự giám sát chặt chẽ bởi Thanh tra nội bộ, cán bộ được phân công của trường, còn có sự tham gia và giám sát chặt chẽ của cán bộ an ninh do Công an Tp.HCM cử đến và công an Phường nơi trường đặt trụ sở thực hiện đảm bảo an toàn kỳ thi **[H13.13.03.01]**.

Từ năm 2020 đến nay, Trường thay đổi phương thức tuyển sinh mới nên hoạt động giám sát cũng có thay đổi theo các đối tượng của từng phương thức tuyển sinh. Ở Phương thức xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp, thí sinh hoàn toàn đăng ký dự tuyển, xét tuyển trực tuyến một cách thuận lợi và minh bạch dựa trên Hệ thống quản lý thi và tuyển sinh chung của cả nước. Do đó, việc giám sát xét tuyển đại học ngay từ việc lọc dữ liệu trên hệ thống, xác định các phương án, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điểm trúng tuyển được giám sát chặt chẽ từng khâu, khi Ban thư ký và Tổ xử lý dữ liệu tuyển sinh khai thác số liệu, lọc ảo, xác định ngưỡng điểm, chuyển dữ liệu chạy lọc ảo về máy chủ của Bộ GD&ĐT và Đào tạo, xuất dữ liệu về điểm và số lượng thí sinh dự kiến trúng tuyển sau mỗi lần lọc ảo... đều có sự giám sát của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng, tập thể lãnh đạo trường, tổ xử lý thông tin truyền thông và tổ kỹ thuật **[H13.13.01.02]**.

Đối với Phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng, nhà trường thành lập bộ phận tiếp nhận và nhập điểm học bạ của thí sinh, bộ phận kiểm tra rà soát việc nhập dữ liệu; xây dựng một phần mềm chuyên dụng để xét tuyển, được vận hành bởi tổ chuyên gia về tin học và được giám sát chặt chẽ bởi thường trực Hội đồng tuyển sinh. Tất cả các hoạt động tuyển sinh chịu sự hậu kiểm của Phòng thanh tra nội bộ của Trường theo kế hoạch của Hiệu trưởng **[H13.13.03.02]**.

Quy trình giám sát việc nhập học: Để việc nhập học được nhanh nhất, tạo thuận lợi nhất cho SV khi đến nhập học, các năm tuyển sinh từ 2017 đến 2020 sau khi có kết quả trúng tuyển đại học, Phòng CTSV của trường xây dựng kế hoạch nhập học cụ thể cho SV. Trong kế hoạch, nhà trường có cụ thể hóa các nội dung như: thời gian nhập học, phân công nhiệm vụ các đơn vị trong ngày nhập học, thủ tục nhập học và quy trình nhập học **[H13.13.03.03]**. Đồng thời, để việc tổ chức nhập học được thuận lợi, Trường tiến hành thông báo cho từng cá nhân SV trong tài khoản thư điện tử được SV cung cấp; trên hệ thống xem điểm của nhà trường và thông tin cụ thể trên các trang tin điện tử của trường, trong đó thể hiện rõ các danh mục hồ sơ mà SV cần chuẩn bị và quy trình nhập học trước khi SV đến trường nhập học. Để công tác nhập học được nhanh chóng, trường đã tích hợp số lượng thí sinh trúng tuyển cùng với thông tin thí sinh trúng tuyển trên hệ thống phần mềm của trường, liên thông qua nhiều bộ phận khác nhau, qua đó giúp cho việc khai thác dữ liệu khi nhập học được thuận lợi và trong quá trình nhập có thể kiểm tra, giám sát chéo nhau. Năm 2021, nhà trường thực hiện tất cả các bước, đồng thời tiến hành nhập học cho SV đại học chính quy bằng hình thức trực tuyến. Với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm, việc tổ chức nhập học cho SV được trường thực hiện theo quy trình khép kín, ở mỗi khâu trong quy trình nhập học đều có sự giám sát Ban Chỉ đạo, Ban tổ chức đón tiếp nhập học, bộ phận công nghệ thông tin.

Quy trình giám sát tuyển sinh: Đối với loại hình đào tạo vừa làm vừa học, kể từ năm 2017 đến nay, trường thực hiện phương thức tuyển sinh là xét tuyển đối với những người tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. Quá trình xét tuyển được giám sát bởi hội đồng xét tuyển nhà trường, được hậu kiểm bởi Phòng thanh tra nội bộ nhà trường **[H13.13.03.02]**;

Đối với loại hình văn bằng 2 chính quy, từ năm 2017 đến năm 2020, nhà trường thực hiện thi tuyển sinh 02 môn đối với các thí sinh tham dự kỳ thi. Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban đề thi, Ban thư ký, Ban coi thi, Ban thanh tra, Ban chấm thi,

Ban phúc khảo (nếu có) để thực hiện và giám sát công tác tuyển sinh của kỳ tuyển sinh văn bằng 2 chính quy. Tất cả các quy trình thực hiện công việc đều được thực hiện nghiêm ngặt, có sự giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy chế của Bộ GD&ĐT **[H13.13.01.03]**.

Từ năm 2017 đến năm 2020, Trường ĐH Luật Chí Minh tổ chức tuyển sinh trình độ thạc sỹ với hình thức thi tuyển. Đối với công tác chuẩn bị trước kỳ thi tuyển sinh, việc xét duyệt danh sách thí sinh đăng ký dự thi, lập - công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, sắp xếp phòng thi đều được Hội đồng tuyển sinh và Ban thanh tra giám sát chặt chẽ. Việc ra đề thi, bóc thăm và in sao đề thi, bàn giao đề thi; tập huấn thi, tổ chức coi thi, đánh phách - rọc phách, tổ chức chấm thi, được Trường lên kế hoạch chi tiết, phân công cụ thể cho từng cá nhân và thực hiện nghiêm ngặt từng khâu theo đúng quy trình và đảm bảo tính bảo mật với sự giám sát của Ban Thanh tra tuyển sinh và Cán bộ an ninh do Công an Tp.HCM cử đến tham gia vào kỳ thi **[H13.13.01.03]**.

Năm 2021, thực hiện quy chế tuyển sinh trình độ thạc sỹ mới, số 752/QĐ-ĐHL do Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Tp.HCM ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2021, trường tiến hành tổ chức xét tuyển đối với người học. Tuy nhiên, để đảm bảo sự công bằng, nghiêm túc và khách quan của kỳ xét tuyển, nhà trường vẫn thành lập đầy đủ các bộ phận để thực hiện và giám sát quá trình tuyển sinh, gồm Hội đồng tuyển sinh, Ban thanh tra, Ban thư ký, Ban đề thi, Ban coi thi, Hội đồng phỏng vấn thí sinh để tổ chức kỳ kiểm tra trình độ ngoại ngữ và thực hiện phỏng vấn đối với từng thí sinh **[H13.13.01.03]**.

Quy trình giám sát nhập học: Sau khi có kết quả trúng tuyển đối với tuyển sinh trình độ đại học vừa làm vừa học, văn bằng 2 chính quy, sau đại học, các Phòng quản lý chức năng đều tổ chức phân công trong công tác nhập học cho người học. Trong phân công, có cụ thể hóa các nội dung như thời gian nhập học, phân công nhiệm vụ cho các cá nhân, đơn vị phối hợp trong ngày nhập học, thủ tục nhập học và quy trình nhập học **[H13.13.03.03]**. Đồng thời, để việc tổ chức nhập học được thuận lợi, trường thực hiện thông báo trước quy trình nhập học và danh mục các hồ sơ mà người học cần chuẩn bị để nhập học. Quá trình nhập học chịu sự giám sát của Ban chỉ đạo và lãnh đạo các đơn vị chức năng.

Có thể nói, việc giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được nhà trường thực hiện ngay từ các khâu đầu tiên của quy trình. Các hoạt động ở mỗi khâu trong quy trình đều

được phân công phân nhiệm cụ thể, rõ ràng cho các cá nhân, đơn vị phụ trách, chịu trách nhiệm, có sự tham gia kiểm tra, giám sát không chỉ các bộ phận hoặc đơn vị nội bộ trường mà còn có cả các đơn vị chuyên trách ngoài trường như an ninh thuộc công an Tp.HCM.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

Đối với tuyển sinh văn bằng 1 đại học chính quy:

Biện pháp giám sát tuyển sinh: Trong hoạt động tuyển sinh, tùy vào phương thức tuyển sinh mà trường áp dụng, từ đó trường mới có các biện pháp tổ chức việc giám sát cụ thể. Từ năm tuyển sinh 2017 đến năm tuyển sinh 2019, nhà trường thực hiện phương thức tuyển sinh xét tuyển sơ bộ kết hợp bài KTĐG năng lực đặc thù của trường. Trường sử dụng Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc của Hội đồng để kiểm tra, giám sát. Ban thanh tra được Hiệu trưởng thành lập, hoạt động độc lập với Hội đồng tuyển sinh, cùng với Hội đồng tuyển sinh và các Ban chuyên môn kiểm tra, giám sát các khâu trong quá trình tuyển sinh. Ngoài ra, trong các Ban chuyên môn giúp việc cho Hội đồng đều có sự tham gia của các cán bộ công an thuộc lực lượng an ninh văn hóa công an Tp.HCM để kiểm tra và giám sát trực tiếp các hoạt động trong kỳ tuyển sinh, như công tác coi thi, chấm thi, lên điểm và phúc khảo KTĐG năng lực; Từ năm 2020 đến nay, Trường thay đổi phương thức tuyển sinh mới nên biện pháp giám sát cũng có thay đổi theo phương thức tuyển sinh. Ở Phương thức xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp, do tính đảm bảo từ các quy trình tuyển sinh chặt chẽ của Bộ GD&ĐT và Đào tạo mà trường chỉ sử dụng đội ngũ nội bộ trong trường để thực hiện các biện pháp kiểm tra giám sát. Trường thành lập các tổ công tác để thực hiện các hoạt động tuyển sinh (như tham gia các giai đoạn lọc ảo, dự kiến điểm chuẩn, định điểm chuẩn và chuyển dữ liệu lên hệ thống của Bộ...), để đảm bảo các tiêu chí tuyển sinh được thực hiện chính xác theo quyết định của hội đồng tuyển sinh, Hội đồng cử Ủy viên thường trực hội đồng trực tiếp theo dõi và chỉ đạo mọi hoạt động của tổ công tác xét tuyển; Hội đồng thường trực và tham gia vào tất cả các khâu trong quá trình cho đến khi quyết định điểm chuẩn và nhận về danh sách trúng tuyển từ Bộ GD&ĐT và Đào tạo. Đối với Phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng, nhà trường cũng thành lập bộ phận tiếp nhận và nhập điểm học bạ của thí sinh, bộ phận kiểm tra rà soát việc nhập dữ liệu; Xây dựng một phần mềm chuyên dụng

để xét tuyển, được vận hành bởi tổ chuyên gia về tin học và được giám sát chặt chẽ bởi thường trực Hội đồng tuyển sinh. Tất cả các hoạt động tuyển sinh chịu sự hậu kiểm của Phòng thanh tra nội bộ của Trường theo kế hoạch của Hiệu trưởng **[H13.13.03.02]**, **[H13.13.01.07]**.

Biện pháp giám sát việc nhập học: Để đảm bảo công tác nhập học diễn ra nhanh chóng và đúng quy trình đã xây dựng, tránh sai sót, gây phiền hà cho SV. Biện pháp đầu tiên là việc trường công khai thời gian, địa điểm và thủ tục nhập học cho SV biết trước để chuẩn bị trước khi đến nhập học; Biện pháp thứ hai là tin học hóa trong quá trình nhập học, trường cho cập nhật dữ liệu SV vào hệ thống riêng của trường, tổ chức chia SV theo buổi để thực hiện nhập học, trong quá trình nhập học có sự kiểm tra giám sát chéo của các đơn vị trên cùng hệ thống (ví dụ quy trình năm 2020 SV được tiếp đón tại hội trường nghe phổ biến, tiếp đến nhận và khai hồ sơ, nhận lịch học, tiếp đến kiểm tra điểm trúng tuyển nhờ ưu tiên, tiếp đến chụp hình làm thẻ SV, thư viện, tiếp đến đóng học phí, BHYT, nhập học kết thúc). Biện pháp thứ ba là các bộ phận và đơn vị có liên quan phải đảm bảo trực xử lý công việc, các thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức phải tham gia trực tiếp và thường xuyên túc trực tại địa điểm nhập học để giải quyết cũng như chỉ đạo giải quyết công việc nhanh chóng **[H13.13.03.03]**.

Đối với tuyển sinh trình độ đại học vừa làm vừa học, văn bằng 2 chính quy, sau đại học:

Biện pháp giám sát tuyển sinh: Đối với loại hình đào tạo vừa làm vừa học, biện pháp giám sát tuyển sinh được thực hiện trực tiếp bởi Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc trong quá trình nhận, xét duyệt, công bố danh sách trúng tuyển và gọi nhập học **[H13.13.01.03]**;

Đối với loại hình văn bằng 2 chính quy, biện pháp giám sát trong tuyển sinh gồm (1) thực hiện trực tiếp thông qua Hội đồng tuyển sinh, các Ban giúp việc của hội đồng; (2) sử dụng Ban thanh tra trong thực hiện kiểm tra giám sát việc tuân thủ quy chế của Bộ GD&ĐT và Đào tạo và của Trường **[H13.13.01.03]**.

Đối với loại hình sau đại học: tất cả các khâu trong kỳ tuyển sinh đều được kiểm tra, giám sát chặt chẽ và trực tiếp thông qua (1) sự giám sát của Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc của Hội đồng (có sự tham gia của đơn vị an ninh văn hóa), (2) Ban Thanh tra tuyển sinh **[H13.13.01.03]**.

Ngoài ra, tất cả các hoạt động tuyển sinh này còn được hậu kiểm bởi Phòng thanh tra nội bộ nhà trường [H13.13.03.02];

Biện pháp giám sát nhập học, Trường thực hiện một số biện pháp sau: (1) công khai thời gian, địa điểm và thủ tục nhập học cho người học biết trước để chuẩn bị trước khi đến nhập học; (2) tin học hóa trong quá trình nhập học, cập nhật dữ liệu học viên vào hệ thống riêng của trường có bộ phận công nghệ thông tin và lãnh đạo các đơn vị kiểm tra, theo dõi.

Có thể nói, bằng việc tham gia trực tiếp của các thành phần có liên quan, việc giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được nhà trường thực hiện ngay từ khâu đầu tiên của quy trình. Các hoạt động ở mỗi khâu trong quy trình đều được phân công phân nhiệm cụ thể, rõ ràng cho các cá nhân, đơn vị phụ trách, chịu trách nhiệm, có sự tham gia kiểm tra, giám sát không chỉ các bộ phận hoặc đơn vị nội bộ trường mà còn có cả các đơn vị chuyên trách ngoài trường như an ninh thuộc công an Tp.HCM nên hoạt động tuyển sinh và nhập học của nhà trường trong giai đoạn 2017 – 2022 đều đạt kết quả tốt, tuyển được người học có chất lượng với ngưỡng điểm đầu vào ngày càng cao. Hoạt động tuyển sinh và nhập học của trường được thực hiện nghiêm túc, chất lượng và không có bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến công tác tuyển sinh và nhập học của trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả

Để đảm bảo việc tuyển đúng, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra cũng như tuyển được những người học có chất lượng, nhà trường quan tâm và thường xuyên có các giải pháp cải tiến các quy trình tuyển sinh và nhập học, cải tiến các phương thức tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh cũng như cải tiến các khâu quảng bá, truyền thông tuyển sinh;

Thứ nhất, căn cứ tình hình thực tiễn, nhu cầu xã hội mà nhà trường có sự cải tiến điều chỉnh phương thức tuyển sinh hoặc các tiêu chí trong phương thức cho phù hợp trong mỗi từng năm tuyển sinh; Từ những năm tuyển sinh 2016 đến năm tuyển sinh 2019, phương thức tuyển sinh của trường là xét tuyển sơ bộ kết hợp với KTĐG năng lực; Trong phương thức có quy định tỷ lệ % của mỗi tiêu chí trong điểm trúng tuyển (gồm 20% điểm học bạ, 60% điểm thi THPTQG và 20% điểm bài KTĐG năng lực đối

với năm 2016; 10% điểm học bạ, 50% điểm thi THPTQG và 40% điểm bài KTĐG năng lực đối với năm 2017 và 10% điểm học bạ, 60% điểm thi THPTQG và 30% điểm bài KTĐG năng lực đối với năm 2018, 2019). Qua quá trình thực hiện năm đầu tiên, ở các năm tiếp theo, căn cứ vào các yếu tố tác động liên quan, nhà trường đều có sự thay đổi để điều chỉnh tỷ lệ giữa các tiêu chí này nhằm đạt mục tiêu cao nhất trong đánh giá thí sinh, tuyển được các thí sinh có chất lượng nhất.

Bảng 13.5.1 Tỷ lệ % của mỗi tiêu chí trong điểm trúng tuyển

Năm	Tỷ lệ			Ghi chú
	Điểm học bạ	Điểm thi tốt nghiệp THPT	Điểm bài kiểm tra năng lực	
2016	20%	60%	20%	
2017	10%	50%	40%	
2018	10%	60%	30%	
2019	10%	60%	30%	

Từ năm tuyển sinh 2020, nhà trường tiếp tục cải tiến Phương thức tuyển sinh vì nhận thấy Phương thức tuyển sinh cũ không còn phù hợp trong việc lựa chọn và đánh giá thí sinh; phát sinh những bất cập như: tính phổ quát của bài kiểm tra năng lực cho tất cả các ngành nghề đào tạo của trường (vì khi xây dựng đề thi chỉ chú trọng khối ngành Luật, còn các ngành Ngôn ngữ Anh, QTKD lại không có câu hỏi chuyên biệt và cũng không thể thực hiện vì mỗi thí sinh có nhiều nguyện vọng vào ngành khác nhau...), quy trình quản lý và tổ chức xây dựng đề thi theo quy định mới của Bộ GD&ĐT và Đào tạo chặt chẽ và khó hơn, chưa phù hợp với điều kiện và tình hình của trường, việc tổ chức thêm một kỳ thi gây tốn kém cho thí sinh, cho nhà trường và chưa thực sự hợp lý nhất... Vì các lý do đó, lãnh đạo nhà trường đã quyết định thay đổi phương thức tuyển sinh từ Phương thức xét tuyển sơ bộ và thực hiện bài KTĐG năng lực sang 02 Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng và Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT. Tuy nhiên, sau năm đầu tiên thực hiện, với những đánh giá và phân tích trong các cuộc họp tuyển sinh, sự phản hồi từ phía đơn vị Quản lý đào tạo, nhà

trường tiếp tục có những điều chỉnh các tiêu chí trong phương thức. Điển hình như việc tăng tỷ lệ % cho các thí sinh thuộc diện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng từ 25% năm 2020 lên 35% năm 2021.

Bảng 13.5.2 Tỷ lệ % cho các thí sinh thuộc diện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng

Năm	Phương thức	Thay đổi tỷ lệ % giữa các phương thức	Thay đổi các tiêu chí trong phương thức
2020	<p>Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng;</p> <p>Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT.</p>	<p>Phương thức 1: tối đa 25% tổng chỉ tiêu;</p> <p>Phương thức 2: tối thiểu 75% tổng chỉ tiêu.</p>	<p>Về xét tuyển thẳng đối với các thí sinh diện ưu tiên xét tuyển thẳng, cụ thể:</p> <p>IELTS ≥ 6.0 hoặc TOEFL ≥ 70 điểm;</p> <p>DELTA $\geq B2$ hoặc TCF ≥ 450 điểm;</p> <p>JLPT $\geq N3$ (từ 130/180 điểm);</p> <p>SAT $\geq 1100/1800$ điểm hoặc từ 1450/2400 điểm.</p>
2021	<p>Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng;</p> <p>Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT.</p>	<p>-</p> <p>Phương thức 1: tối đa 35% tổng chỉ tiêu;</p> <p>-</p> <p>Phương thức 2: tối thiểu 65% tổng chỉ tiêu.</p>	<p>Về xét tuyển thẳng đối với các thí sinh diện ưu tiên xét tuyển thẳng, cụ thể:</p> <p>IELTS ≥ 5.0 hoặc TOEFL ≥ 65 điểm;</p> <p>DELTA $\geq B1$ hoặc TCF ≥ 300 điểm;</p> <p>JLPT $\geq N3$;</p> <p>SAT $\geq 1100/1800$ điểm.</p>

Thứ hai, trong công tác tuyển sinh, dù ở bất kỳ phương thức xét tuyển nào nhà trường cũng có sự rà soát, điều chỉnh những vấn đề chưa phù hợp theo từng năm ở các tiêu chí trong phương thức để đảm bảo mục tiêu tuyển được những thí sinh có chất lượng, phù hợp thực tiễn và đảm bảo đủ chỉ tiêu tuyển sinh, điển hình như thay đổi tiêu chí về các môn trong tổ hợp xét tuyển; trong năm tuyển sinh 2017 nhà trường đã đưa vào xét tuyển các tổ hợp mới có môn Giáo dục công dân (như tổ hợp D66, D69, D70; D84, D87, D88); thay đổi tiêu chí về xét tuyển thẳng đối với các thí sinh diện ưu tiên xét tuyển thẳng (năm 2020 tiêu chí xét tuyển thẳng đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tiếng Anh là IELTS từ 6.0, hoặc TOEFL IBT ≥ 70 điểm. Tiếng Pháp là DELF B2 hoặc TCF ≥ 450 điểm, Tiếng Nhật JLPT $\geq N3$ (từ 130/180) trở lên. SAT $\geq 1100/1600$ điểm hoặc $\geq 1450/2400$ điểm. Tuy nhiên, sau năm đầu tiên áp dụng và sự nghiên cứu, phản biện từ nhiều phía, việc áp dụng chuẩn đầu vào như vậy là quá cao, không thu hút được số thí sinh có nền tảng ngoại ngữ vào học. Năm 2021, trường đã điều chỉnh các tiêu chí của đối với đối tượng này theo hướng mở rộng hơn với chuẩn tiếng Anh là IELTS 5.0 hoặc TOEFL IBT ≥ 65 điểm, Tiếng Pháp là DELF B1 hoặc TCF ≥ 300 , Tiếng Nhật là chứng chỉ JLPT từ N3 trở lên nhưng không quy định giới hạn điểm đạt được của chứng chỉ, SAT chỉ còn lấy một thang điểm là $\geq 1100/1600$ điểm. Như đã đề cập ở trên, song song đó, trường đã tăng chỉ tiêu dành cho đối tượng này. Kết quả, số lượng thí sinh nộp theo diện này đã tăng gấp 2.5 lần so với năm 2020;

Thứ 3, đối với loại hình đào tạo vừa làm vừa học, văn bằng hai chính quy, sau đại học tùy thuộc vào quy chế tuyển sinh và quy định của Bộ GD&ĐT mà trường cũng có những cải tiến cho phù hợp. Điển hình là sự thay đổi phương thức từ thi tuyển sang xét tuyển của loại hình vừa làm vừa học, văn bằng hai chính quy hoặc sau đại học. Ví dụ như ở trình độ thạc sĩ, năm học 2021-2022, nhà trường đã căn cứ sự cho phép của quy chế để chuyển đổi phương thức từ thi tuyển sang xét tuyển, kết hợp kiểm tra ngoại ngữ và phỏng vấn trực tiếp thí sinh **[H13.13.01.01]**, **[H13.13.01.04]**.

Thứ 4 ở lĩnh vực truyền thông cho tuyển sinh, ở giai đoạn 2017 – 2019 cũng như các giai đoạn trước đó, truyền thông tư vấn tuyển sinh cũng đã được thúc đẩy bằng nhiều hoạt động, nhiều biện pháp để thu hút người học như các chương trình về trường, đăng quảng cáo, đăng thông tin trên website, tư vấn trực tiếp tại các ngày hội. Có thể đánh giá công tác truyền thông được thực hiện trong giai đoạn này khá tốt nhưng hoạt động truyền

thông bị xé nhỏ, manh mún, và nhiều đơn vị cùng thực hiện một mảng nhỏ nên chưa đầy đủ, chỉ tập trung cho hệ chính quy văn bằng 1 mà bỏ qua các hình thức và trình độ đào tạo khác, do vậy thiếu đi tính hệ thống và thiếu chuyên nghiệp. Tháng 4 năm 2020, Trường thành lập đơn vị chuyên trách về công tác truyền thông tuyển sinh, tạo sự đột phá và theo đúng xu thế phát triển chung của các trường đại học. Kể từ đó, các hoạt động truyền thông cho tuyển sinh đã có một bước chuyển biến rõ nét, các hoạt động truyền thông được thống nhất đầu mối, các hoạt động được rà soát, đánh giá và tiếp tục tổ chức ở quy mô lớn hơn, sâu và rộng hơn. Ngoài các hình thức truyền thông cũ như tư vấn trực tiếp, qua tổng đài, các chương trình về trường THPT, quảng cáo trên báo, màn hình quảng cáo ngoài trời... thì hoạt động truyền thông được thay đổi mạnh trên không gian mạng, đó là việc sản xuất các chương trình tư vấn mùa thi trực tuyến trên mạng xã hội, các chương trình livestream trực tiếp trên youtube, trên mạng xã hội Facebook, các chương trình trò chuyện cùng chuyên gia... thu hút một lượng lớn thí sinh và phụ huynh tham gia tương tác; đó là việc xây dựng vài chục các video clip hướng dẫn, giới thiệu, chia sẻ kinh nghiệm ôn tập, thi cử, giới thiệu môi trường học tập, nghiên cứu, CSVN, ngành nghề... được sự hưởng ứng nhiệt liệt từ các bạn học sinh; đó là việc xây dựng các tuyển bài viết, tài liệu, hình ảnh trực quan cho người học tìm hiểu một cách dễ dàng, nhanh chóng... thể hiện qua lượt truy cập và tiếp cận đến hàng vài trăm ngàn lượt; đó là việc xây dựng các nhóm Chat trên mạng xã hội dành cho đối tượng học sinh giao lưu và chia sẻ thông tin chính thống về công tác tuyển sinh, các nhóm này thu hút gần 15 ngàn thành viên mỗi năm. Hoạt động truyền thông được mở rộng sang cho các hình thức và trình độ đào tạo khác chứ không chỉ bó hẹp trong truyền thông cho hình thức chính quy, các loại hình đào tạo vừa làm vừa học, sau đại học đều được đẩy mạnh các hoạt động truyền thông một cách đáng kể hơn [H13.13.01.05], [H13.13.01.06];

Trong công tác nhập học, trường đã có nhiều cải tiến để mang lại hiệu quả tối ưu trong công việc thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình nhập học. Sơ đồ nhập học, thủ tục và quy trình nhập học được công bố công khai trên website, e-mail, tài khoản cá nhân, Giấy báo nhập học, fanpage và tại khu vực nhập học; các dữ liệu về thí sinh trúng tuyển được tích hợp vào hệ thống phần mềm của trường giúp cho việc khai báo các thông tin của người học khi đến nhập học được nhanh chóng, thuận tiện hơn và rút ngắn thời gian nhập học, đồng thời người học cũng giám sát được chính quá trình nhập học của mình. Hoạt động nhập học được cập nhật thường xuyên và báo

cáo hàng buổi, hàng ngày cho Ban chỉ đạo, tạo sự thông suốt và thống nhất trong hoạt động nhập học. Công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra được giao cho các cán bộ am hiểu về công nghệ thông tin, nắm vững về nghiệp vụ quy trình và có sự phối hợp chặt chẽ với toàn bộ hệ thống nhập học [H13.13.05.01], [H13.13.05.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 13

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và kế hoạch truyền thông tuyển sinh các CTĐT của nhà trường;

Các tiêu chí lựa chọn người học có chất lượng được xây dựng rõ ràng, cụ thể phù hợp với từng đối tượng tuyển sinh của từng CTĐT tuân thủ đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Đào tạo;

Quy trình giám sát tuyển sinh và nhập học được thực hiện tốt, chặt chẽ;

Các biện pháp giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện chặt chẽ từ nhiều đơn vị, cá nhân và từ chính thí sinh, người học.

Công tác tuyển sinh hàng năm đều được rà soát, đánh giá và cải tiến nhằm tuyển được các thí sinh có chất lượng;

Công tác nhập học hàng năm đều có sự cải tiến trong từng công việc để tạo thuận lợi nhất cho đa dạng người học; đảm bảo chính xác tuyệt đối trong đối tượng và quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và Đào tạo.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Một số kế hoạch được xây dựng gộp chung với các văn bản khác nên chưa thực sự rõ ràng và khoa học.

Các tiêu chí ít được thay đổi do phụ thuộc vào quy chế của Bộ GD&ĐT ở một vài CTĐT.

Quy trình giám sát tuyển sinh, nhập học chưa được quy định thành các văn bản riêng biệt, nội dung nằm rải rác ở các văn bản khác nhau; Quy trình nhập học ở loại hình

văn bản 2 chính quy, hệ vừa làm vừa học và sau đại học còn chưa được quy định cụ thể, chi tiết và thông báo cho người học;

Việc tổ chức cho người học đăng ký nhập học online (trực tuyến) chưa áp dụng cho nhiều CTĐT, mới chỉ dừng ở loại hình chính quy.

Các biện pháp giám sát nhập học thực hiện rất chặt chẽ nhưng chưa quy định cụ thể trách nhiệm của các bên tham gia nhập học trong một văn bản riêng biệt.

Đôi lúc các hoạt động rà soát, đánh giá, phân tích thực hiện rất tốt nhưng thường không thành các hoạt động riêng biệt, chuyên đề mà thường bàn luận trong các cuộc họp không thuộc công tác tuyển sinh hoặc nhập học;

Việc ghi nhận các ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình tuyển sinh và nhập học chưa mang tính thường xuyên.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Cần khoa học hơn trong xây dựng kế hoạch	Phòng Đào tạo; Phòng QLVLVH; Phòng ĐTSĐH	Năm TS 2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Cần tiếp tục nghiên cứu thêm những tiêu chí để tuyển được người học có chất lượng phù hợp với quy chế	Phòng Đào tạo SDH; Phòng Đào tạo; Phòng QLVLVH.	Năm TS 2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Cần quy định quy trình giám sát công tác tuyển sinh, quy trình giám sát công tác nhập	Phòng Đào tạo SDH; Phòng Đào tạo;	Thực hiện ngay và áp dụng hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		học thành các văn bản riêng biệt; Công bố công khai và thông tin cho người học về quy trình nhập học để người học biết, thực hiện và giám sát	Phòng QLVLVH; Phòng Thanh tra; Phòng CTSV.		
4	Khắc phục tồn tại 4	Xây dựng và công bố cho người học quy trình nhập học trực tuyến dành cho CTĐT SDH và VLVH	- Phòng Đào tạo, SDH; - Phòng QL hệ VLVH.	Thực hiện ngay và áp dụng hàng năm	
5	Khắc phục tồn tại 6	Cần quy định cụ thể trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị tham gia nhập học thành văn bản riêng biệt.	Phòng CTSV.	Thực hiện ngay và áp dụng hàng năm	
6	Khắc phục tồn tại 7	Cần tổ chức các cuộc họp tổng kết hàng năm cho tất cả các loại hình đào tạo của nhà trường trong công tác tuyển sinh và nhập học	Phòng Đào tạo SDH; Phòng Đào tạo; Phòng QLVLVH; Trung tâm TVTS; Phòng CTSV.	Thực hiện ngay và áp dụng hàng năm	
7	Khắc phục tồn tại 8	Cần có biện pháp để ghi nhận các ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong	Phòng Đào tạo SDH; Phòng Đào tạo;	Thực hiện ngay và áp dụng	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		công tác tuyển sinh và nhập học	Phòng QLVLVH; Phòng CTSV.	dụng hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết hơn nữa.	Phòng Đào tạo SDH; Phòng Đào tạo; Phòng QLVLVH;	Hàng năm
9	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xây dựng, cập nhật và thực hiện các chính sách để tuyển người học có chất lượng	Phòng Đào tạo SDH; Phòng Đào tạo; Phòng QLVLVH.	Hàng năm	
10	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục xây dựng, thực hiện và đổi mới các cách thức truyền thông để tiếp cận rộng rãi với các đối tượng của các CTĐT khác nhau của nhà trường.	Trung tâm TVTS	Hàng năm	
11	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục phát huy và nghiên cứu thêm các tiêu chí phù hợp để tuyển đúng, tuyển đủ và tuyển được người học có chất lượng	Phòng Đào tạo SDH; Phòng Đào tạo; Phòng QLVLVH;	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
12	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục thực hiện tốt việc giám sát các hoạt động tuyển sinh và nhập học	Phòng Đào tạo SDH; Phòng Đào tạo; Phòng QLVLVH; Phòng Thanh tra; Phòng CTSV; Phòng KT-TC; Trung tâm CNTT.		
13	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục thực hiện tốt và cải tiến các biện pháp giám sát các hoạt động tuyển sinh và nhập học cho phù hợp thực tiễn.	Phòng Đào tạo SDH; Phòng Đào tạo; Phòng QLVLVH; Phòng Thanh tra; Phòng CTSV.	Hàng năm	
14	Phát huy điểm mạnh 7	Tiếp tục thực hiện tốt các rà soát, đánh giá, phân tích để điều chỉnh kế hoạch tuyển sinh hàng năm của trường.	Phòng Đào tạo SDH; Phòng Đào tạo; Phòng QLVLVH;	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
			Trung tâm TVTS.		
15	Phát huy điểm mạnh 8	Tiếp tục thực hiện tốt và cải tiến các bước trong quá trình nhập học sao cho thuận lợi và khoa học nhất.	Phòng CTSV.	Hàng năm	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	4,6
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	4
Tiêu chí 13.4	4
Tiêu chí 13.5	5

TIÊU CHUẨN 14. THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học, học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan

Hiện nay, Trường ĐH Luật Tp.HCM đang tổ chức đào tạo 04 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, 05 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 05 ngành đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học [H14.14.01.01]. Việc thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành tất cả các CTDH được thực hiện một cách có hệ thống đồng thời có sự đóng góp, phản hồi của các bên liên quan.

Quy trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH được văn bản hóa quy định trách nhiệm cụ thể của các hội đồng khoa học Nhà trường, hội đồng khoa học cấp Khoa, Trung tâm ĐBCL&PPGD, của Phòng đào tạo, các Tổ Bộ môn trong quá trình xây dựng, rà soát ban hành CTĐT của Trường **[H14.14.01.02]**. Trên cơ sở Thông tư của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học sau khi tốt nghiệp mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học cần đạt được và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Phòng ĐT xây dựng dự thảo quy định về xây dựng, rà soát, thẩm định và ban hành CTĐT của Trường và gửi tới các Khoa, bộ môn để thu thập ý kiến đóng góp **[H14.14.01.03]**, **[H14.14.01.04]**. Theo đó, Trung tâm ĐBCL&PPGD có trách nhiệm lập kế hoạch xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, thu thập các minh chứng từ các đơn vị có liên quan, viết báo cáo trình Hội đồng khoa học đào tạo Nhà trường phê duyệt **[H14.14.01.05]**. Phòng đào tạo kiểm tra tính hợp lệ của báo cáo đồng thời trình BGH ban hành quyết định điều chỉnh CTĐT. Các Khoa có trách nhiệm điều chỉnh CTĐT theo yêu cầu. Bên cạnh đó, GV có trách nhiệm tham gia góp ý vào các nội dung trong dự thảo **[H14.14.01.06]**, **[H14.14.01.07]**. Dự thảo được trình xem xét thông qua cuộc họp của Hội đồng khoa học đào tạo của Nhà trường, giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị có liên quan sau đó trình Hiệu trưởng ký ban hành **[H14.14.01.08]**, **[H14.14.01.09]**.

Nhà trường ban hành văn bản quy định về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH cho từng CTĐT và thông báo rộng rãi đến các đơn vị qua email và website để thực hiện **[H14.14.01.10]**. Cụ thể, từ năm 2016 đến nay, việc thiết kế và đánh giá CTĐT tại Trường được thực hiện theo quy định của Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Từ năm 2022, việc xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học, sẽ được thực hiện theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Trên cơ sở đó, từ năm 2017 đến năm 2022, bên cạnh việc xây dựng các CTĐT mới, các CTĐT của các ngành học cũ cũng thường xuyên được Trường sửa đổi, bổ sung theo quy định dựa trên cơ sở tham khảo chương trình tiên tiến, tham khảo ý kiến các bên liên quan (SV, cựu SV, ĐV SDLĐ) nhằm mục tiêu đáp ứng được nhu cầu về nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Tp.HCM cũng như trên cả nước **[H14.14.01.10]**. Các CTĐT này đều được HĐ KH&ĐT xem xét, rà soát để sửa đổi, bổ sung, tái cấu trúc sao cho phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT và đáp ứng nhu cầu xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế **[H14.14.01.11]**.

Trong quá trình thực hiện, Trung tâm ĐBCL&PPGD là đơn vị triển khai lấy ý kiến của các Khoa và GV, tiếp thu ý kiến của các hội đồng KHĐT để tiếp tục thực hiện hoạt động điều chỉnh, bổ sung quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT, đề cương môn học [H14.14.01.12]. Việc điều chỉnh, bổ sung luôn trên cơ sở tuân thủ các văn bản quy định của bộ GD&ĐT về xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Ngoài ra, trong quá trình triển khai, áp dụng các CTDH, hoạt động xây dựng, rà soát, ban hành CTDH, Nhà trường thực hiện xây dựng đề cương môn học trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên có liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo và các môn học/ học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

CTĐT được xem là yếu tố quan trọng tác động trực tiếp đến chất lượng đào tạo. Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các học phần được thiết kế phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan gồm: Bộ GD&ĐT, GV, nhà quản lý giáo dục, nhà tuyển dụng, cựu SV, SV năm cuối. Việc xây dựng CDR CTĐT của Trường được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT và thực hiện theo Thông tư 08/2011/TT-BGD&ĐT ngày 17/2/2011 của Bộ GD&ĐT về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo; Thông tư 07/2015/TT- BGD&ĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT về khối lượng kiến thức, quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT [H14.14.02.01].

Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và của các học phần được triển khai thực hiện trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT. Trên cơ sở dự thảo xây dựng, rà soát, thẩm định và ban hành CTĐT của Trường và gửi tới các Khoa, bộ môn để thu thập ý kiến, Tổ soạn thảo CTĐT có trách nhiệm xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT trước khi tiến hành xây dựng, rà soát chương trình khung đào tạo [H14.14.02.02]. Theo đó, Hội đồng Khoa học - Đào tạo có trách nhiệm tổ chức các phiên họp giao nhiệm vụ cho các Khoa xây dựng CDR của các ngành đào tạo do khoa quản lý [H14.14.02.03]. Các Khoa tổ chức các hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến của các bên liên quan, bao gồm: các GV, các nhà khoa học, các nhà tuyển dụng, cựu SV [H14.14.02.04]. Việc xây dựng CDR dựa trên ý kiến tham khảo của các bên liên quan cùng với sự tuân thủ các văn bản quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT về xây dựng CDR

[H14.14.02.05]. Theo Quy định về xây dựng, rà soát, thẩm định và công bố CĐR của CTĐT của Trường, yêu cầu phải thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR cho CTĐT [H14.14.02.06]. Nhà trường phân công Trung tâm ĐBCL&PPGD là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát, đề xuất đơn vị thực hiện khảo sát để lấy ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR cho CTĐT [H14.14.02.07]. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường có nội dung khảo sát về CĐR của CTĐT và đề cương môn học [H14.14.02.08]. Theo đó, việc lấy ý kiến về CĐR CTĐT được thực hiện đối với các đối tượng trong trường (GV, SV) [H14.14.02.09] và đối tượng ngoài trường [H14.14.02.10]. Trung tâm ĐBCL&PPGD xử lý dữ liệu khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CĐR CTĐT và gửi đến các Khoa để tham khảo trong quá trình điều chỉnh CĐR CTĐT [H14.14.02.11]. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức về hoạt động ĐT, Trường đồng thời lấy ý kiến của các ĐV SDLĐ về CĐR CTĐT và sử dụng tham khảo để điều chỉnh CĐR CTĐT [H14.14.02.12].

Theo đó, Trường đã có kế hoạch hướng dẫn phân công cho các đơn vị liên quan để triển khai xây dựng, rà soát CĐR của các CTĐT [H14.14.02.13]. Quy trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của các CTĐT và các môn học/ học phần được tiến hành với các bước như sau:

- ❖ **Bước 1:** Khảo sát nhu cầu trình độ đại học theo chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của các bên liên quan đối với người tốt nghiệp về khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực người học sau khi tốt nghiệp.
- ❖ **Bước 2:** Tổ xây dựng CTĐT dựa theo nhu cầu khảo sát xây tiêu chuẩn cụ thể của CĐR của CTĐT.
- ❖ **Bước 3:** Dự thảo CTĐT theo CĐR.
- ❖ **Bước 4:** Thiết kế xây dựng đề cương chi tiết các học phần theo CĐR.
- ❖ **Bước 5:** Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về dự thảo CĐR và CTĐT.
- ❖ **Bước 6:** Hoàn thiện dự thảo CĐR và CTĐT sau khi lấy ý kiến của các bên liên quan.
- ❖ **Bước 7:** Trình Hội đồng KH&ĐT của Trường cho ý kiến thẩm định để trình Hiệu trưởng thông qua.

❖ **Bước 8:** Hiệu trưởng ký ban hành CĐR và CTĐT.

Tất cả các CTĐT của từng ngành của Trường đều có mục tiêu rõ ràng phù hợp với sứ mạng, mục tiêu chung của Trường. Khối lượng kiến thức phù hợp với quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H14.14.02.14] và được phân bổ hợp lý giữa khối kiến thức bắt buộc và khối kiến thức tự chọn nhằm đạt được mục tiêu theo CĐR của CTĐT. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT được Trường thực hiện chặt chẽ theo quy định.

Hoạt động rà soát, điều chỉnh CĐR được tiến hành cơ bản như quá trình xây dựng CĐR CTĐT và tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Các CĐR của CTĐT cũng như của môn học/ học phần được đăng tải công khai trên website của Nhà trường, phòng Đào tạo, các Khoa cũng như được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học [H14.14.02.15].

Trường cũng đã xác định vai trò của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR là thật sự cần thiết và quan trọng, vì thế việc lấy ý kiến các bên liên quan như chuyên gia, GV, ĐV SDLĐ và cựu SV cũng đã được Trường thực hiện. Các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng, phát triển CĐR và CTĐT vào 2 giai đoạn:

(i) Khi xây dựng một CTĐT mới: Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan (nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp) khi xây dựng CTĐT và CĐR cho một ngành mới mở [H14.14.01.18], [H14.14.01.19]. Ngoài hội đồng KH&ĐT, Hiệu trưởng ký các quyết định thành lập Tổ rà soát, soạn thảo CTĐT và CĐR [H14.14.01.20], thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT và CĐR với sự tham gia của GV, Lãnh đạo Bộ môn, Lãnh đạo Khoa, nhà tuyển dụng, lãnh đạo Trung tâm ĐBCL&PPGD, đại diện BGH [H14.14.01.21], [H14.14.01.22], [H14.14.01.23], [H14.14.01.24];

(ii) Khi cập nhật CTĐT đang triển khai áp dụng và được thể hiện rõ trong quy trình: Trong quá trình CTĐT đang triển khai áp dụng, định kỳ 2 năm Nhà trường đều tiến hành khảo sát ý kiến chuyên gia, GV, ĐV SDLĐ và cựu SV về CTĐT và CĐR nhằm rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT và CĐR cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường [H14.14.01.25].

Nhờ thông qua thu thập ý kiến của các bên liên quan, các CTĐT của trường ngày càng phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra

Tất cả các học phần trong các CTĐT đều có đề cương học phần theo mẫu thống nhất của Trường. Đề cương chi tiết thể hiện đầy đủ các nội dung: số lượng tín chỉ, mục tiêu học phần, nội dung tóm tắt của học phần, nội dung lý thuyết và thực hành của học phần, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thực hành, thực tập [H14.14.03.01]. Đề cương học phần của GV biên soạn dựa trên quy định CDR của học phần đã được Khoa chuyên môn lập hội đồng xét duyệt thông qua [H14.14.03.02]. Các Khoa, bộ môn là đơn vị chủ trì việc xây dựng, rà soát đề cương môn học theo CTĐT của Nhà trường. Tất cả CTĐT, đề cương chi tiết của học phần, kế hoạch giảng dạy được phổ biến tới người học bằng nhiều hình thức khác nhau và được lưu trữ theo từng ngành, từng khóa.

Khi xây dựng CTĐT, phòng đào tạo phối hợp với các khoa xây dựng tiến độ đào tạo dự kiến của toàn khóa học [H14.14.03.03]. Đầu khóa học, Trường sẽ phổ biến cho SV CTĐT của từng ngành học, quy chế đào tạo và các quy định có liên quan tới học tập, rèn luyện và sinh hoạt của SV thông qua các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa [H14.14.03.04]. Đầu mỗi năm học, Trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến giảng dạy. Đầu mỗi học kỳ, Trường công bố cho SV thời khóa biểu các học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ bao gồm các thông tin: tên học phần, số tín chỉ, tên lớp, tiết học, phòng học, số SV tối đa của lớp và các ghi chú khác đối với việc đăng ký. SV phải tự nghiên cứu, tìm hiểu để nắm được CTĐT, kế hoạch đào tạo, và kế hoạch đăng ký học phần trong học kỳ [H14.14.03.05]. Vào buổi học đầu tiên của mỗi học phần, GV sẽ công bố và cung cấp đề cương chi tiết học phần cho SV, thông báo các hình thức KTĐG và các đánh giá học phần, hình thức thi giữa kỳ và thi kết thúc học phần, các tài liệu chính và tài liệu tham khảo, các hình thức trao đổi thông tin giữa GV và SV.

Dựa trên kế hoạch năm học đã được phê duyệt, tại các cuộc họp giao ban đầu mỗi năm học, BGH Nhà trường quán triệt và yêu cầu các đơn vị, GV triển khai các hoạt động dạy học nghiêm túc theo thời khóa biểu và đề cương môn học đã được xác định để đạt

CĐR. Nhà trường giám sát hoạt động đào tạo và giảng dạy thông qua phần mềm quản lý đào tạo, hoạt động dự giờ, trao đổi học thuật trong phạm vi bộ môn cũng như hoạt động của Phòng thanh tra.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện

Nhà trường phân công Phòng Đào tạo là đơn vị rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá và rà soát CTDH của Trường [H14.14.04.01]. Phòng đào tạo gửi công văn đến các Khoa để lấy ý kiến góp ý về quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH được quy định trong Quy định xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường [H14.14.04.02]. Dựa trên ý kiến góp ý của các Khoa và cập nhật các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Phòng ĐT dự thảo điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH được quy định trong Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Hội đồng Khoa học - Đào tạo họp thông qua và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.04.03], [H14.14.04.04], thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H14.14.04.05].

Thông qua kết quả của hoạt động đánh giá CTDH, Trường tiến hành xây dựng các CTDH mới, và bổ sung điều chỉnh các CTDH trước đó. Cụ thể, nếu như trước năm 2013, ở trình độ đại học hệ chính quy, Trường ĐH Luật Tp.HCM chỉ đào tạo 3 ngành là: ngành Luật, ngành Quản trị - Luật và ngành Quản trị kinh doanh, thì từ năm 2013 đến nay, Trường cơ bản trở thành trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực. Tính đến năm 2022, Trường đã đào tạo đa ngành, gồm các ngành: Luật, Luật Thương mại quốc tế, Quản trị - Luật, Quản trị kinh doanh và Ngôn ngữ Anh; đa lĩnh vực, gồm các lĩnh vực: Kinh doanh và Quản lý; Pháp luật; Nhân văn [H14.14.04.06].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát CTDH của các CTĐT và thông báo đến các Khoa, Bộ môn để thực hiện [H14.14.04.07]. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH của các CTĐT được ban hành và các ý kiến phản hồi tại cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Nhà trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H14.14.04.08]. Trong các kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan có

nội dung khảo sát về CDR của CTĐT và đề cương môn học. Kết quả khảo sát này được Trung tâm ĐBCL&PPGD tổng hợp và gửi các nội dung về các Khoa, đơn vị có liên quan d963 sử dụng như một nguồn tham khảo trong quá trình điều chỉnh CTDH. Ngoài ra, các hội nghị, hội thảo được Nhà trường tổ chức nhằm lấy ý kiến của các ĐV SDLĐ về CTDH làm cơ sở tham khảo trong quá trình điều chỉnh CTDH. Bên cạnh đó, tất cả các CTDH đều đã tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế khi điều chỉnh CTDH. Các CTDH, CDR của CTĐT sau khi điều chỉnh được đăng tải công khai trên website của Nhà trường cũng như niêm yết trong sổ tay SV [H14.14.04.09], [H14.14.04.10].

Quy trình thiết kế, đánh giá CTDH được thực hiện theo các bước cụ thể. Hoạt động đánh giá toàn bộ CTDH được Trường giao cho Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Khoa, ngành chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát CTDH đồng thời lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, CDR trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Trường đã phân công công 01 đại diện BGH để quản lý hoạt động dạy học tại Trường [H14.14.04.11]. Theo đó, từ năm 2016 đến nay, việc thiết kế và đánh giá CTĐT tại Trường được thực hiện theo quy định của Thông tư số 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Hoạt động đánh giá được thực hiện đầy đủ theo 4 bước:

- ❖ **Bước 1:** Trung tâm ĐBCL&PPGD lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT;
- ❖ **Bước 2:** Các bộ phận liên quan thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT;
- ❖ **Bước 3:** Các bộ phận chuyên môn liên quan dưới sự chủ trì của Hội đồng KH&ĐT cấp Khoa đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của các nội dung CTĐT đang thực hiện có liên quan tới Khoa, Bộ môn;
- ❖ **Bước 4:** HĐ KH&ĐT cấp khoa dự thảo những nội dung cần sửa đổi và trình Hội đồng KH&ĐT cấp trường xem xét thông qua;
- ❖ **Bước 5:** Hội đồng KH&ĐT Trường xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT và trình Hiệu trưởng ban hành CTĐT sửa đổi, bổ sung.

Bên cạnh đó, hoạt động đánh giá tính cập nhật của nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy cũng được thực hiện thường xuyên. Tại cuộc họp giao ban, giữa BGH và lãnh đạo các đơn vị, Trường luôn yêu cầu các Khoa trong quá trình điều

chỉnh, đổi mới CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan... trên cơ sở chỉ đạo của Trường về những thay đổi trong các quy định của nhà nước, những tiến bộ mới cũng như quy định mới trong lĩnh vực khoa học pháp lý chuyên ngành, phản hồi của các bên liên quan, những kết quả nghiên cứu liên quan đến CTĐT đều được cập nhật và rà soát trong CTDH hiện tại nhằm đảm bảo tính cập nhật của chương trình, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan **[H14.14.04.12]**

CTDH được Trường định kỳ rà soát ít nhất 2 năm một lần, trong đó có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước/quốc tế và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt với CTĐT đặc biệt, hoạt động này được thực hiện vào đầu mỗi học kỳ. Căn cứ Quy định về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy các CTĐT đặc biệt ban hành kèm theo Quyết định số 2064/QĐ-ĐHL ngày 19/11/2012 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Tp.HCM, trên cơ sở chiến lược, kế hoạch về ĐGCL đào tạo, hoạt động giảng dạy được Trung tâm ĐBCL&PPGD xây dựng, cùng với các phản hồi của các bên liên quan, vào đầu mỗi học kỳ, Trung tâm Quản lý Đào tạo chất lượng cao và Đào tạo quốc tế (Trung tâm QLĐTCLC&ĐTQT) đều có thông báo gửi các Khoa chuyên môn về việc rà soát sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới bộ tài liệu giảng dạy (TLGD) dành cho các lớp CLC. Bộ TLGD được đăng tải trực tiếp lên Cổng đào tạo trực tuyến Elearning của Trường (<http://elearning.ulhcmc.edu.vn>) có nội dung đảm bảo đầy đủ theo các tiêu chí được yêu cầu. Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát về hình thức, nội dung bộ TLGD của Bộ môn. Trưởng bộ môn sẽ gửi báo cáo chỉnh sửa cụ thể kèm minh chứng về Trung tâm QLĐTCLC&ĐTQT vào đầu mỗi học kỳ để Trung tâm lưu trữ theo quy định **[H14.14.04.13]**.

Trong bối cảnh của đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và khó lường, việc rà soát CTDH và LTGD đã được Trường tăng cường thực hiện nhằm thích ứng thực tiễn và đảm bảo chất lượng đào tạo trực tuyến. Trung tâm Đào tạo Trực tuyến trực thuộc Trường ĐH Luật Tp.HCM được thành lập theo Quyết định số 257/QĐ-ĐHL ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng trường Trường ĐH Luật Tp.HCM. Trung tâm này thực hiện giám sát các lớp học phần trực tuyến và tham mưu cho Hiệu trưởng phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế về CTDH trực tuyến. Từ tháng 3/2020, Trường đã cấp quyền theo dõi quản lý, kiểm soát cơ sở dữ liệu (CSDL) của các môn học cho trưởng, phó khoa (đối với toàn bộ CSDL các môn học, lớp học của khoa đó) và trưởng bộ môn (đối với các học phần, lớp của bộ

môn phụ trách). Việc phân quyền này giúp các bên có liên quan trong CTDH kịp thời đánh giá, kiểm tra giám sát cũng như rà soát cơ sở dữ liệu cung cấp cho người học [H14.14.04.14].

Tại các cuộc họp định kỳ, Hội đồng KH&ĐT của Trường thực hiện phân tích đối sánh CTDH của Trường với CTDH tương ứng của CSGD đối sánh cũng như rà soát lại các phiên bản khác nhau của CTDH [H14.14.04.15], [H14.14.04.16], [H14.14.04.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan

Quy trình thiết kế, đánh giá CTDH được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan. Nhà trường phân công Phòng đào tạo tiến hành rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường [H14.14.05.01]. Phòng ĐT dự thảo về việc điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH dựa trên việc tiếp thu ý kiến của các Khoa, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định về xây dựng, rà soát ban hành CTĐT của Trường đã được điều chỉnh, trong đó có điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH [H14.14.05.02]. Nhà trường thông báo văn bản Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT đã được điều chỉnh đến các Khoa để thực hiện và phổ biến đến GV biết để thực hiện [H14.14.05.03], [H14.14.05.04]. Trong quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH đã được điều chỉnh thể hiện rõ yêu cầu tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, lấy ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CTDH [H14.14.05.05], [H14.14.05.06]. Bên cạnh đó, hệ thống biểu mẫu phục vụ quá trình xây dựng, rà soát, ban hành CTDH được ban hành kèm theo Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT của Trường [H14.14.05.07]. Văn bản Quy định về xây dựng, rà soát, ban hành CTĐT được đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT, các Khoa cũng như bằng văn bản gửi các Khoa [H14.14.05.08].

Nhằm đảm bảo tính cập nhật nhanh chóng nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan, phù hợp với hoàn cảnh Trường, hoạt động đánh giá CTDH luôn có sự kết hợp với các nội dung khảo sát về nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo; nhu cầu của ĐV SDLĐ đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành

đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học; đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành/ chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện CTĐT; khảo sát ý kiến của GV, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện ĐV SDLĐ liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về CTDH; **[H14.14.05.09]**, **[H14.14.05.10]**; Trên cơ sở kết quả khảo sát có liên quan, Hội đồng KH&ĐT cấp khoa đề xuất các nội dung điều chỉnh của CTDH đảm bảo mục tiêu dạy học và CĐR đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định **[H14.14.05.11]**. Trên cơ sở đó, trình Hội đồng KH&ĐT của Trường xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng **[H14.14.05.12]**. Với các môn cơ sở như ngoại ngữ, tin học, Hiệu trưởng giao Trung tâm ĐBCL&PPGD tiến hành khảo sát, lấy ý kiến SV cũng như ý kiến các bên liên quan để nâng chuẩn tin học, điều chỉnh CĐR ngoại ngữ. Thông tin các CTDH đã được điều chỉnh được đăng tải trên website của Trường, của các phòng đào tạo, các khoa cũng như thể hiện trong Sổ tay SV để người học tiếp cận dễ dàng các nguồn thông tin có liên quan.

CTDH được cải tiến và ban hành đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. CTDH của từng CTĐĐ bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần được Nhà trường xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung, tái cấu trúc thường xuyên theo quy định của Bộ GD&ĐT dựa trên cơ sở tham khảo chương trình tiên tiến, tham khảo ý kiến các bên liên quan (SV, cựu SV, ĐV SDLĐ) nhằm mục tiêu đáp ứng được nhu cầu về nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Tp.HCM cũng như trên cả nước. Cụ thể: Năm học 2018-2019, Trường đã rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành 07 (bảy) CTĐT trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy các ngành: Luật, Quản trị Luật, Quản trị kinh doanh và Ngôn ngữ Anh, gồm: 1. CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành Luật, CLC nhóm các chuyên ngành Thương mại - Dân sự - Quốc tế **[H14.14.01.02]**; 2. CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành Luật, CLC nhóm các chuyên ngành Hành chính - Tư pháp **[H14.14.01.03]**; 3. CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành Luật, CLC tăng cường tiếng Pháp **[H14.14.01.04]**; 4. CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành Luật, CLC tăng cường tiếng Nhật **[H14.14.01.05]**; 5. CTĐT trình độ đại học hệ chính quy CLC ngành Quản trị - Luật **[H14.14.01.06]**; 5. CTĐT trình độ đại học hệ chính quy CLC ngành Quản trị kinh doanh **[H14.14.01.06]**; 6. CTĐT trình

độ đại học hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh văn pháp lý **[H14.14.01.07]**.

Năm học 2020-2021, Trường đã tiếp rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành 07 (bảy) CTĐT trình độ đại học hình thức đào tạo Chính quy và Vừa làm vừa học thuộc các ngành: Luật, Quản trị Luật, Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh và Luật Thương mại quốc tế, gồm: 1. CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành Luật **[H14.14.01.08]**; 2. CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành Luật Thương mại quốc tế **[H14.14.01.09]**; 3. CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành Quản trị kinh doanh **[H14.14.01.10]**; 4. CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành Quản trị - Luật **[H14.14.01.11]**; 5. CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh **[H14.14.01.12]**; 6. CTĐT trình độ đại học văn bằng 1 hệ vừa làm vừa học ngành Luật **[H14.14.01.13]**; 7. CTĐT trình độ đại học văn bằng 2 hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học ngành Luật (dành cho người đã có bằng đại học) **[H14.14.01.14]**.

Để đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan, hoạt động khảo sát là hoạt động quan trọng được Trường thực hiện nghiêm túc, thường xuyên, các đối tượng khảo sát đa dạng bao gồm: GV, cán bộ các phòng đào tạo, cán bộ Trung tâm ĐBCL&PPGD, cán bộ và quản lý về nhân sự của cơ quan có sử dụng SV sau tốt nghiệp ngành đào tạo, trưởng các bộ phận của cơ quan có sử dụng SV sau tốt nghiệp ngành đào tạo, cựu SV, SV năm thứ nhất, SV năm cuối,... Hoạt động này được Trường thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau như:

- Các hội nghị, hội thảo về các CTĐT được tổ chức thường xuyên và định kỳ nhằm lấy ý kiến rộng rãi để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp nhu cầu của xã hội. cụ thể **[H14.14.05.13]**. Cụ thể, trong những năm qua, các đơn vị có liên quan đã phối hợp, tổ chức các hội thảo, hội nghị như: Hội thảo cấp trường “Nâng cao hiệu quả đào tạo các lớp thuộc CTĐT CLC” (tháng 8/2018), Hội thảo khoa học “Một số nghiên cứu về ngoại ngữ pháp lý và ứng dụng trong giảng dạy”, Hội nghị khoa học “Đào tạo nguồn nhân lực CLC tại Trường ĐH Luật Tp.HCM đáp ứng nhu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế” (tháng 01/2020), Hội thảo gắn kết Trường và ĐV SDLĐ trong quá trình đào tạo, tuyển dụng nhân sự (tháng 01/2020), Những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo hệ vừa làm vừa học tại Trường ĐH Luật Tp.HCM (tháng 12/2018), Hội thảo “Nhận diện nghề Luật và định hướng trang bị kỹ năng nghề cho SV” (tháng 3/2019), Hội thảo

khoa học “Giảng dạy luật so sánh trong bối cảnh hội nhập - kiến nghị về vị trí môn học tại Trường ĐH Luật Tp.HCM” (tháng 6/2019).

- Tạo diễn đàn trên website của của Trường để người học, GV, nhà tuyển dụng có thể trao đổi, góp ý kiến trực tiếp về các CTĐT.

- Phát phiếu khảo sát như: Phiếu khảo sát Nhu cầu nguồn nhân lực và CTĐT trình độ đại học hình thức từ xa ngành Luật vào tháng 7/2021.”; Khảo sát đánh giá về CTĐT đại trà và CTĐT từ xa ngành Luật (tháng 3/2021); khảo sát tình hình việc làm của SV khóa tốt nghiệp năm 2019 sau 12 tháng tốt nghiệp”; Khảo sát “Thông báo về việc người học tham gia khảo sát việc học online và thời gian trở lại trường học tập”, bên cạnh đó còn có hoạt động khảo sát người học cuối mỗi học kỳ [H14.14.05.14]. Kết quả khảo sát của các bên liên quan được các đơn vị có liên quan gửi về cho các khoa tham khảo, sử dụng đồng thời việc tham gia của các khoa vào các hội nghị tọa đàm liên quan đến phản hồi của các bên về CTDH là kênh thông tin giúp các khoa chuyên ngành tiếp cận trực tiếp cũng như thăm dò khảo sát được các bên liên quan để điều chỉnh. Các khảo sát này nhằm đảm bảo sản phẩm giáo dục mà SV thụ hưởng là sản phẩm tốt nhất và ngày càng được cải tiến. Những hoạt động này được thực hiện thường xuyên và đã mang lại những kết quả nhất định góp phần thực hiện công tác đảm bảo chất lượng của Trường ĐH Luật Tp.HCM. Bên cạnh đó, nhằm giải quyết kịp thời những thắc mắc, nhu cầu chính đáng của người học cũng như xây dựng các nội dung cập nhật, cải tiến trong công tác giảng dạy và quản lý, Trường định kỳ thực hiện đối thoại giữa Hiệu trưởng và SV chính quy trong từng năm học. Nội dung được trả lời trực tiếp và đăng tải công khai trên website [H14.14.05.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 14

1. Tóm tắt các điểm mạnh

CTDH, đề cương các môn học, kế hoạch giảng dạy của Trường được xây dựng và rà soát theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài. Hoạt động này được thực hiện theo trình tự chặt chẽ, phương pháp khoa học, có hệ thống. Bên cạnh đó Trường đã xây dựng quy trình ISO “Thiết kế CTĐT” và “Rà soát CTĐT” giúp việc thiết kế, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTĐT với sự đóng góp, phản hồi của các bên liên quan.

CĐR của Nhà trường được rà soát, điều chỉnh theo đúng quy định và ban hành, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện; Đề cương các môn học, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường được thực hiện hướng tới đạt được CĐR đã xác định; CĐR của CTĐT được xây dựng, rà soát, điều chỉnh trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan; Có ma trận CĐR thể hiện rõ mức đáp ứng của CĐR của từng học phần đối với CĐR của CTĐT.

Mẫu đề cương học phần được sử dụng thống nhất trong tất cả các CTĐT của trường, được tổ chức thẩm định cùng với CTĐT sau khi biên soạn. Đề cương được phổ biến rộng rãi và cung cấp ĐCCT kèm thông báo các hình thức KTĐG và cách đánh giá môn học, hình thức thi giữa kỳ và thi kết thúc môn học, các tài liệu chính và tài liệu tham khảo, các hình thức trao đổi thông tin giữa GV và SV.

Hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá trong quá trình học tập giúp người học đạt được CĐR. Kế hoạch giảng dạy, học tập được các phòng đào tạo, các khoa chuyên môn và GV soạn thảo chi tiết và được thông qua đầu khóa học. Trường giám sát đảm bảo việc dạy học theo đúng kế hoạch đã ban hành và đạt CĐR do các phòng đào tạo và Phòng Thanh tra phụ trách giám sát.

Trung tâm ĐBCL&PPGD, Trung tâm QHDN&HTSV của Trường thường xuyên triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung đánh giá về CTDH. Các hình thức khảo sát ý kiến của các bên liên quan được tổ chức đa dạng, phong phú từ hội nghị, tọa đàm hội thảo tới bảng hỏi khảo sát, các kết quả khảo sát thể hiện CTDH của Trường có các môn học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch, có tỷ lệ cân đối giữa các nội dung kiến thức và đáp ứng được mong muốn của các nhà tuyển dụng. Thông qua kết quả khảo sát, các ĐV SDLĐ tham gia phản hồi về CTDH, CĐR của Trường thường xuyên và tích cực, là một trong những cơ sở tham khảo quan trọng để Trường cập nhật, cải tiến các CTDH.

Các CTDH của Trường được xây dựng, điều chỉnh, cải tiến dựa trên sự tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, thường xuyên tổ chức các hoạt động lấy ý kiến của các bên liên quan về CTDH, CĐR của CTĐT, trên cơ sở đó, các môn học của Trường được ban hành, rà soát định kỳ và được điều chỉnh kịp thời dựa trên việc tiếp thu ý kiến của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Mặc dù việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung đánh giá về CTDH được thực hiện thường xuyên nhưng cỡ mẫu trong việc thu thập ý kiến của các bên liên quan về CTDH chưa đồng đều giữa các ngành, số lượng cỡ mẫu thu thập còn hạn chế, hình thức lấy ý kiến chưa phong phú. Phản hồi của các bên liên quan trong CTDH còn chậm được điều chỉnh trong quá trình xây dựng hệ thống thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH.

Mặc dù CDR được ban hành, phổ biến rộng rãi đến SV từ đầu mỗi năm học tuy nhiên việc tổ chức, triển khai thực hiện đã gặp một số khó khăn nhất định, một số SV chưa đạt được một số CDR nhất định tại thời điểm chuẩn bị tốt nghiệp do tư tưởng chủ quan, chưa chủ động sắp xếp hoạt động học tập.

Chưa đánh giá toàn diện CDR của từng học phần với CDR của CTĐT. Chưa đánh giá tính logic nội dung của từng học phần trong sự đối sánh với toàn bộ CTĐT.

Việc xây dựng, rà soát CTDH còn chậm đáp ứng so với nhu cầu của các bên liên quan. Hiện tại, Nhà trường chưa thực hiện toàn diện, thường xuyên việc lấy ý kiến đánh giá của SV đang theo học về CTĐT mà chủ yếu mới ĐGCL đội ngũ GV tham gia giảng dạy và học phần giảng dạy. Do đó, việc phân tích các điểm mạnh và yếu của CTDH, phương pháp và quy trình thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổ chức các hoạt động dạy học thông qua ý kiến đánh giá của SV đang theo học chưa thực hiện được.

Khi lấy ý kiến đánh giá, có một số bên liên quan thực hiện phiếu không chính xác, sơ sài, vì vậy không đảm bảo chất lượng đánh giá và tính khách quan cũng bị ảnh hưởng. Ngoài ra, đa phần SV quan tâm nhiều đến điểm số, còn có tâm lý e dè hay chủ quan nên khó xác định được mức độ hài lòng của SV về CTDH.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Cải tiến và số hóa quy trình rà soát CTDH, đa dạng hóa, ứng dụng công nghệ thông tin vào các hình thức lấy ý kiến nhằm nhanh chóng thu thập ý kiến điều chỉnh, thích ứng nhu cầu của các bên liên quan. Bên cạnh “Mẫu phiếu khảo sát về hoạt động giảng dạy”, bổ sung thêm mẫu phiếu khảo sát về CTDH nhằm thu thập nhanh chóng ý kiến của người học về CTDH.	Phòng CNTT Các Khoa chuyên môn Trung tâm ĐBCL&PPGD	Từng học kỳ	
2	Khắc phục tồn tại 2	Rà soát nhắc nhở định kỳ thông qua hồ sơ SV trên website đào tạo về các CDR SV đã đạt cũng như chưa đạt nhằm định hướng kế hoạch cho người học đạt được các CDR cần thiết tại thời điểm tốt nghiệp.	Phòng CNTT, Phòng đào tạo.	Đầu năm học	
3	Khắc phục tồn tại 3	Thực hiện các tọa đàm chuyên môn giữa các môn học trong Bộ môn, trong Khoa, liên Khoa để đối chiếu sự thống nhất, bổ sung của CDR từng học phần với CDR chung của toàn bộ CTĐT.	Các Khoa, bộ môn và Phòng đào tạo.	Theo chu kỳ 2 năm 1 lần	
		Đa dạng hóa các hình thức thu thập ý kiến tạo sự thuận tiện, thoải mái tâm lý cho người được lấy ý kiến;	Trung tâm ĐBCL&PPGD	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		Bổ sung các nội dung trong sổ tay SV về quyền và nghĩa vụ của người học, trong đó khuyến khích người học về quyền lợi cũng như trách nhiệm phản hồi về các CTDH có liên quan.			
4	Phát huy điểm mạnh 1	Thực hiện quy trình rà soát, CDR và CTĐT, đề cương chi tiết học phần của Nhà trường theo đúng thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường	Trung tâm ĐBCL&PPGD, Các Khoa, bộ môn	Theo chu kỳ 2 năm 1 lần	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Thực hiện định kỳ, thường xuyên việc lấy ý kiến các bên liên quan nhằm duy trì CTĐT, CDR được thiết kế, cải tiến đáp ứng với nhu cầu các bên liên quan	Trung tâm QHDN&HTSV, Trung tâm ĐBCL&PPGD.	Hằng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Giám sát thường xuyên đảm bảo hoạt động giảng dạy tuân thủ đúng kế hoạch và CDR đã đề ra.	Phòng quản lý đào tạo, Phòng thanh tra.	Từng học kỳ	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chí 14</i>	4,8
Tiêu chí 14.1	4

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	5
Tiêu chí 14.5	5

TIÊU CHUẨN 15. GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra

Trường ĐH Luật Tp.HCM đã thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học, phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CDR:

Thứ nhất, Trường ĐH Luật Tp.HCM có tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục và nội dung triết lý phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của Trường và với xu thế phát triển chung.

Triết lý giáo dục là cơ sở nền tảng định hướng cho hoạt động giảng dạy và học tập, thể hiện bản sắc cốt lõi của cơ sở giáo dục đại học. Với tư cách là cơ sở đào tạo luật trọng điểm của cả nước nói chung và của khu vực phía Nam nói riêng [H015.15.01.01], Trường ĐH Luật Tp.HCM đã tuyên bố và định hình xuyên suốt về triết lý giáo dục của Trường là: “**Sáng tri thức - Vững công minh**”. Nội dung triết lý này hoàn toàn phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Trường là: “*đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước, cung cấp nguồn nhân lực CLC trình độ đại học, sau đại học; là trung tâm NCKH, trọng tâm là khoa học pháp lý, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế*”; và là “*cơ sở đào tạo và NCKH đa ngành, hiện đại; góp phần giải quyết những vấn đề quan trọng trong khoa học, nhất là khoa học pháp lý; có quan hệ quốc tế rộng rãi; giữ vai trò nòng cốt, là chỗ dựa đáng tin cậy trong quan hệ với các cơ sở đào tạo khác, đặc biệt là các cơ sở đào tạo Luật ở các tỉnh phía Nam*” [H15.15.01.02].

Triết lý giáo dục của Nhà trường tương thích với xu thế chung của đào tạo ngành luật trong bối cảnh hội nhập và của thời đại mà xã hội luôn đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật; đồng thời cũng tương thích với mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục, đào tạo theo

Luật Giáo dục Đại học hiện hành, Quyết định số 549/QĐ-TTg ngày 04/04/2013 Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể “Xây dựng Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật Tp.HCM thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật” và Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM **[H15.15.01.03]**.

Thứ hai, Trường có quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục.

Hiện nay, Trường đã có các quy định, hướng dẫn nhằm xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục. Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Quyết định số 1737/QĐ-ĐHL ngày 26/8/2016 Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quyết định số 637 /QĐ-ĐHL ngày 15/07/2021 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học, Quyết định số 752/QĐ-ĐHL ngày 6/10/2021 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Quyết định số 1532/QĐ-ĐHL ngày 31/12/2019 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ **[H15.15.01.04]**. Theo đó, Trường đã tổ chức và triển khai hoạt động đào tạo theo hệ thống tín chỉ gắn với nhu cầu của người học; luôn định hướng hoạt động dạy và học tại Trường theo phương châm lấy người học làm trung tâm, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học và tăng cường các kỹ năng xử lý vấn đề của thực tiễn xã hội. Các CTĐT nói chung và các học phần/ môn học của Trường luôn xác định rõ về mục tiêu hướng tới của hoạt động dạy và học, nhằm giúp người học đạt được những khả năng về kiến thức, kỹ năng, thái độ/mức độ tự chủ và trách nhiệm **[H15.15.01.05]**.

Đầu khóa học, Nhà trường sẽ dự kiến lịch trình giảng dạy tổng thể theo từng học kỳ, từng năm học, và thông báo để hướng dẫn cho người biết kế hoạch giảng dạy chi tiết trong học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn được bố trí giảng dạy; điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần; dự kiến thời gian thi cuối học kỳ. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng người học được đăng ký các học phần dự định sẽ học trong học kỳ **[H15.15.01.06]**. Để bảo đảm tính chuyên sâu trong mỗi học phần/ môn học, thông qua đề cương môn học, Trường đã hướng dẫn chi tiết cho người học về mục tiêu của học phần, các phương pháp dạy và học tích cực được áp dụng, mô tả tổng quan lẫn chi tiết về học phần để

người học có thể nhận diện được vị trí và tầm quan trọng của học phần trong tổng thể CTĐT [H15.15.01.07].

Thứ ba, Trường có quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được CDR.

Trên cơ sở triết lý và các mục tiêu đào tạo của Trường, Trường đã ban hành các quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được CDR. Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Quyết định số 896/QĐ-ĐHL ngày 7/9/2006 và Quyết định số 1979 ngày 19/10/2015 thành lập Trung tâm ĐBCL&PPGD giao nhiệm vụ cho Trung tâm ĐBCL&PPGD quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động liên quan đến bảo đảm chất lượng và phương pháp giảng dạy và học tập tại Trường [H15.15.01.08]. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Trung tâm ĐBCL&PPGD đã ban hành các hướng dẫn thực hiện hoạt động dạy và học cho GV và người học, bảo đảm cho hoạt động dạy và học tại Trường đạt hiệu quả tốt nhất [H15.15.01.09].

Căn cứ vào đối tượng thực hiện, Nhà trường còn ban hành nhiều văn bản hướng dẫn cụ thể liên quan đến hoạt động dạy và học: Quyết định số... Hướng dẫn về phương pháp, yêu cầu trong hoạt động giảng dạy và học tập Trường ĐH Luật Tp.HCM [H15.15.01.10]; Kế hoạch số 772/KH-ĐHL ngày 26/9/2018 Tổ chức Tập huấn về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra - đánh giá [H15.15.01.11]; Sổ tay hướng dẫn SV về quy chế đào tạo và các vấn đề về học tập tại Trường [H15.15.01.12]; Quyết định số 1737/QĐ-ĐHL ngày 26/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy chế hợp nhất số 506 A/ĐHL-TCHC ngày 27/03/2014 về Biên soạn và phát hành tài liệu học tập; Quyết định số 2262/QĐ-ĐHL Về việc ban hành Quy định thẩm định các loại tài liệu học tập; Quyết định số 1007/QĐ-ĐHL ngày 30/10/2020 Về việc sửa đổi, bổ sung các CTĐT trình độ đại học [H15.15.01.13]. Đặc biệt, để khắc phục và thích ứng với ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, đồng thời cung cấp hạ tầng học tập trực tuyến để phục vụ nhu cầu học tập mọi nơi, mọi lúc của người học, Hiệu trưởng Trường đã khẩn trương ban hành Quyết định số 992/QĐ-ĐHL ngày 16/10/2020 Về việc ban hành Quy định về giảng dạy và học tập trực tuyến [H15.15.01.14].

Bên cạnh đó, để bảo đảm cho hoạt động dạy và học hiệu quả, các khoa và đơn vị trực thuộc Trường cũng hướng dẫn hoạt động dạy và học hiệu quả thông qua việc triển

khai các kế hoạch và tổ chức thực hiện các hội thảo, tọa đàm, chương trình tư vấn nhằm hướng dẫn, phổ biến cho người học các phương pháp dạy và học hiệu quả, điển hình như hội thảo “Sử dụng bản án trong công tác đào tạo luật và NCKH” tổ chức ngày 03/01/2015; hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua thảo luận và đề cương thảo luận” ngày 02/01/2018, chuỗi livestream tư vấn phương pháp học E-Learning cho SV tổ chức vào tháng 03/2020; hội thảo “Giảng dạy trực tuyến các môn Khoa học cơ bản – Thuận lợi, khó khăn và giải pháp” tổ chức ngày 27/01/2021; hội thảo “Ứng dụng các phương pháp giảng dạy và học luật” tổ chức ngày 14/4/2021; chuỗi series tư vấn “Phương pháp học tập và nghiên cứu” tổ chức ngày 20/10/2021; chương trình Tư vấn trực tuyến phương pháp ôn tập và thi hiệu quả cho học viên vừa học vừa làm, văn bằng 2 chính quy tổ chức ngày 1/12/2021; Chương trình tư vấn trực tuyến phương pháp ôn tập và thi hiệu quả cho học viên sau đại học tổ chức ngày 11/12/2021 [H15.15.01.15].

Đối với từng học phần/môn học, các khoa là đơn vị chịu trách nhiệm xác định, lựa chọn và triển khai hoạt động dạy và học các học phần/môn học thuộc quản lý của khoa. Các bộ môn trực thuộc khoa sẽ thành lập tổ công tác chuyên trách để thiết kế, xây dựng hồ sơ môn học, gồm các bộ phận quan trọng: giới thiệu tổng quan về môn học/học phần, danh mục tài liệu tham khảo, đề cương môn học, slide bài giảng, câu hỏi và bài tập ôn tập; sau đó, Hội đồng khoa học của khoa sẽ chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ môn học, trong đó chú trọng đến các hướng dẫn về phương pháp dạy và học, nội dung giảng dạy của học phần, phương pháp đánh giá, nhằm hướng tới đạt được CĐR và phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường [H15.15.01.16]. Hồ sơ môn học sẽ được Nhà trường công bố trên cổng thông tin điện tử của Trường và được GV phụ trách học phần phổ biến đến người học ngay từ thời điểm bắt đầu học phần [H15.15.01.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm

Trường đã triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm:

Thứ nhất, Trường đã thực hiện chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV.

GV là nguồn lực quan trọng để bảo đảm và thực hiện chức năng giáo dục, đào tạo của Trường ĐH Luật Tp.HCM. Đặc biệt, trong bối cảnh thực hiện Đề án tổng thể xây dựng thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật và Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường, công tác xây dựng, công tác hoàn thiện và phát triển đội ngũ GV được xác định là một nhiệm vụ và chiến lược cấp thiết của Nhà trường **[H15.15.02.01]**.

Trong nhiều năm trở lại đây, Trường đã đẩy mạnh thực hiện chiến lược, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ GV của Trường; với mục tiêu xây dựng được đội ngũ GV vững mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng, có tâm huyết với nghề, có trình độ chuyên môn, năng lực giảng dạy, năng lực nghiên cứu và hướng dẫn khoa học. Nhà trường định hướng đến năm 2025, đội ngũ GV cơ hữu có khoảng 350 người, trong đó GV có trình độ tiến sĩ chiếm tối thiểu 40%, trong đó tối thiểu 20% GV có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 30% GV có thể giảng dạy, nghiên cứu, trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài. Đến năm 2030, đội ngũ GV cơ hữu của Trường có khoảng 600 người với tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ đạt ít nhất 50%, trong đó ít nhất 20% GV có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 50% GV có thể giảng dạy, nghiên cứu trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài; chú trọng việc phát triển đội ngũ GV được đào tạo tại nước ngoài; xây dựng đội ngũ GV thỉnh giảng đến năm 2030 có thể đảm nhiệm ít nhất 20% khối lượng công việc giảng dạy của Trường **[H15.15.02.02]**.

Để bảo đảm chất lượng GV, Trường đã ban hành các quy định về quy trình, tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng GV cơ hữu; và dựa các quy định này, Nhà sẽ tổ chức triển khai tuyển dụng GV **[H15.15.02.03]**. Theo Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị viên chức và người lao động năm học 2019 - 2020, tính đến ngày 30/9/2020, số lượng GV của Trường là 275 GV cơ hữu, gồm có 17 phó giáo sư, 55 tiến sĩ và 190 thạc sĩ, đáp ứng 95.3% GV có trình độ sau đại học **[H15.15.02.04]**. Trong 05 năm trở lại đây, Trường đã đẩy mạnh công tác tuyển dụng GV, nhằm phát triển đội ngũ GV giỏi và tâm huyết cả về số lượng lẫn chất lượng, đáp ứng nhu cầu học tập của người học và xã hội **[H15.15.02.05]**. Sau khi được bổ nhiệm chức danh GV, Trường sẽ có nhiều chính

sách khuyến khích và hỗ trợ GV nâng cao trình độ, thi hoặc xét thăng hạng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp tương ứng, xếp lương theo quy định; cử các GV có trình độ ngoại ngữ tốt ra nước ngoài tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, thu thập tài liệu để soạn môn học mới giảng dạy bằng tiếng Anh [H15.15.02.06].

Để đào tạo và phát triển đội ngũ GV có năng lực và chuyên môn, có tâm huyết gắn bó lâu dài, Nhà trường đã thực hiện nhiều chính sách đãi ngộ dành cho GV. Hằng năm, Trường thành lập tổ công tác để sửa đổi Quy chế thu chi nội bộ nhằm cải thiện hơn nữa thu nhập cho GV; đơn giá tiền giảng, hệ số quy đổi tiền giảng tăng lên theo từng năm; mức thanh toán cho các hoạt động hỗ trợ giảng dạy của GV cũng được tăng dần như thanh toán cho tiền chấm bài, coi thi, ra đề thi, hệ thống các lớp tốt nghiệp... [H15.15.02.07]. Đối với các GV có thâm niên, Trường áp dụng chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo [H15.15.02.08]. Để khuyến khích các GV có tâm huyết, Trường có nhiều chính sách khen thưởng và vinh danh đối với các GV có thành tích nổi bật trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và hướng dẫn người học như: thưởng cho GV có công trình nghiên cứu được công bố quốc tế thuộc hệ thống ISI hoặc SCOPUS [H15.15.02.09]; thưởng cho GV có thành tích hướng dẫn SV NCKH đạt các giải thưởng NCKH SV cấp Bộ, giải thưởng SV NCKH – Euréka [H15.15.02.10]; khen thưởng dành cho các GV trẻ tiêu biểu cấp trường và cấp thành [H15.15.02.11]... Đối với GV đang học nghiên cứu sinh, Nhà trường cũng có chính sách miễn giảm giờ giảng theo nghĩa vụ chung để GV dành thời gian tập trung cho khóa học [H15.15.02.12]. Nhà trường còn dành nhiều ngân sách để chăm lo cho đời sống của cán bộ, GV như khám sức khỏe định kỳ hằng năm [H15.15.02.13]; hỗ trợ tiền tái tạo sức lao động hàng năm, tiền các ngày lễ trong năm; hỗ trợ GV vay vốn để mua máy tính phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu [H15.15.02.14]; tổ chức các tour du lịch, tham quan, nghỉ dưỡng cho cán bộ, GV là công đoàn viên [H15.15.02.15].

Thứ hai, Trường thực hiện phân công nhiệm vụ cho GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Để bảo đảm nhiệm vụ giảng dạy được phân công phù hợp và đúng người đúng việc, Nhà Trường triển khai phân công nhiệm vụ, công việc cho GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm. Nhà trường đã thực hiện

Đề án số 216/DHL-HCTH ngày 5/4/2018 Về Kế hoạch triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm tại Trường ĐH Luật Tp.HCM [H15.15.02.16]. Trường xác định các công việc, việc làm tại Trường được phân công theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng của công chức, viên chức; là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong Trường [H15.15.02.17].

Trước khi giao nhiệm vụ giảng dạy các học phần/ môn học cho GV, bài soạn và kỹ năng giảng dạy của GV bắt buộc phải được đánh giá, xem xét thông qua bởi Hội đồng chuyên môn của Trường, khoa và bộ môn [H15.15.02.18]. Trường cũng giao nhiệm vụ cho các bộ môn thuộc khoa phụ trách phân công giờ giảng, sau đó Trường thành lập Hội đồng xét duyệt việc phân công giờ giảng để bảo đảm giờ giảng được phân công đáp ứng giờ giảng nghĩa vụ, đồng thời đánh giá tính phù hợp về chuyên môn, trình độ và kinh nghiệm giảng dạy của GV được phân công [H15.15.02.19]. Trong công tác hướng dẫn thực tập, luận văn, luận án và công trình NCKH, Nhà trường và khoa sẽ căn cứ vào chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu của GV để phân công nhiệm vụ hướng dẫn [H15.15.02.20].

Ngoài ra, đối với GV kiêm nhiệm công tác quản lý, để bảo đảm tính ổn định, kế thừa, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý việc dạy và học của các khoa và bộ môn, Hiệu Trưởng Nhà trường đã ban hành Quyết định số 517/QĐ-ĐHL ngày 29/4/2021 quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức quản lý của Trường ĐH Luật Tp.HCM; đây là cơ sở để lãnh đạo Nhà trường ban hành các quyết định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với GV quản lý tại các khoa và bộ môn [H15.15.02.21].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được Nhà trường tổ chức phù hợp để đạt được CDR:

Thứ nhất, Nhà trường tạo dựng được môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức.

Căn cứ vào CTĐT [H15.15.03.01], Nhà trường sẽ lên kế hoạch cho từng năm học [H15.15.03.02]; trên cơ sở đó, thời khóa biểu của từng khóa, từng lớp trong mỗi học kỳ được Trường công bố giúp người học theo dõi và thực hiện [H15.15.03.03]. Sau khi nhập học, người học được Nhà trường phát hành Sổ tay SV, các hướng dẫn về CTĐT, quy định, quy chế học tập tại Trường [H15.15.03.04]. Để hỗ trợ sâu sát hơn, Nhà trường phân công nhiệm vụ cho GV, cán bộ phụ trách công tác CVHT, hỗ trợ và tư vấn cho người học các vấn đề liên quan đến hoạt động học tập và nghiên cứu tại Trường [H15.15.03.05].

Trường ĐH Luật Tp.HCM có thương hiệu và bề dày lịch sử lâu đời trong đào tạo luật ở Việt Nam, vì vậy Trường đã tạo dựng được môi trường học tập rất đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi, học hỏi và khám phá kiến thức. Trong quá trình học tập và nghiên cứu, người học được tiếp cận với nhiều hình thức, giải pháp học tập, nghiên cứu đa dạng và hiệu quả: tham gia học trực tiếp tại giảng đường hoặc học trực tuyến trên hệ thống học trực tuyến với nhiều học phần được thiết kế cả giờ lý thuyết lẫn giờ thảo luận [H15.15.03.06]; được tự học, nghiên cứu, mượn tài liệu tại thư viện ở hai cơ sở: Nguyễn Tất Thành hoặc Bình Triệu với nguồn tài liệu phong phú, gồm sách tham khảo, sách chuyên ngành luật, sách tiếng Việt và sách ngoại văn, luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, đề tài NCKH, báo - tạp chí các loại [H15.15.03.07]; được chủ động mượn phòng để tự học hoặc để tổ chức thảo luận nhóm [H15.15.03.08]; được đăng ký tài khoản để sử dụng nguồn tài liệu thông tin số, có thể truy cập và sử dụng nguồn tài nguyên thông tin số, phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu mọi nơi, mọi lúc [H15.15.03.09]; được đăng ký tham dự và trao đổi trong các hội thảo, tọa đàm, chuyên đề khoa học do Nhà trường, khoa tổ chức [H15.15.03.10]; học hỏi kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thông qua việc tham gia các chương trình, cuộc thi, tọa đàm, hội nghị do Đoàn trường, đoàn khoa tổ chức [H15.15.03.11]...

Đặc biệt, để giúp người học hình thành và phát triển các kỹ năng, thái độ cần có của một luật gia, hình thành tư duy pháp lý và phát huy tính chủ động, sáng tạo của

người trẻ, Nhà trường xây dựng các đơn vị tín chỉ trong các CTĐT với nguyên tắc giờ học lý thuyết kết hợp với giờ học thảo luận, thực hành [H15.15.03.12]. Nội dung thảo luận, thực hành được thiết kế bảo đảm tương thích với mục tiêu về kiến thức của học phần, phản ánh được thực tiễn áp dụng pháp luật và tạo ra tiền đề cho người học hình thành tư duy pháp lý, phát triển kỹ năng hành nghề [H15.15.03.13].

Đối với người học phải học lại (không đạt) hoặc có nguyện vọng cải thiện điểm số học tập, người học được Nhà trường tạo điều kiện để đăng ký học lại hoặc học cải thiện [H15.15.03.14]. Đặc biệt, Trường có nhiều CTĐT cho phép SV có thể liên thông giữa các ngành như: liên thông từ ngành Luật sang ngành Ngôn ngữ Anh, liên thông từ ngành Luật sang ngành Quản trị kinh doanh, liên thông từ ngành Ngôn ngữ Anh sang ngành Luật (hệ CLC), liên thông từ ngành Ngôn ngữ Anh sang ngành Luật (hệ CLC), liên thông từ ngành Quản trị kinh doanh sang ngành Luật, liên thông từ ngành Quản trị kinh doanh sang ngành Ngôn ngữ Anh [H15.15.03.15].

Để nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc phát triển tư duy và kỹ năng nghiên cứu pháp lý cho người học, Nhà trường có chính sách khuyến khích để người học thực hiện các công trình NCKH, như viết bài đăng tạp chí chuyên ngành, viết bài cho các tọa đàm, hội thảo liên quan đến hoạt động học thuật. Hằng năm, Trường chỉ đạo cho Phòng QL NCKH&HTQT phối hợp với các khoa để tổ chức tuyển chọn, triển khai, nghiệm thu các công trình NCKH của SV, nhiều đề tài nghiên cứu của SV có tính ứng dụng và được đánh giá cao, đạt nhiều giải thưởng trong các cuộc thi NCKH trong trường và trên cả nước [H15.15.03.16]. Ngoài ra, để rèn luyện và phát triển các kỹ năng cho người học, Đoàn Trường và các đoàn khoa đã tổ chức nhiều cuộc thi về học thuật và kỹ năng, tạo diễn đàn học tập và nghiên cứu mới mẻ, đầy thử thách và thú vị cho người học, thông qua việc lên kế hoạch và tổ chức các chương trình, cuộc thi như: Phiên tòa giả định, Khi tôi vào Đại học - Hành trang tiến tới ước mơ, Tranh tài hùng biện, Lớp học phương pháp NCKH SV, Tôi là SV luật, Nếu tôi là đại biểu của dân, Cuộc chiến thương luật... [H15.15.03.17].

Thứ hai, Nhà trường triển khai các hoạt động học tập đa dạng.

Nhà trường đã triển khai các hoạt động học tập đa dạng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động và xu hướng hội nhập quốc tế sâu rộng. Trường đã mời và hợp tác với nhiều cơ sở đào tạo, nhà khoa học, chuyên gia, luật sư trong và ngoài nước

để tham gia thỉnh giảng, chia sẻ, tập huấn cho người học về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp [H15.15.03.18]. Trường tuyển chọn các SV ưu tú tham gia các chương trình trao đổi học thuật, khóa học ngắn hạn tại nhiều cơ sở đào tạo ở nước ngoài [H15.15.03.19]. Bên cạnh đó, Trường cũng là một cơ sở đào tạo trong nước tiên phong trong công tác hợp tác quốc tế về đào tạo; trong nhiều năm qua, Trường đã hợp tác với Đại học Tây Anh Quốc để giảng dạy chương trình Liên kết Đào tạo Thạc sỹ Luật Thương mại và kinh tế quốc tế [H15.15.03.20].

Đối với các học phần/ môn học, nội dung giảng dạy, đề cương học phần và hệ thống câu hỏi, bài tập luôn có sự kết hợp chặt chẽ giữa khối kiến thức lý thuyết với khối kiến thức thực tiễn; nhiều chất liệu từ thực tiễn như bản án/quyết định của Tòa án, Trọng tài, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tình huống, vụ việc, số liệu thực tiễn được GV sử dụng phục vụ cho hoạt động dạy và học [H15.15.03.21]. Trường còn thực hiện nhiều dự án để xây dựng và phát hành các sách tình huống gồm các bản án, phán quyết và vụ việc phát sinh trong thực tiễn, thu hẹp khoảng cách giữa kiến thức lý thuyết với thực tiễn, phục vụ hiệu quả cho công tác dạy và học như: sách tình huống pháp luật về thương mại hàng hoá và dịch vụ, sách tình huống về pháp luật hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, sách tình huống về Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam... [H15.15.03.22]

Hằng năm, Trường tổ chức cho SV các lớp được tham gia kiến tập, tham quan và học hỏi kinh nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp hoặc các cơ quan nhà nước, tổ chức như Tòa án nhân dân, Viện kiểm soát nhân dân, trung tâm trọng tài thương mại, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam... [H15.15.03.23]. Nhà trường còn tạo điều kiện để SV thành lập và tham gia rèn luyện trong các câu lạc bộ, hội nhóm chuyên về học thuật hoặc kỹ năng, như câu lạc bộ luật gia trẻ, câu lạc bộ sử học trẻ... [H15.15.03.24]. Thông qua Đoàn trường và các đoàn khoa, SV còn được Nhà trường tổ chức tham gia các chương trình trợ giúp hoặc tư vấn pháp lý miễn phí cho người dân, cộng đồng; tạo diễn đàn cho SV có thể thực hành sớm với môi trường công việc và hình thành các kỹ năng hành nghề cần thiết của một cử nhân luật [H15.15.03.25].

Trường còn thành lập Trung tâm QHDN&HTSV (Quyết định số 2319/QĐ-ĐHL ngày 15/12/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Tp.HCM) để tham mưu cho Hiệu trưởng về hoạt động tư vấn việc làm; công tác gắn nhà trường với các doanh nghiệp và

cơ quan thực tế; những hoạt động nhằm nâng cao chất lượng học tập - NCKH của SV [H15.15.03.26]. Đặc biệt, để hoàn thiện chức năng đào tạo của Nhà trường, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học và xã hội, Trường còn tổ chức các khóa đào tạo luật ngắn hạn từ cơ bản đến chuyên sâu, từ kiến thức đến kỹ năng được thiết kế trong các khóa học không dài quá 06 tháng. Ban giảng huấn tại Trung tâm là các GV, luật sư, chuyên gia trong và ngoài Trường có học hàm, học vị, chuyên môn cao, kỹ năng truyền đạt tốt, kinh nghiệm thực tiễn phong phú. Người học có thể lựa chọn các khóa học mang tính chuyên sâu như: Khóa học thuế nhà thầu và chuyên giá, pháp luật kinh doanh bất động sản dành cho nhà đầu tư cá nhân, Khóa học Legal English, Khóa học dự án “huấn luyện kỹ năng để trưởng thành trong môi trường nghề luật”... [H15.15.03.27].

Từ năm 2018, Nhà trường cũng triển khai thực hiện Kế hoạch số 374/KH – ĐHL ngày 16/5/2018 về việc Triển khai thực hiện đề án “Hỗ trợ học sinh, SV khởi nghiệp đến năm 2025” của Trường ĐH Luật Tp.HCM, nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của SV và trang bị các kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho SV trong thời gian học tập tại trường; tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ SV hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, góp phần tạo việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp” [H15.15.03.28].

Thứ ba, Nhà trường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR của các môn học/học phần.

Trường ĐH Luật Tp.HCM luôn là cơ sở đào tạo luật tiên phong trong việc ứng dụng các phương pháp dạy và học tích cực. Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Trung tâm ĐBCL&PPGD chịu trách nhiệm nghiên cứu, tập huấn và phổ biến cho GV các phương pháp và kỹ năng giảng dạy, học tập tích cực, trong đó nhiều phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng tại Trường. Về phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng như: (i) nhóm phương pháp giúp GV đứng lớp: phương pháp thuyết giảng (Lectures), phương pháp thảo luận nhóm (Group discussion), phương pháp song giảng; (ii) nhóm phương pháp giúp SV nâng cao kỹ năng tự học: phương pháp động não (Brainstorming), phương pháp tranh biện (Debates), phương pháp seminar, phương pháp học tập qua Internet (Online teaching), phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning); (iii) nhóm phương pháp học tập qua trải nghiệm: phương pháp đóng vai (Role play), phương pháp nghiên cứu tình huống (Case study), phương pháp diễn án (Moots), phương pháp “Bể cá – Fish bowl”; (iv) nhóm phương pháp trải nghiệm ngoài lớp học: phương pháp

pháp khảo sát thực tế (Field trip), phương pháp học tập phục vụ cộng đồng... Về kỹ năng giảng dạy tích cực được áp dụng như: trò chơi (Games), con rối (Puppets), xếp loại (Ranking exercises), trò chơi ghép hình (Jigsaw game), hỏi đáp (Question and answer), phản đối quan điểm (Taking a stand), kết thúc mở (Open – ended stimulus), thăm dò ý kiến (Opinion Polls), thuyết trình từng người (Participant Presentations), phản xạ nhanh trước tình huống bất ngờ - mô hình PRES (Think on your feet – PRES formular), dạy mình dạy người (Each one teach one)... [H15.15.03.29].

Tùy thuộc vào chuyên môn và lĩnh vực giảng dạy, các khoa còn thường xuyên tổ chức các hội thảo, tọa đàm, chương trình về phương pháp, kỹ năng, kinh nghiệm giảng dạy và học tập các môn học/ học phần thuộc khoa như: hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua thảo luận và đề cương thảo luận” ngày 02/01/2018 của Khoa Luật Dân sự, hội thảo “Giảng dạy trực tuyến các môn Khoa học cơ bản - Thuận lợi, khó khăn và giải pháp” tổ chức ngày 27/01/2021 của Khoa Khoa học cơ bản, hội thảo “Ứng dụng các phương pháp giảng dạy và học luật” tổ chức ngày 14/4/2021 của Khoa Luật Hành chính... [H15.15.03.30]. Đề cương môn học/học phần đều có mô tả và yêu cầu về phương pháp dạy và học, giúp GV và người học định hình được phương pháp dạy và học hiệu quả [H15.15.03.31]. Các GV mới được tuyển dụng hoặc mới chuyển công tác tại Trường đều được tham gia các lớp tập huấn chuyên sâu về phương pháp và kỹ năng giảng dạy [H15.15.03.32].

Trong nhiều năm trở lại đây, Nhà trường cũng chú trọng việc đầu tư và nâng cấp các trang thiết bị, công nghệ hiện đại cho hệ thống giảng đường, thư viện và các trung tâm NCKH; hạ tầng kỹ thuật, hệ thống mạng, biên soạn giáo trình - tài liệu, phát triển nguồn tài liệu điện tử và nâng cấp website, hướng tới việc phục vụ tốt nhất cho hoạt động dạy và học của Trường [H15.15.03.33].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Các hoạt động dạy và học tại Trường được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng:

Thứ nhất, Nhà trường thực hiện giám sát hoạt động dạy và học hằng năm.

Để bảo đảm và cải tiến chất lượng dạy và học, Trường đã xây dựng, áp dụng các cơ chế, cách thức giám sát và đánh giá chặt chẽ. Đầu mỗi năm học, đơn vị quản lý về đào tạo của Trường (Phòng đào tạo và Phòng đào tạo sau đại học, Phòng QL HVLVH) sẽ thông báo về kế hoạch của học kỳ và cả năm học để các khoa và đơn vị cùng phối hợp thực hiện; đây cũng là kênh thông tin để Nhà trường theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập tại Trường **[H15.15.04.01]**.

Phòng thanh tra là đơn vị chuyên trách của Trường có nhiệm vụ giám sát hoạt động dạy và học. Căn cứ vào thời khóa biểu và lịch làm việc được Trường công bố, Phòng Thanh tra sẽ tiến hành hoạt động thanh tra, giám sát việc chấp hành các quy chế, quy định về dạy và học **[H15.15.04.02]**. Các hành vi vi phạm, ảnh hưởng đến công tác dạy và học tại Trường, tùy vào mức độ và tính chất vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của Trường. Vì vậy, quy chế, quy định về dạy và học tại Trường được bảo đảm chấp hành nghiêm túc, duy trì được nề nếp của GV và người học. Hằng tháng, Trường sẽ gửi Thông báo về tình hình hoạt động của Nhà trường tới toàn thể cán bộ, GV, chuyên viên và người lao động, trong đó có làm rõ về thực trạng dạy và học tại Trường **[H15.15.04.03]**. Sau mỗi năm học, Nhà trường yêu cầu các khoa báo cáo kết quả hoạt động của năm học, thông qua đó ban lãnh đạo Nhà trường sẽ đánh giá và đưa ra giải pháp cho các khoa trong việc nâng cao chất lượng dạy và học **[H15.15.04.04]**.

Hằng năm, Nhà trường tiến hành tổ chức các buổi đối thoại giữa người học với Hiệu trưởng Nhà trường; thông qua đó, Ban lãnh đạo Nhà trường và các khoa có thể tiếp nhận các ý kiến phản hồi, đánh giá, góp ý và đề xuất của người học liên quan đến thực trạng và chất lượng đào tạo của Nhà trường **[H15.15.04.05]**.

Đối với hoạt động giám sát và đánh giá người học, Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành và thực thi Quyết định số 306 /QĐ-ĐHL ngày 13/03/2012 Về Nội quy trường học, Quyết định số 964/QĐ-ĐHL ngày 09/10/2020 Quy định đánh giá kết quả rèn luyện SV được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy Trường ĐH Luật Tp.HCM, phát hành Sổ tay SV, Quyết định số 1195 /QĐ-ĐHL ngày 21/9/2009 Quy chế Công tác CVHT theo hệ thống tín chỉ **[H15.15.04.06]**. Căn cứ vào các quy định trên, Nhà trường giao cho Phòng Công tác - Chính trị SV, Đoàn trường và các đoàn khoa cùng phối hợp với cán bộ, GV CVHT để giám sát hoạt động học tập, nghiên cứu và rèn luyện của SV tại Trường. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức triển khai đánh giá kết quả rèn luyện SV, kết quả đánh

giá rèn luyện của SV được lưu trong hồ sơ quản lý SV của Trường, được sử dụng để: xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác tùy theo quy định của cơ sở giáo dục đại học; xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp; ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của SV khi tốt nghiệp ra trường; xem xét biểu dương, khen thưởng. Nếu SV bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học **[H15.15.04.07]**

Thứ hai, Nhà trường đã thực hiện việc đánh giá GV.

Sau mỗi năm học, Nhà trường và các khoa sẽ tổ chức đánh giá phân loại và thi đua khen thưởng năm học đối với từng GV, trong đó hiệu quả và mức độ bảo đảm về chất lượng giảng dạy của GV là một tiêu chí quan trọng để đánh giá, xác định việc hoàn thành nhiệm vụ của GV trong năm học **[H15.15.04.08]**. Việc đánh giá GV được Trường triển khai theo quy trình công khai và dân chủ, GV sẽ tự đánh giá công khai tại khoa và được xem xét, xếp loại tại cuộc họp tập thể ở khoa và Hội đồng thi đua khen thưởng do Trường thành lập **[H15.15.04.09]**.

Trong hoạt động giảng dạy và chuyên môn, Nhà trường giao cho các khoa và bộ môn đánh giá thường xuyên. Đối với hoạt động soạn và thông qua bài giảng, thông thường từng GV sẽ triển khai theo một quy trình nghiêm ngặt: tham gia dự giờ giảng của các đồng nghiệp; tiến hành soạn bài; tham gia trao đổi chuyên môn với đồng nghiệp và trao đổi trong các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ của khoa và bộ môn; thông qua bài giảng tại hội đồng chuyên môn cấp khoa và cấp bộ môn **[H15.15.04.10]**. Định kỳ, lãnh đạo khoa và bộ môn có thể tiến hành dự giờ bất thường để kiểm tra và ĐGCL giảng dạy của các GV thuộc khoa, bộ môn **[H15.15.04.11]**. Đối với hoạt động NCKH, các công trình NCKH của GV sẽ được đánh giá, thẩm định bởi hội đồng chuyên môn, bảo đảm công trình có giá trị khoa học, có thể ứng dụng vào thực tiễn và phục vụ tốt nhất cho hoạt động dạy và học tại Trường **[H15.15.04.12]**. Trong mỗi năm học, nếu GV không hoàn thành nhiệm vụ NCKH, quy đổi để đáp ứng giờ NCKH theo nghĩa vụ thì GV đó bị xem xét, đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ của năm học **[H15.15.04.13]**.

Thứ ba, Trường thực hiện ĐGCL hằng năm từ người học của các ngành đào tạo trong và sau khi ra trường.

Đánh giá hoạt động giảng dạy của GV bởi chính người học là một biện pháp quan trọng trong công tác bảo đảm chất lượng dạy và học của cơ sở giáo dục đại học. Hiện nay, Trường thực hiện ĐGCL hằng năm từ người học của các ngành đào tạo trong và sau khi ra trường. Sau khi kết thúc học kỳ, Trung tâm ĐBCL&PPGD sẽ tiến hành gửi phiếu khảo sát tới người học nhằm đánh giá hoạt động giảng dạy của các GV trong học kỳ, theo đó người học sẽ ĐGCL giảng dạy dựa trên những tiêu chí quan trọng: *GV phổ biến mọi thông tin liên quan đến môn học trong buổi học đầu tiên; tài liệu giảng dạy môn học mà GV cung cấp đáp ứng nhu cầu của người học về nội dung, hình thức, bài tập và danh mục tài liệu tham khảo; GV giảng dạy đảm bảo theo nội dung bộ tài liệu giảng dạy đã được cung cấp cho người học; GV vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau; GV tổ chức, quản lý lớp học nghiêm túc và khoa học; GV trình bày bài giảng sôi động và dễ hiểu, có tương tác tốt với người học; GV sử dụng các phương pháp giảng dạy kích thích hứng thú tìm tòi tri thức mới của người học; GV tôn trọng, khuyến khích và tạo cơ hội để người học đặt câu hỏi, phát biểu, tranh luận trong giờ học; GV giải đáp các thắc mắc của người học một cách đầy đủ và thoả đáng; GV chú ý phát triển kỹ năng diễn đạt và tư duy phản biện của người học; GV hướng dẫn người học làm việc với các nguồn tri thức khác nhau; GV luôn kết hợp tài liệu thực tiễn, đưa các vụ án, vụ việc, tình huống thực tế trong khi giảng dạy; GV tạo được môi trường học tập tích cực và thân thiện; GV có tác phong sư phạm tốt [H15.15.04.14].* Việc khảo sát chất lượng giảng dạy giúp cho Nhà trường tiếp nhận được ý kiến về chất lượng giảng dạy của các GV, từ đó sẽ có phương hướng để cải thiện và nâng cao chất lượng dạy và học tập của Trường.

Bên cạnh đó, vấn đề khảo sát, tiếp thu ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo từ người học còn được triển khai qua nhiều cách thức khác nhau: tiếp thu ý kiến của người học về chất lượng giảng dạy của các học phần thông qua cán bộ, GV CVHT; tổ chức đối thoại trực tiếp giữa SV với Hiệu trưởng Nhà trường; các đơn vị chức năng hoặc Hiệu trưởng tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, ý kiến của người học bằng hình thức thư điện tử (e-mail) [H15.15.04.15].

Đối với người học đã hoàn thành khóa học và chuẩn bị tốt nghiệp, Nhà trường triển khai thực hiện khảo sát để tiếp thu các ý kiến góp ý của người học, góp phần vào việc tìm ra các giải pháp để hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường; nhất là những nội dung về mục tiêu và CTĐT, hoạt động giảng dạy và kiểm tra - đánh giá, tổ chức và quản lý đào tạo, mức độ đáp ứng của khóa học đối với người học [H15.15.04.16].

Thứ tư, Trường triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học dựa trên kết quả khảo sát môn học.

Trên cơ sở kết quả khảo sát về chất lượng giảng dạy học phần hằng năm, Trường đã tiến hành tổng kết và ĐGCL giảng dạy các học phần, từ đó tiến hành triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học, như: tổ chức cuộc thi “Phương pháp giảng dạy tích cực” nhằm tạo diễn đàn để các GV của Trường học hỏi, tham khảo và áp dụng sáng tạo các phương pháp, kỹ năng giảng dạy tích cực [H15.15.04.17]; tổ chức Tập huấn về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra - đánh giá [H15.15.04.18]; tổ chức hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua thảo luận và đề cương thảo luận” để GV nâng cao chất lượng dạy và học đối với giờ giảng thảo luận [H15.15.04.19]; tổ chức chuỗi livestream tư vấn phương pháp học E-Learning cho người học [H15.15.04.20]; tổ chức hội thảo “Giảng dạy trực tuyến các môn Khoa học cơ bản – Thuận lợi, khó khăn và giải pháp” để nâng cao chất lượng dạy và học trực tuyến các môn thuộc Khoa Khoa học cơ bản [H15.15.04.21]; tổ chức hội thảo “Ứng dụng các phương pháp giảng dạy và học luật” nhằm cải tiến và ứng dụng các phương pháp dạy học hiện đại [H0015.15.04.22]; tổ chức chuỗi series tư vấn “Phương pháp học tập và nghiên cứu” [H15.15.04.23]; tổ chức chương trình Tư vấn trực tuyến phương pháp ôn tập và thi hiệu quả cho học viên vừa học vừa làm, văn bằng 2 chính quy [H15.15.04.24]...

Các phương pháp đánh giá, kiểm tra người học cũng được Nhà trường cải tiến liên tục như: ban hành và áp dụng các quy định về kiểm tra và thi học phần [H15.15.04.25]; ban hành và áp dụng các quy định về hình thức và yêu cầu đối với tiểu luận, khóa luận, luận văn và luận án [H15.15.04.26]; ban hành và áp dụng quy định về xây dựng đề thi trắc nghiệm [H15.15.04.27]; ban hành và áp dụng các quy định về tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến trong thời gian dịch bệnh COVID-19 [H15.15.04.28].

Sau khi hoàn thành kết quả khảo sát hoạt động giảng dạy của từng học phần/môn học, Trung tâm ĐBCL&PPGD sẽ chủ động gửi thông tin truy cập kết quả khảo sát đến GV phụ trách học phần/môn học; GV sẽ tự xem xét hoặc trao đổi với đồng nghiệp và Trung tâm ĐBCL&PPGD về tính phù hợp, hiệu quả của nội dung, phương pháp, kỹ năng và thái độ giảng dạy của mình với người học, từ đó hoàn thiện hơn đối với hoạt động giảng dạy của mình [H15.15.04.29].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được Nhà trường cải tiến để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời:

Thứ nhất, Nhà trường tập trung phát triển tinh thần của triết lý giáo dục thông qua thực hiện nhiều chiến lược và kế hoạch đào tạo, phù hợp với CDR, tiếp cận với xu hướng mới.

Triết lý giáo dục “**Sáng tri thức - Vững công minh**” được Trường ĐH Luật Tp.HCM xây dựng và định hình xuyên suốt trong quá trình dạy và học, phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của một cơ sở đào tạo luật trọng điểm. Để triết lý giáo dục của Nhà trường được lan tỏa, hướng tới đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đào tạo trong thời kỳ mới, Nhà trường đã thực hiện nhiều chiến lược và kế hoạch đào tạo mới phù hợp xu hướng chung trong đào tạo ngành luật. Trong đó, Nhà trường đã cải tiến phương thức đào tạo tín chỉ và triển khai các CTĐT mới nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về số lượng và chất lượng nhân lực CLC, phục vụ cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế và phục vụ nhu cầu cán bộ pháp luật cho phát triển kinh tế - xã hội [H15.15.05.01].

Thứ hai, Nhà trường điều chỉnh các hoạt động dạy và học ít nhất 2 năm/lần; nội dung điều chỉnh phù hợp với triết lý giáo dục nhằm đạt CDR.

Trong các năm học, hoạt động dạy và học hiệu quả luôn là vấn đề quan trọng được Ban lãnh đạo Nhà trường quan tâm, yêu cầu các đơn vị và khoa tìm kiếm, đề xuất các giải pháp hữu ích để điều chỉnh cho phù hợp với triết lý giáo dục nhằm đạt được CDR [H15.15.05.02]. Đối với nội dung CTĐT, Nhà trường đã ban hành quy định về rà soát các CTĐT để bảo đảm tính phù hợp và hiệu quả của CTĐT [H15.15.05.03]. Trong chu

kỳ đánh giá 2018-2022, Trường đã nhiều lần điều chỉnh hoạt động dạy và học, thông qua việc rà soát CTĐT [H15.15.05.04]; đối với đề cương học phần, trước khi vào năm học mới, Trường đều triển khai cho các khoa cập nhật và chỉnh sửa [H15.15.05.05]; các nội dung điều chỉnh hoạt động dạy và học luôn phù hợp với triết lý giáo dục và CDR.

Phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ của Trường luôn lấy người học làm trung tâm, để người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập, tích lũy kiến thức, từng bước hình thành thói quen học tập suốt đời, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn người học như Quy định về nội quy trường học để bảo đảm việc tuân thủ quy định, quy chế về học tập tại Trường [H15.15.05.06]; Quy định về phương pháp dạy và học tại Trường [H15.15.05.07]; Quy định về dạy và học trực tuyến [H15.15.05.08]; Quy định về điều kiện thực tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ [H15.15.05.09].

Ở cấp độ khoa chuyên môn, hoạt động dạy và học luôn được ban chủ nhiệm khoa, lãnh đạo bộ môn và GV chú trọng cải tiến: hàng tháng, các bộ môn thuộc khoa sẽ tổ chức họp và sinh hoạt chuyên môn, các GV sẽ cùng nhau trao đổi, thảo luận và góp ý về chuyên môn và kỹ năng giảng dạy [H15.15.05.10]; lãnh đạo các khoa thường xuyên tiến hành dự giờ bất thường để kiểm tra và ĐGCL giảng dạy của các GV thuộc khoa [H15.15.05.11]; triển khai tổ chức các hội thảo, tọa đàm về phương pháp dạy và học các học phần/môn học [H15.15.05.12].

Thứ ba, Trường triển khai lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng về triết lý giáo dục và các hoạt động dạy học.

Nhà trường còn triển khai lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng về triết lý giáo dục và các hoạt động dạy học. Theo đó, Nhà trường thường xuyên lên kế hoạch và triển khai thực hiện việc khảo sát và lắng nghe ý kiến về chất lượng đào tạo từ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức bên ngoài Trường; thực hiện khảo sát đánh giá CTĐT và nhu cầu nguồn nhân lực hàng năm từ các ĐV SDLĐ [H15.15.04.13].

Đặc biệt, Trường còn tổ chức Hội nghị khoa học cấp quốc gia về “Đào tạo nguồn nhân lực CLC tại Trường ĐH Luật Tp.HCM đáp ứng nhu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế” vào ngày 29/3/2021, nhằm đánh giá và tổng kết các kết quả của Nhà trường đã đạt được trong nhiều năm qua; đồng thời lắng nghe ý kiến góp ý, chia sẻ về chất lượng đào tạo của Trường từ đại diện của Bộ GD&ĐT và Đào tạo, Bộ Tư pháp,

Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Đoàn Luật sư Tp.HCM, Hội Luật gia Tp.HCM, Tòa án nhân dân Tp.HCM, Viện Kiểm sát nhân dân Tp.HCM, Tòa án nhân dân các tỉnh thành, Trường ĐH Luật Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Luật (ĐHQG Tp.HCM, Khoa luật các cơ sở đào tạo luật phía Nam, các ĐV SDLĐ, các hãng luật... Hội nghị đã tạo nên một diễn đàn để trao đổi, thảo luận về giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao của Trường, đáp ứng nhu cầu cải cách pháp luật và hội nhập quốc tế. Thông qua đó, Lãnh đạo Nhà trường đã tiếp thu các ý kiến góp ý để xây dựng kế hoạch nhằm định hướng phát triển Nhà trường trong giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn cho những năm tiếp theo [H15.15.05.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 15

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trường ĐH Luật Tp.HCM là cơ sở giáo dục có bề dày lịch sử trong hoạt động đào tạo luật tại Việt Nam, triết lý giáo dục của Nhà trường đã được định hình, đúc kết và kiểm nghiệm chặt chẽ và khoa học, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của Trường và xu hướng chung của đào tạo ngành luật hiện nay. Đặc biệt, triết lý giáo dục “*Sáng tri thức - Vững công minh*” chứa đựng nội dung và tinh thần của bối cảnh hội nhập toàn cầu và của thời đại mà pháp luật luôn được xã hội đề cao và tôn trọng và phù hợp với đặc tính nghề nghiệp của các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường. Vì vậy, triết lý giáo dục của Trường luôn được người học và xã hội công nhận.

- Để duy trì và phát triển thương hiệu, hoạt động và chiến lược phát triển của Nhà trường luôn đặt trọng tâm vào vấn đề bảo đảm chất lượng đào tạo, trong đó chú trọng vào phương pháp dạy và học. Nhà trường đã ban hành nhiều quy định và hướng dẫn về phương pháp, kỹ năng dạy và học; từ đó, giúp cho GV và người học có thể nhận diện và vận dụng được các phương pháp dạy và học hiệu quả nhất, hướng tới đạt được CDR của CTĐT.

- Trường là cơ sở đào tạo luật có thương hiệu của khu vực phía Nam, có lịch sử và bề dày truyền thống trong hoạt động đào tạo pháp luật nên có thể thu hút, tuyển dụng được nhiều GV có chuyên môn giỏi và tâm huyết với nghề. Vì vậy, Trường có đội ngũ

GV có trình độ chuyên môn cao và tâm huyết với nghề, bảo đảm hiệu quả cho hoạt động dạy và học, giúp người học đạt được mục tiêu đào tạo và CDR.

- Nhà trường đã giao nhiệm vụ cụ thể và xây dựng được cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị, khoa để thiết kế và triển khai các hoạt động học tập đa dạng; xây dựng được môi trường học tập suốt đời, thúc đẩy người học luôn tìm tòi, học hỏi, khám phá và sáng tạo tri thức.

- Việc ĐGCL giảng dạy được Trung tâm ĐBCL&PPGD triển khai, thực hiện bài bản, khoa học và thường xuyên, giúp các GV cải thiện hơn nữa nội dung, phương pháp, kỹ năng và thái độ đối với hoạt động giảng dạy của mình.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Triết lý giáo dục của Nhà trường đề cao cả hàm lượng kiến thức lẫn đạo đức nghề nghiệp. Tuy nhiên, khía cạnh giáo dục đạo đức nghề nghiệp chưa được tuyên bố một cách minh thị trong sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

- Trung tâm ĐBCL&PPGD của Trường đã nỗ lực nghiên cứu, xây dựng và phổ biến thành công các phương pháp, kỹ năng dạy và học tích cực, phù hợp với tình hình dạy và học của Trường. Tuy nhiên, trên thực tế việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực có thể bị hạn chế bởi nhiều lớp có số lượng người học quá đông, không thể áp dụng hiệu quả các phương pháp dạy và học tích cực; cũng như thời lượng giảng dạy của từng học phần quá ngắn, không đủ để người học và GV áp dụng các phương pháp dạy và học tích cực.

- Cơ chế triển khai việc lấy ý kiến của các ĐV SDLĐ và các bên liên quan về triết lý giáo dục của Trường còn chưa rõ ràng và cụ thể.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	- Bổ sung vào sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường nội dung nhấn mạnh vai trò của đạo đức nghề nghiệp, tạo cơ sở cho	Tập thể lãnh đạo nhà trường Phòng QTTB	Năm học 2022 - 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		<p>việc xây dựng các học phần, nội dung đào tạo bài bản về tính chất, đặc trưng, đạo đức nghề nghiệp, góp phần hình thành phẩm chất của các chuyên gia pháp lý trong tương lai, đóng góp vào việc xây dựng một xã hội ngày càng công bằng và văn minh dù đảm nhận bất kỳ vị trí công tác nào.</p> <p>- Nghiên cứu các giải pháp và lên kế hoạch cụ thể để hoạt động dạy và học của Trường phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Đặc biệt, xây dựng và hoàn thiện CSVC và đội ngũ GV để có thể đáp ứng các yêu cầu của quy chế đào tạo theo quy chế tín chỉ.</p>	<p>Phòng Tài chính – Kế toán</p> <p>Phòng Đào tạo</p> <p>Phòng đào tạo sau đại học</p> <p>Phòng QL HVLVH</p>		
2	Khắc phục tồn tại 2	Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp cụ thể để ứng dụng phù hợp các phương pháp, kỹ năng dạy và học tích cực đối với từng học phần/ môn học tại Trường.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trung tâm ĐBCL&PPGD 2. Các khoa và bộ môn 3. Phòng đào tạo 	Năm học 2022 - 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		<p>Đặc biệt, đối với các học phần có tính ứng dụng cao trong thực tiễn hành nghề, Trường sẽ xem xét tăng thời lượng tín chỉ, bố trí hợp lý số lượng người học, đồng thời yêu cầu các đơn vị, khoa và bộ môn nghiên cứu để áp dụng hiệu quả các phương pháp, kỹ năng giảng dạy tích cực; giúp người học đạt được CDR, hình thành các kỹ năng cần thiết của một luật gia tương lai.</p>	<p>4. Phòng đào tạo sau đại học 5. Phòng QL HVLVH</p>		
3	<p>Khắc phục tồn tại 3</p>	<p>Lên kế hoạch để triển khai việc lấy ý kiến của các ĐV SĐLĐ và các bên liên quan về triết lý giáo dục của Trường.</p> <p>Đặc biệt, cần xây dựng bộ tiêu chí, câu hỏi khảo sát/ xin ý kiến có tính định lượng, liên quan trực tiếp đến nội dung triết lý giáo dục của Trường.</p>	<p>1. Trung tâm ĐBCL&PPGD 2. Trung tâm QHDN&HTSV 3. Đại diện các khoa</p>	<p>Năm học 2022-2023</p>	
4	<p>Phát huy điểm mạnh 1</p>	<p>Nghiên cứu các giải pháp và lên kế hoạch hành động để tiếp tục lan tỏa tinh thần của triết lý giáo dục của Trường, trong đó chú trọng các công việc sau:</p>	<p>Tất cả các đơn vị, khoa trực thuộc Nhà trường</p>	<p>Năm học 2022-2023</p>	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		<p>(i) Hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các phương pháp dạy và học hiệu quả, giúp người học dễ dàng đạt được CDR.</p> <p>(ii) Lên kế hoạch và tầm nhìn cho hoạt động đào tạo của Trường cho các giai đoạn sắp tới và giai đoạn xa hơn.</p> <p>(iii) Tiếp tục thiết kế và áp dụng các CTĐT mới, đáp ứng nhu cầu của người học và thị trường lao động; đồng thời tiếp tục theo đuổi và thực hiện mục tiêu, sứ mạng được Nhà nước và xã hội giao phó: Đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước, cung cấp nguồn nhân lực CLC trình độ đại học, sau đại học; là trung tâm NCKH, trọng tâm là khoa học pháp lý, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.</p>			
5	Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các quy định và hướng dẫn về phương pháp, kỹ năng dạy và học. Trong đó,	1. Trung tâm ĐBCL&PPGD 2. Các khoa trực thuộc Trường	Năm học 2022-2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		<p>Trường chỉ đạo cho Trung tâm ĐBCL&PPGD và các khoa</p> <p>Tiếp tục nghiên cứu và áp dụng các phương pháp dạy và học hiệu quả, phù hợp với chương trình đào tạo, tình hình, điều kiện dạy và học tại Trường, giúp người học dễ dàng đạt được CDR.</p>			
6	Phát huy điểm mạnh 3	<p>- Nghiên cứu để xây dựng và áp dụng các chính sách và chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút và tuyển dụng thêm GV có chuyên môn giỏi và tâm huyết với nghề.</p> <p>- Tiếp tục tạo dựng môi trường làm việc thuận lợi, khuyến khích GV phát huy các thế mạnh về chuyên môn, nghiên cứu và giảng dạy.</p>	<p>1. Phòng TC-HC</p> <p>2. Ban lãnh đạo các khoa và bộ môn</p>	Năm học 2022-2023	
7	Phát huy điểm mạnh 4	<p>Nhà trường tiếp tục giao các nhiệm vụ cụ thể và hoàn thiện cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị, khoa để phát triển hơn nữa các hoạt động học tập đa dạng của Trường; xây dựng được môi trường học tập suốt đời, thúc đẩy người học luôn</p>	Tất cả các đơn vị, khoa	Năm học 2022-2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		tìm tòi, học hỏi, khám phá và sáng tạo tri thức.			
8	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục hoàn thiện và triển khai công tác ĐGCL giảng dạy. Đặc biệt Nhà trường sẽ giao nhiệm vụ cho Trung tâm ĐBCL&PPGD và các khoa hoàn thiện hơn nữa bộ tiêu chí, các câu hỏi ĐGCL giảng dạy; đồng thời có cơ chế để sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát trong việc nâng cao chất lượng dạy và học tại Trường.	1. Trung tâm ĐBCL&PPGD 2. Các khoa	Năm học 2022-2023	

4. *Mức đánh giá*

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	6
Tiêu chí 15.1	6
Tiêu chí 15.2	6
Tiêu chí 15.3	6
Tiêu chí 15.4	6
Tiêu chí 15.5	6

TIÊU CHUẨN 16. ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập

Trường ĐH Luật TP.HCM đã thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập

Đánh giá người học bao gồm đánh giá kết quả học tập của người học và đánh giá kết quả rèn luyện của người học. Trong đó, đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những hoạt động giữ vị trí quan trọng trong hoạt động đào tạo, Hoạt động này đòi hỏi sự chính xác, khách quan, công bằng đồng thời có tác dụng khuyến khích người học hướng đến mục tiêu học tập suốt đời.

Xác định được tầm quan trọng của hoạt động đánh giá người học trong hoạt động đào tạo lấy người học làm trung tâm, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã hình thành quy trình thiết lập hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập. Vì vậy việc đa dạng hóa các phương pháp và quy trình KTĐG người học luôn được Trường ĐH Luật Tp.HCM quan tâm và chỉ đạo các đơn vị tuân thủ đúng các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và luôn được rà soát cập nhật theo sự điều chỉnh, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, đảm bảo hoạt động đánh giá người học tuân thủ quy định, nguyên tắc chung, bảo đảm sự công bằng, chính xác đối với người học.

Trong thời gian qua Trường luôn thực hiện rà soát điều chỉnh yêu cầu đánh giá người học phù hợp với Quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tuân thủ quy định chung về đánh giá người học, bảo đảm mức CDR của ngành học, cũng như bảo đảm quyền bình đẳng trong đào tạo của người học. Trong giai đoạn 2015-2021, Trường thực hiện lưu trữ và cập nhật các quy định, quy chế của Bộ GD&ĐT làm căn cứ để ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn [H16.16.01.01], bao gồm:

Đối với bậc đào tạo đại học:

(1) Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ GD&ĐT & Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

(2) Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 quy định sửa đổi quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định 43/2007);

(3) Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD &ĐT về quy chế vừa làm vừa học trình độ đại học;

(4) Thông tư 10/2017/TT-BGDĐT Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Đào tạo ban hành;

(5) Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ban hành quy chế đào tạo đại học.

Đối với bậc đào tạo sau đại học

Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT về Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư 10/2009/TT-BGDĐT về Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Thông tư 05/2012/TT-BGDĐT về sửa đổi Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ kèm theo Thông tư 10/2009/TT-BGDĐT;

Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

Trên cơ sở đó, Trường đã ban hành hệ thống các văn bản liên quan đến việc thiết lập hệ thống, kế hoạch, phương thức và loại hình đánh giá kết quả học tập của người học ở các bậc đào tạo. Việc đánh giá người học được thực hiện trong suốt quá trình đào tạo từ khâu tuyển sinh đầu vào, đến quá trình đánh giá quá trình học tập và tham gia các hoạt động đào tạo trong suốt khóa học, đến đánh giá tốt nghiệp khóa học. Việc này được Trường phân công phân nhiệm rõ ràng từ vai trò của Hội đồng tuyển sinh đến Phòng Đào tạo chính quy, Phòng Đào tạo vừa làm vừa học, Phòng Sau đại học, Trung tâm Khảo thí, Phòng công tác chính trị và SV, Trung tâm ĐBCL&PPGD và các khoa đào tạo quản lý chuyên môn.

Các quy định này được minh thị trong các quy định về quy chế đào tạo của các bậc đào tạo mà nhà trường triển khai: **[H16.16.01.02]**,

(i) Bậc Đại học:

- a. Chương trình ĐH chính quy đại trà.
- b. Chương trình ĐH chính quy đào tạo đặc biệt.
- c. Chương trình ĐH đào tạo tăng cường tiếng Pháp/ Nhật.
- d. Chương trình ĐH đào tạo đặc biệt bằng tiếng Anh.
- e. Chương trình ĐH chính quy văn bằng 2.

f. Chương trình ĐH liên thông.

g. Chương trình ĐH vừa học vừa làm văn bằng 1.

h. Chương trình ĐH vừa học vừa làm văn bằng 2.

(ii) **Bậc Thạc Sĩ**

a. Chương trình thạc sĩ nghiên cứu và ứng dụng cho 5 chuyên ngành đào tạo Luật.

b. CTĐT thạc sĩ Hợp tác với trường Tây Anh Quốc với 2 chuyên ngành Thạc Sĩ Luật Kinh tế và kinh doanh quốc tế; Thạc sĩ luật tài chính và ngân hàng quốc tế.

c. Chương trình đào tạo Thạc sĩ hợp tác với khối trường Tiếng Pháp

(iii) **Bậc Tiến Sĩ: CTĐT Tiến sĩ cho 5 chuyên ngành Luật. .**

Trường ĐH Luật TP.HCM có quy định, hướng dẫn, kế hoạch đánh giá người học, có phân công trách nhiệm cụ thể

Trường đã xây dựng được một hệ thống các quy định, hướng dẫn việc đánh giá người học. Trong từng giai đoạn thực hiện đều có hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể.

(1) *Giai đoạn tuyển sinh đầu vào:*

Với tất cả các bậc đào tạo, hệ đào tạo, CTĐT, khi tiến hành tuyển sinh, ngoài việc tuân thủ nghiêm ngặt theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng phương án và phương thức tuyển sinh khác nhau đối với mỗi hệ đào tạo, bậc đào tạo và CTĐT.

Ở giai đoạn này, căn cứ vào quy chế đào tạo, Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Đào tạo chính quy, Phòng đào tạo hệ vừa làm vừa học có trách nhiệm phân tích, đánh giá và xây dựng kế hoạch tuyển sinh trình Hiệu trưởng. Trên cơ sở đề nghị của các đơn vị này, Hiệu trưởng sẽ ban hành kế hoạch, đề án tuyển sinh tương ứng, thực hiện thành lập Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh làm công tác tuyển chọn thí sinh phù hợp với tiêu chuẩn và quy định liên quan [H16.16.01.03].

(2) *Giai đoạn đánh giá quá trình học tập*

Trong nội dung quy chế, các hoạt động đánh giá người học bao gồm hình thức kiểm tra, đánh giá, mức độ đánh giá, phúc khảo, khiếu nại, các phương thức xử lý trong quá trình tổ chức thi và chấm thi đều được quy định cụ thể. Các văn bản điều chỉnh Quy chế đào tạo luôn được cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT & Đào tạo tương ứng với các

nội dung được hướng dẫn, sửa đổi bổ sung. Các phiên bản quy chế này cũng được phổ biến công khai cho người học và người có trách nhiệm thông qua nhiều phương thức khác nhau: qua CVHT, người quản lý lớp, website, sổ tay SV, các buổi sinh hoạt định kỳ...

Bên cạnh việc quy định cơ chế đánh giá người học trong các Quy chế đào tạo, Trường còn xây dựng một số quy trình liên quan đến hoạt động KTĐG như: (1) Quy trình tổ chức thi học kỳ, (2) Quy định hướng dẫn viết báo thực tập, khóa luận tốt nghiệp, (3) Quy định hướng dẫn quy trình thực hiện luận văn, luận án, (4) Quy trình phúc khảo bài thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, (5) Quy trình xét tốt nghiệp và tổ chức lễ tốt nghiệp đối với các bậc đào tạo, hệ đào tạo **[H16.16.01.04]**.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Trường cũng đã kịp thời ban hành Quyết định 777/QĐ-ĐHL ngày 15/10/2021 về Quy chế tạm thời tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến trong thời gian dịch bệnh đảm bảo quá trình đánh giá người học được liên tục, không bị gián đoạn, cũng như không là ảnh hưởng đến tiến độ học tập của người học. Bên cạnh đó, Quy chế tổ chức đánh giá luận văn, chuyên đề, luận án tiến sĩ cho học viên và nghiên cứu sinh theo hình thức trực tuyến cũng được Trường ban hành áp dụng đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh **[H16.16.01.04]**.

Theo đó, Các khoa, bộ môn có nhiệm vụ ra đề thi, tổ chức chấm thi. Các phòng Đào tạo chuẩn bị lên kế hoạch tổ chức thi, danh sách dự thi, kiểm tra phiếu báo điểm, cập nhật điểm thi vào hệ thống và công bố điểm thi. Trung tâm Khảo thí là đơn vị tổ chức thi, phân bổ lịch thi của các lớp, tổ chức kỳ thi, phân công cán bộ coi thi, giám sát toàn bộ quá trình thi, giao nhận bài thi, nhập điểm thi vào hệ thống, điều chỉnh sai sót nếu có. Trung tâm CNTT chuẩn bị cơ sở hạ tầng mạng, hệ thống kỹ thuật để tổ chức các kỳ thi trực tuyến đảm bảo cho kỳ thi diễn ra theo đúng điều kiện và quy chuẩn **[H16.16.01.04]**.

Việc tổ chức thi kết thúc môn học được nhà trường quy định cụ thể về công tác tổ chức, công tác in sao đề thi, lưu trữ ngân hàng đề thi góp phần nâng cao tính chính xác của việc đánh giá người học. Việc tổ chức thi được trường giao cho Trung tâm khảo thí chịu trách nhiệm, bảo đảm việc tổ chức thi hết môn diễn ra nghiêm túc, chặt chẽ, tạo tính khách quan công bằng cho người học, tránh tiêu cực có thể xảy ra **[H16.16.01.03]**.

Đối với bậc đào tạo Tiến sỹ, các NCS sẽ thực hiện việc bảo vệ chuyên đề theo đúng quy chế. Việc này được Phòng Sau đại học tổ chức, lên kế hoạch và được thông báo đến các NCS **[H16.16.01.03]**.

(3) Giai đoạn đánh giá đầu ra khóa học

Tùy vào bậc đào tạo, hàng năm, hoặc khi kết thúc khóa học, các phòng đào tạo sẽ lập kế hoạch tổ chức các hoạt động đánh giá cuối khóa.

Đối với bậc cử nhân, tùy vào loại hình đào tạo, Phòng đào tạo chính quy hoặc Phòng đào tạo không chính quy sẽ xây dựng kế hoạch tổ chức đánh giá bao gồm thời gian, điều kiện, phương thức, thành phần tham gia, đối tượng đánh giá. Từ đó, có những hướng dẫn cụ thể liên quan đến thực hiện *Báo cáo thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp, tổ chức thi tốt nghiệp*. Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch chung của Trường, các Khoa đều ban hành Tài liệu hướng dẫn thực hiện báo cáo tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp về hình thức và tiến độ thực hiện cũng như các yêu cầu khác **[H16.16.01.02]**. Khoa/Bộ môn cử giáo viên hướng dẫn khóa luận cho người học, thực hiện hệ thống kiến thức các môn thi tốt nghiệp, ra đề thi và cử giáo viên bộ môn chấm thi, đánh giá báo cáo thực tập hoặc tiểu luận cuối khóa. Kế hoạch thực hiện khóa luận, viết báo cáo thực tập, thi tốt nghiệp cũng được đề cập trong Kế hoạch tổ chức thực tập, viết khóa luận, thi tốt nghiệp được các Phòng Đào tạo ban hành hàng năm hoặc khi khóa học kết thúc. Trường sẽ tiến hành lập hội đồng tổ chức bảo vệ khóa luận, chấm thi tốt nghiệp hoặc tiểu luận/báo cáo thực tập trên cơ sở đề xuất của Khoa chuyên môn. Trong đó, thành phần hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được Bộ môn đề xuất căn cứ vào chuyên môn và đề tài khóa luận nghiên cứu **[H16.16.01.04]**.

Đối với bậc đào tạo thạc sỹ, trước khi giao đề tài cho học viên thực hiện luận văn tốt nghiệp, Phòng Đào tạo sau đại học lập các hội đồng chuyên môn chấm Đề cương luận văn. Căn cứ vào kết quả chấm đề cương, học viên sẽ được định hướng lựa chọn đề tài phù hợp với năng lực và nguyện vọng, trên cơ sở đó Trường ra quyết định giao đề tài và phân công GV hướng dẫn phù hợp với chuyên môn. Phòng Đào tạo sau Đại học thực hiện các thủ tục theo quy định trước khi lập Hội đồng đánh giá Luận văn **[H16.16.01.04]**.

Ở bậc đào tạo tiến sỹ, Phòng Đào tạo sau đại học, căn cứ vào quy chế, tiến hành tổ chức Hội đồng bảo vệ luận án 2 cấp: cấp khoa và cấp trường; cũng như tiến hành các thủ tục cần thiết để đánh giá như lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, nhà khoa học, ý kiến

thẩm định theo đúng quy trình, thủ tục quy định tại quy chế đào tạo Tiến sỹ [H16.16.01.04].

(4) **Đánh giá toàn khóa học:** Để được công nhận tốt nghiệp, Trường sẽ thực hiện các quy trình, thủ tục phù hợp với các quy định về quy chế đào tạo tương ứng với các bậc đào tạo khác nhau. Các Phòng Đào Tạo chính quy, Phòng Đào tạo vừa làm vừa học, Phòng Đào tạo Sau đại học sẽ lên kế hoạch chủ trì việc thực hiện tổng hợp hồ sơ, bảng điểm, dữ liệu về người học để đánh giá kết quả toàn khóa học và đệ trình đề nghị Hiệu trưởng công nhận kết quả tốt nghiệp cho SV, học viên đạt tiêu CDR của ngành học, bậc học tương ứng [H16.16.01.04].

Trường ĐH Luật TP.HCM có các loại hình tiêu chí, nội dung đánh giá phù hợp trong quá trình học tập đối với từng môn học/ học phần trong CTDH.

Với các giai đoạn từ tuyển sinh đến quá trình đào tạo và đánh giá đầu ra, Trường đã xây dựng các loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá phù hợp trong quá trình học tập đối với từng môn học/ học phần trong CTĐT.

Để thực hiện tuyển sinh cho các trình độ Đại học, Thạc sỹ, Tiến sỹ với các CTĐT khác nhau, hệ đào tạo, khi tiến hành tuyển sinh, ngoài việc tuân thủ nghiêm ngặt theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, căn cứ theo phương thức tuyển sinh, Trường sẽ đưa ra các tiêu chí để lựa chọn đầu vào phù hợp. Căn cứ và tiêu chí tuyển sinh được ban hành kèm theo phương án và phương thức tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh sẽ tổ chức lựa chọn những thí sinh đáp ứng được yêu cầu đầu vào của kỳ tuyển sinh với nguyên tắc bảo đảm sự công bằng cho tất cả các thí sinh dự tuyển phù hợp với tiêu chuẩn và các quy định liên quan [H16.16.01.03].

Trong công tác đánh giá người học được quy định trong các quy chế đào tạo cho các bậc đào tạo và các chuyên ngành đào tạo tương ứng.

Theo các quy chế đào tạo Đại học và Sau đại học được ban hành bởi Hiệu trưởng trường ĐH Luật TP.HCM, GV được trao quyền chủ động và có trách nhiệm lựa chọn phương pháp đánh giá người học phù hợp, thực hiện trực tiếp đánh giá kết quả học tập của SV, học viên trong môn học mình phụ trách. Tùy theo đặc trưng của từng môn học, GV sẽ lựa chọn một phương thức hoặc kết hợp nhiều phương thức đánh giá khác nhau tại các thời điểm khác nhau trong thời gian học để đánh giá người học. Quá trình đánh giá là quá trình thường xuyên và liên tục được thể hiện trong Đề cương – Chương trình

môn học. Đề cương- Chương trình môn học được Bộ môn/ Hội đồng khoa học Khoa xét duyệt thông qua, đảm bảo nội dung giảng dạy, và xác định các phương thức đánh giá đáp ứng được các CDR của từng môn học nói riêng và của CTĐT nói chung. Các Khoa/Bộ môn và GV chịu trách nhiệm về tính chính xác, độ tin cậy của các kết quả đánh giá người học **[H16.16.01.02]**.

Theo các Quy định, Quy chế mà Trường ban hành, việc đánh giá môn học ở các bậc đào tạo, gồm 2 thành phần: điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần. Điểm đánh giá bộ phận (còn gọi là điểm quá trình, điểm giữa kỳ) có thể bao gồm một hoặc một số cách thức đánh giá như sau: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá quá trình tham gia lớp học, điểm thảo luận, điểm thái độ học tập, điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm bài tiểu luận, bài tập. Phần điểm bộ phận này có trọng số khác nhau tùy thuộc vào bậc đào tạo và loại hình đào tạo. Để khuyến khích người học hệ chính quy và bậc sau đại học tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, nên trọng số điểm giữa kỳ là 30%, hoặc 40%. Đối với các lớp hệ vừa làm vừa học do tính chất đặc thù là người học đang đảm nhiệm công tác, nên người học đã tích lũy được ít nhiều thực tiễn, quá trình lên lớp có thể bị hạn chế do thời gian làm việc, công tác, nên trọng số có thể được quy định thấp hơn so với trọng số ở các hệ đào tạo khác là 20% **[H16.16.01.02]**.

Điểm thi kết thúc học phần được đánh giá bằng việc tổ chức kỳ thi kết thúc học phần, trong đó, Trường tiếp tục trao quyền tự chủ, tự quyết định cho Bộ môn chuyên môn và GV phụ trách để đảm bảo phát huy năng lực của người học phù hợp với yêu cầu của môn học và đánh giá một cách phù hợp nhất thông qua lựa chọn cách thức ra đề thi và tổ chức thi. Bộ môn, trên cơ sở đề xuất của giáo viên, sẽ quyết định chọn thi kết thúc học phần bằng 01 trong các hình thức: tiểu luận hết môn, thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp. Các hình thức này đều được ghi nhận trong Đề cương chương trình môn học – đăng tải trên website, được GV phổ biến từ khi bắt đầu môn học **[H16.16.01.03]**. Trong suốt quá trình học tập, người học có thể tiếp cận nhiều cách thức đánh giá khác nhau, điều đó giúp người học trải nghiệm, tích lũy kinh nghiệm và tạo lập các kỹ năng cần thiết thông qua các kỳ kiểm tra.

Đối với bậc đào tạo Tiến sỹ, các NCS sẽ còn được đánh giá thông qua việc thực hiện và bảo vệ chuyên đề theo đúng quy chế và tiêu chuẩn được quy định [H16.16.01.02].

Hoạt động đánh giá đầu ra khóa học được tổ chức với hình thức: Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án. Theo đó:

- *Báo cáo thực tập tốt nghiệp*: Thực tập tốt nghiệp cuối khóa được tiến hành theo hình thức thực tập tại cơ quan nhà nước, đơn vị chuyên môn, doanh nghiệp, Công ty Luật... nhằm giúp cho người học có điều kiện khảo sát thực tế, quan sát và ghi nhận thực tiễn của các kiến thức đã học tại Trường, tiếp cận các kỹ năng chuyên môn, thực hành một số nội dung đã được học mà lý thuyết chưa làm rõ hoặc chưa đề cập hết do giới hạn về thời gian. Người học sẽ được Khoa chuyên môn định hướng tìm hiểu, phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn trong thời gian thực tập tại các đơn vị. Mỗi khoa đều ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về việc thực tập, cách viết báo cáo thực tập, cách thức thu thập số liệu, dữ kiện, cũng như đưa ra các yêu cầu phân tích, đánh giá, tổng hợp, bình luận, đề xuất. Nội dung yêu cầu làm cơ sở đánh giá cũng được nêu rõ trong hướng dẫn này; phù hợp với yêu cầu CĐR của mỗi chuyên ngành đào tạo, và các định hướng kỹ năng tương ứng chuyên ngành. Tại nơi thực tập, người học sẽ được hướng dẫn bởi người phụ trách ở nơi thực tập. Cuối đợt thực tập, SV có nhiệm vụ viết báo cáo thực tập tốt nghiệp tốt nghiệp bảo đảm tuân thủ yêu cầu về hình thức và nội dung đã được hướng dẫn. SV nộp báo cáo thực tập kèm xác nhận và nhận xét của đơn vị thực tập. Giáo viên sẽ tiến hành đánh giá cho điểm Báo cáo tốt nghiệp, bao gồm đánh giá bản báo cáo cùng với tác tài liệu/minh chứng cho qua trình thực tập tại đơn vị [H16.16.01.02].

- *Khóa luận tốt nghiệp*: Áp dụng với SV đại học chính quy thực hiện khóa luận thì sẽ không phải làm báo cáo tốt nghiệp. Khoa/Bộ môn cử giáo viên hướng dẫn khóa luận cho SV. SV tiến hành thu thập số liệu, dữ kiện, tài liệu tham khảo để thực hiện viết khóa luận trong khoảng thời gian quy định. Hội đồng chuyên môn sẽ tiến hành chấm khóa luận tốt nghiệp phù hợp chuyên môn và đề tài khóa luận nghiên cứu [H16.16.01.02].

- *Luận văn tốt nghiệp* được tổ chức đánh giá từ giai đoạn chấm Đề cương luận văn nhằm xem xét tính khả thi của việc lựa chọn đề tài, trên cơ sở đó hội đồng chấm đề cương sẽ định hướng cho học viên lựa chọn đề tài phù hợp với năng lực và nguyện vọng. Học viên nghiên cứu và hoàn thành luận văn dưới sự hướng dẫn khoa học của người

hướng dẫn có chuyên môn phù hợp. Tại Hội đồng đánh giá luận văn, học viên sẽ được trình bày kết quả nghiên cứu của mình và được các thành viên Hội đồng đánh giá đánh giá và quyết định thông qua [H16.16.01.02]

- Luận án của NCS được đánh giá bởi Hội đồng chuyên môn bao gồm những thành viên có chuyên môn sâu trong lĩnh vực đề tài luận án nghiên cứu ở cả hai cấp. Luận án còn được đưa đi lấy ý kiến đánh giá của các phản biện kín, ý kiến thẩm định từ các nhà khoa học và các cơ quan chuyên ngành [H16.16.01.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu Chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt chuẩn đầu ra

Trường thực hiện quy trình rõ ràng về việc đánh giá kết quả người học để đạt được CĐR và được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan

CĐR của CTĐT được xem là cam kết của Trường/ Khoa/Bộ môn với người học về chất lượng đào tạo. Tất cả các CTĐT của nhà trường đều được xây dựng CĐR rõ ràng và được phổ biến đến người học ngay từ khi thực hiện tuyển sinh và nhập học [H16.16.02.01].

Mỗi CTĐT đều được xây dựng nội dung, mối quan hệ giữa các môn học, thể hiện sự đóng góp của các học phần/ môn học vào việc đạt CĐR của chương trình. Căn cứ trên CĐR của chương trình đào tạo, các khoa/bộ môn phân công GV phụ trách xây dựng CĐR của từng môn học. Dựa trên CĐR, các khoa/ bộ môn xây dựng các hoạt động đánh giá phù hợp để đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học được thể hiện rõ trong đề cương- chương trình môn học [H16.16.02.02].

Trong quá trình triển khai các môn học, phương pháp đánh giá quá trình và kết thúc môn cũng được GV thông báo đến người học từ khi nhập môn. Người học luôn được bảo đảm rằng được công khai thông tin và hiểu rõ phương thức, thời điểm thực hiện đánh giá người học trong suốt quá trình học lý thuyết, thảo luận, các hoạt động thực hành khác. Người học cũng nắm rõ các quy trình và mức độ đánh giá phụ thuộc vào việc người học có thể hiện được các mức độ tiêu chí đặt ra thể hiện trong đề cương- chương trình môn học được công khai trên websit được phổ biến thông qua các chủ đề sinh hoạt đầu khóa, CVHT/ phụ trách lớp hoặc giáo viên bộ môn [H16.16.02.03]

Thực hiện nhiều phương pháp KTĐG phù hợp để đạt được CDR.

Nhiều phương pháp KTĐG đã được thiết lập để có thể đánh giá toàn diện và tối ưu nhất, đảm bảo phát huy năng lực, xác định mức độ tích lũy kiến thức, cấp độ kỹ năng cũng như thái độ của người học. Tất cả các CTĐT, hệ đào tạo và các bậc đào tạo, đều ghi nhận việc GV phụ trách lớp có thể quyết định áp dụng phối hợp các phương pháp đánh giá trong quá trình giảng dạy [H16.16.02.04], như sau:

+ **Phương pháp thi tự luận:** được xem là phương pháp phổ biến nhất áp dụng đối với thi hết môn. Phương pháp này được xem là phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Trường: Luật, Quản trị, Anh văn pháp lý. Phương pháp này giúp đánh giá: khối lượng kiến thức tổng quan mà người học tích lũy được, khả năng vận dụng vào thực tiễn, kỹ năng lập luận, phân tích, xử lý tình huống là những kỹ năng quan trọng mà người hành nghề luật, quản lý cần trang bị [H16.16.02.05]

+ **Phương pháp thi trắc nghiệm:** Phương pháp này được áp dụng hiệu quả trong việc tổ chức thi trực tuyến. Phương pháp này thường được sử dụng phổ biến trong các kỳ thi giữa kỳ, để đánh giá được một cách tổng quan mức độ nắm bắt kiến thức, và khả năng nhận thức các vấn đề đặt ra trong môn học. Phương thức này cũng tỏ ra hiệu quả đối với các phần nội dung hỏi tính chính xác tuyệt đối hoặc môn học mang tính nguyên lý, nguyên tắc như các môn học thuộc chuyên ngành anh văn pháp lý, môn học tính toán thuộc ngành quản trị. Trong những tình huống đặc biệt, như dịch bệnh vừa qua, phương pháp này đảm bảo sự đánh giá khách quan nhất do bảo đảm rằng người học phải tập trung cao độ và phát huy toàn bộ năng lực của mình để tư duy, lập luận, tính toán từ đó lựa chọn đáp án tối ưu [H16.16.02.06]

+ **Phương pháp thi vấn đáp:** Phương pháp này phù hợp với quy mô lớp nhỏ, được sử dụng phổ biến ở các lớp thuộc CTĐT đặc biệt. Phương pháp này cũng đặc biệt phù hợp cho việc đánh giá người học ở tất cả các CTĐT. Cụ thể, với CTĐT Luật, phương pháp này đánh giá một cách trực tiếp về năng lực của người học thể hiện qua nội dung vấn đáp, thái độ, cách thức trình bày câu trả lời của người học. Kỹ năng tranh biện là kỹ năng của người hành nghề luật, người quản lý, biên/phiên dịch cần có; do đó vấn đáp là cơ hội để người học bộc lộ kỹ năng này cùng với khả năng nhạy bén trong xử lý tình huống trực tiếp [H16.16.02.07]

+Phương pháp làm tiểu luận/ bài tập lớn: Phương pháp này cũng là phương pháp được sử dụng tại Trường trong quá trình đào tạo, phổ biến trong CTĐT sau đại học, tiểu luận tốt nghiệp đối với hệ vừa làm vừa học hoặc tiểu luận nhóm phục vụ cho đánh giá giữa kỳ. Tiểu luận giúp người học có thể tổ chức/hệ thống kiến thức một cách logic, biện chứng, giải quyết được một cách đầy đủ và trọn vẹn vấn đề nghiên cứu, qua đó đánh giá được kỹ năng lập luận, phân tích, kỹ năng xác định được đối tượng nghiên cứu, vấn đề cần giải quyết, khả năng phát hiện vấn đề, mức độ kiến thức tích lũy, năng lực làm việc nhóm **[H16.16.02.08]**

Trong thời gian tổ chức học tập, GV sẽ chủ động quyết định sử dụng 01 phương pháp hay kết hợp nhiều phương pháp đánh giá một cách thích hợp cho từng lớp học/CTĐT/ hệ đào tạo/ bậc đào tạo. Như vậy, trên thực tế, người học ở các chuyên ngành/ hệ đào tạo/ bậc đào tạo tại Trường ĐH Luật TP.HCM được tiếp cận với nhiều phương pháp đánh giá khác nhau, điều đó cho phép người học được thể hiện một cách đa dạng, bộc lộ được khả năng của mình thông qua các cách thức đánh giá khác nhau, và việc đánh giá trở nên chính xác, khách quan, phù hợp với CĐR **[H16.16.02.09]**.

Các phương pháp KTĐG người học đo lường được mức độ đạt CĐR

Các phương pháp kiểm tra/ đánh giá tại Trường cho thấy đã đo lường được mức độ tích lũy kiến thức của người học để đạt được CĐR của các học phần /CTĐT. Với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Trường đã tổ chức đánh giá kết quả học tập của người học theo quá trình tổ chức dạy và học của mỗi học phần/ môn học, mỗi học phần được thực hiện bằng nhiều phương pháp kiểm tra/ đánh giá như tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận, bài tập lớn, thuyết trình... nhờ đó đo lường được chính xác mức độ đạt được CĐR của mỗi người học **[H16.16.02.10]**.

Thông qua các đợt rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT/ đề cương chi tiết môn học, Hội đồng khoa học cấp Khoa/Trường sẽ phân tích, đánh giá các loại hình, phương pháp thi/kiểm tra đối với mỗi học phần/ môn học để đi đến thống nhất các phương pháp áp dụng. Các phương pháp kiểm tra / đánh giá phù hợp với từng học phần cụ thể cho phép đo lường được mức độ đạt được CĐR của người học một cách chính xác. Bộ môn chịu trách nhiệm về chuyên môn thẩm định/ rà soát bộ đề trong từng học kỳ, từng kỳ thi trước khi triển khai cho việc tổ chức thi **[H16.16.02.11]**.

Mặt khác, để có thể đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được CDR của từng ngành học, Trường đã có những quy định đối với từng học phần/ môn học và từng CTĐT, cụ thể quy định về chuẩn ngoại ngữ đầu ra có sự khác nhau giữa CTĐT, lớp chuyên ngành [H16.16.02.12].

Ngoài ra, việc xét tốt nghiệp còn căn cứ vào điểm giữa kỳ, cuối kỳ, điểm báo cáo thực tập, điểm khóa luận, điểm luận văn để đánh giá một cách có phù hợp. Quy trình bảo vệ khóa luận, luận văn, luận án, chấm tiểu luận được tổ chức chặt chẽ cho phép người học có thể thể hiện năng lực một cách đầy đủ và phù hợp nhất cho việc bảo đảm chất lượng CDR [H16.16.02.13].

GV trực tiếp giảng sẽ trực tiếp ra đề thi và chấm điểm. Thời hạn nộp điểm và cách thức công bố điểm được quy định chặt chẽ trong quy chế. Các phương thức đánh giá được phối hợp thực hiện trong quá trình học, cho phép, đánh giá được các mặt:

Về kiến thức: Tất cả các môn học mà người học tích lũy trong quá trình đào tạo, từ khối kiến thức chung- đại cương, đến khối kiến thức chuyên ngành, luôn được đánh giá qua 2 loại điểm giữa kỳ và cuối kỳ tỉ lệ 70-30 (hoặc 60-40). Các yêu cầu về kiến thức trong các đề thi kiểm tra phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của nhà trường như: bảo đảm bám sát Đề cương- chương trình môn học, khối kiến thức cơ bản và nâng cao... đảm bảo đáp ứng CDR của CTĐT, bậc đào tạo, đồng thời có thể tích lũy lượng kiến thức chuyên ngành phù hợp cho việc học tập tiếp môn tiếp theo trong chương trình và tích hợp kiến thức của người học. Điểm đạt chuẩn tối thiểu để đáp ứng CDR là 5 điểm (theo thang điểm 10) [H16.16.02.14].

Trong thang điểm đánh giá kiến thức của người học, GV xây dựng thang đo cho các mức độ người học có thể thực hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, như: biết, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo. Đối với những yêu cầu khác nhau, thì việc phối hợp sử dụng các phương pháp đánh giá khác nhau giúp đảm bảo CDR của người học [H16.16.02.15].

Về kỹ năng: Với các phương pháp KTĐG đa dạng mà GV áp dụng (kiểm tra quá trình, bài tập nhóm, bài tập cá nhân, tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, tiểu luận, báo cáo thực tập...) giúp người học rèn luyện các kỹ năng cần thiết tương ứng với chuyên ngành đào tạo và bậc đào tạo, như: kỹ năng giao tiếp hiệu quả, kỹ năng tư duy tích cực, kỹ năng phân tích tình huống, kỹ năng tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải

quyết vấn đề, kỹ năng tranh biện, kỹ năng tư duy pháp lý... Các kỹ năng này đều được công bố trong mục tiêu môn học và được GV trao đổi vào buổi học đầu tiên của môn học để khuyến khích người học tham gia tích cực vào việc đóng góp cho môn học thông qua việc thảo luận, nêu ý kiến theo nhóm hoặc trong lớp học [H16.16.02.16].

Về thái độ: Thực hiện việc kiểm tra hiện diện trên lớp để đánh giá thái độ học tập, việc chuyên cần, kỷ luật trong học tập, góp phần vào đánh giá CDR một cách toàn diện, đảm bảo người học có đủ tiêu chuẩn để làm việc phù hợp với bậc đào tạo [H16.16.02.17].

Để đánh giá người học đạt CDR, Trường dựa trên 3 nhóm tiêu chí để xây dựng các phương thức đánh giá: (1) nhóm các tiêu chí kiến thức chuyên môn: gồm khối kiến thức chung và khối kiến thức chuyên ngành với các kỹ năng cần trang bị, (2) Trình độ ngoại ngữ theo CDR áp dụng với từng ngành học, hệ đào tạo và bậc đào tạo; (3) Trình độ tin học theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT [H16.16.02.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu Chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Trường ĐH Luật Tp.HCM thực hiện rà soát đánh giá phương pháp kiểm tra, đánh giá người học định kỳ ít nhất 1 năm/lần

Để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và công bằng trong KTĐG, các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được Trường thường xuyên rà soát theo phân công chức năng của các đơn vị quản lý đào tạo. Việc rà soát được thực hiện định kỳ hàng năm với các nội dung: quy chế, quy định, hình thức thi, ngân hàng đề thi, chấm thi, công bố kết quả thi và các quy trình khác có liên quan (tổ chức thi, bảo quản bài thi, cắt phách...) [H16.16.03.01].

Các quy trình về lên lịch thi, quy chế quy trình tổ chức thi, kế hoạch tổ chức thi, quy định về ngân hàng đề thi, phần mềm quản lý đào tạo (trong đó bao gồm quản lý điểm thi) do các Phòng đào tạo phối hợp với Trung tâm khảo thí thường xuyên rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện [H16.16.03.01].

Trường cũng yêu cầu các đơn vị chuyên môn lựa chọn phương pháp/hình thức kiểm tra/ thi phù hợp với từng học phần cụ thể, theo đó các khoa/ bộ môn chuyên môn thường xuyên rà soát CTĐT mà đơn vị được giao đảm nhiệm để xác định các phương thức thi

phù hợp với đặc điểm của môn học, chuyên ngành đào tạo và bậc đào tạo. Sau mỗi học kỳ/năm học, các Khoa/Bộ môn học chuyên môn rà soát, ĐGCL đề thi, đánh giá kết quả thi của người học (phổ điểm của từng kỳ thi/ học phần), có những đề xuất chỉnh sửa, điều chỉnh phương pháp quy trình trong tổ chức thi, bổ sung cách thức ra câu hỏi, mức độ yêu cầu của đề thi **[H16.16.03.01]**.

Thực hiện nghiên cứu phân tích kết quả KTĐG người học, sự tác động của các hình thức KTĐG đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn người học định kỳ bằng các công cụ hiện đại hiệu quả.

Tất cả các đề thi/bộ đề thi sau khi được GV biên soạn đều phải được Trường Bộ môn rà soát và phê duyệt về nội dung, thời lượng, hình thức thi và các thể thức theo quy định của Trường trước khi đưa vào sử dụng. Đề thi/ bộ đề thi phải được nộp về Trung tâm khảo thí bởi Trưởng bộ môn, trừ trường hợp đề thi tốt nghiệp được nộp trực tiếp từ GV được phân công ra đề cho người có trách nhiệm quản lý đề thi của hội đồng thi tốt nghiệp theo kế hoạch **[H16.16.03.02]**.

Trung tâm ĐBCL&PPGD thường xuyên lấy khảo sát từ người học sau mỗi học kỳ/năm học về nội dung đánh giá người học, cách thức triển khai việc đánh giá người học, kết quả đánh giá người học để có những đề xuất điều chỉnh để hoạt động đánh giá người học trở nên phù hợp, đảm bảo tính chính xác, công bằng và khách quan **[H16.16.03.02]**.

Trường thường xuyên thực hiện nghiên cứu, phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá người học, sự tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn người học định kỳ bằng các công cụ hiện đại, hiệu quả. Theo đó, để bảo đảm tính chính xác, công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của người học, tất cả các hình thức thi đều được tổ chức coi thi và chấm thi theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT cũng như quy chế của Trường.

Việc coi thi đảm bảo số lượng cán bộ coi thi theo đúng tỉ lệ thí sinh trong phòng thi, với tối thiểu 2 cán bộ coi thi, và tăng số lượng cán bộ coi thi tương ứng với phòng thi khi số lượng thí sinh trong phòng thi tăng 25 thí sinh/cán bộ coi thi. Cán bộ coi thi phải bảo đảm tuân thủ các thủ tục tại phòng thi: sắp xếp chỗ ngồi, giấy thi, đề thi, thu và phát đề thi/bài thi, quản lý phòng thi **[H16.16.03.02]**. Việc tổ chức coi thi đối với hình thức

thi trực tuyến cũng đảm bảo nguyên tắc này và có quy chế đặc biệt để áp dụng nhằm đảm bảo sự công bằng cho người học [H16.16.03.02].

Việc tổ chức chấm bài thi luôn đảm bảo có 2 giám khảo tham gia chấm thi đối với các hình thức thi. Trung tâm Khảo thí thường xuyên kiểm tra ngẫu nhiên về việc chấm bài thi đảm bảo bài thi luôn có đủ 2 giám khảo chấm thi [H16.16.03.02]

Công bố kết quả đánh giá kịp thời; các trường hợp khiếu nại, phúc tra được xử lý hợp lý

GV đảm bảo nộp điểm bộ phận và điểm chấm bài thi hết môn đúng thời hạn. Theo quy chế, GV phải công bố điểm bộ phận ngay sau khi kết thúc môn học, đối với điểm cuối kỳ là 30 ngày kể từ ngày tổ chức thi [H16.16.03.02] Đối với thi tốt nghiệp, việc chấm thi tốt nghiệp ngoài tuân thủ quy chế chung phải tuân thủ kế hoạch, quy trình tổ chức kỳ thi tốt nghiệp tương ứng; trong đó có quy định về môn thi, thời lượng và yêu cầu đối với môn thi tốt nghiệp [H16.16.03.02]

Như vậy, việc công bố kết quả đánh giá đảm bảo đúng hạn, các trường hợp khiếu nại, phúc tra được xử lý kịp thời. Điểm thi được công bố công khai trên website của Trường trong mục đào tạo và trên Cổng thông tin riêng của cá nhân người học. Điểm thi phải được công bố nhanh chóng thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo sau khi GV nộp kết quả về Trung tâm Khảo thí. Theo quy chế, điểm thi có thể được điều chỉnh khi phát hiện sai sót [H16.16.03.02]

Các biểu mẫu, quy trình tổ chức thi, phiếu điểm phục vụ kỳ thi được Trường ban hành cùng với quy chế tổ chức thi [H16.16.03.02]

Người học có thể yêu cầu phúc khảo hoặc khiếu nại về kết quả thi. Việc giải quyết khiếu nại hay phúc khảo đảm bảo tuân thủ quy trình giải quyết khiếu nại và phúc khảo bài thi. Việc phúc khảo phải được xử lý kịp thời, đúng quy chế, đặc biệt vẫn đảm bảo người chấm phúc khảo là 2 giám khảo và không trùng lại với giám khảo trước đó và phải được trưởng bộ môn thông qua. Khi có bất kỳ sự khác biệt nào giữa bảng điểm đã công bố và điểm được nhập vào hệ thống quản lý dữ liệu người học, người học có quyền khiếu nại và yêu cầu kiểm tra. Trung tâm khảo thí và Phòng đào tạo phối hợp để kiểm tra trả lời khiếu nại cho người học cũng như điều chỉnh thông tin phù hợp với kết quả phúc khảo/tra soát [H16.16.03.02]

Thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học, cựu người học.

Bên cạnh việc rà soát kết quả thi, Trung tâm khảo thí và các Phòng Đào tạo định kỳ thực hiện thanh kiểm tra quá trình thi, kết quả xét công nhận tốt nghiệp trước mỗi đợt: (1) Định kỳ tổ chức thi kết thúc môn, Trung tâm Khảo thí, Các Phòng Đào tạo giám sát thường xuyên công tác tổ chức thi trong toàn trường. Trong quá trình thực hiện, Phòng và Trung tâm đã kịp thời điều chỉnh các vấn đề phát sinh, đề xuất các biện pháp xử lý thích hợp [H16.16.03.02] (2) Các Phòng Đào tạo tiến hành xúc tiến xem xét, kiểm tra, lên danh sách người học đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp, lập hồ sơ tốt nghiệp, đối chiếu, rà soát văn bằng chứng chỉ đã cấp cho người học để đảm bảo kết quả công nhận tốt nghiệp được chính xác [H16.16.03.02]

Có thể khẳng định rằng, Trường đã triển khai và định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng các phương pháp đánh giá người học. Trong đó phương pháp chủ yếu được sử dụng là phương pháp tự luận, kế đó là phương pháp trắc nghiệm (sử dụng phổ biến trong đánh giá giữa kỳ, và trực tuyến), phương pháp vấn đáp được sử dụng chủ yếu cho các lớp thuộc CTĐT đặc biệt; phương pháp tiểu luận hay bài tập lớn cũng được sử dụng phổ biến cho việc đánh giá cuối khóa, CTĐT thạc sỹ, hoặc đánh giá giữa kỳ đối với các nhóm thảo luận. Việc rà soát, cho thấy, trên thực tế, các phương pháp này không thực hiện độc lập, riêng lẻ, mà trong quá trình giảng dạy, các GV đã phối hợp nhiều phương pháp để đánh giá cho điểm bộ phận. Điều này giúp cho hoạt động đánh giá người học ở Trường ĐH Luật TP.HCM thực sự phản ánh kết quả đánh giá đáng tin cậy và phù hợp với chuẩn đầu ra của các chuyên ngành, hệ đào tạo cũng như bậc đào tạo [H16.16.03.02]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu Chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để bảo đảm độ chính xác tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Trường ĐH Luật thay đổi/ cải tiến các loại hình/phương pháp đánh giá người học.

Việc sửa đổi điều chỉnh các quy định, quy trình và xác định trách nhiệm của từng thành viên đã giúp quá trình tổ chức thi được xác định rõ ràng, cụ thể. Sau các hoạt động rà soát, Trường đã triển khai một số các hoạt động khắc phục, cải tiến về những tồn tại về hình thức và phương pháp đánh giá người học [H16.16.04.03].

Về hình thức thi: tăng cường triển khai hình thức thi trực tuyến, tổ chức các hội đồng đánh giá người học trực tuyến, tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho các hoạt động đánh giá người học theo hình thức trực tuyến được hiệu quả phù hợp với hoàn

cảnh thực tế. Trường ban hành các quy chế về tổ chức thi/ tổ chức hoạt động đánh giá trực tuyến. Trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay, hình thức thi/ đánh giá người học trực tuyến góp phần hỗ trợ người học trong việc hoàn thành tiến độ học tập nhưng cũng đồng thời bảo đảm việc đánh giá sát sao người học, phù hợp với tình hình thực tiễn và xu thế chung [H16.16.04.01].

Về nội dung đánh giá: rà soát và nghiên cứu điều chỉnh trọng số trong đánh giá giữa điểm bộ phận và điểm kết thúc môn để việc đánh giá trở nên chính xác hơn, công bằng hơn, đảm bảo phát huy tốt nhất năng lực của người học, phù hợp với bậc đào tạo, hệ đào tạo. Do vậy, việc điều chỉnh tạo ra sự khác biệt giữa trọng số áp dụng đối với hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học [H16.16.04.01].

Về công tác tổ chức thi: Nhà trường kịp thời thông báo điều chỉnh các nội dung còn thiếu, sửa đổi các quy trình chưa hợp lý trong quy định hiện hành giúp cho công tác tổ chức thi của Trường ngày một hiệu quả [H16.16.04.01].

Về lịch thi: nhà trường thực hiện hệ thống quản lý thi, xây dựng lịch thi phù hợp với sắp xếp thứ tự, thời lượng, trật tự các môn thi, lịch thi được công bố rộng rãi trên website giúp cho người học nắm bắt được nhanh chóng và thuận lợi. Lịch thi cũng được phân bổ, sắp xếp có sự phân hóa giữa các hệ đào tạo, bậc đào tạo: thời gian thi, buổi thi phù hợp với tính chất đặc thù của người học thuộc các hệ đào tạo và bậc đào tạo [H16.16.04.01].

Về việc rà soát đề thi: Đề thi luôn được rà soát trước khi đưa vào tổ chức thi, tăng cường vai trò và trách nhiệm của Trưởng bộ môn trong việc rà soát đề thi. Quy định các tiêu chuẩn, điều kiện cho việc lập bộ đề/ đề trắc nghiệm/ tự luận/ bộ câu hỏi vấn đáp, đề tài tiểu luận với một số lượng đề tài đảm bảo mỗi thí sinh là người đề tài nghiên cứu để hạn chế sự trùng lặp trong nghiên cứu [H16.16.04.01]...

Về rà soát kết quả thi: Việc vào điểm trên hệ thống đều được Trung tâm khảo thí tra soát để hạn chế tối đa các sai sót trong điểm thi. Các trường hợp sai lệch trong điểm thi thường được phát hiện và điều chỉnh trước khi lên hệ thống. Mọi phản ánh của người học về sự khác biệt/ thiếu sót trong nhập điểm được xử lý kịp thời [H16.16.04.01]...

Về cập nhật quy định/quy chế, biểu mẫu: Trường luôn đảm bảo thực hiện thường xuyên, chỉnh lý quy định/quy chế cho phù hợp, các biểu mẫu cũng được cập nhật [H16.16.04.01]. Trong đó phổ biến nhất là cập nhật: các quy chế đào tạo với các nội dung được chỉnh lý liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá; quy trình tổ chức thi kết

thức học phần; cập nhật quy định về xét tốt nghiệp, quy trình tổ chức lễ tốt nghiệp, hướng dẫn viết khóa luận, luận văn, luận án, báo cáo thực tập... **[H16.16.04.01]**.

Phối hợp đánh giá tại đơn vị thực tập: Để hoạt động đánh giá trở nên đa dạng và đầy đủ, việc ghi nhận điểm đánh giá tại nơi thực tập được đưa vào trong đánh giá kết quả thực tập, nhận xét tại đơn vị thực tập là điều kiện cần cho việc đưa ra kết quả đánh giá báo cáo thực tập hay tiểu luận tốt nghiệp **[H16.16.04.01]**.

Trường định kỳ đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình/phương pháp KTĐG người học.

Trường thường xuyên và định kỳ thực hiện nghiên cứu, phân tích kết quả KTĐG người học, sự tác động của các hình thức kiểm tra / đánh giá để từ đó có những điều chỉnh trong quy trình tổ chức thi, đổi mới phương pháp kiểm tra/đánh giá. Trong quá trình thực hiện Quy chế thi kết thúc học phần, các đơn vị đã tiến rà soát, đánh giá và đề xuất BGH có những điều chỉnh trong quy trình tổ chức thi, phương pháp, hình thức thi **[H16.16.04.04]**.

Việc đánh giá độ tin cậy và chính xác của những loại hình / phương pháp đánh giá được thực hiện ở nhiều cấp độ từ bộ môn, Khoa chuyên môn đến lấy ý kiến người học bao gồm người đang học và cựu học viên. Nội dung đánh giá tập trung vào nội dung đánh giá và hình thức KTĐG người học. Về nội dung, Trường giao quyền chủ động cho Bộ môn và khoa chuyên môn đề xuất, xem xét tính hợp lý, bao quát và yêu cầu đánh giá kiến thức của người học. Về hình thức thi, quyền quyết định cũng được trao cho Bộ môn/Khoa chuyên môn quyết định hình thức đánh giá phù hợp và phối hợp với đơn vị kỹ thuật để hỗ trợ tốt nhất đảm bảo phương thức tổ chức đạt hiệu quả trong việc đánh giá người học **[H16.16.04.04]**.

Trường có quy trình xây dựng, đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp KTĐG được thực hiện khoa học, được kiểm chứng trước khi áp dụng và được được thông báo công khai cho người học trước khi bắt đầu mỗi khóa học/ kỳ học/ học phần.

Hệ thống các quy trình, quy chế về đào tạo cùng với các quy định về kiểm tra, đánh giá người học luôn được rà soát sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp hơn trong việc áp dụng, đảm bảo độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá được thực hiện khoa học, được kiểm chứng trước khi áp dụng và được thông báo công khai cho người học trước khi bắt đầu học mỗi khóa học/kỳ học/học phần **[H16.16.04.04]**.

Trong kỳ đánh giá 2017-2022, quá trình triển khai hoạt động đánh giá người học của Trường được thực hiện đồng bộ, nhịp nhàng, phù hợp với các quy định hướng dẫn thay đổi của Bộ GD&ĐT; tất cả các yêu cầu phức khảo, chỉnh lý điểm đánh giá đều được xử lý nhanh chóng và kịp thời, không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập [H16.16.04.05].

Mặt khác, Trường thực hiện công khai, minh bạch bảng điểm học phần/ môn học và được lưu trên hệ thống trên cơ sở dữ liệu điện tử của trường, theo đó các đơn vị liên quan có thể thực hiện tra soát thông tin đồng thời giúp cho các đơn vị thực hiện giám sát lẫn nhau trong quá trình thực hiện hoạt động chuyên môn của mình. Bên cạnh đó Trường cũng có hệ thống thông báo kết quả điểm trên hệ thống website cho người học giúp người học có thể tra cứu điểm kịp thời, nhanh chóng, chính xác, khách quan [H16.16.04.05].

Không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập

Kết quả khảo sát lấy ý kiến cũng như quá trình thực hiện công bố kết quả đánh giá người học đều cho thấy sự minh bạch, công khai của nhà trường từ tiêu chí đánh giá đến tổ chức thực hiện, đảm bảo sự công bằng, khách quan và chính xác trong đánh giá người học. Trường không nhận được các ý kiến khiếu nại phàn nàn nào từ người học về sự thiếu công bằng minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập. Mặc dù vậy, còn một vài nhầm lẫn và sai sót trong quá trình nhập điểm của giáo viên và hệ thống đều được khắc phục ngay khi có yêu cầu xem xét lại của người học [H16.16.04.05]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 16

1. Tóm tắt các điểm mạnh

1.1. Trường đã xây dựng hệ thống đầy đủ quy chế tương ứng với ngành đào tạo, hình thức đào tạo và bậc đào tạo với bộ hồ sơ môn học tương ứng do vậy đã có một hệ thống quy chuẩn cụ thể, chi tiết để đánh giá CDR

1.2. Các phương pháp đánh giá đa dạng, cho phép kết hợp nhiều phương thức trong quá trình giảng dạy, đào tạo, đảm bảo việc đánh giá được tốt nhất năng lực, trình độ của người học được thể hiện đa dạng qua các hình thức đánh giá được GV chủ động triển khai phù hợp.

1.3. Người học được thông tin đầy đủ về CĐR và được GV khuyến khích phát huy trong suốt quá trình học thông qua các phương pháp đánh giá.

1.4. Trường ĐH Luật TP.HCM đã xây dựng được hệ thống các quy trình, quy định từ lập kế hoạch, đến tổ chức và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp với từng giai đoạn trong quá trình học. Trong suốt quá trình học, các quy trình/quy định luôn được triển khai, bổ sung một cách hợp lý với các văn bản hướng dẫn cách thức thực hiện.

1.5. Hoạt động khảo sát, rà soát công tác đánh giá người học được thực hiện định kỳ giúp Trường ĐH Luật phát huy tổng thể các phương pháp đánh giá người học và đảm bảo việc đánh giá chính xác và công bằng.

1.6. Nhà trường đã phát huy hiệu quả việc sử dụng công nghệ vào quản lý điểm đánh giá người học, nhanh chóng sử dụng công nghệ trong việc tổ chức các hoạt động thi trực tuyến, đảm bảo tính nghiêm túc, công khai, minh bạch, chính xác công bằng trong tất cả các phương thức thi: trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, tiểu luận...; thực hiện giám sát quá trình thi chặt chẽ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

2.1. Trong nhiều trường hợp do hạn chế về thời lượng, số lượng người học trong lớp học đông, nên việc áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá còn hạn chế đối với phần lớn các môn học và trong các CTĐT đại trà.

2.2. Một số trường hợp bị chậm tiến độ hoàn thành việc đánh giá hết môn so với thời hạn quy định do giáo viên nộp điểm không đúng thời hạn.

2.3. Trong một số trường hợp chưa tạo ra sự đồng đều trong mức độ đánh giá người học.

3. Kế hoạch cải tiến

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Điều chỉnh sĩ số lớp để GV có thể bao quát lớp học tốt hơn, tăng cường sự tương tác trực tiếp và phát huy năng lực của từng cá nhân người học.	BGH Phòng Đào Tạo Phòng CTCT&SV	09/2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Lập kế hoạch đơn đốc, nhắc nhở tự động khi thời hạn sắp kết thúc. Quy định các biện pháp cụ thể trong quy chế về việc xử lý đối với trường hợp chậm tiến độ và trách nhiệm liên đới giữ các bộ phận.	-Trung tâm Khảo thí -Khoa -Bộ môn -Giáo viên	- Định kỳ sau khi kết thúc từng học kỳ rà soát kế hoạch, rút kinh nghiệm và đưa ra các biện pháp điều chỉnh phù hợp hơn cũng như thực hiện nghiêm biện pháp xử lý. - Tổ chức rà soát và xử lý ngay khi có trường hợp chậm tiến độ đánh giá.	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3	Khắc phục tồn tại 3	<p>Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực của giáo viên trong việc tiếp cận các phương pháp kiểm tra, đánh giá hiện đại để áp dụng vào công tác đánh giá người học.</p> <p>Xác lập các tiêu chí giúp phân định mức độ phân hóa trong xây dựng các đề thi.</p>	<p>Trường ĐH Luật TP.HCM</p> <p>Trung tâm khảo thí.</p> <p>Khoa Bộ môn Giáo viên</p>	<p>Định kỳ mỗi học kỳ tổ chức các lớp tập huấn cho các giáo viên.</p> <p>Định kỳ vào đầu mỗi học kỳ các Khoa/ Bộ môn rà soát đề thi, bộ đề, thống nhất và định hướng việc ra đề</p>	
4	Phát huy điểm mạnh 1	<p>Tiếp tục tăng cường rà soát các quy định, quy chế quy chuẩn về quy chế đào tạo tương ứng với chuyên ngành đào tạo, hệ đào tạo, bậc đào tạo; đảm bảo duy trì các phương thức phù hợp trong đánh giá và bảo đảm sự công bằng minh bạch trong quá trình đánh giá người học</p>	<p>Phòng Đào Tạo</p> <p>Phòng CTCT&SV</p> <p>Trung tâm khảo thí</p> <p>Trung tâm ĐBCL&PPG D</p>	<p>Định kỳ hàng năm thực hiện rà soát căn cứ vào phản hồi của người học, ĐV SDLĐ, quy định hướng dẫn của Bộ GD&ĐT</p>	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5	Phát huy điểm mạnh 2	Có chính sách khuyến khích, tăng cường tính chủ động của GV trong việc phối kết hợp giữa các phương thức đánh giá, đảm bảo rằng người học có thể được tiếp cận và đánh giá một cách tốt nhất.	Ban GH Các Phòng Đào Đạo Phòng CTCT&SV Trung tâm khảo thí Khoa/Bộ môn GV	Thể hiện trong cơ chế thi đua khen thưởng hàng năm.	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục duy trì và tăng cường sự minh bạch về thông tin đánh giá người học để người học có thể tự mình phát huy tối đa năng lực thông qua việc tham gia một cách chủ động, tích cực vào quá trình học và đánh giá người học.	Ban GH Các Phòng Đào Đạo Phòng CTCT&SV Trung tâm khảo thí Khoa/Bộ môn GV	Định kỳ mỗi học kỳ hoặc thường xuyên tiến hành rà soát đảm bảo cập nhật đầy đủ trên hệ thống. GV bảo đảm công bố ngay vào đầu mỗi môn học.	
7	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát và lấy ý kiến người học/ cựu học viên/ĐV SDLĐ để hoàn	- Các Phòng Đào tạo chính quy, vừa làm	Định kỳ từng học kỳ/ năm học tổ chức	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		thiện việc xây dựng quy trình, kế hoạch đánh giá phù hợp đáp ứng được yêu cầu đánh giá công bằng, hiệu quả, chính xác, minh bạch, vừa bảo đảm phát huy năng lực của người học, tạo sự công bằng và nhu cầu chung của xã hội	vừa học, Đào tạo sau đại học. -Trung tâm AQAQ - Trung tâm khảo thí - Người học - Cựu học viên -ĐV SDLĐ	lấy ý kiến người học/ ĐV SDLĐ	
8	Phát huy thế mạnh 5	Tiếp tục cập nhật và hiệu chỉnh các quy định, quy trình, kế hoạch phù hợp với quy định pháp luật nói chung và quy định của Bộ GD&ĐT	-Các Phòng Đào tạo chính quy, vừa làm vừa học, Đào tạo sau đại học. -Trung tâm AQAQ - Trung tâm khảo thí	Thường xuyên cập nhật văn bản quy phạm pháp luật, quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.	

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
9	Phát huy thế mạnh 6	Duy trì và củng cố phương thức quản lý hệ thống trực tuyến, quản lý thông tin dữ liệu, tăng cường sự minh bạch và tạo sự thuận tiện trong việc tra cứu kết quả và xử lý yêu cầu cho người học.	BGH Các Phòng Đào Tạo Trung tâm khảo thí Khoa/Bộ môn	Thường xuyên	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 16</i>	6
Tiêu chí 16.1	6
Tiêu chí 16.2	6
Tiêu chí 16.3	6
Tiêu chí 16.4	6

TIÊU CHUẨN 17. CÁC HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học

Nhà trường đã xây dựng và quản lý người học thống nhất thông qua phần mềm PSC, đối với từng bậc đào tạo Nhà trường ban hành các quy chế, quy định để chỉ đạo, điều hành và triển khai các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học, bao gồm: đối với bậc đào tạo chính quy, Nhà trường ban hành Quy chế công tác SV đại học hệ chính

quy (Quyết định 733/QĐ-ĐHL ngày 01/10/2021), Quy chế công tác CVHT theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 1195/QĐ-ĐHL ngày 21/9/2009), Quy định học bổng khuyến khích học tập cho SV đại học hệ chính quy (Quyết định 46/QĐ-ĐHL ngày 09/01/2019), Quy định về việc trích lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ SV Trường ĐH Luật Tp.HCM... [H17.17.01.01]. Đối với bậc đào tạo sau đại học có Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (Quyết định số 752/QĐ-ĐHL ngày 06/10/2021), Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ của Trường ĐH Luật Tp.HCM (Quyết định 1532/QĐ-ĐHL ngày 31/12/2019) [H17.17.01.02].

Vào đầu năm học, Nhà trường ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục đại học của năm học [H17.17.01.03], trong đó có nội dung triển khai các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học trong năm học. Đồng thời, các đơn vị chức năng như Trung tâm QHDN&HTSV, Phòng CTSV, các Phòng Đào tạo, Đào tạo sau đại học, Phòng QL HVLVH, Phòng QTTB... có kế hoạch phân công cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị để triển khai các hoạt động hỗ trợ người học, như: Phòng CTSV, Phòng Đào tạo, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng QTTB, Trung tâm QHDN&HTSV, Đoàn trường – Hội SV trường xây dựng các kế hoạch đón tiếp tân SV, sinh hoạt công dân đầu khóa, học Giáo dục quốc phòng - an ninh, khám sức khỏe đến kế hoạch đảm bảo chế độ chính sách, cấp học bổng khuyến khích học tập, miễn, giảm học phí cho SV,... Tập trung vào các nội dung giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống trong SV; thi đua, khen thưởng, kỷ luật, chấp hành nội quy, quy chế; chăm lo và hỗ trợ SV; đánh giá và bình xét điểm rèn luyện SV [H17.17.01.04]. Để nâng cao chất lượng hoạt động của CVHT Nhà trường quy định cụ thể 1 ngày trong tháng để CVHT làm việc với người học để nắm bắt tình hình người học và có các tư vấn cụ thể.

Nhà trường thực hiện giám sát quá trình và kết quả học tập của người học thông qua phần mềm quản lý đào tạo PSC. Đầu năm học, Phòng Đào tạo, Trung tâm khảo thí, Trung tâm ĐBCL&PPGD xây dựng các kế hoạch giảng dạy, học tập, thi kết thúc học phần, học kỳ phụ (học tự nguyện, học hè) đảm bảo đúng tiến độ giảng dạy, nội dung CTĐT, thực hiện tốt quy chế về đào tạo, khảo thí [H17.17.01.05]. Trong quá trình học người học sẽ được GV theo dõi đánh giá về thái độ học tập, sự chuyên cần và thực hiện các bài kiểm tra do GV quyết định để lấy điểm giữa kỳ. Kết thúc học kỳ, Phòng Đào tạo và Trung tâm Khảo thí tổ chức cho người học thi cuối kỳ để đánh giá xếp loại người học

[H17.17.01.06], toàn bộ kết quả của người học sẽ được đưa lên phần mềm PSC để quản lý và công bố với người học.

Trong công tác hỗ trợ và phục vụ người học về vấn đề đào tạo, học thuật, NCKH: hàng năm Phòng QL NCKH&HTQT phối hợp với Đoàn trường triển khai các kế hoạch về NCKH SV trong năm học và tổ chức các Ngày hội NCKH để phát động và hướng dẫn SV về phương pháp và các nội dung thực hiện các đề tài NCKH **[H17.17.01.07]**. Các câu lạc bộ về học thuật, phong trào cũng được thành lập để SV tham gia như câu lạc bộ phiên tòa tập sự, câu lạc bộ Hoa lửa, câu lạc bộ Luật gia trẻ, Câu lạc bộ Bóng rổ, câu lạc bộ Vovinam... **[H17.17.01.08]**.

Trung tâm QHDN&HTSV xây dựng các kế hoạch về kiến tập, thực tập, nâng cao kỹ năng mềm, kết nối SV với doanh nghiệp, tìm kiếm nguồn học bổng doanh nghiệp **[H17.17.01.09]**; Các khoa, Đoàn Thanh niên - Hội SV phối hợp với các Khoa xây dựng các kế hoạch SV tình nguyện, tổ chức các hoạt động văn thể mỹ, hoạt động tình nguyện, các cuộc thi tập thể gắn với chuyên môn đào tạo **[H17.17.01.10]**.

Hệ thống giám sát người học của Nhà trường rất đầy đủ, đa dạng và chặt chẽ bao gồm: các Quy chế (quy chế đào tạo; quy chế thi, kiểm tra, đánh giá; quy chế về công tác SV), bộ phận giám sát (Phòng CTSV, Phòng Đào tạo, các Khoa, Trung tâm, Đoàn Thanh niên, Hội SV) và các công cụ giám sát (phần mềm quản lý SV, học viên)... **[H17.17.01.11]**.

Kế hoạch thực hiện các hoạt động giám sát người học cũng được thiết lập gồm: kế hoạch thanh tra giảng đường, kiểm tra giờ làm việc, học tập **[H17.17.01.12]**; kế hoạch giám sát học tập, xử lý học vụ; giám sát hoạt động đào tạo thông qua hội nghị giao ban CVHT và công tác SV hàng năm **[H17.17.01.13]**. Việc giám sát người học được thực hiện bởi một hệ thống các phần mềm quản lý đào tạo (do Phòng Đào tạo quản lý), đánh giá rèn luyện SV (do Phòng CTSV chịu trách nhiệm).

Đối với việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ phục vụ, hỗ trợ người học Nhà trường được áp dụng theo Quy định đánh giá, phân loại GV, chuyên viên và người lao động của Trường ĐH Luật Tp.HCM (Quyết định số 858/QĐ-ĐHL ngày 22/5/2014) **[H17.17.01.14]**.

Nhà trường xác định sự hài lòng của người học về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ là

tiêu chí đánh giá kết quả các hoạt động. Phòng QTTB duy trì việc lấy ý kiến góp ý của người học và GV về chất lượng CSVC thông qua sổ đóng góp ý kiến gắn tại các phòng học [H17.17.01.15], các đơn vị như Phòng Đào tạo, Phòng CTSV đều thực hiện các khảo sát đối với người học về việc thực hiện các MTCL đối với từng quy trình phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của đơn vị [H17.17.01.16]. Trung tâm QHDN&HTSV thực hiện khảo sát đối với người học về định hướng lựa chọn nghề nghiệp [H17.17.01.17]...

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Hệ thống quản lý người học của Nhà trường được tổ chức phù hợp với từng bậc, hệ đào tạo như Phòng Đào tạo có chức năng quản lý về công tác đào tạo của người học hệ chính quy văn bằng 1 và văn bằng 2, Phòng Đào tạo sau đại học quản lý công tác đào tạo sau đại học, Phòng QL HVLVH quản lý công tác đào tạo hệ vừa làm vừa học, Phòng CTSV quản lý hồ sơ SV, đánh giá điểm rèn luyện, chính sách miễn giảm, cấp bù học phí, Phòng QTTB quản lý và hỗ trợ người học về CSVC, máy lạnh, Trung tâm TTTV tổ chức hỗ trợ bạn đọc, Trung tâm Học liệu hỗ trợ về công tác giảng dạy, tài liệu học tập... Các Khoa có chức năng quản lý về chuyên môn cũng được tổ chức để quản lý GV, CVHT và thực hiện các chức năng hỗ trợ người học. Bên cạnh đó, từ năm 2015 Nhà trường đã thành lập Trung tâm QHDN&HTSV để tham mưu cho Hiệu trưởng về hoạt động tư vấn việc làm, công tác gắn đào tạo của Nhà trường với các Doanh nghiệp và cơ quan thực tế và các công tác hỗ trợ cho SV [H17.17.02.01].

Nhân sự làm công tác quản lý và hỗ trợ, giám sát người học được Nhà trường tuyển chọn và bố trí các viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết, có trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm và thâm niên công tác với đội ngũ cán bộ Đoàn Thanh niên, Hội SV tốt nghiệp và ở lại trường công tác nên tổ chức được đa dạng các loại hình phục vụ hỗ trợ người học, đáp ứng nhu cầu của người học. Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường đều phân công các GV của các Khoa làm CVHT cho từng lớp [H17.17.02.02] để thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho người học về công tác học tập và các vấn đề về đời sống khi học tập tại trường. Đối với đơn vị chuyên trách thực hiện công tác hỗ trợ người học là Trung tâm QHDN&HTSV được thành lập vào năm 2015 với nhân sự gồm 01 giám đốc, 05 chuyên viên và hơn 40 cộng tác viên là SV [H17.17.02.03]

Nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho SV được tiếp cận, nắm bắt những chủ trương, chính sách của Nhà trường, hiểu biết những quy trình, thủ tục, các quy định, quy chế cũng như những chương trình, sự kiện của Trường. Nhà trường đã thiết lập hệ thống thông tin với nhiều kênh thông tin đa dạng, phong phú, trong đó cổng thông tin điện tử website: hcmulaw.edu.vn và fanpage Trường ĐH Luật Tp.HCM là trang ngôn luận chính thống của Nhà trường, mọi thông tin liên quan đều được thể hiện một cách cụ thể, khách quan, công khai, minh bạch **[H17.17.02.04]**.

Vào đầu năm học, Phòng CTSV và Phòng Đào tạo phối hợp tổ chức Tuần sinh hoạt Công dân SV; cung cấp các thông tin về Kế hoạch giảng dạy, học tập từng học kỳ đều được phổ biến đến SV trên website daotao.hcmulaw.edu.vn. Mỗi SV một tài khoản cá nhân để truy cập vào trang thông tin SV, phần mềm quản lý đào tạo PSC, thông qua đó SV biết được lịch học, lịch thi, kết quả thi, kết quả học tập... Kết quả học tập của người học được tổng hợp, công bố công khai, kịp thời vào cuối mỗi học kỳ, năm học và khóa học **[H17.17.02.05]**.

Phòng QL NCKH&HTQT ban hành Kế hoạch NCKH SV trong năm học, người học được khuyến khích tham gia NCKH và được tạo điều kiện tham gia các đề tài, chương trình nghiên cứu và trao đổi học tập. Các hoạt động NCKH của SV không chỉ được Nhà trường hỗ trợ tài chính mà còn được hỗ trợ chuyên môn bởi các GV của các Khoa như chọn đề tài, lập đề cương nghiên cứu, khảo sát, báo cáo trước Hội đồng **[H17.17.02.06]**.

Trung tâm QHDN&HTSV đã tổ chức thiết lập hệ thống thông tin việc làm, thông tin hai chiều giữa Trường với các tổ chức, cá nhân sử dụng lao động về nhu cầu sử dụng lao động, số lượng người học tốt nghiệp hàng năm theo từng ngành đào tạo của Trường để tư vấn và giới thiệu việc làm cho người học; giúp các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng lao động lựa chọn lao động phù hợp với yêu cầu công việc **[H17.17.02.07]**; Tổ chức Ngày hội việc làm hàng năm **[H17.17.02.08]**; Phối hợp với các ĐV SDLĐ tổ chức các cuộc giao lưu, hội thảo, hội nghị, tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho học viên, SV; Hỗ trợ SV khởi nghiệp **[H17.17.02.09]**; Vận động các nguồn tài trợ để bổ sung Quỹ hỗ trợ SV; tiếp nhận các nguồn tài trợ học bổng, trợ cấp khó khăn từ các công ty, doanh nghiệp và cơ quan đoàn thể **[H17.17.02.10]**;

Thư viện Nhà trường là một không gian học tập được trang bị khá đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập sát với từng CTĐT. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động

thư viện cũng được Nhà trường quan tâm. Nhà trường đầu tư hệ thống thư viện số nhằm hỗ trợ tối đa cho SV về nguồn tài liệu học tập và NCKH. Thư viện thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn người dùng mới và triển khai cho người học sử dụng và mượn các tài liệu để nghiên cứu, học tập [H17.17.02.11].

Trung tâm Học liệu giới thiệu các danh mục sách theo từng học kỳ, tổ chức các hội sách ưu đãi từ 20 – 30% để hỗ trợ cho người học, đặc biệt là các SV có hoàn cảnh khó khăn [H17.17.02.12].

Nhà trường quy định 1 ngày cố định hàng tháng để CVHT sinh hoạt với người học. Thông qua các buổi làm việc CVHT thông tin về các chủ trương của Nhà trường, tư vấn các vấn đề về học tập, về đời sống, rèn luyện cho SV [H17.17.02.13].

Căn cứ các quy chế về đào tạo, đầu năm học, Phòng Đào tạo, Trung tâm khảo thí, Trung tâm ĐBCL&PPGD xây dựng các kế hoạch giảng dạy, học tập, thi kết thúc học phần, học kỳ phụ (học tự nguyện, học hè) đảm bảo đúng tiến độ giảng dạy, nội dung CTĐT, thực hiện tốt quy chế về đào tạo, khảo thí [H17.17.02.14]. Trong quá trình học người học sẽ được GV theo dõi đánh giá về thái độ học tập, sự chuyên cần và thực hiện các bài kiểm tra do GV quyết định để lấy điểm giữa kỳ. Kết thúc học kỳ, Phòng Đào tạo và Trung tâm Khảo thí tổ chức cho người học thi cuối kỳ để đánh giá xếp loại người học [H17.17.02.15], toàn bộ kết quả của người học sẽ được đưa lên phần mềm PSC để quản lý và công bố với người học.

Việc tổ chức đánh giá điểm rèn luyện của SV được thực hiện theo đúng Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của SV với các tiêu chí, tiêu chuẩn, biểu mẫu và hướng dẫn rõ ràng. Kết quả rèn luyện của SV được công bố theo từng học kỳ [H17.17.02.16]. Điểm rèn luyện cùng với kết quả học tập là hai yếu tố để xét học bổng khuyến khích học tập cho người học [H17.17.02.17].

Để động viên, khích lệ SV đạt thành tích cao trong học tập, hoạt động phong trào đồng thời hỗ trợ SV gặp hoàn cảnh khó khăn về tài chính, Nhà trường còn huy động, tìm tài trợ học bổng từ các cơ quan, doanh nghiệp [H17.17.02.18]. Ngoài các dịch vụ hỗ trợ, tất cả những SV thuộc diện chính sách đều được Nhà trường đảm bảo thực hiện chế độ theo đúng quy định của Nhà nước như chi trả trợ cấp xã hội [H17.17.02.19]. Hằng năm Nhà trường tổ chức khen thưởng cho SV đạt kết quả học tập, rèn luyện Giỏi, xuất sắc, có thành tích trong NCKH, có thành tích trong chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh

và trong Công tác Đoàn – Hội... [H17.17.02.20].

Về vấn đề chăm sóc y tế, Nhà trường có Trạm y tế thường xuyên theo dõi, sơ cấp cứu và xử lý ban đầu các trường hợp SV có vấn đề về sức khỏe, tăng cường nhiều biện pháp hỗ trợ SV đăng ký bảo hiểm y tế, làm các thủ tục để SV được nhận các chế độ bảo hiểm.

Nhà trường áp dụng quy trình ISO với các hoạt động tại các đơn vị, trong quy trình ISO có thực hiện việc khảo sát đánh giá của người học về các quy trình phục vụ và hỗ trợ người học tại các đơn vị như Phòng CTSV, Phòng Đào tạo, Trung tâm QHDN&HTSV [H17.17.02.21]. Trong một số hoạt động được triển khai, Trung tâm QHDN&HTSV, Đoàn trường, Hội SV tiến hành khảo sát đánh giá của người tham gia khi kết thúc chương trình để làm cơ sở đánh giá, cải tiến cho hoạt động [H17.17.02.22].

Nhằm đánh giá hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học hàng năm Trung tâm ĐBCL&PPGD của Nhà trường đều thực hiện khảo sát đánh giá của SV năm cuối về quá trình học tập tại trường [H17.17.02.23]. Phòng QTTB duy trì việc lấy ý kiến góp ý của người học và GV về chất lượng CSVC thông qua sổ đóng góp ý kiến gắn tại các phòng học [H17.17.02.24], các đơn vị như Phòng Đào tạo, Phòng CTSV đều thực hiện các khảo sát đối với người học về việc thực hiện các MTCL đối với từng quy trình phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của đơn vị [H17.17.02.25]. Trung tâm QHDN&HTSV thực hiện khảo sát đối với người học về định hướng lựa chọn nghề nghiệp [H17.17.02.26]...

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được rà soát.

Nhằm phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục đại học được sửa đổi, bổ sung năm 2018 và các văn bản khác của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã tiến hành rà soát và ban hành các quy định mới như về công tác SV, về đánh giá điểm rèn luyện, về NCKH SV, về tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ, đào tạo tiến sĩ... cho phù hợp [H17.17.03.01].

Hàng tháng các đơn vị như Phòng Đào tạo, Công tác SV, Thư viện, Trung tâm QHDN&HTSV... đều thực hiện báo cáo hoạt động của đơn vị thông qua báo cáo tháng gửi về Phòng TC-HC để BGH giám sát và theo dõi kết quả thực hiện các hoạt động phục

vụ và hỗ trợ người học **[H17.17.03.02]**.

Nhà trường hàng năm tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của các đơn vị, trong đó có hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học thông qua Hội nghị viên chức và người lao động, các hoạt động đều được toàn thể viên chức và người lao động của Nhà trường theo dõi, chất vấn và giám sát. Đồng thời, hội nghị cũng ban hành Nghị quyết của năm học mới đề ra các hoạt động khác phục cũng như các nội dung trong năm tới, trong đó có các nội dung liên quan đến công tác hỗ trợ, phục vụ và giám sát người học **[H17.17.03.03]**.

Đối với người học chính quy, trong năm học Phòng CTSV tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng Nhà trường với SV. Đây là diễn đàn đối thoại trực tiếp giữa Nhà trường với người học nhằm đánh giá các hoạt động liên quan đến người học, qua đó thực hiện tốt công tác giám sát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Thông qua các chương trình đối thoại, các phòng, trung tâm, khoa sẽ có các kế hoạch để cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ người học được tốt hơn **[H17.17.03.04]**.

Đối với Đoàn Thanh niên, Hội SV hàng năm đều thực hiện báo cáo tổng kết năm học, đánh giá các kết quả thực hiện các phong trào đồng hành, hỗ trợ SV về đời sống phong trào, rèn luyện, phát triển văn thể mỹ trong năm học, báo cáo Đảng ủy và Thành Đoàn, Hội SV Thành phố để đánh giá, xếp loại. Thông qua việc đánh giá của cấp trên và định hướng lãnh đạo của Đảng ủy, BGH vào đầu năm học tiếp theo Đoàn trường, Hội SV sẽ xây dựng chương trình năm mới trong đó có cải tiến chất lượng các hoạt động phong trào **[H17.17.03.05]**.

Đối với hệ thống giám sát người học như phần mềm quản lý đào tạo và quản lý người học PSC được định kỳ rà soát thường xuyên sau từng năm học. Cụ thể: Phòng Đào tạo, Phòng QL HVLVH thực hiện việc đình chỉ học tập theo quy định đối với các SV có kết quả học tập kém liên tục, các người học không tiếp tục học **[H17.17.03.06]**. Phòng Đào tạo sau đại học thực hiện đình chỉ đối với các học viên hết thời hạn nghiên cứu **[H17.17.03.07]**.

Phòng CTSV tham mưu thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện và xét các loại học bổng khuyến khích học tập, học bổng hỗ trợ SV khó khăn, miễn giảm, trợ cấp xã hội...và cập nhật các kết quả vào hệ thống phần mềm giám sát người học **[H17.17.03.08]**. Qua việc triển khai đánh giá xếp loại, học tập, rèn luyện hàng năm Lãnh

đạo Nhà trường chỉ đạo các đơn vị có kế hoạch cải tiến chất lượng cho năm tiếp theo. Đây cũng là cơ sở để Hội đồng thi đua, khen thưởng của Nhà trường làm căn cứ đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại thi đua của các cá nhân và đơn vị [H17.17.03.09].

Các hoạt động hỗ trợ, phục vụ và giám sát người học đều lấy tiêu chí sự hài lòng của người học làm tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động, chính vì vậy hàng năm, các trung tâm, phòng, đoàn thể thuộc Trường có chức năng thực hiện các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học chủ động xây dựng kế hoạch, mục tiêu để thực hiện hoạt động phục vụ người học một cách chủ động theo kế hoạch năm học, theo MTCL ISO của đơn vị [H17.17.03.10]. Kết quả thực hiện các MTCL theo quy trình ISO đều có phản hồi đánh giá của người học, đồng thời, theo quy trình ISO của Nhà trường đều có đánh giá nội bộ về các hoạt động, mục tiêu chất lượng, quy trình [H17.17.03.11] và thực hiện đánh giá ngoài về ISO [H17.17.03.12] vào đầu và cuối chu trình 5 năm.

Bên cạnh đó, Trung tâm QHDN&HTSV cùng Đoàn Thanh niên, Hội SV phối hợp với tổ chức Edu2Review cũng thực hiện khảo sát đánh giá của người học, kết quả khảo sát có các chỉ số đánh giá về Nhà trường khá cao và Nhà trường được bình chọn là top 10 trường đại học hạnh phúc nhất (<https://edu2review.com/reviews/top-10-truong-dai-hoc-hanh-phuc-nhat-tot-nhat-viet-nam-8245.html>) [H17.17.03.13]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Các đơn vị trong trường có thực hiện hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học như Phòng CTSV, Trung tâm QHDN&HTSV, Thư viện... đã xây dựng tiêu chí, chỉ số cụ thể về mục tiêu chất lượng hàng năm và triển khai thực hiện nghiêm túc theo quy trình ISO của Nhà trường [H17.17.04.01]. Định kỳ theo chu trình đánh giá ISO các đơn vị thực hiện báo cáo, rà soát và đưa ra các chỉ số, cũng như các biện pháp hành động khắc phục phù hợp với những tiêu chí chưa đạt. Các đơn vị như Trung tâm Học liệu đều đặt ra các chỉ tiêu cụ thể như số lượng sách, giáo trình phát hành cho người học năm sau đều cao hơn năm trước [H17.17.04.02].

Bên cạnh đó, định kỳ hàng năm Nhà trường đều thực hiện khảo sát tỷ lệ SV có việc

làm và căn cứ vào các chỉ số, cũng như số lượng SV có được việc làm để tham khảo và điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ về công tác hướng nghiệp và tìm kiếm việc làm [H17.17.04.03].

Định kỳ hàng năm Trung tâm ĐBCL&PPGD đều thực hiện khảo sát lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, cũng như một số hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Nhà trường tại <http://khaosatonline.hcmulaw.edu.vn/khaosat/> [H17.17.04.04]. Thông qua các chỉ số khảo sát được, Trung tâm đã đánh giá và kiến nghị lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các Khoa cũng như các đơn vị thực hiện các giải pháp để cải thiện các chỉ số chưa tốt và phát huy những chỉ số được người học đánh giá cao.

Phần mềm quản lý và giám sát người học cũng được Nhà trường rà soát và phối hợp các đơn vị cung cấp phần mềm để xây dựng các thanh công cụ mới phục vụ cho công tác hỗ trợ và giám sát người học. Hệ thống CVHT được định kỳ rà soát qua từng học kỳ và thay thế những CVHT nghỉ thai sản, hoặc không còn công tác tại trường đối với một số lớp nhất định [H17.17.04.05].

Thông qua các khảo sát về CTĐT và khảo sát đơn vị sử dụng, khảo sát việc làm hàng năm, tỉ lệ người học và cựu người học đều đánh giá hài lòng về chất lượng đào tạo, chất lượng các hoạt động phục vụ của Nhà trường từ 80% trở lên [H17.17.04.06].

Để nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ người học, Nhà trường đầu tư tăng cường nâng cấp hệ thống phần mềm, công nghệ thông tin, đồng thời xúc tiến xây dựng App kết nối và hỗ trợ người học để nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.04.07] đặc biệt trong lĩnh vực kết nối ĐV SDLĐ, tìm kiếm việc làm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 17

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Thứ nhất, Nhà trường có phần mềm thống nhất và đầy đủ các bộ phận quản lý, hệ thống phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học. Các đơn vị được tổ chức bài bản, có phân định chức năng và nhiệm vụ theo các quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị. Nhà trường ban hành đa dạng các kế hoạch tổ chức và phục vụ người học đa dạng trên các mặt hoạt động như công tác giáo dục về chính trị tư tưởng, chăm sóc, hỗ trợ về y tế, văn hóa văn nghệ, đời sống vật chất, tinh thần.

- Thứ hai, Nhà trường có đơn vị chuyên trách phục vụ và hỗ trợ người học. Nhà trường đã ban hành nhiều kế hoạch và tổ chức đa dạng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Hệ thống giám sát người học được thực hiện thông qua phần mềm quản lý đào tạo PSC giúp người học dễ dàng theo dõi kết quả tiến trình học tập và rèn luyện.

- Thứ ba, Nhà trường kịp thời rà soát và ban hành các văn bản nội bộ phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 và các văn bản của Nhà nước.

- Thứ tư, chất lượng phục vụ và hỗ trợ người học được đánh giá cao, được tổ chức Edu2Review bình chọn là top 10 trường đại học hạnh phúc nhất (<https://edu2review.com/reviews/top-10-truong-dai-hoc-hanh-phuc-nhat-tot-nhat-viet-nam-8245.html>)

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Thứ nhất, Nhà trường chưa ban hành bộ tiêu chí về việc đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học.

- Thứ hai, Nhà trường chưa thực hiện đầy đủ hoạt động khảo sát người học toàn trường đánh giá về công tác phục vụ và hỗ trợ người học của Nhà trường.

- Thứ ba, Nhà trường có tiến hành việc rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học, tuy nhiên vẫn chưa có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát.

- Thứ tư, chưa xây cơ chế giám sát việc xử lý CSDL thu nhận được sau khảo sát của các đơn vị sử dụng, người học và cựu người học về chất lượng đào tạo, chất lượng các hoạt động phục vụ của Nhà trường.

3. Kế hoạch cải tiến

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Nhà trường sẽ ban hành bộ tiêu chí về việc đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ	- BGH. - Các đơn vị có liên quan.	Từ năm 2022 trở đi	

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học.			
2	Khắc phục tồn tại 2	Nhà trường sẽ tiến hành thực hiện đầy đủ hoạt động khảo sát người học toàn trường đánh giá về công tác phục vụ và hỗ trợ người học của Nhà trường.	- BGH - Trung tâm QHĐN&HTSV	Từ năm 2022 trở đi	
3	Khắc phục tồn tại 3	Nhà trường sẽ xây dựng và ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát	- BGH - Trung tâm QHĐN&HTSV - Đoàn – Hội	Từ năm 2022 trở đi	
4	Khắc phục tồn tại 4	Nhà trường sẽ xây dựng cơ chế giám sát việc xử lý CSDL thu nhận được sau khảo sát của các đơn vị sử dụng, người học và cựu người học về chất lượng đào tạo, chất lượng các hoạt động phục vụ của Nhà trường.	- BGH - Trung tâm QHĐN&HTSV - Đoàn – Hội	Từ năm 2022 trở đi	
5	Phát huy điểm mạnh 1	- Nhà trường sẽ tiếp tục thực hiện rà soát và ban hành các quy chế cho phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục Đại học sửa	- BGH - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các	Từ năm 2022 trở đi	

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		đổi và Nghị định 99 của Chính phủ. - Thường xuyên cử cán bộ tham gia các hội thảo, tập huấn để cập nhật, bổ sung các kỹ năng kiến thức nâng cao chất lượng công việc.	hoạt động cụ thể		
6	Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường sẽ tiếp tục thực hiện rà soát và cải tiến các quy trình quản lý nhằm nâng cao hiệu quả. Đồng thời đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động giám sát, đánh giá người học	- BGH - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các hoạt động cụ thể	Từ năm 2022 trở đi	
7	Phát huy điểm mạnh 3	Nhà trường sẽ tiếp tục rà soát và ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động hỗ trợ, phục vụ và giám sát người học phù hợp với thực tiễn.	- BGH - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các hoạt động cụ thể	Từ năm 2022 trở đi	
8	Phát huy điểm mạnh 4	Nhà trường có kế hoạch khai thác, ứng dụng các mạng xã hội vào hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Xây dựng App	- BGH - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các hoạt động cụ thể	Từ năm 2022 trở đi	

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		kết nối để nâng cao công tác phục vụ và hỗ trợ người học.	thể		

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 17	5,25
Tiêu chí 17.1	6
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	5
Tiêu chí 17.4	5

TIÊU CHUẨN 18. QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu

Trường ĐH Luật Tp.HCM có hệ thống bao quát, định hướng, điều hành, thực thi, theo dõi và giám sát, đánh giá các hoạt động nghiên cứu, các nguồn lực, đội ngũ nghiên cứu, và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược về NCKH (NCKH), bao gồm: Đảng ủy, BGH và HĐ KH&ĐT xác định các định hướng nghiên cứu và giám sát việc thực hiện; Quản lý, điều hành nghiên cứu được thực hiện bởi 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách NCKH và Phòng QL NCKH&HTQT [H18.18.01.01]; Các nghiên cứu cụ thể được thực hiện bởi cá nhân thuộc các đơn vị đào tạo và nghiên cứu trực thuộc Trường. Các loại hình nghiên cứu được xác định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H18.18.01.02]; Hoạt động NCKH của Nhà trường được xây dựng

và triển khai thực hiện từ việc lập kế hoạch hoạt động NCKH 5 năm [H18.18.01.03] và kế hoạch hàng năm [H18.18.01.04]. Định kỳ báo cáo đánh giá hoạt động NCKH hàng năm [H18.18.01.05].

Nhiệm vụ NCKH luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao uy tín, vị thế của Nhà trường. Các kế hoạch NCKH của Nhà trường hàng năm và các giai đoạn đã cụ thể hóa các chỉ tiêu cần đạt và lộ trình thực hiện theo từng năm về NCKH của Nhà trường cho phù hợp với tình hình thực tiễn từng thời điểm [H18.18.01.03], [H18.18.01.04]. Kết quả xây dựng và triển khai hoạt động NCKH của Trường được nêu cụ thể trong các báo cáo như: báo cáo hoạt động NCKH hàng năm, báo cáo Hội nghị viên chức (VC) và người lao động (NLĐ) hàng năm.

Trường đã xây dựng và ban hành Quy định về NCKH [H18.18.01.06], trong đó quy định về công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động NCKH, quy định về khối lượng NCKH hàng năm theo quy định của nhà trường cho GV. Văn bản này được xây dựng và triển khai thực hiện căn cứ vào các văn bản pháp lý như: (i) Luật Khoa học công nghệ; (ii) Luật Sở hữu trí tuệ; (iii) Luật Chuyển giao công nghệ; (iv) Các văn bản dưới luật; (v) Các quyết định, quy định về Quy định hoạt động khoa học công nghệ của Bộ GD&ĐT và Đào tạo (GD&ĐT) [H18.18.01.07].

Trên cơ sở quy định của Quy định về NCKH, Phòng QL NCKH&HTQT triển khai quy trình xây dựng kế hoạch NCKH hàng năm của Trường như sau: Căn cứ vào định hướng về hoạt động NCKH của Trường nêu trong Nghị quyết Hội nghị VC và NLĐ hàng năm [H18.18.01.08], Phòng gửi các thông báo hướng dẫn đăng ký hoạt động NCKH tới tất cả các đơn vị có liên quan [H18.18.01.09], các đơn vị xây dựng và đề xuất các hoạt động, đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn và lĩnh vực quan tâm. Đối với đề tài NCKH cấp Trường, Phòng QL NCKH&HTQT tổng hợp đăng kí của các đơn vị, tiến hành các thủ tục liên quan và trình Hiệu trưởng phê duyệt [H18.18.01.10]. Đối với các đề tài cấp Bộ trở lên, việc phê duyệt và giao đề tài sẽ do Bộ GD&ĐT phụ trách [H18.18.01.11]. Sau khi các đề tài NCKH được phê duyệt, Nhà trường chủ động triển khai đến các đơn vị và cá nhân [H18.18.01.12]. Trên cơ sở đó, trường quản lý, triển khai các hoạt động NCKH của viên chức, SV, hội thảo, hội nghị, tạp chí, giáo trình, tập bài giảng, đề tài, dự án, đề án các cấp...hàng năm theo kế hoạch này, căn cứ vào các quy

định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H18.18.01.02] và quy định về mức chi của Bộ Tài chính [H18.18.1.13].

Để thực hiện, triển khai các kế hoạch hoạt động NCKH hàng năm của trường được thuận lợi hiệu quả, căn cứ vào Quy định về NCKH [H18.18.01.06] cùng với Quy chế chi tiêu nội bộ của trường [H18.18.01.02], Phòng QL NCKH&HTQT dự toán kinh phí cho hoạt động quản lý và NCKH hàng năm để trình Hiệu trưởng.

Các tiêu chí đánh giá số lượng chất lượng NCKH được Nhà trường quy định trong Quy định về NCKH [H18.18.01.06]. Theo đó, các đề tài NCKH các cấp sẽ được các hội đồng chuyên môn ĐGCL nghiên cứu thông qua các phiếu đánh giá, nhận xét về kết quả nghiên cứu của đề tài.

Để theo dõi, giám sát ĐGCL NCKH được hiệu quả, trường phân công cho Phòng QL NCKH&HTQT là đơn vị chuyên trách và đầu mối thực hiện hoạt động này. Phòng QL NCKH&HTQT có 01 Trưởng phòng phụ trách chung và điều hành tổng thể, một Phó trưởng phòng hỗ trợ phụ trách và hai chuyên viên trực tiếp thực hiện triển khai các nhiệm vụ thuộc mảng quản lý hoạt động NCKH [H18.18.01.14].

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, Phòng QL NCKH&HTQT thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các đề tài NCKH định kỳ hàng năm, kiểm tra công tác NCKH ở các loại hình và báo cáo kịp thời lên BGH những khó khăn, vướng mắc phát sinh để xin ý kiến chỉ đạo và có biện pháp khắc phục kịp thời, tạo điều kiện cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ [H18.18.01.15].

Bên cạnh đó, hàng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị VC và NLĐ, trong đó có nội dung NCKH để tổng kết các hoạt động NCKH trong toàn Trường, bao gồm các đề tài/dự án cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp trường, hoạt động NCKH của SV, bài báo khoa học đăng tạp chí, hội thảo khoa học... từ đó chỉ ra những mặt mạnh, những tồn tại và nguyên nhân để tìm ra biện pháp khắc phục nhằm cải thiện chất lượng các hoạt động NCKH phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Trường [H18.18.01.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

Nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH của Trường nhìn chung vẫn từ các nguồn cơ bản: kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động NCKH cấp hàng năm từ Bộ GD&ĐT [H18.18.02.01], kinh phí tài trợ từ các quỹ nghiên cứu trong và ngoài nước [H18.18.02.02], từ nguồn thu hợp pháp của Trường [H18.18.02.03].

Việc tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao... thực tế vẫn chưa được xây dựng như một chiến lược quy mô của Trường, mà việc tìm kiếm nguồn kinh phí nghiên cứu này mới được bước đầu khuyến khích trong Điều 48 Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H18.18.01.02]. Tuy nhiên, Nhà trường vẫn ưu tiên nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH để đạt được tầm nhìn và sứ mạng đã đặt ra.

Nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH phát triển hơn nữa, Nhà trường đã dành nguồn kinh phí nhất định đầu tư cho các hoạt động NCKH như kinh phí hỗ trợ cho tổ chức các hội thảo hội nghị khoa học; kinh phí đầu tư cho việc xuất bản giáo trình, tập bài giảng; kinh phí cho việc thực hiện các đề tài nghiên cứu cấp bộ, cấp trường, kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH của SV, hỗ trợ các công bố quốc tế, hỗ trợ các nhóm nghiên cứu [H18.18.02.04].

Bên cạnh đó, để thu hút viên chức, GV và người học tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, nhà trường đã có những chính sách hỗ trợ tài chính và khen thưởng kịp thời cho các hoạt động NCKH có kết quả, đặc biệt với những nghiên cứu chất lượng được đánh giá cao thông qua ứng dụng thực tế hoặc những công trình nghiên cứu đạt giải thưởng, các công trình công bố quốc tế có uy tín cao [H18.18.01.05].

Ngoài ra, Trường cũng có các hoạt động nghiên cứu hợp tác, phối hợp với các cơ sở nghiên cứu trong nước như: Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Học viện An ninh, Trường ĐH Luật Hà Nội... [H18.18.02.06]. Ngoài ra, Nhà trường cũng chú trọng việc hợp tác nghiên cứu với các cơ sở giáo dục nước ngoài tại nhiều quốc gia như Pháp, Nhật, Nga, Trung Quốc, Estonia, Hoa Kỳ, Bỉ... [H18.18.02.07], ký kết các thỏa thuận trao đổi học thuật, tổ chức hội thảo khoa học chung, xuất bản kỷ yếu khoa học quốc tế...

Trên cơ sở phương hướng hoạt động được xác định trong Nghị quyết năm học hàng năm [H18.18.02.08], dựa trên kế hoạch NCKH của từng khoa chuyên ngành [H18.18.02.05], Phòng QL NCKH&HTQT triển khai kế hoạch hoạt động khoa học trong năm cho toàn trường [H18.18.02.09]. Căn cứ vào đó, các đơn vị thuộc và trực thuộc trường sẽ triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ của đơn vị mình theo đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng. Kết thúc hoạt động hoặc vào cuối năm, Phòng QL NCKH&HTQT gửi báo cáo tổng thể hoạt động khoa học công nghệ hàng năm của trường trình BGH [H18.18.01.10] và Bộ GD&ĐT [H18.18.02.11].

Để triển khai các hoạt động NCKH theo đúng kế hoạch đã đề ra, trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ, sự đề xuất của Phòng QL NCKH&HTQT và cân đối nguồn tài chính tổng thể, Phòng Tài chính – Kế toán đã tham mưu đề xuất để BGH nhà trường xét duyệt kinh phí nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động NCKH của trường được tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến độ được giao [H18.18.02.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Nghĩa vụ NCKH của GV thuộc trường được định lượng chung trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT và Đào tạo [H18.18.03.01], từ đó Nhà trường đưa nội dung này vào trong quy định về hoạt động NCKH của trường thành từng công việc quy đổi cụ thể [H18.18.01.08].

Đối với cá nhân các GV, Trường yêu cầu đánh giá kết quả NCKH thông qua bảng kê khai đánh giá hàng năm và đây là một trong những chỉ số quan trọng nhất để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cũng như bình xét danh hiệu thi đua đối với mỗi cá nhân viên chức, GV [H18.18.03.02].

Từ năm 2017 - 2022, GV của Nhà trường đã hoàn thành tổng số 75 đề tài, dự án các cấp, trong đó có: 03 nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia, 08 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và tương đương, 75 đề tài cấp Cơ sở và 392 đề tài NCKH của SV. Nhà trường luôn chỉ đạo sát sao việc thực hiện các hoạt động KHCN, kịp thời nắm bắt tình hình thực hiện các nhiệm vụ KHCN và đảm bảo đúng tiến độ đã đề ra, hàng năm Phòng QL NCKH rà soát và yêu cầu các đề tài báo cáo định kỳ [H18.18.03.03], rà soát tiến độ và lên lịch nghiệm

thu các đề tài đến hạn [H18.18.03.04], phối hợp cơ quan chủ quản kiểm tra tiến độ thực hiện và kiểm tra hiện trường thực hiện các đề tài, dự án [H18.18.03.05]. Kết quả thực hiện các đề tài dự án được tổng hợp và báo cáo đến cơ quan chủ quản [H18.18.03.06]. Căn cứ vào quyết định phê duyệt về việc giao nhiệm vụ, Nhà trường thông báo tới chủ nhiệm các đề tài/dự án về nội dung và kế hoạch thực hiện, nghiệm thu [H18.18.03.07].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động toàn trường nhằm tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đã đề ra, trong đó có hoạt động KHCN. Thông qua Hội nghị, toàn thể CBVC và NLD của Nhà trường được báo cáo kết quả và đóng góp ý kiến nhằm khắc phục và nâng cao chất lượng cũng như số lượng các đề tài, dự án của Nhà trường, đồng thời thông qua Nghị quyết xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH cho năm tiếp theo [H18.18.03.08].

Nhà trường luôn khuyến khích các GV, các nhà khoa học công bố kết quả NCKH trên các tạp chí trong và ngoài nước. Nhà trường áp dụng định mức giờ NCKH cho bài báo trong nước, bài báo quốc tế để khuyến khích hơn các hoạt động viết và đăng báo trên các tạp chí [H18.18.01.08].

Theo thống kê, tổng số các bài báo của GV, chuyên viên Nhà trường đã đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành từ năm 2017 - 2022 gồm có: hơn 60 bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài [H18.18.03.09], hơn 500 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước [H18.18.03.10] và 980 bài đăng trong kỷ yếu các hội nghị, hội thảo các cấp trong và ngoài nước [H18.18.03.11]. Phần lớn các bài báo được đánh giá có nội dung khoa học tốt, phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Trường. Các nhóm chính được các tác giả đăng tải và công bố trên Tạp chí chuyên ngành về các lĩnh vực: luật học, kinh tế học, ngôn ngữ, quản trị, văn hóa học, tổ chức nhà nước, quản lý nhà nước.... Đây đều là những vấn đề ưu tiên của Nhà trường trong chiến lược phát triển KHCN và cũng là thế mạnh của Nhà trường.

Với sự phát triển NCKH về cả số lượng và chất lượng trong những năm gần đây, đã góp phần nâng cao uy tín, vị thế của các GV nói riêng và nhà Trường nói chung. Đã có nhiều GV được các cơ sở nghiên cứu bên ngoài mời tham gia nghiên cứu và phối hợp, hợp tác các hoạt động khoa học.

Việc ĐGCL từng công trình nghiên cứu được thực hiện theo các tiêu chí được quy định trong các văn bản quản lý của trường, như đề tài NCKH cấp Nhà nước và cấp Bộ

thì thực hiện theo mẫu chung do Bộ KHCN, Bộ GD&ĐT ban hành, đề tài NCKH cấp trường và đề tài NCKH SV được đánh giá theo thang điểm do Trường xây dựng [H18.18.03.12], tạp chí cũng có bộ tiêu chí đánh giá riêng để phân loại bài viết [H18.18.03.13], việc xét chọn nhóm nghiên cứu hoặc xét thưởng công bố quốc tế cũng căn cứ từng tiêu chí trong quy định để xác định chất lượng [H18.18.03.14], [H18.18.03.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học

Để đạt được chất lượng thực hiện kế hoạch khoa học công nghệ, nhà trường tiến hành rà soát tiến độ, các chỉ tiêu đề ra theo từng năm, từng giai đoạn thông qua các báo cáo tổng kết công tác [H18.18.04.01]. Sau mỗi năm học, Phòng QL NCKH&HTQT tiến hành tổng kết hoạt động NCKH, chỉ ra những điểm tồn tại bên cạnh các kết quả đạt được, đối sánh các chỉ số đã đề ra trong kế hoạch từ đó có các biện pháp khả thi để nâng cao chất lượng nghiên cứu.

Trên cơ sở phân tích những vấn đề nhận dạng được trong quá trình rà soát, hệ thống quản lý nghiên cứu của Trường đã được cải tiến để đáp ứng tốt hơn tầm nhìn và sứ mạng của Trường về mặt KHCN, bao gồm:

- Cải tiến NCKH của GV thông qua việc chuẩn hóa các quy trình, biểu mẫu, cải tiến công tác hành chính [H18.18.04.02]; tăng định mức kinh phí cho hoạt động NCKH [H18.18.01.02]; hướng dẫn lập dự toán và quyết toán đề tài NCKH cấp trường [H18.18.04.03]; đưa ra tiêu chuẩn xét chọn đề tài cấp trường rõ ràng [H18.18.04.04]; liên hệ thương xuyên với các chủ nhiệm đề tài để phối hợp trao đổi giải quyết những vướng mắc khó khăn và đôn đốc tiến độ thực hiện đề tài [H18.18.04.05]. Đồng thời tổ chức hội đồng nghiệm thu các cấp nghiêm túc, đưa ra phản biện, góp ý đề tài để đề tài được chỉnh sửa hoàn thiện [H18.18.04.06]; liên tục cập nhật phổ biến thông tin, triển khai đăng kí đề tài, dự án các cấp Bộ, nhà nước, thông tin về các nhóm nghiên cứu, khen thưởng công bố quốc tế được thông báo kịp thời cho GV viên chức trong trường [H18.18.04.07].

- Cải tiến hoạt động NCKH của SV: hệ thống, số hóa các quy định, biểu mẫu và hướng dẫn [H18.18.04.08], đôn đốc, theo sát SV trong quá trình thực hiện triển khai đề tài [H18.18.04.09]. Cải tiến công tác tổ chức nhân sự, phòng QL NCKH&HTQT đã phân công một chuyên viên phụ trách mảng NCKH của SV, thực hiện tổ chức giám sát, hỗ trợ hoạt động NCKH SV. Mỗi một khoa cũng có một lãnh đạo phụ trách về NCKH. Bên cạnh đó, Đoàn trường và Phòng CTSV cũng tích cực phối hợp các hoạt động phong trào thúc đẩy NCKH SV phát triển, khen thưởng tuyên dương những SV có thành tích trong hoạt động NCKH các cấp [H18.18.04.10].

- Từng bước tin học hóa hệ thống quản lý KH-CN, bằng việc chủ động tổ chức những sự kiện khoa học theo hình thức trực tuyến để phù hợp với tình hình dịch bệnh phức tạp [H18.18.04.11], xây dựng phần mềm quản lý khoa học vào công tác quản lý NCKH của nhà trường. Hiện phần mềm này đang trong giai đoạn thử nghiệm.

- Tăng cường vai trò của các đơn vị chuyên môn trong quản lý NCKH. Các Khoa được Trường giao là đầu mối để đưa ra các đề xuất và chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu, đề tài NCKH SV [H18.18.04.12].

- Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam của Trường đã có những cải tiến về quy trình phân biện để từng bước nâng cao chất lượng tạp chí [H18.18.04.13]. Tạp chí đã được tính điểm công trình theo quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư [H18.18.04.14] và được xuất bản bằng tiếng Anh định kỳ [H18.18.04.15].

Trên cơ sở đó công tác NCKH được đánh giá khá tốt về chất lượng: các đề tài nghiên cứu về cơ bản đều đạt yêu cầu ở các mức độ khá, tốt, xuất sắc [H18.18.04.16]; có những đề tài NCKH SV chất lượng còn đạt giải thưởng các cấp [H18.18.04.17]. Vì thế, chất lượng và công tác quản lý về NCKH hàng năm được nhà trường và các đơn vị liên quan đánh giá tốt.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 18

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã thiết lập hệ thống quản lý, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu thông qua việc tuân thủ và ban hành những quy định quản lý, thiết lập và rà soát các công việc liên quan đến NCKH.

- Các đơn vị chức năng luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được phân công trong việc quản lý, điều hành, giám sát các hoạt động NCKH của cá nhân, đơn vị trong trường.
- Nguồn kinh phí chi cho hoạt động NCKH của Trường được trích lập đúng quy định và đủ khả năng đáp ứng cho tất cả hoạt động NCKH hàng năm.
- Nhà trường thực hiện chi cho hoạt động NCKH đúng nguyên tắc, đúng nội dung và các mức chi cho hoạt động NCKH của trường có thể được xem là khá cao trong mặt bằng chung các trường đại học công lập.
- Tuy chưa có khung chỉ số thực hiện chính của trường, nhưng Nhà trường đã chủ động dựa vào các quy định khung do Bộ ban hành để biên soạn và áp dụng tiêu chí ĐGCL, số lượng nghiên cứu của GV.
- Nhà trường chủ động học hỏi về quy định cũng như kinh nghiệm quản lý mảng NCKH từ các đơn vị khác và không ngại sự thay đổi để cải tiến công tác quản lý, nâng cao hiệu quả công việc.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Hệ thống quản lý điều hành hiện tại chưa bao quát hết toàn bộ hoạt động NCKH của Trường, có nhiều hoạt động được văn bản cấp trên quy định nhưng Trường chưa thực hiện cũng như chưa có quy định riêng.
- Việc tìm kiếm nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH vẫn chưa được xây dựng thành đề án hoặc chiến lược quy mô phù hợp với năng lực phát triển của trường.
- Nhà trường chưa có khung chỉ số thực hiện chính để đánh giá toàn diện các mặt hoạt động của trường nói chung và hoạt động NCKH nói riêng.
- Việc xây dựng một phần mềm quản lý chung hoạt động NCKH vừa cụ thể đến từng chi tiết vừa gọn nhẹ để sử dụng cho tất cả GV, chuyên viên để cải tiến công tác quản lý hoạt động NCKH vẫn chưa được hoàn thành.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Phân công Phòng QL NCKH&HTQT tiến hành rà	Phòng QL NCKH&HTQT, Chuyên viên	2022 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		<p>soát tất cả hoạt động NCKH đang thực hiện tại Trường;</p> <p>Đối với những hoạt động NCKH đã được văn bản cấp trên quy định nhưng Trường chưa triển khai thì Phòng QL NCKH&HTQT chịu trách nhiệm biên soạn quy định mới hoặc chỉnh sửa quy định hiện hành cho phù hợp; hoàn tất việc chỉnh sửa và ban hành quy định trước tháng 9/2023.</p> <p>Chậm nhất đến Quý II/2025, sẽ hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành, thực hiện, giám sát các công việc về NCKH và chất lượng NCKH của Trường theo hướng phù hợp với chiến lược phát triển của trường.</p>	quản lý NCKH		
2	Khắc phục tồn tại 2	Trước Quý II hàng năm, Phòng QL NCKH&HTQT phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán tham mưu cho BGH tiếp tục trích lập khoản kinh phí theo quy định để chi cho hoạt động NCKH hàng năm của trường, đảm bảo đủ	Phòng QL NCKH&HTQT, Chuyên viên quản lý NCKH Trung tâm QHDN&HTSV, các trung tâm	2022 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		<p>điều kiện về tài chính để công tác NCKH đạt được sứ mạng và tầm nhìn của Trường.</p> <p>Trên cơ sở phê duyệt của BGH, Phòng QL NCKH&HTQT phối hợp với các khoa chuyên ngành, Trung tâm QHDN&HTSV, các trung tâm khác của trường xây dựng Đề án/ Chiến lược tìm nguồn kinh phí tài trợ ổn định cho hoạt động NCKH, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của trường; trình Hội đồng trường và BGH phê duyệt trước quý III năm 2025.</p>	khác của trường		
3	Khắc phục tồn tại 3	<p>Trong năm 2022 – 2023, phân công cho Phòng QL NCKH&HTQT rà soát những tiêu chí đánh giá về NCKH chung đang được Bộ KH&CN, Bộ GD&ĐT áp dụng, đối chiếu với những quy định/ tiêu chí đánh giá hiện hành của trường, tham</p>	<p>Phòng QL NCKH&HTQT, Chuyên viên quản lý NCKH</p>	2022 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		<p>mur cho BGH xây dựng mới hoặc chỉnh sửa các tiêu chí cụ thể.</p> <p>Phòng QL NCKH&HTQT tham khảo các đơn vị liên quan trong và ngoài trường, phối hợp với đơn vị khác xây dựng bộ khung chỉ số thực hiện chính để đánh giá chung hoạt động NCKH, dự kiến hoàn thành trước quý III năm 2025.</p>			
4	Khắc phục tồn tại 4	<p>Trước quý IV hàng năm, Phòng QL NCKH tiến hành khảo sát lấy ý kiến của các đơn vị/ cá nhân tham gia NCKH để làm căn cứ rà soát và cải tiến công tác quản lý NCKH;</p> <p>Phân công Phòng QL NCKH&HTQT chịu trách nhiệm xây dựng Kế hoạch/ Đề án phần mềm quản lý các hoạt động NCKH của trường trình BGH phê duyệt trên cơ sở tìm kiếm sự phối hợp của các đơn vị trong trường và tham khảo thêm đơn vị chuyên môn bên ngoài; dự</p>	<p>Phòng QL NCKH&HTQT</p> <p>Chuyên viên quản lý NCKH</p>	2022 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		kiến hoàn thành Kế hoạch/Đề án và đưa phần mềm vào sử dụng trước tháng 08/2025.			
5	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát, tuân thủ và ban hành các văn bản quản lý, điều hành, thực hiện, giám sát tất cả các hoạt động NCKH của trường, dự kiến hoàn tất hoàn thiện hệ thống trước quý III/2025	Phòng QL NCKH&HTQT Chuyên viên quản lý NCKH	2022 - 2025	
6	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục khuyến khích các đơn vị chức năng, phân công chi tiết và rõ ràng hơn trong việc quản lý, điều hành, giám sát các hoạt động NCKH của trường.	Phòng QL NCKH&HTQT Lãnh đạo Trường Lãnh đạo Phòng QL NCKH	2022 - 2025	
7	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục phát huy việc trích lập nguồn kinh phí chi cho hoạt động NCKH, cố gắng nâng cao mức kinh phí mỗi năm.	Phòng QL NCKH&HTQT Lãnh đạo Trường Lãnh đạo Phòng QL NCKH	2022 - 2025	
8	Phát huy điểm mạnh 4	Hàng năm thực hiện rà soát, kiểm tra việc chi cho hoạt động NCKH để đảm bảo đúng pháp luật, đúng nguyên	Phòng QL NCKH&HTQT Phòng tài chính – Kế toán	2022 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		tác chỉ và đúng nội dung chỉ của trường.	Lãnh đạo Trưởng Lãnh đạo Phòng QL NCKH		
9	Phát huy điểm mạnh 5	Bên cạnh việc xây dựng khung chỉ số thực hiện chính, Nhà trường tiếp tục rà soát và cập nhật các quy định khung về hoạt động NCKH của Bộ GD&ĐT và Đào tạo, hoàn thiện từng tiêu chí ĐGCL và số lượng nghiên cứu của GV.	Phòng QL NCKH&HTQT Chuyên viên quản lý NCKH	2022 - 2025	
10	Phát huy điểm mạnh 6	Lập đoàn công tác đi tìm hiểu, học hỏi kinh nghiệm từ các đơn vị sự nghiệp khác để khắc phục những lỗ hổng nếu có trong việc quản lý hoạt động NCKH, dự kiến thời gian thành lập và hoạt động của đoàn công tác hoàn thành trước tháng 10/2024.	Phòng QL NCKH&HTQT Lãnh đạo Trưởng Lãnh đạo Phòng QL NCKH	2022 - 2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 18</i>	4
Tiêu chí 18.1	4

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 18.2	4
Tiêu chí 18.3	4
Tiêu chí 18.4	4

TIÊU CHUẨN 19. QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Trường ĐH Luật Tp.HCM đã nhận thức được từ rất sớm vai trò quan trọng của các trường đại học trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ (SHTT) dưới góc độ là chủ thể tạo lập quyền SHTT và là chủ thể sử dụng quyền SHTT cũng như trong việc đảm bảo thực thi quyền SHTT. Do đó, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã triển khai thực hiện Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 của Bộ GD&ĐT quy định về quản lý hoạt động SHTT trong cơ sở giáo dục đại học (Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT) và cũng nhằm mục đích quản lý, khai thác hiệu quả các tài sản trí tuệ của Nhà trường từ rất sớm. Cụ thể ngày 12/12/2014 Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Tp.HCM đã ký quyết định số 2260/QĐ-ĐHL về việc thành lập Trung tâm SHTT trực thuộc Trường ĐH Luật Tp.HCM [H19.19.01.01]. Trung tâm SHTT thực hiện các nhiệm vụ được giao với tư cách là đơn vị chuyên trách về SHTT của Trường ĐH Luật Tp.HCM, thực hiện chức năng đào tạo pháp luật SHTT, thực hiện các hoạt động nghiên cứu, cung cấp các dịch vụ về SHTT, phối kết hợp với các đơn vị trong trường thực hiện các hoạt động về SHTT. Đồng thời, ngày 15 tháng 12 năm 2015 Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Tp.HCM đã ký quyết định số 2316/QĐ-ĐHL về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động Trung tâm SHTT [H19.19.01.02]. Quyết định số 2316/QĐ-ĐHL đã quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm SHTT gồm đào tạo pháp luật SHTT, tư vấn, tuyên truyền và phổ biến pháp luật SHTT đồng thời thực hiện chức năng của đơn vị chuyên trách về SHTT của Nhà trường theo Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT, giúp Hiệu trưởng chỉ đạo, quản lý về hoạt động SHTT.

Cùng với việc thành lập bộ phận chuyên trách về SHTT, việc quản lý và khai thác các quyền SHTT tại Trường ĐH Luật Tp.HCM còn được thực hiện bởi các đơn vị khác

thuộc trường như phòng NCKH và Hợp tác quốc tế (phòng NCKH&HTQT) thực hiện nhiệm vụ quản lý và khai thác quyền SHTT từ các đề tài, dự án NCKH (NCKH), ví dụ việc in sách phát triển từ đề tài NCKH và in kỷ yếu/sách từ hội thảo cấp trường trở lên [H19.19.01.03] hoặc việc đảm bảo quyền SHTT của Nhà trường trong các hợp đồng NCKH [H19.19.01.04], [H19.19.01.05]. Trung tâm TTTV thực hiện việc lưu trữ và khai thác các ấn phẩm từ đề tài NCKH, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, khóa luận của người học đồng thời kiểm tra vấn đề đạo văn trong các công trình NCKH các cấp do GV, học viên của trường thực hiện, đảm bảo tuân thủ pháp luật SHTT trong hoạt động của Trung tâm [H19.19.01.06]. Phòng tạp chí tham gia vào việc đảm bảo quyền SHTT và khai thác quyền SHTT đối với những tác phẩm được công bố trong tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam thuộc Nhà trường. Trung tâm học liệu thuộc trường thực hiện hoạt động khai thác tài sản trí tuệ của Trường ĐH Luật Tp.HCM và đạt được những kết quả rất khả quan [H19.19.04.07]. Các đơn vị nói trên đã tạo nên hệ thống quản lý và khai thác quyền SHTT hiệu quả tại Trường ĐH Luật Tp.HCM.

Nhằm đảm bảo thống nhất và hiệu quả cho việc quản lý, khai thác và bảo vệ các tài sản trí tuệ của Trường ĐH Luật Tp.HCM cũng như nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT, ngày 15 tháng 6 năm 2016, Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Tp.HCM đã ký quyết định số 1306/QĐ-ĐHL về việc ban hành Quy định Quản lý tài sản trí tuệ của Trường ĐH Luật Tp.HCM (Quy định Quản lý tài sản trí tuệ) [H19.19.01.08].

Quy định Quản lý tài sản trí tuệ của Trường ĐH Luật Tp.HCM đã quy định chi tiết và đầy đủ các nội dung của việc quản lý tài sản trí tuệ tại Trường ĐH Luật Tp.HCM, đáp ứng yêu cầu của Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT cũng như yêu cầu thực tế tại Trường, tạo cơ sở thống nhất cho việc quản lý tài sản trí tuệ. Quy định này đã xác định được các quyền SHTT phát sinh trong hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM bao gồm nhưng không bị giới hạn ở các quyền sau: (i) Quyền tác giả đối với giáo trình; tập tài liệu giảng dạy, bài giảng; sách chuyên khảo, tham khảo, báo cáo khoa học; công trình nghiên cứu (bao gồm công trình NCKH, khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ...), bài báo khoa học, chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu; (ii) Quyền liên quan đến quyền tác giả, bản ghi âm, ghi hình về các chương trình hoạt động của Nhà trường do Trường thực hiện hoặc giao kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện.

Quy định Quản lý tài sản trí tuệ cũng xác định quyền sở hữu, quyền tác giả đối với tài sản trí tuệ do cán bộ - viên chức và đơn vị trực thuộc Nhà trường hoặc do người học, do các cộng tác viên tạo ra trong đó đưa ra nguyên tắc xác định tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Trường ĐH Luật Tp.HCM; những trường hợp mà Trường ĐH Luật Tp.HCM là đồng sở hữu đồng thời quy định về phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong các trường hợp này cũng như vấn đề chuyển nhượng phần quyền sở hữu đối với các quyền SHTT. Quy chế cũng quy định các trường hợp mà tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của cán bộ, viên chức và về quyền SHTT của người học.

Quy định Quản lý tài sản trí tuệ đã quy định về quyền và nghĩa vụ của cán bộ viên chức, của người học trong khai thác tài sản trí tuệ thuộc Trường ĐH Luật Tp.HCM, về các hình thức khai thác quyền SHTT và nguyên tắc phân chia thu nhập và lợi ích từ việc sử dụng và khai thác các tài sản trí tuệ.

Quy định Quản lý tài sản trí tuệ đã tạo ra được cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động quản lý tài sản trí tuệ/quyền SHTT tại Trường ĐH Luật Tp.HCM, từ hoạt động xác lập quyền, khai thác quyền đến bảo vệ quyền SHTT, phù hợp với pháp luật SHTT và Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT.

Là một cơ sở đào tạo cán bộ pháp luật trọng điểm, bên cạnh Quy định Quản lý tài sản trí tuệ, tại Trường ĐH Luật Tp.HCM, các quy định về SHTT còn được xây dựng trong nhiều văn bản khác. Cụ thể,

- Quy định Về việc in sách phát triển từ đề tài NCKH và in kỷ yếu hội thảo cấp trường trở lên của Trường ĐH Luật Tp.HCM ban hành kèm Quyết định số 608/QĐ-ĐHL ngày 06/8/2020 đã dành riêng Điều 8 quy định về quyền SHTT [**H19.19.01.03**].

- Quy định về tuân thủ quyền SHTT trong hoạt động của Trung tâm TTTV [**H19.19.01.06**].

- Tại hợp đồng NCKH giữa Trường ĐH Luật Tp.HCM và cán bộ, viên chức Nhà trường có quy định về quyền SHTT, theo đó, đề tài nhận 100% kinh phí từ Nhà trường, quyền sở hữu đối với kết quả nghiên cứu thuộc về Nhà trường. Bên thực hiện nghiên cứu được hưởng quyền tác giả, không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm theo Bộ Luật Dân sự, Luật SHTT và các văn bản liên quan. Chủ nhiệm đề tài muốn phổ biến, sử dụng kết quả nghiên cứu phải có sự thoả thuận bằng văn bản giữa hai bên [**H19.19.01.04**]

- Tại hợp đồng NCKH giữa Trường ĐH Luật Tp.HCM và người học có một điều khoản quy định về quyền SHTT tương tự như trên [H19.19.01.05].

Các phân tích và minh chứng trên đã khẳng định Trường ĐH Luật Tp.HCM không chỉ thiết lập được hệ thống các đơn vị quản lý quyền SHTT mà còn thiết lập được hệ thống văn bản trong đó quy định được các vấn đề cốt lõi nhất và quan trọng nhất, đặc thù nhất của việc quản lý tài sản trí tuệ tại một trường đại học nhằm đảm bảo việc xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT của Nhà trường một cách hiệu quả.

Trên cơ sở các văn bản nêu trên, việc quản lý tài sản trí tuệ của Trường ĐH Luật Tp.HCM đã được Trung tâm SHTT và các phòng, ban triển khai một cách hiệu quả. Cụ thể, trong công tác xác lập quyền SHTT, Trung tâm SHTT đã phối hợp với các phòng ban để tư vấn việc tổ chức, thực hiện việc xác lập quyền SHTT đối với nhãn hiệu của Nhà trường [H19.19.01.06], [H19.19.01.07], [H19.19.01.08], các bài hát truyền thống của Nhà trường, tham gia xây dựng hoặc góp ý cho việc xây dựng quy định về SHTT trong các văn bản của Nhà trường, tư vấn các vấn đề liên quan đến quyền SHTT trong khai thác thương mại các quyền này... Nhằm quản lý và khai thác các tài sản trí tuệ của Nhà trường, công tác thống kê và tạo danh mục các đề tài NCKH, bài báo khoa học, các giáo trình, tài liệu giảng dạy được tiến hành hàng năm [H19.19.01.09, H19.19.01.10]. Trong công tác bảo vệ quyền SHTT, Trung tâm SHTT đã phối hợp cùng Trung tâm học liệu của trường tư vấn Nhà trường xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT của Nhà trường [H19.19.01.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai

Về triển khai hệ thống đăng ký quyền SHTT. Một trong những nội dung quan trọng của hoạt động quản lý tài sản trí tuệ là việc triển khai hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ. Việc triển khai hệ thống này tại các trường đại học là khác nhau, phụ thuộc vào lĩnh vực hoạt động của nhà trường và các loại tài sản trí tuệ tương ứng với lĩnh vực hoạt động đó. Tại các trường đại học thuộc khối khoa học kỹ thuật với số lượng sáng chế nhiều và có hoạt động chuyển giao công nghệ thì hệ thống khai báo quyền SHTT, hệ thống tư vấn và thực hiện xác lập quyền là cần thiết lập và phải được triển khai cụ thể, đồng bộ. Tuy nhiên, tại các trường thuộc khối khoa học xã hội như Trường

ĐH Luật Tp.HCM thì quyền SHTT tập trung vào lĩnh vực quyền tác giả. Theo quy định tại Điều 6 Luật SHTT, quyền tác giả phát sinh tự động mà không cần thủ tục xác lập quyền. Do đó hệ thống xác lập quyền SHTT (các văn bản hướng dẫn thủ tục khai báo quyền SHTT, thủ tục xác lập quyền SHTT) đối với Trường ĐH Luật Tp.HCM không có ý nghĩa quan trọng như đối với các trường đại học khác. Bên cạnh đó, hầu hết các GV, cán bộ Nhà trường và các học viên chuyên ngành luật đều được đào tạo về SHTT trong các CTĐT của Nhà trường. Xuất phát từ thực tế này, Quy định Quản lý tài sản trí tuệ của Trường ĐH Luật Tp.HCM là đủ cơ sở để triển khai việc quản lý và khai thác tài sản trí tuệ cũng như quyền SHTT của Nhà trường. Bên cạnh đó, dù là trường đa ngành với 05 ngành đào tạo nhưng hầu hết các GV, cán bộ Nhà trường đều có ít nhất là bằng cử nhân luật do đó đều có kiến thức cơ bản về pháp luật SHTT. Vì vậy, công tác hướng dẫn đăng ký quyền SHTT cùng các biểu mẫu về hướng dẫn đăng ký quyền SHTT không được triển khai mặc dù Trung tâm SHTT thuộc trường có tư vấn, hướng dẫn cho nhiều GV của các trường đại học khác về công tác đăng ký quyền SHTT thông qua các khóa đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu và qua hoạt động tư vấn (miễn phí).

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa hệ thống đăng ký tài sản trí tuệ không được triển khai tại Trường ĐH Luật Tp.HCM. Trường đã tiến hành đăng ký thành công 04 nhãn hiệu là tên và logo của Trường [H19.19.02.01], [H19.19.02.02], [H19.19.02.03], [H19.19.02.04]. Bên cạnh việc đăng ký quyền sở hữu công nghiệp cho các nhãn hiệu này, Trung tâm SHTT đã phối hợp chặt chẽ với Phòng TC-HC thực hiện việc rà soát các văn bằng bảo hộ này để đảm bảo gia hạn hiệu lực kịp thời và đồng thời chấm dứt VBBH đối với nhãn hiệu là logo cũ của Trường, hiện không còn được sử dụng.

Về triển khai hệ thống lưu giữ tài sản trí tuệ, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã thực hiện việc xây dựng danh mục tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của Nhà trường, bao gồm hệ thống giáo trình, các công trình NCKH các cấp, sách chuyên khảo, tham khảo... [H19.19.02.05]. Cần nhấn mạnh, Trường ĐH Luật Tp.HCM là một trong số những trường đào tạo luật đầu tiên ở Việt Nam triển khai được hệ thống giáo trình không chỉ phục vụ cho hoạt động đào tạo tại trường mà còn được sử dụng rộng rãi tại nhiều cơ sở đào tạo luật trên cả nước. Danh mục tài sản trí tuệ này được Phòng NCKH và Hợp tác quốc tế (NCKH&HTQT) xây dựng, lưu giữ và được rà soát, cập nhật hàng năm [H19.19.02.06]. Danh mục các bài báo được đăng trên Tạp chí Khoa học pháp lý Việt

Nam (Tạp chí thuộc Nhà trường) được Tạp chí lưu giữ và cập nhật hàng năm đồng thời đưa lên trang thông tin điện tử để phục vụ bạn đọc một cách rộng rãi nhất. Các luận án, luận văn, khóa luận của người học, các đề tài NCKH cũng được lưu trữ tại Trung tâm TTTV của Nhà trường. Hàng năm Trung tâm TTTV tiến hành thống kê các tài sản trí tuệ được lưu trữ số hóa và lập danh mục những tài sản trí tuệ cần bổ sung qua cơ sở dữ liệu <http://lib.hcmulaw.edu.vn/opac/> [H19.19.02.07]. Việc tạo lập danh mục tài sản trí tuệ, cập nhật hàng năm đã giúp cho việc quản lý và khai thác thương mại quyền SHTT của Nhà trường được thực hiện tốt hơn đồng thời là cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ mới.

Việc khai thác thương mại quyền SHTT của Trường ĐH Luật Tp.HCM được thực hiện bởi Trung tâm học liệu và được phổ rộng đến các cơ sở đào tạo luật trên cả nước không chỉ mang lại giá trị thương mại lớn mà còn góp phần nâng cao uy tín của Nhà trường. Trung tâm Học liệu với vai trò là nơi trực tiếp khai thác các tài sản trí tuệ thuộc Trường, hàng năm tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả thương mại các tài sản trí tuệ, đề xuất với các khoa chuyên môn tái bản hoặc xuất bản mới nguồn học liệu phù hợp với tình hình thực tế. Chính vì vậy, các tài sản trí tuệ quan trọng của Trường ĐH Luật Tp.HCM là sách, giáo trình, tập bài giảng... liên tục được cập nhật, đổi mới, được khai thác không chỉ trong phạm vi Trường mà còn ở nhiều cơ sở đào tạo luật cả nước và mang lại doanh thu khá lớn [H19.19.02.08], [H19.19.02.09].

Bên cạnh đó, việc khai thác các quyền SHTT của Trường ĐH Luật Tp.HCM không nhằm mục đích thương mại còn được thực hiện bởi các đơn vị khác trong trường. Trong đó, vai trò quan trọng phải kể đến Trung tâm TTTV và tạp chí Khoa học pháp lý, nơi cung cấp các công trình nghiên cứu, các bài báo khoa học và các tài liệu khác cho người đọc.

Hoạt động phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, GV cũng như các phòng, ban, trung tâm thuộc trường các quy định về quyền SHTT cũng như công tác tuyên truyền pháp luật SHTT được Trung tâm SHTT của trường thực hiện thường xuyên thông qua ba hình thức cơ bản: (i) tổ chức các khóa đào tạo về SHTT; (ii) tổ chức hội thảo về SHTT; (iii) tư vấn giải quyết các vụ việc cụ thể. Về đào tạo, tuyên truyền pháp luật SHTT, tính từ năm 2013 đến nay, Trung tâm SHTT đã tổ chức được 14 khóa “Đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ” tại Hà Nội và tại Tp.HCM với khoảng 750 học viên đã

được cấp chứng chỉ và tổ chức được 31 khóa đào tạo về SHTT cho 620 người học nhằm phục vụ cộng đồng. Trung tâm SHTT cũng đã phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức các hội thảo cấp trường về SHTT, điển hình như Hội thảo về bảo hộ quyền tác giả đối với hoạt động thư viện; Hội thảo về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường số; Hội thảo Sửa đổi, bổ sung Luật SHTT: Những vấn đề lý luận và thực tiễn [H19.19.02.10]. Trung tâm SHTT cũng đã tiến hành tư vấn về SHTT theo yêu cầu của các đơn vị trong Nhà trường như tư vấn cho phòng thanh tra về các tố cáo, khiếu nại liên quan đến xâm phạm quyền tác giả của các GV trong trường.

Việc bảo vệ các tài sản trí tuệ của Trường ĐH Luật Tp.HCM được thực hiện thường xuyên bởi Trung tâm Học liệu, Trung tâm TTTV và Trung tâm SHTT. Ví dụ trong năm 2021, Trung tâm học liệu đã phát hiện ra việc vi phạm tại thư viện của 03 trường đại học là Trường Đại học Nha trang, Đại học Văn Lang và Đại học Tôn Đức Thắng. Trung tâm SHTT đã tư vấn cho BGH và Trung tâm học liệu thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ quyền SHTT của Nhà trường [H19.19.02.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện

Tài sản trí tuệ thuộc sự quản lý của Trường ĐH Luật Tp.HCM là các sản phẩm sáng tạo nhằm phục vụ công tác đào tạo và NCKH (NCKH) trong các lĩnh vực đào tạo của trường, trong đó, lĩnh vực trọng tâm là pháp luật. Nhu cầu thực tiễn đặt ra nhiệm vụ quan trọng cho hệ thống quản lý tài sản trí tuệ là sự đổi mới liên tục, cập nhật sự thay đổi của hệ thống kinh tế - xã hội và nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH. Do đó, Trường ĐH Luật Tp.HCM hiểu rõ vai trò và tầm quan trọng của hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ. Tiếp nối hoạt động xây dựng và thiết lập hệ thống quản lý, hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của Nhà trường, Trường ĐH Luật Tp.HCM liên tục triển khai các hoạt động rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ định kỳ, thường xuyên. Để thực hiện nhiệm vụ này, Trường quy định trách nhiệm và quyền hạn cụ thể cho một số bộ phận liên quan phối hợp cùng các phòng ban, trung tâm nhằm rà soát hiệu quả nguồn tài sản trí tuệ là giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, các công trình NCKH và các sản phẩm sáng tạo khác.

Cụ thể, sự ra đời và hoạt động hiệu quả của Trung tâm Sở hữu trí tuệ đóng vai trò

quan trọng trong triển khai các hoạt động rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ. Quyết định số 1306/QĐ-ĐHL được ban hành ngày 15 tháng 6 năm 2016 về Quy định Quản lý tài sản sở hữu trí tuệ của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H19.19.03.01] đã nêu ra những nguyên tắc chung và cách thức triển khai cụ thể hoạt động quản lý tài sản trí tuệ, bao gồm hoạt động rà soát định kỳ. Điểm a khoản 2 Điều 12 Quy định Quản lý tài sản sở hữu trí tuệ xác định Trung tâm Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm phối hợp với các phòng chức năng lập danh mục tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu, đồng sở hữu của Trường ĐH Luật Tp.HCM và cập nhật hàng năm. Trên thực tế, Trung tâm SHTT đã chủ động tiến hành hoạt động rà soát đối với các tài sản trí tuệ của trường. Cụ thể, rà soát 04 văn bằng bảo hộ nhãn hiệu của Trường [H19.19.03.02], [H19.19.03.03], [H19.19.03.04], [H19.19.03.05] từ đó có ý kiến tư vấn cho Nhà trường về việc duy trì hiệu lực các văn bằng này (Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 254127, số 242879, số 248798) và chấm dứt hiệu lực của văn bằng bảo hộ (Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 45661) vì lý do logo theo văn bằng bảo hộ này Nhà trường không còn nhu cầu sử dụng. Trung tâm SHTT cũng tiến hành rà soát các quy định của Nhà trường liên quan đến quản lý tài sản trí tuệ và đưa ra ý kiến về việc cập nhật, bổ sung hay bãi bỏ. Cụ thể, Trung tâm SHTT có ý kiến về việc cần sửa đổi Quy định tạm thời về đạo văn của Trường sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT được thông qua (dự kiến tháng 6/2022). Ngoài ra, Trung tâm SHTT còn phối hợp với các đơn vị khác trong trường trong việc rà soát hệ thống quản lý tài sản trí tuệ một cách chủ động hoặc theo yêu cầu của các đơn vị trong trường. Việc cập nhật này trước hết mang lại hiệu quả đánh giá tình hình tài sản trí tuệ hiện có, rà soát những đối tượng cần sửa đổi, bổ sung, thay thế và lên kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ mới. Phương án khai thác thương mại tài sản trí tuệ cũng được lập kế hoạch và trình hiệu trưởng quyết định định kỳ hàng năm tùy thuộc vào tình hình khai thác, quản lý tài sản trí tuệ thực tế vào thời điểm đó.

Hàng năm, Nhà trường trích một phần lợi nhuận sau thuế từ việc khai thác tài sản trí tuệ để đảm bảo kinh phí cho kế hoạch hoạt động quản lý tài sản trí tuệ vào những năm tiếp theo, bao gồm xây dựng các cơ sở dữ liệu quản lý tài sản trí tuệ và cơ sở dữ liệu thông tin tài sản trí tuệ, đầu tư thiết bị phục vụ công tác quản lý tài sản trí tuệ (sử dụng phần mềm, mua bản quyền đối với các ứng dụng trực tuyến phục vụ công tác giảng dạy và NCKH). Năm 2020, Trường ĐH Luật Tp.HCM tích cực rà soát hệ thống học liệu và đưa 100% các tài liệu bài giảng phục vụ người học trên trang điện tử:

<http://elearning.ulhcmc.edu.vn/>. Tại đây, những tài sản trí tuệ như bài giảng dưới dạng power point, video được truyền tải đầy đủ và liên tục được rà soát, cập nhật. Bằng Công văn số 503/ĐHL-TTĐTTT ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu hệ thống quản lý học tập trực tuyến [H19.19.03.06], Nhà trường đề nghị lãnh đạo các Khoa và Bộ môn triển khai thực hiện bổ sung đầy đủ cơ sở dữ liệu và đảm bảo cùng một môn học phải giống nhau giữa các lớp trong cùng một hệ đào tạo trên cơ sở rà soát các học liệu hiện có. Đến nay về cơ bản đã hoàn thiện hệ thống tài liệu phục vụ giảng dạy đối với tất cả các môn học trong CTĐT. Công văn số 690/ĐHL-TTĐTTT ngày 13 tháng 7 năm 2020 về đánh giá cơ sở dữ liệu và đề xuất danh sách cá nhân đóng góp cho công tác giảng dạy trực tuyến [H19.19.03.07] đã yêu cầu các bên liên quan tiến hành hoạt động đánh giá tài sản trí tuệ phục vụ công tác giảng dạy theo ba loại: Tốt, Đạt yêu cầu, Chưa đạt yêu cầu. Những tài liệu chưa đạt tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện.

Trung tâm Học liệu với vai trò là nơi trực tiếp quản lý và khai thác các tài sản trí tuệ thuộc Trường, hàng năm tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả thương mại hoá tài sản trí tuệ, đề xuất với Khoa và Bộ môn tái bản hoặc xuất bản mới nguồn học liệu để phù hợp với tình hình thực tế. Nhờ đó, nguồn tài sản trí tuệ quan trọng của Trường ĐH Luật Tp.HCM là sách, giáo trình, tập bài giảng... liên tục được cập nhật, đổi mới, được sử dụng không chỉ trong phạm vi Trường mà còn ở nhiều cơ sở đào tạo luật cả nước [H19.19.03.08]

Hoạt động của Trung tâm TTTV cũng là một nội dung trong kế hoạch rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ. Cụ thể định kỳ hàng năm Trung tâm TTTV tiến hành thống kê các tài sản trí tuệ được lưu trữ số hóa và lập danh mục những tài sản trí tuệ cần bổ sung qua cơ sở dữ liệu <http://lib.hcmulaw.edu.vn/opac/> [H19.19.03.09]... Nhằm tăng cường bổ sung nguồn tài sản trí tuệ sử dụng đáp ứng nhu cầu của GV và SV, mỗi học kỳ Trung tâm TTTV đều tiến hành rà soát và bổ sung nguồn học liệu, đặc biệt là tài liệu ngoại văn và các tạp chí chuyên ngành luật. Theo đó, mỗi Khoa, mỗi GV được đăng ký tạp chí phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu và giảng dạy, Trung tâm TTTV tiến hành đặt mua định kỳ [H.19.19.03.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng

Công tác quản lý tài sản trí tuệ nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu sáng tạo cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả, bảo vệ lợi ích cộng đồng được đề cao hàng đầu tại Trường ĐH Luật Tp.HCM. Trường có kế hoạch và triển khai thực hiện cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng có hiệu quả. Trường đã ban hành Quyết định số 1306/QĐ-ĐHL ngày 15 tháng 6 năm 2016 về Quy định Quản lý tài sản sở hữu trí tuệ của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H19.19.04.01]. Trong đó, khẳng định mục đích quản lý tài sản sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo, xác lập quyền, bảo vệ và khai thác thương mại hiệu quả các tài sản trí tuệ của Trường. Trung tâm Sở hữu trí tuệ trực thuộc Trường định kỳ hàng năm lập kế hoạch quyết định phương án khai thác thương mại các tài sản trí tuệ và tham mưu thực hiện thủ tục duy trì hiệu lực đối với các văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu trí tuệ của Trường.

Ngoài Trung tâm Sở hữu trí tuệ là bộ phận chuyên trách thực hiện các vấn đề liên quan đến quản lý tài sản trí tuệ nói chung, Trường cũng xây dựng và thành lập mới các Phòng, Trung tâm hỗ trợ công tác này. Trong đó, Trung tâm TTTV và Trung tâm Học liệu quản lý và khai thác thương mại chính nguồn tài sản trí tuệ của Trường, Trung tâm Đào tạo trực tuyến vừa được thành lập trong năm 2020 đảm bảo việc khai thác các video bài giảng trực tuyến, đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay.

Trung tâm TTTV phát huy hiệu quả khai thác các tác phẩm trên môi trường Thư viện số bao gồm các tác phẩm thuộc quyền tác giả của Trường, các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, khóa luận tốt nghiệp và các công trình NCKH được thực hiện bởi GV và SV Trường.

Trung tâm TTTV thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của người dùng với tỷ lệ hài lòng đặt mức cao. Khảo sát được thực hiện trực tuyến hướng đến đối tượng là người dùng tiến hành hoạt động khai thác tài sản trí tuệ thông qua Trung tâm TTTV. 94% yêu cầu của bạn đọc về chủng loại/đầu sách dùng để tham khảo tại Trung tâm TTTV được đáp ứng [H19.19.04.02].

Nhằm tăng cường hiệu quả tiếp cận tài sản trí tuệ của chính SV, học viên, cán bộ GV Trường, Trung tâm TTTV tổ chức các lớp tăng cường kỹ năng tra cứu thông tin, tìm tài liệu. Cụ thể:

- Đảm bảo 96% bạn đọc tham gia học lớp đào tạo kỹ năng tra cứu, khai thác, sử dụng nguồn lực thông tin trong chương trình tập huấn sử dụng Thư viện. Số lượng tham gia:

- 2020 SV, học viên trên tổng số 2050 SV, học viên Trường.
- Đạt: 98,5%

- Đảm bảo 96% số lượng bạn đọc đạt yêu cầu tiếp thu nội dung truyền đạt sau khi học lớp kỹ năng tra cứu, khai thác, sử dụng nguồn lực thông tin Thư viện.

Trung tâm Học liệu là một trong những bộ phận thực hiện trực tiếp công tác khai thác thương mại các tài sản trí tuệ của Trường. Trung tâm luôn có những đổi mới, sử dụng tiến bộ khoa học công nghệ để tăng cường khai thác thương mại tài sản trí tuệ. Chẳng hạn, sách, giáo trình và các tài liệu tham khảo là tài sản trí tuệ của Trường được bán trực tiếp tại Trung tâm Học liệu ở cả hai cơ sở và đặc biệt là trên trang thông tin điện tử: nhasach.hcmulaw.edu.vn. Tại đây, hệ thống học liệu liên quan đến hoạt động giảng dạy của Trường ĐH Luật Tp.HCM được giới thiệu rõ ràng, đầy đủ, sẵn sàng gửi đến đối tượng có nhu cầu trên khắp mọi miền đất nước.

Nguồn thu của Trung tâm Học liệu cũng ổn định qua các năm, thể hiện hoạt động quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến và thực hiện hiệu quả **[H19.19.04.03]**.

Một trong những cải tiến hoàn toàn mới của Trường là xây dựng Trung tâm Đào tạo trực tuyến nhằm phát huy hiệu quả giá trị của tài sản trí tuệ là các bài giảng của GV, tăng hiệu quả truyền tải đến người học. Nhà trường ban hành hệ thống các văn bản để xây dựng, triển khai công tác khai thác các video bài giảng, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19: Công văn số 503/ĐHL-TTĐTTT ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu hệ thống quản lý học tập trực tuyến **[H19.19.04.04]**, Quyết định số 772/ĐHL-ĐTTT ngày 03 tháng 8 năm 2020 về chuẩn bị giảng dạy trực tuyến **[H19.19.04.05]**, Quyết định số 992/QĐ-ĐHL ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc ban hành Quy định về giảng dạy và học tập trực tuyến **[H19.19.04.06]**, Kế hoạch ghi hình bài giảng các học phần thuộc CTĐT từ xa ngành luật trình độ đại học số 487/KH-ĐHL ngày 24 tháng 6 năm 2021 **[H19.19.04.07]**.

Bên cạnh đó, Trường tổ chức xây dựng các video bài giảng và giới thiệu trên trang E-learning của Trường để người học có thể dễ dàng tiếp cận. Giảng dạy trực tuyến là hoạt động giảng dạy thông qua phần mềm ứng dụng trên môi trường internet đảm bảo GV và người học tương tác đồng thời hoặc không đồng thời trong quá trình giảng dạy và học tập. Học liệu điện tử là những tài sản thuộc quyền sở hữu trí tuệ của trường bao gồm tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ giảng dạy và học tập trực tuyến, video và các phương tiện điện tử khác, câu hỏi và bài tập để tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Nguồn tài sản trí tuệ của trường được khai thác một cách đa dạng và rộng mở hơn nhờ tận dụng khoa học công nghệ hiện đại phù hợp với xu hướng phát triển chung. Mặc dù thời gian thành lập chưa lâu nhưng hoạt động của Trung tâm Đào tạo trực tuyến đã khẳng định vai trò của phương thức khai thác tài sản trí tuệ mới. Cho đến nay, phương thức giảng dạy và tiếp cận tài liệu này được sử dụng phổ biến cho tất cả các hệ đào tạo tại Trường ĐH Luật Tp.HCM.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 19

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Trường ĐH Luật Tp.HCM đã thiết lập được hệ thống quản lý tài sản trí tuệ của trường, bao gồm Trung tâm SHTT là bộ phận chuyên trách về SHTT và các đơn vị khác có liên quan đến vấn đề quản lý tài sản trí tuệ. Trung tâm SHTT của Trường ĐH Luật Tp.HCM hoạt động rất hiệu quả trong công tác tư vấn cho Nhà trường và các đơn vị trong trường về SHTT, trong đào tạo và NCKH về SHTT. Trung tâm SHTT đã phối hợp với các đơn vị khác trong trường thực hiện việc quản lý các tài sản trí tuệ của Nhà trường, đảm bảo xác lập đầy đủ, kịp thời quyền SHTT đối với những tài sản trí tuệ mà pháp luật SHTT yêu cầu xác lập, đảm bảo việc khai thác các quyền SHTT cũng như bảo vệ quyền SHTT.

Trường ĐH Luật Tp.HCM đã ban hành được hệ thống các văn bản đồng bộ và đầy đủ phục vụ cho việc quản lý, khai thác và bảo vệ các tài sản trí tuệ và các quyền SHTT của Nhà trường, trong đó quan trọng nhất là Quy định Quản lý tài sản trí tuệ của Trường ĐH Luật Tp.HCM. Các yêu cầu về hoạt động quản lý tài sản trí tuệ của trường đại học được quy định tại Điều 4 Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT đã được triển khai đầy đủ, phù hợp với đặc thù của Nhà trường. Cho đến nay, hệ thống quản lý tài sản trí tuệ

hoạt động hiệu quả, phát huy được vai trò, thế mạnh trong hoạt động NCKH của đội ngũ GV, học viên thuộc các hệ đào tạo. Quy chế quản lý tài sản trí tuệ được tuân thủ nghiêm túc, trong đó thể hiện rõ vai trò trách nhiệm của từng đơn vị trực thuộc trường đối với hoạt động rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ.

Nhà trường đã và đang xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ các cộng tác viên có kiến thức chuyên sâu về SHTT cũng như kinh nghiệm thực tế, công tác ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai quyền SHTT được thực hiện bài bản và hiệu quả. Nhận thức về việc tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ cũng từ đó được nâng cao.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Công tác phối hợp giữa đơn vị chuyên trách về SHTT và các đơn vị khác trong trường trong việc soạn thảo các văn bản có liên quan đến quyền SHTT, trong một số ít trường hợp đơn vị chuyên trách về SHTT không được tham gia ngay từ đầu mà chỉ được yêu cầu có ý kiến khi văn bản được lấy ý kiến rộng rãi tại các đơn vị trong trường. Điều này phản ánh chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chuyên trách về SHTT chưa được nhìn nhận đúng trên thực tế.

Việc quản lý tài sản trí tuệ không chỉ được thực hiện bởi một phòng ban thuộc Trường mà còn ở nhiều đơn vị khác nhau, bên cạnh hoạt động của Trung tâm Sở hữu trí tuệ còn có Phòng NCKH và hợp tác quốc tế, Trung tâm TTTV, Trung tâm Học liệu và các Khoa chuyên môn. Do đó, việc phối hợp giữa các đơn vị chuyên môn có liên quan đến công tác quản lý tài sản trí tuệ trong Trường đôi khi chưa thực sự hiệu quả.

Hệ thống tài sản trí tuệ là nguồn học liệu của Trường vẫn còn bị xâm phạm quyền tác giả. Mặc dù Trường đã có nhiều biện pháp để phòng ngừa và hạn chế hành vi xâm phạm nhưng đến nay vẫn chưa triệt để. Điều này một phần xuất phát từ ý thức của người sử dụng.

3. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường công tác phối hợp giữa Trung tâm SHTT và các đơn vị trong trường trong	BGH, Trung tâm SHTT, Phòng NCKH& HTQT;	Từ năm học 2023 – 2024.	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		công tác xây dựng các văn bản có liên quan đến tài sản trí tuệ/quyền SHTT của Trường ĐH Luật Tp.HCM.	Trung tâm Học liệu, Trung tâm TTTV; các đơn vị khác		
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường công tác phối hợp giữa Trung tâm SHTT và các đơn vị trong trường trong công tác khai thác và bảo vệ các quyền SHTT của Nhà trường. Cụ thể, Trung tâm SHTT, Trung tâm học liệu, trung tâm đào tạo trực tuyến, Trung tâm TTTV cần đưa vào kế hoạch hoạt động của đơn vị mình về việc chủ động mỗi năm ít nhất 01 lần làm việc với Trung tâm SHTT về công tác khai thác quyền SHTT của Trường ĐH Luật Tp.HCM.	BGH, Trung tâm SHTT, Trung tâm Học liệu, Trung tâm TTTV; Trung tâm đào tạo trực tuyến.	Từ năm học 2023 – 2024	
3	Khắc phục tồn tại 3	Hệ thống rà soát được đổi mới theo hướng tăng cường sự tham gia của các phương tiện kỹ thuật công nghệ hiện đại nhằm hỗ trợ cán bộ, GV. Việc rà soát phải được thực hiện nghiêm túc và thường	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC, Trung tâm SHTT, Trung tâm TTTV, Trung tâm Học liệu	Từ năm học 2023 – 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		xuyên tránh trường hợp chỉ thực hiện vào thời gian tiến hành rà soát dẫn đến thiếu sót, kém chất lượng.			
4	Khắc phục tồn tại 4	Nhà trường yêu cầu các khoa chuyên môn tự cân nhắc lập các kế hoạch chi tiết và phù hợp với thực tế hoạt động của khoa liên quan đến đổi mới phương thức giảng dạy và khai thác nguồn tài sản trí tuệ là các video bài giảng. Trung tâm SHTT cùng các đơn vị có liên quan tiếp tục đề xuất những biện pháp cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ hiệu quả hơn, xây dựng các biện pháp công nghệ chống lại hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với học liệu dưới dạng bản cứng và bản điện tử. Trung tâm Học liệu mở rộng đầu mối cung cấp và thương mại hoá tài liệu điện tử. Trung tâm TTTV hướng đến số hoá 100% nguồn tài liệu hiện có, tăng khả năng tiếp cận của người dùng.	Hội Đồng Trường, BGH, Phòng TC-HC, Trung tâm Sở hữu trí tuệ, Trung tâm Học liệu, Trung tâm TTTV	Từ năm học 2023 – 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phát huy hoạt động hiệu quả của hệ thống quản lý tài sản trí tuệ của trường, bao gồm Trung tâm SHTT là bộ phận chuyên trách về SHTT và các đơn vị khác có liên quan đến vấn đề quản lý tài sản trí tuệ. Tiếp tục cập nhật hệ thống văn bản quản lý về tài sản trí tuệ của Nhà trường phù hợp với Luật SHTT sửa đổi sau khi Luật này được thông qua vào năm 2022.	BGH, Trung tâm SHTT, Phòng NCKH& HTQT; Trung tâm Học liệu, Trung tâm TTTV; các đơn vị khác	Từ năm học 2023 – 2024	
6	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được trong công tác triển khai hệ thống đăng ký quyền SHTT, hệ thống lưu giữ tài sản trí tuệ, hệ thống khai thác quyền SHTT và bảo vệ quyền SHTT, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ về SHTT tại Nhà trường.	BGH, Trung tâm SHTT, Trung tâm Học liệu, Trung tâm TTTV; Trung tâm đào tạo trực tuyến	Từ năm học 2023 – 2024	
7	Phát huy điểm mạnh 3	Nhà trường tiếp tục phát huy hiệu quả hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ đã và đang được ứng dụng.	Hội đồng trường, BGH, Phòng TC-HC,	Từ năm học 2023 – 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		Tăng chi thường xuyên cho hoạt động quản lý tài sản trí tuệ nói chung và rà soát hệ thống quản lý nói riêng.			
8	Phát huy điểm mạnh 4	Trường có các chính sách thúc đẩy GV, học viên, SV nghiên cứu sáng tạo các tác phẩm mới với các chính sách hỗ trợ về vật chất và kỹ thuật hữu hiệu.	Hội đồng trường, BGH, Các Khoa, GV thuộc trường và SV	Từ năm học 2023 – 2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	5,75
Tiêu chí 19.1	6
Tiêu chí 19.2	6
Tiêu chí 19.3	6
Tiêu chí 19.4	5

TIÊU CHUẨN 20. HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Quy định về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu:

Hợp tác về NCKH là một trong những vấn đề thiết yếu của trường đại học nói chung. Trường ĐH Luật Tp.HCM là cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ GD&ĐT nên các công tác

hợp tác về NCKH được tuân thủ các quy định tại Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018 [H20.20.01.01] và quy định của các Bộ, ngành liên quan. Đặc biệt, lĩnh vực hợp tác quốc tế (HTQT), các hoạt động HTQT của Nhà trường hiện nay đều thực hiện thống nhất theo các quy định của Bộ GD&ĐT: Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Quyết định 3767/QĐ – BGDĐT ngày 18/11/2020 của Bộ trưởng [H20.20.01.02]. Quy chế này quy định chặt chẽ các nguyên tắc hành chính đối với các đơn vị trực thuộc khi thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế trong Nhà trường, đặc biệt chú trọng vào công tác lập kế hoạch và báo cáo hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện đối với từng hoạt động HTQT. Ngoài ra, công tác quản lý người nước ngoài đến làm việc và học tập tại trường được Nhà trường thực hiện nghiêm túc theo quy định của Bộ GD&ĐT [H20.20.01.03]. Song song với việc thực hiện theo quy định chung, Nhà trường đã tiến hành xây dựng và lấy ý kiến góp ý của các đơn vị thuộc Trường và ban hành Quy định quản lý các hoạt động HTQT của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H20.20.01.04].

Để tăng cường thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu, Nhà trường đã tham gia và là một thành viên Ban Điều hành của mạng lưới các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam. Từ đó, đã có bản thoả thuận hợp tác giữa các cơ sở đào tạo ngành luật [H20.20.01.05].

- Chiến lược phát triển hợp tác, đối tác trong nghiên cứu; các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường:

Chiến lược phát triển của Nhà trường đến năm 2020: Quy định cụ thể nhiệm vụ NCKH của GV. Xây dựng Trường ĐH Luật Tp.HCM trở thành trung tâm NCKH pháp lý hàng đầu của các tỉnh phía Nam, một trong các trung tâm nghiên cứu mạnh về pháp lý của khu vực [H20.20.01.06].

Xây dựng chiến lược hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực hợp tác quốc tế để tăng sức cạnh tranh của giáo dục trong nước nhằm thúc đẩy sự phát triển, đạt được thoả thuận về tương đương văn bằng, CTĐT với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và trên thế giới; khuyến khích các hình thức liên kết đào tạo CLC, trao đổi GV, chuyên gia với nước ngoài.

Nhà trường đưa ra mục tiêu phấn đấu phối hợp được với các trường thuộc Đại học Luân Đôn nghiên cứu, xây dựng bộ CTĐT tiên tiến theo chuẩn quốc tế bằng tiếng Anh, nhằm thu hút người nước ngoài học tập tại trường, gia nhập Asian Law Institute (ALI), tiến hành trao đổi GV, SV và chương trình giảng dạy với các trường thành viên trong ALI [H20.20.01.07].

Phát triển các hoạt động hợp tác trong liên doanh ký kết đề tài NCKH trọng điểm của ngành, của Bộ, của Nhà nước, dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ... để tăng nguồn thu cho Nhà trường, góp phần xây dựng Trường trở thành một trung tâm đào tạo NCKH trình độ cao trong nước và khu vực, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật

Nhà trường cũng chú trọng việc rà soát, điều chỉnh chiến lược về hợp tác, đối tác trong NCKH để phù hợp với tình hình phát triển chung. Cụ thể, giai đoạn 2022 – 2025, Nhà trường đã thay đổi chiến lược thành đẩy mạnh việc triển khai các hoạt động hợp tác trong nước về đào tạo, NCKH và ứng dụng kết quả NCKH vào thực tiễn [H20.20.01.08].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng các kế hoạch thực hiện dựa trên chiến lược phát triển và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, trong đó số lượng các chương trình hợp tác ngày càng tăng, nội dung hợp tác nhằm nâng cao năng lực đào tạo, NCKH, thúc đẩy quá trình tiếp cận hội nhập khu vực và quốc tế [H20.20.01.09]. Các kế hoạch hợp tác và đối tác khoa học của Nhà trường hằng năm đã được cụ thể hóa các chỉ tiêu cần đạt và lộ trình thực hiện theo từng năm phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Quy định, hướng dẫn triển khai:

Hiện nay, các hoạt động HTQT của Nhà trường được thực hiện theo Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 16/4/2014 [H20.20.01.10] và Quy định quản lý các hoạt động HTQT của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H20.20.01.11]. Trong đó quy định rõ việc tổ chức thực hiện công tác hợp tác quốc tế cho các đơn vị thuộc Trường: việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế, hội nhập quốc tế và điều phối các hoạt động hợp tác quốc tế; tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra) và đón tiếp các đoàn nước ngoài vào Việt Nam (đoàn vào); tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế; ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế...

Trong quy định nêu trên, về Nhà trường quy định rõ việc trao đổi GV, SV của Trường ĐH Luật Tp.HCM với các cơ sở giáo dục nước ngoài với mục tiêu tạo cơ hội cho SV nhà Trường học tập, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng, nâng cao kinh nghiệm thực tiễn trong môi trường giáo dục quốc tế...; quảng bá, phát triển thương hiệu và nâng cao vị thế của Trường ĐH Luật Tp.HCM trong phạm vi khu vực và trên thế giới.

Ngoài ra, Nhà trường cũng xây dựng bộ quy trình ISO theo quy định nhằm hướng dẫn triển khai các hoạt động về hợp tác NCKH [H20.20.01.12].

- Tổ chức triển khai:

Nhà trường có hệ thống định hướng, điều hành, thực thi, theo dõi, giám sát và đánh giá nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược về hoạt động hợp tác và đối tác trong NCKH, bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng Trường, BGH, HĐ KH&ĐT xác định các định hướng và giám sát việc thực hiện. Việc quản lý, điều hành việc hợp tác trong nghiên cứu được thực hiện bởi 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác hợp tác liên kết khoa học với các đơn vị trong và ngoài nước [H20.20.01.12], Phòng QL NCKH&HTQT, Trung tâm ĐT CLC&ĐTQT, các đơn vị đào tạo và nghiên cứu thuộc Trường thực hiện các nghiên cứu cụ thể.

Hệ thống này được xác định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban hành năm 2015 [H20.20.01.13], các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường: quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng QL NCKH&HTQT, Trung tâm ĐT CLC&ĐTQT, làm rõ các trách nhiệm liên quan trong việc quản lý, phát triển hợp tác trong nghiên cứu. Cụ thể là:

+ Phòng QL NCKH&HTQT chịu trách nhiệm quản lý, xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, phát triển và tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường.

+ Trung tâm ĐT CLC&ĐTQT học chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển các dự án liên kết đào tạo, dự án hợp tác quốc tế về đào tạo ở bậc đại học và sau đại học, trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt [H20.20.01.14].

“*Key Performance Indicator (viết tắt là KPI), là chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động của một bộ phận trong một công ty hoặc sự vận hành của cả công ty. Mỗi bộ phận trong công ty sẽ có những chỉ số KPI khác nhau*”. Để tăng cường hợp tác với các đối tác trong NCKH, Nhà trường đã đưa ra KPI phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Cụ thể ở giai đoạn 1, mục tiêu đến năm 2020, Nhà trường đưa ra KPI là 8 dự án nghiên cứu với các tổ chức quốc tế. Đến giai đoạn 2, Nhà trường đã đưa ra KPI đến năm 2025 là ký kết được ít nhất 30 thỏa thuận về hợp tác quốc tế với các cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín, 10 thỏa thuận nghiên cứu hoặc hợp tác chuyên giao với các cơ sở đào tạo, Viện nghiên cứu, Bộ ngành, địa phương hoặc các ĐV SDLĐ trong cả nước; ký được hợp đồng thỉnh giảng với ít nhất 10 giáo sư nước ngoài để tham gia giảng dạy cho CTĐT cử nhân Luật 100% bằng tiếng Anh của nhà trường; tổ chức được ít nhất 20 chương trình trao đổi ngắn hạn hoặc giao lưu học tập ở nước ngoài dành cho GV và SV chương trình CLC của Trường; tiếp nhận ít nhất 10 đoàn SV nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Trường [H20.20.01.15]. Và để theo dõi tình hình thực hiện KPI đã đề ra, hằng năm, Nhà trường có báo cáo hoạt động, có hình thức đánh giá, kiểm tra, giám sát bằng đánh giá nội bộ của ISO với các Mục tiêu chất lượng, báo cáo thực hiện mục tiêu chất lượng và đề ra kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng [H20.20.01.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

- Triển khai các hoạt động theo chiến lược phát triển, kế hoạch hợp tác, phát triển đối tác để đạt các KPI cụ thể:

Triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác với các đối tác chiến lược trong khu vực và trên thế giới, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã lập kế hoạch đoàn ra, đoàn vào và tổ chức thực hiện theo lộ trình từng năm học [H20.20.02.01].

Bảng 20.2.1 Thống kê số lượng đoàn ra, đoàn vào trong chu kỳ đánh giá

Năm	Đoàn ra			Đoàn vào			Số lượng BGN được ký kết	Ghi chú
	Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện		
Năm 2017		32			38			
Năm 2018		27			22			
Năm 2019		15			40			
Năm 2020		1			6			

Nhìn vào bảng thống kê số lượng đoàn ra, đoàn vào trong thời gian từ 2017 đến nay, có thể thấy rằng kết quả thực hiện công tác đoàn ra và đoàn vào trong những năm gần đây được thực hiện thường xuyên và tổ chức làm việc có kế hoạch và hiệu quả.

Số lượng đoàn vào trong những năm 2017, 2018 đều vượt mức kế hoạch, xu hướng tăng nhiều hơn so với các năm trước đây. Năm 2014, số lượng các đoàn khách từ các trường đại học đối tác đến thăm và tìm hiểu cơ hội hợp tác với Nhà trường chỉ có 6 đoàn, thì chỉ sau 4 năm, đến năm 2017, 2018 con số này đã lên đến 22 đoàn, tăng 3,6 lần so với năm 2014.

Trên cơ sở các Bản ghi nhớ đã ký kết với các đối tác như University de Lille 2 Droit et sante, Đại học Chính Pháp Tây Nam Trung Quốc, Đại học Bangor, Đại học Handong, University of Wollongong, University of Nottingham, University of UBRU, Đại học Tallinn, Đại học Vladivostok, Đại học Lomonoxop, Đại học Luật Mát – xco – va mang tên Kutafin (MSAL), Nagoya University of Economics, Đại học Deakin, Đại học Waikato, Université Toulouse 1 Capitole, Đại học Rouen, Đại học Tự Do Brussels (ULB) [H20.20.02.02]..., Nhà trường đã tập trung triển khai vào các chương trình, sự kiện, đề án với các đối tác nước ngoài về ngành luật; hợp tác trao đổi GV, SV và NCKH; tổ chức các hội thảo quốc tế, tọa đàm chuyên gia. Các đối tác của Trường ĐH Luật Tp.HCM là các trường đại học hàng đầu trong lĩnh vực pháp luật. Do vậy, các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện các dự án, đề án hợp tác khoa học công nghệ; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, phù hợp với việc thực hiện sứ mạng mở cơ hội học tập cho mọi người với chất lượng tốt, phục vụ nhu cầu

học tập đa dạng với nhiều hình thức đào tạo, đa ngành, đa cấp độ, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của ngành luật và cho xã hội trong công cuộc xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế và tầm nhìn đến năm 2025 trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế một số nội dung hợp tác.

Với sự quan tâm sâu sắc và định hướng quyết liệt trong chủ trương, chiến lược phát triển, Nhà trường đã tích cực mở rộng quan hệ với các đối tác cả trong và ngoài nước. Đến năm 2022, Nhà trường đã ký kết 31 Bản ghi nhớ với các đối tác nước ngoài, bao gồm các trường đại học và các tổ chức giáo dục quốc tế **[H20.20.02.03]**.

Trường còn là thành viên ban điều hành của mạng lưới các cơ sở đào tạo ngành luật của Việt Nam **[H20.20.02.04]**, thành viên một số Hiệp hội quốc tế như Cơ quan Đại học Pháp ngữ (AUF) **[H120.20.02.05]**. Các Bản ghi nhớ (MOU) được ký kết giữa Trường ĐH Luật Tp.HCM với các đối tác nước ngoài đã triển khai được nhiều hoạt động thực tế, đem lại hiệu quả và lợi ích cho Nhà trường với nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực như trao đổi GV và SV, trao đổi học thuật, tham quan khảo sát, tổ chức hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên gia, nói chuyện chuyên đề, cấp học bổng cho GV và SV.

- Thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu theo các hình thức đa dạng, các thức phù hợp:

Về hợp tác đào tạo: hiện nay, Trường đang tích cực làm việc với một số cơ sở giáo dục đại học nước ngoài để xúc tiến triển khai chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, trong đó kể đến một số trường có uy tín trong ngành luật trên thế giới như Đại học Deakin – Úc, Đh Arizona (Tucson, Hoa Kỳ), Đại học Tổng hợp Nagoya, Đại học Kinh tế Nagoya (Nhật Bản), Đại học kỹ thuật Talinn, Đại học Université Toulouse 1 Capitole, Đại học tây Anh quốc, Đại học Lausanne, Đại học Bordeaux.. **[H20.20.02.06]**.

Về trao đổi GV, SV và các chương trình tham quan khảo sát: Thông qua các Bản ghi nhớ triển khai hoạt động hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học, thông qua các đoàn công tác dưới danh nghĩa Trường ĐH Luật Tp.HCM, nhiều GV đã được cử đi tham quan, học tập ngắn hạn và trao đổi chuyên môn tại các trường đại học, các viện nghiên cứu đối tác nhằm nâng cao năng lực và tiếp thu các kiến thức, kỹ năng tiên tiến để áp dụng tại trường khi trở lại **[H20.20.02.07]**. - Đại học Deakin – Úc, SV là gồm các trường Đại học chimai – Thái Lan, Khon – Kean – Thái Lan, Đại học Quản lý Singapo, Đại học

Quốc gia Singapore, Đại học tổng hợp Nagoya, Đại học kinh tế Nagoya, ĐH Waikato, GV có Đại học Deakin – Úc, Talinn, Thụy Sĩ...

Kể từ năm 2015 trở lại đây, nhiều GV, chuyên gia nước ngoài cũng đã đến trường tham gia vào các buổi Hội thảo khoa học, Tọa đàm chuyên gia hay nói chuyện chuyên đề với GV, SV trong trường **[H20.20.02.08]**.

Hoạt động trao đổi SV cũng được triển khai mạnh mẽ tại Trường. Bước đầu, Trường đã tiến hành kết nối và xúc tiến với một số trường đại học đối tác để tạo cơ hội cho SV của Trường được tham gia học tập ngắn hạn tại các trường đối tác nước ngoài **[H20.20.02.09]**. Nhiều đoàn SV quốc tế đã đến tham quan và tham gia một số chương trình trao đổi SV với SV của Nhà trường như các trường ở New-Catlse, Waikato... **[H20.20.02.10]**.

- Có các hội nghị/hội thảo đồng tổ chức với các đối tác trong và ngoài nước:

Về tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật: Là một hoạt động thường xuyên trong quan hệ đối ngoại, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã tổ chức nhiều buổi tập huấn, trao đổi học thuật, hội nghị, hội thảo với sự tham gia của các đối tác quốc tế cũng như trong nước. Từ năm 2015 đến 2018, Nhà trường đã phối hợp với các đối tác nước ngoài, cùng tổ chức 21 Hội thảo quốc tế, Tọa đàm chuyên gia, Nói chuyện chuyên đề tại Trường **[H20.20.02.11]**; tham dự 08 Hội thảo khoa học tại nước ngoài... **[H20.20.02.12]**; đặc biệt có 04 lượt GV của Trường tham gia giảng dạy tại trường đại học đối tác... **[H20.20.02.13]**.

- Lựa chọn các đối tác và hợp tác NCKH phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường:

Trường đã cử nhiều đoàn công tác với nhiều mục đích khác nhau như tham gia các hội nghị, hội thảo về khoa học, quản lý; tìm kiếm và thiết lập các cơ hội hợp tác mới; học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ **[H20.20.02.14]** và tiếp đón nhiều đoàn khách nước ngoài đến từ các Trường đại học trên thế giới, các tổ chức quốc tế sang thăm và tìm cơ hội hợp tác đào tạo, NCKH và trao đổi SV **[H20.20.02.15]**.

Trong chu kỳ đánh giá 5 năm, từ năm 2014 đến năm 2019, nhà trường đã tổ chức 23 đoàn ra và đón 72 đoàn vào. Công tác tổ chức đoàn ra và đón tiếp đoàn vào được Nhà

trường rất chú trọng và có sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ nhân sự thực hiện, CSVC đến kinh phí thực hiện... [H20.20.02.16].

Thành phần các đoàn đến làm việc tại Trường đã được cân nhắc, lựa chọn sao cho kết quả hợp tác được triển khai thành các hoạt động cụ thể, có chất lượng, tập trung vào mục tiêu phát triển chung của Trường. Điều này cũng thể hiện rõ sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của BGH, sự nỗ lực của đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý và xúc tiến các hoạt động hợp tác quốc tế.

Trường ĐH Luật Tp.HCM luôn chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác đối ngoại; tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT trong công tác hợp tác quốc tế đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng theo kế hoạch phê duyệt. Công tác HTQT (đoàn ra - đoàn vào) luôn được Nhà trường chú trọng báo cáo, xin ý kiến của Lãnh đạo Bộ GD&ĐT và các cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo triển khai đúng quy định, các bước quy trình thực hiện đoàn ra - đoàn vào [H20.20.02.17].

- Thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu đem lại hiệu quả về NCKH.

Nhà trường luôn bám sát kế hoạch, thực hiện tốt công tác xây dựng các đề án, dự án được giao như dự án “Tăng cường kỹ năng tranh tụng của Luật sư bào chữa - Chủ đề thực thi Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015” – hợp tác với UNDP [H20.20.02.18], dự án Rosa Luxemburg Stiftung Southeast Asia [H20.20.02.19] và các dự án liên kết đào tạo Tiếng Pháp [H20.20.02.20]. Những dự án này hàng năm đã mang rất nhiều điểm về NCKH về cho Nhà trường. Những nội dung chuyên môn về ngành luật thế mạnh của Trường được BGH nhấn mạnh và giao nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, cá nhân trong nhà trường xúc tiến và triển khai hợp tác, đồng thời cũng mở rộng hợp tác sang lĩnh vực mới như quản trị kinh doanh. Nhà trường đã có một hệ thống nhân lực đảm bảo phục vụ cho hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được thực hiện theo đúng quy định. Các phòng, ban, đơn vị và các cá nhân có trách nhiệm đã phối hợp triển khai các nội dung hợp tác, các đề tài, dự án thực hiện cùng đối tác.

- Đầu tư thích hợp cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác.

Trong những năm qua, nhằm thúc đẩy mở rộng mạng lưới hợp tác, Nhà trường đã tích cực đầu tư, hỗ trợ những hoạt động hợp tác nêu trên để mang lại hiệu quả cao. Nhà trường đã chủ động chi từ nguồn ngân sách hoặc các dự án cho một số đoàn ra đến công tác tại các quốc gia có các đối tác chiến lược để thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế [H20.20.02.21].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Tại Trường ĐH Luật Tp.HCM, việc rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH được xem là một nội dung quan trọng của hoạt động hợp tác và đối tác NCKH. Đội ngũ nhân sự được phân công phụ trách hoạt động này một cách cụ thể, rõ ràng. Theo đó, phụ trách chung đối với các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu trong nước và quốc tế là 01 Phó Hiệu trưởng quản lý lĩnh vực NCKH, hợp tác liên kết khoa học, đào tạo với các đơn vị trong nước và quốc tế theo phân công tại Quyết định số 1326/QĐ-ĐHL ngày 21/12/2020 của Hiệu trưởng về việc phân công công tác BGH của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H20.20.03.01]. Tiếp theo là đội ngũ nhân sự làm việc tại Phòng QL NCKH&HTQT trực tiếp thực hiện các hoạt động rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu của Trường ĐH Luật Tp.HCM, bao gồm 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và 04 chuyên viên theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị [H20.20.03.02]. Bên cạnh đó, để thực hiện hoạt động rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH, nhân sự tại một số đơn vị có liên quan cũng được giao nhiệm vụ phối kết hợp, hỗ trợ để thực hiện các hoạt động có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị này (như nhân sự tại Phòng TC-HC trong việc báo cáo, tổng kết hoạt động NCKH với các đơn vị cấp trên chủ quản, nhân sự tại Trung tâm ĐT CLC&ĐTQT [H20.20.03.03]).

Về việc tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác nghiên cứu đã được Trường ĐH Luật Tp.HCM thực hiện thông qua việc đánh giá định kỳ tiến độ và đánh giá hiệu quả của các hợp tác/đối tác, đặc biệt là các đề tài, dự án hợp tác nghiên cứu. Cụ thể, Phòng QL NCKH&HTQT tiến hành kiểm tra định kỳ 6 tháng một lần về tiến độ thực hiện và nghiệm thu đề tài, dự án khi đề tài đến thời hạn theo quy định (thông thường là 12 tháng với các đề tài NCKH GV cấp trường, 06 tháng đối với đề tài NCKH SV, và với các đề tài, dự án thuộc các cấp độ, quy mô lớn hơn thì

theo thời hạn đề tài mà dự án đó đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ký kết...). Hoạt động này được quy định chủ yếu trong quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng QL NCKH&HTQT [H20.20.03.02], quy định làm rõ các trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan trong việc quản lý, phát triển hợp tác trong nghiên cứu [H20.20.03.03] và bổ sung rải rác trong các quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường như quy định về phân công công tác của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng [H20.20.03.01]; HĐ KH&ĐT [H20.20.03.04]. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban, họp với tập thể lãnh đạo Nhà trường, những hoạt động hợp tác, đối tác NCKH phát sinh được đưa ra thảo luận, xin ý kiến chỉ đạo trực tiếp để kịp thời triển khai đáp ứng yêu cầu công việc nhằm phát huy tính hiệu quả của công tác này. Tại các cuộc họp này đều có các biên bản cuộc họp [H20.20.03.05]. Các hoạt động hợp tác, đối tác cũng được đánh giá để có kế hoạch điều chỉnh nhằm đạt được hiệu quả, chẳng hạn như Nhà trường thường xuyên có các cuộc họp, trao đổi với các đối tác về việc rà soát, đánh giá hoạt động hợp tác giữa Trường với các trường đại học liên kết trong dự án “Phát triển tri thức giữa các viện nghiên cứu: liên quan tới kinh tế và pháp luật của các nền kinh tế chuyển đổi tại Đông Nam Á” thuộc chương trình Horizon 2020 của Ủy ban Châu Âu [H20.20.03.06]. Dự án này đã kết thúc vào năm 2020 – ngay thời điểm châu Âu đang phải đối mặt với tình trạng lây lan nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19 nên việc đàm phán, thực hiện các chương trình nghiên cứu ngắn hạn cho cán bộ, GV ở Estonia và các nước châu Âu khác tạm thời bị gián đoạn. Hiện nay, Phòng QL NCKH&HTQT vẫn tiếp tục liên lạc với các trường đại học đối tác để xây dựng chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ trực tuyến qua phần mềm Zoom dành cho GV, đồng thời tiến tới đàm phán việc đưa GV đi đào tạo trực tiếp tại nước ngoài sau khi thế giới vượt qua đại dịch Covid-19. Hay như CTĐT liên kết với Tây Anh quốc và Pháp [H20.20.03.07]. Năm học 2020 - 2021, hai chương trình liên kết đào tạo thạc sỹ với Đại học Tây Anh Quốc và Pháp vẫn tiến hành tuyển sinh theo kế hoạch. Trong đó chương trình liên kết với Đại học Tây Anh Quốc tuyển sinh được 04 học viên và hiện các học viên đang trong giai đoạn chuẩn bị tốt nghiệp. Riêng chương trình liên kết với Pháp đã tuyển sinh được tổng cộng 35 học viên (trong đó có 04 học viên Việt Nam và 31 học viên Pháp). Tuy nhiên do tình hình giãn cách xã hội tại các nước châu Âu và Việt Nam, các học viên Pháp không thể sang Việt Nam học, đồng thời do tính chất đặc thù của chương trình nên các môn học không thể được triển khai theo hình thức

trực tuyến, vì vậy chương trình không thể thực hiện được và tạm gián đoạn trong năm vừa qua. Do đó các bên đã thường xuyên liên hệ để trao đổi, rà soát đối với hoạt động hợp tác đào tạo này nhằm để có cơ sở cho việc điều chỉnh kế hoạch hợp tác đào tạo cho phù hợp. Hay như đối với chương trình đưa SV đi tham quan, học tập ở các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và các quốc gia khác [H20.20.03.08], do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Nhà trường chưa thể đưa SV ra nước ngoài tham quan, học tập theo kế hoạch dự kiến. Tuy nhiên, trong thời gian này, Phòng QL NCKH&HTQT vẫn tiếp tục giữ liên lạc, trao đổi với các trường đối tác về việc giao lưu SV, dự kiến sẽ tổ chức lại các chương trình tham quan, trao đổi SV sau khi kết thúc đại dịch.

Như vậy, các dự án, đề tài hợp tác với nước ngoài được Nhà trường phối hợp với các cơ quan chủ quản và nhà tài trợ rà soát và kiểm tra tiến độ thực hiện, báo cáo kết quả rà soát và kiểm tra đến cơ quan chủ quản hoặc nhà tài trợ [H20.20.03.06]; [H20.20.03.07]; [H20.20.03.08]. Những dự án trọng điểm được Nhà trường theo dõi sát sao và tổ chức họp khi có vấn đề, từ đó đưa ra những biện pháp xử lý kịp thời và thúc đẩy tiến độ thực hiện. Kết quả tổng hợp hoạt động rà soát tính hiệu quả của các hoạt động hợp tác với các đối tác cho thấy Nhà trường đã thực hiện việc rà soát các đối tác và hợp tác khá thường xuyên, vì vậy Nhà trường luôn đưa ra phương hướng cụ thể để khắc phục cải thiện những hợp tác chưa hiệu quả thông qua kế hoạch hợp tác và đối tác hàng năm [H20.20.03.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

Trong những năm vừa qua, hoạt động hợp tác NCKH của Trường ĐH Luật Tp.HCM ngày càng được mở rộng và đạt nhiều thành tựu nổi bật. Các dự án, đề tài, chương trình hợp tác nghiên cứu với đối tác trong nước và nước ngoài đều được triển khai theo đúng tiến độ đặt ra nhờ những điều chỉnh phù hợp trong quá trình thực hiện [H20.20.04.01]. Với sự hợp tác ngày càng mở rộng trong nghiên cứu, và chính sách quy định bổ sung mới về chế độ khen thưởng cho VC, NLD có các công trình nghiên cứu được công bố [H20.20.04.02], nhiều bài báo, công trình nghiên cứu, sách tham khảo, chuyên khảo...

công bố chung của VC, NLĐ Nhà trường và các đối tác trong và ngoài nước đã được xuất bản **[H20.20.04.03]**.

Nhà trường có cơ chế mời nhiều nhà khoa học có trình độ cao từ các đơn vị khác; các cán bộ quản lý thuộc các Bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp... tham gia đánh giá và cố vấn cho các đề tài, dự án nghiên cứu nhằm đảm bảo nội dung và kết quả nghiên cứu đi đúng hướng và hiệu quả **[H20.20.04.04]**.

Hàng năm, Nhà trường vẫn khuyến khích, tìm kiếm và gia tăng các mối quan hệ hợp tác và đối tác phù hợp với các yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ của trường **[H20.20.04.05]**, **[H20.20.04.06]**.

Kết quả của các hoạt động phát triển hợp tác và đối tác của Trường trong những năm qua như sau **[H20.20.04.07]**. Bảng tổng hợp các hoạt động hợp tác và đối tác của Nhà trường giai đoạn 2017 - 2022 cho thấy các năm 2017, 2018 số lượng đoàn ra cao hơn so với các năm 2019, 2020. Tương tự như vậy, các năm 2017, 2019 số lượng đoàn vào cao hơn so với các năm 2018, 2020. Năm 2020 chỉ có 01 đoàn vào. Tình trạng này xuất phát từ lý do do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các quốc gia đóng cửa chống dịch, việc xuất – nhập cảnh rất khó khăn, rất nhiều đoàn các đoàn trường đại học đối tác không thể sang Việt Nam trong thời gian từ khoảng cuối năm 2019 đến nay **[H20.20.04.07]**.

Nhìn chung, dưới tác động của việc cải thiện, phát triển các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu của Nhà trường đã thực hiện theo đúng các kế hoạch đặt ra hàng năm. Điều này thể hiện thông qua tổng hợp kết quả các hoạt động hợp tác và đối tác của Trường giai đoạn 2017 - 2022 **[H20.20.04.08]**. Bảng tổng hợp danh sách các chuyên gia tham gia hợp tác nghiên cứu trong các công trình công bố, đề tài, dự án của Nhà trường giai đoạn 2017 – 2022 **[H20.20.04.09]**. Hay như trong báo cáo tại Hội nghị VC, NLĐ hằng năm **[H20.20.04.10]**, cuối năm 2020, Nhà trường liên tục đẩy mạnh các hoạt động Hội thảo, trong đó có 01 Hội thảo quốc tế, 04 hội nghị, hội thảo cấp trường. Tuy nhiên sang năm 2021, do tình hình giãn cách xã hội và dịch bệnh lây lan trên diện rộng tại Tp.HCM, hoạt động này cũng ít nhiều bị ảnh hưởng. Dù trong hoàn cảnh khó khăn vì dịch bệnh, Nhà trường vẫn cố gắng duy trì và tổ chức các hội thảo các cấp. Tính đến tháng 11/2021, Trường đã tổ chức được 03 hội thảo quốc tế, 05 tọa đàm khoa học quốc tế theo hình thức trực tuyến với các khách mời nước ngoài, 11 hội thảo cấp trường và

16 hội thảo cấp khoa. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hội thảo trong bối cảnh giãn cách do dịch Covid-19, Phòng QL NCKH&HTQT đã ban hành văn bản số 532/ĐHL-NCKH ngày 22/7/2021 để hướng dẫn các đơn vị trong việc tổ chức các hội thảo trực tuyến. Cho đến nay, các hội thảo trực tuyến được tổ chức đều đảm bảo chất lượng, thu hút được đông đảo cử tọa tham gia từ các đơn vị trong, ngoài trường trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Nhà trường vẫn duy trì các nhóm hỗ trợ SV tham gia NCKH tại các Đoàn khoa. Phòng QL NCKH&HTQT phối hợp với Đoàn trường tổ chức các buổi giới thiệu và hướng dẫn SV NCKH. Mặc dù trong năm học 2020- 2021, Nhà trường và SV gặp rất nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh kéo dài nhưng để đảm bảo các hoạt động giao lưu học thuật quốc tế cho SV được diễn ra liên tục, Nhà trường vẫn tiếp tục cử SV tham gia 03 cuộc thi MOOT quốc tế, trong đó: ICA Deakin Moot - Trường được mời tham gia cuộc thi trong khuôn khổ hợp tác của 02 trường, ASIA Cup theo thông lệ hàng năm và đặc biệt là FDI Moot Court vòng quốc gia, đội tuyển Wyngeart của Trường ĐH Luật Tp.HCM đã xuất sắc dành giải quán quân và một suất đại diện quốc gia tham dự thi FDI Moot Court vòng quốc tế. Bên cạnh các cuộc thi Phiên tòa giả định quốc tế thì V-MOOT cũng là một cuộc thi được SV Luật toàn quốc mong đợi. Đây là năm thứ 4, Nhà trường tổ chức cuộc thi V-MOOT, tại vòng sơ loại của cuộc thi năm nay đã thu hút 65 đội đến từ 33 trường đại học có đào tạo chuyên ngành luật trên cả nước tham gia với nhiều gương mặt đại diện xuất sắc. Kết thúc cuộc thi đội tuyển 1 của Trường ĐH Luật Tp.HCM đã giành được giải quán quân.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 20

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường có các quy định về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu và áp dụng theo quy định.
- Nhà trường có xây dựng chiến lược phát triển hợp tác và đối tác trong nghiên cứu.
- Các quy định hướng dẫn được xây dựng và triển khai đến các đơn vị thực hiện và thường xuyên theo dõi, đánh giá hoạt động.
- Nhà trường đã thực hiện các chính sách và triển khai các quy trình thúc đẩy hợp

tác và đối tác trong nghiên cứu.

- Các hoạt động về hợp tác và đối tác trong nghiên cứu được thực hiện thường xuyên và có xu hướng phát triển, các hoạt động được triển khai ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

- Bước đầu, Nhà trường đã rà soát và có sự điều chỉnh kịp thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị liên quan trong việc quản lý hoạt động hợp tác, đối tác NCKH. Nhà trường đã thực hiện được một số đề tài cấp nhà nước, thu hút nhiều nhà khoa học bên ngoài có uy tín và trình độ cao tham gia các đề tài, dự án của Nhà trường.

- Nhà trường đã triển khai được đa dạng và nhiều các hình thức hợp tác NCKH và có cơ chế thúc đẩy hoạt động hợp tác. Các đề tài, dự án, công trình nghiên cứu được theo dõi, rà soát một cách thường xuyên cũng như có những điều chỉnh rất kịp thời cũng như không ngừng tìm kiếm, mở rộng các quan hệ hợp tác NCKH. Do vậy, Nhà trường đã thu hút được sự tham gia của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu có uy tín và trình độ từ các đơn vị trong và ngoài trường vào các dự án, đề tài NCKH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Các hoạt động quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Trường ĐH Luật Tp.HCM về hợp tác, đối tác NCKH chưa được quan tâm, chú trọng.

- Mọi quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới còn hạn chế, hiện tại chỉ hợp tác với trường ở các nước như Úc, Anh, Estonia, Nhật Bản.

- Hội nghị, hội thảo cấp Nhà nước và quốc tế còn hạn chế.

- Một số hoạt động HTQT của Nhà trường chưa đạt hiệu quả đề ra, do chưa được phân cấp một cách cụ thể, rõ ràng và các quy trình rà soát, đánh giá, CSVC phục vụ cho việc rà soát, đánh giá các chương trình hợp tác, bồi dưỡng tại Trường còn nhiều hạn chế, thêm vào đó là việc phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính theo quy định chung của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Hệ thống CSVC, trang thiết bị phục vụ cho việc rà soát, đánh giá các chương trình hợp tác, bồi dưỡng tại Trường chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu, chưa đạt được kết quả kiểm chứng cao (như hạ tầng về internet, hạ tầng về các công cụ hỗ trợ thông kê feedback, phần mềm về các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động...).

- Do tác động của đại dịch Covid-19 từ năm 2019 đến nay đang còn diễn biến phức tạp, các quốc gia đang thực hiện và thi hành các chính sách nghiêm ngặt trong việc xuất – nhập cảnh, vì vậy số lượng đoàn ra, đoàn vào thực hiện hoạt động hợp tác

và đối tác của Trường trong thời gian tiếp theo sẽ có nhiều hạn chế, minh chứng rõ nét là năm 2020 chỉ có 01 đoàn ra và 06 đoàn vào. Đây là hoàn cảnh dịch bệnh khách quan, bất khả kháng, vì vậy Nhà trường đang thực hiện các phương án khắc phục tạm thời hoạt động hợp tác và đối tác quốc tế bằng hình thức phối hợp các hoạt động trực tuyến thông qua các nền tảng công nghệ hỗ trợ như zoom meeting, webbina...

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1: Các hoạt động quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Trường ĐH Luật Tp.HCM về hợp tác, đối tác NCKH chưa được quan tâm, chú trọng.	Hàng năm, Phòng QL NCKH&HTQT tiến hành thống kê, rà soát các hoạt động truyền thông, quảng bá thương hiệu của Trường trong hợp tác, đối tác về NCKH và phối hợp với Trung tâm QHDN&HTSV để xây dựng các kế hoạch tăng cường hơn nữa các hoạt động quảng bá hình ảnh, thương hiệu của ULAW về hợp tác quốc tế.	Phòng QL NCKH&HTQT Trung tâm QHDN&HTSV – Ban truyền thông	2022 – 2025	
2	Khắc phục tồn tại 2: Mối quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới còn	Tiếp tục mở rộng các mối quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Canada, Na Uy, Đức, Singapore...	Phòng QL NCKH&HTQT	2022 – 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	hạn chế, hiện tại chỉ hợp tác với trường ở các nước như Úc, Anh, Estonia, Nhật Bản.				
3	Khắc phục tồn tại 3: Hội nghị, hội thảo cấp Nhà nước và quốc tế còn khá hạn chế.	Tăng cường hơn nữa các hội nghị, hội thảo cấp Nhà nước và quốc tế.	Phòng QL NCKH&HTQT	2022-2025	
4	Khắc phục tồn tại 4: Một số hoạt động HTQT của Nhà trường chưa đạt hiệu quả đề ra, do chưa được phân cấp một cách cụ thể, rõ ràng và các	Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện - quy trình chuẩn trong việc kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu.	Phòng QL NCKH&HTQT Phòng TC-HC	2022 – 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	<p>quy trình rà soát, đánh giá, CSVC phục vụ cho việc rà soát, đánh giá các chương trình hợp tác, bồi dưỡng tại Trường còn nhiều hạn chế, thêm vào đó là việc phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính theo quy định chung của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</p>				
5	<p>Khắc phục tồn tại 5: Đầu tư thêm các CSVC, trang thiết bị phục vụ cho việc rà soát, đánh giá tính hiệu quả</p>	<p>Trước quý IV hàng năm, Phòng QL NCKH tiến hành khảo sát lấy ý kiến của các đơn vị/ cá nhân tham gia và thụ hưởng từ hoạt động hợp tác, đối tác NCKH, HTQT với Trường để làm căn cứ rà</p>	<p>Phòng QTTB và CSVC, Phòng QL NCKH&HTQT</p>	<p>2022 - 2025</p>	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	của hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu.	soát và cải tiến nâng cao hiệu quả công tác hợp tác, đối tác NCKH, HTQT.			
6	Khắc phục tồn tại 6: Trang bị thêm về hệ thống CSVC hỗ trợ cho nền tảng công nghệ số, đường truyền internet tốc độ cao đảm bảo phát huy hoạt động hợp tác, đối tác thông qua các hoạt động trực tuyến.	Phân công Phòng QL NCKH&HTQT phối hợp với Phòng QTTB và CSVC, Trung tâm CNTT để chịu trách nhiệm rà soát, đánh giá về chất lượng nền tảng công nghệ số, đường truyền internet tốc độ cao, hệ thống zoom, webbina... từ đó có kế hoạch nâng cao chất lượng đường truyền, ứng dụng đa dạng các công nghệ hỗ trợ cho việc hợp tác, đối tác bằng công nghệ số phù hợp với điều kiện tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh hiện nay.	Phòng QTTB và CSVC, Trung tâm CNTT	2022 - 2025	
	Phát huy điểm mạnh 1, 3: Xây dựng	- Trong năm 2022, phân công Phòng QL NCKH&HTQT tiến hành	Phòng QL NCKH&HTQT	3/2022 - 12/2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
7	<p>thêm các văn bản nội bộ của Nhà trường quy định cụ thể về các công tác hợp tác trong và ngoài nước về NCKH</p>	<p>rà soát tất cả hoạt động hợp tác trong và ngoài nước về NCKH đang thực hiện tại Trường;</p> <p>- Đối với những hoạt động đã được văn bản cấp trên quy định nhưng Trường chưa triển khai thì Phòng QL NCKH&HTQT chịu trách nhiệm biên soạn quy định mới hoặc chỉnh sửa quy định hiện hành cho phù hợp; hoàn tất việc chỉnh sửa và ban hành quy định trước tháng 9/2022.</p> <p>Chậm nhất đến 12/2022, sẽ hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành, thực hiện, giám sát các về hợp tác, đối tác NCKH, HTQT và chất lượng hợp tác, đối tác NCKH, HTQT của Trường theo hướng phù hợp với chiến lược phát triển của trường.</p>	kết hợp với Phòng TC-HC		

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
8	Phát huy điểm mạnh 2, 4: Tiếp tục rà soát, sửa đổi chiến lược phát triển, chính sách phù hợp với từng giai đoạn thời gian.	Quý IV hàng năm, Lãnh đạo Nhà trường, Phòng QLNCKH và các đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình tiến hành rà soát, đánh giá hoạt động hợp tác, đối tác về NCKH&HTQT, xây dựng, đề xuất kế hoạch hoạt động, chiến lược, chính sách của năm tiếp theo và các giai đoạn tiếp theo cho phù hợp với tình hình thực tế, từng giai đoạn cụ thể.	Các đơn vị thuộc trường	2022 – 2025	
9	Phát huy điểm mạnh 5: Tiếp tục thực hiện các chính sách và triển khai các quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác trong nghiên cứu.	Trên cơ sở các chính sách, quy trình hiện tại đã có, Nhà trường tiếp tục thực hiện các chính sách và triển khai các quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác trong nghiên cứu.	Phòng QL NCKH&HTQT	2022 – 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
10	Phát huy điểm mạnh 6: Mở rộng các đề tài, dự án hợp tác quốc tế hơn nữa.	Phân công Phòng QL NCKH&HTQT phối hợp với các bộ phận chức năng có liên quan (các khoa, các Phòng đào tạo) xây dựng kế hoạch mở rộng các đề tài, dự án hợp tác quốc tế hơn nữa.	Phòng QL NCKH&HTQT	2022 – 2025	
11	Phát huy điểm mạnh 7: Tiếp tục thực hiện việc rà soát và điều chỉnh các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị liên quan trong việc quản lý hoạt động hợp tác, đối tác NCKH.	Phát huy điểm mạnh 7: Nhà trường phải tiếp tục thực hiện việc rà soát và có sự điều chỉnh kịp thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị liên quan trong việc quản lý hoạt động hợp tác, đối tác NCKH. Phát huy khả năng, năng lực, sự phối hợp của các đơn vị chức năng trong trường đối với hoạt động hợp tác, đối tác NCKH. Dự kiến hoàn tất, hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình trước quý III/2025.	Phòng QL NCKH&HTQT Trung tâm ĐT CLC&ĐTQT Chuyên viên quản lý NCKH Chuyên viên quản lý HTQT	2022 – 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
12	Phát huy điểm mạnh 8: Đầy hơn nữa về các hình thức hợp tác NCKH và có các cơ chế thúc đẩy việc tìm kiếm, hợp tác ngày càng linh động, thích ứng, mở rộng và phù hợp hơn.	Bên cạnh việc tiếp tục duy trì, thúc đẩy các mối quan hệ và các hình thức hợp tác, đối tác hiện có, Nhà trường cần nghiên cứu triển khai đa dạng hơn nữa về các hình thức hợp tác, các đối tác NCKH và các cơ chế thúc đẩy hoạt động này để ngày càng thu hút, mở rộng các quan hệ hợp tác NCKH, thu hút được sự tham gia của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu có uy tín và trình độ từ các đơn vị trong và ngoài trường trên phạm vi quốc gia và quốc tế vào các dự án, đề tài NCKH.	Phòng QL NCKH&HTQT Lãnh đạo Trường Lãnh đạo Phòng QL NCKH&HTQT Lãnh đạo Trung tâm ĐT CLC&ĐTQT Chuyên viên quản lý NCKH Chuyên viên quản lý HTQT	2022 – 2025	

4. *Mức đánh giá*

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 20</i>	4,25
Tiêu chí 20.1	4
Tiêu chí 20.2	4

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 20.3	4
Tiêu chí 20.4	5

TIÊU CHUẨN 21. KẾT NỐI PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Trường ĐH Luật Tp.HCM là đơn vị có truyền thống phát huy hoạt động chuyên môn giảng dạy pháp luật với công tác tuyên truyền, tư vấn và phổ biến pháp luật trong cộng đồng. Với sứ mạng là đơn vị đào tạo pháp luật lớn nhất khu vực phía Nam, bên cạnh đào tạo và cung cấp cho các cơ quan, ĐV SDLĐ nguồn nhân lực CLC, Nhà trường còn kết hợp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của CSGD là đào tạo và NCKH với việc thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn, sứ mạng là trung tâm NCKH, trọng tâm là khoa học pháp lý, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Để đảm bảo hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được triển khai một cách hiệu quả, phù hợp với quy định pháp luật, BGH đã xây dựng và ban hành nhiều chính sách, quyết định liên quan đến việc thành lập các đơn vị, trung tâm thuộc Trường để thực hiện hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng:

Quyết định thành lập Trung tâm Sở hữu trí tuệ có chức năng mở các khóa đào tạo, nghiên cứu chuyên sâu về sở hữu trí tuệ **[H21.21.01.01]**.

Trung tâm TVTS có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác Tư vấn tuyển sinh; Chủ trì xây dựng chiến lược, kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động tư vấn tuyển sinh các hệ, các bậc và loại hình đào tạo của Trường; Chủ trì xây dựng chiến lược, kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông đa phương tiện liên quan đến tư vấn tuyển sinh của Trường **[H21.21.01.02]**.

Trung tâm Đào tạo ngắn hạn có chức năng xây dựng và tổ chức các CTĐT pháp luật ngắn hạn đáp ứng nhu cầu xã hội **[H21.21.01.03]**.

Trung tâm TVPL có chức năng tư vấn pháp luật cho cá nhân tổ chức có nhu cầu

[H21.21.01.04].

Trung tâm Học liệu có chức năng phân phối giáo trình, tài liệu học tập cho SV trong trường, SV ngoài trường và các cơ sở giáo dục khác **[H21.21.01.05]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường còn cung cấp các hoạt động NCKH theo đặt hàng của các đơn vị bên ngoài. Ngoài ra, các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội SV cũng được thành lập và kiện toàn nhân sự để duy trì các hoạt động kết nối cộng đồng **[H21.21.01.06]**.

Trường ĐH Luật Tp.HCM xây dựng cơ chế quản lý các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng đầy đủ, rõ ràng thông qua việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị, trung tâm thực hiện hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

Hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng cũng được thiết lập chặt chẽ thông qua cơ chế giám sát trong và giám sát ngoài. Đối với hoạt động giám sát ngoài là sự giám sát của cộng đồng sử dụng vụ của Nhà trường thông qua hợp đồng cung cấp dịch vụ với khách hàng, thông qua các hoạt động khảo sát, thông qua việc công khai thông tin trên trang điện tử của đơn vị **[H21.21.01.07]**. Đối với cơ chế giám sát trong về việc thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng được thực hiện thông qua báo cáo tháng của các đơn vị gửi BGH, báo cáo tại các cuộc họp, báo cáo hội nghị viên chức người lao động... **[H21.21.01.08]**.

Nhân sự chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng tại mỗi đơn vị, trung tâm cũng được BGH quy định trong quyết định bổ nhiệm nhân sự, mô tả quyền hạn nhiệm vụ của trưởng đơn vị/trung tâm trong bộ tài liệu ISO của Nhà trường **[H21.21.01.9]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho việc kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện

Căn cứ kế hoạch năm học, mục tiêu chất lượng từng đơn vị phụ trách hoạt động kết nối và thực hiện các dịch vụ phục vụ cộng đồng chủ động cụ thể hóa nội dung công việc gắn với chuyên môn, nhiệm vụ nhằm đảm bảo các hướng dẫn cho hoạt động kết nối và

phục vụ cộng đồng được thực hiện. Các kế hoạch, chính sách kết nối và thực hiện các dịch vụ phục vụ cộng đồng do lãnh đạo các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện theo sự phân công, phân nhiệm có sự kiểm tra, giám sát, đánh giá về hiệu quả công việc của các phòng đơn vị chức năng và các bên liên quan. Đảm bảo mọi hoạt động kết nối và thực hiện các dịch vụ phục vụ cộng đồng đúng chức năng nhiệm vụ đơn vị được giao và phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong những năm qua các kế hoạch, hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện hiệu quả ở từng đơn vị. Cụ thể:

Trung tâm Đào tạo ngắn hạn đã triển khai xây dựng và đào tạo cho hàng ngàn học viên các khóa kỹ năng, vận dụng và bồi dưỡng pháp luật ngắn hạn đáp ứng nhu cầu xã hội; bên cạnh đó Trung tâm cũng kết nối, ký hợp đồng cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức thức pháp luật cho cán bộ, nhân viên của hàng trăm doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn Tp.HCM và các tỉnh thành **[H21.21.02.01]**. Bên cạnh sự đa dạng các khóa luật do Trung tâm Đào tạo ngắn hạn cung cấp đáp ứng nhu cầu của đa dạng đối tượng trong xã hội ở các lĩnh vực làm việc khác nhau; Trung tâm Sở hữu trí tuệ đã phối hợp với Trung tâm Đào tạo – Cục Sở hữu trí tuệ triển khai chiêu sinh, đào tạo và cấp chứng chỉ cho hàng trăm học viên tham gia học các khóa chuyên sâu về sở hữu trí tuệ tại khu vực Tp.HCM và Hà Nội **[H21.21.02.02]**.

Trung tâm TVPL phối hợp với tổ chức UNDP thực hiện chương trình tư vấn pháp luật cho phạm nhân sắp mãn hạn tù; phối hợp với một số đoàn luật sư tại khu vực phía Nam để triển khai chương trình nâng cao năng lực của luật sư tranh tụng trong các vụ án hình sự và thực hiện các hoạt động tư vấn theo sự vụ tại văn phòng Trung tâm **[H21.21.02.03]**.

Trung tâm Học liệu cung cấp sách, giáo trình và tài liệu học tập cho các tổ chức, cơ sở giáo dục... **[H21.21.02.04]**.

Trung tâm TVTS tổ chức hoạt động tuyển sinh tại các Trường THPT trên địa bàn Thành phố và các tỉnh, thành khác **[H21.21.02.05]**.

Công đoàn trường tổ chức kết nối phục vụ cộng đồng thông qua hoạt động ủng hộ từ thiện theo chủ trương, hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ GD&ĐT, Liên đoàn Lao động TP. HCM như: ủng hộ người nghèo, người dân bị thiệt

hại do bão lũ, người có hoàn cảnh khó khăn... hoạt động này được cụ thể hóa bằng chỉ tiêu 01 ngày lương ứng với từng khả năng thu nhập lương của từng viên chức, người lao động trong trường **[H21.21.02.06]**.

Đoàn trường, Hội SV thực hiện các hoạt động theo kế hoạch của Thành đoàn, Hội SV thành phố và chỉ đạo của BGH tổ chức tháng tình nguyện, các chương trình tình nguyện như hiến máu nhân đạo, mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi **[H21.21.02.07]**.

Về hoạt động NCKH: là trường đào tạo về pháp luật nên công tác nghiên cứu, góp ý sửa đổi, bổ sung các dự thảo luật và các văn bản dưới luật được BGH chỉ đạo các đơn vị tổ chức thường xuyên thông qua việc cử các cán bộ, GV tham gia các hội thảo, hội nghị góp ý sửa đổi các văn bản pháp luật như: Thường xuyên tổ chức các hội thảo, tọa đàm khoa học liên quan đến việc tham gia sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992, góp ý dự thảo Luật Công đoàn sửa đổi, góp ý dự thảo Luật doanh nghiệp, luật đầu tư... **[H21.21.02.08]**.

Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022, Nhà trường đã triển khai thực hiện được 10 đề tài NCKH cấp Quốc gia, cấp Bộ và cấp cơ sở gắn với nhiệm vụ của ngành và địa phương, trong đó có Đề án KH & CN cấp quốc gia “*Nghiên cứu luận cứ khoa học sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục*” được nghiệm thu đạt loại xuất sắc **[H21.21.02.09]**.

Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng của Nhà trường được triển khai đều được công bố thông tin công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, cổng thông tin điện tử của các đơn vị **[H21.21.02.10]**.

Đảm bảo các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật Nhà trường thiết lập cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát thông qua: ký các hợp đồng cung cấp dịch vụ với khách hàng là doanh nghiệp tổ chức sử dụng dịch vụ đào tạo ngắn hạn **[H21.21.02.11]**, ký hợp đồng ký gửi sách, giáo trình tài liệu học tập đối với hoạt động phát hành sách **[H21.21.02.12]**. Ngoài ra, hồ sơ, kế hoạch thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng được các đơn vị lưu trữ, quản lý để làm cơ sở cho hoạt động kiểm tra giám sát.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng

Tùy thuộc chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị mà hệ thống, chính sách đo lường cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được xây dựng theo từng tiêu chí riêng. Đối với Trung tâm TVPL hệ thống đo lường được đánh giá trên số vụ việc tư vấn cho cộng đồng trong năm học, số lượng chương trình tư vấn cho cộng đồng được tổ chức [H21.21.03.01].

Đối với hoạt động của Trung tâm Đào tạo ngắn hạn và Trung tâm sở hữu trí tuệ thông qua số lớp bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn mở được trong năm học, số lượng học viên tham gia hài lòng với CTĐT và doanh thu là những tiêu chí đo lường hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng [H21.21.03.02].

Đối với hoạt động của Trung tâm Học liệu việc đo lường dịch vụ phục vụ cộng đồng thông qua số đầu sách, tài liệu học tập được phát hành, tỉ lệ SV, khách hàng hài lòng với dịch vụ của Trung tâm và doanh thu [H21.21.03.03].

Đối với hoạt động của Trung tâm TVTS hoạt động đo lường được thể hiện thông qua số lượng chương trình, số lượng học sinh tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh vào Trường ĐH Luật Tp.HCM [H21.21.03.04].

Đối với Công đoàn, Đoàn Thanh niên việc đo lường được tính là số tiền cán bộ GV tham gia đóng góp xã hội, số người tham gia hiến máu nhân đạo, số chương trình tình nguyện, số SV tham gia hoạt động tình nguyện, số công trình thanh niên được thực hiện [H21.21.03.05].

Từ chỉ số về số lượng cá nhân, tổ chức tham gia các chương trình kết nối và phục vụ cộng đồng mà các đơn vị xây dựng kế hoạch công tác để triển khai công việc cụ thể cho phù hợp với nhu cầu. Đối với hoạt động đào tạo ngắn hạn, chỉ số đo lường là nhu cầu tìm hiểu về khóa học ngắn hạn thông qua hoạt động đăng ký học online, tư vấn đăng ký ghi danh... làm cơ sở cho việc mở các lớp học. Đối với hoạt động phát hành sách của Trung tâm học Liệu chỉ số đo lường là số lượng sách được phát hành làm cơ sở để Trung tâm xây dựng kế hoạch phát hành sách trong năm học tiếp theo...

Giám sát triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được thực hiện đa dạng, nghiêm túc thông qua triển khai hệ thống giám sát qua

chế độ báo cáo tháng về hoạt động của các đơn vị gửi Phòng TC-HC để tổng hợp và công khai toàn trường. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban, hội nghị viên chức và người lao động hàng năm, các đơn vị sẽ báo cáo kết quả thực hiện và hiệu quả của các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng để lãnh đạo trường và toàn thể viên chức, người lao động theo dõi, giám sát [H21.21.03.06]. Cuối năm học, Nhà trường thực hiện tổng kết, đánh giá thông qua báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường [H21.21.03.07]; báo cáo tổng kết của Công đoàn trường [H21.21.03.08]; báo cáo tổng kết của Đoàn trường [H21.21.03.09], báo cáo tổng kết của Hội SV [H21.21.03.10], báo cáo công tác NCKH [H21.21.03.11]. Ngoài ra, các đơn vị có tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được yêu cầu tự giám sát hoạt động của đơn vị.

Hiệu quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được Nhà trường xem xét đánh giá cho ý kiến tại các Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm và qua các đánh giá của các đoàn công tác làm việc với Công đoàn, Đoàn trường, Hội SV. Qua kết quả làm việc với các đoàn kiểm tra đều đánh giá hoạt động tình nguyện, phục vụ cộng đồng của Nhà trường là đa dạng, thiết thực và hiệu quả, thu hút nguồn ngân sách từ hoạt động đào tạo ngắn hạn cũng như thông qua các bài viết về hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường được các báo đưa tin và trên trang thông tin điện tử của Nhà trường đã thể hiện vai trò, trách nhiệm của Nhà trường đối với xã hội.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Hàng năm, Nhà trường đều đưa ra kế hoạch năm học, kế hoạch năm học là kế hoạch, nhiệm vụ năm học của toàn bộ các đơn vị trong trường. Trong đó kế hoạch về phục vụ kết nối cộng đồng do các đơn vị (phòng, trung tâm) đăng ký [H21.21.04.01].

Tại Trường ĐH Luật Tp.HCM, các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng được các đơn vị thực hiện chủ động tiếp nhận phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở cho việc cải tiến để đáp ứng nhu cầu về sự hài lòng của các bên liên quan: Đối với Trung tâm Đào tạo ngắn hạn, hoạt động khảo sát đối với học viên tham gia các khóa học được thực hiện trước và sau khi học viên tham gia. Mục đích khảo sát trước khi học viên tham gia khóa học nhằm đánh giá vị trí công việc, ngành nghề, lĩnh vực chuyên môn để GV xây

dựng, trình bày nội dung bài giảng sát với nhu cầu của người học. Ngoài ra, sau khi tham gia khóa học, học viên cũng được khảo sát về khóa học, trên cơ sở đó Trung tâm tổng hợp dữ liệu khắc phục cải tiến trong dịch vụ đào tạo ngắn hạn [H21.21.04.02]; Đối với Trung tâm Học liệu, Trung tâm TVTS... các đơn vị này cũng thường xuyên thực hiện các hoạt động khảo sát về sự hài lòng của cộng đồng nhằm làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ [H21.21.04.03].

Hoạt động khảo sát đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan được BGH quan tâm và giao các đơn vị, trung tâm thực hiện nghiêm túc. Ở các đơn vị, trung tâm thuộc trường, hoạt động khảo sát để cải tiến chất lượng dịch vụ và kết nối cộng đồng là hoạt động thường xuyên, xuyên suốt trong hoạt động của mỗi đơn vị, trung tâm.

Chính sách về khảo sát, phân tích đánh giá nhằm cải tiến các hoạt động của từng đơn vị còn được thể hiện ở MTCL, KH THMTCL của mỗi đơn vị, trung tâm có hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng [H21.21.04.04].

Các đơn vị, trung tâm luôn lấy tỉ % về sự hài lòng của các bên liên quan làm căn cứ ĐGCL dịch vụ phục vụ cộng đồng của mình. Thông thường, các trung tâm, đơn vị thường đặt mục tiêu hài lòng từ 90% trở lên của các bên liên quan sử dụng dịch vụ [H21.21.04.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 21

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Thứ nhất, có nhiều đơn vị trong trường thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trên nhiều lĩnh vực khác nhau như: đào tạo, tư vấn, trợ giúp và NCKH. Các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng đều được kiểm tra giám sát chặt chẽ bởi bên trong và bên ngoài.

- Thứ hai, các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường được đa dạng và trải đều qua các mảng công tác đào tạo, NCKH và tư vấn phổ biến pháp luật, tình nguyện thể hiện được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng được công bố công khai công thông tin điện tử của Nhà trường.

- Thứ ba, cơ sở dữ liệu về hoạt động cộng đồng được các đơn vị thống kê, quản lý làm cơ sở cho việc đo lường và dự báo về nhu cầu xã hội. Các hoạt động đều được

kiểm tra, giám sát và công khai hình ảnh tổ chức các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được công khai trên trang điện tử của Nhà trường.

- Thứ tư, hoạt động cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của cộng đồng được duy trì qua các năm tại Trường ĐH Luật Tp.HCM. Nhân sự của các đơn vị, trung tâm có hoạt động kết nối và dịch vụ cộng đồng thấu hiểu và nhận thức sâu sắc về chính sách chất lượng, hoạt động cải tiến nâng cao chất lượng của đơn vị mình thông qua việc duy trì hệ thống ISO.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Thứ nhất, nhà trường chưa có quyết định phân công một đơn vị làm đầu mối tổng hợp và triển khai hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho toàn trường.

- Thứ hai, các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực NCKH pháp lý để chuyển giao ứng dụng trong các đơn vị bên ngoài chưa được phát triển mạnh.

- Thứ ba, Nhà Trường không xây dựng tiêu chí riêng cho hoạt động giám sát, đo lường của mỗi đơn vị, mà hoạt động này do các đơn vị tự chủ động xây dựng. Nhà trường chưa có đơn vị chuyên trách hoặc nguồn lực để kiểm tra hoạt động lấy ý kiến khảo sát của cộng đồng, hoạt động xử lý thông tin dữ liệu sau khảo sát của các đơn vị.

- Thứ tư, chưa xây cơ chế giám sát việc xử lý CSDL thu nhận được sau khảo sát của các bên liên quan tại các đơn vị, trung tâm.

3. Kế hoạch cải tiến

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Ban hành quyết định phân công một đơn vị làm đầu mối tổng hợp và triển khai hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho toàn trường.	- BGH. - Tổ công tác gồm thành viên của các đơn vị: Phòng TC-HC, Trung tâm QHDN&HTSV, Trung tâm TVPL, Trung tâm ĐTNH,	Quý II/2022	

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
			Đoàn trường		
2	Khắc phục tồn tại 2	Đẩy mạnh hoạt động ký kết thực hiện các đề tài nghiên cứu theo đặt hàng của các cơ quan, đơn vị, hoặc xây dựng các nhóm nghiên cứu, nhóm tư vấn để tư vấn và xây dựng các chính sách pháp lý cho các đơn vị theo đặt hàng	-BGH. -Phòng QLNCKH&HTQT	Từ năm 2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Xây dựng kế hoạch ban hành tiêu chí riêng cho hoạt động giám sát, đo lường của mỗi đơn vị. Phát triển nguồn lực kiểm tra giám sát, đo lường đối với các hoạt động lấy ý kiến khảo sát và xử lý thông tin dữ liệu sau khảo sát của các đơn vị.	- BGH - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các hoạt động cụ thể	Từ năm 2022	
4	Khắc phục tồn tại 4	Xây dựng cơ chế giám sát CSDL của kết quả khảo sát trong việc cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ cộng đồng.	- BGH - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các hoạt động cụ thể	Từ năm 2022	
5	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục pháp huy tối đa chức năng các đơn vị thực hiện hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	- BGH - Các đơn vị theo quy định	Từ năm 2022	

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
6	Phát huy điểm mạnh 2	Thực hiện thêm các báo cáo chuyên đề đánh giá hiệu quả của hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng theo mảng công tác	- BGH - Các đơn vị theo quy định	Từ năm 2022	
7	Phát huy điểm mạnh 3	Tăng cường công tác quảng bá về các hoạt động, thông tin về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường	- BGH - Ban Truyền thông	Từ năm 2022	
8	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục nâng cao hoạt động cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của cộng đồng và nâng cao chất lượng, hiệu quả của quy trình vào công việc của các đơn vị.	- BGH - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các hoạt động cụ thể	Từ năm 2022	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	5,25
Tiêu chí 21.1	6
Tiêu chí 21.2	5
Tiêu chí 21.3	5
Tiêu chí 21.4	5

TIÊU CHUẨN 22. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong kế hoạch hoạt động đào tạo từng năm học, Trường đã xác lập, dự đoán tỷ lệ người học đạt yêu cầu, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT (CTĐT). Dự đoán tỷ lệ người học đạt yêu cầu, không bị cảnh báo học vụ ở các ngành trung bình từ 80% đến 95%, trong đó có những ngành được dự đoán tỷ lệ người học đạt yêu cầu, không bị cảnh báo học vụ tương đối cao như ngành Quản trị - Luật (95%), có ngành được dự đoán có tỷ lệ người học đạt yêu cầu, không bị cảnh báo học vụ thấp hơn như ngành Quản trị kinh doanh (80%) [H22.22.01.01]. Trường theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp của người học thông qua các báo cáo tổng kết từng năm học của Trường [H22.22.01.02], [H22.22.01.03], [H22.22.01.04], [H22.22.01.05], [H22.22.01.06].

Bảng 22.1.1. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của Trường ĐH Luật Tp.HCM

Ngành	Năm tốt nghiệp					Trung bình 5 năm
	2017	2018	2019	2020	2021	
Luật	78,05	87,73	79,04	81,48	61,92	77,64
Luật Thương mại quốc tế	Chưa có SVTN				71,91	71,91
Quản trị - Luật	87,37	87,60	83,58	88,03	70,12	83,34
Quản trị kinh doanh	64,52	75,49	59,81	76,00	40,00	63,16
Ngôn ngữ Anh	73,52	38,64	16,42	40,63	13,95	36,63
Trung bình theo ngành:	77,98	85,62	75,56	80,13	60,69	-

Hàng năm, Trường theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ thôi học, xóa tên, học lại của các CTĐT trên phần mềm quản lý đào tạo; và thông qua các thông báo của Phòng Đào tạo, quyết định của Hiệu trưởng sau mỗi học kỳ [H22.22.01.07]. Việc xét tốt nghiệp cho SV được thực hiện định kỳ, ngoài đợt xét tốt nghiệp chính khóa theo kế hoạch của Trường đã công bố, hàng năm, tùy vào điều kiện thực tế, Trường có thể xét thêm từ 2

(hai) đến 4 (bốn) đợt xét tốt nghiệp bổ sung cho những SV đủ điều kiện vào các tháng 3 (ba), 6 (sáu), 9 (chín) và 12 (mười hai) cho người học. Báo cáo về số lượng, tỷ lệ người học tốt nghiệp hằng năm được Phòng Đào tạo thực hiện và trình cho Hội đồng xét tốt nghiệp của Trường theo quy định [H22.22.01.08]. Nhìn chung, tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV trong 05 khóa tốt nghiệp gần nhất của Trường dao động từ 60,69% đến 85,62%. Riêng năm 2021, tỷ lệ SV tốt nghiệp thấp nhất trong 5 năm từ 2017 đến 2022 (chỉ có 60,69% SV đủ điều kiện được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng), nguyên nhân chủ yếu là do dịch bệnh Covid-19 kéo dài dẫn đến việc SV không có điều kiện để tham gia dự thi các bài thi ngoại ngữ và tin học quốc tế theo yêu cầu về CĐR áp dụng đối với từng CTĐT.

Trong 05 khóa SV tốt nghiệp của Trường, tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành Quản trị - Luật là cao nhất (83,34%), tiếp theo là ngành Luật (77,64%), ngành Luật Thương mại quốc tế (71,91%), ngành Quản trị kinh doanh (63,16%) và ngành có tỷ lệ SV tốt nghiệp trung bình thấp nhất là ngành Ngôn ngữ Anh (36,63%). Ngành Ngôn ngữ Anh có tỷ lệ SV tốt nghiệp hằng năm thấp, nguyên nhân chủ yếu là do SV không đạt yêu cầu về CĐR ngoại ngữ theo quy định. Theo quy định, chuẩn năng lực ngoại ngữ của SV hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh văn pháp lý khi tốt nghiệp ra trường phải đạt trình độ như sau: 1. Tiếng Anh: đạt từ 6,5 IELTS trở lên; 2. Ngoại ngữ thứ 2: có một trong năm thứ tiếng đạt trình độ: a) Tiếng Pháp: đạt từ DELF A2 trở lên; b) Tiếng Nhật: đạt từ JLPT N4 trở lên; c) Tiếng Nga: đạt từ TRKI 1 trở lên; d) Tiếng Trung: đạt từ HSK 3 trở lên; đ) Tiếng Đức: đạt từ ZD trở lên; e) Nếu SV không đạt năng lực Ngoại ngữ thứ 2 của một trong năm thứ tiếng theo quy định nêu trên thì chuẩn trình độ tiếng Anh phải đạt từ 7,0 IELTS trở lên [H22.22.01.09].

Để tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, trong quá trình SV học tập Trường đã chủ động xét kết quả học tập của SV và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Phòng Đào tạo cho những SV bị cảnh báo học vụ và SV bị cảnh báo học vụ 02 lần liên tiếp sau mỗi học kì của năm học [H22.22.01.10].

Để hỗ trợ cho SV bị cảnh báo học vụ, Trường giao cho các Khoa, CVHT chủ động gặp trực tiếp SV để nhắc nhở và tư vấn về tiến độ học tập, lộ trình đăng ký học phần. SV sau 2 lần được Trường cảnh báo học vụ, nếu không cải thiện được kết quả sẽ bị buộc thôi học theo quy chế [H22.22.01.11]. Với những SV bị buộc thôi học do bị cảnh báo

học vụ, Trường cho phép SV đại học chính quy được chuyển sang học hình thức vừa làm vừa học ở ngành phù hợp. Đồng thời, vấn đề SV không đạt các học phần cũng được báo cáo tại cuộc họp Hội đồng xét tốt nghiệp [H22.22.01.12]. Để nâng cao kết quả học tập của những học phần có điểm D, D⁺ hoặc điểm F, Trường tổ chức học kì phụ để SV học lại hoặc học cải thiện điểm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4,5/7

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường ĐH Luật Tp.HCM tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm 2009, hoạt động đào tạo được thực hiện theo khoá học, năm học và học kỳ. Khoá học là thời gian thiết kế để SV hoàn thành một chương trình cụ thể. Thời gian của một khoá học, được quy định tùy thuộc vào trình độ, ngành đào tạo và hình thức đào tạo. Thời gian thực hiện các CTĐT được Trường quy định và công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học tại thời điểm tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa học, các quy định về công tác đào tạo, CTĐT được tích hợp trong Sổ tay SV [H22.22.02.01]. Trong quá trình thực hiện, những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến CTĐT (nếu có) được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, đảm bảo nguyên tắc không gây tác động bất lợi cho SV.

Theo quy chế đào tạo hiện hành, thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy đơn ngành là 4 (bốn) năm, gồm 8 (tám) học kỳ; song ngành là 5 (năm) năm, gồm 10 (mười) học kỳ. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng CTĐT. Thời gian tối đa để SV hoàn thành khóa học theo quy định không vượt quá 2 (hai) lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo [H22.22.02.02].

Bảng 22.2.1. Thời gian đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Trường ĐH Luật Tp.HCM

Trình độ đào tạo chính quy	Thời gian thiết kế	Thời gian học tập tối đa
Đại học (các ngành)	4 năm	8 năm

Trình độ đào tạo chính quy	Thời gian thiết kế	Thời gian học tập tối đa
Đại học (ngành Quản trị - Luật)	5 năm	10 năm
Liên thông đối với người có bằng đại học khác (văn bằng 2)	2,5 năm	5 năm

Trong kế hoạch hoạt động đào tạo của Trường, thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT được xác lập. Dự đoán tỷ lệ người học tốt nghiệp ở các ngành từ 30% đến 90% [H22.22.02.02]. Tương tự tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của SV cũng được Phòng Đào tạo thực hiện và trình cho Hội đồng tốt nghiệp [H22.22.02.03]. Nhìn chung, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn tương đối cao (khóa trúng tuyển năm 2013 là 77,98%, khóa trúng tuyển năm 2014 là 85,62, khóa trúng tuyển năm 2015 là 75,56%, khóa trúng tuyển năm 2016 là 80,13% và khóa trúng tuyển năm 2017 là 60,69%) [H22.22.02.04], đồng nghĩa với việc các chính sách quản lý của Trường và sự hỗ trợ SV tương đối kịp thời và hiệu quả.

Bảng 22.2.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV

Bảng 22.2.2a. Đối với chương trình đào tạo 5 năm

Năm nhập học	Số năm tốt nghiệp theo chương trình đào tạo thiết kế	Số năm tốt nghiệp trung bình	Số năm tối đa tốt nghiệp
2013	5 năm	4.90 năm	8 năm
2014	5 năm	4.84 năm	8 năm
2015	5 năm	4.81 năm	8 năm
2016	5 năm	4.88 năm	8 năm
2017	5 năm	4.98 năm	8 năm

Bảng 22.2.2b. Đối với chương trình đào tạo 4 năm

Năm nhập học	Số năm tốt nghiệp theo chương trình đào tạo thiết kế	Số năm tốt nghiệp trung bình	Số năm tối đa tốt nghiệp
2013	4 năm	3.90 năm	6 năm
2014	4 năm	3.84 năm	6 năm
2015	4 năm	3.79 năm	6 năm
2016	4 năm	3.90 năm	6 năm
2017	4 năm	4.01 năm	6 năm

Bảng 22.2.2c. Đối với chương trình đào tạo 2,5 năm

Năm nhập học	Số năm tốt nghiệp theo CTĐT thiết kế	Số năm tốt nghiệp trung bình	Số năm tối đa tốt nghiệp
2015 (Đợt 1)	2,5 năm	2.74 năm	5 năm
2015 (Đợt 2)	2,5 năm	2.78 năm	5 năm
2016 (Đợt 1)	2,5 năm	2.78 năm	5 năm
2016 (Đợt 2)	2,5 năm	2.83 năm	5 năm
2017 (Đợt 1)	2,5 năm	2.90 năm	5 năm
2017 (Đợt 2)	2,5 năm	2.74 năm	5 năm

Nhằm đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của Trường trong mối tương quan với các cơ sở giáo dục khác và tương quan giữa các CTĐT của Trường, Trường thực hiện việc đối sánh thời gian tốt nghiệp giữa các CTĐT của Trường, với các CTĐT tương ứng trong nước. Trong 05 khóa SV tốt nghiệp của Trường, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành có thời gian đào tạo 5 năm dao động từ 4,81 đến 4,98 năm, của SV các ngành có thời gian đào tạo 4 năm dao động từ 3,79 đến 4,01 năm, và của SV các ngành có thời gian đào tạo 2,5 năm dao động từ 2,74 đến 2,90 năm (văn bản 2). Với thời gian tốt nghiệp trung bình này, có thể khẳng định hoạt động đào tạo trình độ đại

học, hình thức chính quy tại Trường ĐH Luật Tp.HCM đã được tổ chức đào tạo hiệu quả và đảm bảo đúng quy chế, quy định về công tác đào tạo.

Bảng 22.2.3. Đối sánh thời gian tốt nghiệp của Trường ĐH Luật Tp.HCM

Ngành	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
Luật	3,90	3,84	3,79	3,90	4,01
Luật Thương mại quốc tế	3,90	3,84	3,79	3,90	4,01
Quản trị - Luật	4,90	4,84	4,81	4,88	4,98
Quản trị kinh doanh	3,90	3,84	3,79	3,90	4,01
Ngôn ngữ Anh	3,90	3,84	3,79	3,90	4,01

Từ bảng đối sánh trên cho thấy, năm 2017, SV trúng tuyển năm 2012 và 2013 (tốt nghiệp năm 2017) có thời gian tốt nghiệp từ 3,90 năm đến 4,90 năm. Năm 2018, với việc áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo; việc quản lý đào tạo, việc giảng dạy, học tập theo học chế tín chỉ đã có những cải tiến nên thời gian tốt nghiệp đã giảm xuống, từ trung bình 3,90 năm (năm 2017) xuống 3,84 năm (năm 2018). Năm 2019, thời gian tốt nghiệp tiếp tục đã giảm xuống, từ trung bình 3,84 năm (năm 2018) xuống 3,79 năm (năm 2019). Tuy nhiên, đến năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên thời gian tốt nghiệp của SV tăng từ 3,79 năm (năm 2019) lên 3,90 năm (năm 2020) và 4,01 năm (năm 2021).

Nhằm cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của các CTĐT, Trường đã thực hiện nhiều biện pháp cụ thể như:

- Thứ nhất, về tổ chức học tập: mở các lớp học kì phụ trong dịp hè để giúp SV hoàn thành CTĐT đúng hạn, hoặc/ và đào tạo cùng lúc 2 CTĐT (liên thông giữa các ngành) để khuyến khích SV khá, giỏi theo học **[H22.22.02.05]**;

- Thứ hai, về hỗ trợ, tư vấn cho người học: Trường đã yêu cầu các CVHT tư vấn sát sao việc đăng kí học lại, học cải thiện của SV; Tăng cường đầu tư thư viện, phát triển các nguồn học liệu truyền thống và học liệu số, tính đến năm 2021 hiện tại Trường có

21.148 giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện; Phát triển số lượng, chất lượng đội ngũ GV hằng năm: Năm 2017, số lượng GV của Trường là 295 GV cơ hữu (01 Giáo sư, 12 Phó Giáo sư - Tiến sĩ, 46 tiến sĩ, 183 thạc sĩ), đáp ứng 82.03% GV có trình độ sau đại học; Năm 2018, số lượng GV của Trường là 297 GV cơ hữu (01 Giáo sư, 17 Phó Giáo sư - Tiến sĩ, 43 tiến sĩ, 204 thạc sĩ), đáp ứng 89.26% GV có trình độ sau đại học; Năm 2019, số lượng GV của Trường là 237 GV cơ hữu (16 Phó Giáo sư - Tiến sĩ, 49 tiến sĩ, 159 thạc sĩ), đáp ứng 94.51% GV có trình độ sau đại học; Năm 2020, số lượng GV của Trường là 271 GV cơ hữu (17 Phó Giáo sư - Tiến sĩ, 56 tiến sĩ, 182 thạc sĩ), đáp ứng 94.01% GV có trình độ sau đại học; và năm 2021, số lượng GV của Trường là 277 GV cơ hữu (17 Phó Giáo sư - Tiến sĩ, 55 tiến sĩ, 201 thạc sĩ), đáp ứng 98.56% GV có trình độ sau đại học [H22.22.02.06].

- Thứ ba, đẩy mạnh hoạt động NCKH trong SV: Giai đoạn 2017-2022 đã có 647 đề tài được SV đăng ký và thực hiện, trong đó nhiều đề tài đạt giải tài năng khoa học trẻ cấp Bộ và giải thưởng Eureka cấp Thành. Số lượng đề tài NCKH của SV tăng qua hằng năm: Năm 2017, có 131 đề tài; Năm 2018, có 116 đề tài; Năm 2019, có 125 đề tài; và năm 2020 có 178 đề tài. Ngoài ra, trong giai đoạn này, Hiệu trưởng cũng đã chỉ đạo Đoàn trường xuất bản Tạp chí SV và Khoa học pháp lý với 03 tháng/số.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường ĐH Luật Tp.HCM luôn quan tâm tới tình hình việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp. Trong kế hoạch hoạt động đào tạo từng năm học, tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp được xác lập. Dự đoán tỷ lệ người học có việc làm ở các ngành từ 85% đến 98%, trong đó có những ngành được dự đoán tỷ lệ người học có việc làm tương đối cao như ngành Ngôn ngữ Anh là 98%, ngành Quản trị - Luật và Luật là 95%, có ngành được dự đoán có tỷ lệ người học tỷ lệ người học có việc làm thấp hơn như ngành Quản trị kinh doanh là 85%. Việc theo dõi, giám sát tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 01 năm sau tốt nghiệp do đơn vị chuyên trách là Trung tâm QHDN&HTSV chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo, các khoa thực hiện. Để khảo sát tình hình việc làm của SV trình độ trình độ đại học hình thức chính quy sau 01 năm tốt

nghiệp của 03 khóa gần nhất (tốt nghiệp năm 2018, 2019 và 2020), Trường đã ban hành Kế hoạch số 655/KH-ĐHL ngày 13/8/2019 về việc thực hiện khảo sát việc làm của SV khóa 39 và Quản trị Luật khóa 38; Kế hoạch số 599/KH-ĐHL ngày 22/6/2020 về việc khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp; Kế hoạch số 572/KH-ĐHL ngày 26/8/2021 về việc khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp [H22.22.03.01]. Số lượng người học sau 01 năm tốt nghiệp được khảo sát được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Bảng 22.3.1 Bảng khảo sát số lượng người học sau 01 năm tốt nghiệp

Nội dung	SV tốt nghiệp năm				
	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng cựu SV các khóa được khảo sát	1.200	1.200	1.322	1.431	Đang thực hiện
Số lượng cựu SV các khóa được khảo sát phản hồi	497	486	617	649	Đang thực hiện
Các ngành có SV tốt nghiệp	1. Luật; 2. Quản trị - Luật; 3. Quản trị kinh doanh; 4. Ngôn ngữ Anh				1. Luật; 2. Quản trị - Luật; 3. Quản trị kinh doanh; 4. Ngôn ngữ Anh; 5. Luật Thương mại quốc tế

Bảng 22.3.2. Thống kê tỷ lệ có việc làm của SV sau 1 (một) năm tốt nghiệp năm 2017, 2018, 2019 và 2020

Ngành	Năm tốt nghiệp			
	2017	2018	2019	2020
Luật	93,0%	96,0%	94,7%	92,5%

Ngành	Năm tốt nghiệp			
	2017	2018	2019	2020
Luật Thương mại quốc tế	Chưa có SV tốt nghiệp			
Quản trị - Luật	97,0%	96,0%	96,0%	90,0%
Quản trị kinh doanh	96,0%	93,0%	91,3%	94,2%
Ngôn ngữ Anh	96,0%	89,0%	100%	100%
Trung bình:	93,8%	93,0%	90,3%	92,4%

Theo đó, tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc sau 01 năm tốt nghiệp như sau: Năm 2017, tỷ lệ SV có việc làm là 93,8%; năm 2018, tỷ lệ SV có việc làm là 93,0%; năm 2019, tỷ lệ SV có việc làm là 90,3% và năm 2020, tỷ lệ SV có việc làm là 92,4%. Trong đó, có những ngành tỷ lệ SV có việc làm rất cao như ngành Ngôn ngữ Anh (năm 2019 và năm 2020 là 100%), ngành Quản trị - Luật và Luật (trên 92%). Mặt khác, tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo sau 01 năm tốt nghiệp cụ thể như sau: Năm 2017, tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo là 63,4%; năm 2018, tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo là 55,4%; năm 2019, tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo là 63,13%; năm 2020, tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo là 60,5% [H22.22.03.02]. Kết quả khảo sát này cho thấy, tỷ lệ có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của SV là rất tốt.

Nhằm đánh giá tương quan tỷ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, Trường đã thực hiện việc đối sánh tỷ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp với các cơ sở giáo dục khác và giữa khóa trước với khóa sau của cùng CTĐT. Theo đó, tỷ lệ SV khóa tốt nghiệp năm 2019 và 2020 của ngành Ngôn ngữ Anh có việc làm cao hơn nhiều so với tỷ lệ có việc làm khóa tốt nghiệp năm 2018. Trong khi đó, tỷ lệ SV khóa tốt nghiệp năm 2019 ngành Quản trị kinh doanh có việc làm thấp hơn một chút so với tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm khóa tốt nghiệp năm 2017 và năm 2018. Mặt khác, Trường còn đối sánh tỷ lệ có việc làm của SV của một số ngành của Trường sau khi tốt nghiệp với cơ sở giáo dục khác như đối sánh với Trường ĐH Luật Hà Nội [H22.22.03.03]¹.

¹ Căn cứ vào Đề án tuyển sinh công bố của 2 Trường

Bảng 22.3.3. Đối sánh tỷ lệ việc làm của SV tốt nghiệp năm 2018, 2019 và 2020 của một số ngành đào tạo

Ngành	Tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp năm 2018		Tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp năm 2019		Tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp năm 2020	
	Trường Đại học Luật TP. HCM	Trường Đại học Luật Hà Nội	Trường Đại học Luật TP. HCM	Trường Đại học Luật Hà Nội	Trường Đại học Luật TP. HCM	Trường Đại học Luật Hà Nội
Luật	96,00%	75,36%	94,70%	88,59%	92,50%	75,80%
Ngôn ngữ Anh	89,00%	75,36%	100%	98,21%	100%	75,80%

Như vậy, năm 2019, tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Luật Hà Nội tương đương tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của Trường ĐH Luật Tp.HCM, còn tỷ lệ có việc làm ngành Luật của Trường ĐH Luật Tp.HCM cao hơn tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của Trường ĐH Luật Hà Nội. Năm 2020, tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của ngành Luật và ngành Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Luật Tp.HCM cao hơn tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của Trường ĐH Luật Hà Nội.

Nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, trong thời gian qua Trường ĐH Luật Tp.HCM đã không ngừng tăng cường các mối quan hệ giữa Trường, doanh nghiệp và SV; Trường đã tiến hành ký kết các Hợp đồng hợp tác/ các biên bản ghi nhớ với đơn vị sử dụng nhân lực, thông tin tuyển dụng của các đơn vị luôn được đăng tải trên website của Trường tại địa chỉ <https://htdn.hcmulaw.edu.vn/>; Trường đã thường xuyên mời các chuyên gia về tuyển dụng đề tư vấn cho SV phương pháp trả lời phỏng vấn, làm hồ sơ xin việc; tổ chức cuộc thi khởi nghiệp để nâng cao tinh thần khởi nghiệp cho SV, tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 374/KH-ĐHL ngày 16/5/2018 về việc Triển khai thực hiện đề án “Hỗ trợ học sinh, SV khởi nghiệp đến năm 2025” của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H22.22.03.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường ĐH Luật Tp.HCM luôn quan tâm đến việc ĐGCL đào tạo đối với người học sau tốt nghiệp. Hằng năm, Trường đều có kế hoạch khảo sát cựu SV sau 1 năm tốt nghiệp và giao cho Trung tâm QHDN&HTSV là đơn vị chủ trì thực hiện [H22.22.04.01]. Bên cạnh đó, việc khảo sát mức độ hài lòng của cựu SV về chất lượng của người học tốt nghiệp các CTĐT của Trường cũng được tổ chức thực hiện đồng thời với khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp. Khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị sử dụng nhân lực và GV, cán bộ quản lý về chất lượng của người học tốt nghiệp các CTĐT của Trường do Trung tâm QHDN&HTSV, Trung tâm ĐBCL&PPGD, các khoa chuyên môn phối hợp tiến hành. Theo đó, việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp các CTĐT của Trường theo quy trình sau:

- ❖ **Bước 1:** Trung tâm giới thiệu hoạt động này và tiến hành lấy thông tin việc làm của SV trong buổi lễ tốt nghiệp các lớp chính quy;

- ❖ **Bước 2:** Lập, thống kê danh sách các SV được gửi phiếu khảo sát theo đường bưu điện, qua email...: Trung tâm phối hợp với các đơn vị trong trường như Phòng Đào tạo, Đoàn trường - Hội SV tiến hành thống kê lập danh sách địa chỉ thường trú của các SV từ dữ liệu hồ sơ đầu vào của SV để tiến hành gửi các thư ngỏ, phiếu khảo sát về cho gia đình các SV.

- ❖ **Bước 3:** Gửi email, thư ngỏ và phiếu khảo sát đến SV, gia đình SV: từ những thông tin, địa chỉ thường trú của SV thu thập được, Trung tâm tiến hành gửi các hồ sơ khảo sát gồm: thư ngỏ, mẫu phiếu khảo sát (đối với SV). Ngoài ra Trung tâm còn phối hợp với Trung tâm CNTT, Đoàn trường, Hội SV trường tiến hành đăng tải kế hoạch và mẫu phiếu thực hiện khảo sát trên trang website, các mạng xã hội của Trường và Đoàn trường, Hội SV trường để các SV có thể tải xuống và thực hiện khảo sát dễ dàng.

- ❖ **Bước 4:** Thực hiện khảo sát qua mạng và điện thoại: Trung tâm đã tiến hành xây dựng mẫu khảo sát việc làm SV trên website Trường, Trung tâm và các mạng xã hội. Đồng thời, xác định trọng tâm khảo sát thông qua gọi điện thoại di động cho các cựu SV.

❖ **Bước 5:** Tổng hợp, thống kê, phân tích các phiếu khảo sát được gửi về: trên cơ sở các phiếu khảo sát gửi về Trung tâm thực hiện việc thống kê các dữ liệu và tiến hành phân tích đánh giá và đưa ra các đề xuất kiến nghị với Trường xây dựng kế hoạch khắc phục, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, bổ sung minh chứng báo cáo Tự đánh giá hàng năm và báo cáo Bộ GD&ĐT...) [H22.22.04.02].

Việc khảo sát được tiến hành dưới nhiều hình thức khác nhau, như gửi qua bưu điện, hỏi qua điện thoại, thông qua zalo, viber, skype, tin nhắn facebook. Tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp các CTĐT của Trường bao gồm: sự hài lòng về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm/thái độ của người học sau tốt nghiệp; mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người học sau tốt nghiệp; mức độ hài lòng về kết quả học tập của người học. Năm 2020, qua kết quả khảo sát cựu SV về chất lượng của người học tốt nghiệp các CTĐT của Trường, có 19,0% người được hỏi đánh giá người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng cần thiết đáp ứng nhu cầu công việc cao, có 66,7% người được hỏi đánh giá người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc; và 12,0% người được hỏi đánh giá người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng cần thiết đáp ứng nhu cầu công việc không cao. Đánh giá khả năng thích ứng của SV tốt nghiệp Trường ĐH Luật Tp.HCM hiện đang làm việc tại đơn vị cho thấy: có 85,7% cựu SV tự đánh giá đã đáp ứng được yêu cầu công việc, trong đó 19,0% cựu SV đánh giá mức độ đáp ứng cao yêu cầu công việc... [H22.22.04.03]. Như vậy, mức độ hài lòng của cựu SV về chất lượng đào tạo của Trường có sự tương đồng với Trường ĐH Luật Hà Nội (*theo tìm hiểu, chúng tôi được biết tỷ lệ SV của Trường ĐH Luật Hà Nội hài lòng về chất lượng đào tạo từ 70,00% đến 90%, hài lòng về cung cấp kiến thức, kỹ năng từ 60,0% đến 90,0%*) [H22.22.04.04].

Thực tế cho thấy rằng, thông qua các hội thảo, tọa đàm phát triển ngành Luật tại Trường ĐH Luật Tp.HCM, đại diện các cơ quan, doanh nghiệp phần lớn đều đánh giá SV của Trường rất năng động, và đáp ứng nhu cầu công việc. ĐV SDLĐ và GV nhìn chung đánh giá cao chất lượng của người học tốt nghiệp các CTĐT của Trường, đặc biệt là SV ngành Quản trị - Luật. Qua khảo sát lấy ý kiến đánh giá của ĐV SDLĐ đối với SV đang làm việc tại đơn vị cho thấy, có 94,9 % đơn vị thực hiện khảo sát hài lòng về chất lượng SV tốt nghiệp từ Trường; có 59% ĐV SDLĐ đánh giá SV tốt nghiệp trường

Luật có khả năng thích ứng nhanh với công việc thực tế khi bắt đầu làm việc tại các ĐV SDLĐ; và có 92,3% SV tốt nghiệp làm ở bộ phận đúng với chuyên ngành được đào tạo [H22.22.04.05].

Những thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp các CTĐT của Trường được sử dụng trong việc điều chỉnh mục tiêu đào tạo, CDR, khung CTĐT, hoạt động giảng dạy của GV. Theo đó, để nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp các CTĐT, qua nghiên cứu, tham khảo ý kiến của các bên liên quan, Trường đã điều chỉnh CTĐT, hình thức tổ chức dạy học, hình thức tổ chức thực tập. Cụ thể, với việc có hơn 50% ý kiến của cựu SV phản hồi còn hạn chế về năng lực ngoại ngữ, nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho người học để họ có thể đạt được CDR ngoại ngữ (tương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam), trong CTĐT áp dụng từ khóa trúng tuyển năm 2020, Phòng Đào tạo đã tham mưu Hiệu trưởng và Hội đồng HĐ KH&ĐT nâng CDR trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế của SV hệ chính quy trình độ đại học theo học các ngành đào tạo của Trường lên 50 điểm. Theo đó, tùy theo Khoa/ ngành/ CTĐT mà SV theo học, trình độ tiếng Anh của SV phải đạt từ 500-650 điểm theo chuẩn TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương). Cụ thể: từ khóa tuyển sinh năm 2020 trở về sau, để được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân, trình độ tiếng Anh (hoặc Ngoại ngữ thứ 2) của SV phải đạt chuẩn TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương; chuẩn trình độ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) như sau: SV ngành Luật Thương mại quốc tế, ngành Quản trị - Luật và ngành Quản trị kinh doanh phải đạt tối thiểu 550 điểm; SV ngành Luật phải đạt tối thiểu từ 500 đến 550 điểm tùy theo khoa (Hành chính: tối thiểu 450 điểm; Khoa Luật Hình sự: tối thiểu 500 điểm; Khoa Luật Dân sự và Quốc tế: tối thiểu 520 điểm; Khoa Luật Thương mại: tối thiểu 550 điểm). Riêng SV các lớp CLC ngành Luật, ngành Quản trị - Luật và ngành Quản trị kinh doanh phải đạt tối thiểu từ 650 điểm.

Nhằm tạo điều kiện cho SV hoàn thành được CDR về trình độ tiếng Anh, Nhà trường đã liên kết với Anh văn Hội Việt Mỹ (VUS), Hệ thống Trường Việt - Mỹ (VASS) triển khai đào tạo tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế ngay tại trường ở cả 2 cơ

sở (*Nguyễn Tất Thành và Bình Triệu*), với những ưu đãi về học phí.² Tính đến ngày 31/12/2021, VUS và VASS đã tham gia kiểm tra trình độ, xếp lớp và đào tạo cho 20.323 SV hệ của Trường, trong đó có 13.382 SV văn bằng 1 và 6.941 SV văn bằng 2. Đồng thời, để tạo điều kiện cho SV trong quá trình theo học có nhu cầu đánh giá trình độ tiếng Anh của mình, Nhà trường đã liên kết với Công ty Đầu tư quốc tế (tên tiếng Anh: International Investment Group) (viết tắt là IIG Việt Nam), đại diện chính thức của Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ (ETS) tại Việt Nam tổ chức đăng ký, thi và trả kết quả TOEIC quốc tế tại Trường cho SV³. Tính từ tháng 11/2012 đến tháng 12/2021, Nhà trường đã liên kết với IIG Việt Nam tổ chức 116 đợt thi và cấp phiếu kết quả thi cho 27.432 lượt SV đăng ký dự thi TOEIC Tại trường.

Có thể nói, với việc liên kết đào tạo và tổ chức thi, đánh giá trình độ tiếng Anh theo chuẩn quốc tế cho SV tại Trường đã góp phần chuẩn hóa và nâng cao trình độ ngoại ngữ cho SV trong quá trình theo học, góp phần tăng cường kỹ năng sử dụng ngoại ngữ cho SV sau khi tốt nghiệp ra trường, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp và hội nhập quốc tế. Sau 9 năm áp dụng CDR ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế, tỷ lệ SV đủ điều kiện về ngoại ngữ để tốt nghiệp và được cấp bằng đúng thời hạn không ngừng tăng cao, từ 53.05% vào năm 2012 lên 80.57% vào năm 2020.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 22

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Thứ nhất, Trường đã có các quy định cụ thể về đào tạo, đánh giá từ đầu vào, quá trình học đến khi tốt nghiệp đảm bảo tính công bằng, tin cậy và được công bố công khai cho SV vào đầu khóa học, năm học.

- Thứ hai, Trường có thực hiện việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm của người học sau tốt nghiệp giữa năm trước, năm sau của cùng CTĐT; giữa các CTĐT của Trường; với CTĐT tương ứng. Tỷ lệ tốt nghiệp khá cao thể hiện

² Khi tham gia học tiếng Anh tại Trung tâm Anh ngữ liên kết, SV chỉ đóng học phí bằng 60% so với mức học phí nếu đăng ký học cùng Trung tâm của VASS nhưng ở bên ngoài trường.

³ Khi đăng ký thi TOEIC tại Trường, SV chỉ phải đóng lệ phí bằng 90% so với mức lệ phí của IIG áp dụng cho các thí sinh thi tại các Trung tâm bên ngoài trường.

được chính sách quản lý của Trường có hiệu quả và chất lượng đào tạo của Trường đã được kiểm soát chặt chẽ.

- Thứ ba, Trường có biện pháp cải tiến chất lượng nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp, rút ngắn thời gian tốt nghiệp cho SV nên thời gian gian tốt nghiệp trung bình của SV ở các CTĐT nhìn chung tiệm cận với thời gian tốt nghiệp theo chương trình thiết kế.

- Thứ tư, Trường có đơn vị quản lý và triển khai hệ thống lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; đã thiết lập nhiều kênh thông tin để lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan;

- Thứ năm, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, tỷ lệ có việc làm của người học sau tốt nghiệp được xác lập, được theo dõi và giám sát;

- Thứ sáu, tỷ lệ SV có việc làm của Trường sau 01 năm tốt nghiệp khá cao, đều đạt trên 89,00% trở lên. Để nâng cao tỷ lệ có việc làm, Trường có biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV;

- Thứ bảy, ý kiến phản hồi của SV thực hiện cuối mỗi học phần và được tổng hợp, phân tích và đánh giá để cải thiện chất lượng dạy và học; ý kiến phản hồi của cựu SV được thực hiện sau mỗi khóa tốt nghiệp và đã được Trường sử dụng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Thứ nhất, SV ngành Ngôn ngữ Anh có số lượng và tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm chưa cao, do đây là ngành đào tạo Trường yêu cầu CDR ngoại ngữ tương đối cao so với các ngành khác trong trường cũng như cùng ngành ở ngoài trường;

- Thứ hai, các hình thức hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV chưa thực sự đa dạng, và phong phú. Mặt khác, chưa thu hút được các đơn vị sử dụng nhân lực đến Trường để tuyển dụng nhân sự đặc biệt là ở khối ngành Kinh tế, và ngôn ngữ;

- Thứ ba, việc thu thập dữ liệu đánh giá SV tốt nghiệp của Trường ở đơn vị sử dụng nhân lực còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại 1	Xây dựng đội ngũ tư vấn viên thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ SV có trình độ ngoại ngữ còn hạn chế trong quá trình học tập ngay từ năm thứ nhất.	Phòng Đào tạo, Khoa Ngoại ngữ pháp lý, Trung tâm QHDQ&HTSV, trợ lý khoa, SV có học lực giỏi.	Thường xuyên	
2	Khắc phục điểm tồn tại 2	Cần tổ chức ngày hội việc làm tại ULAW để thu hút các đơn vị sử dụng nhân lực đến Trường để tuyển dụng nhân sự.	Trung tâm QHDQ&HTSV, Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội SV Việt Nam các cấp trong trường.	Hàng năm	
3	Khắc phục điểm tồn tại 3	Triển khai việc lấy ý kiến đánh giá của đơn vị sử dụng nhân lực đối với SV tốt nghiệp của Trường.	Trung tâm QHDQ&HTSV (chủ trì); Phối hợp với các ĐV có liên quan toàn Trường	Hàng năm (sau khi SV tốt nghiệp)	
		Tổ chức Hội nghị, hội thảo chuyên đề ĐGCL đào tạo của SV tốt nghiệp; Phòng vấn sâu nhà tuyển dụng.	Các khoa/ bộ môn		

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 22</i>	5
Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	5
Tiêu chí 22.3	5
Tiêu chí 22.4	5

TIÊU CHUẨN 23. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhiệm vụ NCKH được xem là nhiệm vụ quan trọng, then chốt trong chiến lược phát triển của Trường ĐH Luật Tp.HCM. Để xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động NCKH theo đúng sứ mạng phát triển của Nhà trường, Trường ĐH Luật Tp.HCM đã xây dựng chiến lược phát triển hoạt động NCKH nằm trong đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐH Luật Tp.HCM đến năm 2020 của Nhà Trường nói chung [H23.23.01.01].

Để cán bộ và GV dễ dàng lựa chọn các loại hình nghiên cứu phù hợp với khả năng, điều kiện của bản thân, nhà trường đã quy định các hoạt động NCKH cụ thể sử dụng trong việc quy đổi và tính định mức NCKH tại Quy định về chế độ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ về việc riêng của công chức, cán bộ và NLD [H23.23.01.02]. Tuy nhiên, sau một thời gian dài áp dụng, Nhà trường nhận thấy cần thiết phải có những quy định riêng và đa dạng hơn. Do đó, vào tháng 7/2018, Nhà trường đã ban hành Quy định về NCKH đối với GV của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H23.23.01.03]. Theo đó, cán bộ, GV, nhân viên toàn trường có thể chủ động chọn các hình thức nghiên cứu nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và phát triển của cá nhân, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về định mức và tiêu chuẩn thực hiện hoạt động NCKH tại Nhà trường cũng như của Bộ GD&ĐT đã đề ra. Theo các quy định này, hiện tại định mức giờ NCKH cho một GV

của nhà trường có mức tối thiểu là 587 tiết/năm. Nhà trường yêu cầu GV phải dành 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc của mình để NCKH. Để đảm bảo số giờ này, giờ nghiên cứu được quy đổi từ nhiều hình thức hoạt động khoa học như viết bài hội thảo, hội nghị các cấp, bài báo khoa học, nghiên cứu thực hiện đề tài các cấp, tham gia các hoạt động khoa học khác của Trường...

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành quy định về thưởng cho các tác giả có bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí uy tín trên thế giới [H23.23.01.04]. Điều này đã góp phần tạo động lực đáng kể cho cán bộ, GV Nhà trường từng bước nâng cao chất lượng của hoạt động NCKH.

Song song với việc đẩy mạnh và khuyến khích cán bộ và GV nhà trường chủ động tham gia NCKH thì Nhà trường còn xây dựng Quy định về thành lập nhóm nghiên cứu [H23.23.01.05]. Điều này sẽ góp phần nâng cao đáng kể chất lượng và số lượng các đề tài nghiên cứu trọng điểm hiện có.

Trong môi trường giáo dục đại học việc viết giáo trình, tập bài giảng, đề cương bài giảng cũng như các sách chuyên khảo, tham khảo phục vụ cho giảng dạy và nghiên cứu cũng được nhà trường quan tâm sâu sắc. Hiện nay, Nhà trường cũng có những quy định cụ thể nhằm quy định rõ loại hình, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc viết và xuất bản sách [H23.23.01.06].

Tại Trường ĐH Luật Tp.HCM, Phòng QL NCKH&HTQT là đơn vị được nhà trường giao nhiệm vụ chính trong việc quản lý, giám sát, hỗ trợ góp phần tạo hành lang thông thoáng cho các hoạt động NCKH của cán bộ, GV nhà trường.

Để đảm bảo giám sát việc thực thi hoạt động NCKH, Nhà trường cũng xây dựng các quy chuẩn ISO tương ứng với từng hoạt động nhằm cụ thể hóa các bước thực hiện, tạo điều kiện cho cán bộ, GV Nhà trường dễ dàng tiếp cận với các hoạt động NCKH tại Nhà trường [H23.23.01.07].

Để xây dựng và thường xuyên cập nhật số liệu cho cơ sở dữ liệu về loại hình nghiên cứu và khối lượng nghiên cứu đạt được của GV, cán bộ nghiên cứu, hàng năm nhà trường thông báo và thực hiện thống kê giờ NCKH của GV [H23.23.01.08]. Theo hướng dẫn của Phòng QL NCKH&HTQT, các đơn vị triển khai việc kê khai giờ NCKH và quy đổi theo Quy định về NCKH của Nhà trường. Sau đó, Phòng QL NCKH&HTQT tổ chức

hoạt động kiểm tra việc kê khai này để đảm bảo việc kê khai và đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy, chính xác.

Trên cơ sở việc thống kê giờ NCKH và việc kê khai niên giám hàng năm, nhà trường nắm giữ thông tin và xây dựng, hình thành cơ sở dữ liệu được cập nhật về loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng GV.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV được xây dựng thông qua các hoạt động kê khai giờ NCKH của GV, kết quả nghiệm thu các sản phẩm, nhiệm vụ KH-CN, các bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học, bài viết đăng trong các kỷ yếu hội thảo, hội nghị các cấp...

Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể, được công bố, công nhận hoặc nghiệm thu trong năm, bao gồm: Bài báo khoa học đã được công bố; báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia, quốc tế; chương trình, đề tài NCKH, dự án KH-CN và các sản phẩm KH-CN khác đã được nghiệm thu; sách, giáo trình, tập bài giảng phục vụ đào tạo đã được xuất bản [H23.23.01.09].

Hàng năm, cán bộ, GV thống kê kết quả hoạt động NCKH của mình và đây là một trong những căn cứ chính để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Mức quy đổi các khâu công tác NCKH được quy định cụ thể trong Quy định về NCKH của nhà trường và quy trình quản lý khối lượng NCKH của GV, trong đó quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị liên quan từ cấp Khoa, chủ nhiệm đề tài, Phòng QL NCKH&HTQT và phòng Tài chính – Kế toán.

Hoạt động đối sánh, đánh giá về chất lượng, khối lượng nghiên cứu của GV nhà trường cũng được thể hiện rõ trong báo cáo hoạt động khoa học công nghệ hàng năm của nhà trường [H23.23.01.10]. Cũng thông qua các báo cáo đó cho thấy số lượng chất lượng các đề tài NCKH tăng lên đáng kể. Cụ thể, số lượng các đề tài NCKH nghiệm thu được đánh giá loại khá và xuất sắc tăng so với những năm trước. Các đề tài các cấp về cơ bản đều nghiên cứu những vấn đề liên quan đến các chuyên ngành đào tạo, các hoạt động xoay quanh phục vụ cho sự phát triển của Nhà trường hoặc vấn đề đang được xã hội quan tâm.

Trường ĐH Luật Tp.HCM đã cơ bản đã xác lập được loại hình và khối lượng nghiên cứu của cán bộ và GV. Đồng thời cũng xây dựng được cơ chế giám sát và đối sánh để cải tiến hoạt động này từng bước nâng cao năng lực NCKH (NCKH) nội tại của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.2 Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Tham gia NCKH là một trong những nhiệm vụ và quyền lợi của SV. Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí xác định một trong những giải pháp cần thực hiện để đảm bảo mục tiêu phát triển KHCN trong SV là có cơ chế thông thoáng và tạo điều kiện thuận lợi cho SV dễ dàng tiếp cận với hoạt động NCKH. Điều này góp phần khá quan trọng trong công tác giáo dục và đào tạo của Nhà trường. Chính vì vậy Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học của nhà trường đã quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng NCKH mà người học thực hiện [H23.23.02.01]. Các hình thức NCKH của SV được thể hiện qua việc viết bài đăng trên các ấn phẩm NCKH, tham gia thực hiện nghiên cứu các đề tài NCKH các cấp và các hoạt động NCKH khác trong nước, tham gia các giải thưởng, cuộc thi dành cho SV, tham dự Hội thảo khoa học các cấp...

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch hoạt động NCKH của SV [H23.23.02.02]; Trên cơ sở đó, các Khoa chuyên môn và Đoàn trường sẽ được phân công tổ chức các buổi tư vấn trực tiếp cho SV tại “Ngày hội phát động phong trào NCKH SV” toàn trường [H23.23. 02.03]. Tại đây, SV có cơ hội được tìm hiểu, giải đáp thắc mắc về những khó khăn và cách giải quyết khi tiến hành nghiên cứu. Bên cạnh đó, GV sẽ hướng dẫn cho SV lựa chọn đề tài nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để triển khai hoạt động nghiên cứu đạt hiệu quả; Kết quả NCKH của SV được coi là một trong những tiêu chí xét điểm rèn luyện và cộng điểm học tập khi đạt các giải thưởng nghiên cứu [H23.23. 02.04].

Việc thực hiện hoạt động viết đề tài NCKH cho SV cũng được nhà trường chú trọng và xây dựng Quy trình theo chuẩn ISO nhằm thống nhất phương thức triển khai trong nhiều năm liên tục [H23.23.02.05], cụ thể: các quy định về đăng kí, xét chọn, hướng dẫn đề tài NCKH cho SV đến quy trình thực hiện loại hình nghiên cứu của người học

đều được quy định cụ thể rõ ràng. Cụ thể, vào tháng 09 hàng năm, nhà trường ban hành kế hoạch triển khai hoạt động NCKH SV. Hướng dẫn SV đăng ký và xây dựng thuyết minh đề tài NCKH, tổ chức Hội đồng xét duyệt đề tài và đề cương chi tiết cấp Khoa theo các tiêu chí đánh giá, tổng hợp danh sách tên đề tài được chọn, phân công GV hướng dẫn. SV sẽ thực hiện đề tài trong vòng tối đa 5 tháng. Đề tài NCKH của SV sẽ được nghiệm thu tại khoa trước khi được chọn tham dự các giải thưởng cấp Trường, cấp Thành, cấp Bộ.

Bên cạnh đó, nhà trường còn quy định kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH SV trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H23.23. 02.06].

Để cơ sở dữ liệu được cập nhật về loại hình và chất lượng nghiên cứu cho người học thường xuyên, Phòng QL NCKH&HTQT đã phân công công việc cho 01 chuyên viên phụ trách NCKH của SV thực hiện nội dung này. Trên cơ sở hồ sơ triển khai đề tài SV các năm và danh sách đề tài SV hàng năm, chuyên viên này sẽ cập nhật thường xuyên về hoạt động NCKH của người học.

Bên cạnh đó, các loại hình NCKH khác cũng được SV quan tâm tham gia, cụ thể: Các cuộc thi phiên tòa giả định trong nước và quốc tế [H23.23.02.07], phát hành tạp chí SV và khoa học pháp lý với tối thiểu 4 số 1 năm [H23.23.02.08], cho phép SV tham dự các cuộc hội thảo có liên quan đến phạm vi học tập của SV đó [H23.23.02.09].

Để tổng kết và có sự đối sánh trong hoạt động NCKH SV, hàng năm Nhà trường thường thực hiện các báo cáo cho Bộ GD&ĐT, đăng website, công bố tại lễ khai giảng các quyết định khen thưởng cho các đề tài đạt giải [H23.23. 02.10]

Để đảm bảo quyền lợi của SV và người học tham gia nghiên cứu. hàng năm Nhà trường đều có tổng kết, đánh giá và có đề xuất khen thưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Về cơ bản Nhà trường đã xây dựng đa dạng các loại hình NCKH cho SV, để SV có thể dễ dàng chọn lựa khi đăng ký tham gia.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Các loại hình công bố khoa học của Trường bao gồm: bài báo trên tạp chí trong nước, tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS; báo cáo đăng tại kỷ yếu hội nghị,

hội thảo trong nước và quốc tế; sách chuyên khảo và tham khảo. Nhà trường đã ban hành một số các văn bản liên quan để xác định các loại hình này [H23.23.03.01a].

Hàng năm Nhà trường đều có thông báo về việc đăng ký thực hiện các hoạt động tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học cấp quốc tế, cấp trường, cấp khoa hoặc đăng ký xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo tham khảo [H23.23.03.01]. Căn cứ trên đề xuất của các khoa, Phòng QL NCKH&HTQT sẽ tổng hợp và trình xin ý kiến của HĐ KH&ĐT để ra quyết định cuối cùng về việc triển khai thực hiện theo đúng định hướng chung của Nhà trường.

Bên cạnh đó, Tạp chí Khoa học Pháp lý của Nhà trường cũng là một tạp chí chuyên ngành uy tín để cán bộ, GV Nhà trường có thể lựa chọn để viết bài báo khoa học bên cạnh các tạp chí khác trong và ngoài nước. Tạp chí khoa học pháp lý của Nhà trường được xếp vào danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước trong nhiều năm.

Hiện nay, phòng QL NCKH&HTQT và Tạp chí Khoa học Pháp lý thực hiện theo dõi, giám sát và tổng hợp tình hình công bố khoa học của Nhà trường. Việc giám sát được thực hiện qua các báo cáo tổng kết hàng năm [H23.23.03.02], [H23.23.03.03], [H23.23.03.04];

Xuất phát từ thực tế hiện nay Nhà trường chưa có công cụ quản lý hiệu quả để so sánh và đối chiếu kết quả thực hiện các báo cáo khoa học nên trong thời gian tới, Nhà trường đang tích cực xây dựng phần mềm quản lý khoa học để có cơ sở dữ liệu quản lý công bố khoa học, gắn liền với từng cán bộ, GV tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu cũng như các hoạt động khác

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Tài sản trí tuệ của nhà trường bao gồm các giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, bài giảng, tập bài giảng hoặc đề cương hướng dẫn môn học bằng bản giấy hoặc trực tuyến, các bài báo khoa học, các công trình NCKH và các sáng kiến, cải tiến... Đây là các sản phẩm trí tuệ được nhà trường quan tâm và được quy định tại Quy định Quản lý tài sản sở hữu trí tuệ của Trường ĐH Luật Tp.HCM [H23.23.04.01].

Kể từ năm 2007, Nhà trường đã tiến hành xây dựng bộ giáo trình của riêng trường, cho đến nay toàn bộ các sản phẩm giáo trình của các môn học tại Nhà trường đều đã được phát hành rộng rãi trong SV và người học. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng khuyến khích các khoa chuyên môn, các GV, nhà nghiên cứu xây dựng và phát hành các sách chuyên khảo, tham khảo nhằm hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong trường bằng các cơ chế hợp lý.

Để khuyến khích và đẩy mạnh việc nghiên cứu và phát hành các sản phẩm trí tuệ, Nhà trường đã xây dựng các quy định về tính giờ NCKH cũng như mức thanh toán và thưởng phù hợp cho từng loại sản phẩm trí tuệ của cán bộ, GV Nhà trường [H23.23.01.03].

Trên cơ sở xây dựng các quy định, Nhà trường cũng rất chú trọng đến việc giám sát kết quả thực hiện. Cơ sở dữ liệu được cập nhập về tài sản trí tuệ thông qua: Danh sách các bài báo khoa học được tính điểm hàng năm [H23.23.04.02]. Hệ thống tài sản trí tuệ được đổi mới theo hoạt động rà soát định kỳ tài liệu học tập [H23.23.04.03]; Hệ thống tài sản trí tuệ được lưu trữ số hóa [H23.23.04.04]; Danh sách đề tài SV, đề tài cán bộ, GV hàng năm [H23.23.04.05], [H23.23.04.06]...

Nhà trường đã bắt đầu thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các loại hình số lượng các tài sản trí tuệ; thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ hàng năm đồng thời có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của Trường. Các hoạt động này thể hiện qua báo cáo KHCCN hàng năm [H23.23.01.10]. Tuy nhiên, những hoạt động này còn rất hạn chế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu:

Kinh phí chi cho hoạt động KHCCN là nguồn lực quan trọng nhất cho hoạt động nghiên cứu, góp phần trang bị CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đồng thời cũng là nguồn thu cải thiện thu nhập cho viên chức, NLD. Chính vì vậy,

trong định hướng chiến lược phát triển tổng thể Nhà trường cùng với các văn bản quy định về công tác tài chính có quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Nhà trường quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu, khen thưởng NCKH cũng như tổng chi cho hoạt động NCKH và chuyên giao công nghệ đáp ứng các quy định hiện hành trong các văn bản như: Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018 [H23.23.05.01], Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 [H23.23.05.02], Dự toán thu chi tài chính hàng năm của trường [H23.23.05.03], Quy định về khen thưởng công bố quốc tế của Trường [H23.23.05.04].

Hàng năm, Nhà trường có phân bổ dự toán ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu. Tổng chi cho hoạt động NCKH bước đầu đáp ứng cho công tác NCKH của Trường và theo quy định của Nghị định 99/2014/NĐ – CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ về quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Việc thực hiện phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu được BGH giao cho phòng Tài chính – Kế toán phối hợp với Phòng QL NCKH&HTQT xây dựng kế hoạch kinh phí và triển khai kinh phí theo năm học [H23.23.05.05].

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của GV, cán bộ nghiên cứu về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu và hệ thống giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Cụ thể, khi ban hành các quy định nội bộ, Nhà trường đều lấy ý kiến góp ý của toàn thể viên chức, NLD. Hàng năm, văn kiện Hội nghị VC và NLD đều kèm theo báo cáo tài chính và phòng Tài chính – Kế toán báo cáo, giải trình công khai, minh bạch các khoản thu chi liên quan đến NCKH. Tại Hội nghị, VC và NLD sẽ góp ý, phản ánh các ý kiến phản hồi về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu, đồng thời yêu cầu điều chỉnh những quy định chưa hợp lý, bất cập đồng thời giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Kết quả khảo sát cho thấy, Nhà trường có ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu, từng loại ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu được công khai, minh bạch. Tuy nhiên, các ý kiến tập trung biện pháp cho rằng cần thực hiện chi kinh phí cho đề tài NCKH cấp cơ sở và cần tăng cường kinh phí cho CSVC, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu. Nhà trường đã tiếp thu và có chỉnh sửa, cụ thể mức

chi cho hoạt động NCKH theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 đã được điều chỉnh và cao hơn so với quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018 [H23.23.05.06].

Nhà trường có hệ thống giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động, nghiên cứu:

- Trong giai đoạn 2017 - 2022, công tác thu chi tài chính cho hoạt động KHCN của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công khai minh bạch trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu bao gồm các loại hình sau: Kinh phí ngân sách cấp cho các đề tài, dự án; kinh phí đầu tư cho các đề tài cơ sở; kinh phí đầu tư cho đề tài NCKH SV; kinh phí tổ chức các hội thảo, hội nghị hàng năm; kinh phí biên soạn, xuất bản giáo trình, tập bài giảng; kinh phí hỗ trợ đoàn đi tham dự hội thảo, hội nghị nước ngoài [H23.23.05.07]. Các nguồn kinh phí này được kiểm soát chặt chẽ trong quá trình nghiên cứu và có thể được chiết xuất, tổng hợp tại mọi thời điểm theo nhu cầu. Nhà trường đã trích một phần doanh số từ các nguồn thu của Nhà trường để làm kinh phí phục vụ các hoạt động NCKH.

- Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả NCKH và đảm bảo các nguồn thu cho NCKH, Nhà trường thực hiện đối sánh, điều chỉnh ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu hàng năm.

Kết quả cho thấy kinh phí chi cho đề tài NCKH cấp Bộ không đều theo các năm do số đề tài và kinh phí được duyệt khác nhau. Kinh phí chi cho đề tài NCKH cấp Trường và NCKH của SV còn hạn chế với mức đầu tư khá thấp. Như vậy, có thể thấy tỷ lệ kinh phí NCKH và chuyển giao tri thức trên tổng kinh phí hoạt động NCKH hàng năm hiện đang còn thấp, cần phải được cải thiện hơn nữa.

Để nâng cao mức đầu tư cho từng loại hoạt động nghiên cứu, Nhà trường đưa ra các biện pháp, các bài học kinh nghiệm cũng như lấy ý kiến rộng rãi của viên chức, NLD trong Trường về các biện pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH và tăng nguồn thu từ hoạt động NCKH.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo, bao gồm việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp... được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Các kết quả nghiên cứu và sáng tạo bao gồm: công bố khoa học, các giải thưởng quốc gia, quốc tế, các nhóm nghiên cứu và các giải thưởng quốc gia và quốc tế về KHCN, các sách chuyên khảo, tham khảo, tài liệu hướng dẫn học tập... Nhà trường có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo trong hoạt động NCKH trong Quy định về NCKH của Trường [H23.23.06.01].

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được thể hiện qua Báo cáo hoạt động KHCN hàng năm [H23.23.06.02].

Các báo cáo và kết quả thống kê hàng năm cho thấy: Có sự gia tăng về công bố khoa học, đặc biệt là từ cuối năm 2018 nhà trường đã có nhiều công bố khoa học CLC trên các tạp chí ISI, SCOPUS; Trường đã nhận được các giải thưởng, đánh giá rất cao về KHCN cấp Bộ năm 2020 cho lĩnh vực NCKH của GV, SV; Trường đã thành lập Tạp chí NCKH SV, số Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam bằng tiếng Anh, bước đầu xây dựng, khuyến khích việc hình thành các nhóm nghiên cứu, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực đào tạo của nhà trường. Đặc biệt, số lượng các đầu sách tham khảo, chuyên khảo, tài liệu hướng dẫn học tập do trường phát hành ngày càng gia tăng về số lượng và chất lượng, bên cạnh đó là số lượng lớn các đầu sách tham khảo, chuyên khảo của đội ngũ cán bộ, GV nhà trường biên soạn và phát hành. Hệ thống thư viện dữ liệu, học liệu giấy và điện tử với nguồn tài liệu đa dạng, phong phú bao gồm cả tài liệu tiếng Việt và ngoại văn để phục vụ công tác NCKH và đào tạo. Những kết quả này được minh chứng rõ thông qua các báo cáo tổng kết hoạt động NCKH hàng năm tại Văn kiện Hội nghị VC, NLD [H23.23.06.03].

Qua các báo cáo tại Văn kiện Hội nghị VC và NLD hàng năm cũng có thể thấy được kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) thông qua việc phát hành sách tại Trung tâm Học liệu của Nhà trường [H23.23.06.04]. Không chỉ phát hành sách trực tiếp tại Trường, năm 2020 - 2021, Trung tâm Học liệu đã phát huy hiệu quả Nhà sách Online

(<http://www.nhasach.hcmulaw.edu.vn/>) và hoàn thiện phần mềm quản lý học liệu theo hướng quản lý đa dạng các hình thức phát hành học liệu, đảm bảo việc phát hành sách cho SV các hệ đào tạo của Trường tại hai cơ sở cũng như các cơ sở liên kết đào tạo, cung ứng kịp thời và đầy đủ cho lượng sách SV, học viên cần vào đầu mỗi học kỳ. Trung tâm Học liệu cũng nỗ lực liên kết với các nhà sách lớn trên phạm vi cả nước (cụ thể là thị trường miền tây) và các cơ sở đào tạo luật khác để giới thiệu và cung cấp giáo trình của Nhà trường với quy mô lớn. Trung tâm đã rất thành công khi phối hợp với Trung tâm QHDN&HTSV hỗ trợ phát hành giáo trình và tài liệu học tập theo giá gốc cho tất cả SV của Trường trong các Hội sách.

Cùng với đó, từ tháng 06/2021, Trung tâm TTTV đã tiến hành cho khai thác phần mềm quản lý tài liệu số với 4.972 tài liệu đã được cập nhật và 984 tài khoản đăng ký sử dụng. Phần mềm quản lý tài liệu số đang trong thời gian chạy thử nghiệm nên áp dụng cho đối tượng là GV, nghiên cứu sinh, học viên cao học và SV làm khóa luận tốt nghiệp, đề tài NCKH. Đây là một hình thức để khai thác và đối chứng về kết quả NCKH tới các đối tượng thụ hưởng một cách hiệu quả hơn trong tình hình dịch bệnh hiện nay, phù hợp với tính chất của các công trình NCKH đặc thù ngành luật **[H23.23.06.05]**.

Số lượng sách đã phát hành và bán hết, số lượng lượt truy cập tìm đọc các tác phẩm công trình NCKH trên kho dữ liệu thư viện số... đã phần nào phản ánh, đối chứng được về kết quả NCKH của Nhà trường. Đặc biệt, những kết quả xếp loại, đánh giá các kết quả NCKH cấp Bộ, kết quả bài báo công bố quốc tế, kết quả xếp loại các bài viết được đăng trên Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam ... đã minh chứng rõ về việc đối chứng kết quả NCKH tại Trường **[H23.23.06.06]**.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) của nhà trường vẫn còn những hạn chế nhất định do đặc thù của các công trình nghiên cứu của Nhà trường chủ yếu là trong lĩnh vực pháp luật, khó có thể chuyển giao, chủ yếu là hoạt động nghiên cứu mang tính lý luận, rất ít là các công trình theo sự đặt hàng của các dự án sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật của các Bộ, cơ quan chuyên ngành, các công trình chủ yếu hướng tới phục vụ cho việc nghiên cứu lý luận nhiều hơn ứng dụng, thực hành. Tuy nhiên về cơ bản cũng có

khá nhiều sản phẩm khoa học có giá trị cao đã được công bố và ứng dụng trong thực tiễn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 23

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Số công bố khoa học trung bình của một GV tính từ 2017-2020 tăng dần cả về số lượng và chất lượng. Đa số các GV vượt giờ định mức NCKH, đặc biệt có nhiều trường hợp vượt 300-500% giờ định mức.

- Số lượng đề tài NCKH của GV tăng dần đều.

- Số lượng đề tài NCKH SV đã tăng đều qua các năm. Bên cạnh đó các đề tài có chất lượng cũng gia tăng chứng tỏ SV đã có sự đầu tư và quan tâm hơn trong việc nghiên cứu. Ngoài ra, một yếu tố khác ảnh hưởng đến chất lượng của đề tài là trình độ ngoại ngữ của các nhóm nghiên cứu rất tốt, do đó việc so sánh và rút ra những kinh nghiệm từ các nước trên thế giới khá dễ dàng.

- Số lượng SV tham gia vào các cuộc thi học thuật trong và ngoài nước cũng tăng đáng kể qua các năm. Cuộc thi Phiên tòa giả định hàng năm đã để lại tiếng vang lớn trong phạm vi các trường có đào tạo luật trong cả nước.

- Nguồn nhân lực tham gia nghiên cứu dồi dào, đa dạng về lứa tuổi, thâm niên nên việc triển khai các đề tài, đề án nghiên cứu không gặp qua nhiều trở ngại. Thêm nữa, hoạt động NCKH hiện nay được Nhà trường chú trọng đầu tư phát triển, cán bộ, GV rất quan tâm.

- Qua các năm, số lượng các hội thảo trong nước và quốc tế cũng tăng dần nên cơ hội để có các công bố khoa học tại các hội thảo trở nên khá dễ dàng.

- Các sản phẩm trí tuệ của Nhà trường khá đa dạng về loại hình và thể loại. Điều này đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của Nhà trường.

- Nhà trường có hệ thống văn bản quy định chặt chẽ, cụ thể về việc phân bổ ngân quỹ cho từng hoạt động nghiên cứu.

- Nhà trường cấp kinh phí cho các hoạt động NCKH ngày càng tăng và đảm bảo các khuyến khích để các hoạt động NCKH phát triển.

- Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về quyền lợi, trang thiết bị và hỗ trợ kinh phí cho SV NCKH

- Nhà trường đã có cơ chế thực hiện việc theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, có cơ sở dữ liệu được cập nhật về loại hình và chất lượng nghiên cứu cho người học. Kết quả cho thấy những hiệu quả bước đầu trong các công trình nghiên cứu của Nhà trường đối với người học, các nhà nghiên cứu, nhà làm thực tiễn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Sự tham gia NCKH vẫn còn chưa đồng đều ở tất cả các khoa chuyên môn, các GV trẻ mới tham gia giảng dạy tại Nhà trường.

- Số đề tài đăng ký hàng năm khá cao, tuy nhiên càng về cuối số lượng này giảm dần và đến khi hoàn thành chỉ còn khoảng 50 đến 60% so với kết quả phê duyệt.

- Số lượng các công bố quốc tế còn hạn chế.

- Lực lượng GV tham gia nghiên cứu hoặc có các công bố khoa học còn tập trung ở một bộ phận GV chứ chưa giàn trải trên toàn bộ lực lượng GV của Nhà trường.

- Chưa có hệ thống hoặc công cụ để quản lý việc trích dẫn từ các công bố khoa học của cán bộ GV Nhà trường.

- Vẫn chưa có công cụ cụ thể để đánh giá và đối sánh các sản phẩm trí tuệ của Nhà trường.

- Nguồn thu từ hoạt động NCKH còn hạn chế.

- Do đặc thù vì các công trình, kết quả NCKH của Nhà trường thuộc lĩnh vực nghiên cứu pháp lý là chủ yếu; vì vậy, các hoạt động đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu khó đối sánh cụ thể với thực tiễn, hay các thông tin của nước ngoài. Việc thực hiện việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo; thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo; cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo còn chưa thực sự hiệu quả.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	- Khắc phục tồn tại	- Hoàn thiện các quy định và hướng dẫn, đôn đốc cán	Phòng QL NCKH&H	2022 - 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	1: Sự tham gia NCKH vẫn còn chưa đồng đều ở tất cả các khoa chuyên môn, các GV trẻ mới tham gia giảng dạy tại Nhà trường.	<p>bộ, GV trong quá trình thực hiện triển khai đề tài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện phương thức đánh giá chế độ làm việc của GV và nghiên cứu viên về NCKH theo định mức giờ NCKH mà Nhà trường đã đề ra. - Từng bước tin học hóa hệ thống quản lý NCKH, bằng việc xây dựng và ứng dụng phần mềm quản lý khoa học vào công tác quản lý khoa học của Nhà trường. - Tăng cường vai trò của các đơn vị chuyên môn trong quản lý NCKH. Các Khoa được Trường giao là đầu mối để tập hợp, đánh giá các đề xuất của các đề tài nghiên cứu. - Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh ở tất cả các khoa chuyên môn 	TQT Chuyên viên quản lý NCKH Các khoa chuyên môn		
2	Khắc phục tồn tại 2: Số đề tài đăng ký	Trong năm 2022, Nhà trường sẽ ứng dụng mạnh mẽ hoạt động quản lý thông	Phòng QL NCKH&H TQT,	2022 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	hàng năm khá cao, tuy nhiên càng về cuối số lượng này giảm dần và đến khi hoàn thành chỉ còn khoảng 50 đến 60% so với kết quả phê duyệt.	qua phần mềm công nghệ nhằm hỗ trợ tối đa cho SV, đặc biệt là trong giai đoạn dịch bệnh vẫn luôn trong tình trạng căng thẳng như hiện nay nhằm hạn chế việc SV không tiếp cận được GV hướng dẫn hoặc không được giải đáp các thắc mắc kịp thời dẫn tới bỏ dở nghiên cứu.	Chuyên viên quản lý NCKH		
3	- Khắc phục tồn tại 3: Số lượng các công bố quốc tế còn hạn chế	- Năm 2021, Nhà trường đã ban hành các quy định chung nhằm thúc đẩy cán bộ GV có nhiều hơn các công bố quốc tế. Trong năm 2022, Nhà trường sẽ từng bước áp dụng và hoàn thiện các quy định này để tạo động lực nghiên cứu cho cán bộ, GV Nhà trường.	Phòng QL NCKH&H TQT, Chuyên viên quản lý NCKH	2022 - 2027	
4	- Khắc phục tồn tại 4: Lực lượng GV tham gia nghiên cứu hoặc có các	- Năm 2022, vai trò của các khoa chuyên môn sẽ được phát huy rõ nét hơn, trên cơ sở đó sẽ thúc đẩy GV trong khoa phải chủ động tham gia viết bài tạp	Phòng QL NCKH&H TQT, Chuyên viên quản lý NCKH	2022 - 2027	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	công bố khoa học còn tập trung ở một bộ phận GV chứ chưa dàn trải trên toàn bộ lực lượng GV của Nhà trường.	chí hoặc tham luận tại các Hội thảo khoa học .			
5	- Khắc phục tồn tại 5: Chưa có hệ thống hoặc công cụ để quản lý việc trích dẫn từ các công bố khoa học của cán bộ GV Nhà trường	- Năm 2023, Nhà trường sẽ xây dựng xong cơ bản hệ thống quản lý hoạt động NCKH của GV. Trên cơ sở đó sẽ xây dựng phần mềm quản lý trích dẫn của cán bộ, GV Nhà trường.	Phòng QL NCKH&H TQT, Chuyên viên quản lý NCKH	2022 - 2027	
6	- Khắc phục tồn tại 6: Vẫn chưa có công cụ cụ thể để đánh giá và đối sánh các sản phẩm trí	- Hiện tại Trường ĐH Luật Tp.HCM đang tiến hành rà soát các sản phẩm trí tuệ và xây dựng phương hướng phát triển ưu tiên cho một số loại hình cụ thể.	Phòng QL NCKH&H TQT, Chuyên viên quản lý NCKH	2022 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	tuệ của Nhà trường	- Để theo dõi số liệu công bố khoa học, Nhà trường đang xây dựng phần mềm quản lý khoa học để có cơ sở dữ liệu quản lý công bố khoa học, gắn liền với từng cán bộ tha gia khoa học và đề tài nghiên cứu. Dự kiến việc hoàn thành xây dựng hoặc mua phần mềm sẽ hoàn tất tong năm 2025			
7	Khắc phục tồn tại 1	Tìm biện pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH và tăng nguồn thu từ hoạt động NCKH	Phòng QL NCKH&H TQT	Thường xuyên	
8	- Khắc phục tồn tại 8: do đặc thù vì các công trình, kết quả NCKH của Nhà trường thuộc lĩnh vực nghiên cứu pháp lý là chủ yếu vì vậy các hoạt	- Trong năm 2022, phân công Phòng QL NCKH&HTQT tiến hành rà soát, đối sánh về kết quả của các NCKH đang thực hiện tại trường. Đặc biệt, cần phối hợp với Trung tâm QHDN&HTSV, Trung tâm Đào tạo ngắn hạn tăng cường việc thực hiện việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo; thực hiện	Phòng QL NCKH&H TQT, Chuyên viên quản lý NCKH Trung QHDN & HTSV, Trung tâm Đào tạo ngắn hạn	2022 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	<p>động đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu khó đối sánh cụ thể với thực tiễn, hay các thông tin của nước ngoài. Do vậy, việc thực hiện việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo; thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo; cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về</p>	<p>rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo; cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo. Thường xuyên tổ chức giao lưu, trao đổi hợp tác với các doanh nghiệp bên ngoài; Rà soát chặt chẽ các sản phẩm NCKH có thể chuyển giao công nghệ để đề xuất tiến hành thủ tục chuyển giao; Định hướng, đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu có khả năng thương mại hóa hoặc các dự án sửa đổi luật có giá trị ứng dụng xã hội cao.</p> <p>- Chậm nhất đến Quý IV/2022 sẽ hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành, thực hiện, giám sát, đối sánh kết quả các công trình NCKH, sáng tạo theo hướng phù hợp với chiến lược phát triển của trường.</p>			

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo còn chưa thực sự hiệu quả				
9	<p>- Phát huy điểm mạnh 1: Số công bố khoa học trung bình của một GV tính từ 2017-2020 tăng dần cả về số lượng và chất lượng. Đa số các GV vượt giờ định mức NCKH, đặc biệt có nhiều trường hợp vượt 300-500% giờ định mức.</p>	<p>- Để hoạt động này ngày càng đạt hiệu quả cao hơn, hàng năm Phòng QL NCKH&HTQT tham mưu, đề xuất với BGH các phương án cải tiến quy định, phương thức, loại hình, quy trình quản lý NCKH. Những cải tiến này thường được đề xuất và phê duyệt trong kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm.</p> <p>- Trong năm 2022 tiếp tục hoàn thiện phương thức đánh giá chế độ làm việc của GV và nghiên cứu viên về NCKH theo định mức giờ NCKH mà Nhà trường đã đề ra.</p>	<p>Phòng QL NCKH&HTQT, Chuyên viên quản lý NCKH Các khoa chuyên môn</p>	<p>Từ 2022-2024</p>	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		- Từ năm 2022- 2025 hoàn thiện các quy định và hướng dẫn, đôn đốc cán bộ, GV trong quá trình thực hiện triển khai đề tài.			
10	Phát huy điểm mạnh 2: Số lượng đề tài NCKH vẫn duy trì đều đặn qua các năm lượng GV của Nhà trường	Từng bước tin học hóa hệ thống quản lý NCKH, bằng việc xây dựng và ứng dụng phần mềm quản lý khoa học vào công tác quản lý khoa học của Nhà trường. Dự kiến phần mềm sẽ thử nghiệm từ năm 2023 và trực tiếp đi vào hoạt động từ năm 2024.	Phòng QL NCKH&H TQT Chuyên viên quản lý NCKH	2022 - 2024	
11	Phát huy điểm mạnh 3: Số lượng đề tài NCKH SV đã tăng đều qua các năm. Bên cạnh đó các đề tài có chất lượng cũng gia tăng chứng tỏ SV đã có sự đầu	- Từ năm 2022, Nhà trường sẽ dự thảo quy chế mới cho hoạt động NCKH SV nhằm chỉnh sửa và bổ sung những quy định không còn phù hợp nhằm đảm bảo quyền lợi và khuyến khích SV tiếp tục phát huy năng lực nghiên cứu của mình. Dự kiến, quy định mới có thể được áp dụng từ năm học 2023- 2024	Phòng QL NCKH&H TQT, Chuyên viên quản lý NCKH	Từ 2022- 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	<p>tư và quan tâm hơn trong việc nghiên cứu. Ngoài ra, một yếu tố khác ảnh hưởng đến chất lượng của đề tài là trình độ ngoại ngữ của các nhóm nghiên cứu rất tốt, do đó việc so sánh và rút ra những kinh nghiệm từ các nước trên thế giới khá dễ dàng.</p>				
12	<p>Phát huy điểm mạnh 4: Số lượng SV tham gia vào các cuộc thi học thuật trong và ngoài nước</p>	<p>Nhà trường vẫn tiếp tục khuyến khích SV tham gia vào các cuộc thi học thuật trong và ngoài nước. Trong năm 2022 Nhà trường vẫn tiếp tục duy trì tổ chức cuộc thi phiên tòa giả định Vmoot nhằm giữ vững một</p>	<p>Phòng QL NCKH&H TQT, Chuyên viên quản lý NCKH Đoàn</p>	<p>Từ 2022-2024</p>	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	<p>cũng tăng đáng kể qua các năm. Cuộc thi Phiên tòa giả định hàng năm đã để lại tiếng vang lớn trong phạm vi các trường có đào tạo luật trong cả nước.</p>	<p>sân chơi học thuật có giá sinh trong cộng đồng SV Luật.</p>	<p>trường</p>		
13	<p>Phát huy điểm mạnh 5: Nguồn nhân lực tham gia nghiên cứu đòi hỏi, đa dạng về lứa tuổi, thâm niên nên việc triển khai các đề tài, đề án nghiên cứu không gặp qua nhiều trở ngại. Thêm</p>	<p>- Nhà trường hoạch định cụ thể chính sách nhân sự cho từng giai đoạn kèm theo đó là nhưng yếu cầu bắt buộc cần phải có. Do đó, bên cạnh lực lượng GV có thâm niên cao thì lực lượng GV trẻ mới được tuyển dụng lại có trình độ ngoại ngữ khá, tốt. Trên cơ sở đó, Nhà trường cũng từng bước bồi dưỡng thêm cho lực lượng GV trẻ này góp phần xây dựng lực lượng đông đảo các Nhà nghiên cứu tại</p>	<p>Phòng QL NCKH&H TQT, Chuyên viên quản lý NCKH Các khoa chuyên môn</p>	<p>Từ 2022-2024</p>	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	nữa, hoạt động NCKH hiện nay được Nhà trường chú trọng đầu tư phát triển, cán bộ, GV rất quan tâm.	trường Đại học Luật TP.HCM			
14	Phát huy điểm mạnh 6: Qua các năm, số lượng các hội thảo trong nước và quốc tế cũng tăng dần nên cơ hội để có các công bố khoa học tại các hội thảo trở nên khá dễ dàng	Chủ trương chung của Nhà trường vẫn luôn khuyến khích tổ chức Hội thảo nhằm tạo ra những diễn đàn khoa học để GV và lực lượng những người hành nghề luật và các ngành nghề khác có liên quan có cơ hội trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và cập nhật kiến thức mới.	Phòng QL NCKH&H TQT, Chuyên viên quản lý NCKH Các khoa chuyên môn	Từ 2022-2024	
15	Phát huy điểm mạnh 7: Các sản phẩm trí tuệ của Nhà trường khá đa dạng	- Tiếp tục khuyến khích phát triển các loại hình tài sản trí tuệ của Nhà trường. Trong tương lai các sản phẩm trí tuệ có giá trị sử dụng rộng rãi sẽ được Nhà	Phòng QL NCKH&H TQT, Chuyên viên quản lý NCKH	Từ 2022-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	về loại hình và thể loại. Điều này đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của Nhà trường.	trường đăng ký bản quyền nhằm đảm bảo tối ưu các tài sản trí tuệ của Nhà trường không bị sao chép phát tán ảnh hưởng đến quyền tác giả.			
16	Phát huy điểm mạnh 8: Nhà trường có hệ thống văn bản quy định chặt chẽ, cụ thể về việc phân bổ ngân quỹ cho từng hoạt động nghiên cứu	Rà soát, điều chỉnh hệ thống văn bản quy định về việc phân bổ ngân quỹ cho từng hoạt động nghiên cứu.	Phòng QL NCKH&H TQT	Thường xuyên	
17	Phát huy điểm mạnh 9: Nhà trường cấp kinh phí cho	Nhà trường cấp kinh phí cho các hoạt động NCKH ngày càng tăng và đảm bảo các Nhà trường cấp kinh phí cho các hoạt động	Phòng QL NCKH&H TQT	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	các hoạt động NCKH ngày càng tăng và đảm bảo các khuyến khích để các hoạt động NCKH phát triển	NCKH ngày càng tăng và đảm bảo các khuyến khích để các hoạt động NCKH phát triển			
18	Phát huy điểm mạnh 10: Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về quyền lợi, trang thiết bị và hỗ trợ kinh phí cho SV NCKH	Tiếp tục điều kiện thuận lợi hơn về quyền lợi, trang thiết bị và hỗ trợ kinh phí cho SV NCKH.	Phòng QL NCKH&H TQT	Thường xuyên	
19	Phát huy điểm mạnh 11: Nhà trường đã có cơ chế thực hiện việc theo	- Tiếp tục củng cố hệ thống quản lý để đảm bảo các hoạt động được diễn ra thông suốt, hoàn thiện hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, so sánh và đối chiếu để có	Phòng QL NCKH&H TQT, Chuyên viên quản lý NCKH	Từ 2022-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	<p>đổi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, có cơ sở dữ liệu được cập nhật về loại hình và chất lượng nghiên cứu cho người học. Kết quả cho thấy những hiệu quả bước đầu trong các công trình nghiên cứu của Nhà trường đối với người học, các nhà nghiên cứu, nhà làm thực tiễn</p>	<p>những điều chỉnh phù hợp với thị hiếu của xã hội.</p>			

4. *Mức đánh giá*

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 23</i>	4,33
Tiêu chí 23.1	4
Tiêu chí 23.2	4
Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	4
Tiêu chí 23.5	4
Tiêu chí 23.6	5

TIÊU CHUẨN 24. KẾT QUẢ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường ban hành kế hoạch về việc tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng từ năm học 2019 – 2020 và những năm tiếp theo, trong đó xác định các loại kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và chuyển giao công nghệ, tư vấn, hỗ trợ người học, tình nguyện, nhân đạo, từ thiện... để làm cơ sở cho các đơn vị trong trường tổ chức triển khai các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H24.24.01.01].

Hoạt động kết nối, PVCD của Nhà trường được thực hiện bởi nhiều phòng, đơn vị, trung tâm thuộc Trường (Các Khoa chuyên môn, Phòng QL NCKH&HTQT, Trung tâm Đào tạo ngắn hạn, Trung tâm QHDN&HTSV, Trung tâm TVPL, Trung tâm Học liệu, Công đoàn, Đoàn Thanh niên...) đặc điểm này tạo sự đa dạng về loại hình, công việc phục vụ cộng đồng.

Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được Nhà trường giám sát chặt chẽ thông qua việc các đơn vị thực hiện các hoạt động kết nối và cộng đồng thực hiện các báo cáo tháng gửi về Phòng TC-HC và được công khai cho toàn thể viên chức, người

lao động hàng tháng qua email để cùng tham gia giám sát [H24.24.01.02]. Hàng năm Nhà trường tổ chức hội nghị viên chức và người lao động để tiến hành đánh giá tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động nói chung và hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng nói riêng trong văn kiện hội nghị viên chức và người lao động [H24.24.01.03].

Thông qua hoạt động giám sát từ bên trong như trên, các đơn vị sẽ thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và chuyển giao công nghệ, tư vấn, hỗ trợ người học, tình nguyện, nhân đạo, từ thiện... từ đó đối chiếu với các mục tiêu, kết quả đã đặt ra để có các định hướng, cũng như hoạt động phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những kết quả chưa đạt được. Chẳng hạn trong lĩnh vực đào tạo ngắn hạn, Trung tâm Đào tạo ngắn hạn thực hiện đánh giá, tổng kết số lượng lớp ngắn hạn mở được trong năm học, nguồn thu từ hoạt động mở lớp và đề ra các mục tiêu, kế hoạch cho năm tiếp theo [H24.24.01.04].

Bên cạnh các hoạt động giám sát từ bên trong thì Nhà trường phân công tùy chức năng nhiệm vụ, các đơn vị xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đối với từng loại hình và kết quả các hoạt động tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng. Chẳng hạn: Đối với Trung tâm TVTS xây dựng các group trên mạng xã hội Facebook, zalo để kết hợp tư vấn tuyển sinh cũng như tiếp nhận các thông tin phản hồi của phụ huynh, học sinh về công tác tuyển sinh và đào tạo của Nhà trường [H24.24.01.05]. Trung tâm Đào tạo ngắn hạn và Trung tâm sở hữu trí tuệ sau mỗi khóa học đều thực hiện lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng của từng khóa học [H24.24.01.06], Trung tâm QHDN&HTSV xây dựng và thu thập thông tin của doanh nghiệp, ĐV SDLĐ đánh giá về chất lượng người học, công tác đào tạo của Nhà trường [H24.24.01.07]...

Căn cứ các báo cáo hàng năm tại hội nghị viên chức và người lao động, báo cáo năm học của Nhà trường, báo cáo năm học của các Đoàn thể, cũng như kế hoạch thực hiện MTCL trong năm học và ý kiến đóng góp phản hồi từ các bên liên quan sử dụng và tiếp nhận các hoạt động kết nối và PVCĐ, từng đơn vị phụ trách thực hiện các hoạt động có những phương án khắc phục các tồn tại, thay đổi cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động kết nối và PVCĐ trong MTCL và kế hoạch thực hiện MTCL của năm tiếp theo. Chẳng hạn: Phòng QL NCKH&HTQT ban hành quy định về việc tổ

chức các hội thảo trực tuyến để phòng chống dịch bệnh covid 19 phù hợp với mong muốn của cộng đồng là được tham gia các hội thảo khoa học của Nhà trường trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp [H24.24.01.08], Trung tâm Đào tạo ngắn hạn mở các lớp đào tạo về pháp luật phù hợp với mong muốn của người học và thay đổi theo nhu cầu xã hội [H24.24.01.09]...

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội và kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hàng năm căn cứ kế hoạch tổng kết các hoạt động thông qua việc tổ chức hội nghị viên chức, người lao động trong năm học Nhà trường đã thực hiện đánh giá tác động xã hội, tổng kết kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, để từ đó có những cải tiến trong cách làm nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong phục vụ và kết nối cộng đồng. Thực hiện mục tiêu gắn kết cộng đồng bằng những sản phẩm CLC, được xã hội chấp nhận và phù hợp với yêu cầu thực tế của xã hội, nhà trường tổ chức những kênh đánh giá, khảo sát để nhận thông tin phản hồi về tác động xã hội đối với các hoạt động của trường trong việc kết nối và phục vụ cộng đồng. Trường có 02 đơn vị thường xuyên tổ chức các hoạt động đánh giá tác động, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đó là Trung tâm QHDN&HTSV và Trung tâm ĐBCL&PPGD. Đây là 02 đơn vị thực hiện và hỗ trợ các đơn vị trong trường tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá và giám sát các hoạt động [H24.24.02.01].

Nhà trường thực hiện cơ chế giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội thông qua việc các đơn vị như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV vừa là đầu mối triển khai, lên kế hoạch thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ cũng là bộ phận giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội. Các hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường hàng năm đều được giám sát chặt chẽ, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm thông qua báo cáo của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV [H24.24.02.02], hay báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động [H24.24.02.03] và sự lan tỏa các hoạt động của nhà trường thông qua các thông tin trên báo chí, truyền thông [H24.24.02.04].

Nhà trường đã xây dựng công cụ khảo sát ý kiến các bên liên quan là các quy trình nghiệp vụ và các biểu mẫu kèm theo của quy trình ISO tại các đơn vị để thu thập thông

tin phản hồi các bên liên quan trong bộ quy trình làm việc của trường. Đồng thời tất cả các đơn vị đều sử dụng các kết quả khảo sát này để cải tiến chất lượng công tác kết nối và PVCĐ [H24.24.02.05].

Hoạt động rà soát, đánh giá được thực hiện thường xuyên hàng năm thông qua các báo cáo định kỳ, thông qua các báo cáo của các chương trình hoạt động. Các hoạt động kết nối và PVCĐ được tổng kết để làm cơ sở đối chiếu so sánh qua các năm học, trên cơ sở đó, các đơn vị làm đầu mối thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ xây dựng MTCL hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho năm học tiếp theo [H24.24.02.06]

Để từng bước nâng cao chất lượng PVCĐ, trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan, hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được cải tiến về chất lượng, đóng góp hiệu quả cho sự phát triển xã hội. Sau khi kết thúc các hoạt động, dựa trên các thông tin phản hồi của các bên liên quan, dựa trên báo cáo tổng kết sau mỗi hoạt động và báo cáo định kỳ hằng năm của các đơn vị, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV [H24.24.02.07], và các giấy khen, thư cảm ơn từ đơn vị tiếp nhận [H24.24.02.08], từ đó rút ra kinh nghiệm để phát huy những điểm mạnh và hạn chế những điểm còn tồn tại của những hoạt động tiếp theo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hàng năm thông qua các hoạt động kết nối và PVCĐ Nhà trường đều thực hiện đánh giá tác động đến người học và đối với viên chức, người lao động. Thông qua việc ban hành các kế hoạch tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng như tình nguyện, hiến máu nhân đạo, quyên góp, ủng hộ... [H24.24.03.01] cũng đề ra kế hoạch đánh giá tác động của các hoạt động đối với cán bộ, GV và người học. Chẳng hạn: Trong năm học người học tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện do Hội SV tổ chức như Tháng tình nguyện, Mùa hè xanh... việc tham gia các hoạt động vì cộng đồng giúp người học có thể rèn luyện, phát triển bản thân và có tâm lý tốt hơn để tham gia học tập và cống hiến. Đối với viên chức, người lao động quanh hoạt động của Công đoàn trường, viên chức và người lao động trong trường có thêm ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân, tập thể trong công tác cộng đồng. Chung tay xóa đói giảm nghèo, chia

sẽ với những hoàn cảnh khó khăn không may bị bão lũ, thiên tai, dịch họa. Đây cũng là hoạt động làm tăng thêm nét văn hóa đặc trưng của GV và SV Trường ĐH Luật Tp.HCM, một nét đẹp truyền thống **[H24.24.03.02]**.

Hệ thống giám sát về tác động của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được tổ chức bài bản. Đối với người học, tham gia các hoạt động vì cộng đồng là tiêu chí để đánh giá điểm rèn luyện cho người học chính quy **[H24.24.03.03]** đối với viên chức, người lao động là một trong những quy định để đánh giá, xếp loại hàng năm và xem xét khen thưởng đối với các hoạt động của Công đoàn **[H24.24.03.04]**. Bên cạnh đó, sau mỗi hoạt động đều có tổ chức đánh giá kết quả thực hiện và khen thưởng đối với các SV hay viên chức tham gia tích cực, hiệu quả trong các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng **[H24.24.03.05]**.

Đối với các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng do các đơn vị thực hiện định kỳ hàng tháng đều có báo cáo tháng gửi về Phòng TC-HC và được tổng hợp thành báo cáo chung của Nhà trường để toàn thể viên chức, người lao động cùng tham gia giám sát **[H24.24.03.06]**. Đồng thời, thông qua các hội nghị giao ban cán bộ chủ chốt, hội nghị viên chức người lao động hàng năm Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả thực hiện năm học để từ đó xây dựng ra nghị quyết của năm học tới **[H24.24.03.07]**. Chẳng hạn, căn cứ kết quả tuyển sinh hàng năm, Trung tâm TVTS sẽ phân tích so sánh và ban hành kế hoạch tư vấn tuyển sinh cho năm tiếp theo cho phù hợp với phương án tuyển sinh của Nhà trường **[H24.24.03.08]**.

Nhà trường giao các đơn vị khi thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cũng đồng thời xây dựng các hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng theo các kênh và hình thức phù hợp như tiếp nhận qua email, qua mạng xã hội zalo, facebook, điện thoại... **[H24.24.03.09]**. Thông qua các thông tin phản hồi được tiếp nhận sẽ chuyển đến lãnh đạo Nhà trường hay lãnh đạo các đơn vị để xử lý thông tin và có những kế hoạch hành động thiết thực.

Các hoạt động PVCD được các đơn vị đánh giá và báo cáo qua từng tháng và năm học; công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật cũng được thực hiện đều đặn từ đó đánh giá và phân tích ra các điểm mạnh để phát huy, nêu lên những mặt còn hạn chế và nguyên nhân từ đó có phương hướng cải tiến hoạt động PVCD trong các năm tiếp

theo được hiệu quả hơn. Thông qua các báo cáo và theo dõi, giám sát đầy đủ theo từng hoạt động các đơn vị sẽ có những cải tiến về tổ chức thực hiện cũng như đánh giá khen thưởng các cán bộ, GV, SV có thành tích trong các hoạt động [H24.24.03.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan trong việc tham gia và dịch vụ của cộng đồng; và đóng góp cho xã hội được thiết lập, theo dõi và chuẩn bị để cải tiến.

Các hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường đều có sự phối hợp của các bên liên quan nhằm xây dựng kế hoạch, các chương trình hữu hiệu phục vụ cộng đồng [H24.24.04.01]. Sau mỗi hoạt động, Trường và địa phương tiến hành rà soát lại hiệu quả hoạt động để rút ra bài học cho các hoạt động tiếp theo.

Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến người học hàng năm để có những cải tiến thiết thực nhằm đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ SV về công tác PVCĐ. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của SV về hoạt động hỗ trợ Nhà trường ngày càng tăng [H24.24.04.02].

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động khảo sát định kỳ hằng năm về tỉ lệ SV có việc làm, khảo sát sự hài lòng về CTĐT, về chất lượng SV tốt nghiệp... [H24.24.04.03]. Các hoạt động khảo sát đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan được công khai trên cổng thông tin của Nhà trường.

Đối với các hoạt động phục vụ cộng đồng mang tính chất thiện nguyện, Công đoàn trường đánh giá, khảo sát của các địa phương tiếp nhận thông qua sự ghi nhận, đánh giá rất cao thông qua các bằng khen, giấy khen các cấp, thư cảm ơn của các đơn vị tiếp nhận [H24.24.04.04]... Với các chiến dịch và hoạt động tình nguyện mạnh mẽ, hầu hết người hưởng lợi và địa phương đánh giá cao sự đóng góp của Nhà trường vào sự phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội của các địa phương.

Các ý kiến phản hồi đều được BGH và các đơn vị liên quan ghi nhận và triển khai thực hiện. Hàng năm, Trường tổ chức họp cán bộ chủ chốt và hội nghị viên chức để góp ý cho hoạt động trường, đặc biệt là các hoạt động NCKH, HTQT, liên kết đào tạo, kết nối doanh nghiệp và phục vụ cộng đồng [H24.24.04.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 24

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Thứ nhất, các hoạt động kết nối và PVCD tại Trường ĐH Luật Tp.HCM được thực hiện đa dạng về loại hình hướng đến phục vụ nhiều đối tượng trong xã hội. Các hoạt động được triển khai thường xuyên hàng năm, có các hoạt động đã trở thành thương hiệu riêng, chẳng hạn khi tìm các khoá luật ngắn hạn đáp ứng nhu cầu công việc, học viên thường tìm đến Trung tâm Đào tạo ngắn hạn. Hoặc khi tìm hiểu nguồn học liệu, sách tham khảo chuyên ngành luật học viên, bạn đọc thường tìm đến Trung tâm Học liệu của Nhà trường.

- Thứ hai, các đơn vị trong trường duy trì đánh giá và theo dõi thường xuyên việc đánh giá tác động của xã hội về các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng do đơn vị thực hiện.

- Thứ ba, Nhà trường xây dựng được cơ chế giám sát, đánh giá đối với GV và SV trong việc tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, từ đó kịp thời khen thưởng các cá nhân tích cực.

- Thứ tư, Các hoạt động do Nhà trường tổ chức thực hiện được các bên liên quan đánh giá cao về quy mô và cách thức tổ chức.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Thứ nhất, Nhà trường chưa ban hành Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐH Luật Tp.HCM để có cơ chế khuyến khích GV, SV tích cực tham gia vào hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường chưa thực hiện thường xuyên hoạt động khảo sát của các bên liên quan về chất lượng các hoạt động được thực hiện.

- Thứ hai, mặc dù các đơn vị luôn dựa trên tác động của các hoạt động đã tổ chức ảnh hưởng như thế nào đối với cộng đồng, tuy nhiên do Nhà trường chưa xây dựng và ban hành quy định tổng thể về đánh giá kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng nên chưa có tiêu chí chung để so sánh đối chiếu, cải tiến.

- Thứ ba, Nhà trường chưa thực hiện thường xuyên hoạt động khảo sát của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

- Thứ tư, Nhà trường chưa thực hiện đầy đủ các hoạt động khảo sát mang tính quy

mô lớn.

3. Kế hoạch cải tiến

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Quy định kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐH Luật Tp.HCM và Xây dựng cơ chế khuyến khích GV, SV tích cực phục vụ cộng đồng. - Xây dựng quy định về việc kiểm soát chất lượng các hoạt động được thực hiện để các đơn vị thường xuyên thực hiện khảo sát của các bên liên quan, từ đó có kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động hơn nữa. 	<ul style="list-style-type: none"> - BGH - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các hoạt động cụ thể 	Từ năm 2022
2	Khắc phục tồn tại 2	Phân công đơn vị chủ trì và Ban hành kế hoạch tổng thể về đánh giá hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐH Luật Tp.HCM trong năm học và những năm tiếp theo	<ul style="list-style-type: none"> - BGH. - Tổ công tác gồm thành viên của các đơn vị: Phòng TCHC, Trung tâm QHDN&HTSV, Trung tâm TVPL, Trung tâm ĐTNH, Đoàn trường 	Quý II/2022
3	Khắc phục tồn tại 3	Ban hành Quy định kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐH Luật Tp.HCM để các đơn vị xác lập việc khảo sát đánh giá của các bên liên quan là một trong những tiêu chí để đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - BGH - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các hoạt động cụ thể 	Từ năm 2022
4	Khắc phục	Phân công đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát đánh giá hoạt động kết nối và phục vụ cộng	- BGH.	Quý

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
	tồn tại 4	đồng của Trường ĐH Luật Tp.HCM trong năm học và những năm tiếp theo	- Trung tâm QHDN&HTSV.	II/2022
5	Phát huy điểm mạnh 1	- Đầu tư thêm kinh phí, cũng như vận động thêm nguồn lực từ xã hội để tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. - Tiếp tục thực hiện đa dạng các hoạt động, cũng như tổng hợp thành kế hoạch tổng thể của Nhà trường theo từng năm học để tận dụng nguồn lực về tài chính và con người để nâng cao chất lượng các hoạt động kết nối và PVCĐ.	- BGH - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các hoạt động cụ thể	Từ năm 2022
6	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục đầu tư tăng cường các hoạt động quảng bá, kết nối mạng lưới cựu người học, mạng lưới đối tác là doanh nghiệp cùng tham gia công tác phục vụ cộng đồng	- BGH - Ban Liên lạc Cựu SV, - Trung tâm QHDN&HTSV. - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các hoạt động cụ thể	Từ năm 2022
7	Phát huy điểm mạnh 3	Ban hành quy định về việc khen thưởng GV, người học tham gia tích cực vào hoạt động PVCĐ để đa dạng thêm các hình thức khen thưởng, vinh danh	- BGH - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các hoạt động cụ thể	Từ năm 2022
8	Phát huy điểm mạnh 4	Nhà trường tăng cường tổ chức các hội nghị tổng kết, đánh giá kết quả các hoạt động đã thực hiện	- BGH - Các đơn vị có chức năng phù hợp với các hoạt động cụ thể	Từ năm 2022

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 24</i>	4,75
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	5
Tiêu chí 24.3	4
Tiêu chí 24.4	5

TIÊU CHUẨN 25. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Các kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng luôn được Nhà trường quan tâm, xác lập. Quan điểm này được thể hiện xuyên suốt trong Đề án Xây dựng Trường ĐH Luật Tp.HCM thành trường trọng điểm đào tạo về pháp luật giai đoạn 2012 – 2020 và Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH Luật Tp.HCM tại Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18 tháng 04 năm 2017 của Thủ Tướng Chính Phủ [H25.25.01.01], cụ thể:

Kết quả

+ Kết quả hoạt động đào tạo: được thể hiện bởi việc đo lường quá trình thực hiện hoạt động đào tạo trong một giai đoạn bằng các chỉ tiêu tài chính. Qua đó giúp Nhà trường có thêm thông tin thực hiện mục tiêu quản trị cho giai đoạn tiếp theo.

+ Kết quả hoạt động NCKH được xác lập bởi số lượng các đề tài NCKH các cấp, các ấn phẩm hay chỉ số trích dẫn của các bài báo trên các tạp chí.

+ Kết quả hoạt động phục vụ cộng đồng được ghi nhận bởi sự tác động của hoạt động kết nối cộng đồng tới SV và đội ngũ cán bộ của Nhà trường thông qua các hoạt động tình nguyện.

Chỉ số tài chính

+ Chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo được xác định bởi thông tin tài chính của các hoạt động và được xác định bởi việc so sánh, đánh giá các chỉ số hoạt động năm này với năm khác, kết quả thực hiện với kế hoạch đề ra cho năm theo tỷ lệ phần trăm (%) dựa trên kết quả đạt được hoạt động nội bộ nhằm đưa ra các giải pháp cải tiến các hoạt động hướng đến mục tiêu đặt ra cho giai đoạn tiếp theo.

+ Chỉ số tài chính của hoạt động NCKH được đo lường bởi số kinh phí chi cho các đề tài NCKH, các sáng kiến. Từ sự so sánh, đánh giá chỉ số tài chính sẽ đưa ra được những phương hướng cải tiến cho năm tiếp theo.

+ Chỉ số tài chính của hoạt động phục vụ cộng đồng được Nhà trường đánh giá dựa trên nguồn kinh phí chi ra cho các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Việc giám sát kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được phòng Tài chính Kế toán lập và báo cáo trình BGH bởi báo cáo công tác tài chính hàng năm của Nhà trường.

- Về hoạt động đào tạo:

+ Kết quả của hoạt động đào tạo là tổng số nguồn thu từ các hoạt động đào tạo của Nhà trường [H25.25.01.02]

Bảng 25.1.1 Tổng hợp nguồn thu từ hoạt động đào tạo hàng năm của nhà trường từ năm 2017-2021

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung thu	2017	2018	2019	2020	2021
Hệ chính quy	112.349	123.730	160.092	177.580	120.426
Hệ VLVH	123.275	92.691	97.991	61.736	18.406
Đào tạo phục vụ cộng đồng	1.008	2.984	2.776	3.194	3.122
Hoạt động đào tạo khác	4.524	4.035	4.923	1.518	240

- Về hoạt động NCKH:

Kết quả của hoạt động NCKH của Trường chủ yếu là các đề tài nghiên cứu cấp Trường, cấp Bộ, cấp Nhà nước được nghiệm thu, là số lượng các bài báo khoa học, số lượng sách xuất bản.

Nhà trường đã có định mức chi cho hoạt động NCKH trên quy chế chi tiêu nội bộ nhằm khuyến khích hoạt động NCKH của nhà trường. Việc tăng nguồn kinh phí cho các đề tài NCKH, bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế thể hiện sự cải tiến nhằm tăng kết quả hoạt động của hoạt động NCKH. Kinh phí cho các đề tài nghiên cứu cấp trường được sử dụng bởi nguồn kinh phí thu được của Nhà trường. Với các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước thì nguồn kinh phí thực hiện của các đề tài cấp bộ và cấp nhà nước được hỗ trợ bởi ngân sách nhà nước [H25.25.01.03].

Bảng 25.1.2. Tổng hợp kinh phí chi cho hoạt động NCKH hàng năm của nhà trường từ năm 2017-2021

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung thu	2017	2018	2019	2020	2021
Hoạt động NCKH	3.940	3.459	4.424	4.232	1.677

- Về hoạt động phục vụ cộng đồng:

Kết quả của hoạt động phục vụ cộng đồng là tổng số thu từ hoạt động đào tạo phục vụ cộng đồng bên ngoài nhà trường, bao gồm thu từ hoạt động đào tạo ngắn hạn và sở hữu trí tuệ. Nhà trường luôn quan tâm công tác đào tạo phục vụ cộng đồng, mở các lớp đào tạo nhằm gia tăng nguồn thu từ hoạt động phục vụ cộng đồng [H25.25.01.03]:

Bảng 25.1.3. Bảng tổng hợp kinh phí chi cho hoạt động phục vụ cộng đồng hàng năm của nhà trường từ năm 2017-2021

Nội dung thu	2017	2018	2019	2020	2021
Đào tạo phục vụ cộng đồng	1.008	2.984	2.776	3.194	3.122

Ngoài hoạt động đào tạo phục vụ cộng đồng, Nhà trường cũng đã tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng như [H25.25.01.04]:

+ Tổ chức các phong trào phát huy thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tổ chức xuyên suốt các hoạt động tình nguyện trong năm, đầu tư cả về số lượng, chất lượng và đa dạng hóa nội dung tổ chức. Đặc biệt, các hoạt động, chiến dịch tập trung vào việc phát huy chuyên môn của SV góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường; hỗ trợ các địa phương còn khó khăn trong việc xây dựng, phát triển kinh tế, an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới như: Chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh, Chiến dịch Xuân tình nguyện, Chương trình “Tiếp sức Ulaw” giúp đỡ hơn 9.000 thí sinh và phụ huynh đến tham dự kỳ thi kiểm tra năng lực xét tuyển Đại học và nộp hồ sơ nhập học qua các năm.

+ Nhà trường cũng đã tổ chức nhiều đợt hiến máu tình nguyện tại trường với sự tham gia của hơn 2.500 đoàn viên, thanh niên, nhận được hơn 2,300 đơn vị máu.

+ Các hoạt động xung kích tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong năm qua luôn được quan tâm chỉ đạo và được thực hiện thường xuyên trong nội dung hoạt động của các chiến dịch tình nguyện đặc biệt là công trình thanh niên cấp trường “Xây dựng ý thức chấp hành pháp luật ATGT và bảo vệ môi trường trong SV trường Đại học Luật TP. HCM”. Ngoài ra, Đoàn trường tổ chức định kỳ “Ngày chủ nhật xanh” với các hoạt động thiết thực như: Talkshow chủ đề “Sống xanh – Zero Waste”, “Gian hàng tái chế”, “Gian hàng trò chơi”, Quét dọn khu vực sân trường, vỉa hè...; Các hoạt động tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu cho đoàn viên, thanh niên, người dân luôn được chú trọng trong các chương trình tuyên truyền, các hoạt động tình

+ Tổ chức Phong trào Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc: duy trì hoạt động Đội công tác trật tự và An toàn giao thông SV Trường ĐH Luật Tp.HCM; tham gia triển khai “Đề án Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Tp.HCM tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông, giai đoạn 2018 - 2022”; “Đề án Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành phố tham gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2018 – 2022”.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường được phản ánh bởi việc đánh giá những tồn tại, khó khăn tại báo cáo công tác năm.

Việc cải tiến chất lượng hoạt động dựa trên kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đã đạt được. Từ những biến động của kết quả hoạt động đã đạt được, Nhà trường đưa ra phương hướng cải tiến kết quả và chỉ số tài chính cho năm hoạt động tiếp theo của Nhà trường:

- Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo nhằm thu hút học sinh, SV.

- Khuyến khích GV, SV tham gia hoạt động NCKH, đăng bài báo trên các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước, thực hiện các Đề án, Dự án cấp Bộ, cấp Nhà nước và cấp trường.

- Mở rộng quy mô hoạt động đào tạo ngắn hạn cũng như ký hợp đồng liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục khác.

Cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường được thông qua trên cơ sở các báo cáo, các quyết định, các hợp đồng ký kết. Cụ thể:

- Hoạt động đào tạo: Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hội nghị cán bộ viên chức hàng năm [H25.25.01.02].

- Hoạt động NCKH: Báo cáo kết quả hoạt động khoa học và các chỉ số tài chính của hoạt động này được thể hiện trên báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hội nghị cán bộ viên chức hàng năm của Nhà trường [H25.25.01.03].

- Hoạt động phục vụ cộng đồng: Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hội nghị cán bộ viên chức hàng năm, các báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên, báo cáo về hoạt động tình nguyện, hiến máu, các hoạt động của Đoàn thanh niên hàng năm [H25.25.01.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường ĐH Luật Tp.HCM có sứ mệnh và chiến lược phát triển hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành Luật đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển và hội nhập của đất nước. Trường luôn hướng mục tiêu phát triển đội ngũ nhà giáo, quy mô đào tạo, CSVC, NCKH và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng nhu

cầu học tập của nhân dân và hội nhập quốc tế, góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam. Kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thể hiện và đo lường qua các chỉ số như:

- Đối với hoạt động đào tạo: Số lượng SV tốt nghiệp, số lượng SV tốt nghiệp so với số tuyển vào, khả năng tìm việc của SV sau khi tốt nghiệp, mức lương bắt đầu đi làm của SV sau khi tốt nghiệp và chất lượng đào tạo SV **[H25.25.02.01]**.

- Đối với hoạt động NCKH: Trong Đề án tổng thể 549, Trường ĐH Luật Tp. HCM đã xác định chỉ tiêu của hoạt động NCKH pháp lý giai đoạn 2017 – 2020 là 100% GV của trường tham gia hoạt động NCKH và hoạt động thực tiễn ngoài trường, hàng năm mỗi GV có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong hoặc ngoài nước. Vì vậy có thể thấy kết quả và chỉ số thị trường giáo dục của hoạt động NCKH của Trường ĐH Luật Tp. HCM được thể hiện và đo lường qua các chỉ số như: Các bài báo đăng trên tạp chí uy tín trong và ngoài nước; Hoạt động thực tiễn của GV hoặc kết quả ứng dụng từ các đề tài NCKH các cấp được công nhận và ứng dụng vào thực tế công việc của nhà trường, được gửi đến các cơ quan chức năng liên quan phục vụ công tác xây dựng pháp luật và quản lý nhà nước; Hoạt động NCKH của GV **[H25.25.02.02]**.

- Đối với hoạt động phục vụ cộng đồng: Hoạt động đào tạo phục vụ cộng đồng và hoạt động tình nguyện, thiện nguyện của Nhà trường đạt được trong năm **[H25.25.02.03]**.

Cụ thể:

Về hoạt động đào tạo: Kết quả của hoạt động đào tạo chính là số lượng SV ra Trường có việc làm là khá cao. Hàng năm Nhà trường có lập kế hoạch khảo sát, điều tra. Số lượng SV có phản hồi là khá cao. Kết quả thu được thể hiện chất lượng đào tạo của Trường với nhu cầu sử dụng lao động của thị trường đối với các ngành nghề mà Nhà trường đã đào tạo cung cấp cho thị trường nhân lực của xã hội.

Kết quả thống kê số lượng SV tốt nghiệp ra Trường được phỏng vấn về tình trạng có việc làm, chưa có việc làm đi học nâng cao và chưa có việc làm sau tốt nghiệp ra trường có phản hồi được thể hiện rõ nét:

Bảng 25.2.1. Tình trạng tốt nghiệp của SV đại học hệ chính quy

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng SV tốt nghiệp (người)	1.200	1.200	1.322	1.431	
Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	72,4%	67,4%	76,5%	80,1%	
Đánh giá của SV tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:					
3.1 Tỷ lệ SV trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	16,5%	23,1%	20,3%	19,9%	
3.2 Tỷ lệ SV trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	59%	51,5%	68%	66,7%	
3.3 Tỷ lệ SV trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	20,9%	17,5%	9,4%	12,5%	
SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp					
Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	87%	79,5%	83,57%	81,2%	
Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	13%	20,5	16,43%	18,8%	
Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	0%	0%	0%	0%	

Dựa vào kết quả khảo sát số lượng SV tốt nghiệp đại học trên số lượng SV tuyển vào trên 67% và tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường có việc làm ngay là 79%, tỷ lệ này là tương đối cao. Điều này thể hiện nhu cầu xã hội với các ngành đào tạo của Trường là khá cao, SV tốt nghiệp không sợ thất nghiệp. Chất lượng đào tạo của Trường cũng được đánh giá tốt qua việc phỏng vấn và tiếp nhận SV tốt nghiệp của Trường.

Về hoạt động NCKH: Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể, được công bố, công nhận hoặc nghiệm thu trong năm, bao gồm: Bài báo khoa học đã được công bố; báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia, quốc tế; chương trình, đề tài NCKH, dự án KHCN và các sản phẩm KHCN khác đã được nghiệm thu; sách, giáo trình, tập bài giảng phục vụ đào tạo đã được xuất bản [H25.25.02.02];

- Về bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín trong và ngoài nước: Việc viết bài đăng tạp chí uy tín thuộc các danh mục ISI hoặc Scopus là một vấn đề được quan tâm ưu tiên tại trường. Nhà trường đã tổ chức ít nhất 03 tọa đàm, hội thảo về nội dung này [H25.25.02.04] và ban hành quy định hỗ trợ, khuyến khích về vật chất cho các tác giả có bài báo quốc tế thuộc danh mục uy tín [H25.25.02.05], kết quả là số lượng các bài tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus của trường đã có tăng nhẹ trong năm 2019, 2020 và có sự gia tăng nhiều hơn trong năm 2021 hứa hẹn sự tiến triển trong giai đoạn sắp tới.

Bảng 25.2.2. Các bài báo khoa học của GV đăng trên tạp chí trong nước và quốc tế (TC 6.7)

ST T	Năm	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ			Số lượng bài báo khoa học					Số lượng sách/ chương sách	
		Số lượng nhiệm vụ cấp quốc gia	Số lượng nhiệm vụ cấp bộ	Số lượng nhiệm vụ cấp cơ sở	ISI - WoS	SCOPUS	ACI	Khác	Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong nước	Số sách/ chương sách xuất bản ở nước ngoài	Số sách chuyên khảo/ tham khảo/ giáo trình đã xuất bản trong nước
1	2017	2	3	24	0	0	0	4	75	0	GT: 9 SCK: 8 SHD: 6

ST T	Năm	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ			Số lượng bài báo khoa học					Số lượng sách/ chương sách	
		Số lượng nhiệm vụ cấp quốc gia	Số lượng nhiệm vụ cấp bộ	Số lượng nhiệm vụ cấp cơ sở	ISI - WoS	SCOPUS	ACI	Khác	Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong nước	Số sách/ chương sách xuất bản ở nước ngoài	Số sách chuyên khảo/ tham khảo/ giáo trình đã xuất bản trong nước
2	2018	0	0	4	0	0	0	6	75	0	GT: 6 SCK:3 SHD: 1
3	2019	0	1	14	0	1	0	1	80	Sách: 01	GT: 5 SCK: 07 STK: 03
4	2020	1	1	22	0	1	0	2	127	0	GT: 02 SCK: 13 STK: 03
5	2021	0	2	13	10	7	0	7	141	0	GT: 05 SCK:03 STK: 04

+ Về hoạt động thực tiễn của GV hoặc kết quả nghiên cứu từ đề tài được ứng dụng tại trường, gửi đến các cơ quan chức năng: Trường có một lợi thế là có Trung tâm TVPL trực thuộc có chức năng thường xuyên tổ chức các buổi tư vấn pháp luật cho nhiều đối tượng khác nhau, vì vậy GV của trường có cơ hội tham gia tư vấn hoạt động thực tiễn. Bên cạnh đó, đề tài NCKH các cấp của GV luôn được khuyến khích có sản phẩm mang tính ứng dụng hoặc khoa học, và các kết quả nghiên cứu này cũng như kiến nghị khoa học từ các hội thảo khoa học của trường được Nhà trường ứng dụng vào công tác quản lý hoặc gửi đến các cơ quan chức năng làm tài liệu tham khảo trong quá trình xây dựng văn bản pháp luật hoặc ứng dụng vào công tác quản lý nhà nước.

- Về hoạt động NCKH của GV: GV của trường có nghĩa vụ thực hiện đủ định mức chung về hoạt động NCKH theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của trường. Vì vậy chỉ tiêu về 100% GV thực hiện nghĩa vụ NCKH được đảm bảo. Nhà trường phân công cho Phòng QL NCKH&HTQT rà soát và xác nhận số tiết NCKH thực hiện hàng năm do GV kê khai, kết quả này được sử dụng cho công tác thi đua khen thưởng và phân loại đánh giá viên chức vào cuối mỗi năm học.

Về hoạt động phục vụ cộng đồng:

Nhà trường luôn xác định trách nhiệm của Nhà trường đối qua các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường diễn ra đều đặn hàng năm, thu hút đông đảo sự tham gia của học viên, SV và cán bộ, GV trong Nhà trường. Kết quả của hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện thông qua các hoạt động:

- Hoạt động đào tạo ngắn hạn: cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức thức pháp luật cho cán bộ, nhân viên của hàng trăm doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn Tp.HCM và các tỉnh thành.

- Công đoàn trường tổ chức kết nối phục vụ cộng đồng thông qua hoạt động ủng hộ từ thiện theo chủ trương, hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ GD&ĐT, Liên đoàn Lao động TP. HCM như: ủng hộ người nghèo, người dân bị thiệt hại do bão lũ, người có hoàn cảnh khó khăn

- Đoàn trường, Hội SV tổ chức tháng tình nguyện, các chương trình tình nguyện như hiến máu nhân đạo, mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi...

- Chỉ số thị trường của hoạt động phục vụ cộng đồng: Số lượng hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Việc đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hàng năm được thể hiện cụ thể:

- Về hoạt động đào tạo: Kết quả hoạt động đào tạo được thể hiện qua Bảng 25.2.1 cho thấy nhà trường luôn thực hiện việc đối sánh số liệu hàng năm về tình trạng tốt nghiệp của SV đại học hệ chính quy cả về số lượng và tỷ lệ. Bảng số liệu cho thấy số lượng SV tốt nghiệp và tỷ lệ SV tốt nghiệp so với số tuyển vào ngày càng tăng và tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo của SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp

chiếm một tỷ lệ lớn. Thông qua việc đối sánh này cho thấy Nhà trường đang ngày càng nâng cao chất lượng của hoạt động đào tạo.

- Về hoạt động NCKH: Hoạt động đối sánh, đánh giá về chất lượng, khối lượng nghiên cứu của GV nhà trường cũng được thể hiện rõ trong báo cáo hoạt động khoa học công nghệ hàng năm của nhà trường [H25.25.02.06]. Cũng thông qua các báo cáo đó cho thấy số lượng chất lượng các các đề tài NCKH tăng lên đáng kể. Cụ thể, số lượng các đề tài NCKH nghiệm thu được đánh giá loại khá và xuất sắc tăng so với những năm trước. Đặc biệt, số liệu trong Bảng 25.2.2 thể hiện Đề tài cấp cơ sở từ năm 2017-2022 khá ổn định, duy trì từ 2 đến 3 đề tài cấp Bộ/năm. Các đề tài các cấp về cơ bản đều nghiên cứu những vấn đề liên quan đến các chuyên ngành đào tạo, các hoạt động xoay quanh phục vụ cho sự phát triển của Nhà trường hoặc vấn đề đang được xã hội quan tâm.

Kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động NCKH được thống kê và báo cáo hàng năm cho Bộ GD&ĐT và cho Nhà trường theo yêu cầu chung.

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

- Về hoạt động phục vụ cộng đồng: Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Qua đó, nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

- Hoạt động đào tạo: Hàng năm Nhà trường có kế hoạch khảo sát đánh giá của ĐV SDLĐ về chất lượng SV tốt nghiệp Trường ĐH Luật Tp.HCM đang làm việc tại các ĐV SDLĐ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Đối tượng tham gia khảo sát là người lao động, ĐV SDLĐ, SV và cựu SV của Nhà trường. Thông qua hoạt động khảo sát, Nhà trường đánh giá được nhu cầu của các bên liên quan về kỹ năng, trình độ chuyên môn

của đầu ra các CTĐT nhằm hoàn thiện đáp ứng nhu cầu của ĐV SDLĐ. Thông qua hoạt động khảo sát này, Nhà trường đánh giá được nhu cầu của các bên liên quan về kỹ năng, trình độ chuyên môn của đầu ra các CTĐT nhằm hoàn thiện đáp ứng nhu cầu của ĐV SDLĐ. Bên cạnh đó, đối tượng khảo sát còn hướng đến đối tượng thực hiện khảo sát là SV, cựu SV tham gia CTĐT về nội dung chương trình, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc sau đào tạo.

- Hoạt động NCKH: Xuất phát từ thực tế hiện nay Nhà trường chưa có công cụ quản lý hiệu quả để so sánh và đối chiếu kết quả thực hiện các báo cáo khoa học nên trong thời gian tới, Nhà trường đang tích cực xây dựng phần mềm quản lý khoa học để có cơ sở dữ liệu quản lý công bố khoa học, gắn liền với từng cán bộ, GV tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu cũng như các hoạt động khác.

- Hoạt động phục vụ cộng đồng

+ Đối với các hoạt động tình nguyện, xã hội: Sau khi kết thúc các hoạt động, dựa trên các thông tin phản hồi của các bên liên quan, dựa trên báo cáo tổng kết sau mỗi hoạt động và báo cáo định kỳ hằng năm của các đơn vị, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV [H25.25.02.07], và các thông tin phản hồi từ các bên liên quan [H25.25.02.08], từ đó rút ra kinh nghiệm để phát huy những điểm mạnh và hạn chế những điểm còn tồn tại của những hoạt động tiếp theo. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV và các Trung tâm sẽ là đầu mối thực hiện nhằm đạt hiệu quả tốt nhất, hướng tới mục tiêu tiến bộ về quy mô tổ chức và hiệu quả hoạt động trong các phong trào .

+ Đối với các khóa đào tạo ngắn hạn cũng như các chương trình tư vấn pháp luật cho phạm nhân được lãnh đạo các đơn vị đánh giá cao và hiệu quả, được ghi nhận trong các báo cáo, cũng như đánh giá của đại diện các đơn vị tại các buổi tổng kết, hội nghị, hội thảo [H25.25.02.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 25

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường đã xác lập các tiêu chí đánh giá cũng như có giám sát chặt chẽ về kết quả và các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ

cộng đồng, phát huy thế mạnh trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành Luật đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển và hội nhập của đất nước.

Có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Chưa thiết lập hệ thống giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Việc đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả và các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng chưa được thiết lập.

3. Kế hoạch cải tiến

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh 1	Hoàn thiện và cải tiến mạnh hơn nữa các tiêu chí đánh giá và hệ thống giám sát chặt chẽ để có cơ sở cải tiến, đổi mới kết quả và các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Phòng Đào tạo, Phòng CTSV, Trung tâm QHDN&HTSV	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh 2	Đẩy mạnh công tác cải tiến chất lượng hoạt động	Phòng Đào tạo, Phòng CTSV,	Hàng năm

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
		căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Trung tâm QHDN&HTSV	
3	Khắc phục tồn tại 1	Thiết lập hệ thống giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	BGH giao cho đơn vị chuyên môn thực hiện	Hàng năm
4	Khắc phục tồn tại 2	Quy trình thu thập thông tin phản hồi chuẩn về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng cần thiết lập sớm để trường sớm hoàn thiện bộ tiêu chuẩn đánh giá.	BGH giao cho đơn vị chuyên môn thực hiện	Hàng năm

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 25</i>	5
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	5

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐH LUẬT TP.HCM

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược	4,72	
I.1	Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4,40	
1.	1.1	5	
2.	1.2	5	
3.	1.3	4	
4.	1.4	4	
5.	1.5	4	
I.2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị	4,25	
6.	2.1	5	
7.	2.2	4	
8.	2.3	4	
9.	2.4	4	
I.3	Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	5,00	
10.	3.1	5	
11.	3.2	5	
12.	3.3	5	
13.	3.4	5	
I.4	Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	4,00	
14.	4.1	4	
15.	4.2	4	
16.	4.3	4	
17.	4.4	4	
I.5	Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	5,00	
18.	5.1	5	
19.	5.2	5	
20.	5.3	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
21.	5.4	5	
I.6	Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	5,14	
22.	6.1	5	
23.	6.2	5	
24.	6.3	5	
25.	6.4	5	
26.	6.5	6	
27.	6.6	5	
28.	6.7	5	
I.7	Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	5,00	
29.	7.1	5	
30.	7.2	5	
31.	7.3	5	
32.	7.4	5	
33.	7.5	5	
I.8	Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	5,00	
34.	8.1	5	
35.	8.2	5	
36.	8.3	5	
37.	8.4	5	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống	4,90	
II.9	Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	5,00	
38.	9.1	5	
39.	9.2	5	
40.	9.3	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
41.	9.4	5	
42.	9.5	5	
43.	9.6	5	
II.10	Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	5,00	
44.	10.1	5	
45.	10.2	5	
46.	10.3	5	
47.	10.4	5	
II.11	Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong	5,00	
48.	11.1	5	
49.	11.2	5	
50.	11.3	5	
51.	11.4	5	
II.12	Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	4,60	
52.	12.1	5	
53.	12.2	4	
54.	12.3	5	
55.	12.4	5	
56.	12.5	4	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng	5,10	
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	4,60	
57.	13.1	5	
58.	13.2	5	
59.	13.3	4	
60.	13.4	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
61.	13.5	5	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	4,80	
62.	14.1	4	
63.	14.2	5	
64.	14.3	5	
65.	14.4	5	
66.	14.5	5	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	6,00	
67.	15.1	6	
68.	15.2	6	
69.	15.3	6	
70.	15.4	6	
71.	15.5	6	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	6,00	
72.	16.1	6	
73.	16.2	6	
74.	16.3	6	
75.	16.4	6	
III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	5,25	
76.	17.1	6	
77.	17.2	5	
78.	17.3	5	
79.	17.4	5	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH	4,00	
80.	18.1	4	
81.	18.2	4	
82.	18.3	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
83.	18.4	4	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	5,75	
84.	19.1	6	
85.	19.2	6	
86.	19.3	6	
87.	19.4	5	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH	4,25	
88.	20.1	4	
89.	20.2	4	
90.	20.3	4	
91.	20.4	5	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	5,25	
92.	21.1	6	
93.	21.2	5	
94.	21.3	5	
95.	21.4	5	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	4,77	
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	5,00	
96.	22.1	5	
97.	22.2	5	
98.	22.3	5	
99.	22.4	5	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH	4,33	
100.	23.1	4	
101.	23.2	4	
102.	23.3	5	
103.	23.4	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
104.	23.5	4	
105.	23.6	5	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	4,75	
106.	24.1	5	
107.	24.2	5	
108.	24.3	4	
109.	24.4	5	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	5,00	
110.	25.1	5	
111.	25.2	5	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 6 điểm (tiêu chí: 6.5; 15.2; 15.3; 15.4; 15.5; 16.1; 16.2; 16.3; 16.4; 17.1; 19.1; 19.2; 19.3; 21.1);
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm (tiêu chí: 1.3; 1.5; 2.2; 2.3; 2.4; 4.1; 4.2; 4.3; 4.4; 12.2; 12.5; 13.3; 13.4; 14.1; 18.1; 18.2; 18.3; 18.4; 20.1; 20.2; 20.3; 23.1; 23.2; 23.4; 23.5; 24.3;);
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2022

Q. HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Hải
Trần Hoàng Hải

**PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG ĐH
LUẬT TP.HCM**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**

Thời điểm báo cáo: Tính đến hết ngày 31 – 10 -2022.

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tiếng Anh: Ho Chi Minh City University of Law

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: ĐH Luật TPHCM

Tiếng Anh: ULAW

3. Tên trước đây (nếu có): Phân hiệu Đại học Pháp lý TP.HCM (1987)

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Số 2-4 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (84.28) 39400989 Số fax (84.28) 38265291

E-mail: ulaw@hcmulaw.edu.vn. Website: www.hcmulaw.edu.vn

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 1996

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1983

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1988

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không.

11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Liên kết đào tạo với nước ngoài

Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Không

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng)

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Giám đốc/ Hiệu trưởng	Trần Hoàng Hải	PGS. TS, Quyền Hiệu trưởng	0918038685	thhai@hcmulaw.edu.vn
2. Phó Giám đốc/ Phó Hiệu trưởng (liệt kê từng người)	Bùi Xuân Hải	PGS. TS, Phó Hiệu trưởng	0907443969	bxhai@hcmulaw.edu.vn
	Lê Trường Sơn	TS, Phó Hiệu trưởng	0907971999	ltson@hcmulaw.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn,...				
Đảng ủy	Vũ Văn Nhiêm	PGS. TS, Bí thư Đảng ủy	0908474199	vvnhiem@hcmulaw.edu.vn
Công đoàn Trường	Lê Thị Thuý Hương	TS, Chủ tịch Công đoàn Trường	0918880511	ltthuong@hcmulaw.edu.vn
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Thành Bá Đại	ThS, Bí thư Đoàn trường	0986787827	ntbdai@hcmulaw.edu.vn
4. Các phòng, ban chức năng				
Phòng Công tác sinh viên	Lê Thế Tài	TS, Phó Trưởng phòng phụ trách	0918297728	littai@hcmulaw.edu.vn
Phòng Đào tạo	Lê Văn Hiên	ThS, Phó Trưởng phòng phụ trách	0934181939	lvhien@hcmulaw.edu.vn
Phòng Đào tạo Sau Đại học	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TS, Trưởng phòng	0932129795	ntbngoc@hcmulaw.edu.vn
Phòng Tổ chức –	Phan Anh Tuấn	TS, Trưởng	0908415139	dxquang@hcmu

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Hành chính		phòng		law.edu.vn
Phòng Quản lý hệ vừa làm vừa học	Đoàn Việt Hùng	ThS, Phó Trưởng phòng phụ trách	0903838647	dvhung@hcmulaw.edu.vn
Phòng Quản lý NCKH&HTQT	Lê Thị Thuý Hương	TS, Trưởng phòng	0918880511	ltthuong@hcmulaw.edu.vn
Phòng Quản trị - Thiết bị	Phạm Hoàng Minh	Trưởng phòng	0983216156	phminh@hcmulaw.edu.vn
Phòng Tài chính - Kế toán	Lê Thị Hoài An	Phó Trưởng phòng phụ trách	0918005052	lthan@hcmulaw.edu.vn
Phòng Thanh tra	Nguyễn Tú Anh	ThS, Phó Trưởng phòng phụ trách	0922286966	ntanh@hcmulaw.edu.vn
Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam	Đỗ Văn Đại	GS. TS, Phụ trách tạp chí	0913018601	dv dai@hcmulaw.edu.vn
5. Các trung tâm/ viện trực thuộc				
Trung tâm Công nghệ thông tin	Đào Quốc Hùng	Giám đốc trung tâm	0916680681	dqhung@hcmulaw.edu.vn
Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Phương pháp giảng dạy	Vũ Duy Cương	ThS, Giám đốc	0913759659	vdcuong@hcmulaw.edu.vn
Trung tâm Đào tạo chất lượng cao và Đào tạo quốc tế	Huỳnh Thị Thu Trang	ThS, Giám đốc	0903026999	htttrang@hcmulaw.edu.vn
Trung tâm Đào tạo ngắn hạn	Trịnh Anh Nguyên	ThS, Giám đốc	0933738573	tanguyen@hcmulaw.edu.vn
Trung tâm Đào tạo trực tuyến	Trương Tư Phước	ThS, Phó giám đốc phụ trách	0903852797	ttphuoc@hcmulaw.edu.vn
Trung tâm Học liệu	Đặng Văn Thống	ThS, Giám đốc	0909214617	dvthong@hcmulaw.edu.vn
Trung tâm Khảo thí	Phan Lê Hoàng Toàn	Giám đốc	0903762279	plhtoan@hcmulaw.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Thành An	Giám đốc	0916448553	ntan@hcmulaw.edu.vn
Trung tâm sở hữu trí tuệ	Lê Thị Nam Giang	PGS. TS, Giám đốc	0983877897	ltngiang@hcmulaw.edu.vn
Trung tâm Thông tin - Thư viện	Ngô Kim Hoàng Nguyên	ThS. Phó giám đốc phụ trách	0915333550	nkhnghuyen@hcmulaw.edu.vn
Trung tâm Tư vấn Pháp Luật	Hoàng Hương Giang	Ths. Phó Giám đốc	0973806004	hhgiang@hcmulaw.edu.vn
Văn phòng Đảng ủy	Nguyễn Thành An	Phó Chánh văn phòng	0914267982	ntan@hcmulaw.edu.vn
6. Các khoa/viện đào tạo, tổ				
Khoa Luật Dân sự	Nguyễn Xuân Quang	TS, Trưởng khoa	0903603773	nxquang@hcmulaw.edu.vn
Khoa Luật Hành chính – Nhà nước	Nguyễn Mạnh Hùng	TS, Trưởng khoa	0908690140	nmhung@hcmulaw.edu.vn
Khoa Luật Hình sự	Nguyễn Thị Phương Hoa	PGS. TS, Trưởng khoa	0908377972	ntphoa@hcmulaw.edu.vn
Khoa Luật Quốc tế	Trần Việt Dũng	PGS. TS, Trưởng khoa	0909817299	tvdung@hcmulaw.edu.vn
Luật Thương mại	Hà Thị Thanh Bình	PGS. TS, Trưởng khoa	0903955868	httbinh@hcmulaw.edu.vn
Khoa Khoa học cơ bản	Nguyễn Quốc Vinh	TS, Trưởng khoa	0908112454	nqvinh@hcmulaw.edu.vn
Khoa Quản trị	Nguyễn Thị Thủy	PGS. TS, Trưởng khoa	0974777879	ntthuy@hcmulaw.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Khoa Ngoại ngữ pháp lý	Trần Thăng Long	PGS. TS, Phó Trưởng khoa phụ trách	0979213099	ttl@hcmulaw.edu.vn

(Kéo dài bảng biểu theo quy mô của CSGD)

13. Các khoa/viện đào tạo của CSGD

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Cao học		Nghiên cứu sinh	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
Các khoa Luật (Chương trình đào tạo ngành Luật)	10	5.522	9	188	4	84
Khoa Luật quốc tế (Chương trình đào tạo Luật Thương quốc tế)	1	478	0	0	0	0
Khoa Quản trị (Chương trình Quản trị - Luật)	2	1.386	0	0	0	0
Khoa Quản trị (Quản trị kinh doanh)	3	697	0	0	0	0
Khoa Ngoại ngữ pháp lý (Chương trình Ngôn ngữ Anh)	3	322	0	0	0	0

14. Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu, chi nhánh/cơ sở của các đơn vị)

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	SL cán bộ/nhân viên
	Không có				

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

CSGD cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ, giảng viên⁴, nhân viên của mình, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin dưới đây (Thống kê mỗi loại gồm 5 bảng tương ứng với 5 năm của giai đoạn đánh giá):

15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên 2018	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	238	22,6%	30	13,3%
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	238	22,6%	30	13,3%

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên 2019	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	248	22,5%	20	30%
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	248	22,5%	20	30%

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên 2020	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	246	23,6%	15	46,6%
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	246	23,6%	15	46,6%

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên 2021	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	243	23,9%	18	38,8%

⁴ Việc xác định giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng áp dụng theo các quy định hiện hành.

Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	243	23,9%	18	38,8%

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên 2022	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	282	25,5	25	56
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	282	25,5	25	56

16. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

Phân cấp cán bộ, nhân viên 2018	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	20	0	20
Nhân viên	127	0	127
Tổng cộng	147	0	147

Phân cấp cán bộ, nhân viên 2019	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	16	0	16
Nhân viên	127	0	127
Tổng cộng	143	0	143

Phân cấp cán bộ, nhân viên 2020	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	15	0	15
Nhân viên	133	0	133
Tổng cộng	148	0	148

Phân cấp cán bộ, nhân viên 2021	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	15	0	15
Nhân viên	127	0	127
Tổng cộng	142	0	142

Phân cấp cán bộ, nhân viên 2022	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	15	0	15
Nhân viên	101	0	101
Tổng cộng	116	0	116

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính:

Năm 2018				
TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu			

Năm 2018				
TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	<i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	158	198	356
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	18	8	26
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng (cô Oanh YT, bác Phạm Bảo Chung, chú Lại Hữu Nhân + GV thỉnh giảng)	22	11	33
	Tổng cộng	198	217	415

Năm 2019				
TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	153	201	354
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	20	14	34
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	17	6	23
	Tổng cộng	190	221	411

Năm 2020				
TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			

Năm 2020				
TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	162	209	371
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	12	8	20
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	13	5	18
	Tổng cộng	187	222	409

Năm 2021				
TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	158	205	363
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	12	8	20
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	12	8	20
	Tổng cộng	182	221	403

Năm 2022				
TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	159	215	374

Năm 2022				
TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	13	9	22
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	18	9	27
	Tổng cộng	190	233	423

18. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

Năm 2018							
TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	12	0	5	1	0	18
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	43	2	5	3	0	53
5	Thạc sĩ	181	0	10	20	3	214
6	Đại học	9	0	0	1	2	12
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	245	2	20	25	5	297

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu⁵: **267 người**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: **67,5%**

⁵ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

Năm 2019							
TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	12	0	5	0	0	17
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	46	2	5	6	0	59
5	Thạc sĩ	191	0	5	12	1	209
6	Đại học	7	0	0	0	1	8
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	256	2	15	18	2	293

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu⁶: **273 người**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: **69,8%**

Năm 2020							
TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0

⁶ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

Năm 2020							
TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
2	Phó Giáo sư	13	0	4	0	0	17
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	49	2	6	7	0	64
5	Thạc sĩ	190	0	4	8	0	202
6	Đại học	3	0	1	0	0	4
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	255	2	15	15	0	287

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu⁷: **272 người**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: **69,7%**

Năm 2021							
TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	13	0	4	2	0	19
3	Tiến sĩ khoa	0	0	0	0	0	0

⁷ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

Năm 2021							
TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
	học						
4	Tiến sĩ	47	2	6	5	0	60
5	Thạc sĩ	187	0	4	11	0	202
6	Đại học	3	0	1	0	0	4
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	250	2	15	18	0	285

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu⁸: **267 người**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: **69,7%**

Năm 2022							
TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	1	0	0	1
2	Phó Giáo sư	5	0	10	1	0	16
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	29	2	24	13	1	69
5	Thạc sĩ	176	0	28	10	0	214
6	Đại học	6	0	1	0	0	7

⁸ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	216	2	64	24	1	307

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu⁹: **282 người**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: **70,9%**

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

Năm 2018										
TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	17	6,4%	12	5	4	5	4	4	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	50	18,7%	27	23	12	17	17	4	0
5	Thạc sĩ	191	71,5%	72	119	63	80	35	12	1
6	Đại học	9	3,4%	3	6	4	2	2	1	0
7	Cao đẳng	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	267		114	153	83	104	58	21	1

⁹ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **35,7 tuổi**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: **25,1%**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: **71,5%**

Năm 2019										
TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	17	6,2%	12	5	0	0	11	5	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	53	19,4%	29	24	1	14	29	8	1
5	Thạc sĩ	196	71,8%	68	128	57	102	26	11	0
6	Đại học	7	2,6%	3	4	6	0	0	1	0
7	Cao đẳng	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	273		112	161	64	116	66	25	2

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **37,3 tuổi**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: **25,6%**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: **71,8%**

Năm 2020										
TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	17	6,2%	12	5	0	0	9	7	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	57	21%	35	22	1	11	35	8	2
5	Thạc sĩ	194	71,3%	64	130	49	106	29	10	0
6	Đại học	4	1,5%	1	3	3	0	0	1	0
7	Cao đẳng	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	272	100%	112	160	53	117	73	26	3

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **38,2 tuổi**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: **27,2%**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: **71,3%**

Năm 2021										
TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0%	0	0	0	0	0	0	0

Năm 2021										
TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
	sĩ									
2	Phó Giáo sư	17	6,4 %	12	5	0	0	8	8	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	55	20,6%	33	22	1	8	33	11	2
5	Thạc sĩ	191	71,5%	63	128	35	113	34	9	0
6	Đại học	4	1,5 %	1	3	0	3	0	1	0
7	Cao đẳng	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	267	100 %	109	158	36	124	75	29	3

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **39,1 tuổi**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: **20.6%**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: **71,5%**

Năm 2022										
TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0,4	1	0	0	0	1	0	0

Năm 2022										
TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
2	Phó Giáo sư	15	5,7	10	5	0	0	4	8	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	55	19,5	30	25	0	5	29	19	2
5	Thạc sĩ	204	72	68	136	29	123	38	13	1
6	Đại học	7	2,4	3	4	6	0	0	1	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	282	100	112	170	35	128	72	41	6

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **39,1 tuổi**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: **25,5%**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: **72%**

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	9%	56%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	21%	27%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	37%	11%

4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	23%	6%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	10%	0%
	Tổng	100%	100%

III. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

21. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây hệ chính quy:

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Nghiên cứu sinh							
2017	20	20		20	Xét tuyển		0
2018	8	7		7	Xét tuyển		0
2019	4	4		4	Xét tuyển		0
2020	5	5		5	Xét tuyển		0
2021	4	4		4	Xét tuyển		0
2022	10	Chưa		Chưa	Xét tuyển		
2. Học viên cao học							
2017	938	346		340	10,5		0

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018	687	265		260	10		7
2019	783	398		388	12		7
2020	465	219		200	10		1
2021	315	201		182	Xét tuyển		2
2022	141	139		Chưa	Xét tuyển		3
3. Đại học							
2017	3.456	1.788	1.93	1.673	20.00	22.25	4
2018	3.435	2.050	1.68	1.946	19.00	21.75	5
2019	3.796	2.348	1.62	2.219	17.00	20.00	0
2020	15.274	2.105	7.26	2.025	22.50	24.50	1
2021	16.455	2.201	7.48	2.147	24.50	26.50	2
2022	7058	2285	3.08	2179	22.50	25.00	0
4. Cao đẳng	KHÔNG						
5. Trung cấp	KHÔNG						

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại CSGD: **8922 người.#**

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây hệ không chính quy:

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Đại học							
2017	756	756		581	xét	xét tuyển	

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
					tuyển		
2018	635	635		524	xét tuyển	xét tuyển	
2019	761	761		605	xét tuyển	xét tuyển	
2020	278	278		243	xét tuyển	xét tuyển	
2021	318	318		261	xét tuyển	xét tuyển	
2022	68	68		46	xét tuyển	xét tuyển	
2. Cao đẳng	Không						
3. Trung cấp							
4. Khác							

23. Ký túc xá cho sinh viên:

Các tiêu chí	20...	20...	20...	20...	20...
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	Không				
2. Số lượng sinh viên					
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá					
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá					
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người					

24. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Số lượng (người)	221	183	183	231	383	
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên						

25. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2017	2018	2019	2020	2021	2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	5	11	10	4	2	5
2. Học viên tốt nghiệp cao học	273	302	356	263	188	166
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học						
Trong đó:						
Hệ chính quy	1.477	1.522	1.384	1.414	991	1290
Hệ không chính quy	1672	1806	1734	332	417	571

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2017	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	1.477	1.522	1.384	1.414	991	1290
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	92.25%	93.71%	85.22%	84.01%	60.68%	72.96%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:						
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4						
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây						
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	12%	16,5%	23,1%	20,3%	19,9%	Đang khảo sát

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					2022
	2017	2018	2019	2020	2021	
(%)						
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	58%	59%	51,5%	68%	66,7%	
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	22%	20,9%	17,5%	9,4%	12,5%	
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:						
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5						
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây						
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)						
- Sau 6 tháng tốt nghiệp						
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	75%	87%	79,5%	83,57%	81,2%	
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	25%	13%	20,5	16,43%	18,8%	
4.3 Tỷ lệ tự tạo được	0%	0%	0%	0%	0%	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					2022
	2017	2018	2019	2020	2021	
việc làm (%)						
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm		5 đến 10 triệu	5 đến 10 triệu	5 đến 10 triệu	5 đến 10 triệu	
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây						
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	Trường chưa thực hiện khảo sát					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)						
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)						

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy: **Không**

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	2	0	1	3
2	Đề tài cấp Bộ*	3	1	0	1	1	6
3	Đề tài cấp trường	8	11	4	13	8	44
	Tổng cộng	11	12	4	14	12	53

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu: **53/396**

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của CSGD trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018	0	0	0
2	2019	0	0	0
3	2020	0	0	0
4	2021	0	0	0
5	2022	0	0	0

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	50	70	195	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	

Tổng số cán bộ tham gia	50	70	195	
-------------------------	----	----	-----	--

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng					Tổng số
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Sách chuyên khảo	6	10	14	5	0	35
2	Sách giáo trình	4	6	2	3	2	17
3	Sách tham khảo	0	3	3	3	1	10
4	Sách hướng dẫn	1	1	0	1	0	3
	Tổng cộng	11	20	19	12	3	65

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: **65/396**

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	50	90	20	47
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	2	0	0
Trên 6 cuốn sách	1	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	51	92	20	47

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					Tổng số
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	6	7	12	17	16	58
	Danh mục ISI	0	1	6	10	5	22
	Danh mục Scopus	1	4	5	0	2	12
	Khác	5	2	1	7	9	24
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	78	81	130	128	150	567
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	90	95	154	162	182	625

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu¹⁰: **1,62 bài/cán bộ** (642 bài quy đổi/396 cán bộ cơ hữu)

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	30	235	0
Từ 6 đến 10 bài báo	1	35	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	12	0
Trên 15 bài báo	0	16	0
Tổng số cán bộ tham gia	31	298	0

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					Tổng số
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hội thảo quốc tế	75	70	15	15	7	182
2	Hội thảo trong nước	25	43	45	20	20	153
3	Hội thảo của trường	112	120	140	120	90	582
	Tổng cộng	212	233	200	155	117	917

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: **917/396**

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	85	30	250
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0

¹⁰ Hệ số quy đổi công trình NCKH được tính theo Quyết định số 26/QĐ-HĐGSNN phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2021

Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	85	30	250

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
	Không

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	25	1422	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	25	1422	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	8	9	1	2	Chưa có
2	Số bài báo được đăng, công trình được	0	0	0	0	0	

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	2022
	công bố						

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	135.563	X		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Trong đó	27.879	X		
2.1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>	15.657	X		
2.2	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	4.490	X		
2.3	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	7.732	X		

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Khối ngành I		
Khối ngành II		
Khối ngành III Ngành luật & QTL	2.927	29.769
Khối ngành IV		
Khối ngành V		
Khối ngành VI		
Khối ngành VII Ngoại ngữ, Anh văn Pháp lý	63	428
Các môn chung KHCB	234	2.236
Tổng	3.214	32.423

41. Tổng số thiết bị chính của trường:

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng làm việc	52	Bàn, ghế, máy tính, máy in, máy lạnh...	CB-GV	15.187	X		
2	Hội trường, giảng đường lớn trên 200 chỗ	9	Bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, màn chiếu, máy chiếu, màn hình LED tương tác, hệ thống âm thanh không dây, điều hòa không khí, máy tính bàn giảng viên.	GV-SV	3.418	X		
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	57	Bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, màn chiếu, máy chiếu, màn hình LED tương tác, hệ thống âm thanh không dây, điều hòa không khí, máy tính bàn giảng viên.	Sinh viên	7.464	X		
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	43	Bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, màn chiếu, máy chiếu, màn hình LED tương tác, hệ thống âm thanh không dây, điều hòa không	Sinh viên	2.861	X		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			khí, máy tính bàn giảng viên.					
5	Phòng học dưới 50 chỗ	7	Bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, màn chiếu, máy chiếu, màn hình LED tương tác, hệ thống âm thanh không dây, điều hòa không khí, máy tính bàn giảng viên.	Sinh viên	490	X		
6	Phòng thực hành máy tính	5	Bàn ghế màn chiếu, máy chiếu, màn hình LED tương tác, hệ thống âm thanh không dây, điều hòa không khí, máy tính bàn giảng viên.	SV-GV	360	X		
	Tổng		-----	-----				

(Có Bảng kê chi tiết từng phòng)

42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây: (31/10/2021)

- Năm 2017: 262.718.714.144
- Năm 2018: 240.392.037.169
- Năm 2019: 256.254.941.456
- Năm 2020: 265.487.867.658
- Năm 2021: 151.769.595.526
- **Năm 2022: 145.360.336.526**

43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2017: 112.349.535.656
- Năm 2018: 123.726.937.500
- Năm 2019: 160.091.823.932
- Năm 2020: 177.580.154.700
- Năm 2021: 120.426.056.000
- **Năm 2022: 104.071.780.000**

44. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng: (Chi cho NCKH và ĐTNH, SHTT)

- Năm 2017: 5.904.843.240
- Năm 2018: 5.669.458.697
- Năm 2019: 6.466.375.258
- Năm 2020: 6.565.538.952
- Năm 2021: 2.761.026.900
- **Năm 2022: 2.693.203.587**

45. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng (thu từ các hoạt động ĐTNH và SHTT)

- Năm 2017: 1.007.908.500
- Năm 2018: 2.983.710.423
- Năm 2019: 2.776.013.000
- Năm 2020: 3.194.355.000
- Năm 2021: 3.121.822.400
- **Năm 2022:**

46. Tổng chi cho hoạt động đào tạo

- Năm 2017: 163.101.292.605
- Năm 2018: 146.091.306.781
- Năm 2019: 120.344.089.491
- Năm 2020: 112.046.942.689
- Năm 2021: 73.887.043.129
- **Năm 2022: 2.926.176.000**

47. Tổng chi cho phát triển đội ngũ

- Năm 2017: 93.911.000

- Năm 2018: 264.432.000
- Năm 2019: 311.035.726
- Năm 2020: 121.205.200
- Năm 2021: 14.300.000
- **Năm 2022: 355.740.000**

48. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm

- Năm 2017: 0
- Năm 2018: 313.248.000
- Năm 2019: 593.599.500
- Năm 2020: 556.938.520
- Năm 2021: 459.900.000
- Năm 2021: 459.900.000
- Năm 2022: 353.416.794

VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TDG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TDG	Tên tổ chức đánh giá	Tháng/năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐCL GD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	Cơ sở giáo dục	VBHN số 06/VBHN-BGDĐT	2014	2015, 2016	HCM -CEA	10/2016	85,25%	03/5/2017	03/5/2022
2	CTĐT tạo trình độ ĐH ngành Luật hệ	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2020	2021	HCM -CEA	4/2022	94%	8/8/2022	7/8/2027

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TĐG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TĐG	Tên tổ chức đánh giá	Tháng/năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐCL GD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
	chính quy.								

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): **282 GV**.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): **71,2%** (282 GV cơ hữu/396 Cán bộ cơ hữu)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): **25,2%** (71 GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên/ tổng số 282 GV cơ hữu)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu (%): 72%.

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): **8405 SV**.

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): **23,96 SV/GV** (8771 SV quy đổi/366,1 GV quy đổi¹¹).

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): **72,96%**.

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

¹¹ Hệ số quy đổi SV được tính theo Công văn 1325/BGDĐT-KHHC ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn cách xác định số sinh viên, học sinh quy đổi trên 1 giảng viên, giáo viên quy đổi

Hệ số quy đổi GV được tính theo Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): **19,9%**.

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): **66,7%**.

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao (%): **81,2%**.

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): **18,8%**.

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm (%):.....

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): **5-10 triệu**.

5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:
Chưa khảo sát

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):...

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: **53/396**.

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: Không.

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: **65/396**.

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: **625/396**.

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: **917/396**.

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: 3,13m² (27.879m²/8922sv)

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: Không

8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Cấp cơ sở giáo dục: **Đạt 85,25%**.

Cấp chương trình đào tạo:

+ CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành Luật: **94%**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh cơ sở giáo dục

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh (tách Trường Đại học Luật trực thuộc Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐTĐHL ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng và phương pháp giảng dạy,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục trường Đại học Luật TP. HCM năm 2021 gồm các ông /bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông /bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà có tên tại Điều 1 và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /m

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐBCL.



Q. HIỆU TRƯỞNG

Trần Hoàng Hải

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM NĂM 2021**

*(Kèm theo Quyết định số 543/QĐ-ĐHL, ngày 21 tháng 5 năm 2021
của Quyền Hiệu trưởng trường Đại học Luật TP.HCM)*

Stt	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Trần Hoàng Hải	Q. Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng
2.	Bùi Xuân Hải	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ
3.	Vũ Văn Nhiêm	Bí thư Đảng ủy Chủ tịch Hội đồng trường	Phó chủ tịch HĐ
4.	Vũ Duy Cương	Giám đốc Trung tâm ĐBCL&PPGD	Thành viên - Trưởng ban Thư ký
5.	Lê Văn Hiến	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Đào tạo	Thành viên
6.	Lê Huỳnh Tấn Duy	Thư ký hội đồng KHĐT	Thành viên
7.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
8.	Phan Lê Hoàng Toàn	Trưởng Phòng Hành chính – Tổng hợp	Thành viên
9.	Hà Thị Thanh Bình	Trưởng Khoa Luật Thương mại	Thành viên
10.	Đỗ Văn Đại	Trưởng Khoa Luật Dân sự	Thành viên
11.	Nguyễn Thị Phương Hoa	Trưởng Khoa Luật Hình sự	Thành viên
12.	Nguyễn Văn Trí	Phó Trưởng Khoa phụ trách Khoa Luật Hành chính – Nhà nước	Thành viên
13.	Nguyễn Thị Thủy	Phó Trưởng Khoa phụ trách Khoa Quản trị	Thành viên
14.	Phan Hoài Nam	Phó Trưởng Khoa Luật Quốc tế	Thành viên
15.	Lê Thị Thúy Hương	Trưởng phòng Quản lý NCKH&HTQT – Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
16.	Phạm Hoàng Minh	Trưởng phòng QT - TB	Thành viên
17.	Nguyễn Thành An	GD. Trung tâm QHDN&HTSV	Thành viên
18.	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên
19.	Trần Hoàng Nga	GD Trung tâm TT-Thư viện	Thành viên
20.	Lê Thị Hoài An	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Tài chính-Kế toán	Thành viên
21.	Vũ Đình Lê	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm tư vấn tuyển sinh	Thành viên
22.	Đào Quốc Hùng	GD Trung tâm Khảo thí	Thành viên



Stt	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
23.	Nguyễn Thành Bá Đại	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
24.	Đặng Tất Dũng	GV Khoa Luật Hành chính Nhà nước - Đại diện giảng viên	Thành viên
25.	Trần Hoàng Gia Nguyên	HS44A – Đại diện sinh viên	Thành viên

(Danh sách gồm có 25 người).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 543/QĐ-ĐHL, ngày 21 tháng 5 năm 2021
của Quyền Hiệu trưởng trường Đại học Luật TP.HCM)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Vũ Duy Cương	Giám đốc Trung tâm ĐBCL&PPGD	Trưởng ban
2.	Nguyễn Thị Thu Thủy	CV Trung tâm ĐBCL&PPGD	Thành viên
3.	Khổng Hương Giang	CVC Trung tâm ĐBCL&PPGD	Thành viên
4.	Phạm Đình Phú	CV Trung tâm ĐBCL&PPGD	Thành viên
5.	Đoàn Xuân Quang	Phó trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp	Thành viên
6.	Hồ Hàn Phong	CV Phòng Hành chính – Tổng hợp	Thành viên
7.	Phan Thị Hiếu	CV Văn phòng Đảng Ủy – Công đoàn	Thành viên
8.	Nguyễn Thị Ái Lê	CV Phòng Hành chính – Tổng hợp	Thành viên
9.	Hồ Nguyễn Tường Vy	CV Phòng Hành chính – Tổng hợp	Thành viên
10.	Mai Thị Thủy	GV Khoa Luật Hình sự	Thành viên
11.	Nguyễn Phương Thảo	GV Khoa Luật Dân sự	Thành viên
12.	Phạm Đặng Khoa	CV Phòng Tài chính-Kế toán	Thành viên
13.	Nguyễn Thu Hương	CV Phòng Tài chính-Kế toán	Thành viên
14.	Nguyễn Thị Ngọc Hào	CV Phòng QT-TB	Thành viên
15.	Đặng Kiều Vy Vy	Tổ trưởng Tổ chuyên môn nghiệp vụ - TT TT – Thư viện	Thành viên
16.	Phạm Tiến Dũng	CV Phòng Đào tạo	Thành viên
17.	Hoàng Hương Giang	GV Khoa Quản trị	Thành viên
18.	Dương Thị Diệu Hiền	CV Phòng Đào tạo SDH	Thành viên
19.	Phạm Thị Minh Hải	GV Khoa Khoa học cơ bản	Thành viên

20.	Phan Thị Thành Dương	Trưởng Bộ môn Thuế - TC – NH - Khoa Luật TM	Thành viên
21.	Nguyễn Tuấn Vũ	GV Khoa Luật Thương mại	Thành viên
22.	Trần Thúy Hồng	CV Phòng quản lý NCKH&HTQT	Thành viên
23.	Lê Ngọc Anh	GV Khoa Luật Dân sự	Thành viên
24.	Vũ Ngọc Mai Hạnh	CV Phòng quản lý NCKH&HTQT	Thành viên
25.	Nguyễn Phương Thảo	GV Khoa Luật Hình sự	Thành viên
26.	Nguyễn Thị Khánh Phương	CV Phòng QL NCKH&HTQT	Thành viên
27.	Lê Thị Nam Giang	GD Trung tâm Sở hữu trí tuệ	Thành viên
28.	Trần Thị Chi Mai	CV Trung tâm QHDN&HTSV	Thành viên
29.	Nguyễn Lâm Bình	CV Trung tâm ĐTNH	Thành viên
30.	Trần Nhật Anh	CV Trung tâm QHDN&HTSV	Thành viên

(Danh sách gồm có 30 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số: 543/QĐ-ĐHL, ngày 21 tháng 5 năm 2021
của Quyền Hiệu trưởng trường Đại học Luật TP.HCM)

Nhóm	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: - Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3	Vũ Văn Nhiêm	Bí thư Đảng ủy Chủ tịch Hội đồng trường	Trưởng Nhóm
	Đoàn Xuân Quang	Phó Trưởng Phòng HC-TH	Thư ký
	Hồ Hàn Phong	CV Phòng HC-TH	Thành viên
	Phan Thị Hiếu	CV Văn phòng Đảng Ủy – Công đoàn	Thành viên
	Nguyễn Thị Ái Lê	CV Phòng HC-TH	Thành viên
Nhóm 2: - Phụ trách tiêu chuẩn 4, 6 - Phần 1: Hồ sơ CSGD - Mục 1, 2	Phan Lê Hoàng Toàn	Trưởng Phòng Hành chính – Tổng hợp	Trưởng nhóm
	Khổng Hương Giang	CVC Trung tâm ĐBCL&PPGD	Thư ký
	Hồ Nguyễn Tường Vy	CV Phòng HC-TH	Thành viên
	Mai Thị Thủy	GV Khoa Luật Hình sự	Thành viên
	Nguyễn Phương Thảo	GV Khoa Luật Dân sự	Thành viên



Nhóm	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 3: Phụ trách các tiêu chuẩn 7, 25	Lê Thị Hoài An	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng TC-KT	Trưởng nhóm
	Phạm Đặng Khoa	CV Phòng TC-KT	Thư ký
	Nguyễn Thu Hương	CV Phòng TC-KT	Thành viên
	Nguyễn Thị Ngọc Hào	CV Phòng QTTB	Thành viên
	Đặng Kiều Vi Vi	Tổ trưởng Tổ chuyên môn nghiệp vụ - TT TT – Thư viện	Thành viên
Nhóm 4: Phụ trách các tiêu chuẩn 5, 14, 22	Lê Văn Hiến	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng đào tạo	Trưởng nhóm
	Phạm Tiến Dũng	CV Phòng Đào tạo	Thư ký
	Hoàng Hương Giang	GV Khoa Quản trị	Thành viên
	Dương Thị Diệu Hiền	CV Phòng Đào tạo SDH	Thành viên
	Phạm Thị Minh Hải	GV Khoa Khoa học cơ bản	Thành viên
Nhóm 5: Phụ trách các tiêu chuẩn 13, 15, 16	Hà Thị Thanh Bình	Trưởng Khoa Luật Thương mại	Trưởng Nhóm
	Nguyễn Thị Thu Thủy	CV Trung tâm ĐBCL&PPGD	Thư ký
	Vũ Đình Lê	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm tư vấn tuyển sinh	Thành viên
	Phan Thị Thành Dương	Trưởng Bộ môn Thuế - TC – NH - Khoa Luật TM	Thành viên
	Nguyễn Tuấn Vũ	GV Khoa Luật TM	Thành viên
Nhóm 6: Phụ trách các tiêu chuẩn 18, 20, 23	Lê Thị Thúy Hương	Trưởng phòng quản lý NCKH&HTQT	Trưởng nhóm
	Trần Thúy Hồng	CV Phòng quản lý NCKH&HTQT	Thư ký
	Lê Ngọc Anh	GV Khoa Luật Dân sự	Thành viên
	Vũ Ngọc Mai Hạnh	CV Phòng quản lý NCKH&HTQT	Thành viên
	Nguyễn Thị Ái Lê	CV Phòng HC - TH	Thành viên
Nhóm 7: Phụ trách tiêu chuẩn 8, 19	Lê Huỳnh Tấn Duy	Thư ký Hội đồng KHĐT	Trưởng nhóm
	Nguyễn Phương Thảo	GV Khoa Luật Hình sự	Thư ký
	Nguyễn Thị Khánh Phương	CV Phòng QL NCKH&HTQT	Thành viên
	Nguyễn Phương Thảo	GV Khoa Luật Dân sự	Thành viên
	Lê Thị Nam Giang	GD Trung tâm Sở hữu trí tuệ	Thành viên

Nhóm	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 8: - Phụ trách các tiêu chuẩn: 9,10,11, 12 - Phần 1, mục 3: Cơ sở dữ liệu KĐCL CSGD - Biên tập, hoàn chỉnh toàn văn báo cáo	Vũ Duy Cường	GD Trung tâm ĐBCL&PPGD	Trưởng nhóm
	Phạm Đình Phú	CV Trung tâm ĐBCL&PPGD	Thư ký
	Nguyễn Thị Thu Thủy	CV Trung tâm ĐBCL&PPGD	Thành viên
	Lê Hoàng Phong	GV Khoa Quản trị	Thành viên
	Nguyễn Trọng Tín	GV Khoa Quản trị	Thành viên
	Nguyễn Quốc Ninh	GV Khoa Quản trị	Thành viên
Nhóm 9 Phụ trách các tiêu chuẩn 17, 21, 24	Nguyễn Thành An	GD. Trung tâm QHDN&HTSV	Trưởng Nhóm
	Trần Thị Chi Mai	CV Trung tâm QHDN&HTSV	Thư ký
	Nguyễn Thành Bá Đại	Bí thư Đoàn trường - CV Phòng CTSV	Thành viên
	Nguyễn Lâm Bình	CV Trung tâm ĐTNH	Thành viên
	Trần Nhật Anh	CV Trung tâm QHDN&HTSV	Thành viên

(Danh sách gồm có 43 người) *ML*



Phụ lục 2A. Quyết định bổ sung thành viên hội đồng TĐG CSGD

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM**

Số: 560/QĐ - ĐHL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh (tách Trường Đại học Luật trực thuộc Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐTĐHL ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng và phương pháp giảng dạy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục trường Đại học Luật TP. HCM năm 2021 được thành lập theo Quyết định số 543/QĐ-ĐHL ngày 21/5/2021, gồm có:

1. TS. Lê Trường Sơn – Phó Hiệu trưởng – Phó Chủ tịch hội đồng
2. PGS.TS. Trần Việt Dũng – Trưởng Khoa Luật Quốc tế - Thành viên

Điều 2. Các thành viên có nhiệm vụ cùng Hội đồng triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà có tên tại Điều 1 và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐBCL.

Q. HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Hải

PHỤ LỤC 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 382/KH - ĐHL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HCM NĂM 2021

1. Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá cơ sở giáo dục (CSGD) là hoạt động nhằm:

- + Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường;
- + Khắc phục các điểm hạn chế theo các khuyến nghị trong các đợt đánh giá ngoài CSGD trước đây;
- + Để tiếp tục đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá toàn diện các hoạt động của trường ĐH Luật TP.HCM trong chu kỳ 5 năm theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

Chu kỳ đánh giá: Năm 2017 → 2021

3. Công cụ đánh giá

Công cụ đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ban hành kèm theo Thông tư 12/2017/ TT – BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn gồm có:

- + Công văn số 766/QLCL – KĐCLGD ngày 20/4/2018 về hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học.
- + Công văn số 1668/QLCL – KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo công văn số 768/QLCL-KĐCLGD.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá.

Hội đồng tự đánh giá CSGD trường ĐH Luật TP.HCM được thành lập theo Quyết định số: 543/QĐ – ĐHL, ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Quyền Hiệu trưởng trường Đại học Luật TP.HCM, Hội đồng gồm có 25 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện.

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí (111 tiêu chí)	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	5	Nhóm 1 do PGS.TS Vũ	Các Nhóm chủ động lên kế hoạch



Tiêu chuẩn	Số tiêu chí (111 tiêu chí)	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
<i>Tiêu chuẩn 2: Quản trị</i>	4	Văn Nhiêm – Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường phụ trách	thu thập thông tin và minh chứng để phục vụ cho việc viết báo cáo nhưng phải đảm bảo đúng lịch trình chung của Trường
<i>Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý</i>	4		
<i>Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược</i>	4	Nhóm 2: Do Ths Phan Lê Hoàng Toàn – Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp phụ trách	
<i>Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực</i> - Phần I: Hồ sơ CSGD - Mục 1, 2	7		
<i>Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	5	Nhóm 3 Do Bà Lê Thị Hoài An – Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Tài chính – Kế toán phụ trách	
<i>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</i>	2		
<i>Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.</i>	4	Nhóm 4 Do Ths Lê Văn Hiến – Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Đào tạo	
<i>Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học</i>	5		
<i>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</i>	4		
<i>Tiêu chuẩn 13 Tuyển sinh và nhập học</i>	5	Nhóm 5: Do PGS.TS Hà Thị Thanh Bình – Trưởng Khoa Luật Thương mại phụ trách	
<i>Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập</i>	5		
<i>Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học</i>	4		
<i>Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH</i>	4	Nhóm 6: Do TS Lê Thị Thúy Hương – Trưởng Phòng quản lý NCKH&HTQT phụ trách	
<i>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH</i>	4		
<i>Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH</i>	6		
<i>Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối</i>	4	Nhóm 7 Do TS Lê Huỳnh	

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí (111 tiêu chí)	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
<i>ngoại</i>		Tân Duy – Thư ký Hội đồng KHĐT phụ trách	
<i>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</i>	4		
<i>Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i>	6	Nhóm 8: Do Ths Vũ Duy Cương – GD Trung tâm ĐBCL&PPGD phụ trách	
<i>Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	4		
<i>Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>	4		
<i>Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng</i>	5		
<i>Phần 1, mục 3: Cơ sở dữ liệu KĐCL CSGD</i> <i>Biên tập, hoàn chỉnh toàn văn báo cáo TĐG</i>			
<i>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i>	4	Nhóm 9 Do ông Nguyễn Thành An – GD Trung tâm QHĐN&HTSV phụ trách	
<i>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng</i>	4		
<i>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</i>	4		

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

5.1. Nhân lực

Ngoài Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định, tùy vào tính chất công việc thực tế các Nhóm có thể huy động thêm các cán bộ, giảng viên và sinh viên từ các phòng ban chức năng, các lớp đang học tại trường để thực hiện nhiệm vụ chung và thông báo lại cho Thư ký Hội đồng TĐG.

5.2. Cơ sở vật chất

Trong quá trình thực hiện hoạt động TĐG chương trình đào tạo, các Nhóm được phép sử dụng các cơ sở vật chất hiện có của nhà trường và đề xuất phòng Quản trị - Thiết bị cung cấp thêm các văn phòng phẩm để thực hiện nhiệm vụ.

5.2. Tài chính

Kinh phí cho công tác Tự đánh giá cơ sở giáo dục được duyệt chi trên bản dự toán riêng.

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài trường

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có. (nếu các Nhóm cần thu thập thông tin từ bên ngoài thì xây dựng kế hoạch và đề xuất nguồn lực, kinh phí gửi về Thư ký Hội đồng TĐG trước khi thực hiện)

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

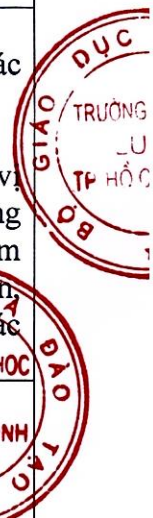
Trong quá trình thực hiện hoạt động Tự đánh giá căn cứ vào tình hình thực tế Trung tâm ĐBCL&PPGD đề xuất chuyên gia hỗ trợ (nếu cần thiết) và lập kế hoạch đề xuất riêng trình Hội đồng Tự đánh giá thông qua.

8. Thời gian biểu (*)

Thời gian thực hiện tự đánh giá CSGD (khoảng 6→ 8 tháng: Dự kiến sẽ tiến hành từ tháng 5 → tháng 12/2021), trong trường hợp cần thiết có thể kéo dài thời gian thêm 2 tháng, theo lịch trình tham khảo sau:

Thời gian	Các hoạt động	Đơn vị chủ trì và phối hợp
3 tuần (Từ ngày 10/5 đến ngày 28/5)	<ol style="list-style-type: none"> Họp Lãnh đạo trường và AQAC để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CSGD. Lãnh đạo trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CSGD. Hội đồng tự đánh giá thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cho các thành viên; Xây dựng bản dự thảo kế hoạch tự đánh giá CSGD. Công bố kế hoạch tự đánh giá, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng Phổ biến hoạt động tự đánh giá CSGD đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan trong toàn trường; 	Chủ trì: - Ban Giám hiệu - Trung tâm ĐBCL&PPGD (AQAC) Phối hợp: - Thành viên Hội đồng TĐG - Ban Truyền thông
2 tuần (Từ ngày 31/5 đến ngày 11/6)	Tổ chức các hoạt động về tập huấn phục vụ cho viết báo cáo TĐG: <ol style="list-style-type: none"> Tổ chức Hội nghị tổng quan về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho thành viên Hội đồng TĐG và các Nhóm công tác chuyên trách. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Phân loại và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 	Chủ trì: - AQAC - Chuyên gia (nếu cần) Phối hợp: - Thành viên Hội đồng TĐG, các Nhóm công tác chuyên trách - Phòng Quản trị thiết bị

Thời gian	Các hoạt động	Đơn vị chủ trì và phối hợp
	4. Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá, các viết báo cáo	- Ban Truyền thông
<p align="center">2 Tuần (Từ ngày 14/6 đến ngày 24/6)</p>	<p>Các Nhóm tiến hành thu thập minh chứng và tài liệu phục vụ cho việc viết báo cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất lên Hội đồng TĐG nếu cần phải thu thập thông tin, minh chứng bên ngoài (nguồn minh chứng, cơ quan (đơn vị) cần thu thập, nhân sự thực hiện và kinh phí) 	<p>Chủ trì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - AQAC <p>Phối hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng TĐG - Tất cả các đơn vị trong toàn trường có trách nhiệm cung cấp thông tin, minh chứng khi các Nhóm yêu cầu.
<p align="center">9 Tuần (Từ ngày 28/6 đến ngày 20/8)</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (tiếp tục thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết). 	<p>Chủ trì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các Nhóm công tác chuyên trách <p>Phối hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các đơn vị trong toàn trường có trách nhiệm cung cấp thông tin, minh chứng khi các Nhóm yêu cầu
<p align="center">1 Tuần (Từ ngày 23/8 đến ngày 27/8)</p>	<p>Hội đồng tự đánh giá CSGD:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo. 2. Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. 3. Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được. 4. Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung. 5. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CSGD. 	<p>Chủ trì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng TĐG - AQAC <p>Phối hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các đơn vị trong toàn trường có trách nhiệm cung cấp thông tin, minh chứng khi các Nhóm yêu cầu
<p align="center">4 Tuần (Từ ngày 30/8 đến ngày 24/9)</p>	<p>Hội đồng tự đánh giá CSGD:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (các thành viên đóng góp ý kiến). 2. Công bố bản dự thảo báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý) trong nội bộ Trường. 3. Cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá. 	<p>Chủ trì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng TĐG - AQAC <p>Phối hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên có đóng góp ý kiến cho báo cáo



Thời gian	Các hoạt động	Đơn vị chủ trì và phối hợp
	4. Nhóm nghiên cứu độc lập rà soát dự thảo báo cáo tự đánh giá, đưa ra các khuyến nghị cần thiết.	
2 Tuần (Từ ngày 27/9 đến ngày 8/10)	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng tự đánh giá CSGD: <ul style="list-style-type: none"> Họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến góp ý và khuyến nghị. Đề xuất những cải tiến về đảm bảo chất lượng. Thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CSGD ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá. Hiệu trưởng ký tên vào bảng tổng hợp kết quả trong báo cáo tự đánh giá. 	Chủ trì: - Hội đồng TĐG - AQAC
1 Tuần (Từ ngày 11/10 đến ngày 15/10)	<ol style="list-style-type: none"> Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ GDĐT. Trường công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường) Thực hiện bảo quản báo cáo tự đánh giá, các thông tin, minh chứng theo quy định. 	Chủ trì: - Hội đồng TĐG - AQAC Phối hợp: - Trung tâm Thông tin – Thư viện
1 Tuần (Từ ngày 18/10 đến ngày 22/10)	<ol style="list-style-type: none"> Thực hiện việc cải tiến chất lượng theo các kế hoạch hành động. Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức KĐCLGD. 	Chủ trì: - Hội đồng TĐG - AQAC Phối hợp: - Các đơn vị trong toàn trường.

(*): Lịch trình cụ thể hoạt động Tự đánh giá CSGD có thể thay đổi tùy thuộc vào công việc thực tế của Nhà trường. Tuy nhiên phải đảm bảo trễ nhất đến tháng đến T12/2021 phải hoàn thành Báo cáo Tự đánh giá CSGD để đăng ký KĐCL.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Trách nhiệm của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

- Hội đồng tự đánh giá: Hội đồng tự đánh giá CSGD có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc và triển khai các công tác tự đánh giá; tham gia phản biện, nghiệm thu và đánh giá mức độ đạt được của báo cáo tự đánh giá CSGD; tư vấn cho Lãnh đạo trường về các biện pháp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động của của Nhà trường.

- Ban Thư ký: giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá.

- Các Nhóm công tác chuyên trách: Tham gia tập huấn tự đánh giá CSGD; tổ chức thu thập minh chứng, viết báo cáo tiêu chí/tiêu chuẩn theo đúng kế hoạch về thời gian và đảm bảo chất lượng; tham gia bảo vệ tiêu chí/tiêu chuẩn trước Hội đồng tự đánh giá; thực hiện các

nhiệm vụ, yêu cầu theo nội dung phản biện của Hội đồng; đề xuất với Hội đồng tự đánh giá các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo CSGD.

7.2. Trách nhiệm của Trung tâm ĐBCL&PPGD

- Giúp cho Lãnh đạo nhà trường trong việc tư vấn hoạt động tự đánh giá CSGD;
- Tư vấn, hướng dẫn các Nhóm chuyên trách, các đơn vị trong Nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá CSGD;
- Đôn đốc, giám sát thực hiện công tác tự đánh giá và báo cáo tiến độ cho Lãnh đạo nhà trường;
- Phối hợp với các đơn vị trong toàn trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, giám sát hoạt động cải tiến chất lượng CSGD và báo cáo kết quả cải tiến cho Lãnh đạo nhà trường.

7.4. Trách nhiệm các đơn vị trong toàn Trường

- Phổ biến hoạt động tự đánh giá CSGD đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị và sinh viên thuộc Khoa;
- Phối hợp với Trung tâm ĐBCL&PPGD trong công tác tự đánh giá CSGD: cung cấp thông tin, minh chứng cho các Nhóm chuyên trách khi được yêu cầu; biên soạn các văn bản theo lĩnh vực được Hiệu trưởng phân công nhằm đáp ứng bộ tiêu chuẩn KĐCL cơ sở giáo dục;
- Triển khai thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng được phân công cho đơn vị.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác Tự đánh giá cơ sở giáo dục nhằm phục vụ cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục của Trường Đại học Luật TP. HCM. Hiệu trưởng yêu cầu lãnh đạo các đơn vị nghiêm túc triển khai nội dung và thực hiện theo đúng kế hoạch đã quy định. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị liên hệ Trung tâm ĐBCL&PPGD để được hướng dẫn cụ thể. /s/

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị thuộc trường;
- Lưu VT, ĐBCL.

